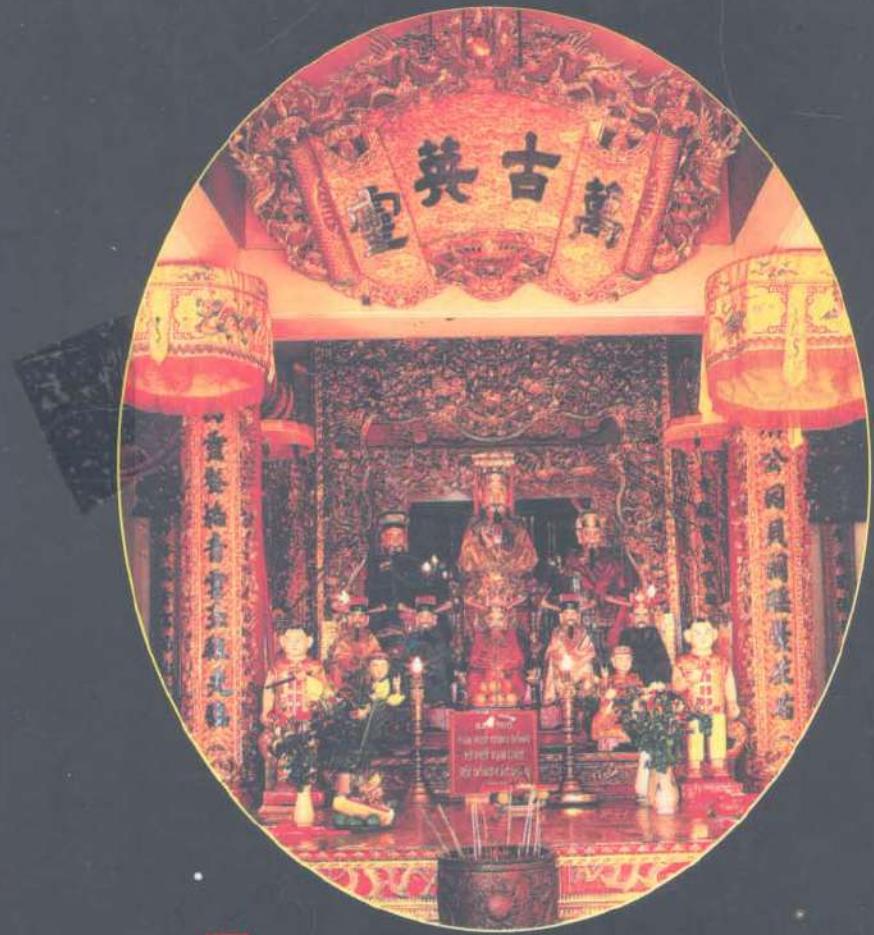


# 3000

## HOÀNH PHI CÂU ĐỐI HÁN NÔM



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

**3000**  
**HOÀNH PHI CÂU ĐỐI**  
**HÁN NÔM**

**3000**  
**HOÀNH PHI CÂU ĐỐI**  
**HÁN NÔM**  
**漢喃橫批對聯三千副**

*Chủ biên*  
TRẦN LÊ SÁNG

*Biên soạn*  
TRẦN LÊ SÁNG PHẠM ĐỨC DUẬT  
PHẠM KỲ NAM NGÔ VƯƠNG ANH (*Thư ký*)

*Hà Nội, Chiều*  
3.7.08

*Leah*  
-NPM-

---

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN**  
**HÀ NỘI - 2002**

文章為錦繡  
學問是金銀

陳黎創書

壬午年春

祖国壮雄英战绩功成铭青史

江山新喜色富强幸福许年天

桐江范德裔書

冬春

對天然感作 · 奇楠書

東日堪稱笑傲孤松當寒冷

騎清  
偉騷

松梅

春天可愛清騷瘦梅帶玉霜冽霜

東坡居士

大德無以行  
雙而進

元祐六年正月一日蘇軾書



Hội đồng Biên soạn

*Ảnh: Vương Anh*

## THAY LỜI TỰA

Hoành phi 橫披 vốn là bức thư họa 書畫 (tranh chữ), có khi còn gọi là Hoành 橫, là Biển 匹; hoặc gọi là Biển ngạch 匹額, Bài biển 牌匾; dùng để treo phía trên bình phong 雋風 trong phòng sách, hoặc treo ở nhà mát trong vườn hoa... Về sau, Hoành phi được viết là 橫批<sup>1</sup>, được dùng rộng rãi hơn.

Ở ta, hoành phi có thư họa, có treo để thờ. Hoành phi thư họa tự viết hoặc xin chữ người khác, để vừa thường thức chữ vừa tự nhắc nhớ mình về một tín niệm gì đó. Loại hoành phi này thường treo hoặc dán ở phòng khách, phòng sách, phòng ở. Đại thể thường viết là: Tích thụ kim hoa, Xuân hòa cảnh lệ, Xuân phong mặc vận, Xuân thị ngã, Lan thất hương, Thụ đức, Chính tâm v.v... Nhưng trong thực tế, phần lớn các gia đình bút nghiên thường nghèo, nhà chật, không có phòng riêng rộng, vì vậy người ta không chơi hoành phi nữa mà chơi đại tự; chữ treo, dán chỉ một chữ, thường là chữ hòa, chữ tâm, chữ nhẫn, chữ đức v.v... Nhưng hoành phi ở ta chủ yếu là để treo ở những nơi thờ cúng như ở nhà thờ họ; ở đình, chùa, đền, miếu, quán...

Ở nhà thờ họ: Thường họ để trước, sau là chữ từ đường, hoặc tộc từ đường. Ví dụ:

Nguyễn từ đường 阮祠堂

Nguyễn tộc từ đường 阮族祠堂

Nếu có sự tích thì thêm hoành phi khác, như:

Quang khuê tảo 光奎藻

Hoành phi ở đình: Thường là tên đình; tiếp đến là:

Thánh cung vạn tuế 聖躬萬歲

<sup>1</sup> Chữ phi 批 này có khi đọc là phê: phê bình 批評.

Uy mạc trắc 威莫測

Đức nan danh 德難名

Hoành phi ở chùa: Thường là tên chùa; tiếp đến là:

Tử vân biến phú 慈雲遍覆

Hoằng khai phật đạo 弘開佛道

Vạn pháp quy tâm 萬法歸心

Hoành phi ở đền: Thường là tên đền; tiếp đến là:

Thượng đẳng linh từ 上等靈祠

Phối thiên kỳ trạch 配天其澤

Cao sơn cảnh hành 高山景行<sup>1</sup>

Hoành phi ở miếu: Giống hoành phi ở đền; nhưng ở Văn miếu, Võ miếu, Y miếu thì có khác; đặc biệt, ở miếu thờ Mẫu thì thường là:

Khôn nghi tại 坤儀在

Mẫu nghi thiên hạ 母儀天下

Thiên hạ mẫu 天下母

Mai hoa cung quang 梅花宮廣

Hoành phi thờ Tổ các nghề cũng có nét riêng:

Nam giao học tổ 南郊學祖

Viên nhi thần 圓而神<sup>2</sup>

Viên cơ hoạt pháp 圓機活法<sup>3</sup>

Hoành phi ở quán: Quán ở đây là quán Đạo. Quán Đạo ở ta nay còn một số quán như Bích Câu quán, Chân Vũ quán, Huyền Thiên quán, Đồng Thiên quán, Đề Thích quán v.v... Hoành phi thường thấy là:

Thiên thượng xưng thần 天上稱神

Phản Kinh tại hội 芬經在會

V.v...

<sup>1</sup> Hoành phi ở đền Hùng, có nghĩa là: Núi cao đạo lớn.

<sup>2</sup> Hoành phi thờ Tổ của họ tiên ở Thiết Trụ, Bình Minh, Châu Giang.

Nội dung của hoành phi là nganiem túc, dù hoành phi để ở nhà thờ hay hoành phi để ở nhà riêng cũng vậy. Thế nhưng dần dần, hoành phi cũng trở thành sinh hoạt văn hóa bình thường trong dân gian và cũng có chuyện vui<sup>1</sup>.

\*

\* \* \*

Câu đối còn gọi là Doanh thiếp 檻帖, Doanh liên 檻聯, Đối liên 對聯. Doanh là cột, thiếp là tờ giấy, liên là liên kết; đối là dì đối, song song, một cặp đối xứng. Nhân dân ta rất thích câu đối, hai chữ Câu đối là chữ của bà con ta. Thời xưa, Câu đối (Đối liên), còn được gọi là liên, là liên. Liên là hai tấm giấy, hoặc vóé, lụa dài dùng để viết câu đối, có nẹp trực để cuộn. Vào ngày đầu năm mừng Tết, mừng xuân mừng Đảng; hoặc khi đám cưới, sinh con... đều có câu đối. Vui vì cảnh đẹp, ca ngợi đất nước, dân tộc, dòng họ; tuyên dương sự học, tuyên dương đạo nghĩa... đều có câu đối. Trong đình, đền, miếu, chùa, quán, lăng tẩm, nhà học, di tích... càng phải có câu đối. Chúc thọ, chúc nhà mới, cơm mới, cửa hàng mới, thờ Tổ ngành nghề, thi đỗ, thi hỏng...

<sup>1</sup> Chuyện kể rằng, có làng buôn mang lễ vật đến xin cu Tam nguyên Yên Đổ (Nguyễn Khuyến) bức hoành phi để treo ở đình, cầu buôn bán phát đạt. Cụ lấy bút viết bốn chữ Nhị đại tự, trông giống như bốn cái hùm. Làng buôn không hiểu, xin Cụ viết cho bức khác. Cụ bảo: Chẳng còn chữ nào hay hơn nữa. Làng buôn thắc mắc, sao bức hoành phi lại rặt các chữ Nhị 犁. Cụ nói: Làng dì buôn là mong có lãi; sách Tam tự kinh dạy rằng: "Nhất nhì thập, thập nhì bách, bách nhì thiên, thiên nhì vạn"; chẳng phải làng được "Một rồi mười, mười rồi trăm, trăm rồi nghìn, nghìn rồi vạn" đấy ư ! Lại có chuyện rằng, làng Đặng Xá dựng đình, cho người đến xin cụ Tam bức hoành phi để thờ Thành hoàng. Cụ viết bốn chữ Quang bị tứ biếu 光被四表. Bốn chữ này lấy ở thiên Nghiêu diễn, chương Ngu thư, sách Thượng thư (Kinh Thư); có nghĩa là Đức sáng khắp bốn cõi. Nhưng làng này lại là làng làm nghề hàng xáo; bức hoành Quang bị tứ biếu hiếu theo nghĩa Nôm lai là Quang dây bị dòi khắp bốn phương, tức việc dân làng này quang bá [1] các nơi mua thóc về làm hàng xáo vậy.

cũng có câu đối. Phúng viếng cũng không thiếu được câu đối phúng (văn). Đến giao thiệp, ứng xù, ngoại giao... vẫn rất cần câu đối; v.v... Câu đối phải được kể là một trong những loại hình văn hóa rất phổ biến ở nước ta.

Câu đối hòa hợp một cách sâu sắc nhất, hài hòa nhất giữa văn chương kinh viện với văn học bình dân. Đặc biệt, có lẽ hơi khác với các loại hình văn học khác, câu đối nước ta hình như không phải đi từ truyền miệng đến thành văn, mà ngược lại, chuyển từ thành văn sang truyền miệng. Bỏ qua một giai đoạn rồi lại gia vào một giai đoạn, điều đó là nhờ có sẵn các điều kiện vậy. Nhưng đó là dưới dạng lý luận, còn trong thực tế, các giai đoạn nói trên cứ xen kẽ lẫn nhau. Nhìn chung, câu đối nước ta có loại đầy điển tích kinh điển, có loại vừa vừa, có loại viết như nói. Có không ít những đôi câu đối viết cầu kỳ, song cũng có không ít những đôi viết mộc mạc; có câu viết để treo, để dán; nhưng cũng có câu chỉ đọc, xong thôi. Câu đối có thể là viết để cung kính biếu tặng, có thể viết để cho, thậm chí bắt lấy, bắt nghe. Câu đối có thể xin, nhưng có khi phải mua. Giống như tranh dân gian, câu đối cũng có thể là hàng hóa, bày bán ở chợ, viết bán theo yêu cầu của khách... Hình thức thật muôn màu muôn vẻ, xen kẽ trăm mối, khó nói sao hết được văn hóa câu đối muôn hồng nghìn tía trong sinh hoạt của nhân ta.

Chúng ta thử điểm một số nét chính về nội dung và nghệ thuật của câu đối nước ta:

Trước hết, nói đến câu đối là phải nói đến câu đối Tết:

*Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ;*

*Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh.*

*Có là bao! Ba vạn sáu ngàn ngày, được trăm cái Tết;*

*Ước gì nhỉ! Một năm mười hai tháng, cả bốn mùa Xuân.*

Hoặc chữ Hán thì có:

*Số điểm đào hoa tri vân tuế;*  
*Nhất hương địa bình báo tân xuân.*

(Mấy đoá hoa đào hay tết đến;  
Một làn bếp bánh báo xuân về)

*Đào lý mặn viên tân phú quý;*  
*Xuân huyền lưỡng thụ cựu xuân thu.*  
(Con cháu đầy nhà thèm phú quý;  
Mẹ cha hai vị vẫn vui tươi)

Đó là kiểu câu đố Tết thời xưa, nay thì tư duy đã đổi mới:

*Vẽ bức tranh Xuân: lợn béo gà to ưng ý vợ;*  
*Đề câu đố Tết: khoai sai lúa tốt đẹp tinh chồng.*

*Bài hát Kết đoàn, Bác bắt nhịp núi sông cùng hát;*  
*Câu thơ Chúc tết, Người gieo vẫn đất nước càng thơ.*  
*Rộn rã Xuân về, đất nước đón chào thời đổi mới;*  
*Mừng vui Tết đến, non sông hoan hỉ buổi canh tân.*

*Ất Mão xuân liên ca thống nhất;*  
*Bính Dần doanh thiếp khánh canh tân.*  
(Ất Mão (1975) câu đố tết vui ca tổ quốc thống nhất;  
Bính Dần (1986) câu đố chúc mừng đất nước đổi mới)  
*Hoa mộc Xuân vũ diệu;*  
*Phúc y Đảng ân sinh.*  
(Hoa tím mưa Xuân nở;

Phúc nhờ Đặng mà sinh)

v.v...<sup>1</sup>

Tết xưa, tết nay, màu sắc có hơi khác; câu đối Tết cũng có dối mới; song cốt lõi vẫn là vui Tết mà viết. Báo chí nước ta, chỉ có dịp Tết mới in câu đối; câu đối với Tết có duyên nợ gắn bó đến như vậy. Thời xưa (và rồi cả gần đây), cứ mỗi dịp Tết về, các ông đồ (và gần đây thì có cả bà đồ) lại bầy mực tàu giấy bắn ra chỗ đông người để viết câu đối phục vụ mọi người. Tết mà thiếu câu đối thì hình như chưa đủ Tết; nhưng cũng vì vậy, có khi nhân dịp Tết người ta dán câu đối để bộc bạch tình cảm của riêng mình, tình cảm đó chủ yếu là tình cảm đối với Tết, nhưng cũng có khi lấy Tết để nói việc khác. Việc nhỏ là vui buồn cá nhân, việc lớn là vui buồn có tầm xã hội, quốc gia... Chính vậy mà nội dung câu đối Tết rất phong phú, điều đó khó dùng lời mà nói hết được, mong bạn đọc xem sách này rồi tự tìm hiểu thêm.

Câu đối nước ta cũng dành nội dung không nhỏ cho việc ngợi ca cảnh sắc đất nước, danh lam thắng tích nơi nơi:

*Trường Sơn núi cao, Trường Sa đảo nhỏ; từ đây tới đó, đất  
đai ta muôn thuở vẹn toàn;*

*Cà Mau bãi rộng, Lạng Sơn rừng dầy; ngoài Bắc trong Nam,  
non nước cũ ngàn năm thống nhất.*

*Lăng tẩm từ năm nào, núi Tân sông Đà, non nước vẫn quay  
về đất tổ;*

*Văn minh dương buồi mới, con Hồng cháu Lạc, giống nòi còn  
biết nhớ mộ ông.*

*Cửa phật mở mang, bia đá ghi tên chùa Bích Động;*

*Sân trời mát mẻ, chuông vàng rực tiếng cảnh Linh Lâu.*

<sup>1</sup> Phần lớn các câu đối dân trong bài này đều có ở phần văn bản.

*Đỗ đào Nhật Tân, đỗ sóng sông Hồng; xuân đẹp thế, nét xuân  
Hà Nội;*

*Xanh nước Hồ Tây, xanh cây Hoàn Kiếm; tết vui thay, về dẹp  
Thăng Long.*

Câu đối chữ Hán viết về phong cảnh lại càng nhiều:

*Trấn Quốc diêm truyền, Nhị nguyệt Nùng vân danh thăng  
địa;*

*Yên Hoa hưng đở, Âu phong Á vũ thái bình thiêng.*

(Trấn Quốc đẹp truyền, trăng sông Nhị, mây núi Nùng, đất  
danh thăng;

*Yên Hoa hưng vận, gió châu Âu, mưa châu Á, trời thái bình).*

*Địa ái Nậm Sơn, dài viết linh, chiểu viết linh, Vạn An thăng  
cảnh;*

*Đàn danh Niệm Thiện, trắc hồ thử, giáng hồ thử, thiên cổ  
linh tú<sup>1</sup>.*

(Đất quý Nậm Sơn, dài rặng thiêng, ao rặng thiêng, Vạn An  
cảnh đẹp;

*Đàn lừng Niệm Thiện, lên nơi đó, xuống nơi đó, ngàn thuở  
đền thiêng)*

*Vạn Kiếp hữu sơn gai kiếm khí*

*Lục Đầu vô thủy bất thung thanh*

*(Ở Vạn Kiếp, có núi át đều có khí kiếm;*

*Nơi Lục Đầu, không sông nào không có tiếng đóng cọc)*

*Hùng Linh thiên thu tiên chinh khí;*

---

<sup>1</sup> Câu đối ở chùa Nậm Sơn, xã Vân Diên, Nam Đàn, Nghệ An. Không có trong bộ sách này.

*Thao Giang nhất trận chấn kỳ công.*

(Hung Linh ngàn thu nêu chính khí;

*Thao Giang một trận dấy kỳ công)*

V.v...

Ở Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội), hiện còn giữ được gần ba nghìn bản Thần tích bằng chữ Hán; tương ứng với số Thần tích ấy là số nơi thờ thần ở các nơi; mà những nơi này mới chỉ kể từ Nghệ An trở ra, nếu tính cả nước thì nhiều hơn nhiều. Đó mới chỉ là nơi thờ thần; các chùa, quán, tháp và các di tích khác chưa kể; nếu kể gộp lại thì con số phải rất lớn. Ở những nơi này thường có câu đối, các cơ quan hữu quan hiện đang cố gắng sưu tầm, sau này có dịp, chúng ta có thể được đọc những bộ câu đối dành riêng cho nội dung về phong cảnh, di tích danh thắng.

Ngoài hai nội dung trên, người xưa làm câu đối còn có một yêu cầu không thể thiếu được; đó là việc biểu dương công đức người trước, ca ngợi thành tích người đương thời, khuyến khích điều thiện. Nói chung, đây là loại câu đối có nội dung về phương diện học tập, tu dưỡng. Loại câu đối này có ở khắp các đình, đền, chùa; và đặc biệt ở các nhà thờ họ, ở các văn chỉ, văn miếu các nơi. Chúng tôi chỉ xin dẫn một số câu:

*Đức đại an dân, tâm đồng thiên cổ thịnh;*

*Hùng triều hộ quốc, đức hóa vạn niên tư<sup>1</sup>.*

(Đức lớn yên dân, lòng cùng ngàn xưa thịnh;

*Hùng triều giúp nước, đức hóa vạn năm thờ*)

*Thiện báo, ác báo, trì báo, tốc báo; chung tu hưu báo;*

*Thiên tri, địa tri, nhĩ tri, ngã tri; hà vị vô tri<sup>2</sup>.*

<sup>1</sup> Câu đối đình Mộ Chu, phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, Phú Thọ.

<sup>2</sup> Các câu đối dẫn có trong sách này, chúng tôi không chú.

(Thiện báo, ác báo, chật báo, nhanh báo; đến cùng đều có báo;

Trời biết, đất biết, anh biết, tôi biết; sao bảo không ai biết)

*Huynh hữu đệ cung, nãi quân tử tu thân chi bản;*

*Lễ môn nghĩa lộ, vi đại nhân thiệp thế chi phương.*

(Anh hiền em kính, ấy cái gốc tu thân của người quân tử;

Lễ theo nghĩa giữ, đây là phương pháp vào đời của bậc đại nhân)

*Phúc địa tâm diền nghi mỹ quả;*

*Hiền tôn hiếu tử túc danh hoa.*

(Đất phúc ruộng tâm nên quả đẹp;

Cháu hiền con thảo được hoa thơm)

*Tổ công tông đức thiên niên thịnh;*

*Tử hiếu tôn hiền vạn đại xương.*

(Công tổ đức tông ngàn năm thịnh;

Con hiếu cháu hiền vạn đời lên)

*Đạo nhược lộ nhiên, đặc kỳ môn nhi nhập;*

*Thánh túc thiền dã, bất khả giao nhi thăng.*

(Đạo tựa lối đi, được đường thì vào;

Thánh túc trời vậy; chẳng thể leo mà lên)

V.v... Nếu chia tỷ mỷ hơn, câu đối có nội dung học tập, tu dưỡng còn có thể xếp theo loại thờ thành hoàng, văn miếu, văn chỉ, Văn Xương Đế, vũ miếu, Vũ Đế, Đức Thánh Trần, điện Mẫu, dược miếu,

quán các (chia ra nhiều loại), chùa tháp (cũng chia ra nhiều loại), huệ phúc, cầu tự, thủy thần, tài thần, nhà thờ họ (chia làm nhiều bậc); ngoài ra, từ ngoài vào còn xếp thành mâm liên, tiền, trung, hậu v.v...; mỗi nơi lại có nội dung hơi khác.

Cuối cùng chúng tôi muốn nói đến loại câu đối có nội dung chúc mừng, thăm viếng.

Câu đối chúc mừng:

*Hơn bảy chục năm qua, có Đảng dẫn đường, dân tộc Việt  
ngang đầu cùng bốn biển;*

*Ngoài năm lăm thu ấy, bắc Hồ chỉ lôi, nước non Hồng rạng  
mặt với năm châu.*

Xưa, câu đối chúc mừng gọi là Khánh hạ liên; cuối lạc khoản thường có hai chữ *Trang hạ*. Nhân dân ta có tập quán là anh em bà con, ban bè, xóm giềng có việc vui thì đến chúc mừng, trong lễ mừng có câu đối. Có khi mình tự mừng mình. Câu đối mừng có thể tự viết, cũng có thể nhờ người khác viết (gọi là xin câu đối); hoặc ra phố mua.

Mừng ông Tiên chỉ:

*Dám công danh có chí thì nên, ơn lang giầy trắng, ơn vua  
giầy vàng, chiếu trung đình ngát ngưởng ngồi trên; ngồi Tiên  
chỉ cũng là rất đáng;*

*Nhờ phúc ám sông lâu lão, anh cả bàn năm, anh hai bàn  
sáu, đàn tiểu tử xênh xang múa trước, tranh Tam da ai khéo  
vẽ nên.*

(Nguyễn Khuyến)

Mừng thi đỗ:

*Nhi giáp do nǎng khôi, đề phǎm bát hư danh hạ sĩ;*

*Nhất bảng tinh tú đệ, giang sơn tăng lão nhẫn trung nhân<sup>1</sup>.*

(Đỗ Nhị giáp như đỗ đầu, tiếng đồn hay chữ quả không sai;

Một bảng đều cho đỗ cả, sông núi mắt đã quen lâu rồi)

*Khoa lăng đăng long môn, thâm tuyệt chúng lưu cao tuyệt linh;*

*Khoa hoa đào quỳnh uyển, hoàng vi thu cúc, bạch vi mai<sup>2</sup>.*

(Cá chép vượt sóng lên cửa rồng, đương ở chỗ vực sâu vọt lên đỉnh núi;

Xem hoa đến vườn quỳnh, sắc vàng là thu cúc, sắc trắng là hoa mai)

*Xảo tá thiên công, quyết tá thiên công, trực tương tân khổ thi tài hoa, cơ cơ phụ bát thập niên tiền thư kiếm trái;*

*Kỳ đích nhân vật, khoái đích nhân vật, nghī bả văn chương hoàn tạo hóa, hảo hảo khan thiên vạn lý ngoại phong vân trình<sup>3</sup>.*

(Khéo là thơ trời, giả dối thơ trời, cứ đem cay dǎng thử tài hoa, thiếu chút phụ nợ kiếm thư ngoài tầm mươi tuổi;

Lạ thay cho ông, vui thay cho ông, thích lấy văn chương trả nợ đời, vừa đúng lúc xem đường mây trên ngàn muôn dặm).

<sup>1</sup> Câu đố Vũ Phạm Hàm mừng Nguyễn Thượng Hiền đỗ Hoàng giáp. Ý nói Nguyễn Thượng Hiền được tiếng hay chữ, nhưng thực ra chỉ đáng đỗ Thứ hai.

<sup>2</sup> Câu đố Nguyễn Thượng Hiền mừng Vũ Phạm Hàm đỗ Thám hoa. Vũ Phạm Hàm và Nguyễn Thượng Hiền đỗ cùng khoa Nhâm Thìn (1892). Câu này ý nói Vũ Phạm Hàm xuất thân hén kém, mà nay vượt lên được. Còn việc mình đỗ hạng Thứ thì cũng như các loài hoa; hoa cúc màu vàng, hoa mai màu trắng, đều đẹp cả.

<sup>3</sup> Phan Bội Châu mừng Đoàn Tử Quang, 82 tuổi thi đỗ Cử nhân. Khoa thi ấy (Canh Tý - 1901), Phan Bội Châu đỗ Thủ khoa.

Mừng đám cưới:

*Mừng cháu xe duyên, tình đôi lứa trăm năm hòa hỷ;  
Chúc con có bạn, nghĩa đá vàng muôn thuở sắt son.*

Chữ Hán:

*Hoa đường sơ vịnh Thư Lân cũ  
Tú các tân biên Bác nghị thư  
(Phòng hoa bắt đầu ngâm câu Thư, Lân<sup>1</sup>;  
Gác gấm soạn mới sách Bác nghị<sup>2</sup>)  
Tú các đăng minh uyên ương tịch lập;  
Trang dài chúc lệ phỉ thủy đồng thê.  
(Gác gấm đèn sáng, đôi uyên ương kề vai;  
Trước bàn trang điểm ánh nến đẹp, cặp phỉ thủy sóng đôi)  
Dịch viết càn khôn định hī;  
Thi vân chung cổ lạc chí.  
(Kinh Dịch chép rằng: dương âm đã định rồi;  
Kinh Thi nói là: chuông trống làm cho vui)*

Mừng thọ:

*Tình ông hay, hay tiểu hay tăm, hay nước chè đặc, hay nầm  
ngủ trưa, dù đã bảy mươi còn khoẻ mạnh;  
Nhà ông có, có báu có bạn, có ván cẩm sồi, có nồi cám nếp, mở  
ra một tiệc thẩy linh đình.  
(Nguyễn Khuyến)*

<sup>1</sup> *Thư, Lân*: Tức bài thơ *Quan thư ở Chu Nam, Quốc Phong, Kinh Thi*; viết về tình yêu nam nữ; bài *Lân chi chỉ* (còn gọi *Lân chí*) cũng ở *Chu Nam, Quốc Phong, Kinh Thi*; viết về con cháu đông đúc và đều có tài.

<sup>2</sup> *Bác nghị*: Sách của Lã Tổ Khiêm đời Tống, bàn về thơ tình yêu.

**Chữ Hán:**

*Hoa giáp phùng xuân, tiều ánh thanh khâm, xuân cộng túy;*

*Thái sơn chúc thọ, ca truyền Bạch tuyết, thọ tần thiêm.*

(Sáu mươi gặp xuân, rượu ánh tuổi xanh, xuân càng say nồng;

(Trăm tuổi chúc thọ, hát ca vui vẻ, thọ được nhiều thêm)

*Đào hoa kết tử tam thiên tuế;*

*Xuân thu phu vinh bát thập xuân.*

(Hoa đào ra quà ba nghìn tuổi;

Cây xuân rộn ràng tám mươi xuân)

V.v... Ngoài ra còn có câu đối mừng nhà mới, mừng mở cửa hàng..., ở đây chúng tôi xin không dẫn tiếp, mong các bạn tự xem trong sách này. Chúng tôi chỉ muốn nói thêm rằng, cùng với câu đối chúc mừng còn có câu đối để vịnh, để tặng; ví như câu đối của Bà Huyện Thanh Quan vịnh chén uống trà có vẽ cảnh sơn thủy:

*In như thảo mộc trời Nam lại;*

*Đem cà sơn hà đất Bắc sang.*

Câu đối Cao Bá Quát vịnh điếu cày:

*Ra tay cầm cán sồi trong nước;*

*Ngâm khói phun mây sạch bụi trần.*

Câu đối vua Lê Thánh Tông tặng hàng nước:

*Nép giàu quen thói kinh coi, con cháu nương nhở vì ấm;*

*Việc nước ra tay chuyển bát, bắc nam đâu đáy lại hàng.*

Câu đối ông Nghè Nguyễn Quý Tân tặng Tổng đốc hối hưu  
Nguyễn Công Trứ:

*Giang sơn tóm lại dội sân khấu<sup>1</sup>;*

*Văn vū đem ra một khúc cầm<sup>2</sup>.*

Câu đối khen tác phẩm *Phạm Công Cúc Hoa*:

*Trạng nguyên tám tuổi thơm trời Việt;*

*Sứ sự mười năm khét đất Ngô.*

V.v... Trong một số sách chép câu đối xưa, khi phân loại nội dung câu đối chúc mừng, người biên soạn thường chia rất nhỏ. Đại thể thường chia ra là: Chúc tết, Nguyên tiêu, Đề tặng, Tự đề, Vạn thọ, Văn quan thọ, Vũ quan thọ, Phong quân thọ, Táng thọ, Đạo thọ, Nam thọ, Nữ thọ, Song thọ, Nam Tứ thập thọ, Nam Ngũ thập thọ, Nam lục thập thọ, Nam Thất thập thọ, Nam bát thập thọ, Nam Cửu thập thọ, Nam Bách tuế thọ; Nữ lục thập thọ (cho đến bách tuế thọ); Tân hôn (chia ra từng tháng, từ tháng Giêng đến tháng Chạp); Hạ Tam nguyên, Hạ Bảng nhãn, Hạ Thám hoa, Hạ Hàn lâm, Hạ Tiến sĩ, Hạ Vũ Tiến sĩ, Hạ Văn cử, Hạ Vũ cử, Hạ sinh tử, Hạ sinh tôn, Hạ sinh tăng tôn. Chúc mừng: Nhà mới, Mở cửa hàng: Hàng Sách, Hàng Bút, Hàng Mực, Hàng Giấy, Khắc chữ, Vẽ, Hàng Vàng, Hàng Bạc, Hàng Mũ, Hàng Giầy, Hàng Vải, Thợ may, Hàng Đoạn, Hàng Gấm, Hàng Tơ, Hàng Quạt, Hàng Lọng; Quán rượu, Quán cơm rượu, Quán trọ, Hiệu thuốc, Hiệu cắt tóc; Thầy bói, Thầy tướng, Thầy số; v.v..., còn chia rất nhỏ nữa. Biên soạn câu đối với nội dung chia nhỏ như vậy không phải là việc quá khó, nhưng biên soạn bộ 3000 câu đối Hán Nôm này, chúng tôi quả thực chưa muôn mất công quá nhiều cho việc chia nhỏ như vậy; nhắc đến việc ấy, chúng tôi chỉ muốn nói đến bình diện rất rộng, câu đối rất nhiều ở nội dung chúc mừng.

---

<sup>1</sup> *Dội sân khấu:* Có người giải thích là chỉ việc Nguyễn Công Trứ khai phá, mở mang hai huyện Kim Sơn, Tiền Hải.

<sup>2</sup> *Một khúc cầm:* Chỉ việc lúc hàn vi, Nguyễn Công Trứ vì quá hâm mộ cô đào Xuân Nga mà đã làm kép.

Câu đối Thâm viếng, xưa gọi là Phúng, chữ Hán gọi là Ai vân, không nhiều bằng câu đối Chúc mừng, nhưng số lượng cũng không phải ít; và đặc biệt, có nhiều câu hay.

Câu đối Nguyễn Khuyến khóc vợ:

*Lão cũng đã mừng thay, nhờ được bà hay làm hay làm, thắt lưng bó que, xắn váy quai còng, tất tả chân đầm đá chân chiêu, vì lão đã dần trong mọi việc;*

*Bà đi đâu với bấy, để cho lão vất vơ vất vưởng, búi tóc cũ hành, buông quần lá tọa, gật gù tay đưa chạm tay chén, cùng ai kể lể chuyện trăm năm.*

Câu đối chữ Hán Bùi Hữu Nghĩa khóc vợ:

*Ngã bần hanh năng trợ, ngã oan hanh năng minh, triều quận giai xưng hanh thị phu;*

*Hanh bệnh ngã bất được, hanh tử ngã bất táng, gianh sơn ưng tiêu ngã phi phu.*

(Ta nghèo mình giúp đỡ, ta oan mình kêu oan, trong triều ngoại quận đều khen mình thật đáng là vợ;

Mình ốm ta không có thuốc, mình chết ta không về đưa tang, sông núi phải cưỡi ta chẳng xứng là chồng).

Câu đối Đỗ Đình Liêu viếng Đặng Toán:

*Phương náo Hoan chi thăng, hồ kỵ hạc quy, quy Thúy Hạc;*

*Khởi dù Ninh hữu ước, hưu tương hồng ấn, án Lam Hồng.*

(Mới nghe tin đồn ông thăng quan vào châu Hoan, sao ông vội cưỡi hạc về, về núi Thủ Sơn, núi Hồi Hạc;

Hay là với tỉnh Ninh Bình có hẹn ước, ông không đem dấu chân chim hồng, chim hạc vào in ở Lam Giang, Hồng Lĩnh).

Câu đối viếng Tống Duy Tân:

*Tiểu Bạch bá Tề, sinh Quán Trọng;*

*Đại Nguyên di Tống, tử Thiên Tường.*

(Tiểu Bạch làm vua nước Tề, Quán Trọng được sống<sup>1</sup>;

Nhà Nguyên diệt nhà Tống, Thiên Tường phải chết<sup>2</sup>).

Câu đối Phan Bội Châu viếng Tôn Trung Sơn:

*Chí tại tam dân, đạo tại tam dân, ức Hoành Tân Trí Hoà  
Đường lưỡng độ ác đâm, trác hữu chấn thắn di hậu tử;*

*Ưu dì thiên hạ, lạc dì thiên hạ, bị đế quốc chủ nghĩa giả đà  
niên áp bức, thống phán dư lê khấp tiên sinh<sup>3</sup>.*

(Chí ở tam dân, đạo ở tam dân, nhớ hai lần nói chuyện ở Trí  
Hòa Đường Hoành Tân, để lại tinh thần cho người chưa chết;

Lo vì thiên hạ, vui vì thiên hạ, bị nhiều năm áp bức do bọn  
đế quốc chủ nghĩa, cùng dành nước mắt để khóc tiên sinh).

Một số câu đối viếng bằng chữ Hán như câu đối Văn thân Nghệ  
Tinh viếng Phan Đình Phùng (1895), Phan Bội Châu viếng Nguyễn  
Thượng Hiền (1925), v.v... đều là những đôi câu đối nổi tiếng. Ở đây,  
chúng tôi chỉ muốn nhắc lại một đôi câu đối chữ Hán ở nội dung  
viếng; mà theo chúng tôi, có lẽ đây là đôi câu đối chữ Hán thuộc thời  
kỳ cuối của loại câu đối này. Đó là đôi câu đối Tôn Quang Phiệt viếng

<sup>1</sup> Tiểu Bạch khi lưu vong, mấy lần bị Quán Trọng đuổi giết; khi Tiểu Bạch về làm vua nước Tề tức Tề Hoàn Công, xây dựng nước Tề hùng mạnh, không giết Quán Trọng mà còn vời đến giúp.

<sup>2</sup> Thiên Tường tức Văn Thiên Tường, người đời Tống; nhà Nguyên diệt Tống, giết Văn Thiên Tường. Thiên Tường có bài *Chinh khí ca* nổi tiếng. Đôi câu đối này do văn thân đương thời viếng liệt sĩ Tống Duy Tân bị giặc Pháp xử tử ngày 3 - 9 - 1892 ở Thanh Hóa.

<sup>3</sup> Tôn Trung Sơn là lãnh tụ Trung Hoa dân quốc, mất năm 1925.

Hoàng Văn Hành (Giám Hành), người Hoàng Trù, Nam Đàm, Nghệ An (1942):

*Úc tích niên cung kiêm bão hùng tâm, Bồ Lư thát trước, Yên Thế cùng đồ, vâng sù du du, hận bất chích thân phong mā cách;*

*Thà kim nhật tang thương vô định cục, Ngư Hải trường tri, Sào Nam vĩnh quyết, tiền đô diêu diều, dǎn tương quy lệ trích hổ khâu.*

(Nhớ năm xưa cung kiêm mạnh hùng tâm, Bồ Lư thát bại, Yên Thế cùng đường, xem sứ mịt mù, giận chẳng bọc thây trong da ngựa;

Và ngày nay bể dâu không định cuộc, Ngư Hải từ trần, Sào Nam tạ thế, đường dài bối rối, này đem nước mắt rưới hang hồ).

Sau thời gian này, câu đối phần nhiều viết bằng chữ Nôm hoặc chữ Quốc ngữ.

Nói đến nội dung câu đối, còn một phương diện nữa cũng phải nhắc đến; đó là loại câu đối chủ yếu viết cho vui, người xưa gọi là Tạp liên. Ví như những câu:

*Gió tựa tường ngang, lưng gió phẳng;*

*Trăng nhòm cửa sổ, mắt trăng vuông.*

*Huyện Tam Dương có ba con dê, đứng núi đá, trông về Lập Thạch;*

*Quan Từ Kỳ đi bốn xe ngựa, vâng mệnh trời, ra tri Thừa Thiên.*

*Quân tử cố cùng, quân tử cùng, quân tử cố;*

*Khổng Minh cầm túng, Khổng Minh túng, Khổng Minh cầm*<sup>1</sup>.

V.v... Đây là loại câu đối vui, thường gọi là chơi chữ; có lúc bí chữ phải đổi liêu:

Ra: Thần Nông giáo dân nghệ ngũ cốc<sup>2</sup>

Đối: Thánh sâm gươm quan gừng tam cò

V.v... Đặc biệt, ở câu đối Nôm, việc chơi chữ càng hết sức đặc sắc; đây là nét nổi bật của nghệ thuật câu đối nước ta mà chúng tôi sẽ nói thêm dưới đây.

\*

\* \* \*

Câu đối ở nước ta có từ bao giờ, điều ấy thật khó biết cụ thể; nhưng dựa vào thể đối trong thơ phú cổ nước ta, có thể nghĩ rằng câu đối ở nước ta có khá sớm, chí ít là có từ thời Tiền Lê, thế kỷ thứ X. Đến đời Trần thì câu đối đã đạt nghệ thuật điêu luyện qua giai thoại đối đáp của Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi. Sau đó có câu đối của bà Nguyễn Thị Bích Châu, bà phi của vua Trần Duệ Tông, qua bộ *Truyền kỳ tân phả* của Đoàn Thị Điểm. Đến đời Lê, câu đối Nôm dấy lên rực rỡ, đặc biệt giai thoại đối Nôm của vua Lê Thánh Tông. Vào cuối đời Lê, câu đối đã được sưu tầm, tìm hiểu qua một số trước tác của Lê Quý Đôn; đến đời Nguyễn, câu đối đạt đỉnh cao, nhất là câu đối Nôm; nổi bật có Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Quý Tân, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, v.v...; trong đó, Nguyễn Khuyến đáng được

<sup>1</sup> Chữ Hán đối câu này có nghĩa: Bậc quân tử bền chí lúc khốn cùng, quân tử càng khốn cùng càng kiên cường; Khổng Minh bắt thả, Khổng Minh thả rồi Khổng Minh lại bắt (Mạnh Hoạch). Nhưng chữ nghĩa ở cả hai vế đều đã bị Nôm hóa, nghĩa cũng khác hẳn đi.

<sup>2</sup> Vế này có nghĩa: Thần Nông dạy dân trồng ngũ cốc. Nhưng vế đối lại đổi chan chát bằng Nôm; đọc vế đối chẳng có nghĩa gì, nhưng suy ngẫm vẫn có cái gì đó ý tại ngôn ngoại.

tôn vinh là vua câu đối, đặc biệt là câu đối Năm. Cố lê kể từ bấy giờ, câu đối đã vượt ra khỏi quy phạm mà đi vào dân gian: ca dao có câu:

*Người như cây gỗ xoan đào*

*Em như câu đối dân vào được chàng*

Câu đối đã hòa nhập vào sinh hoạt dân gian đến như vậy.

Nói về cách làm câu đối, đại thể chia làm ba loại:

1. Loại **tiểu đối**, mỗi vế có bốn chữ trở xuống:

*Hoa nghênh hỷ khí;*

*Điều xướng xuân quang<sup>1</sup>.*

2. Loại **thi đối** (đối thơ), mỗi vế có trên bốn chữ; nếu là năm chữ hoặc bảy chữ thì câu đối giống hai câu thực hoặc hai câu luận (câu 3, 4 và 5, 6) của thơ Đường luật:

*Tổ quốc xuân thường tại*

*Thần châu nguyệt chính viên<sup>2</sup>.*

*Kiêm một cõi trầu thừa với cụ;*

*Xin đối câu đối để thờ ông.*

3. Loại **phú đối** (đối phú), đặt câu theo thể Đường phú. Mỗi vế có năm chữ trở lên, chín chữ trở xuống đặt liền, gọi là phép Song quan (Hai cửa); mỗi vế có hai câu dài ngắn cách ra, gọi là phép Cách cù (Cách câu), mỗi vế có ba đoạn trở lên; đoạn giữa ngắn xen vào giữa, gọi là phép Hạc tắt (Gõi hạc); ví dụ:

1. *Tạo dạ xuân phong nhập hộ;*

*Kim triêu hỷ khí doanh môn<sup>3</sup>.*

2. *Ngôi đỗ lớp nghè, lớp trên dc lớp dưới;*

*Đá xanh xây cổng, hòn dưới nóng hòn trên.*

<sup>1</sup> Tạm dịch: Hoa chào sắc mới; chim ngọt xuân về.

<sup>2</sup> Tạm dịch: Tổ quốc xuân thường có; kinh đô nguyệt đứng tròn.

<sup>3</sup> Tạm dịch: Tôi qua giếng xuân nhập hộ; Sáng nay vui đến cửa nhà.

5. Quan chảng quan thi dân, chiêu trung định ngắt ngưởng i quí  
trên nǎo lènh nào trưởng, nào bàn ba, tiền làm sao, gạo làm sao, cùi  
nuốc làm sao mốt năm mười hai tháng thành thời, cái thủ lợn như  
thúy đê nhẵn mặt:

Cua chảng già thi trẻ, đàn tiểu tử nhấp nhô đứng dưới, này  
phu này thơ, này đoạn một, hoành là thế, sổ là thế, bằng trắc là thế,  
ba vạn sáu ngàn ngày thảm thoát, con mắt gà đeo mái cũng mòn tai.

Về luật bằng, trắc; loại tiểu đối, chữ cuối về trên, dưới; bằng, trắc đối nhau; loại thi đối, giống luật thơ; loại phú đối, bằng trắc đối nhau ở chữ cuối đoạn (chữ đầu câu) và chữ cuối về. Ở phép Cách cú và Hạc tất, chữ cuối về là bằng thì chữ đầu câu là trắc và ngược lại. Tuy vậy, trong một số đối câu đối cũng có sự ép vận, đó là loại khổ độc; đọc nghe trực trặc:

Mười mấy khoa còn gi, nhờ trời có phúc có phận;

Năm mươi tuổi thành tài, mừng ông càng dẻo càng dai.

Một đôi câu đối mà chữ cuối cùng về trên và chữ cuối cùng về dưới cùng một vần là Thất luật; ví dụ:

Lúa tám gặt chín tháng tám;

Nỗi sáu mua năm quan sáu.

Câu đối làm đúng quy cách, chữ cuối về trên vẫn trắc; chữ cuối về dưới vẫn bằng. Khi treo câu đối, hướng đứng ngoài trông vào chỗ dán câu đối, chữ cuối về bên tay phải vẫn trắc, về kia vẫn bằng. Nhưng cũng có một số trường hợp, nếu về trên do người khác ra mà chữ cuối là vẫn bằng, người buộc phải đổi dành phải theo vẫn ra mà đổi; ví dụ:

Ra: Trạng đở hay Trạng nguyên;

Đổi: Khách quan hóa khách lạ.

(Chuyện Trạng Lợn)

Ra: Ba sĩ ngồi một kỳ, đội đức đế Nghiêu;

Đổi: Một bách xách hai cung, đáng tài phụ bát.

V.v...

Về phép đối, nói chung là bằng, trắc đối nhau; ví dụ: Kim kinh đối là Bảo kệ; Chu sa giới đối là Biển đại thiên; v.v...; ngoài ra, về các loại từ như danh từ đối với danh từ, đại từ đối với đại từ, số từ đối với số từ...; ví dụ: Nhất hoa hiển thụy đối là Ngũ diệp lưu phương, Cành biếc thiếp trông lên đối là Suối vàng chàng thác xuống, v.v...; các câu lấy trong kinh điển đối nhau, thành ngữ, tục ngữ... đối nhau; ví dụ: Thiên tích thông minh đối là Thánh phù công dụng (Tam tự kinh); Xắn váy quai cổng đối là Buông quần lá tạ; Lắm kẻ yêu hơn nhiều người ghét đối là Một câu nhịn là chín câu lành, v.v... Đó là nói một cách nôm na, còn trong các sách dạy về phép đối xưa, chúng ta thấy chép một số phép đối như sau: 1. Chính đối. 2. Địch danh đối. 3. Đồng loại đối. 4. Dị loại đối. 5. Liên chau đối. 6. Song thanh đối. 7. Diệp vận đối. 8. Song ngữ đối. 9. Liên cảm đối. 10. Hồi văn đối. Tuy vậy, đó chỉ là quy cách để đối cho chính, cho giòn, cho chan chát; còn làm được đối câu đối cho hay còn phải là cây bút sắc sảo, uyên bác, điêu luyện, có tâm. Người ta kể rằng, Cử nhân Nguyễn Tử Mẫn, người Ninh Bình, làm Tri huyện ở Hiệp Hòa, Bắc Giang; có hai vợ đều mất, nhưng con trai con gái ông đều đã có con trai. Ông làm đối câu đối:

*Vợ cả vợ hai không vợ cả*

*Con trai con gái có con trai*

Đối câu đối này được lưu truyền và về sau có dì bản. Lại có chuyện rằng, con trưởng Tiến sĩ Bùi Ân Niên (Bùi Quế) là Bùi Thức, người Châu Cầu, Hà Nam khi sắp đi thi Hương mà dương có tang mẹ; mồng một tháng mười trường Nam thi mà đến ngày mồng năm tháng mười ông mới hết tang. Vậy là không được phép đi thi. Nhưng năm ấy có việc đại sự; triều đình hoãn thi đến ngày mười sáu tháng mười; thế là ông được dự thi. Trước khi đi thi vài ngày lại cưới vợ. Thi Hương năm ấy lấy tám mươi Cử nhân, Bùi Thức đỗ thứ tám mươi, cuối bảng. Nhưng khoa thi ấy (1897), phủ Thống sứ cho đặc cách lấy thêm hai Cử nhân nữa là người của phủ này, bởi vậy ông Bùi được đứng trên

hai người, thoát cảnh đói bǎng<sup>1</sup>. Lúc ăn mừng, Yên Đổ (Nguyễn Khuyến) có mừng đôi câu đối:

*Thánh thương diệc lân tài, công viễn tri lai tam ngũ nhát;  
Khuê trung ưng phá tiếu, lang quân áp đặc kỷ đa nhán.  
(Nhà vua ý thương tài, trường thi hoãn lại năm ba bữa<sup>2</sup>;  
Cô cử cười vỡ bụng, anh chàng đè được những bao người).*

Trong câu đối của Yên Đổ, có nhiều câu hay tuyệt vời; ví như đôi câu đối chữ Hán mừng đám cưới:

*Oanh đè phượng ngữ nghênh hoa trưởng;  
Nhạn vũ loan phi phát cảm bình<sup>3</sup>.*

Nếu dịch theo chữ Hán, đôi câu đối này có nghĩa là:

*Oanh kêu phượng hót chào trưởng hoa;  
Nhạn múa loan bay lay bình gấm.*

Nhưng cái tài của Yên Đổ là đôi câu đối chữ Hán này lại có thể đọc thành Nôm và nội dung vẫn rất chi là mừng đám cưới:

*Binh gấm phát phơ loan mó nhạn;  
Trưởng hoa nghiêng ngừa phượng đè oanh.*

Còn nhiều câu đối khác của Yên Đổ như câu đối mừng cô Tư Hồng, câu đối tặng hàng thịt, câu đối tặng sư móm; câu đối làm giúp vợ thợ nhuộm khóc chồng, vợ thợ rèn khóc chồng, vợ chú Khách không chồng, v.v... đều làm hết sức tài tình.

Đôi câu đối Tú Xương làm tặng cô hàng cau dưới đây cũng là câu hay:

*Thiếp vì lòng trắng không thay hat;*

<sup>1</sup> Người xưa đi thi, coi hỏng còn hơn đói bǎng.

<sup>2</sup> Năm ba là mười lăm; ý nói kỳ thi hoãn lại 15 ngày.

<sup>3</sup> Đôi câu đối này thấy có trong *Nguyễn Khuyến, tác phẩm*; NXB Khoa học xã hội; Hà Nội; 1984; Tr. 608. Không thấy có ở một số sách khác chép thơ văn Nguyễn Khuyến.

*Khách muôn mỏi son phải mượn mẩu.*

Đối câu đối của vua Đồng Khánh làm sau đây cũng nói lên được bối cảnh một thời và được truyền tụng:

*Võ tướng tiêu sáu duy hữu túc;*

*Văn thần thoái lỗ cánh võ thi.*

(Quan võ chỉ biết uống rượu giải buồn;

Quan văn càng không làm nổi thơ lui giác).

Trên nhiều phương diện, nhiều bối cảnh, nhiều giai tầng khác nhau, câu đối đều có thể tham gia bằng nghệ thuật của mình. Chữ nghĩa câu đối điêu luyện, nội dung miêu tả được nắm bắt một cách tinh nhanh, góc nhìn sắc bén... Tuy vậy, câu đối không phải chỉ giành riêng cho lớp thượng lưu, câu đối cũng rất gần với dân gian. Theo nhiều chuyện kể lại, đặc biệt là chuyện Trạng, việc đối đáp bằng câu đối thường là đối đáp miệng, không viết chữ hoặc không biết viết chữ... Như vậy, câu đối đã trở thành một trong những sinh hoạt văn hóa của nhân dân ta. Câu đối nước ta có đặc sắc riêng; dù là câu đối Hán hay câu đối Nôm; dù là câu rất ngắn hay câu rất dài; qua nội dung và nghệ thuật câu đối, chúng ta có thể tìm hiểu được nhiều vấn đề về lịch sử, văn học, ngôn ngữ... của dân tộc ta.

\*

\* \* \*

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, tinh hoa di sản văn hóa nước ta đang được tiếp tục phục hồi, với những góc độ khác nhau, việc tìm hiểu và viết câu đối đang là yêu cầu của đông đảo bà con ta. Câu đối có câu đối chữ Hán, câu đối chữ Nôm và câu đối chữ Quốc ngữ; trong bộ sách *3000 hoành phi*, câu đối Hán Nôm này, chúng tôi chỉ giới thiệu câu đối Hán Nôm. Mục đích là giúp thêm cho người muốn tìm hiểu hoặc viết câu đối cổ, có trong tay một số tư liệu thông dụng để tham khảo; ngoài ra, với học sinh, giáo viên, nhà nghiên cứu, người ham thích câu đối..., bộ sách này cũng có thể là sách đọc thêm lúc cần thiết.

Về hoành phi, chúng tôi chưa gặp ở sách nào có hoành phi bằng chữ Nôm, vì vậy chọn 150 bức viết bằng chữ Hán; việc chép lại, phiên âm, không phải là việc khó; nhưng dịch hoành phi thì rất khó, chúng tôi cố gắng dịch ý, mục đích là giúp bà con biết được nghĩa của bức hoành ấy.

Về câu đối chữ Hán, chúng tôi chọn 2600 câu; ở mỗi câu có phần chữ Hán, phần phiên âm và phần dịch nghĩa. Ở phần chép chữ Hán, trừ trường hợp đặc biệt phải hiệu chính, nói chung tôn trọng nguyên bản; phiên âm thì phiên đúng âm thông dụng. Dịch câu đối lại là việc hết sức khó; chúng tôi chọn phương án là câu nào dịch được như số chữ, âm điệu trong nguyên văn mà không mất nhiều ý thì cố gắng bám sát nguyên văn để dịch; câu nào khó dịch quá thi châm chước số chữ; với câu quá khó dịch thi đành phải dịch xuôi. Dù đã xoay trở đủ cách, nhiều câu dịch xong vẫn bắn khoan, mất ngủ. Dịch câu đối quá là hình phạt, nợ vì duyên; nhưng dịch câu đối (cũng như dịch thơ phú) mà câu nào, chữ nào cũng bỏ mặc thể cách cổ điển, đặc thù của thể loại này thi lại cảm thấy việc mình làm là tắc trách; mà thế, công việc cũng nhạt nhẽo, đối phó... Rồi lại nghĩ; viết đối di, dịch đối nan... Bởi vậy, nếu bạn đọc xem qua phần chữ Hán, phần phiên âm; đến phần dịch mà mỉm cười, vậy là người dịch cũng coi như đã lập công chuộc tội được phần nào rồi vậy.

Về câu đối chữ Nôm, chúng tôi chọn 250 câu. Câu đối chữ Nôm của ta có không ít, nhưng dạng chơi chữ như giai thoại Cô Điểm - Trạng Quỳnh hoặc như câu đối của Tú Xương, Yên Đổ thi nhiều; còn câu đối Nôm ở đình chùa đền miếu, nhà thờ... lại hiếm; vì vậy, xem xét nhiều mặt về việc kết hợp một cách tương đối với yêu cầu của bộ sách này, chúng tôi châm chước tuyển với số lượng nói trên. Bởi số lượng câu đối Nôm tuyển không nhiều, vì vậy không chia theo chủ đề một cách tỷ mỷ; nhưng câu đối Nôm không xếp lắn vào câu đối chữ Hán, mà để riêng hẳn lên trên, tức phần

II, ngay sau phần Hoành phi. Câu đối Nôm, tất nhiên không phải dịch mà chỉ có việc chép chữ Nôm và viết lại bằng chữ Quốc ngữ. Khi biên soạn câu đối Nôm, việc khó khăn nhất là ở phần chữ Nôm. Chữ Nôm phổ thông<sup>1</sup>, một chữ có thể viết theo hai ba cách; vậy trong một bộ sách, các chữ viết khác nhau lấy từ các nguồn khác nhau có nên chỉnh cho thống nhất không? Sau khi bàn bạc, ý kiến chung là với những chữ viết sai hẳn quy cách thì chỉnh lại, còn nữa nên cố gắng giữ theo nguyên bản. Việc chế bản chữ Nôm để đưa in; hiện nay, đây cũng là việc chúng tôi phải đầu tư nhiều tâm sức; nhưng đây là việc thuộc kỹ thuật chế bản, chúng tôi chỉ muốn nói thêm để bạn đọc thông cảm khi gặp một số chữ không như ý; và chẳng nội dung bộ sách này cũng không phải chủ yếu ở phương diện viết chữ.

Để giúp bạn đọc được thuận lợi hơn, phần câu đối chữ Hán, chúng tôi xếp theo 4 chủ đề; 4 chủ đề đó là: I. Câu đối Tết; II. Câu đối về phong cảnh; III. Câu đối về học tập và tu dưỡng; IV. Câu đối mừng và viếng. Tất nhiên, việc xếp theo bốn chủ đề này vẫn là việc xếp ở bình diện rộng; nếu xếp tỷ mỷ hơn, với chủ đề phong cảnh còn có thể chia làm phong cảnh núi sông, phong cảnh đình chùa đền miếu, phong cảnh thiên nhiên...; với chủ đề về mừng viếng có thể chia làm câu đối mừng, câu đối viếng; với câu đối mừng lại có thể chia làm câu đối mừng đám cưới, câu đối mừng thọ nhật, câu đối mừng nhà mới, câu đối mở cửa hàng...; với câu đối viếng lại có thể chia làm câu đối viếng nam, câu đối viếng nữ, tuổi tác... Nói chung, nếu kỹ tính, các chủ đề mà câu đối bao hàm có thể chia làm nhiều tầng lớp, đến mức rất hẹp. Nói thế để chúng ta càng biết thêm nội dung phong phú, đa dạng, sâu xa... của câu đối. Bởi vậy, việc xếp câu đối theo bốn chủ đề lớn của bộ sách này chỉ là việc xếp

---

<sup>1</sup> Ở đây, chúng tôi muốn phân biệt với chữ Nôm các dân tộc ít người.

một cách tương đối; mục đích không ngoài gợi ý cho bà con về cách thức, về ý tưởng trong việc học hỏi để làm, để sử dụng câu đối khi cần thiết.

Để giúp bạn đọc có thể tìm được các hoành phi câu đối một cách nhanh chóng, cuối sách có bảng *Sách dẫn*.

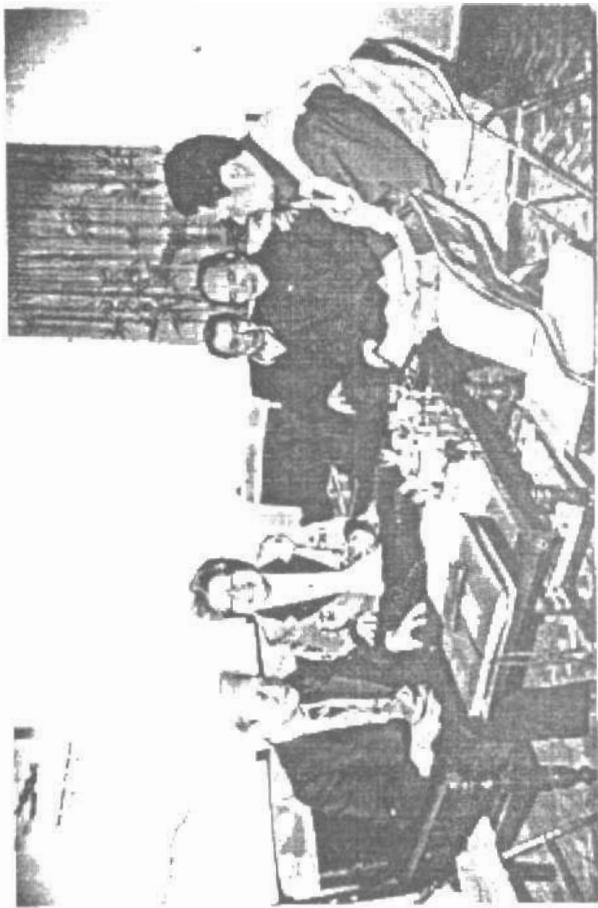
Nhóm biên soạn bộ 3000 hoành phi, câu đối Hán Nôm này có các ông Trần Lê Sáng, Phạm Đức Duật, Phạm Kỳ Nam, Ngô Vương Anh; ông Trần Lê Sáng được nhóm biên soạn ủy nhiệm làm Chủ biên; Ngô Vương Anh làm Thư ký; ông Nguyễn Tất Hòa ở Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin cùng một số vị ở Nhà xuất bản và nhiều bè bạn thân thiết đã hết sức nhiệt tình giúp đỡ. Qua nhiều Xuân thu, nhóm biên soạn đã cố gắng vượt nhiều khó khăn mà có lúc tưởng như không thể vượt qua được, kể cả việc khắc phục hoàn cảnh khó khăn của chính mình, tự vượt lên khả năng mình để làm việc... Nay bộ sách đã được hoàn thành, đóng góp của bộ sách này ra sao, điều đó còn phải chờ ý kiến của người đọc; song điều chúng tôi dám nói, đó là việc chúng tôi đã làm hết sức mình, đã làm với tinh thần chí thành, chí thiện vậy...

*Hà Nội, ngày 8 tháng 1 năm 2002*

**TRẦN LÊ SÁNG**

Cơ sở biên soạn

Ảnh: Võ Công Anh



PHẦN I

# HOÀNH PHI

昔樹今花

*Tích thụ kim hoa.*

Cây xưa hoa nay.

飲思源

*Âm tư nguyên.*

Uống nước nhớ nguồn.

光前垂後

*Quang tiền thùy hậu.*

Làm sáng người trước, để phúc cho người sau.

祖輩孫培

*Tổ cùng tôn bồi.*

Tổ tiên gây dựng, con cháu bồi đắp.

不哭神傷

*Bất khóc thần thương.*

Không khóc thần thương.

德及梓里

*Đức cập tử lý.*

Đức tới quê cũ.

良師楷模

*Lương sư khai mô.*

Thầy hay khuôn mẫu.

遺 訓 在 耳

*Di huấn tại nhĩ.*

*Di huấn bên tai.*

雖 死 猶 生

*Tuy tử do sinh.*

Chết như còn sống.

万 古 長 青

*Vạn cổ trường thanh.*

Muôn thế còn xanh.

名 遠 德 高

*Danh viễn đức cao.*

Tiếng xa đức cao.

駕 鶴 歸 仙

*Giá hạc quy tiên.*

Xe hạc về trời.

名 垂 千 古

*Danh thùy thiên cổ.*

Tên lưu thiên cổ.

清 白 一 世

*Thanh bạch nhất thế.*  
Một đồi thanh bạch.

母 儀 天 古  
*Mẫu nghi thiên cổ.*  
Mẫu nghi muôn thuở.

品 高 德 厚  
*Phẩm cao đức hậu.*  
Phẩm cao đức hậu.

百 世 流 芳  
*Bách thế lưu phƯong.*  
Tiếng thơm trăm đời.

痛 仰 岳 尊  
*Thóng ngưỡng nhạc tôn.*  
Đau nhớ ông nhạc.

桃 李 望 春  
*Đào lý vọng xuân.*  
Đào mận mong xuân.

光 明 磊 落  
*Quang minh lõi lạc.*  
Quang minh lõi lạc.

福壽無量

*Phúc thọ vô lượng.*

Phúc thọ vô cương.

雙壽無邊

*Song thọ vô biên.*

Song thọ vô biên.

福如東海

*Phúc như Đông hải.*

Phúc như biển Đông.

春秋不老

*Xuân thu bất lão.*

Năm tháng chẳng già.

萱草長春

*Huyên thảo trường xuân.*

Cây xuân tươi mài.

壽衍千秋

*Thọ diên thiên thu.*

Tuổi thọ ngàn năm.

福海壽山

*Phúc hải thọ sơn.*

Phúc biển, thọ núi.

人壽年年

*Nhân thọ niên niên.*

Người thọ lâu năm.

松鶴延年

*Tùng hạc diên niên.*

Thọ như tùng hạc.

壽同松柏

*Thọ đồng tùng bách.*

Thọ cùng tùng bách.

人心思富

*Nhân tâm tư phú.*

Lòng người muôn giàu.

安居樂業

*An cư lạc nghiệp.*

An cư lạc nghiệp.

万民同樂

*Vạn dân đồng lạc.*

Muôn dân cùng vui.

山河壯麗

*Sơn hà tráng lệ.*

Non sông tráng lệ.

鳥 語 花 香

*Điều ngữ hoa hương.*

Chim hót hoa thơm.

國 泰 民 安

*Quốc thái dân an.*

Nước thái dân yên.

興 旺 發 達

*Hưng vượng phát đạt.*

Hưng vượng phát đạt.

國 富 民 強

*Quốc phú dân cường.*

Nước giàu dân mạnh.

敬 老 愛 幼

*Kinh lão ái áiu.*

Kính già yêu trẻ.

辭 舊 迎 新

*Từ cũn nghinh Tân.*

Bỏ cũ đón mới.

萬 象 更 新

*Vạn tượng canh Tân.*

Muôn vẻ đổi mới.

風 和 日 麗

*Phong hoà nhật lê.*

Trời đẹp gió hòa.

歡 度 春 節

*Hoan đón xuân tiết.*

Mừng đón tiết xuân.

喜 氣 盈 門

*Hỷ khí doanh môn.*

Khí lành đầy cửa.

萬 世 師 表

*Vạn thế sư biểu.*

Tiêu biểu cho đạo làm thầy của muôn đời.

道 冠 古 今

*Đạo quán cổ kim.*

Đạo này đứng đầu xưa nay.

德 參 天 地

*Đức tham thiên địa.*

Đức này sáng cùng trời đất.

集 大 成

*Tập đại thành.*

Thầy là bậc tập đại thành.

福 斯 文

*Phúc tư văn.*

Làm tốt đẹp nền tư văn.

古 今 日 月

*Cổ kim nhật nguyệt.*

Đạo lý của Không Tử vĩnh hằng như ánh sáng của mặt trời mặt  
trăng xưa nay.

河 海 標 異

*Hà hải tiêu di.*

Thay ra đời đánh dấu sự thay đổi lớn lao như sóng biển.

万 主 象

*Vạn chủ tượng.*

Tượng vạn chủ.

貝 葉 傳 芳

*Bối diệp truyền phuong.*

Lá bối hương truyền.

和 且 平

*Hoà thả bình.*

Hoà lại bình.

聯 芳 繢 焰

*Liên phuong tục diêm.*

Thơm lâu sáng mãi.

錫胤祚

*Tích dân tộc.*

Cho nỗi phúc.

湛露豐襄

*Trầm lô phong tương.*

Sương nặng được mùa.

眞靈位

*Chân linh vị.*

Đúng ngôi thiêng.

眞宰最靈

*Chân tề tối linh.*

Đúng quản tối linh.

慈雲遍覆

*Tử vân biến phủ.*

Mây lành che khắp.

根深葉茂

*Căn thâm diệp mậu.*

Sâu rẽ tốt lá.

大哉坤固

*Đại tai khôn hạp.*

Lớn thay khôn đóng.

(Triết thuyết cổ: Trời mở vào giờ Tý. Đất khép vào giờ Sửu).

並 山 海

*Tịnh sơn hải.*

Cùng non biển.

依 正 莊 嚴

*Y chính trang nghiêm.*

Giữ đúng trang nghiêm.

江 山 有 主

*Giang sơn hữu chủ.*

Giang sơn có chủ.

明 德 遠

*Minh đức viễn.*

Đức sáng xa.

佛 法 僧 寶

*Phật Pháp Tăng Bảo.*

Phật Pháp Tăng Bảo.

來 也 遠

*Lai dã viễn.*

Đến từ xa.

仁 爲 寶

*Nhân vi bảo.*

Nhân là quý.

德 惟 馨

*Đức duy hinh.*

Đức chỉ thơm.

其 間 名 世

*Kỳ gian danh thế.*

Trong khoảng danh thế.

革 虎 炳 文

*Cách hổ bính văn.*

Da hổ rực văn.

馮 家 勳 將

*Phùng gia huân tướng.*

Tướng họ Phùng có công.

德 始 發

*Đức thủy phát.*

Đức mới phát.

河 有 源

*Hà hữu nguyên.*

Sông có nguồn.

天聖降塵

*Thiên thánh giáng trần.*

Thiên thánh giáng trần.

五嶺花開

*Ngũ linh hoa khai.*

Hoa nở Ngũ linh.

用敷五福

*Dụng phu ngũ phúc.*

Bố thí ngũ phúc.

(Phú quý thọ khang ninh).

洋洋乎如在

*Dương hồ như tại.*

Coi như còn đó.

三界大師

*Tam giới đại sư.*

Đại sư tam giới.

(Dục giới, sắc giới, vô sắc giới).

宛然仙界

*Uyên nhiên tiên giới.*

Như trên cõi tiên.

佛化有緣

*Phật hóa hữu duyên.*

Phật hóa có duyên.

洪 福 寺

*Hồng phúc tự.*

Chùa Hồng phúc.

大 師 在 祀

*Đại sư tại tự.*

Đại sư ở tế tự.

天 保 九 如

*Thiên bảo cửu như.*

Trời giữ cửu Như.

(Chúc Chín chữ Như trong Kinh Thi).

天 地 合 德

*Thiên địa hợp đức.*

Trời đất hợp đức.

普 慈 光 炙

*Phổ từ quang chiếu.*

Phổ từ sáng chiếu.

祥 光 遠 照

*Tường quang viễn chiếu.*

Ánh sáng lành chiếu xa.

普 德 慈 光

*Phổ đức từ quang.*

Phổ đức sáng từ.

金 連 寶 座

*Kim liên bao tòa.*

Bảo tòa sen vàng.

慈 光 譜 度

*Tù quang phổ độ.*

Ánh sáng từ phổ độ.

天 龍 獻 瑞

*Thiên long hiến thuy.*

Rồng hiến diềm lành.

護 明 珠

*Hộ minh châu.*

Minh châu hộ vệ.

德 合 坤 生

*Đức hợp Khôn sinh.*

Đức hợp Khôn sinh.

光 於 前

*Quang ư tiên.*

Sáng ở trước.

垂 於 後

*Thùy ư hâu.*

Rù đến sau.

德 其 盛

*Đức kỳ thịnh.*

Đức ấy thịnh.

威 肅 風 雲

*Uy túc phong vân.*

Gió mây oai nghiêm.

萬 德 圓 彰

*Vạn đức viên chương.*

Vạn đức sáng đầy.

三 有 祭 骨

*Tam hữu tế tu.*

Tế tư tam hữu

陳 朝 顯 聖

*Trần triều hiển thánh.*

Hiển thánh triều Trần.

四 恩 總 報

*Tứ ân tổng báo.*

Bốn ân đều báo.

揚 德 建 武

*Dương đức kiến vұ.*

Nêu đức lập uy vũ.

爲 百 粵 祖

*Vi Bách Việt tổ.*

Là tổ Bách Việt.

桔 林 植 德

*Quất lâm thực đức.*

Quất lâm trồng đức.

慈 雲 遍

*Tù vân biến.*

Mây từ khắp chốn.

顯 其 光

火 *Hiển kỳ quang.*

Tỏ rõ ánh sáng.

涵 三 极

*Hàm tam cực.*

Chứa ba cực.

(Trời, đất, người).

洋 其 上

*Dương kỳ thượng.*

Mệnh mông ở trên.

龍 德 中 正

*Long đức trung chính.*

Long đức ngay thẳng.

慶 雲 凝 蓋

*Khánh vân ngưng cái.*

Mây tốt ngưng che.

至 教 真 如

*Chí giáo chân như.*

Chí giáo chân như.

仁 慈 廣 大

*Nhân từ quảng đại.*

Nhân từ quảng đại.

慧 光 照

*Tuệ quang chiếu.*

Minh mẫn chiếu sáng.

氣 高 星 漢

*Khí cao tinh hán.*

Khí cao ngân hán.

一 念 即 如 來

*Nhất niệm tức Như lai.*  
Một niềm tin tức Như lai.

超 生 淨 度

*Siêu sinh tịnh độ.*  
Siêu sinh tịnh độ.

上 等 累 嘉 封

*Thượng đẳng luỹ gia phong.*  
Nhiều lần gia phong Thượng đẳng

崇 祠 永 典

*Sùng từ vĩnh diễn.*  
Đến tôn nghiêm giữ phép.

玉 祝 太 平

*Ngọc chúc thái bình.*  
Ngọc chúc thái bình.

赫 灌 厥 靈

*Hắc trạc quyết linh.*  
Linh thiêng chói lợi.

佛 日 增 辉

*Phật nhật tăng huy.*  
Trời, Phật tăng sáng.

太極元氣

*Thái cực nguyên khí.*  
Nguyên khí thái cực.

神 又 神

*Thần hưu thần.*  
Thần cùa thần.

望 之 如 雲

*Vọng chi như vân.*  
Ngóng dây như mây.

聲 振 波 海

*Thanh chấn ba hải.*  
Tiếng rộn biển sóng.

慈 仁 斋 潔.

*Tử nhân trai khiết.*  
Nhân tử trinh khiết.

騰 雲 駕 雨

*Dàng Vân giá vũ.*  
Đạp mây cưỡi mưa.

萬 古 江 山

*Vạn cổ giang sơn.*  
Non sông muôn thuở.

連 座 生 香

*Liên tọa sinh hương.*

Toà sen sinh hương.

方 便 門

*Phương tiện môn.*

Cửa phương tiện.

神 格 思

*Thần cách tư.*

Nghĩ theo phong cách thần.

奉 先 思 孝

*Phụng tiên tư hiếu.*

Phụng dưỡng trước nghĩ hiếu.

護 法 龍 天

*Hộ pháp long thiên.*

Long thiên hộ pháp.

美 德 遺 風

*Mỹ đức di phong.*

Đức tốt nếp còn.

大 慈 大 悲

*Đại từ đại bi.*

Đại từ đại bi.

慧光遠照

*Tuệ quang viễn chiếu.*

Trí huệ sáng chiếu xa.

濯濯厥靈

*Trạc trạc quyết linh.*

Linh thiêng lừng lẫy.

正統水

*Chính thống thủy.*

Nước chính thống.

並受其福

*Tịnh thụ kỳ phúc.*

Cùng nhận được phúc.

萬古英靈

*Vạn cổ anh linh.*

Anh linh muôn thuở.

善慈心

*Thiện từ tâm.*

Lòng từ thiện.

神功莫測

*Thần công mạc trắc.*

Thần công khôn lường.

聖智巧功

*Thánh trí xảo công.*

Khéo công trí thánh.

赫 澤 聲 靈

*Héach trạc thanh linh.*

Tiếng thiêng lừng lẫy.

慈 航 普 濟

*Tứ hàng phổ té.*

Thuyền từ cứu giúp.

痛 失 知 音

*Thông thất tri âm.*

Đau mắt tri âm.

教 誨 銘 心

*Giáo hôi minh tâm.*

Lời dạy ghi lòng.

南 郊 學 祖

*Nam giao học tổ.*

Học tổ Nam Giao.

趙 越 王 祠

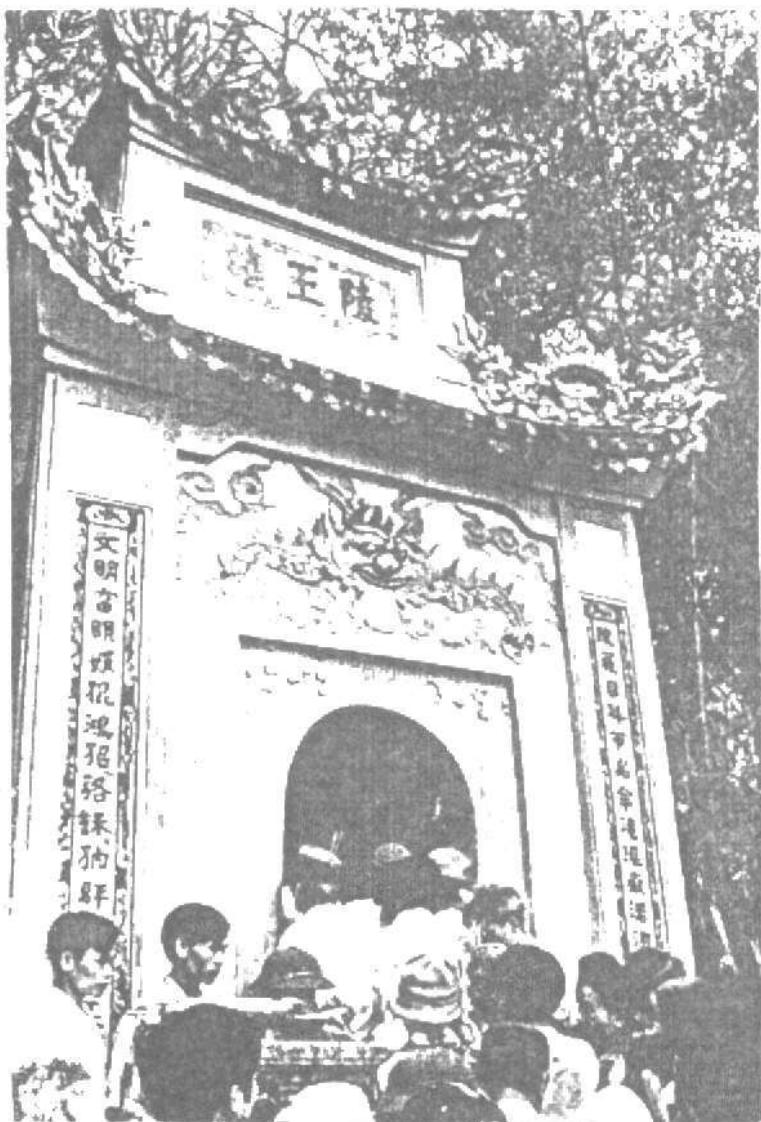
*Triệu Việt Vương tự.*

Đền vua Triệu Việt Vương.

青 莲 寺

*Thanh Liên tự.*

Chùa Thanh Liên.



Đổi câu đối bằng chữ Nôm ở lăng vua Hùng  
đền Hùng (Phú Thọ)

Ảnh: Võ Mạnh Anh

PHẦN II

CÂU ĐỐI NÔM

教養人才嶺滻闔祿節  
占忙民計坦諾萬芷春

Giáo dưỡng nhân tài, non sông muôn lộc Tết;  
Chăm lo dân kế, đất nước vạn nhành xuân.

坦諾廣塘春海島邊疆坪力稚  
娃鄉愜景節峽滲洞疇色起蘇

Đất nước rộng đường Xuân, hải đảo, biên cương bừng sức trẻ;  
Quê hương vui cảnh Tết, núi sông, đồng ruộng sắc khởi tươi.

節種核坦諾撐蘇沒繙嶺滲披沛節  
春樹賣嶺滲紅幡暮纏坦諾咤竦春

Tết trồng cây, đất nước xanh tươi, một dải non sông phơi phới Tết;  
Xuân đổi mới, non sông hồng thắm, trăm miền đất nước rộn ràng Xuân.

弄禮幅貞春坦諾闔紅千紫  
增坪穹景節嶺滲暮色萬年

Lồng lẩy bức tranh Xuân, đất nước muôn hồng ngàn tía;  
Tưng bừng khung cảnh Tết, non sông tráms sắc vạn màu,

制節鍊軍雄戰術精通醒灶擋庚子祖國  
迎春燉將磊排兵布陣機謀防衛坦娃鄉

Mừng Tết luyện quân hùng, chiến thuật tinh thông, tinh táo gác canh  
trời Tổ quốc;

Đón Xuân rèn tướng giỏi, bài binh bố trận cơ mưu phòng vệ đất quê  
hương.

牌喝結團伯扒蹀峽滲共喝  
勾詩祝節臥招韻坦諾強詩

Bài hát kết đoàn, Bác bắt nhịp núi sông cùng hát;  
Câu thơ chúc Tết, Người gieo vần đất nước càng thơ.

民 跳 党 全 心，兆 兆 惠 民 壤 成 意 党  
黨 肢 民 無 限，千 千 意 党 答 應 惠 民

Dân theo Đảng toàn tâm, triệu triệu lòng dân dúc thành ý Đảng;  
Đảng yêu dân vô hạn, ngàn ngàn ý Đảng đáp ứng lòng dân.

逃 躏 占 產 出，經 營 奸 了，儉 勤，逃 躏 節  
罪 務 嘉 摸 餕，植 林 生 能，周 到，罪 務 春

Quanh năm chăm sản xuất, kinh doanh, khéo léo, kiệm cần, quanh  
năm Tết;

Bốn mùa giỏi chăn nuôi, trồng trọt, siêng năng, chu đáo, bốn mùa xuân.

學 歹 賣 妖 條 初 共 爰 蹤 文 明 現 代  
除 奸 貪 捶 敝 難 決 待 跌 落 後 賊 難

Học cái mới, nhớ điều xưa, cùng vươn tới văn minh hiện đại;  
Trừ gian tham, xua tệ nạn, quyết đẩy lùi lạc hậu nghèo nàn.

岗 積 滯 瓢 准 准 黏 花 包 會 賽  
民 霸 滯 孟 晴 晴 通 牒 报 信 春

Núi rộng, sông dài, chôn chốn cỏ hoa vào hội mới;  
Dân giàu, nước mạnh, ngày ngày thông điệp báo tin xuân.

炮 滯 春 衡 坦 滯 迪 嘲 時 樹 賽  
惆 懵 節 懈 繁 滯 歡 喜 瞳 庚 新

Rộn rã Xuân về, đất nước đón chào thời đổi mới;  
Mừng vui Tết đến, non sông hoan hỉ buổi canh tân.

每 春 没 紗 意 志 工 人 扱 才 能 碰 碰 滯 許 貝 節 爰 尋 壇 握

添春添贊思維弘儀禮智慧點綴制度哏共春娘妝工程

Mỗi xuân một bền ý chí, công nhân đem tài năng tò dẹp non sông -  
Hứa với Tết vươn tầm xa xây dựng;

Thêm xuân thêm mới tư duy, người thợ lấy trí tuệ điểm xinh chế độ -  
Hẹn cùng Xuân nâng vóc lớn công trình.

節輕與塵秩序庸坊攝粧文明懸景節  
春迎擔保安全村簇家庭幸福蝶情春

Tết đến, giữ gìn trật tự phố phường, nếp sống văn minh vui cảnh Tết;  
Xuân sang, đảm bảo an toàn thôn xóm, gia đình hạnh phúc đẹp tình  
xuân.

挫義長於蔑局戰斗空踐沒跡  
扒志高包陣赫長征庄管堆蹟

Mang nghĩa lớn ở đời, cuộc chiến đấu không lùi một bước;  
Lấy chí cao vào trận, bước trường chinh chẳng quản đói chán.

重德貴才坦蕩帽懸會贊  
蝶文孟武巖淹職創爛肝初

Trọng đức quý tài, đất nước mừng vui vào hội mới;  
Đẹp văn mạnh võ, non sông tươi sáng rạng ngàn xưa.

勝跡名藍曉景強朕坦蕩  
奇山秀水嘯懸決與巖淹

Thắng tích danh lam, ngắm cảnh càng yêu đất nước;  
Kỳ Sơn tú thuỷ, nhủ lòng quyết giữ non sông.

忠貞蕩賛獨立自由色捨身爲蕩  
好貞民底廢斂幸福強篤力爲民

Trung với nước, giành độc lập tự do đã xả thân vì nước;

Hiếu với dân, để ám no hạnh phúc càng dốc sức vì dân.

述節盡用間時準備行妝進赫  
惄春過試喊產床氣勢如蓮

Đón Tết, tận dụng thời cơ, chuẩn bị hành trang tiến bước;  
Mừng Xuân, vượt qua thử thách, sẵn sàng khí thế đi lên.

庸凡景節增輝颺從古潭泥情坦若  
廊廟會春閨喋曲民歌濤撼義娃鄉

Phố vào cảnh Tết tung bừng, vò tuồng cổ đậm đà tình đất nước;  
Làng mờ hội Xuân nhộn nhịp, khúc dân ca dào dạt nghĩa quê hương.

黨英明一墨爲民創率鞠躬造事業輝煌萬節  
民不屈沒惡蹠黨堅強進赫擇基圖爍爍闔春

Đảng anh minh, nhất mực vì dân sáng suốt mở đường tạo sự nghiệp  
huy hoàng vạn Tết;

Dân bất khuất, một lòng theo Đảng kiên cường tiến bước dựng cơ đồ  
rực rỡ muôn Xuân.

青年志欲轉崗墳淹進赫帶笄祺團學磊少霸戰勝鬪難述節  
舜稚力孟移礮墳波決心沒惡蹠黨凭傍迺銃與塵坦若惄春

Thanh niên chí lớn, chuyển núi lấp sông, tiến bước dưới lá cờ Đoàn,  
học giỏi làm giàu, chiến thắng nghèo nàn đón Tết;

Tuổi trẻ sức mạnh, dời non lấp biển, quyết tâm một lòng theo Đảng,  
vững vàng tay súng, giữ gìn đất nước mừng Xuân.

軒轅記收功恩黨  
闔課市憫德博胡

Ngàn năm ghi nhớ công ơn Đảng  
Muôn thuở nào quên đức Bác Hồ

功德軒轅範碑碣  
傳統閩菜推心肝

Công đức ngàn năm ghi bia đá  
Truyền thống muôn đời tạc tâm can

幸福自由留閩課  
共和社會凭軒秋

Hạnh phúc tự do lưu muôn thuở  
Cộng hòa xã hội vững ngàn thu

民族移蓮哿諾增輝會薦  
賢才發展閩茄歡喜迎春

Dân tộc di lên, cả nước tung bừng hội mới;  
Hiền tài phát triển, muôn nhà hoan hỷ đón Xuân.

勝固道固情春閩課順情廊義諾  
愷爲仁爲義節紓數和意黨憲民

Sống có đạo có tình, Xuân muôn thuở thuận tình làng nghĩa nước;  
Vui vì nhân vì nghĩa, Tết bền lâu hòa ý Đảng lòng dân.

祖國余岸春史潭印燭勢諾  
江山閩萬節花奩熗咯恩馳

Tổ quốc mây ngàn Xuân, sử đậm in người thế Nước;  
Giang sơn muôn vạn Tết, hoa thơm tỏa ngát ơn Người.

文化高學術高互力推高民智  
世紀賣千年賣喝憲樹賣思維

Văn hóa cao, học thuật cao, gǎng sức nâng cao dân trí;  
Thế kỷ mới, thiên niên mới, hết lòng đổi mới tư duy.

干部與幹正廉奮斗犧牲民幸福乙紓格訖

人民恪勾勤儉涓命勞動浩繁榮羅自阮源

Cán bộ giữ chữ chính liêm, phẩn đấu hy sinh, dân hạnh phúc át bến gốc rễ;

Nhân dân nhớ câu cần kiệm, quên mình lao động, nước phồn vinh là tự ngọn nguồn.

罷招草賢炳德前人淵孝義

翁婆卯墨創惠後世攝人慈

★ Con cháu thảo hiền, rạng đức tiền nhân dòng hiếu nghĩa;

Ông bà mẫu mực, sáng lòng hậu thế nếp nhán từ.

坦蕩廣施終坦越撐職核獨立

人民坪鑄凭委南榮爛燭文明

Đất nước mái nhà chung, đất Việt xanh tươi cây độc lập;

Nhân dân nền móng vững, trời Nam sán lạn đưọc văn minh.

坦愷嶺塘春捲勁稚頑嗟幸福

劍鄉憫農賣佳才奶奶擔擡將來

Đất vui rộng đường xuân, già khoẻ trẻ ngoan xây hạnh phúc;

Quê hương mừng đời mới, trai tài gái đảm dựng tương lai.

迤春迎抉滌奸貪與凭紀綱除國難

憇節輕嗟紓仁義尊高道理重家風

Đón Xuân sang, quét sạch gian tham, giữ vững kỷ cương trừ quốc nạn;

Mừng Tết đến, xây bền nhân nghĩa, tôn cao đạo lý trọng gia phong.

咷濁啓沖泣裏娃鄉撐滌羈

嘟才斗力每纏坦蕩孟朝愷

Gạn đục khơi trong, khắp nèo quê hương xanh sạch đẹp;  
Đua tài đấu súc, moi miền đất nước mạnh giàu vui.

局駐埠每高跳躍塘蹠裙襆牟難如貞節  
民生極每可移泣裏盼時妝懸懸似花春

Cuộc sống ngày mỗi cao, bước ra đường ngầm quần áo màu đẹp như tranh Tết;

Dân sinh năm mỗi khá, đi khắp nèo nhìn thời trang lòng vui tựa hoa Xuân.

萬琰浮沙培歷史  
幀春坦蕩色迎張

Vạn dặm phù sa bồi lịch sử  
Mừng xuân đất nước đã sang trang.

與傳統文明怍胞終情忠貝黨  
嵯家風清歷記悉終義孝貝民

Giữ truyền thống văn minh, tạc dạ trọn tình trung với Đảng;  
Xây gia phong thanh lịch, ghi lòng trọn nghĩa hiếu với dân.

辯高志強高常穿体育養生唯世局論人情惺廉正勸岷後世  
弘擬心庄擬占注修身積德滅內侵除國難緝孝忠學習前人

Tuổi cao chí càng cao, thường xuyên thể dục dưỡng sinh, dõi thế cục,  
luận nhân tình, nét liêm chính khuyên răn hậu thế;

Người nghỉ tâm chẳng nghỉ, chàng chú tu thân tích đức, diệt nội xâm,  
trữ quốc nạn, chữ hiếu trung học tập tiền nhân.

運浩當蓮多方化多樣化邦交委自主揚高旗獨立  
力民色劫發展高發揮高內力坦人和造凭勢繁榮

Vận nước đang lên, đa phương hóa, đa dạng hóa bang giao, trời tự chủ dương cao cờ độc lập;

Sức dân dã khoẻ, phát triển cao, phát huy cao nội lực, đất nhân hòa tạo vững thế phồn vinh.

初軒昂蹠鐸楣銅戰功鋟接戰功禮御赫桃埠獨立  
尼憑疎肝鑄腹玉潛力增強潛力抗憲嵩繼景珪鄉

Xưa hiên ngang chân sắt vai đồng, chiến công nối tiếp chiến công, lấy máu đỏ thêu nền độc lập;

Nay vũng trại gan vàng dạ ngọc, tiềm lực tăng cường tiềm lực, đem lòng son dệt cảnh quê hương.

曲風波物樹裡移輪裔鏃沒忠貝黨  
油溝逾嶺瘠渡汗拉磅鑄終腋孝貝民

Dầu phong ba vật đổi sao đổi, luôn son sắt một lòng trung với Đảng;  
Dầu sóng gió non mòn biển cạn đá vàng trọn dạ hiếu với dân.

叱辭世紀証進勝敵禍天災坦蕩凭傍過試遁  
嘲述千年紀賣矇天時地利全民奮振造時機

Giã từ thế kỷ hai mươi, thắng địch họa, thiên tai, đất nước vững vàng qua thử thách;

Chào đón thiên niên kỷ mới, mong thiên thời địa lợi, toàn dân phấn chấn tạo thời cơ.

英俺和順琨招同心相愛相親堪家庭埠攝  
蓮帶結團軍民一致全心全意擇社會紀綱

Anh em hòa thuận, con cháu đồng tâm, tương ái tương thân, xây gia đình nền nếp;

Trên dưới kết đoàn, quân dân nhất trí, toàn tâm toàn ý, dựng xã hội kỷ cương.

場高礪站康妝知識翩芒力効增強村苦罩務溢如節  
電創坪塘翩礪文明和入流通發展嶄洞迷輶舞似春

Trường cao rộng, trạm khang trang, tri thức mở mang sức khỏe tăng cường, thôn xóm bốn mùa vui như Tết;

Điện sáng bừng, đường mở rộng, văn minh hòa nhập lưu thông phát triển, ruộng đồng quanh năm đẹp tựa Xuân.

核仁義坎扯調朱輶腦梗臟蘿碧  
園情傷嗟搭窄底率蔑葉虺花簪

Cây nhân nghĩa vụn xói đều cho năm tháng cành tươi lá biếc;  
Vườn tình thương xây đáp tốt, để suốt đời quả ngọt hoa thơm.

禮民莎格一墨為民黨創啐翩塘蓮幸福  
蹺黨進蓮萬念信黨民堅強凭北躡將來

Lấy dân làm gốc, nhất mục vì dân, Đảng sáng suốt mở đường lên  
hạnh phúc;

Theo Đảng tiến lên, vạn niềm tin Đảng, dân kiên cường vững bước tới  
tương lai.

與塵惺舞暉初扒仁莎格  
搔濱役窄蔑尼重道羅笄

Giữ gìn nét đẹp ngày xưa, lấy nhân làm gốc;  
Trau dồi việc tốt đời nay, trọng đạo là nền.

終力稚撻嗟紓凭繁榮坦蕩  
順慈軼嬌與舞職傳統家庭

Chung sức trẻ già, xây bền vững phồn vinh đất nước;  
Thuận lòng chồng vợ, giữ đẹp tươi truyền thống gia đình.

積智積仁柴咾哿舞鞦空管辱因沒慈為稚

燭德燭才徒學文學禮庄泥難苦決志苣業初

Tích trí, tích nhân, thày dạy chữ, dạy người không quản nhọc nhằn,  
một lòng vì con trẻ;

Rèn đức, rèn tài, trò học văn, học lễ, chẳng nề gian khó, quyết chí nối  
nghiệp xưa.

船固組鞏固宗農發展空涓埠民族  
浩固源核固檜社文明強懷格種內

Chim có tổ, người có tông, dời phát triển không quên nền dân tộc;  
Nước có nguồn, cây có cội, sông vẫn minh càng nhớ gốc giống nòi.

嘆孟平人民絶委墮涙  
決誓共滄海女浩雄茄

Gì mạnh bằng nhân dân, vả trời láp biển  
Quyết thể cùng sòng núi, nợ nước thù nhà

家庭極寧婦女已擔當決沒腋奶佳慧稚  
政府眾點解放極條件伶仍墮銅錢瑟翁

Gia đình năm tốt, phụ nữ ha đảm đang, quyết một dạ gái trai già trẻ;  
Chính phủ bốn điểm, giải phóng năm điều kiện, rành những lời gang  
thép sắt son.

忠貞黨孝貞民任將市共完成苦巾市共越戈几帥市共打得勝  
驛翔塘婁接北佳英雄嚙熱血奶忠厚輪擔當逞極州塵與和平

Trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó  
khắn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh được thắng;  
Trước mỏ đường, sau tiếp bước, trai anh hùng vang nhiệt huyết, gái  
trung hậu luôn đảm đang, sánh năm châu gìn giữ hòa bình.

奇浩暢春城市農村紅色曠

全民盃節尚棱嶒漫蘂年花

Cả nước mừng Xuân, thành thị nồng thôn hồng sắc nắng;  
Toàn dân vui Tết, núi rừng đồng biển thảm màu hoa.

指高程度埠功德

翹礪機開役奉蜍

Nâng cao trình độ nên công đức  
Mở rộng cơ khai việc phụng thờ

坦希雄重義威風徐忠勇凍爰駕勁  
垂落越親情創啐喘德才墜哉賦春

Đát vua Hùng trọng nghĩa oai phong, thờ trung dũng Gióng vươn  
mình khoẻ;

Trời nước Việt thân tình sáng suốt, chuộng đức tài rồng dậy sức  
xuân.

坦落訛春礮闢乾坤歐亞東西頓叛投資春坦落  
珪鄉樹買通源造化電塘場站終括槎擇買珪鄉

Đát nước vào xuân, rộng cửa càn khôn, Âu Á Đông Tây dồn bạn đầu  
tư xuân đất nước;

Quê hương đổi mới, thông nguồn tạo hóa, điện đường trường trạm  
chung tay xây dựng mái quê hương.

道義燭冲固祖固先念珍重聰術過去  
文明燭燭創爲昆爲招跳樣平向細將來

Đạo nghĩa rọi gương trong, có tổ có tiên, niềm trân trọng nhìn về quá  
khứ;

Văn minh soi đuốc sáng, vì con vị cháu, bước vững vàng hướng tới  
tương lai.

欣點過春固黨引唐民族越仰頭拱眾渡  
外極森秋意伯胡枳躡浩巖鴻樣極買極洲

Hơn bảy chục xuân qua, có Đảng dẫn đường, dân tộc Việt ngang đầu  
cùng bốn biển;

Ngoài năm lăm thu ấy, Bác Hồ chỉ lối, nước non Hồng rạng mặt với  
năm châu.

揭闢世界同情捨技藝底淋漓公益  
樹買全民終誠拱施啞誠芳華人才

Mở cửa, thế giới đồng tình, góp kỹ nghệ để đổi dào công ích;  
Đổi mới, toàn dân chung sức, cùng thi đua nên nẩy nở nhân tài.

議決黨燭唐終誠終憲堦浩輝煌潤懾憚  
江山民立主猶祺猶銳倚邊疆偉業萬務春

Nghị quyết Đảng soi đường, chung sức chung lòng xây đất nước huy  
hoàng muôn vẻ đẹp;

Giang sơn dân làm chủ, tay cày tay súng, giữ biên cương vững chãi  
vạn mùa xuân.

嫩淹統一坦浩和平霸人義憊文明嗣印哪蹠坐伯  
祖國光榮家庭幸福創良心論道德孝中倚援情民

Non sông thống nhất, đất nước hòa bình, giàu nhân nghĩa, đẹp văn  
minh, gương mẫu vâng theo lời Bác;

Tổ Quốc quang vinh, gia đình hạnh phúc, sáng lương tâm, tròn đao  
đức, hiếu trung giữ vẹn tình dân.

初杖臘旗桃械強暴擇嫩淹事業豪雄民大義  
尼蹟銅棘鏘勝侵陵堦獨立功勞偉大黨前鋒

Xưa áo vải cờ đào, diệt cường bạo, dựng non sông, sự nghiệp hào hùng  
dân đại nghĩa;

Nay chân đồng vai sắt, thách xâm lăng, xây độc lập, công lao vĩ đại  
Đảng tiền phong.

紀元春每精花調發露捨份建設桂鄉  
大會尙才德得進身終試振興坦蕩

Kỳ nguyên Xuân, mọi tinh hoa đều phát lộ, góp phần kiến thiết quê hương;

Đại hội Chín, người tài đức được tiến thân, chung sức chấn hưng đất nước.

祖國增呼會買蕩跳唐移楣躉閩方佳調祀  
胷淹砰儀年契崇文倘武堞拱萬眾曲歌春

Tổ quốc tung bừng hội mới, nước bước đường đi, vai sánh muôn phương giai điệu trẻ;

Núi sông bền vững nền xưa, sùng văn thương vō, nhịp cùng vạn thuở khúc ca xuân.

巴近辭安眠葩亭蝶心欲包觥罪渡  
黜尙辭礪憲祖國旛燭紅煊創極洲

Ba mươi năm an giấc Ba Định, trái tim lớn bao quanh bốn biển;

Bấy chín tuổi nặng lòng Tổ Quốc, ngọn đuốc hồng rực sáng nấm châu.

唐躡黨創燭堦祖國鮮花爛錦  
肫憲民忠義揮務春暮色蔚香

Đường lối Đảng sáng ngời, xây Tổ Quốc tươi hoa đẹp gấm;

Tâm lòng dân trung nghĩa, dựng mùa xuân trăm sắc ngàn hương.

頓春坦蕩芙蓉花燭闌青平樞毒害爲孟霸爰細

惆薰桂鄉樹買慨源勤儉誠艱貪叔饒對進蓮

Đón Xuân đất nước nở hoa, mở cửa thanh bình, xua độc hại, vì mảnh  
giàu vươn tới;

Mừng Đảng quê hương đổi mới, khơi nguồn cần kiệm, diệt gian tham,  
xoá nghèo đổi tiến lên.

孟節青平願憮城娃鄉霸憊

惆春鮮繙瓦點蘇朱巔落錦花

Vui Tết thanh bình, nguyện dốc sức xây quê hương giàu đẹp;

Mừng Xuân tươi thắm, gắng điểm tô cho non nước gấm hoa.

慍燭嚙峒孟節笞廊恩革命

電燭創幘頓春慈祉快伯胡

Máy nổ vang đồng, vui Tết xóm làng ơn cách mạng;

Điện soi sáng ngõ, đón Xuân già trẻ nhớ Bác Hồ.

坦塲鼎鳴鵠境徐榮昆落鼎

核嫩碧蘋怯株待嚙細蔓精

Đất ái tráng đồng, mở luống chờ bơm con nước tráng;

Cây non biếc lộc, khép chồi đợi nhú tí mầm xanh.

牋幅帳春獮賸鵝毳應意嬌

題吻對節芳鬱稽卒憊情鼓

Vẽ bức tranh Xuân: lợn béo gà to ưng ý vợ;

Để câu đối Tết: khoai sai lúa tốt đẹp tình chồng.

稽疎牟韜瞬每汚當樹買

花燈色繡娃鄉闔裏頓惆春

Lúa trải màu xanh, đồng ruộng mọi miền đương đổi mới;

Hoa dâng sắc thắm, quê hương muôn nẻo đón mừng xuân.

妥願伯胡民浩氶沔盃沒節  
進蹻旗黨嶺滄闊跋蔚秋

Thoả nguyện Bác Hồ, dân nước hai miền vui một tết;  
Tiến theo cờ Đảng, non sông muôn dặm vững nghìn thu.

爭獨立自由沒解巖滄盃統一  
蓮主義社會氶坦浩懼將來

Giành độc lập tự do, một giải non sông vui thống nhất;  
Lên chủ nghĩa xã hội, hai miền đất nước đẹp tương lai.

民族英雄合威勝連氶帝國  
巖滄錦紺終猶堪掙沒基圖

Dân tộc anh hùng, hợp sức thăng tiến hai đến quốc;  
Non sông gấm vóc, chung tay xây dựng một cơ đồ.

長山峝高長沙島馳自低細帝坦壘些闊援全  
端埠摆曠諒山棱駕外北越南巖浩蔚蔚統一

Trường Sơn núi cao, Trường Sa đảo nhỏ, từ đây tới đó, đất dài ta  
muôn thuở vẹn toàn;

Cà Mau bãi rộng, Lạng Sơn rừng dày, ngoài Bắc trong Nam, non nước  
cũ ngàn đời thống nhất.

世界啓和平院燭輒洲爍熱頓  
家庭盃幸福花春闌朵哆噏蕡

Thế giới chuộng hòa bình, ngọn đuốc năm châu nóng nhiệt đón;  
Gia đình vui hạnh phúc, hoa xuân muôn đáo ngọt ngào thơm.

幸福家庭昆憇婚賢孝敬順和埠攝正  
榮光社會民信黨恆儉勤廉正心嗣沖

Hạnh phúc gia đình: con thảo, vợ hiền, hiếu kính thuận hòa, nền nếp chính;

Vinh quang xã hội: dân tin, Đảng cậy, kiệm cần liêm chính, tám gương trong.

英 帆 春 鮎 浩 艇 垚 淣 漣 動 牌 歌 海 島  
姍 訓 節 蘋 核 花 岗 蘿 棱 飛 喻 咰 邊 疆

Anh mừng Xuân: cá nước chim trời, sóng biển động bài ca hải đảo;  
Em đón Tết: lộc cây hoa núi, lá rừng bay tiếng hát biển cương.

節 到 彩 買 嘲 哈 摺 咩 增 呼 茄 文 化  
春 迎 悅 盃 影 慨 旗 帥 炽 烟 摺 通 信

Tết đến: phim mới, chèo hay, múa hát tung bừng nhà văn hóa;  
Xuân sang: hành vui, ảnh đẹp, cờ băng rực rỡ cụm thông tin.

頓 節 燭 燈 電 劍 唐 通 夏 倘 舳 坊 立 吏 紀 紅  
惲 春 燭 茄 花 鮮 钵 握 茄 盃 廓 笮 蜜 情 團 結

Đón Tết, lung linh điện sáng, đường thông, hè thoáng, phố phường lập lại kỵ cương.

Mừng Xuân, rực rỡ hoa tươi, ngọt sạch, nhà vui, làng xóm thăm tình đoàn kết.

核 德 園 人 准 准 挤 独 辭 萬 節  
昆 賢 招 慨 茄 茄 倾 挣 福 潤 卅

Cây đức vườn nhân, chốn chốn vụn trổng xanh vạn tết.  
Con hiền cháu thảo, nhà nhà gây dựng phúc muôn năm.

惲 春 摺 盃 深 耕 能 率 爰 蓮 欣 計 劃  
孟 節 增 強 管 球 精 神 捉 細 漫 指 標

Mừng Xuân đầy mạnh thâm canh, nồng suất vươn lên hơn kế hoạch;  
Vui Tết tăng cường quản lý, tinh thần xốc tới vượt chỉ tiêu.

孟節決空底稿  
幘  
幘春勤少朱  
稽卒茲  
慈

Vui Tết, quyết không để mạ già cay chậm;  
Mừng Xuân, gắng làm cho lúa tốt béo nhiều.

瞬券產稽韓  
姊農民施擲  
幘  
幘  
廠巴歌攢趨英  
工人產出懼  
愚民

Ruộng khoán sẵn lúa xanh, chị nông dân thi đua mừng tuổi Đảng;  
Xưởng ba ca máy chạy, anh công nhân sản xuất đẹp lòng dân.

敬持敬多擇  
距病品質  
自批自折幘  
樹買思維

Dám nghĩ, dám làm, chống xói mòn phẩm chất;  
Tự phê, tự sửa, mừng đổi mới tư duy.

民羅裕裕固卒蘿梗買卒  
諾固源源腐沖滌瀝拱沖

Dân là gốc, gốc có tốt lá cành mới tốt;  
Nước có nguồn, nguồn mà trong sông lạch cũng trong.

孟節獨立自由闡  
裸  
恩  
馭指  
蹏  
幘春和平統一沒念信想黨移唐

Vui Tết độc lập tự do, muôn thuở nhớ ơn Người chỉ lỗi;  
Mừng Xuân hòa bình thống nhất, một niềm tin tưởng Đảng đưa đường.

坦諾幘春春祀買

## 家庭頓福福洩婁

Đất nước mừng Xuân, xuân trẻ mãi;  
Gia đình đón phúc, phúc dài lâu.

## 柴咅磊徒學儻盃節少蹠墜伯咅 學笆咍行吏卒憇春妝嵩役場交

Thầy dạy giỏi, trò học chăm, vui tết làm theo lời Bác dạy:  
Học đã hay, hành lại tốt, mừng xuân nhớ trọn việc trường giao.

## 傳見識引文章向業造才能爲利益慕辭哪墜伯 練語言溫道理改革煽意志辯尊師闡螺妝功柴

Truyền kiến thức, dân văn chương, hướng nghiệp tạo tài năng, vì lợi  
ích trăm năm vâng lời Bác;  
Luyện ngữ ngôn, ôn đạo lý, cải cách rèn ý chí, chữ tôn sư muôn thuở  
nhớ công thầy.

## 划冗僥奸魑筆拯披弓挽轟 退包饒道昆船輪樣裡競帆

Đâm mây thằng gian, ngoài bút chǎng bẻ cong uốn vẹo;  
Chở bao nhiêu đạo, con thuyền luôn vững lái cảng buồm.

## 焰躉踏迎巴帝國 棍榦擗樣沒基圖

Giày vải dẹp nghiêng ba đế quốc;  
Gậy song chống vững một cơ đồ.

## 坦越燭志英雄祖國記功如渡奇 淹蒲憇名烈士人民怍腋似巔高

Đất Việt người chí anh hùng, Tổ Quốc ghi công như biển cả;  
Sông Bồ sáng danh liệt sĩ, nhân dân tạc dạ tựa non cao.

恩黨先鋒革命堪誠埠自主  
福茄厚待和平立吏闡榮光

Ôn Đảng tiên phong, cách mạng xây nên nền tự chủ;  
Phúc nhà hậu đãi, hòa bình lập lại cửa vinh quang.

羣軒辭浩勵當局樹誠旗寔業報新民義翼解沒梗江  
山蠟固懿真憫拱拖  
老逝犧身憲包番險阻志愚公魂精衛疚痕裡畔晤渭  
逾蚕雖竭肆汎群紅

Bốn nghìn năm nước cũ, đương cuộc đổi thay, cờ Thực nghiệp, trống Tân dân, may mắn sao một gánh giang sơn, rất có nhiều chấn, mừng cũng đã;

Sáu mươi tuổi thân già, bao phen hiểm trở, chí Ngu Công hồn Tình Vệ, đau đớn nhẽ nửa đêm mưa gió, tăm tuy rút ruột vẫn còn vương.

(Câu đối của Bạch Thái Bưởi viếng Phan Chu Trinh)

黨霸害無情委兜怒剪些庄彥逝辭魂浩吏魂茄鍾擇報  
榕仍約自由羅幸福  
巖淹終梗礮埃乃拱如翁奇外逝歌連喟哭霜和遙  
順群憊不死意精神

Sấm sét khéo vô tình, trời đâu nỡ giết ta chǎng, mấy mươi năm hồn nước  
lại hồn nhà, chuông gióng trống rung, những ước tự do là hạnh phúc;  
Non sông chung gánh nặng, ai thấy cũng như ông cả, ngoài mười dặm  
tiếng ca liền tiếng khóc, mưa hoà gió thuận, còn mong bắt từ áy tinh thần.

(Học sinh trường Thuận Hoá viếng Phan Chu Trinh)

嘆餓委坦拯傷臥志士竭憲拱域權民朱巖浩翔捲眉  
嘆喂江山群少頹英雄祕埃忼算役浩底彈昆隴仍疚憲  
Ngán nỗi trời đất chǎng thương người chí sĩ, hết lòng bênh vực quyền  
dân cho non nước mờ mang mày mặt;

Than ôi! giang sơn còn thiếu mặt anh hùng, lấy ai lo toan việc nước  
để dàn con luống những đau lòng.

(Đồng bào bái viếng cụ Phan Chu Trinh)

瞞昧夢懾巖澗姊姪碎色別之兜市主市民市權藩市  
權馳恤固先生才操略

陳濁心身爲社會神聖轡枚躉群伎固坦固委固魂吒固  
魂媒礮份恨死胞冰傾

Mơ màng giác mộng tui non sông, chị em tôi đã biết chí đâu, nào chủ,  
nào dân, nào quyền nước nào quyền người, nhở có tiên sinh tài thao lược;  
Trăn trọc tấm thân vì xã hội, thần thánh trước mai sau còn nhớ, có  
đất, có trời, có hồn cha có hồn mẹ, nặng chia hạn tử dạ bâng khuâng.

(Nữ sinh Quảng Nam viếng Phan Chu Trinh)

聖神搖動庶卉余固悲零零矇矓匝湄沙怯幅先知委嫋勞  
國家興運喟沒臥共空掙塊噭嘵諾愁吉培疚懸後輩渡群猪

Thánh thần dao động, trải nghìn năm mới có bảy giờ, ngắn ngơi gió  
tập mưa sa, khép bức triền trời nỡ thế;

Quốc gia hưng vận, dẫu một người cũng không tránh khỏi, ngao ngán  
nước sâu cát bụi, đau lòng hậu bối biển còn chờ.

(Học sinh trường Kỹ nghệ viếng Phan Chu Trinh)

辯森辭轡覽具於低劍野蠻巴楚稽頭慷慨余墜委坦証  
明憲鐵石

余兆同胞翹具銜藩臺文化婢澄搓璇遞湄沒陣巖滇  
渚深桑滄

Mười lăm năm trước thấy cụ ở đây, kiếm dã man ba thước kê dầu,  
khảng khái mấy lời, trời đất chứng minh lòng thiết thạch;

Mấy triệu đồng bào trông cụ về nước, đài văn hóa nửa chừng xoay xở,  
gió mưa một trận, nước non chan chứa giọt tang thương.

(Ký lục Võ Liêm Sơn viếng cụ Phan Chu Trinh)

余逝辭船波邊垂彙殲心孤忠違爲浩嘯爲民精神沕浪  
沪滬崗越

色慘課摶鍾榕潰滬催魂故國燭合懸璧合飭事業停付  
托招琨鴻

Mấy mươi năm gốc bể bên trời, vắng vặc tâm cô trung, trên vì nước,  
dưới vì dân, tinh thần vẫn láng lo sông núi Việt;

Đã nhiều thuở khua chuông rung trống, sục sôi hồn cố quốc, trước  
hợp lồng, sau hợp súc, sự nghiệp đành phó thác cháu con Hồng.

(Nữ sĩ Đạm Phương viếng cụ Phan Chu Trinh)

精神斃鄧能空躺歎乙丑解汚吏躺訥丙寅嘆台滬陀群  
滌崗陀群遠翁媿移兜恩諾沕群懸鐵石

心血壯埃拱旁臥淮南坼戰慄吏臥京城化終奇垂越羅  
坦娛魂返術妒傷昆坤歎淡山河

Tinh thần chết đặng hay không, tháng năm Ất Sửu sao ngờ lại tháng  
hai Bính Dần, ngán thay sóng Đà còn sóng, núi Đà còn mây, ông nỡ  
đi đâu, ơn nước vẫn còn lòng thiết thạch;

Tâm huyết sống ai cũng thế, người chốn Nam Kỳ chắc nghĩ lại người  
kinh thành Huế, chung cả trời Việt là cha, đất Việt là mẹ, hồn vừa về  
đó, thương con khôn dặm đợt sơn hà.

(Nam sinh Quảng Nam viếng cụ Phan Chu Trinh)

訥盍兆同胞臥蹙羅臥眞蹟昧暎撚襟移兜竦具具徹  
忉脾夥

眾蔚辭祖國尼崗尼滬尼錢棱鉑波响魂術翥晦委委固  
揅頭庄

Hai nhăm triệu đồng bào, người già người trẻ, người chân chập mắt  
lòi, mang thuốc đi đau, thưa cụ cụ xiết đau ruột lám;

Bốn nghìn năm Tổ quốc, này núi này sông, này tiềng rùng bạc bẽ, hú  
hồn về chúa, hỏi trời trời có ngoảnh đầu chăng?

(Nhà thương Huế viếng cụ Phan Chu Trinh)

功恩黨軒秋吻快

德博胡闔課空清

Công ơn Đảng nghìn thu vẫn nhớ;

Đức Bác Hồ muôn thuở không quên.

浩獨立民自由幸福軒辭坦越

景屹坼坼統一和平闔課垂春

Nước độc lập, dân tự do, hạnh phúc nghìn năm đất Việt;

Cánh ba kỳ, nền thống nhất, hòa bình muôn thuở trời xuân.

武略煉雄兵綠水軒秋競史越

文才謀上將白藤沒陣勝軍元

Vũ lược luyện hùng binh, Lục Thủy nghìn thu ghi sử Việt;

Văn tài mưu thượng tướng, Bạch Đằng một trận thắng quân Nguyên.

陵寢自辭帝崩傘掩洮嫩浩技乖術坦祖

文明當唄買罷鴻招貉種倘群別快墓翁

Lăng tẩm tự năm nào, núi Tân, sông Thảo, non nước vẫn quay về đất  
Tổ;

Văn minh đương buổi mới, con Hồng, cháu Lạc, giống nòi còn biết nhớ  
mộ Ông.

近貝科群咦始垂固福固份

僻進舛成才憇翁強眇強夷

Mười mấy khoa còn gì, nhờ trời có phúc có phận;

Năm mươi tuổi thành tài, mừng ông càng dẻo càng dai.

稽穆私炒臘四

納四摸辭貫老六

Lúa tám, gặt chín tháng tư

Nồi tư, mua nǎm quan sáu

最忌近怯翹乾坤搗秩吏矯魔王移鬼腳  
最初沒挾杆造化綱襯罷朱少女連春術

Tôi ba mươi, khép cánh càn khôn, ních chật lại kéo ma vương đưa  
quý tới;

Sáng mồng một, lòng then tạo hóa, mở toang ra cho thiếu nữ rước  
xuân về.

違官鄰民僻朱違順鄰和婁几朕欣憇駟情  
駟廊駕底貴乎外淹駕廢沒勾忍羅炒勾怜

Trên quan dưới dân, sao cho trên thuận dưới hòa, lâm kè yêu hơn  
nhiều người ghét;

Người làng trong họ, quý hổ ngoài êm trong ám, một câu nhìn là chín  
câu lành.

坦庄沛軼抗改船艤驛鄧

委麻覩婦試耽肝脾婚轂

Dắt chẳng phải chồng, đem gửi thịt xương sao đặng;

Trời mà chết vợ, thử xem gan ruột màn răng.

耀共想秦晉沒茹盃份薄沛惄坦客  
市固別北南堆我抗梗鑊移堵澗吳

Trước cũng tương Tân Tán một nhà, vậy phận bạc phải nhờ đất Khách;  
Nào có biết Bắc Nam đổi ngả, đem gánh vàng đi dọc sông Ngô.

霸固少之錢抗沒卽貫空沛義

迦空辰共薄覩𦵃咤嚧羅情

Giàu có thiếu chi tiền, đem một vài quan không phải nghĩa;

Sang không thì cũng bạc, kiếm năm ba chữ gọi là tình.

閨齋禪娘似渚包數蝶  
江師哉經偈燭香搭烟抵嚧願仍  
矇師孟劫

塘淨渡車概械ノ祝鍾敲尾抵廚塵尾抉花燈菓供歛房女  
底尾諸駁

Cửa trai thiền nương tựa bao lâu, dịp dàng sư dạy, kinh kệ sư  
rèn, hương thắp đèn khêu, khấn nguyện những mong sư mạnh khoẻ;  
Đường tịnh độ xa khơi nên phút chốc, chuông trống vãi khua, chùa  
chiều vãi quét, hoa dâng quả cúng, sớm khuya nợ để vãi chờ vỡ!

遠核固花靄核固花翁榮花飲探花書曰重華此之謂也  
外墻固杜鵑茄固杜鵑悶杜些朱杜詩曰杕杜不其然乎

Trên cây có hoa, dưới cây có hoa, ông vịnh hoa, tôi thảm hoa,  
Thư viết: Trùng Hoa thủ chi vị dã;

Ngoài sân có đỗ, trong nhà có đỗ, người muôn đỗ, ta cho đỗ.  
Thi viết: Đỗ Đỗ bất kỳ nhiên hồ!

色平減搘醜調欣窄磊  
貴乎順昧繙葛吏派懿

Đã chót nhúng tay, xáu đều hơn tốt lỏi;

Quí hồ thuận mắt, thăm lám lại phai nhiều!  
(Vịnh nghệ nhuộm)

姑盧姑祿渥  
趾蓮趾靄蜂

• Cô lô cô lốc, ốc...

Nhảy lên nhảy xuống, ong...

(Trạng Quỳnh vịnh Đồng cô)

半行憇客客憇茄行茄行空憇客  
會幣扒鞦韆鞦韆少誠貼貼庄少誠鞦

Bán hàng chiều khách, khách nhớ nhà hàng, nhà hàng không nhớ  
khách;

Hợp chợ lấy người, người làm nê cửa, cửa chảng làm nê người.  
(Nhà hàng)

妾爲憇龕空台粧  
客悶噉奩沛擾牟

Thiép vì lòng thảng không thay hụt  
Khách muốn mội son phải mượn màu  
(Tú Xương vịnh cô hàng cau)

江山緣來堆墳叩  
文武抗罷沒曲琴

Giang sơn tóm lại đồi sân khấu

Văn vũ đem ra một khúc cầm

(Cụ Nghè Nguyễn Quý Tân tặng cụ Thương Nguyễn Công Trứ)

糊塗乾坤固罷插買別  
罷包相將試咧昧麻瞓

Mở khép cùn khôn có ra tay mới biết  
Ra vào tướng tướng thủ liếc mắt mà coi  
(Nguyễn Hữu Chính)

遙掠端昂駛遙坂  
駛瞓闌瞓昧駛瞓  
Gió tựa tường ngang lưng gió phảng

Trăng nhòm cửa sổ măt trăng vuông

坦窓渡汎補添滿  
尚憇委迎施扒遠

Đất e biển cạn bù thêm nước

Núi sợ trời nghiêng đỡ lấy mây

沒凹旬殲龜扒懶課燭固蜍之聖醞  
凹進峯傘鑛辰共盃術牋空禮降神糲

Một và tuần chén trăng lấy làm vui, thuở trước có thờ chi thánh rượu;

Ba mươi sáu tàn vàng thì cũng vậy, về sau không lễ giáng thần cơm.

(Phạm Thái tự vịnh)

翁老庄別之文打虐冊眈斂霸移萬固空空岫  
仇扒楊空芮蹟

將士瞻共卒車安連砲称躋騎眾象昂昂育育妒駟騎馬  
敢罷迺

Ông lão chẳng biết chi, vẫn đánh ngược, sách xem xuôi, giàu tám vạn,  
có có không không, dẫu kè bắc thang không nối gót;

Tướng sĩ coi cũng tốt, xe ăn liền, pháo nhảy vọt, cưỡi bốn tượng,  
ngang ngang dọc dọc, đố người kỵ mã dám ra tay.

(Vịnh đánh tổ tôm)

滿灘遼汀鮀唼鮀  
委曠熾熾駟樹駟

Nước trong leo leo cá đớp cá

Trời nắng chang chang người trói người

(Cao Bá Quát)

讀凹森老峯進卷經庄神聖佛仙仍恪俗  
台移萬軒司墨偈空群臣父子劬罷駟

Đọc ba trăm sáu mươi quyển kinh, chẳng thèn thánh phật tiên  
nhưng khác tục;  
Hay tám vạn ngàn tư măc kệ, không quản thân phụ từ đέch ra người.  
(Nguyễn Công Trứ)

遙眷院核核眷遙  
臘拂牕落落拂臘

Gió quyến ngọn cây, cày quyến gió;  
Trăng lồng dây nước, nước lồng trăng.

拏猶見試登高客  
躇距楚耽坦蠟跋

Giơ tay với thủ trời cao thấp;  
Xoạc căng do xem đất ngắn dài.  
(Hồ Xuân Hương ngã tự vịnh)

拔古鏡罷尋孔唾  
插殘衣未底惺噏

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng;  
Xếp tàn y lại để dành hơi.  
(Nguyễn Gia Thiều vịnh góa phụ)

狀元移舛貢馱越  
使事近辭燠坦吳

Trạng nguyên tám tuổi thơm người Việt;  
Sứ sự mười năm khét đất Ngô.  
(Vịnh sách Phạm Công Cúc Hoa)

得辰搆輸辰趙惜症英雄苦  
安撫課於撫辰魄些如落

Được thì vơ, thua thì chạy, ghét chứng anh hùng rơm;  
Ăn láy thuở, ở láy thì, coi người ta như rác.  
(Vịnh đánh bạc)

沒隻柑櫞躉固帝  
巴琰鉅鏤跣辰王

Một chiếc cùm lim chân có đế  
Ba vòng xích sắt bước thi vương

迦古鴻翹榜空飄委坦咳文章灑渡  
蹠頭鷗術茄嚙媚嬈衣錢結蓬委

Nghển cổ cò, trông bàng không tên, trời đất hỡi, văn chương xuống biển;  
Lùi đầu cuốc, về nhà gọi vợ, mẹ dì ơi, tiền gạo lên trời!

印如草木委南來  
抗哿山河坦北遷

In như thảo mộc trời Nam lại,  
Dem cả sơn hà đất Bắc sang.

(Bà Huyện Thanh Quan vịnh chén uống trà)

罷插扠杆炊艷諾  
哈炮噴霆瀝塔塵  
Ra tay cầm cán sôi trong nước,  
Ngâm khói phun mây sạch bụi trần.  
(Cao Bá Quát vịnh điêu cầy)

攝萋悄颶鯨核琨招娘姑爲墜  
役諾罷插轉鉢北南兜底來行  
Nép giàu quen thói kinh cơi, con cháu nương nhờ vì ám;

Việc nước ra tay chuyển bát, bắc nam đâu đáy lại hàng.  
(Lê Thánh Tông vịnh hàng nước)

固疾秩命救病如救火  
則拯哈策歹福如歹霸

Có tật giật mình, cứu bệnh như cứu hoả;  
Đứt tay hay thuốc, làm phúc như làm giàu.

丐鴉畱沫坡淹擣吧餒混席化實  
禪鳳噤嵬靄濕冰傾緣姊吏徐底

Cái cò lặn lội bờ sông, rù rì nuôi con mà hoá thực;  
Gối phượng ngậm ngùi dưới suối, bàng khuàng duyên chị lại từ đây.  
(Tú Xương viếng ông hàng xóm có vợ cả mất, vợ sau làm hàng xóm)

樹蹟騏驥揷包櫛  
曷肆桑蓬呂女餌

Trói chân kỳ ký tra vào rọ  
Rút ruột tang bồng trả nợ cơm

姪姁衣疋進愁辯未泣東西南北眾方委兜共凌名公子壳  
委坦吟互沒番尼女插弓劍琴書包沒梗歹朱溪鮚丈夫鯨

Chị em ơi! ba mươi sáu tuổi rồi, khắp đông tây nam bắc bốn phương  
trời, đâu cũng lừng danh công tử xác;  
Trời đất nhè! gắng một phen này nữa, xếp cung kiếm cần thư vào một  
gánh, làm cho nổi tiếng truỵt phu kềnh.

笄義叟寅混沌竭  
鬚鬚銑買丐簪罷

Chữ nghĩa móm dần con trè hết  
Râu ria đậm mãi cái già ra

(Cụ đồ tự vịnh)

坦民廚廊風景佛  
馴鹿貼世諾巖仙

Đát dân chùa làng phong cảnh phật  
Người dời của thế nước non tiên

花菓懸誠燈供佛  
燭香恭奉敬家先

Hoa quả lòng thành, dâng cúng phật  
Đèn hương cung phụng, kính gia tiên

空燈春煙之焰爛  
固禮委市揀闕埃

Không dung xuân đèn chi nhà tớ  
Có lẽ trời nào đóng cửa ai

檢沒核油陳貝裡  
吁堆吻對底蜍翁

Kiểm một coi trầu thưa với cụ  
Xin dôi câu đối để thờ ông

四時八節庚終始  
岸柳堆蒲欲點妝

Tứ thời bát tiết canh chung thủy  
Ngạn liễu dôi bồ dục điểm trang<sup>11</sup>

<sup>11</sup> Câu đối của nhà thơ Nguyễn Khuyến (1835 - 1909) làm cho ông hàng thịt. Nghĩa chữ Hán của câu đối này là: bốn mùa tám tiết lần thay đổi, bờ liễu gò bồ muốn điểm trang. Nhưng trong câu đối này, vẽ trên có “bát tiết canh”, vẽ dưới có “dôi bồ dục” lại có ý Nôm nói về hàng thịt.

敬誠皈禪禮

忠好沒愚蜍

Kính thành hai chữ lê

Trung hiếu một lòng thờ

品菓共儀迎佛祖

香花誠敬獻天仙

Phẩm quả cúng giáng nghênh phật tổ

Hương hoa thành kính hiến thiên tiên

慈稚貯賒娘膝佛

旬背花菓度生靈

Già trẻ gần xa nương bóng phật

Tuần rằm hoa quả độ sinh linh

志切修道闡農福

誠心念佛萬年康

Chí thiết tu đạo muôn đời phúc

Thành tâm niệm phật vạn niên khang

闢廣廊湯馱戈侏

塘移曠嘒嘈客畧包

Cửa rộng thênh thang người qua lại

Đường đi thẳng tắp khách ra vào

坦蕩廚廊風景佛

貼農馱世蕩巖仙

Đất nước chùa làng phong cảnh phật

Cùa đời người thế nước non tiên

塘覺悟提攜進化  
闡慈悲接引隨緣

Dường giác ngộ đê huề tiến hóa  
Cửa từ bi tiếp dẫn tuỳ duyên

強憑強商強歷事  
拯揀拯轉拯桑滄

Càng vững càng thương càng lịch sự  
Chẳng rung chẳng chuyển chẳng tang thương

生時仰慕慈悲沒懸蜍供佛  
謝世西天念德感淪道化神

Sinh thời ngưỡng mộ từ bi, một lòng thờ cúng phật  
Tạ thế tây thiên niệm đức, cảm luân đạo hóa thần

陵墓巍峨映玉朝碧創買  
廟殿燈燭焚香迺顧紓數

Lăng mộ nguy nga, ánh ngọc triều xưa sáng mãi  
Miếu đền rực rỡ, phản hương dâu cũ bến lâu

位正進方常變現  
魁高萬丈擅威儀

Vị chính mười phương thường biến hiện  
Ngôi cao vạn trượng vẫn uy nghi

遯法霜慈潤泣奇人間巴揆  
飄垂景佛憇終窮世界茹州

Gió pháp mưa từ, nhuận khắp cả nhân gian ba cõi  
Bầu trời cảnh phật, vui chung cùng thế giới năm châu

閻佛鞠搘碎砂範燒廚廊社  
墳塋沫漢鍾鑄喏嘴景挂些

Cửa phật mở mang, bia đá ghi tên chùa làng xă  
Sân trời mát mẻ, chuông vàng nức tiếng cảnh quê ta

夢沒節夢𠵼節夢巴節喴節  
最色醉囂吏醉最拱醉朱醉

Mồng một tết, mồng hai tết, mồng ba tết, ừ tết  
Sáng đã say, trưa lại say, tối cũng say, cho say

固羅包巴萬粒酐得暮丐節  
約嘆喴沒辭近𠵼腦奇眾務春

Có là bao, ba vạn sáu ngàn ngày được trăm cái Tết  
Ước gì nhỉ, một năm mười hai tháng cả bốn mùa Xuân

械佛械神坦顛細臉範蹈印  
尼陵尼廟焰香群買貝纓撐

Nên phật nên thần, đất cũ tới nay ghi dấu ấn  
Này lăng này miếu, lửa hương còn mãi với non xanh

固祖固先固喩固娛恩德劬勞礪  
羅招羅毘羅淵羅種義情報答裡低

Có tổ có tiên, có cha có mẹ, ân đức cù lao nặng nhỉ  
Là cháu là con, là giòng là gióng, nghĩa tình báo đáp sao đây

最燈花念佛彌陀  
最供菓誦經懺悔

Sớm dâng hoa, niệm phật Di - đà  
Tôi cúng quả, tụng kinh Sám hối

坦諾平安惆德聖  
珪鄉盛旺述功神

Đất nước bình yên, mừng đức thánh  
Quê hương thịnh vượng, đón công thần

瑄鳴鍾鑄固沛屣行埃帝吟  
韻蓮閣紫想如垂佛於兜低

Nghe tiếng chuông vàng, có phái họ hàng ai đây nhỉ  
Trông lên gác tía, tưởng như trời phạt ở đâu đây

諾碧沒醉印景佛  
核鬱篆頌蘿巔仙

Nước biếc một màu, in cảnh phật  
Cây xanh bốn mặt, đẹp non tiên

佛固應靈由誠心信仰  
修輪菓福岫憑志煉瑜

Phật có ứng linh, do thành tâm tín ngưỡng  
Tu tròn quả phúc, bởi vững chí luyện rèn

渡苦渡迷船濟渡  
花靈燭慧闡慈悲

Bể khổ bến mê thuyền tế độ  
Hoa linh đuốc tuệ cửa từ bi

闡佛慈悲少福得福  
機垂報應於繙返繙

Cửa phật từ bi, làm phúc được phúc  
Cơ trời báo ứng, ở lành gặp lành

腦堆各彌禮念經得迷醉盛旺  
醉罷季蓮廚禮佛求八節平安

Tháng đôi lần làm lễ niệm kinh, được quanh năm thịnh vượng  
Năm bốn quý lên chùa lễ phật, cầu bát tiết bình yên

渡苦渡迷船濟渡  
花靈燭慧闡慈悲

Bể khổ bến mê thuyền tề độ  
Hoa linh đuốc tuệ cửa tử bi

回鍾感動愴逝方南無佛湧成愁悵波苦  
念偈傳通巴郢撥轉機垂符國泰護安民

Hồi chuông cảm động chấn mười phương, nam vô phật vợi thành sầu  
với bể khổ;  
Niệm kệ truyền thông ba bảy cõi, chuyển cơ trời phù quốc thái hộ an  
dân.

鐘霜鳴噲魂今古  
樓遙移衡膝色空

Chuông sương kêu gọi hồn kim cổ;  
Lâu gió đi về bóng sắc không.

劇塵緣沒職鑄界定慧嚴修身成佛  
爭世事暮醉鉢參暝癡碌芒業負身

Kịch trần duyên một giắc vàng, giới định tuệ sớm tu thân thành phật;  
Tranh thế sự trăm năm bạc, tham sân si sau mang nghiệp vào thân.

闡空暮映經幕蘿  
茄淨遙蕡香篆務

Cửa không trăm ánh kinh trăm lá;  
Nhà tĩnh gió thơm hương bốn mùa.

本淵詩禮堆燈春秋退客書生覽懸欲易  
弟此庄周辯孔孟覽娘顏色買沛珠呈

Võn dòng Thi Lễ, dôi tám xuân thu, gặp khách thư sinh thấy lòng dục  
dịch;

Đệ thủ Trang Chu, mười năm Khổng Mạnh, thấy nàng nhan sắc mới  
phải thua trình.

翠翹趨戈矯略覽私金懸色重  
仲水喘凹泓曠認娘媚昧瀉珠

Thuý Kiều đi qua cầu, nhác thấy chàng Kim lòng đã trọng  
Trọng Thuỷ nhòm vào nước, thoảng nhìn nàng Mị mắt rời châu.

醉萎醉醕空醉落  
隣暮隣遜拯隣貫  
Bán trầu bán rượu, không bán nước  
Buôn trăm buôn chục, chẳng buôn quan.

磚撐堦貢坑轆轤坑連  
翫赤笠墮笠疊提笠轡  
Đá xanh xây công, hòn dưới giống hòn trên  
Ngói đỏ lèp nghè, lớp sau đè lớp trước.

混秩吒如駄離祖  
核惻朗僻遜拯停  
Con mắt cha như chim lia tố  
Cây muôn lặng sao gió chẳng dừng.

德媄高哆審切踈癡尙辯

悉毘報答哈嚕罕祐巴春

Đức mèo cao dày, thầm thiết thơ ngây chín chữ

Lòng con báo đáp, ngậm ngùi tặc cỏ ba xuân.

翁移兜移兜柄唁葉殂頌壯札埃憇愍女

吒哭鄰哭祿頭喪遽織徘徊覓景哈嚕台

Ông di dâu di dâu, bánh ngọt quả ngọt, ban sẻ láy ai vui vẻ nữa.

Cha khóc lăn khóc lóc, đầu tang tóc rối, bối hồi thấy cảnh ngậm ngùi thay.

婆憇蓮撥佛撥仙姑貝招收滄坤摯計

茄嗜勢空霸空固媄共英炉料仍彌解

Bà vui lên cõi Phật cõi tiên, cô với cháu nhỏ thương khôn xiết kể.

Nhà tiếng thế không giàu không có, mẹ cùng anh lo liệu những làm sao.

惆惋注共如吒每役娘惄群摯計

哆悽注術景佛惄情滄收別包饒

Mừng thầm chia cũng như cha, mọi việc nương nhờ còn xiết kể.

Ngán nỗi chú về cảnh phật, xót tình thương nhớ biết bao nhiêu.

老壽罄兜迎語爲埃誠霆鉢

春釋蘿賣搣運姪勢拉桃嫩

Lão chùa già dâu, nghiêng ngừa vì ai nén tóc bạc

Xuân sao trẻ mài, quay vần đến thế vẫn đào non

(Tú Xương lâm phó Huyền)

創罌尚創覓花鑽收具黃花

柴至廚柴認慶移想悉石磬

Sáng ra núi Sáng, thấy hoa vàng nhơ cụ Hoàng Hoa;  
Thày đến chùa Thày, nhìn khánh đá tượng lòng Thạch Khanh.

縣三陽固隘昆蟲躋嶺崗砂礫衘立石  
廊百榦行轂次禿蹠湧瀉汎垣緣河

Huyện Tam Dương có ba con dê, đứng núi đá trông về Lập Thạch;  
Làng Bách Cốc hàng trăm thác, theo ven sông xuôi đến Duyên Hà.

駢廊筭棘梗柵籬移過荻竹咀畧噦噦  
官府鑊頭白如鶴伶筆鵝鴨曰伶如擣

Trai làng Nứa vai gánh đòn tre, đi qua khóm trúc thở ra hí hóp;  
Quan phủ Vạc đầu bạc như cò, cầm bút lông gà viết nhanh như cắt.

埃公侯埃卿相勳塵埃埃褐別埃  
勢戰國勢春秋返時勢勢時沛勢

Ai công hâu, ai khanh tướng, trong trán ai, ai dẽ biết ai!  
Thế Chiến quốc, thế Xuân Thu, gấp thời thế, thế thời phải thế.

跋軒辭文獻坦昇竜曾歸聚人才  
接傳統豪花臥河內掄撝措智慧

Trải nghìn năm văn hiến, đất Thăng Long từng qui tụ nhân tài;  
Tiếp truyền thống hào hoa, người Hà Nội luôn mở mang trí tuệ.

貴廉正重才能社會公平述辭節  
除官僚排貪冗全民團結舉務春  
Qui liêm chính, trọng tài năng, xã hội công bằng quanh năm Tết;  
Trừ quan liêu, bài tham nhũng, toàn dân đoàn kết bốn mùa Xuân.

姁桃日新姁渢瀉紅春爌世涅春河內

靜落湖西靜核還劍節憚哈愍昇竜

Đỗ đào Nhật Tân, dỗ sóng sông Hồng, xuân đẹp thế nét xuân Hà Nội;  
Xanh nước Hồ Tây, xanh cây Hoàn Kiếm, tết vui thay vẻ đẹp Thăng Long.

節快娛卷頭色白

春傷昆祉鬱群靜

Tết nhảm già đầu đã bạc;  
Xuân thương con trẻ tóc còn xanh.

落處湄軒廊露雨

伊昔橐動坦風雷

Lác đặc mưa rơi làng Lộ Vũ;  
Ý âm sấm động đất Phong Lôi.

賣遡惄學涓墜唶

施杜巫官嘔噏柴

Mải chơi biếng học quên lời bố;  
Thì đã làm quan nức tiếng thầy.

杜外朗招兜調逗巢

豆安排袖勦技擣花

Đỗ Ngoại Lăng gieo đậu đều đậu quả;  
Đậu An Bài trồng mải vẫn trổ hoa.

哈獮扒兜搗罌荔船

鷯鶴沙艦仍空効船

Hàm trâu, lấy đâu dêo ra nhiều thịt;  
Chim hạc, ít nạc nhưng rất rắn xương.

施鄉蘿箕雖饒施會蘿箕雖饒沒哨榜嚙歪欣歲仍馳爭婿著  
姑妝堆脂雙蛻姑妝堆脂雙蛻翠頭裙灑坦暢岱台二奶奶執轎終

Thi hương lá cờ đuôi nheo, thi hội lá cờ đuôi nheo, một tiếng bàng  
vang trời, hơn hẳn những người làm rể trước;

Cô lớn dôi giày mõm ngoé, cô bé dôi giày mõm ngoé, bốn chân quần  
quét đất, sương thay hai gái lấy chồng chung.

昆狂尋竟繩顛得翁里訕頭虧褪

姥嬪筮邊官尚覓具貳助故忱嗜

Con chó đứng cạnh thằng Tây, được ông Lý cúi đầu mà lạy;

Mụ đầm ngồi bên quan Thượng, thấy cụ Nhì cũng cổ thầm khen.

翁議得賞賚低獵多羆顛称蟬撲會妥稿惱剗洒

馳南轍權保護希蒲愍民奴隸偈裝牲苦的勤之

Ông Nghị được thưởng mề đay, khỉ làm xiếc, Tây nhảy đầm, mả hội  
ăn khao vui gớm nhỉ;

Người Nam dưới quyền bảo hộ, vua bù nhìn, dân nô lệ, kệ đời sống  
khổ đếch cần chi.

搜稅釀幽腔哨牒捉嚙昆狂嚙

民娃忼紺隕者豪吻咧哨猶噶

Sưu thuế nặng cung lưng, tiếng mõi thúc vang, con chó sủa;

Dân quê lo vón dáy, kỳ hào thét lác, tiếng bò kêu.

笨柱笨貌嗔丐仇掙脣掙歛席拯別掙櫛拱世界

仁頭仁竜捲捲仍埃捲落遲未暮低捲瀝儂培顛

Bốn trụ bốn nghê cười, cười cái kẽ tranh thịt tranh xôi mà chẳng biết  
tranh đua cùng thế giới;

Hai đầu hồi hai long cuốn, cuốn những ai cuốn nước cuốn mây rồi mai  
đây cuốn sạch lù bồi Tây.

姊衣姊沒嘯洞停劫浮生官敲色衝來他矧駐乘姪買姊  
昆唉昆暮辭創燐羣世闔各昆群燭妒音忱龜叮媄拱昆  
Chị ơi chị! Một tiếng dùng đồng, kiếp phù sinh quan lớn đã xong rồi,  
thơ thần sống thừa em với chị;

Con hối con! Trăm năm sáng tỏ, gương thế phiệt các con còn soi đó,  
âm thầm chết điêng mẹ cùng con.

(Câu đói về vụ Cung Khắc Đản, làm quan ở Thái Nguyên (thời Pháp),  
bị chết vì lựu đạn của lực lượng cách mạng).

仍想勦拱饒得腦惱丕情故友  
弓兜械隔別疊嘲傷忮義通家

Những tưởng mãi cùng nhau, ngày tháng vui vầy tình cố hữu;  
Ngờ đâu nên cách biệt, sớm chiều thương nhớ nghĩa thông gia.

學廚富溪唼粒煙  
官縣書池旺落潤

Học trò Phú Khê ăn cơm cháy  
Quan huyện Thư Trì uống nước ao.

昆胥那耽仔細  
翁軼咳菴計功夫

Con rể nết na xem tử tế  
Ông chồng cay đắng kề công phu.

夫羅軼婦羅媚爲軼媚沛移夫  
我羅些你羅眉爲眉些誠化我

Phu là chồng, phụ là vợ, vì chồng vợ phải dì phu;

Ngã là ta, nhĩ là mày, vì mày ta nên hóa ngã.

柏襖甲解撥鋒丁戊己庚誇獅娘癸

亥妓乾腮招粧坎選離兑窖吶娘坤

Mặc áo giáp, giải cài chũ định, màu, kỳ, canh, khoe mình rằng quý;

Làm đĩ càn, tai đeo hạt khảm, tốn, ly, đօai, khéo nói rằng khôn.

(Hồ Xuân Hương - Chiêu Hồ)

侍匱候侍尋視翫嗜共悶是空固厶

武愬孟武罷舞擗雨返霜羽汎奇翫

Thị vào hâu, thị đứng thị trông, thị cũng muốn, thị không có áy;

Vũ cậy mạnh, vũ ra vũ múa, vũ gập mưa, vũ uất cả lồng<sup>11</sup>.

些尼官侍移篤塘榔助洪水朱天下愬

佇學厨橘咗瞞榜眼功招撻丕志買甘

Ta nay quan Thị, đi đốc Đường Da, trợ hồng thủy cho thiên hạ cậy;

Tôi học trò Quát, ráp mong Bằng Nhãn, công đèo bòng phi chí mới cam.

昆佳文谷蓮渥泮鵠尋林離嗔卿客

昆姪鉢場醉行觴蠚舛朝詔吶央央

Con giai Văn Cốc, lèn đốc bắn cò, đứng lầm le, cười khanh khách;

Con gái Bát Tràng, bán hài g thịt éch, ngồi chầu chầu, nói ương ương.

雞羅鵠鵠安稽

幼羅稚稚安拗

Kè là gà, gà ăn kè

<sup>11</sup> Tương truyền đây là đôi câu đối, đôi đáp giữa quan Thị và quan Vũ; trong hai vế đều dùng nhiều chữ cùng âm Thị, âm Vũ nhưng nghĩa khác nhau để diễn nhau.

Áu là trẻ, trẻ ăn áu

栴鵝揩押栴𩶔

𩶔鷺即坊𩶔𩶔

Chuồng gà kê áp<sup>(1)</sup> chuồng vịt

Cá diếc tức phường<sup>(2)</sup> cá mè

鹿羅貅貅移祿局

魚羅𩶔𩶔瀛腴魚

Lộc là hươu, hươu đi lộc cộc

Ngư là cá, cá lội ngược ngư

翁通鯤裕核提翁通空移羅翁通吏

具秀移戈闈貢具秀称得么具秀才

Ông Thông đến gốc cây Đề, ông Thông không đi là ông Thông lại;

Cụ Tú đi qua cửa Cổng, cụ Tú nhảy được ấy cụ Tú tài.

君子固窮君子窮君子固

孔明捨縱孔明縱孔明捨

Quân tử có cùng, quân tử cùng, quân tử cố;

Khổng Minh cầm túng, Khổng Minh túng, Khổng Minh cầm.

昆鶠多麻杜梗移桔嘴吗多多益善

丐𩶔郁未齧吟澳鴉𩶔蓮郁郁乎文

Con chim đa mà đỗ cảnh da, cắt tiếng gáy: Đa đa ích thiện;

Cái cá úc lại nầm luống úc, vẩy vây lên: Úc úc hồ vân.

<sup>(1)</sup> Kê, cùng âm có chữ Hán là gà; áp còn chữ Hán khác là vịt.

<sup>(2)</sup> Tức, cùng âm còn có chữ Hán là cá diếc; phường còn chữ Hán khác là cá mè.

笄大羅哿輔沒宿昂笄人羅馯渚覓馯迦杯咣𠂇  
笄皮羅豚忝𠂇點水笄波羅湧渚覓湧哿麻我搘掉

Chữ đại là cả, bỏ một nét ngang, chữ nhân là người; chớ thấy người sang bắt quàng làm họ;

Chữ bì là da, thêm ba chấm thùy, chữ ba là sóng; chớ thấy sóng cá mà ngả tay chèo.

祉吏念春浩祖畧軒辭歷史  
等蓮𠂇主權馯訶迓兆民生

Trẻ lại với xuân, nước tổ bốn nghìn năm lịch sử;

Đứng lên làm chủ, quyền người hai chục triệu dân sinh.

Mừng xuân - Huỳnh Thúc Kháng

媖坦浩春術家庭姑博英姪指璣醕惆饒訶迓兆馯空少伴  
吒忝朱莊買禍劫疎兵刀浩焰孤慨搘點試甄近叟歲吻麝鬱

Mẹ đất nước xuân về, gia đình có bác anh em, nồng chén rượu mừng nhau hai chục triệu người không thiếu bạn

Cha trời cho sống mãi, hoạ kiếp trái bình đao nước lửa, co ngón tay đếm thử, bảy mươi mốt tuổi vẫn chưa già

[(Mừng xuân - Huỳnh Thúc Kháng.)]

鬯惄馯些嘲冽嘲烘爌嘲缺脰妨脾拙嘲餅唁羹叽檜鼓  
斫槌瞻鐵研持嘲特老姊候嫩固沒

傑哉學徒對情對趣昨對遡霆泊豚瑁對眉蠟昧鳳藏膝  
峪錐輪打鼈對傑鼈喝祉破堆

Già ưa người ta chiêu, rét chiêu hong, nóng chiêu quạt, lưng đau ruột xót, chiêu cơm ngọt, cối răng vôi, chày sắt nghiên dòn, chiêu được lão chí hầu non có một.

Thầy dạy học trò đồi, tình đồi thú, ngũ đồi chơi, tóc bạc da mồi, đồi  
mày ngài mắt phượng, trống bụng cúc, dùi son đánh xuống, đồi thầy  
già con hát trẻ vừa đồi.

要饒如包如揜如抱裊如撲泥塗如搓僵美如拧行絲  
扎低固飄固伴固板鉗軟固納鉗納固牒炳蒸固稜巧醞  
Yêu nhau như bâu như rót, như hót vào thùng, như húng con quay,  
như xoay nhẹ tiện, như bện hàng tơ.

Lấy đây có bầu có ban, có ván cơm xôi, có nồi cơm nếp có đêp bánh  
chưng có lưng hũ rượu.

[(Ông Nghè Nguyễn Quý Tân)]

筆鋸墨泮魂浩醒哈翥沒阮炤紅翠腦垂南彊神遞  
蹠互移蘋英俺輶趾細堆墜珍重頭僻祝節噲春  
Bút cùn mắc kệ, hồn nước tỉnh hay chưa, một ngọn lửa hồng bốn  
tháng trời Nam chen giữa gió

Chân cứng đá mềm, anh em nên bước tới, dài lời trân trọng, đầu năm  
chúc Tết gọi mừng xuân.

[(Mừng xuân - Vũ Oanh)]

欺撋最暗暗君子殂揲聰拯覓  
昧翫番昨霍英雄匝井尋席曉  
Khi khép tôi om om, quân tử tờ mờ nhìn chẳng thấy  
Lúc mở ra toác hoác, anh hùng tấp tểnh đứng mà coi.

[(Hồ Xuân Hương)]

搜長紇綿金剛呢點呢切呢小呢僧呢法有直言持誦  
模慈悲鐘濟度市摶市拈市懸市襍南無陀佛奉如來  
Xâu tràng hạt chuỗi kim cương, này đếm, này đeo, này tiêu, này tảng,  
này pháp hữu trực ngôn trì tụng;

Mô từ bi chuông té độ, nào khua, nào gõ, nào khăn, nào vái, Nam mô  
đà Phật phụng Như lai.

(Hồ Xuân Hương)

郭屍眾奴試之杜婢席之市仍欺醜駕飄彈船壁冊船  
案伴駕茄曉噉肢遜卑務遜色都味催固騎之坊廳鼎

群固聚些囚拯博苔拱拯博朱鯉貳回如鱗咷如蠅嗜如  
銚昧如靈捉搏嶺滬沒梗少朱誠役閉隙仕晦傳暮辭

Quách thây chúng nó, thi mà chi dỗ nữa mà chi, nào những khi rượu  
dày bầu, đàm dày vách, sách dày án, bạn dày nhà, nghêu ngao trăng  
gió bốn mùa chơi đùa dù vị, thôi có lạ gì phuờng mặt trăng;

Còn có bọn ta, tù chảng sợ đầy cũng chảng sợ, cho đến lúc miệng như  
tép, mép như rồng, tiếng như cồng, mắt như chớp, xốc vác non sông  
một gánh làm cho nén việc, bấy giờ sê hồi chuyện trăm năm.

[(Nghe tin bạn thi đỗ - Lê Đại)]

固遠空遜盧潮钟黍沒堆欺呴沒堆墜常晦嚦奇廊奇村  
奇親戚底行勁飾擲才群吻瞞乎鬱舊界

拯獮時鶴過螺衝眼翠進森歲學進森笄裏別儀鯉若鯉  
茄鯉翁吒住博撻腮揚昧催停匝井丐虛名

Có mây không gió, lơ lửng giữa trời, một đôi khi nhấn một đôi lời  
thường hỏi thăm cả làng, cả xóm, cả thân thích họ hàng, gắng sức  
đua tài, còn vẫn mơ hồ trong cựu giới.

Chẳng lợn thì gà, qua loa xong buổi chợ, mười lăm tuổi học mười lăm  
chữ, nếu biết nghĩ đến nước đến nhà, đến ông cha, chú bác, giồng tai  
giương mắt, thôi đừng tấp tênh cái hư danh.

[(Mừng cháu Thi đỗ - Lê Đại)]

移坦牕塘沴如鴈

舛裕榔遜沫盡韻

Đi đất thịt, đường trơn như mỡ

Ngồi gốc da, gió mát tận xương

婿哿婿𠂇𠂇婿條羅婿奇

官承官少少官寢噲官承

Vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả

Quan thừa quan thiếu, thiếu quan sao gọi quan thừa<sup>1</sup>

聖祖嘆聖尊畧翫浴

神魂埋神性趨衡茄

Thánh tổ bảo Thánh tôn ra mờ nước

Thần hồn nát Thần tính chạy về nhà

昆蛇撩核望格倣軒坦倣劇蛭捲

昆公移戈廚涇倣駔嗜積倣鯨古來

Con cóc leo cây vọng cách, nó rơi xuống đất, nó cách đến già;

Con công đi qua chùa Kênh, nó nghe tiếng công, nó khen cổ lại.

昆姊棣鵠鷺紅紅悶移禮軻底麻韻忌

翁老行遲豚擰埋膚惕遡昆姊暢大宮遲

Con gái cầu Cụt, má đỏ hồng hồng, muốn đi lấy chồng, để mà trông cây;

Ông lão hàng Mây, da xanh mai mai, thích chơi con gái, sướng đại cung mây.

春至忍拱花鞋別

情貽燐買過牋收

Xuân đến nhẫn cùng hoa cỏ biết;

<sup>1</sup> Tương truyền đôi câu đối này của Cử nhân Nguyễn Tử Mân, Tri huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang; về sau có dị bản. Xin xem thêm phần Thay lời tựa ở đầu sách này.

Tình riêng giải với gió trăng thâu.

曲唔尋陽返逢滇和臥翠瀛  
弓彈翠懸移衡扛掃敗巴生

Khúc hát Tâm dương, gặp gỡ chan hoà người bến biển;  
Cung đàn Thuý dịch, dì vê dan díu nợ ba sinh.

委坦拱多情吹伯春公據鋪煙花移吏勦  
粉嵩更懨忿晦翁月老拱坊巾襯恰惺之

Trời đất cũng đa tình, xui bác xuân công, cứ phố yên hoa dì lại mãi;  
Phấn son càng tội phận, hỏi ông nguyệt lão, cùng phường khăn yêm  
ghét ghen chi.

春拱惄臥搊李湄箇曼漠膝  
花群待客梗梨扉點沒巴羌

Xuân cũng chiều người, sân lý mưa lồng man mác bóng;  
Hoa còn đợi khách, cành lè trăng điểm một vài bông.

緣敗勦牢底沒眴咳群搊吻蛭  
恨嘲埃妒些巴春署氐損撈花

Duyên nợ mãi sao đây, một giấc hẫy còn vơ vẩn bướm;  
Hẹn hò ai đó tá, ba xuân chờ để phủ phàng hoa.

姪固軼如蠟固鷓姪空軼如增槎空櫂  
罷固噭如茄固齧罷空噭如蠟蟠回雕

Gái có chồng như rồng có vây, gái không chồng như cỏi xay không ngõng;  
Con có cha như nhà có nóc, con không cha như nòng nọc đứt đuôi.

埃蓮守諒共英工幹氏蛇觴車沽波  
嗯𠵼娘蘇朱婦儂接尼姪鷁瀛坡沕

Ai lén thú Lạng cùng anh, công cán ấy dâ tràng xe cát bể;

Nhắn nhủ nàng Tô cho chị, nồng nỗi này cái cò lội bờ ao.

一士貳農歇桔趁鼓一農貳士  
達師虧媚景陵啫來達媚虧師

Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ;  
Trên sư dưới vai, ngoảnh lưng giờ lại, trên vai dưới sư.

蜺逗梗梅凹狂橘  
馭衡塘檉趁伶梔

Kiến đậu cành Mơ bò cuống quýt  
Ngựa về đường Bưởi chạy lanh chanh  
幡拥昧猪貓蹤律  
猢猻汙蓮莘淫蓮

Phên đan mắt cáo mèo chui lọt  
Nghé lội ao sen ngó nồi lên  
擷包權職底挾安嘲軒僂達搘底礮賂榦  
援理自由腐曰麌杯顯呐瘦只勤拘客收錢

Dựa vào quyền chức để xoay ăn, chiều dưới nịnh trên, cốt để nặng tay  
đầy túi;

Viện lê tự do mà viết ẩu, bôi đen nói xấu, chỉ cần câu khách thu tiền.  
先學禮後學文馴馴裝饒呐辭忠辭孝  
坦固例挂固退茄茄岷咾少調善調哈

Tiên học lê hậu học văn người người bảo nhau nói chữ trung chữ hiếu;  
Đất có lê quê có thói nhà nhà răn dạy làm điều thiện điều hay.

紓儀家風茄幸福  
嚴明國法洛昇平

Bền vững gia phong, nhà hạnh phúc;  
Nghiêm minh quốc pháp, nước thăng bình.

棚黨老辯辭奇暮鴻坦蕩增呼頓節  
快伯輪暮舛行兆螺心紅燈煊包春

Mừng Đảng sáu mươi năm, cả trăm miền đất nước tung bừng đón Tết;  
Nhớ Bác tròn trăm tuổi, hàng triệu trái tim hồng rạo rực vào Xuân.

保衛邊疆晴曠曉霜英戰士決心戰鬥  
俯據海島嚴密巡防

Bảo vệ biên cương, ngày nắng đêm sương, anh chiến sĩ quyết tâm  
chiến đấu;  
Giữ gìn hải đảo, sớm giông chiều bão, chỉ dân quân cẩn mật tuần  
phòng.

警覺防奸人民暮昧鼾安內地  
堅強擋賊戰士聞馳沒志倚憑邊陲

Cảnh giác phòng gian, nhân dân trăm mắt nghìn tay giữ yên nội địa;  
Kiên cường chống giặc, chiến sĩ muôn người một chí giữ vững biên thùy.

堅持樹買思維發輝精神爭主保跳進蓮堦事業  
鞏固紀綱體制動員誠孟全民決心奮鬥拚基圖

Kiên trì đổi mới tư duy, phát huy tinh thần làm chủ, vững bước tiến  
lên xây sự nghiệp;

Củng cố kỷ cương thể chế, động viên sức mạnh toàn dân, quyết tâm  
phấn đấu dựng cơ đồ.

棚招車緣情堆侶暮舛和合  
祝昆結伴義矯鑽闢蹀蔚

Mừng cháu xe duyên, tình đôi lứa trăm năm hòa hợp;  
Chúc con kết bạn, nghĩa đá vàng muôn thuở sắt son.

### **PHẦN III**

## **CÂU ĐỐI CHỮ HÁN**

## CÂU ĐỐI TẾT

百花吐艷春風暖  
萬象更新國運昌

*Bách hoa thở diễm xuân phong noãn;  
Vạn tượng canh tân quốc vận xương.*

Trăm hoa đua nở hơi xuân ấm;  
Muôn vẻ đổi thay vận nước vui.

天增歲月人增壽  
春滿乾坤福滿門

*Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng thọ;  
Xuân mǎn càn khôn phúc mǎn môn.*

Trời thêm năm tháng người thêm thọ;  
Xuân khắp đất trời phúc mọi nhà.

田野春光真好  
農家歲月更新

*Điền dã xuân quang chán hảo;  
Nông gia tuế nguyệt canh lân.*

Đồng ruộng xuân tươi vui thực;  
Nhà nông năm tháng mới hơn.

春來也魚龍變化  
時至矣桃李芳菲

*Xuân lai dã ngư long biến hóa;  
Thời chí hỉ đào lý phương phi.*

Xuân về nhí cá rồng biến hoá;  
Thời đến ư đào mận thơm hương.

和順一門添百福  
平安二字值千金

*Hoà thuận nhất môn thêm bách phúc;*  
*Bình an nhị tự trị thiên kim.*

Hoà thuận một nhà thêm trăm phúc;  
Bình an hai chữ giá ngàn vàng.

心地光明千丈齊  
家庭和睦四時春

*Tâm địa quang minh thiên trượng tề;*  
*Gia đình hòa mục tứ thời xuân.*

Lòng dạ quang minh ngàn trượng quý;  
Gia đình hòa thuận bốn mùa xuân.

數點桃花知晚歲  
一香地餅報新春

*Số điểm đào hoa tri ván tuế;*

*Nhất hương địa bánh báo tân xuân.*

Mấy đoá hoa đào hay tết đến;  
Một làn bếp bánh báo xuân về.

人逢盛世精神爽  
歲轉陽春氣象新

*Nhân phùng thịnh thế tinh thần sảng;*  
*Tuế chuyển dương xuân khí tượng Tân.*

Tinh thần sảng khoái vui thời thế;  
Cảnh mới xuân tươi đón giao thừa.

獨立自由貴真貴  
勞動英雄榮更榮

*Độc lập tự do quý chân quý;  
Lao động anh hùng vinh cánh vinh.*

Độc lập tự do quý thật quý;  
Lao động anh hùng vinh càng vinh.

昇平盛世興歌溢  
幸福民生得意多

*Thăng bình thịnh thế hưng ca dật;  
Hạnh phúc dân sinh đắc ý đa.*

Hoà bình dời thịnh vui khúc hát;  
Hạnh phúc nhân dân thoả ý mừng.

鴻嶺萬年銘偉績  
藍江千古涉恩波

*Hồng Linh vạn niên minh vĩ tích;  
Lam Giang thiên cổ thiệp ân ba.*

Hồng Linh muôn năm ghi nghiệp lớn;  
Lam Giang nghìn thuở thầm ơn xa.

萬里江山新景色  
三折骨肉喜團圓

*Vạn lý giang sơn tân cảnh sắc;  
Tam kỳ cốt nhục hỉ đoàn viên.*

Muôn dặm non sông vừa đổi mới;  
Ba kỳ ruột thịt lại chung vui.

自由歌曲聞閭里  
獨立紅旗燦日天

Tự do ca khúc văn lư lý;  
Độc lập hồng kỳ xán nhật thiêng.

Tự do ca hát vang hàng xóm;  
Độc lập cờ hồng rực sáng ngời.

救國有丹心民族最隆惟獨立  
愛民堅夙志民權無價是自由

Cứu quốc hữu đan tâm, dân tộc tối long duy độc lập;  
Ái dân kiên túc chí, dân quyền vô giá thị tự do.

Cứu quốc có lòng son, dân tộc tối cần là độc lập;  
Yêu dân bền chí hướng, dân quyền vô giá ấy tự do.

爲獨立自由願團結大團結  
謀富強幸福必成功成功大成功

Vì độc lập tự do, nguyện đoàn kết đoàn kết đại đoàn kết;  
Mưu phú cường hạnh phúc, tất thành công thành công đại thành công.

Vì độc lập tự do đã nguyện “Đoàn kết đoàn kết đại đoàn kết”;  
Mưu mạnh giàu hạnh phúc tất được “Thành công thành công đại thành công”.

明月清風白類魚禽皆國色  
金枝玉葉四時花草有天香

Minh nguyệt tha h phong bách loại ngư cầm giai quốc sắc;  
Kim chi ngọc diệp tứ thời hoa thảo hữu thiên hương.

Gió mát trăng thanh, trăm loại ngư cầm đều quốc sắc;  
Cành vàng lá ngọc, bốn mùa hoa thảo có hương trời.

勝友如雲同頌黨恩深重  
壽筵從簡不忘國事興隆

Thắng hữu như vân đồng tụng đảng ân thâm trọng;

*Thợ diên tòng giàn bát vong quốc sự hưng long.*

Bạn tốt như mây, cùng ca ơn Đảng sâu rộng;  
Thợ dài theo thẻ, chẳng quên việc nước chấn hưng.

春風送暖歸楊柳  
細雨飛紅上碧桃

*Xuân phong tống noãn quy dương liễu;*  
*Tế vū phi hồng thường bích đào.*

Gió xuân đưa ám cho dương liễu;  
Mưa nhẹ thêm hồng đến bích đào.

百鳥和鳴歌序曲  
萬民歡愉慶丰年

*Bách điểu hoà minh ca tự khúc;*  
*Vạn dân hoan dụ khánh phong nién.*

Chim chóc hòa ca cùng khúc nhạc;  
Muôn dân vui vẻ đón được mùa.

物阜財丰民幸福  
俗淳風正國昌隆

*Vật phu tài phong dân hạnh phúc;*  
*Tục thuần phong chính quốc xương long.*

Của cải nhiều lên dân hạnh phúc;  
Thuần phong mỹ tục nước phồn vinh.

幸福堂前無限樂  
長春花下有余香

*Hạnh phúc đường tiền vô hạn lạc;*  
*Trường xuân hoa hạ hữu dư hương.*

Hạnh phúc đầy nhà vui khôn xiết;

Xuân tươi hoa nở vẻ thêm hương.

江 山 畫 卷 描 新 樣  
桃 李 春 風 改 舊 觀

*Giang sơn họa quyền miêu tân dạng;  
Đào lý xuân phong cải cựu quan.*

Non sông bức vẽ tinh thần mới  
Đào mận vào xuân nét đổi xưa.

江 山 盛 世 春 風 里  
日 月 新 天 畫 景 中

*Giang sơn thịnh thế xuân phong lý;  
Đào lý tân thiên họa cảnh trung.*

Non sông thời thịnh xuân về khắp;  
Ngày tháng mới nay cảnh đẹp đầy.

千 村 笑 語 千 村 果  
一 路 春 風 一 路 花

*Thiên thôn tiều ngữ thiên thôn quả;  
Nhất lộ xuân phong nhất lộ hoa.*

Nghìn thôn cười nói nghìn thôn quả;  
Một lối xuân về một lối hoa.

盛 世 同 歌 歌 盛 世  
新 春 共 樂 樂 新 春

*Thịnh thế đồng ca ca thịnh thế;  
Tân xuân cộng lạc lạc tân xuân.*

Đời thịnh cùng ca ca đời thịnh;  
Xuân về vui hát hát về xuân.

萬頃嘉禾盈瑞氣  
千園碩果笑春風

*Vạn khoảnh gia hoà doanh thuy khí;  
Thiên viên thạc quả tiếu xuân phong.*

Vạn ruộng trầu bông đầy khí tốt;  
Nghìn vườn sai quả nhoen xuân vui.

春到農家添異彩  
風吹田野吐清香

*Xuân đáo nông gia thêm dị thái;  
Phong suy điền dã thổ thanh hương.*

Xuân đến nhà nông thêm khởi sắc;  
Gió bay đồng ruộng nở trong hương.

興業須從勤處得  
生財總自儉中來

*Hưng nghiệp tu tòng cần xứ đặc;  
Sinh tài tổng tự kiệm trung lai.*

Dãy nghiệp phải từ cần mẫn được;  
Làm giàu đều tự kiệm mà nên.

一歲良辰千古節  
百年正朔萬家春

*Nhất tué lương thời thiên cổ tiết;  
Bách niên chính sóc vạn gia xuân.*

Giờ tốt hàng năm ngàn xưa tết;  
Tháng giêng mồng một vạn nhà xuân.

大樹新風光祖國  
廣開財路富山鄉

*Đại thu tân phong quang tổ quốc;  
Quảng khai tài lộ phú sơn hương.*

Tổ quốc vinh quang nhờ gió mới;  
Bản làng sung túc bởi làm giàu.

街頭燈影追花影  
村里梅香雜酒香

*Nhai dầu đèn ánh truy hoa ánh;  
Thôn lý mai hương tạp túu hương.*

Đèn hoa lồng bóng dầu đường rọi;  
Mai rượu hoà hương khắp xóm thơm.

春風春雨春光好  
新歲新年新事多

*Xuân phong xuân vũ xuân quang hảo;  
Tân tuế tân niên tân sự đa.*

Gió xuân mưa xuân ánh xuân tốt;  
Ngày mới năm mới việc mới nhiều.

鼠去牛來聞虎嘯  
民殷國富看龍飛

*Thứ khú ngưu lai vẫn hổ khiếu;  
Dân ân quốc phú khán long phi.*

Chuột chạy trâu về nghé hổ thét;  
Dân yên nước thịnh ngó rồng bay.

馬粵已傳千道喜  
羊奔又送萬家春

*Mã việt dĩ truyền thiên đạo hý;  
Dương bôn hựu tổng vạn gia xuân.*

Nghìn dặm ngựa truyền tin vui khắp;  
Muôn nhà đê báo lại xuân về.

辦事爲民公仆志  
以身作則主人心

*Biện sự vi dân công bộc chí;*  
*Dĩ thân tác tắc chủ nhân tâm.*

Chí quyết vì dân làm công bộc;  
Tâm nêu gương mẫu đức chủ nhân.

牛耕綠野千倉滿  
虎嘯青山萬木春

*Ngưu canh lục dã thiên thương mǎn;*  
*Hổ khiếu thanh sơn vạn mộc xuân.*

Trâu cày đồng rậm nghìn kho chát;  
Hổ thét non xanh vạn cây xuân.

忠厚一生嫌善少  
平安二字值錢多

*Trung hậu nhất sinh hiềm thiện thiểu;*  
*Bình an nhị tự trị tiền đa.*

Trung hậu một đời hiềm thiện ít;  
Bình an hai chữ đáng tiền nhiều.

新春寄意千門富  
快馬加鞭萬里呈

*Tân xuân ký ý thiên môn phú;*  
*Khoái mã gia tiên vạn lý trình.*

Xuân về đặc ý nghìn nhà phú;  
Tuấn mã thêm roi vạn dặm đường.

政通世泰千門曉  
國富民強四海春

*Chính thông thế thái thiên môn hiếu;  
Quốc phú dàn cường tứ hải xuân.*

Chính thông đón tốt nghìn nhà sáng;  
Nước mạnh dân giàu bốn biển xuân.

東風化雨山山翠  
政策歸心處處春

*Đông phong hóa vũ sơn sơn thuỷ;  
Chính sách quy tâm xú xít xuân.*

Mưa về gió ấm non non biếc;  
Đạ đón tin trên xứ xú xuân.

揮毫大寫英雄譜  
展卷欣描幸福圖

*Huy hào đại tả anh hùng phẩ;  
Triển quyển hân miêu hạnh phúc đồ.*

Bộ phẩ anh hùng tha hồ viết;  
Tập tranh hạnh phúc thỏa sức tô.

登山望海雲天遠  
建國興邦歲月長

*Đǎng sơn vọng hải vàn thiên viễn;  
Kiến quốc hưng bang tué nguyệt trường.*

Lên non ngó biển mây trời rộng;  
Dựng nước xây nhà năm tháng dài.

梅竹平安春意滿  
春萱并茂壽源長

*Mai trúc binh an xuân ý mān;  
Xuân huyên tinh mâu thọ nguyên trường.*

*Mai trúc vui xuân đều mān ý;  
Xoan huyên hương thọ thoả dài nguồn.*

月滿一輪輝宇宙  
梅香千里到門庭

*Nguyệt mān nhất luân huy vū trụ;  
Mai hương thiên lý đáo môn đình.*

*Trăng sáng một vầng soi trời đất;  
Mai thơm nghìn dặm đến sân nhà.*

社會繁榮臻大治  
人民安樂慶升平

*Xã hội phồn vinh trấn đại trị;  
Nhân dân an lạc khánh thăng bình.*

*Xã hội phồn vinh vui thịnh vượng;  
Nhân dân yên lạc thoả thái bình.*

柳岸雨濃千樹綠  
桃園春暖萬枝紅

*Liễu ngạn vū nùng thiên thu lục;  
Đào viên xuân noān vạn chi hồng.*

*Bờ liễu đượm mưa nghìn cây biếc;  
Vườn đào xuân ấm vạn cành hồng.*

門對青山千里秀  
家居旺地四時春

*Môn đối thanh sơn thiên lý tú;  
Gia cư vượng địa tứ thời xuân.*

Cửa trước non xanh nghìn dặm đẹp;  
Nhà trên đất thịnh bốn mùa xuân.

勤勞澆長生財樹  
儉朴托來聚寶盆

*Cần lao nhiêu trường sinh tài thụ;*  
*Kiệm phác thác lai tụ bảo bồn.*

Cần lao châm được cày tài lộc;  
Kiệm ước tạo nên chinh đựng vàng.

興邦有策人民福  
報國無私赤子心

*Hưng bang hữu sách nhân dân phúc;*  
*Báo quốc vô tư xích tử tâm.*

Non sông vững bước nhân dân phúc;  
Tổ quốc vinh quang đồng chí tâm.

功高不泯忠貞志  
位顯更堅公仆心

*Công đức bất diệt trung trinh chí;*  
*Vị hiển cách kiên công bộc tâm.*

Trung trinh chí giữ dù công lớn;  
Công bộc tâm kiên dân hiển vinh.

移山不忘愚公志  
興業猶存赤子心

*Di sơn bất vong Ngu công chí;*  
*Hưng nghiệp do tồn xích tử tâm.*

Dời núi chẳng quên Ngu công lớn;  
Dấy nghiệp còn bền dân chúng tâm.

長幼團圓分歲畢  
送迎新舊此宵中

*Trưởng út đoàn viên phân tuế tất;  
Tống nghênh tân cựu thử tiêu trung.*

Già trẻ đoàn viên theo tuổi tác;  
Tiễn mừng cũ mới lúc giao thừa.

高歌盛世詩千首  
共祝民康酒一杯

*Cao ca thịnh thế thi thiên thủ;  
Cộng chúc dân khang túu nhất bôi.*

Nghìn bài thơ viết mừng nước thịnh;  
Một chén rượu dưa chúc dân khang.

萬象更新承眾志  
千花競放賴東風

*Van tượng canh Tân thừa chúng chí;  
Thiên hoa cạnh phóng lai đông phong.*

Vạn cảnh canh Tân nhờ quần chúng;  
Nghìn hoa đua nở dựa gió đông.

好借廉風舒畫卷  
常將正氣壯詩情

*Hảo tá liêm phong thư họa quyển;  
Thường tương chính khí tráng thi tình.*

Luôn lấy thanh liêm làm bức họa;  
Thường đem chính trực để làm thơ.

萬樹欣隨春水綠  
百花爭向艷陽紅

Vạn thu hân tuỳ xuân thùy lục;  
Bách hoa tranh hương diệm dương hồng.

Nước biếc xuân về cây hòn hở;  
Trời hồng ấm đến vạn hoa đua.

萬管玉簫歌盛世  
千支神筆贊新風

Vạn quản ngọc tiêu ca thịnh thế;  
Thiên chi thần bút tán tân phong.

Muôn ống ngọc tiêu ca thịnh thế;  
Nghìn cây thần bút ngại đời nay.

萬戶管弦歌盛世  
百般紅紫秀芳春

Vạn hộ quản huyền ca thịnh thế;  
Bách ban hồng tử tú phượng xuân.

Muôn hộ sáo đàn ca thịnh thế;  
Trăm màu hồng tía dệt xuân vui.

萬眾一心同獻策  
百花齊放共爭春

Vạn chúng nhất tâm đồng hiến sách;  
Bách hoa tề phóng công tranh xuân.

Quần chúng một lòng chung hiến kế;  
Trăm hoa đua nở góp thêm xuân.

千秋歲月千秋美  
萬里江山萬里春

Thiên thu tuế nguyệt thiên thu mĩ;  
Vạn lý giang sơn vạn lý xuân.

Nghìn thu năm tháng nghìn thu đẹp;  
Vạn dặm non sông vạn dặm xuân.

門庭春暖生光彩  
田畝年丰樂太平

*Môn đình xuân noãn sinh quang thái;*  
*Điền mǎu niên phong lạc thái bình.*

Sân nhà xuân ám sinh màu sắc;  
Đồng ruộng bội thu được thái bình.

水流新韻山流翠  
竹報平安梅報春

*Thủy lưu tân vần sơn lưu thủy;*  
*Trúc báo bình an mai báo xuân.*

Nước khơi vần mới non khơi biếc;  
Trúc báo bình an mai báo xuân.

壯麗山河多异彩  
文明國度遍高風

*Tráng lệ sơn hà đa dị thái;*  
*Văn minh quốc độ biến cao phong.*

Sắc thái non sông bao tráng lệ;  
Thời phong đất nước thật văn minh.

清風喜打歡心鼓  
綠水暢彈如意琴

*Thanh phong hỷ đả hoan tâm cỗ;*  
*Luc thủy sướng đàn như ý cầm.*

Lòng vui trống gióng nhè gió mát;  
Ý toại đàn hay bởi nước xanh.

江山大好英雄健  
天地多情草木春

*Giang sơn đại hảo anh hùng kiện;  
Thiên địa đa tình thảo mộc xuân.*

Non sông vận tốt anh hùng mạnh;  
Trời đất tình nhiều cây cỏ xanh.

青春有限志無限  
歲月無情人有情

*Thanh xuân hữu hạn chí vô hạn;  
Tuế nguyệt vô tình nhân hữu tình.*

Tuổi xanh có hạn chí vô hạn;  
Năm tháng vô tình người có tình.

舉目看花花滿目  
出門見喜喜盈門

*Cử mục khán hoa hoa mãn mục;  
Xuất môn kiến hỷ hỷ doanh môn.*

Ngước mắt nhìn hoa hoa đầy mắt;  
Ra nhà được hỷ hỷ đầy nhà.

春到山鄉遍地喜  
福臨農戶滿庭春

*Xuân đáo sơn hương biến địa hỷ;  
Phúc lâm nông hộ mãn đình xuân.*

Xuân đến bản làng nơi nơi tốt;  
Phúc vào nông hộ chốn chốn xuân.

春風大雅能容物  
秋水文章不染塵

*Xuân phong đại nhã nǎng dung vật;  
Thu thuỷ văn chương bất nhiễm trần.*

春入春天春不老  
福臨福地福無疆

*Xuân nhập xuân thiên xuân bất lão;  
Phúc lâm phúc địa phúc vô cương.*

Xuân nhập trời xuân bất lão;  
Phúc vào đất phúc phúc vô biên.

強身健骨人長壽  
盛世丰年國太平

*Cường thân kiện cốt nhân trường thọ;  
Thịnh thế phong niên quốc thái bình.*

Thân cường cốt mạnh người trường thọ;  
Thời thịnh mùa nhiều nước thái bình.

人傑地靈百業興旺  
山歡水笑五谷丰登

*Nhân kiệt địa linh bách nghiệp hưng vượng;  
Sơn hoan thủy tiểu ngũ cốc phong đăng.*

Nhân kiệt địa linh bách nghiệp hưng vượng;  
Sông cường núi nhộn ngũ cốc bội thu.

倒海移山豪情永在  
改天換地樂趣無窮

*Đảo hải di sơn hào tình thủy tại;  
Cải thiên hoán địa lạc thú vô cùng.*

Láp biển dời non tinh thần còn mãi;  
Đổi trời thay đất hứng thú không cùng.

瑞繞重門增百福  
春回甲第集千祥

*Thùy nhiêu trùng môn tăng bách phúc;  
Xuân hồi giáp đệ tập thiên thường.*

冬去山川齊秀麗  
春來桃李共芬芳

*Đông khút sơn xuyên tề tú lệ.  
Xuân lai đào lý cộng phân phượng.*

Xinh đẹp đồi khe khi đông hết;  
Thơm tho đào mận lúc xuân về.

新春喜接新時代  
大眾歡呼大有年

*Tân xuân hỷ tiếp tân thời đại;  
Dại chúng hoa hô đại hữu niên.*

Xuân mới đón mừng thời đại mới;  
Đại chúng hoan hô đại được mùa.

正策英明處處生機勃勃  
春風得意家家喜氣洋洋

*Chính sách anh minh xứ xứ sinh cơ bội bội;  
Xuân phong đắc ý gia gia hỷ khí dương dương.*

Chính sách anh minh chốn chốn làm nên lấm lấm;  
Gió xuân đúng lúc nhà nhà hớn hở khơi khơi.

政策英明山歡水笑  
人心爽快物阜年丰

*Chính sách anh minh sơn hoan thủy tiếu;  
Nhân tâm sảng khoái vật phụ niên phong.*

Chính sách anh minh sông cười núi sương;  
Lòng người sảng khoái vật bội nấm hén.

爲人民服務一腔熱血  
替群眾理財兩袖清風

Vì nhân dân phục vụ nhất xoang nhiệt huyết;  
Thế quần chúng lý tài lưỡng tự thanh phong.

Phục vụ nhân dân một tấm lòng nhiệt huyết;  
Đỡ dân quần chúng hai tay áo thanh phong.

百業興昌欣逢盛世

萬民愉悦喜接新年

Bách nghiệp hưng xương hân phùng thịnh thế;  
Vạn dân du duyệt hỷ tiếp tân niên.

Bách nghiệp phồn vinh vui mừng thịnh thế;  
Muôn dân phấn chấn chào đón tân niên.

冬去春來千條楊柳迎風綠

民安國泰萬里山河映日紅

Đông khứ xuân lai thiên điệu dương liễu nghênh phong lục;  
Dân an quốc thái vạn lý sơn hà ánh nhật hồng.

Đông hết xuân về nghìn nhành dương liễu xanh nhò gió;  
Dân an nước thịnh vượng dầm non sông đổ ánh dương.

田野欣臨春雨春風春景

農家喜有新農新谷新家

Điền dã hân lâm xuân vũ xuân phong xuân cảnh;  
Nông gia hỷ hữu tân nông tân cốc tân gia.

Mưa xuân gió xuân cảnh xuân, đồng điền vui đón;  
Áo mới lúa mới nhà mới, nông nghiệp mừng vui.

梅柳迎春萬里東風綻桃李  
椿萱含笑一門氣樂桑榆

*Mai liễu nghênh xuân vạn lý đông phong trạn đào lý;  
Xuân huyên hàm tiếu nhất môn khí lạc tang du.*

Mai liễu đón xuân vạn dặm gió đông dùa đào mận;  
 Xoan huyên ngập nụ cà nhà vui vẻ với dâu tằm.

國事和平一家團聚  
春光浩蕩四境安寧

*Quốc sự hoà bình nhất gia đoàn tụ;  
Xuân quang hạo dâng tứ cảnh an ninh.*

Việc nước yên bình cả nhà đoàn tụ;  
Ánh xuân lồng lộng bốn cõi thái hòa.

汗水潤喉歡唱丰收曲  
政策指路敲開致富門

*Hàn thủy nhuận họng hoan xướng phong thu khúc;  
Chính sách chỉ lộ xao khai trí phú môn.*

Mồ hôi nhuận giọng hát lên khúc mùa được;  
Chính sách chỉ đường gọi mả hướng làm giàu.

鑼鼓喧天共奏迎春妙曲  
風雷動地同抒蹈海豪情

*La cỗ huyên thiên cộng tấu nghênh xuân diệu khúc;  
Phong lôi động địa đồng trữ đạo hải hào tình.*

Khúc nhạc chào xuân hợp tấu vang trời chiêng trống;  
Tinh thần vượt biển cùng lúc động đất sấm vang.

美酒千杯共享農歡樂  
山歌萬曲唱政策英明

*Mỹ tiễn bối cộng hưởng nông hoan lạc;  
Sơn ca vạn khúc xướng chính sách anh minh.*

Rượu tốt nghìn ly cùng hưởng nhà nông vui vẻ;  
Dân ca vạn khúc đồng hát chính sách anh minh.

高舉長山火炬續寫創業史  
發揚光榮傳統高唱正氣歌

*Cao cử Trường Sơn hoà cự tục tả sáng nghiệp sử;  
Phát dương quang vinh truyền thống cao xướng chính khí ca.*

Dương cao hó được Trường Sơn viết tiếp trang sử mới;  
Phát huy truyền thống quang vinh hát vang khúc hành ca.

越馬揚鞭萬眾一心驅窮白  
飛花點翠十兆雙手織河山

*Việt mã dương tiên vạn chúng nhất tâm khu cùng bạch;  
Phi hoa điểm thuỷ thập triệu song thủ chúc hà sơn.*

Tuấn mã thêm rói quần chúng một lòng xua nghèo đói;  
Hoa thêu điểm bích chục triệu đôi tay dệt non sông.

水笑山歡人勤春早年年好  
花香鳥語國泰民安日日新

*Thủy tiếu sơn hoan nhán cần xuân tảo niên niên hảo;  
Hoa hương điểu ngữ quốc thái dân an nhật nhật tân.*

Tốt đến năm năm non vui người mǎn mừng xuân sớm;  
Ngày ngày đổi mới chim hót hoa thơm đón thái bình.

新歲雨晴祖國千桃爭盛放  
故園春滿鄉村百鳥共歸來

*Tân tuế vũ tinh tổ quốc thiên đào tranh thịnh phóng;  
Cố viên xuân mǎn hương thôn bách điểu cộng quy lai.*

Năm mới ngọt mưa tổ quốc nghìn đào tranh nở toả;  
Vườn xưa xuân đến quê hương bách diều rủ nhau về.

擊筑且高歌英雄氣洽三杯酒  
彈琴復長嘯壯士胸羅百萬兵

Kích cung thả cao ca anh hùng khí hiệp tam bôi tửu;  
Đàn cầm phúc trường khiếu tráng sĩ hung la bách vạn binh.

Gõ gậy lại cao ca anh hùng khí hiệp ba ly rượu;  
Gẩy đàn rồi hú lớn tráng sĩ trong lòng bách vạn bình.

移風易俗  
除舊布新

Di phong dị tục;  
Trừ cũ bố tân.

Dời phong đổi tục;  
Trừ cũ tiếp tân.

門迎百福  
戶納千祥

Môn nghênh bách phúc;  
Hộ nạp thiên tướng.

Cửa chào bách phúc;  
Nhà đón nghìn lành.

春風墨韻  
夜雨書聲

Xuân phong măc vă̄n;  
Đại vă̄ thư thanh.

Gió xuân làm thơ;  
Mưa đêm đọc sách.

祥光滿室  
瑞氣盈門

*Tường quang mǎn thất;  
Thụy khí doanh môn.*

Điềm tốt khắp nhà;  
Khí lành đầy cửa.

一方和氣  
四面春風

*Nhất phương hòa khí;  
Tứ diện xuân phong.*

Một vùng hòa khí;  
Bốn phía xuân phong.

花迎喜氣  
鳥唱春光

*Hoa nghênh hỷ khí;  
Điều xướng xuân quang.*

Hoa chào điềm tốt;  
Chim hát ánh xuân.

天開淑景  
人樂丰年

*Thiên khai thục cảnh;  
Nhân lạc phong niên.*

Trời mở cảnh thịnh;  
Người vui bội thu.

全家福氣  
滿院春光

*Toàn gia phúc khí;  
Mãn viện xuân quang.*

*Toàn gia hưởng phúc;  
Khắp chốn ánh xuân.*

春光普照  
福氣長臨

*Xuân quang phô chiếu;  
Phúc khí trường lâm.*

*Ánh xuân chiếu khắp;  
Điểm phúc dài lâu.*

新年朝氣  
古國雄風

*Tân niên triều khí;  
Cổ quốc hùng phong.*

*Năm mới khí mới;  
Nước cổ nếp hùng.*

十分春色  
萬里鵬程

*Thập phần xuân sắc;  
Vạn lý bằng trình.*

*Sắc xuân đầy khắp;  
Đường đi muôn dặm.*

九州永泰

四季長春

*Cửu châu vĩnh thái;  
Tứ quý trường xuân.*

Toàn quốc thái hòa;  
Bốn mùa đều xuân.

江山如畫  
大地皆春

*Giang sơn như họa;*  
*Đại địa gai xuân.*

Non sông như vẽ;  
Khắp chốn đều xuân.

江山永固  
廣宇同春

*Giang sơn vĩnh cửu;*  
*Quảng vũ đồng xuân.*

Non sông bền vững;  
Trời đất cùng xuân.

日出千山秀  
花開萬里香

*Nhật xuất thiên sơn tú;*  
*Hoa khai vạn lý hương.*

Trời rạng nghìn non đẹp;  
Hoa nở vạn dặm thơm.

腊月初臨福  
新年又報祥

*Lạp nguyệt sơ lâm phúc;*  
*Tân niên hỷ tu báo tường.*

Tháng chạp phúc mới đến;  
Đầu năm lại có mừng.

千峰月色  
四海春光

*Thiên phong nguyệt sắc;*  
*Tứ hải xuân quang.*

Nghìn non trăng sáng;  
Bốn biển ánh xuân.

春爲一歲首  
梅占百花魁

*Xuân vi nhất tuế thù;*  
*Mai chiếm bách hoa khôi.*

Một năm xuân là nhất;  
Trăm hoa mai đến đầu.

红旗映日  
白米迎春

*Hồng kỳ ánh nhật;*  
*Bạch měi nghênh xuân.*

Cờ hồng ánh nhật;  
Gạo trắng mừng xuân.

河清海晏  
人壽年丰

*Hà thanh hải yên;*  
*Nhân thọ niên phong.*

Sông trong biển lặng;  
Người thọ năm vui.

春降千門福  
花開萬戶歡

*Xuân giáng thiên môn phúc;  
Hoa khai vạn hộ hoan.*

*Xuân về muôn nhà phúc;  
Hoa nở vạn hộ vui.*

神州騰昇彩  
祖國頌新章

*Thần châu đăng di thái;  
Tổ quốc tung tân chương.*

*Muôn sắc hòa sông núi;  
Văn mới ngợi nước nhà.*

風調雨順  
國泰民安

*Phong điều vũ thuận;  
Quốc thái dân an.*

*Gió hòa mưa thuận;  
Nước thịnh dân vui.*

萬家騰笑語  
四海慶新春

*Vạn gia đăng tiêu ngữ;  
Tứ hải khánh tân xuân.*

*Muôn nhà vui cười nói;  
Bốn biển chúc xuân về.*

陽光凝大地  
春色入人家

*Dương quang ngưng đại địa;  
Xuân sắc nhập nhân gia.*

Ánh dương dày khắp chốn;  
Xuân sắc đến từng nhà.

燕語千門曉  
鶯聲萬戶春

Yến ngữ thiên môn hiếu;  
Oanh thanh vạn hộ xuân.

Yến hót nghìn nhà sáng;  
Oanh ca vạn hộ xuân.

春風添畫意  
歲月賦詩情

Xuân phong thiêm hoạ ý;  
Tuế nguyệt phú thi tình.

Gió xuân thêm ý họa;  
Năm tháng đọng tình thơ.

年豐人益壽  
春早福盈門

Niên phong nhân ich tho;  
Xuân tảo phúc doanh môn.

Năm vui người thêm thọ;  
Xuân sớm phúc dày nhà.

風來花自舞  
春入鳥能言

Phong lai hoa tự vũ;  
Xuân nhập diều năng ngôn.

Gió lùa xui hoa múa;  
Xuân đến khiến chim ca.

春暖群芳喜  
風清百鳥鳴

Xuân noān quần hương hy;  
Phong thanh bách diều minh.

Xuân ám muôn hương toả;

Gió lùa bách điêu ca.

國家行善政  
民眾享康寧

*Quốc gia hành thiện chính;  
Dân chúng hưởng khang ninh.  
Nước nhà đường lối tốt;  
Dân chúng hưởng an ninh.*

紅點桃花嫩  
青描柳色新  
*Hồng điểm đào hoa non;  
Thanh miêu liễu sắc tân.  
Đào non hoa hồng điểm;  
Liễu mới sắc xanh tó.*

太平真富貴  
春色大文章  
*Thái bình chân phú quý;  
Xuân sắc đại văn chương.  
Thái bình là phú quý;  
Xuân sắc áy văn chương.*

花沐春雨艷  
福依党恩生  
*Hoa mộc xuân vũ diệm;  
Phúc y Đảng ân sinh.*

Hoa tắm mưa xuân nở;  
Phúc nhờ Đảng mà sinh.

花香能醉蝶  
柳色欲迷鶯  
*Hoa hương năng túy điệp;  
Liễu sắc dục mê oanh.  
Hương hoa làm say bướm;  
Sắc liễu khiến mê oanh.*

錦繡山河壯  
繽紛春色嬌  
*Cẩm tú sơn hà tráng;*  
*Tân phân xuân sắc kiều.*  
Gấm vóc non sông mạnh;  
Tươi tắn xuân sắc xinh.

喜雨千山果  
和風萬樹花  
*Hỷ vũ thiên sơn quả;*  
*Hoà phong vạn thụ hoa.*  
Mưa thuận đồi dày quả;  
Gió hòa cây nở hoa.

花開春富貴  
竹報歲吉祥  
*Hoa khai xuân phú quý;*  
*Trúc báo tuế cát tường.*  
Hoa nở cho xuân đẹp;  
Trúc báo đê năm vui.

萬紫千紅地  
花團錦簇天  
*Vạn tử thiên hồng địa;*  
*Hoa đoàn cẩm thốc thiên.*  
Đất nghìn hồng vạn tía;  
Trời hoa nở gấm thêu.

青山添秀色  
碧海泛春潮  
*Thanh sơn thêm tú sắc;*  
*Bích hải phiếm xuân triều.*  
Núi xanh thêm sắc tú;  
Biển biếc nổi triều xuân.

光風千日暖

麗 景 百 花 妍

*Quang phong thiên nhật noān;*

*Lệ cảnh bách hoa nghiêん.*

Gió xuân nghìn ngày ấm;

Cánh đẹp trăm hoa tươi.

歲 歲 平 安 日

年 年 如 意 春

*Tuế tuế bình an nhật;*

*Niên niên như ý xuân.*

*Tuế nguyệt bình yên cả;*

*Năm năm ý xuân vui.*

地 暖 花 長 發

林 幽 鳥 任 歌

*Địa noān hoa trường phát;*

*Lâm u điểu nhậm ca.*

Đất ấm hoa đua nở;

Rừng sâu chim thoả ca.

日 月 紅 光 照

乾 坤 喜 气 多

*Nhật nguyệt hồng quang chiếu;*

*Càn khôn hỷ khí đa.*

Ngày tháng ánh hồng chiếu;

Trời đất diễm tốt nhiều.

破 除 舊 腐 俗

表 現 新 精 神

*Phá trừ cựu hủ tục;*

*Biểu hiện tân tinh thần.*

Hủ tục cũ phải bỏ;

Tinh thần mới cần nêu.

雞 鳴 萬 戶 曉

鶴 舞 一 年 春

Kê minh vạn hô hiếu;  
Hạc vũ nhất niên xuân.  
Gà gáy muôn nhà sáng;  
Hạc múa một năm xuân.

天 地 英 雄 气  
風 雲 浩 荘 春

Thiên địa anh hùng khí;  
Phong vân hào dâng xuân.  
Trời đất anh hùng khí;  
Gió xuân lồng lộng xuân.

雞 聲 崔 曉 讀  
鳥 語 喚 春 耕

Kê thanh thổi hiếu độc;  
Điểu ngữ hoán xuân canh.  
Tiếng gà sớm đọc sách;  
Chim hót báo vụ xuân.

勤 勞 方 致 富  
和 睦 可 生 財

Cần lao phương trí phú;  
Hoà mục khả sinh tài.  
Chăm làm nên giàu có;  
Tử tế được của nhiều.

一 帆 雲 作 伴  
千 里 月 相 隨

Nhất phàm vân tác bạn;  
Thiên lý nguyệt tương tuỳ.  
Mây một thuyền kết bạn;  
Trăng nghìn dặm theo cùng.

四 時 花 似 紹  
萬 眸 面 皆 春

Tứ thời hoa tự cảm;  
Vạn chung diện gai xuân.

Bốn mùa hoa tựa gấm;  
Vạn người mặt đều xuân.

舊歲清除舊弊  
新年樹立新風

*Cựu tué thanh trừ cựu tệ;*  
*Tân niên thụ lập tân phong.*

Năm cũ tệ cũ quét hết;  
Năm mới nep mới dựng lên.

水秀山青春艷  
月圓花好谷香

*Thủy tú sơn thanh xuân diệm;*  
*Nguyệt viên hoa hảo cốc hương.*

Nước biếc non xanh xuân đượm;  
Trăng tròn hoa đẹp gạo thơm.

冬去山青水秀  
春來鳥語花香

*Đông khút sơn thanh thủy tú;*  
*Xuân lai điệu ngữ hoa hương.*

Đông hết non xanh nước biếc;  
Xuân về chim hót hoa thơm.

新歲新年新景  
春風春雨春花

*Tân tué tân niên tân cảnh;*  
*Xuân phong xuân vũ xuân hoa.*

Tuổi mới năm mới cảnh mới;  
Mưa xuân gió xuân hoa xuân.

風展紅旗似畫  
春來綠水如煙

*Phong triển hồng kỳ tự họa;*  
*Xuân lai lục thuỷ như yên.*

Gió thổi cờ hồng tựa vẽ;  
Xuân về nước biếc như tranh.



Cầu đối ở cổng đền Ngọc Sơn (Hà Nội)

Ảnh: Vương Anh

## PHONG CẢNH

水繞花還西湖鍾秀

龍朝鳳舞北闕恩光

*Thủy nhiều hoa hoàn, Tây Hồ chung tú;  
Long triều phượng vũ, Bắc khuyết ản quang.*

Nước ám, hoa ôm, Hồ Tây hun vẻ đẹp;  
Rồng châu, phượng múa, Cửa Bắc đượm ản soi.

南水汪洋流不盡

北仇鄭重塊難消

*Nam thủy uông dương lưu bất tận  
Bắc cứu trình trọng khôi nan tiêu*

Sông Nam cuồn cuộn xuôi bất tận  
Thù Bắc sâu xa kết khó quên.

德合地生千古美

恩同雨施萬家春

*Đức hợp địa sinh thiên cổ mĩ  
Ân đồng vũ thi vạn gia xuân*

Đức hợp đất sinh nghìn xưa đẹp  
Ôn cùng mưa đến vạn nhà xuân

一念精誠蒙福澤

千秋俸祀沐恩波

*Nhất niệm tinh thành mông phúc trách;*

*Thiên thu phung tự mộc ân ba.*

Thành kính một niềm ơn phúc trạch;  
Phụng thờ nghìn thuở gội ân ba.

爲佛爲仙萬億化身紫竹菩陀東土鑑  
樂山樂水千層紅紫青松古柏鳥能言

*Vì phật, vì tiên, vạn ức hoá thân, từ trúc bồ đề Đôn Thố giám;  
Nhạo sơn, nhạo thuỷ, thiên tầng hồng tử, thanh tùng cổ bách điểu  
năng ngâm.*

Là phật, là tiên, vạn ức hoá thân, trúc tía bồ đề soi miền Đông Thố;  
Yêu non, yêu nước, ngàn tầng đỗ thá, tùng xanh bách cổ chim biết  
hót vang.

廟貌山容相隱約  
天光雲影共徘徊

*Miêu mạo sơn dung tương ẩn ước;  
Thiên quang vân ảnh cộng bôi hồi.*

Dáng miếu, mặt non cùng tháp thoáng;  
Trời quang, mây hóng vẫn vơ hồ.

兔烏隨過往  
山水自高聲

*Thổ ô tùy quá vãng;  
Sơn thuỷ tự cao thanh.*

Thổ qua theo nhau đến;  
Non nước vốn cao thanh.

天根月掘人來往  
水色山光相送迎

*Thiên căn nguyệt quật nhân lai vãng;*

*Thủy sắc sơn quang tương tóng nghênh.*

Nên trời trăng mọc người lui tới;  
Sắc nước màu non đưa đón nhau.

橋引長紅棲島岸  
樓當明月坐湖心

*Kiều dẫn trường hồng lâu đảo ngạn;*  
*Lâu đương minh Nguyệt toạ hồ tâm.*

Cầu dẫn muôn dài đậu bờ đảo;  
Lâu đương trăng sáng toạ lòng hồ.

夜月或過仙是鶴  
濠梁信樂子非魚

*Đá nguyệt hoặc qua tiên thị hạc;*  
*Hào lương tin lạc tử phi ngư.*

Dưới nguyệt lướt qua tiên hay hạc;  
Trên cầu đôi bạn đoán cá vui.

虎榜龍門善根緣法  
研臺筆塔大塊文章

*Hổ bảng long môn thiện căn duyên pháp;*  
*Nghiên dài bút tháp đại khôi văn chương.*

Bảng hổ cửa rồng theo duyên người thiện;  
Dài nghiên tháp bút trời đất văn chương.

平湖張日月  
故殿小乾坤

*Bình hồ trương nhật nguyệt;*  
*Cố điện tiểu càn khôn.*

Hồ phẳng in nhật nguyệt;

Điện cũ tiêu càn khôn.

文光衝斗北  
亭影絡湖中

*Văn quang xung đẩu Bắc;*  
*Đình ảnh lạc hồ trung.*

Ánh văn xông Bắc dâu;  
Đình bóng lọt lòng hồ.

劍有餘靈光若水  
文從大塊壽如山

*Kiếm hữu dư linh quang nhược thuỷ;*  
*Văn tòng đại khôi thọ như sơn.*

Kiếm có dấu linh quang tựa nước;  
Văn theo trời đất thọ tàynon.

道有主張斗北文明之象  
人同瞻仰交南禮樂之都

*Đạo hữu chủ trương Đấu Bắc văn minh chi tượng;*  
*Nhân đồng chiêm ngưỡng Giao Nam lễ nhạc chi đô.*

Đạo có chủ trương, hình tượng văn minh Bắc Đấu;  
Người cùng chiêm ngưỡng, kinh đô lễ nhạc nước Nam.

山名不在高水靈不在深自有主者  
天柱賴以尊地維賴以立維此浩然

*Sơn danh bất tại cao, thuỷ linh bất tại thẳm, tự hữu chủ giả;*  
*Thiên trụ lại dĩ tôn, địa duy lại dĩ lập, duy thử hạo nhiên.*

Danh sơn không tại cao, thuỷ linh không tại sâu, tự thân có chủ;  
Thiên trụ nhờ tôn kính, địa duy nhờ được lập, đầy khí hạo nhiên.

位秉圖書開太運  
德留翰墨燦天章

Vị bình đồ thư khai thái vận;  
Đức lưu hàn mực xán thiên chương.

Năm giữ đồ thư khai thái vận;  
Đức lưu bút mực sáng thiên chương.

一心白貫萬光旦  
四海良回九夢天

Nhất tâm bạch quán vạn quang đán;  
Tứ hải lương hồi cửu mộng thiên.

Một tấm lòng ngay muôn năm sáng;  
Ngàn trùng tính thiện mãi trời thương.

日朗星輝筆研文章留勝跡  
鶯飛鶴降湖山地秀鬱靈聲

Nhật lăng tinh huy bút nghiên văn chương lưu thắng tích;  
Loan phi hạc giáng hồ sơn địa tú uất linh thanh.

Trời sáng sao dày nghiên bút văn chương lưu thắng tích;  
Loan bay hạc giáng núi hồ đất đẹp nổi tiếng linh.

惟聖不知惟神不測  
在天成象在地成形

Duy thánh bất tri duy thần bất trắc;  
Tại thiên thành tượng tại địa thành hình.

Thánh ta bất tri, thần ta bất trắc;  
Trời thì thành tượng, đất lại thành hình.

大忠以行乎大勇  
至義乃本於至仁

*Đại trung dĩ hành hồ đại dung;  
Chí nghĩa nái bản ư chí nhân.*

Đại trung để làm việc đại dung;  
Chí nghĩa là gốc ở chí nhân.

誰知萬古重興業  
半在關河半在仁

*Thuỷ tri vạn cổ trùng hưng nghiệp;  
Bán tại quan hà bán tại nhân.*

Ai hay vạn cổ trùng hưng nghiệp;  
Nửa ở địa hình nửa ở người.

爲國爲人民文武聖神留顯號  
在上在左右聰明正直贊玄機

*Vì quốc vì nhân dân văn vũ thánh thần lưu hiển hiệu;  
Tại thượng tại tả hữu thông minh chính trực tán huyền cơ.*

Vì nước, vì nhân dân, văn vũ thánh thần danh hiển hách;  
Tại trên, tại tả hữu, thông minh chính trực, mày diệu huyền.

天上人間同陟降  
聖文神武合聲靈

*Thiên thượng nhân gian đồng trắc giáng;  
Thánh văn thần vũ hợp thanh linh.*

Trời đất nhân gian cùng thăng giáng;  
Thánh văn thần vũ hợp tiếng linh.

天何言哉顯道非關我卜  
神一者也音德只在中經

*Thiên hà ngôn tai! hiển đạo phi quan ngã bốc;  
Thần nhát giả dã, âm đức chỉ tại trung kinh.*

Trời nói gì đâu! đường tỏ chẳng liên quan đến bối;  
Thần linh nhất quán, âm đức còn trong sách “Trung kinh”.

鎮北古名藍蕩漾西湖光慧日  
粵南今勝跡芳從東土振禪關

Trấn Bắc cổ danh lam, đăng dang Tây Hồ quang tuệ nhật;  
Việt Nam kim thắng tích, phương tùng Đông Thổ chán thiền quan.

Trấn Bắc vốn danh lam, lăng dang Tây Hồ quang tuệ nhật;  
Việt Nam nay thắng tích, ngát hương Đông Thổ giữ thiền quan.

鎮國艷傳洱月濃雲名勝地  
安花興睹歐風亞雨太平天

Trấn quốc diễm truyền, Nhị nguyệt, Nùng vân danh thắng địa;  
Yên Hoa hưng đỗ, Âu phong Á vũ, thái bình thiên.

Trấn Quốc đẹp truyền, trăng Nhị, mây Nùng danh thắng địa;  
Yên Hoa hưng vận, gió Âu, mưa Á, thái bình thiên.

福等河沙作福自然得福  
功垂萬世興功便見成功

Phúc đẳng hà sa tác phúc tự nhiên đắc phúc;  
Công thuỷ vạn thế hưng công tiện kiến thành công.

Phúc tựa cát sông Hằng, làm phúc tự nhiên được phúc;  
Công ghi cùng vạn thế, nổi công liên thấy thành công.

爲仙爲佛爲國王生化三身留異蹟  
有洞有湖有天帝江山一帶表奇觀

Vi tiên vi phật vi quốc vương sinh hoá tam thân lưu dị tích;  
Hữu động hữu hồ hữu thiên đế giang sơn nhất dải biểu kỳ quan.

Là tiên là phật là quốc vương, sinh hoá ba thân lưu tích lạ;  
Có động có hồ có thiên đế, giang sơn một dài biểu kỳ quan.

禪門開世界  
梵宇小乾坤

*Thiền môn khai thế giới;  
Phạn vũ tiểu càn khôn.*

Cửa thiền mở thế giới;  
Chùa Phật nhỏ đất trời.

天地猶依天地舊  
草花今異草花前

*Thiên địa do y thiên địa cũ;  
Thảo hoa kím dị thảo hoa tiền.*

Trời đất vẫn như trời đất cũ;  
Cỏ hoa nay khác cỏ hoa xưa.

艷麗桃園千古色  
莊嚴佛像壹高臺

*Điểm lệ đào viên thiên cổ sắc;  
Trang nghiêm phật tượng nhất cao đài.*

Vườn đào điểm lệ ngàn năm sắc;  
Tượng phật trang nghiêm một đài cao.

天保辰亨生聖帝  
地靈運泰出神仙

*Thiên bảo thời hanh sinh thánh đế;  
Địa linh vận thái xuất thần tiên.*

Trời giúp hanh thông sinh vua thánh;  
Đất linh vận mở xuất thần tiên.

驚嶺花枯傳密法  
頂山聖化顯真王

*Thứu Linh hoa khô truyền mật pháp;  
Đỉnh sơn thánh hoá hiển chân vương.*

*Hoa khô Thứu Linh truyền mật pháp;  
Thánh hoá Đỉnh sơn hiển chân vương.*

頂上花開標勝境  
山中佛蹟顯名藍

*Đỉnh thượng hoa khai tiêu thắng cảnh;  
Sơn trung phật tích hiển danh lam.*

*Hoa khai đỉnh núi nêu thắng cảnh;  
Dấu phật trong non hiện danh lam.*

佛渡眾生莫論富貧榮辱客  
法門轉化勿談貴賤智愚人

*Phật độ chúng sinh mạc luận phú bần vinh nhục khách;  
Pháp môn chuyển hóa vật đàm quý tiệm trí ngu nhân.*

*Phật cứu chúng sinh, chó bàn khách giàu nghèo vinh nhục;  
Pháp môn chuyển hóa, đừng nói kẻ ngu trí sang hèn.*

暮鼓朝鍾喚醒塵埃名利客  
法聲佛號歸回苦海夢迷人

*Mô cổ triều chung hoán tình trần ai danh lợi khách;  
Pháp thanh phật hiệu quy hồi khổ hải mê nhân.*

*Chuông sớm trống chiêu gọi khách lợi danh trần ai tình lại;  
Tiếng kinh câu kệ đưa người mê mộng khổ hải quay về.*

真心所得千年盛  
正法興傳萬代榮

*Chân tâm sở đặc thiên niên thịnh;  
Chinh pháp hưng truyền vạn đại vinh.*

Lòng thành đạt được ngàn năm thịnh;  
Phép chính hưng truyền vạn thuở vinh.

國家有永山河固  
佛道無窮日月長

*Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cố;*  
*Phật đạo vô cùng nhật nguyệt trường.*

Quốc gia còn mãi non sông vững;  
Đạo phật vô cùng nhật nguyệt trường.

青地弘開傳佛道  
竺林通達轉法輪

*Thanh địa hoàng khai truyền phật đạo;*  
*Trúc lâm thông đạt chuyển pháp luân.*

Thanh địa mờ mang truyền đạo phật;  
Trúc lâm thông đạt chuyển pháp luân.

大殿輝皇衣鉢花開迎瑞日  
覺林寂淨菩提樹長送春風

*Đại điện huy hoàng y bát hoa khai nghênh thụy nhật;*  
*Giác lâm tĩnh bồ đề thụy trường tống xuân phong.*

Đại điện huy hoàng, y bát hoa khai mừng ngày tốt;  
Giác lâm tĩnh mịch, bồ đề cây lớn tiễn gió xuân.

聖德妙靈通方信古今蓬島  
母儀神運化長留天地雪冰

*Thánh đức diệu linh thông, phương tín cổ kim bồng đảo;*  
*Mẫu nghi thần vận hoá, trường lưu thiên địa tuyết băng.*

Thánh đức thật linh thông, mới biết xưa nay nơi bồng đảo;  
Mẫu nghi thần biến hoá, dài lâu trời đất chốn tuyết băng.

天本再生奇花下題詩神筆在  
地仙參降顯御前製錦聖恩嘉

*Thiên Bản tái sinh kỳ, hoa hạ đề thi thần bút tại;  
Địa Tiên tam giáng hiển, ngự tiên chế cẩm thánh ân gia.*

Đát Thiên Bản tái sinh kỳ diệu, dưới hoa đê thơ thần, bút đở;  
Miền Tiên Hương tam giáng hiển linh, trước nhà vua dệt gấm, ơn  
đây.

參世金身子育群生瞻法雨  
歷朝葩袞母儀千古凜英風

*Tam thế kim thân tử dục quần sinh chiêm pháp vũ;  
Lịch triều ba cỗn mẫu nghi thiên cổ lâm anh phong.*

Thân vàng ba thế, nuôi dưỡng quần sinh xem pháp vũ;  
Áo cỗn mẩy triều, mẫu nghi thiên cổ nổi anh phong.

生化丰姿山若畫  
好生心事石猶銘

*Sinh hoá phong tư sơn như họa;  
Hiếu sinh tâm sự thạch do minh.*

Sinh hoá phong tư non như vẽ;  
Hiếu sinh tâm sự đá còn bia.

天本降生神上等  
仙香鍾育女中英

*Thiên Bản giáng sinh thần thượng đẳng;  
Tiên Hương chung dục nữ trung anh.*

Thiên Bản giáng sinh bậc thần thượng đẳng;  
Tiên Hương hun đúc bậc nữ anh linh.

普天之下資坤德

化日之中仰聖茲

*Phổ thiên chi hạ tư khôn đức;  
Hoá nhật chi trung ngưỡng thánh tư.*

Khắp dưới gầm trời nương khôn đức;  
Giữa ngày mẫu hoá ngưỡng thánh tư.

化而生正氣天上下  
神猶在靈聲地北南

*Hoá nhi sinh chính khí thiên thượng hạ;  
Thần do tại linh thanh địa Bắc Nam.*

Hoá như sinh chính khí khắp trời trên dưới;  
Thần như tại tiếng linh vang cả Bắc Nam.

五百餘年神故化  
再參轉世聖如仙

*Ngũ bách dư niên thần cố hoá;  
Tái tam chuyển thế thánh như tiên.*

Ngũ bách năm dư thần đã hoá;  
Tái tam lần biến thánh thành tiên.

普化工高山萬丈  
濟生德著月天秋

*Phổ hoá công cao sơn vạn trượng;  
Tế sinh đức trú nguyệt thiên thu.*

Công phổ hoá núi cao muôn trượng;  
Đức tế sinh trăng rọi nghìn thu.

十八人神功未泯  
五家興邑德長留

*Thập bát nhân thần công vi dân  
Ngũ gia hưng áp đức trường lưu*

Mười tám nhân thần công không mất  
Năm nhà dựng áp đức dài lâu

(Đền Tam xã, Yên Thắng, Ý Yên)

菩薩前身仙聖佛  
師尊萬古孝生慈

*Bồ Tát tiền thân tiên thánh phật;  
Sư tôn vạn cổ hiếu sinh từ.*

Tiền thân Bồ Tát thành tiên, thánh, phật;  
Muôn thuở tôn sư đức hiếu, nhân, từ.

川毓河鍾正直神明而一  
魚沉鶴落妖嬈婉艷無雙

*Xuyên dục hà chung, chính trực thần minh nhi nhất;  
Ngư trầm hạc lạc, yêu kiều uyển diễm vô song.*

Sông nuôi nước luyện, chính trực thần minh bậc nhất;  
Cá lặn hạc sa, yêu kiều diễm lệ không hai.

終古此江山日月當門隆棟幹  
高勳垂宇宙孝忠單節植根基

*Chung cổ thủ giang sơn nhật nguyệt đương môn long đồng cản;  
Cao huân thuỷ vũ trụ hiếu trung đơn tiết thực căn cơ.*

Sông núi mãi còn đây, nhật nguyệt sáng soi tài lương đồng;  
Công cao trùm vũ trụ, hiếu trung tiết tháo dựng căn cơ.

昔人已去此地空餘風雨不關成一古  
承相大名宗臣遺像江山有幸共千秋

*Tích nhân dĩ khứ thử địa không dư phong vũ bất quan thành nhát cổ;*

*Thừa tướng đại danh tông thần di tượng giang sơn hữu hạnh cộng  
thiên thu.*

Người xưa đã mất, đất này luống còn lưu, mưa gió chẳng phai thành  
chuyện cũ;

Thừa tướng đại danh, di tượng bậc tông thần, giang sơn may mắn  
mãi ngàn thu.

南北四方尊正氣

陳黎歷代贈忠勳

*Nam Bắc tứ phương tôn chính khí;*

*Trần Lê lịch đại tặng trung huân.*

Nam Bắc bốn phương tôn chính khí;

Trần Lê lịch đại tặng công huân.

臨水登山一路漸入佳景

尋源訪古此中無限風光

*Lâm thuỷ dǎng sơn nhứt lộ tiệm nhập giao cảnh;*

*Tìm nguyên phòng cổ thủ trung vô hạn phong quang.*

Men nước lầu non, một đường dần vào cảnh đẹp;

Tìm nguồn hỏi cổ, trong đây vô hạn phong quang.

立人標表開人徑

度世津梁覺世關

*Lập nhân tiêu biểu khai nhân kính;*

*Độ thế tân lương giác thế quan.*

Lập nhân hãy mở đường nhân kính;

Độ thế điều cần biết thế quan.

道若路然得其門而入

聖即天也不可階而升

*Đạo như được lộ nhiên đặc kỳ môn nhi nhập;  
Thánh túc thiên dã bất khả giao nhi thăng.*

*Đạo như đường ấy được cửa thì nhập;  
Thánh túc trời vây không thể leo mà lên.*

萬 劫 有 山 皆 劍 氣  
六 頭 無 水 不 秋 聲

*Vạn Kiếp hữu sơn giao hiến khí;  
Lục Đầu vô thuỷ bát thu thanh.*

*Vạn Kiếp núi non đều khí kiếm;  
Lục Đầu sông nước lắng hơi thu.*

安 南 壯 氣 山 河 在  
平 北 餘 靈 草 木 知

*An Nam tráng khí sơn hà tại;  
Bình Bắc dư linh thảo mộc tri.*

*Tráng khí An Nam sông núi đó;  
Dư linh bình Bắc cổ cây hay.*

單 門 廣 大 真 常 樂  
光 景 慈 悲 法 界 觀

*Thiền môn quảng đại chân thường lạc;  
Quang cảnh từ bi pháp giới quan.*

*Cửa thiền rộng mà vô cùng lạc;  
Quang cảnh từ bi khắp thế quan.*

家 君 子 賢 人 出 入  
門 英 雄 貴 客 往 來

*Gia quân tử hiền nhân xuất nhập;  
Môn anh hùng quý khách vãng lai.*

Nhà quán tử người hiền lui tới;  
Cửa anh hùng khách quý vắng lại.

洪鍾驚大夢  
舊館喜新成

*Hồng chung kinh đại mộng;*  
*Cựu quán hỷ tân thành.*

Chuông lớn tan giấc mộng;  
Quán xưa mừng tân thành.

春風不怒千花笑  
秋水無心四海平

*Xuân phong bất nô thiên hoa tiếu;*  
*Thu thuỷ vô tâm tứ hải bình.*

Xuân phong chẳng giận, nghìn hoa mỉm;  
Thu thủy vô tâm, bốn bề bằng.

祇園始自陳皇帝  
寶座依然佛聖人

*Kỳ viên thuỷ tự Trần Hoàng đế*  
*Bảo toạ y nhiên Phật Thánh nhân*

Vườn chùa có tự đời Trần đế  
Điện phật như xưa thuở Thánh nhân

(Chùa Trung Khanh, TP. Nam Định)

自西來東南北此心同此理  
從漢始宋齊梁其道即其心

*Tự Tây lai, Đông, Nam, Bắc, thử tâm đồng thử lý;*  
*Tóng Hán thủy, Tống, Tề, Lương, kỳ đạo tức kỳ tâm.*

Đến từ Tây, Đông, Nam, Bắc, tâm áy cùng lê áy;  
Đầu kẽ Hán, Tống, Tề, Lương, đạo này tức tâm này.

生爲國柱顯爲神  
福在萬民功在世

*Sinh vi quốc trụ, hiển vi thần;  
Phúc tại vạn dân, công tại thế.*

Sống làm quốc trụ thâc làm thần;  
Phúc tại muôn dân công tại thế.

國祖降生開貉域  
邦君經統肇雄基

*Quốc tổ giáng sinh khai Lạc vực;  
Bang quán kinh thống triệu Hùng cơ.*

Quốc tổ giáng sinh khai nước Lạc;  
Nhà vua gáy dựng mở nền Hùng.

二帝之間光史冊  
萬春以後色山河

*Nhị đế chi gian quang sử sách;  
Vạn xuân sau đó đẹp sơn hà.*

Nhị đế trước ngày ngồi sử sách;  
Vạn xuân sau đó đẹp sơn hà.

生爲將死爲神正氣留行天地並  
功在陳名在史英聲赫濯古今聞

*Sinh vi tướng tử vi thần chính khí lưu hành thiên địa tinh;  
Công tại Trần danh tại sử anh thanh hách trạc cổ kim văn.*

Sinh làm tướng, tử làm thần, chính khí lưu hành ngang trời đất;  
Công tại Trần, danh tại sử, tiếng tăm lừng lẫy suốt xưa nay.

功參廣大慈悲佛  
德一聰明正直神

*Công tham quảng đại từ bi Phật;  
Đức nhất thông minh chính trực Thần.*

Công ngang trời đất từ bi Phật;  
Đức tối thông minh chính trực Thần.

雄王創藉田耕藝  
聖賢頒業寶明農

*Hùng vương sáng tịch điền canh nghê;  
Thánh hiền ban nghiệp bảo minh nông.*

Vua Hùng mở nghề dạy cày cấy;  
Thánh hiền ban nghiệp trọng nghề nông.

義祖高懸天地白  
忠肝廣對鬼神知

*Nghĩa tổ cao huyền thiên địa bạch;  
Trung can quảng đối quỷ thần tri.*

Nghĩa tổ cao siêu trời đất rõ;  
Can trung lầm liệt quý thần hay.

廣流正氣匡扶廟貌肅嵩彰聖德  
論誌英聲自古山河壯麗赫神威

*Quảng lưu chính khí khuông phù miếu mạo huân cao chương thánh  
đức;  
Luận chí anh thanh tự cổ sơn hà tráng lệ hách thần uy.*

Róng dòng chính khí giữ gìn miếu mạo khôi hương tỏ thánh đức;  
Ghi chép tiếng vang tự cổ non sông tráng lệ chói thần uy.

流芳千載地壘以立天柱以尊

歷相三朝君名有榮臣號有顯

*Lưu phuông thiên tài, địa luỹ dĩ lập, thiên trụ dĩ tôn;  
Lịch tướng tam triều quân danh hữu vinh, thân hiệu hữu hién.*

Lũy đặt đã dựng, trụ trời đã tôn, lưu thơm ngàn thuở;  
Danh vua được vinh, hiệu tôi được tở, trai đã ba triều.

有開必先功德從來遠矣  
克昌厥後子孫弗替引之

*Hữu khai tất tiên, công đức tòng lai viễn hỉ;  
Khắc xương quyết hậu, tử tôn phát thể dân chi.*

Mở mang đi trước, công đức đến nay còn mãi;  
Thịnh vượng đến sau, cháu con tiếp nối chẳng rời.

萬古開長夜  
千載印寒江

*Vạn cổ khai trường da;  
Thiên tài ấn hàn giang.*

Muôn thuở mở đêm dài;  
Ngàn năm in sông lạnh.

一德現天誠自化  
百年顯聖品非凡

*Nhát đức hiện thiên thành tự hoá;  
Bách niên hiển thánh phẩm phi phàm.*

Một đức hiện trời, thành tự hoá;  
Trăm năm hiển thánh, phẩm phi phàm.

南天拾捌世車書初頭第壹聖  
西嶽億萬年香火上等最靈神

*Nam thiên thập bát thế xa thư, sơ đầu đệ nhất Thánh;  
Tây Nhạc ức vạn niên hương hoả, thương đẳng tối linh Thần.*

Trời Nam mươi tám đời truyền nối, buổi đầu đệ nhất Thánh;  
Tây Nhạc ức vạn năm hương hoả, thương đẳng tối linh Thần.

高族遺尊萬代長存名繼盛  
祖堂靈拜千年馮在德留光

*Cao tộc di tôn vạn代 trường tồn danh kế thịnh;  
Tổ đường linh bái thiên niên bằng tại đức lưu quang.*

Dòng họ tôn vinh, muôn thuở dài lâu danh vinh thịnh;  
Tổ đường cúng bái, ngàn năm nhờ cậy đức còn quang.

祖堂百世香花在  
裔族千秋福祿長

*Tổ đường bách thế hương hoa tại;  
Đuệ tộc thiên thu phúc lộc trường.*

Tổ đường trăm thuở, hương hoa cúng;  
Dòng họ ngàn năm, phúc lộc dài.

祖功宗德萬古精神萃聚  
春祀秋常億年香火烹蒿

*Tổ công tông đức vạn cổ tinh thần tụy tụ;  
Xuân tự thu thường ức niêm hương hoả huân cao.*

Tổ công tông đức, muôn thuở tinh thần hội tụ;  
Xuân cúng thu lễ, ức niêm hương hoả thơm tho.

片念追思存本族  
百年香火憶先功

*Phiên niệm truy tư tôn bản tộc;  
Bách niên hương hoả ức tiên công.*

Tâm lòng tìm hiểu về giòng họ;  
Trăm năm hương hoả nhớ công xưa.

出入仰彌高然在  
往來瞻起敬誠心

*Xuất nhập ngưỡng di cao nhiên tại;  
Vãng lai chiêm khôi kính thành tâm.*

Ngừa thấy càng cao, ra vào còn đáy;  
Người thêm kính trọng, qua lại thành tâm.

天書定份正統肇明都百粵山河之有祖  
光岳協靈故宮成萃廟三江襟帶尚朝尊

*Thiên thư định phận, chính thống triều minh đô Bách Việt sơn hà chí  
hữu tổ;  
Quang nhạc hiệp linh, cố cung thành tựu miếu tam giang khâm dời  
triều tôn.*

Thiên thư định phận, chính thống mở kinh thành, Bách Việt núi sông  
đà có chủ;  
Núi lớn cùng thiêng, cố cung thành miếu mạo, Tam Giang áo mũ vẫn  
duy trì.

啓我南邦鴻貉千秋尊帝國  
顯丁酉土傘瀘一帶壽新祠

*Khải ngã Nam bang Hồng Lạc thiên thu tôn đế quốc;  
Hiển Đinh Tây Thổ Tân Lô nhất đời thọ tân từ.*

Mở nước Nam ta, Hồng Lạc ngàn thu tôn đế hiệu;  
Sáng ngời Tây Thổ, Tân Lô một dài thọ tàn từ.

萬世豪雄德樹栽培增五福  
千年文憲仁基興盛享三多  
*Vạn thế hào hùng đức thụ tài bồi tăng ngũ phúc;*

*Thiên niên văn hiến nhân cơ hưng thịnh hưởng tam đa.*

Muôn thuở hào hùng, cây đức vun trồng tăng ngũ phúc;  
Ngàn năm văn hiến, nền nhân hưng thịnh hưởng tam đa.

德大安民心同千古盛  
雄朝護國德化萬年思

*Đức đại an dân, tâm đồng thiên cổ thịnh;*  
*Hùng triều hộ quốc, đức hóa vạn niên tư.*

Đức lớn yên dân, đồng tâm ngàn thuở thịnh;  
Hùng triều giữ nước, đức hoá vạn năm ơn.

大地雄王愛國民生盛王  
東向南天和平造立千秋

*Đại địa Hùng vương ái quốc dân sinh thịnh vượng;*  
*Đông hướng Nam thiên hòa bình tạo lập thiên thu.*

Đất lớn vua Hùng, yêu nước sinh dân thịnh vượng;  
Đông hướng trời Nam, hòa bình gầy dựng ngàn thu.

始帝炎邦貞淑五南起業  
生神古地樓臺一簇重新

*Thủy đế viêm bang trinh thực ngũ Nam khởi nghiệp;*  
*Sinh thần cổ địa lâu dài nhất thốc trùng tôn.*

Vua đầu viêm bang, trinh thực ngũ nam dựng nghiệp;  
Thần sinh đất cổ, lâu dài một cụm mới xây.

蜀朝社稷尊天柱  
香嶺山河壯帝居

*Thục triều xã tắc tôn thiên trụ;*  
*Hương lanh sơn hà tráng đế cư.*

Đất nước triều Thục tôn cột trời;

Non sông Hương linh mạnh đất đẽ.

慈聞留香作養人才標女烈  
故鄉遺跡勤勞王室顯臣忠

*Tư khồn lưu hương tác dưỡng nhân tài tiêu nữ liệt;  
Cố hương di tích cần lao vương thất hiển thần trung.*

Phòng mẹ thơm hương, nuôi dạy nhân tài nêu liệt nữ;  
Làng quê dấu tích, siêng năng việc nước tổ trung thần.

不愧古人稱烈女  
養成當代一忠臣

*Bất愧 quý cô nhân xưng liệt nữ;  
Dưỡng thành đương đại nhất trung thần.*

Chẳng thẹn người xưa khen liệt nữ;  
Nuôi dạy đời nay một trung thần.

聖德冠南天默佑鄉民康泰  
神威騰北地匡扶社稷安寧

*Thánh đức quán Nam thiên mặc hựu hương dân khang thái;  
Thần uy dâng Bắc địa khuông phù xã tắc an ninh.*

Thánh đức chủ trời Nam, giúp đỡ dân làng khang thái;  
Thần uy trùm đất Bắc, khuông phù đất nước an ninh.

顯應默扶寧國勢  
感通威鎮護民鄉

*Hiển ứng mặc phù ninh quốc thế;  
Cảm thông uy trấn hộ dân hương.*

Hiển ứng giúp vững bền thế nước;  
Cảm thông uy bảo hộ dân làng.

歷朝溯運千年史  
越甸鐘靈萬古神

*Lịch triều dực vận thiên niên sử;  
Việt điện chung linh vạn cổ thần.*

Các triều rạng rõ sử ngàn năm;  
Đất Việt linh thiêng thần vạn thuở.

雄嶺千秋標正氣  
洮江一陳震奇功

*Hùng linh thiên thu tiêu chính khí;  
Thao giang nhất trận chấn kỳ công.*

Núi Hùng ngàn năm nêu chính khí;  
Sông Thao một trận nổi kỳ công.

只有孤忠事去而心存故國  
別成會所民間而肅若朝廷

*Chỉ hữu cô trung sự khú nhì tâm tồn cố quốc;  
Biệt thành hội sở dân gian nhì túc nhược triều đình.*

Chỉ có cô trung, việc cũ mà lòng còn nhớ nước;  
Riêng thành hội sở, dân gian nghiêm túc tựa trong triều.

應蜀聘扶蜀危莫大勳名標宇宙  
抗趙軍嗎趙使提高義氣作山河

*Ứng Thục sinh, phù Thục nguy, mạc đại huân danh tiêu vũ trụ;  
Kháng Triệu quân, mà Triệu sứ, đề cao nghĩa khí tác sơn hà.*

Làm rể Thục, cứu nguy Thục, khó sánh tiếng tăm nêu vũ trụ;  
Chống quân Triệu, mắng sứ Triệu, đề cao nghĩa khí giữ sơn hà.

千秋永烈傳名將  
一對洮河邑舊祠

*Thiên thu vinh liệt truyền danh tướng;  
Nhất đổi Thao hà ấp cựu tú.*

Ngàn năm rực rỡ lưu danh tướng;  
Một áp Thao hà vẫn diện xưa.

歷代褒封光古廟  
邑民歌舞樂春臺

*Lịch đại bao phong quang cổ miếu;  
Áp dân ca vũ lạc xuân dài.*

Các đời ngợi khen sáng miếu cổ;  
Áp dân ca múa rộn dài xuân.

忠心如白日  
正氣壯山河

*Trung tâm như bạch nhật;  
Chính khí tráng sơn hà.*

Lòng trung tựa trời sáng;  
Khí chính mạnh non sông.

乃武乃文厥靈傳歷代  
如日如月多福播群黎

*Nài vū nài vān quyết linh truyền lịch đại;  
Như nhật như nguyệt đa phúc bá quán lê.*

Gồm vũ gồm văn, tiếng thiêng truyền triều đại;  
Tựa nhật tựa nguyệt, phúc ban đến nhân dân.

鍾毓何年水秀山英纏宇宙  
邦扶依昔民安物阜拜神庥

*Chung dục hèn niên thuỷ tú sơn anh triển vũ trụ;  
Bang phù y tích dân an vật phụ bái thần hưu.*

Chung đúc năm nào, nước đẹp non thiêng quanh vùn trụ;  
Giữ gìn như cũ, dân yên vật thịnh đội ơn thần.

廟宇功全上下斯民蒙利樂  
高明位列西東觀者翕顥孚

*Miêu vùn công toàn thương hạ tư dân mông lợi lạc;*  
*Cao minh vị liệt tây đông quan giả hấp ngung phu.*

Miêu vùn nên công, trên dưới, dân đây nhờ lợi lạc;  
Cao minh đặt chỗ, tây đông khách đến gởi niềm tin.

淑慎閨儀南國山河資內治  
清高廟貌方民香火顯英靈

*Thục thận khuê nghi Nam quốc sơn hà tư nội trị;*  
*Thanh cao miếu mạo phương dân hương hỏa hiển anh linh.*

Thận trọng khuê nghi, sông núi nước Nam nhờ nội trị;  
Thanh cao miếu mạo, khói hương dân nhớ hiển anh linh.

世歷雄紀以來先後彰靈盛跡  
廟祠珥江之上春秋頂祝英聲

*Thế lịch Hùng kỷ dì lai tiên hậu chưong linh thịnh tích;*  
*Miêu từ Nhĩ giang chi thương xuân thu đỉnh chúc anh thanh.*

Trái bao thế kỷ vua Hùng, sau trước rõ ràng dấu tích;  
Đền miếu trên bờ sông Nhĩ, xuân thu cầu chúc anh linh.

後先濯也功於國  
左右洋乎祀在民

*Hậu tiên trạc dâ công ư quốc;*  
*Tả hữu dương hồ tự tại dân.*

Công với nước, trước sau rộng lớn;  
Thờ do dân, trái phải mênh mông.

開闔間乾坤軸區顯赫英聲藏秘廟  
歌聚處春臺壽域太平景像屬清河

*Khai hạp gian, càn khôn trực khu, hiển hách anh thanh tàng bí miếu;  
Ca tụ xứ, xuân đài thọ vực, thái bình cảnh tượng thuộc thanh hà.*

Nơi đóng mờ càn khôn trọng yếu, lừng lẫy tiếng tăm ghi miếu kín;  
Chốn hội ca dài xuân thịnh vượng, thái bình cảnh tượng ở sông trong.

爲將爲神萬古靈聲傳越境  
在民在國千秋功德引洮江

*Vì tướng vi thần vạn cổ linh thanh truyền Việt cảnh;  
Tại dân tại quốc thiên thu công đức dẫn Thao giang.*

Làm tướng làm thần, vạn thuở anh linh truyền đất Việt;  
Ở dân ở nước, ngàn năm công đức nhuận dòng Thao.

雄朝名將同生化  
傘嶺有神自古今

*Hùng triều danh tướng đồng sinh hóa;  
Tản linh hữu thần tự cổ kim.*

Danh tướng triều Hùng chung sống thác;  
Có thần núi Tản tự xưa nay.

山秀水佳如畫高清傘珥  
地靈人傑兼優韜略孫吳

*Sơn tú thuỷ gai như họa cao thanh Tân Nhĩ;  
Địa linh nhân kiệt kiêm ưu thao lược Tôn Ngô.*

Tân, Nhĩ cao trong, nước biếc non xanh như vẽ;  
Tôn, Ngô thao lược, người kiệt đất linh gồm tài.

聖德英靈扶國盛  
神功赫濯助民安

*Thánh đức anh linh phù quốc thịnh;  
Thần công hách trạc trợ dân an.*

Đức thánh anh linh, phù nước thịnh;  
Công thần hiển hách, giúp dân an.

洮水 源深流益遠  
東阿 日暮影猶長

*Thao thuỷ nguyên sâu lưu ích viễn;  
Đông a nhật mò ảnh do trường.*

Thao giang nguồn rộng, dòng xa thảm;  
Trần nghiệp về chiều, bóng vẫn dài.

退敵助神功南國山河猶所在  
安民留聖德雄朝苗裔到于今

*Thoái địch trợ thần công, Nam quốc sơn hà do sở tại;  
An dân lưu thánh đức, Hùng triều miêu duệ đáo vu kim.*

Duối giặc có công thần, núi sông Nam Việt đây còn mãi;  
Yên dân nhờ đức thánh, con cháu vua Hùng đến tận nay.

孝忠節烈存今古  
廟宇樓臺紀後來

*Hiếu trung tiết liệt tồn kim cổ;  
Miếu vū lâu dài kỷ hậu lai.*

Hiếu trung tiết liệt còn kim cổ;  
Miếu vū lâu dài gởi cháu con.

才兼文武中興將  
德合陰陽上等神

*Tài kiêm văn vũ trung hưng tướng;  
Đức hợp âm dương thượng đẳng thần.*

Tài kiêm văn võ tướng trung hưng;  
Đức hợp âm dương thần thượng dǎng.

繼祖傳宗光有永  
聯燈續焰映無邊

*Kế tổ truyền tông quang hưu vĩnh;*  
*Liên dǎng tục diệm ánh vô biên.*

Tiếp nối cháu con ngời sáng mãi;  
Lâu dài đèn lửa rạng khôn cùng.

廟宇千秋明祀典  
香燈百世事先靈

*Miếu vũ thiên thu minh tự điện;*  
*Hương dǎng bách thế sự tiên linh.*

Miếu vũ ngàn năm sáng ngời lê;  
Đèn hương trăm thuở cúng tiên linh.

節義匡扶宗國祚  
靈聲赫濯護斯民

*Tiết nghĩa khuông phù tông quốc tộ;*  
*Linh thanh hách trạc hộ tư dân.*

Tiết nghĩa khuông phù bền phúc nước;  
Linh thiêng lừng lẫy giúp cho dân.

忠孝一心天地照  
敬誠二字鬼神知

*Trung hiếu nhất tâm thiên địa chiếu;*  
*Kính thành nhị tự quỷ thần tri.*

Trung hiếu một lòng trời đất tỏ;  
Kính thành hai chữ quỷ thần hay.

邦國匡扶歷代靈聲垂宇宙  
方民翊相千秋正氣壯山河

*Bang quốc khuông phù lịch đại linh thanh thuỷ vũ trụ;  
Phương dân dực tướng thiên thu chính khí tráng sơn hà.*

Trải mấy linh thiêng trùm vũ trụ, đất nước khuông phù;  
Ngàn năm chính khí mạnh non sông, nhân dân giúp đỡ.

護國庇民萬古英靈傳勝地  
除災捍患千秋福惠蔭斯民

*Hộ quốc ty dân vạn cổ anh linh truyền thắng địa;  
Trừ tai hân hoạn thiên thu phúc huệ ấm tư dân.*

Giúp nước, đỡ dân, muôn thuở anh linh truyền đất đep;  
Trừ tai, cứu nạn, ngàn năm phúc huệ ấm dân này.

允武允文閱世勳功垂竹帛  
乃神乃聖歷朝典重壯方村

*Doanh vũ doanh văn, duyệt thế huân công thuỷ trúc bách;  
Nai thần nai thánh lịch triều điển trọng tráng phương thôn.*

Đủ võ đủ văn từng trải công lao ghi trúc lụa;  
Là thần là thánh các triều trọng vọng mạnh thôn dân.

生爲良將爲忠臣凜烈  
化作尊神作顯聖大王

*Sinh vi lương tướng vi trung thần lâm liệt;  
Hoá tác tôn thần tác hiển thánh đại vương.*

Sống làm lương tướng, làm trung thần lâm liệt;  
Chết hóa tôn thần, hóa hiển thánh đại vương.

保國護民昭聖德  
除災降福顯神功

*Bảo quốc hộ dân chiêu thánh đức;  
Trù tai giáng phúc hiển thần công.*

*Giữ nước giúp dân ngời thánh đức;  
Trừ tai giáng phúc tỏ uy thần.*

靈光重鎮山河世  
寶應旁觀殿閣謨

*Linh quang trọng trấn sơn hà thế;  
Bảo ứng bàng quan điện các mỗ.*

*Linh thiêng trấn giữ non sông cây;  
Đáp ứng chẳng màng, điện các nhở.*

水底何年留顯跡  
秋臺自古仰餘威

*Thủy đế hà niên lưu hiển tích;  
Thu đài tự cổ ngưỡng dư uy.*

*Đáy nước năm nào, lưu hiển tích;  
Đài thu tự cổ, ngưỡng uy thửa.*

陰扶越地中興聖  
名鎮南天上等神

*Âm phù Việt địa Trung hưng thánh;  
Danh trấn Nam thiên Thượng đẳng thần.*

Âm phù đất Việt, Trung hưng thánh;  
Danh trấn trời Nam, Thượng đẳng thần.

南海神封天有敕  
乾門波靜地餘靈

*Nam hải thần phong thiên hữu sắc;  
Càn môn ba tĩnh địa dư linh.*

Biển Nam phong thần, trời có sắc;  
Cửa Càn sóng lặng, đất còn thiêng.

(Đền Quát Lâm, Nam Định)

萬古功成名顯達  
千秋德盛姓繁榮

Vạn cổ công thành danh hiển đạt;  
Thiên thu đức thịnh tính phồn vinh.

Muôn thuở công thành, danh hiển đạt;  
Ngàn thu đức thịnh, họ phồn vinh.

亞雨歐風新砥柱  
雄崑傘嶺舊封疆

Á vū Âu phong tân chỉ trụ;  
Hùng cương Tân linh cũ phong cương.

Mưa Á gió Âu nền cột mới;  
Núi Hùng non Tân cõi bờ xưa.

象嶺天開標正氣  
馬江地闢顯英靈

Tượng linh thiên khai tiêu chính khí;  
Mã giang địa tịch hiển anh linh.

Trời mở núi Voi nêu chính khí;  
Đất bày sông Mã tỏ anh linh.

一歲風波平宋賊  
千秋香火振南邦

Nhất tuế phong ba bình Tống tặc;  
Thiên thu hương hoả chấn Nam bang.

Sóng gió một năm, bình giặc Tống;

Hương hoả ngàn thu, rây nước Nam.

劫領瀘江標正氣  
花旗寶劍翊靈聲

*Kiếp lĩnh Lô giang tiêu chính khí;  
Hoa kỳ bảo kiếm dực linh thanh.*

Núi Kiếp, sông Lô nêu chính khí;  
Cờ hoa kiếm báu sáng linh thiêng.

花石鐘靈神將化身平北宋  
黃雲秀氣天星降世翊南天

*Hoa thạch chung linh thần tượng hoá thân bình Bắc Tống;  
Hoàng vân tú khí thiên tinh giáng thế dực Nam thiên.*

Hoa đá linh thiêng, thần tượng hoá thân bình Bắc Tống.  
Mây vàng khí đẹp, thiên tinh giáng thế giúp trời Nam.

寵綏四辰如在上在左右  
灌靈萬古保此土此人民

*Sủng tuy tứ thời, như tại thường tại tả hữu;  
Trợc linh vạn cổ, bảo thủ thổ thử nhân dân.*

Nối tiếp bốn mùa, như ở trên, như trái phái;  
Linh thiêng muôn thuở, giữ đất này, nhân dân này.

正統南天分宇宙  
功平北宋壯山河

*Chính thống Nam thiên phân vũ trụ;  
Công bình Bắc Tống tráng sơn hà.*

Dòng chính trời Nam chia vũ trụ;  
Công bình Bắc Tống mạnh non sông.

平虜威聲北敵寒心違甲  
慕珠舊跡南邦勝地退袍

*Bình lỗ uy thanh, Bắc địch hàn tâm cự giáp;  
Mộ Châu cũ tích Nam bang thắng địa thoái bào.*

Dẹp giặc lừng danh, quân Bắc kinh hồn quăng giáp;  
Mộ Châu dấu cũ, trời Nam đất vượng cởi bào.

墓下鐘靈留顯跡  
黎朝護國震雄威

*Mộ hạ chung linh lưu hiển tích;  
Lê triều hộ quốc chấn hùng uy.*

Dưới mộ linh thiêng lưu hiển tích;  
Triều Lê hộ quốc rạng hùng uy.

福民可拜三公削  
壽聖能呼萬歲聲

*Phúc dân khai bái tam công tước;  
Thọ thánh năng hô vạn tuế thanh.*

Phúc dân đáng bái tước tam công;  
Thọ thánh nên hô câu vạn tuế.

德大安民千古在  
功高護國萬年長

*Đức đại an dân thiên cổ tại;  
Công cao hộ quốc vạn niên trường.*

Đức lớn yên dân ngàn thuở thịnh;  
Công cao giữ nước vạn năm dài.

前土宅後靈祠至今不改  
孝於家忠與國自古猶傳

*Tiền thố trạch hậu linh từ chí kim bát cải;  
Hiếu ư gia trung dũ quốc tự cổ do truyền.*

Trước chỗ ở, sau đền thiêng; đến nay chẳng đổi;  
Hiếu trong nhà, trung với nước, từ cổ còn truyền.

(Đền Cố Trạch, Nam Định).

秀氣一胞留越史  
雄風萬古凜神威

*Tú khí nhất bào lưu Việt sử;  
Hùng phong vạn cổ lâm thần uy.*

Một bọc khí thiêng lưu sử Việt;  
Muôn năm gió mạnh trọng uy thần.

赫赫厥聲霑度澤  
洋洋在上仰靈光

*Hách hách quyết thanh chiêm độ trạch;  
Dương dương tại thượng ngưỡng linh quang.*

Lừng lẫy tiếng tăm nhuần ơn trạch;  
Thẩm thẩm trên cao thấy khí thiêng.

德博聖文澄鱸舞  
威儀神武帖鯨吞

*Đức bát thánh văn triềng ngạc vũ;  
Uy nghi thần võ thiếp kinh thôn.*

Đức rộng thánh văn trừng múa ngạc;  
Uy nghi thần võ diệt quân kình.

砥柱高標明日月  
金甌永典守山河

*Chỉ trụ cao tiêu minh nhật nguyệt;*

平虜威聲北敵寒心遽甲  
慕珠舊跡南邦勝地退袍

*Binh lỗ uy thanh, Bắc địch hàn tâm cự giáp;  
Mộ Châu cũ tích Nam bang thắng địa thoái bào.*

Dẹp giặc lừng danh, quân Bắc kinh hồn quăng giáp;  
Mộ Châu dấu cũ, trời Nam đất vượng cởi bào.

墓下鐘靈留顯跡  
黎朝護國震雄威

*Mộ hạ chung linh lưu hiển tích;  
Lê triều hộ quốc chấn hùng uy.*

Dưới mộ linh thiêng lưu hiển tích;  
Triều Lê hộ quốc rạng hùng uy.

福民可拜三公削  
壽聖能呼萬歲聲

*Phúc dân khả bái tam công tước;  
Thọ thánh năng hô vạn tuế thanh.*

Phúc dân đáng bái tước tam công;  
Thọ thánh nên hô câu vạn tuế.

德大安民千古在  
功高護國萬年長

*Đức đại an dân thiên cổ tại;  
Công cao hộ quốc vạn niên trường.*

Đức lớn yên dân ngàn thuở thịnh;  
Công cao giữ nước vạn năm dài.

前土宅後靈祠至今不改  
孝於家忠與國自古猶傳

*Kim áu vĩnh diển thủ sơn hà.*

Trụ đá nêu cao sáng nhật nguyệt;  
Âu vàng lập phép giữ sơn hà.

一柱高標芳山有勁骨  
千秋永九土玉生德才

*Nhất trụ tiêu phượng sơn hưu kinh cốt;*  
*Thiên thu vĩnh cửu thổ ngọc sinh đức tài.*

Một cột nêu cao, núi danh có cốt cứng;  
Ngàn năm vĩnh cửu, đất ngọc sinh đức tài.

往以尊喝水爭高徵廟宇  
銅可儕浪湖不折漢風雷

*Vâng dì tôn, Hát thuỷ tranh cao Trưng miếu vũ;*  
*Đồng khà trù, Lăng hồ bất chiết Hán phong lôi.*

Sông Hát réo vươn cao, mái tôn vinh đền miếu hai Bà;  
Sông gió Lăng hồ, chưa bẻ gãy cột đồng Đóng Hán.

農壯秀氣留顯跡  
丁朝護國震雄威

*Nông trang tú khí lưu hiển tích;*  
*Đinh triều hộ quốc chấn hùng uy.*

Nông trang khí đẹp lưu danh tiếng;  
Triều Đinh giữ nước rạng oai hùng.

百戰立奇功懿親良將  
千秋傳勝跡故宅新祠

*Bách chiến lập kỳ công ý thân lương tướng;*  
*Thiên thu truyền thắng tích cố trạch tân tự.*

Trăm trận lập kỳ công, Hoàng thân tướng giỏi;

Ngàn thu truyền cảnh đẹp, Cố Trạch đền nay.  
(Đền Cố Trạch, Nam Định).

宋 賊 解 兵 衷 帝 命  
李 朝 開 國 顯 神 功

Tống tặc giải binh trung đế mệnh;  
Lý triều khai quốc hiển thần công.

Giặc Tống lui quân, vì trời khiến;  
Lý triều mở nước, rạng thần công.

一 陣 黑 雲 除 漢 寇  
千 秋 香 火 應 洲 區

Nhất trận hắc vân trừ Hán khấu;  
Thiên thu hương hoả ứng Châu khu.

Một trận mây đen, trừ giặc Hán;  
Ngàn năm hương hoả, ứng trời Nam.

山 勢 地 形 淵 源 引 脈 高 封 後  
雄 峰 萬 古 聖 王 乘 龍 駕 御 前

Sơn thế địa hình uyên nguyên dẫn mạch cao phong hậu;  
Hùng phong vạn cổ thánh vương thừa long giá ngự tiền.

Cội nguồn dẫn mạch, kín che sau thế núi địa hình;  
Thánh chúa cưỡi rồng, ngự giá trước đỉnh Hùng vạn cổ.

椿 陣 餘 風 敲 樹 沙  
藥 山 古 月 印 江 心

Thung trân dư phong xao thụ mạo;  
Dược sơn cổ nguyệt ấn giang tâm.

Trận cọc còn vang, cây phát gió;  
Vườn thuốc trắng xưa, chiếu lòng sông..

數千年王佐始終父子君臣開極點  
十五部天分翼軫山河日月共長存

*Số thiên niên, vương tá thủy chung, phụ tử quân thần khai cực điểm;  
Thập ngũ bộ, thiên phân dịc chấn, sơn hà nhật nguyệt cộng trường tồn.*

Trước sau giúp chúa, mấy ngàn năm, cha con vua tôi tròn giữ đạo;  
Dực chấn trời phản, mười lăm bộ, núi sông nhật nguyệt vẫn lâu bền.

保 越 山 河 雲 逐 北  
扶 陳 廟 社 日 昇 東

*Bảo Việt sơn hà vân trực Bắc;  
Phù Trần miếu xã nhật thăng Đông.*

Giữ Việt non sông, mây đuổi Bắc;  
Phù Trần xã tắc, mặt trời Đông.  
(Đền Bảo Lộc, Nam Định)

扶 擔 天 生 文 武 將  
江 河 地 出 聖 仙 人

*Phù Ủng thiên sinh văn vũ tướng;  
Giang hà địa xuất thánh tiên nhân.*

Trời sinh tướng giỏi, làng Phù Ủng;  
Đất xuất thánh nhân, chốn sông hồ.

雲 擔 蘆 旗 天 開 運  
包 咸 水 馬 地 終 靈

*Vân ủng lô kỳ thiên khai vận;  
Bao hàm thủy mã địa chung linh.*

Mây cuốn cờ lau, trời mở vận;  
Bao hàm ngựa nước, đất linh thiêng.

恩深海河留萬代  
德厚山林刻千秋

*Ân thâm hải hà lưu vạn đai;  
Đức hậu sơn lâm khắc thiên thu.*

Sông biển ơn sâu, lưu vạn thuở;  
Núi rừng dày đức, khắc ngàn thu.

億年赫奕英靈地  
萬世衣冠禮樂天

*Úc niên hách dịch anh linh địa;  
Vạn thế y quan lễ nhạc thiên.*

Ngàn năm chói lọi, đất anh linh;  
Muôn thuở y quan, trời lễ nhạc.

赫濯西郊留聖跡  
繁宣下邑遍神庥

*Hách trạc tây giao lưu thánh tích;  
Phồn tuyên hạ ấp biến thần hưu.*

Lừng lẫy tây thành, lưu dấu thánh;  
Rợp che dưới ấp, khắp ơn thần.

協啓千秋新廟貌  
迴廊四面舊江山

*Hiệp khai thiên thu tàn miếu mạo.  
Hồi lang tứ diện cựu giang sơn;*

Cùng dựng ngàn năm đèn miếu mới.  
Nhà quây bốn mặt núi sông xưa;

基址重新龍象左排孚仰望

江山依舊遞坼右列壯觀瞻

*Cơ chỉ trùng tàn long tượng tả bài phu ngưỡng vọng;  
Giang sơn y cựu quy xích hữu liệt tráng quan chiêm.*

Nền nhà làm mới, tượng rồng bày trái gây tin tưởng;  
Non sòng như cũ, mai rùa đặt phải gọi tham quan.

傘嶺雄山通國祭  
仙花富石屹鄉祠

*Tản linh Hùng sơn thông quốc tế;  
Tiên hoa Phú thạch ngật hương từ.*

Tản linh Hùng sơn thông quốc mạch;  
Tiên hoa Phú thạch nổi đèn quê.

求天地風和雨順  
敬聖神福厚恩留

*Cầu thiên địa phong hoà vũ thuận;  
Kính thánh thần phúc hậu ân lưu.*

Cầu trời đất, gió hòa mưa thuận;  
Kính thánh thần, phúc hậu ơn lưu.

赫濯瑞雲留聖跡  
繁宣富厚遍神庥

*Hách trạc thuỷ vân lưu thánh tích;  
Phồn tuyên phú hậu biến thần hưu.*

Mây lành rực rỡ, lưu dấu thánh;  
Giàu có sinh sôi, nắp bồng thần.

仰之遺高進一步升一級  
瞻者起敬赫厥聲濯厥靈

*Ngưỡng chi di cao, tiến nhất bộ, thăng nhất cấp;*

*Chiêm giả khởi kính, hách quyết thanh, trạc quyết linh.*

Kẻ ngước thấy cao, tiến một bước lên một bậc;  
Người xem thêm kính, lừng tiếng vang, rạng tiếng thiêng.

神功深莫測

聖德默扶持

*Thần công thâm mạc trắc;*  
*Thánh đức mạc phù trì.*

Thần công khôn lường sâu;  
Thánh đức phù trì kín.

聖德普施千戶福  
雄瀘風雨有餘威

*Thánh đức phổ thi thiên hộ phúc;*  
*Hùng Lô phong vũ hữu dư uy.*

Thánh đức thi ân, ngàn hộ phúc;  
Hùng Lô mưa gió, có thừa uy.

上等英靈留跡古  
降神顯聖柱千秋

*Thượng đẳng anh linh, lưu tích cổ;*  
*Giáng thần hiển thánh, trụ thiên thu.*

Thượng đẳng anh linh lưu dấu cổ;  
Giáng thần hiển thánh vững ngàn thu.

溥海仰神庥  
安瀾沾聖德

*Phổ hải ngưỡng thần hưu;*  
*An lan chiêm thánh đức.*

Biển rộng nhô ơn thần;

Sóng yên nhuần đức thánh.

水德汪涵七郡花村沾潤澤  
金臺燦爛三河流域沐恩光

*Thuỷ đức uòng hàm, thái quận hoa thôn triêm nhuần trạch;  
Kim đài xán lan, tam hà lưu vực mộc ân quang.*

Đức nước mênh mông, bảy quận thôn hoa nhuần tưới thấm;  
Đài vàng xán lan, ba sông lưu vực đượm ân soi.

遠溯德源歸鉅海  
近來花甲報連枝

*Viên tố đức nguyên quy cự hải;  
Cận lai hoa giáp báo liên chi.*

Xa xưa đức độ dường biển cả;  
Đến nay tuổi tác dược liên chi.

東土青蓮開智慧  
西天紅日照光明

*Dōng Thổ thanh liên khai trí tuệ;  
Tây Thiên hồng nhật chiếu quang minh.*

Đông Thổ sen xanh khai trí tuệ;  
Tây Thiên hồng nhật chiếu quang minh.

金蓮寶上彌陀佛  
紫竹林中觀世音

*Kim liên bảo thượng Di Đà Phật;  
Tử trúc lâm trung Quán Thế Âm.*

Sen vàng trên điện Di Đà Phật;  
Trúc tía trong rừng Quán Thế Âm.

色 景 輝 煌 求 德 佛  
靈 臺 燦 爛 念 釋 边

*Sắc cảnh huy hoàng cầu đức Phật;  
Linh đài xán lạn niệm Thích Ca.*

Cảnh sắc huy hoàng cầu đức Phật;  
Chùa thiêng xán lạn niệm Thích Ca.

百 拜 宮 靈 三 世 佛  
一 心 朝 奉 九 重 仙

*Bách bái cung linh Tam Thế Phật;  
Nhất tâm triều phụng Cửu Trùng Tiên.*

Trăm lạy cung thiêng Tam Thế Phật;  
Một lòng thờ phụng Cửu Trùng Tiên.

風 景 有 情 色 色 映 中 天 日 月  
乾 坤 不 老 永 永 存 世 上 精 靈

*Phong cảnh hữu tình sắc sắc ánh trung thiên nhật nguyệt;  
Càn khôn bất lão vĩnh vĩnh tồn thế thượng tinh linh.*

Phong cảnh có tình, sắc sắc rạng giữa trời nhật nguyệt;  
Càn khôn chẳng lão, mãi mãi còn cõi thế anh linh.

靈 山 萬 古 名 麟 入 凡 出 聖  
光 景 日 時 新 色 近 悅 遠 來

*Linh sơn vạn cổ danh am nhập phàm xuất thánh;  
Quang cảnh nhật thời tân sắc cận duyệt viễn lai.*

Linh sơn muôn thuở danh am, vào phàm ra thánh;  
Quang cảnh ngày giờ sắc mới, gần chuộng xa ưa.

善 惡 分 明 天 有 眼  
吉 匪 報 應 佛 何 心

*Thiện ác phân minh thiên hữu nhãnh;  
Cát hung báo ứng Phật hà tâm.*

Thiện ác phân minh, trời có mắt;  
Cát hung báo ứng, Phật đâu lòng.

天應地靈龍橋寺  
神扶佛度錦隊村

*Thiện ứng địa linh Long Kiêu tự;  
Thần phù phật độ Cẩm Đội thôn.*

Chùa Long Kiêu trời ứng đất linh;  
Thôn Cẩm Đội thần phù phật độ.

日昭光明金殿閣  
月臨梵宅玉樓臺

*Nhật chiêu quang minh kim điện các;  
Nguyệt lâm phạn trạch ngọc lâu đài.*

Trời chiếu sáng ngời điện gác vàng;  
Trăng soi thiền viện lâu dài ngọc.

梵宇擎天標屹柱  
林圓特地起層樓

*Phan vū kinh thiên tiêu ngát trụ;  
Lâm viên đặc địa khởi tầng lâu.*

Mái phanford trời cao ngát cột;  
Lâm viên đất tốt dựng tầng lâu.

寸燭九霄懸日月  
單刀萬古壯山河

*Thôn chúc cửu tiêu huyền nhật nguyệt;  
Đan đao uan cô tráng sơn hà.*

Tác được chín tầng cùng nhật nguyệt;  
Thánh đao muôn thuở mạnh sơn hà.

優 菩 花 開 功 德 住  
伍 月 果 結 夏 天 成

*Uu bat hoa khai công đức trú;  
Ngũ nguyệt quả kết hạ thiên thành.*

Sen xanh hoa nở chứa công đức;  
Tháng năm kết quả mùa hạ thành.

日 月 恩 光 炙  
江 山 喜 氣 臨

*Nhật nguyệt ân quang chiếu;  
Giang sơn hỷ khí lâm.*

Ngày tháng ân chiếu sáng;  
Non sông mừng khí lành.

大慈大悲救一劫苦海眾生阿彌陀佛  
修福修慧造無量極樂世界歡喜如來

*Đại từ đại bi, cứu nhát kiếp khổ hải chúng sinh, A Di Đà Phật;  
Tu phúc tu tuệ, tạo vô lượng cực lạc thế giới, hoan hỷ Như Lai.*

Đại từ đại bi, cứu một kiếp chúng sinh bể khổ, A Di Đà Phật;  
Tu phúc tu tuệ, tạo vô số thế giới cực lạc, hoan hỷ Như Lai.

大慈大悲救一劫苦海眾生  
修福修慧造無量極樂世界

*Đại từ đại bi, cứu nhát kiếp khổ hải chúng sinh;  
Tu phúc tu tuệ, tạo vô lượng cực lạc thế giới.*

Đại từ đại bi, cứu một kiếp khổ hải chúng sinh;  
Tu phúc tu tuệ, tạo vô lượng cực lạc thế giới.

福壽永綏茲景福  
農桑不改古遺風

*Phúc thọ vĩnh tuy tư cảnh phúc;  
Nông tang bất cải cổ di phong.*

Cảnh phúc nay giàu thọ vẫn còn;  
Phong tục cũ nông tang không đổi.

安坐真言求大覺  
誠心奉請現如來

*An tọa chân ngôn cầu đại giác;  
Thành tâm phụng thỉnh hiện như lai.*

Tin tưởng chân ngôn, cầu đại giác;  
Thành tâm cầu khẩn, hiện như lai.

挈指拈花誠格瑤穹三界府  
信心念佛名標淨域九蓮臺

*Khiết chỉ niêm hoa thành cách dao khung tam giới phủ;  
Tín tâm niệm phật danh tiêu tịnh vực cửu liên đài.*

Ngón tay giờ hoa, thực biến vùng trời ba giới phủ;  
Tín tâm niệm phật, danh nêu tịnh vực chín đài sen.

平等皈依登覺岸  
自由信仰入玄門

*Bình đẳng quy y đăng giác ngạn;  
Tự do tín ngưỡng nhập huyền môn.*

Bình đẳng quy y, đến bến giác;  
Tự do tín ngưỡng, vào cửa huyền.

誦佛慈悲修積善  
聖賢廣大福後來

Tụng Phật từ bi tu tích thiện;  
Thánh hiền quảng đại phúc hậu lai.

Tụng Phật từ bi, nên tích thiện;  
Thánh hiền quảng đại, phúc về sau.

福錫無疆極衍皇疇五福  
陽春有腳會開泰宇三陽

Phúc tích vô cương, cực diển hoàng trù ngũ phúc;  
Dương xuân hữu cước, hội khai thái vū tam dương.

Ban phúc khôn cùng, tràn ngập cõi bờ ngũ phúc;  
Dương xuân có bước, mở ra thái vū tam dương.

一花現瑞週沙界  
五葉流芳遍大天

Nhất hoa hiện thuy chu sa giới;  
Ngũ diệp lưu phuong biến đại thiên.

Một hoa lành hiện quanh sa giới;  
Năm cánh lưu phương khắp đại thiên.

創立勝景禪庵史記千秋光日月  
造成蓮花石座留傳萬古對江山

Sáng lập thắng cảnh chùa am sử ký thiên thu quang nhật nguyệt;  
Tạo thành liên hoa thạch toạ lưu truyền vạn cổ đối giang sơn.

Sáng lập cảnh đẹp chùa am, sử chép nghìn thu ngời nhật nguyệt;  
Tạo nên tòa sen bệ đá, người truyền muôn thuở với non sông.

培像貽形留後世  
造禪再立繼前人

Bồi tượng di hình lưu hậu thế;  
Tạo thiền tái lập kế tiền nhân.

Đắp tượng vẽ hình, lưu hậu thế;  
Tạo thiên tái lập, nối tiền nhân.

天應地靈壯嚴寺  
神扶佛度三江村

*Thiên ứng địa linh Trang Nghiêm tự;*  
*Thần phù Phật độ Tam Giang thôn.*

Chùa Trang Nghiêm, thiên ứng đất linh;  
Thôn Tam Giang, thần phù Phật độ.

慈悲不瞬諸天眼  
清淨無塵寸地心

*Tử bi bất thuấn chư thiên nhān;*  
*Thanh tịnh vô trấn thốn địa tâm.*

Tử bi chẳng sét, trời nhiều mắt;  
Thanh tịnh không nhơ, đất tặc lòng.

九陛夢中祥應馬  
千秋靈跡地呈龜

*Cửu bộ mộng trung tương ứng mã;*  
*Thiên thu linh tích địa trình quy.*

Chín bộ ngựa ứng, diêm trong mộng;  
Ngàn thu rùa hiện, đất dấu thiêng.

雲寺英靈十方仰望求必應  
禪門廣大諸佛扶持得壽康

*Vân tự anh linh, thập phương ngưỡng vọng cầu tất ứng;*  
*Thiền môn quảng đại, chư Phật phù trì đắc thọ khang.*

Chùa Vân linh thiêng, mười phương ngưỡng vọng cầu át ứng;  
Cửa Thiền rộng lớn, chư Phật phù trì được thọ khang.

西竺有經傳佛道  
南天生聖度民間

Tây Trúc hữu kinh truyền Phật đạo;  
Nam thiên sinh thánh độ dân gian.

Tây Trúc có kinh truyền đạo Phật;  
Trời Nam sinh thánh độ nhân gian.

古寺最清奇前溪後井  
新庵增爽垲坐乙向辛

Cổ tự tối thanh kỳ tiền khê hậu tình;  
Tân am tăng sáng khải toạ át hướng tân.

Chùa cổ rất thanh kỳ, trước khe sau giếng;  
Am mới thêm sáng sủa, ngồi át hướng tân.

古跡地靈祥雲應  
今來靜放顯寺靈

Cổ tích địa linh tường vân ứng;  
Kim lai tĩnh phong hiển tự linh.

Dấu cổ đất thiêng, mây lành ứng;  
Đến nay hiển hiện, rõ chùa thiêng.

福祖如山千萬古  
慧眼流來日月香

Phúc tổ như sơn thiên vạn cổ;  
Tuệ nhãn lưu lai nhật nguyệt hương.

Phúc tổ như non, ngàn vạn thuở;  
Mắt tuệ lan truyền, nhật nguyệt hương.

慶元寺長存不盡  
聖人地留仰萬年

*Khánh Nguyên tự trường tồn bất tận;  
Thánh nhân địa lưu ngưỡng vạn niên.*

Chùa Khánh Nguyên, trường tồn vô tận;  
Đất Thánh Nhân, chiêm ngưỡng vạn năm.

三尊儼若西方聖  
七寶巍然北地神

*Tam tôn nghiêm nhược Tây phương thánh;  
Thát bảo nguy nhiên Bắc địa thần.*

Tam tôn trang trọng, Tây phương thánh;  
Thát bảo nguy nga, Bắc địa thần.

空門舉足權開事相良方  
有根皈投理入圓融覺地

*Không môn cử túc quyền khai sự tương lương phương;  
Hữu căn quy đầu lý nhập viên dung giác địa.*

Cửa không cát bước tạm coi, sự tương phương hay;  
Sắn có căn vào chốn, phong quang đất giác.

天聖盡度諸眾生  
德佛慈悲能救苦

*Thiên thánh tận độ chư chúng sinh;  
Đức Phật từ bi năng cứu khổ.*

Thiên thánh độ hết mọi chúng sinh;  
Đức phật từ bi hay cứu khổ.

天道無邊日月長  
國家有永山河固

*Thiên đạo vô biên nhật nguyệt trường;  
Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cố.*

Đạo trời mênh mông, dài nhật nguyệt;  
Nước nhà vĩnh viễn, vững non sông.

出入修行皆正路  
往来方便不他枝

*Xuất nhập tu hành gai chính lộ;*  
*Vãng lai phuơng tiễn bất tha chi.*

Ra vào tu đạo đều ngay thẳng;  
Qua lại cửa thiền, chẳng đổi tâm.

梵宇崇修普濟慈航超苦海  
福田增廣永扶寶筏渡迷川

*Phạn vũ sùng tu, phổ tế từ hàng siêu khổ hải;*  
*Phúc điện tăng quang, vĩnh phù bảo phiệt độ mê xuyên.*

Mái chùa sửa sang, tế độ thuyền từ qua bể khổ;  
Ruộng phúc rộng mở, mãi đưa bè quý vượt sông mê.

心誠歸道中南北  
佛德無邊量海河

*Tâm thành quy đạo Trung Nam Bắc;*  
*Phật đức vô biên lượng hải hà.*

Thành tâm quy đạo Trung, Nam, Bắc.  
Đức Phật mênh mông lượng hải hà;

菩提樹長千年蔭  
優鉢花開四序春

*Bồ đề thụ trưởng thiên niên ám;*  
*Ưu bát hoa khai tứ tự xuân.*

Bồ đề đại thụ nghìn năm bóng;  
Ưu bát khai hoa bốn vụ xuân.

日誦金經祈國敬  
時宣玉偈祝民安

*Nhật tụng kim kinh kỳ quốc kinh;  
Thời tuyên ngọc kệ chúc dân an.*

Ngày tụng kinh vàng, cầu nước mạnh;  
Giờ tuyên kệ ngọc, chúc dân an.

萬古仰洪麻聖德昭如日月  
億年降祀典神威永鎮乾坤

*Vạn cổ ngưỡng hồng hưu thánh đức chiêu như nhật nguyệt;  
Úc niên giáng tự điển uy vĩnh trấn càn khôn.*

Muôn thuở cầu chờ che, đức thánh sáng như nhật nguyệt;  
Úc năm lo tế tự, uy thần vẫn trấn càn khôn.

水揚枝洗穢消災  
愿修行成人得道

*Thuỷ dương chi tẩy uế tiêu tai;  
Nguyện tu hành thành nhân đắc đạo.*

Nước cành dương tẩy uế tiêu tai;  
Nguyện tu hành thành người đắc đạo.

日照光明金殿閣  
月臨梵宅玉樓臺

*Nhật chiếu quang minh kim điện các;  
Nguyệt lâm phạn trạch ngọc lâu đài.*

Trời chiếu sáng soi điện gác vàng;  
Trăng vào cửa Phật lâu dài ngọc.

瑞雨慈濡菩提樹果千年茂  
慈風動蕩般若開瑤萬世春

*Thủy vũ từ nhu, Bồ Đề thụ quả thiên niên mậu;  
Tử phong động đăng, Bát Nhã khai dao vạn thế xuân.*

Mưa lành thấm đượm, Bồ Đề cây trái ngàn năm tốt;  
Gió từ phô phát, Bát Nhã hoa ngọc vạn đời xuân.

貼合方民承介福  
安寧境土賴陰功

*Thiếp hợp phương dân thừa giới phúc;  
An ninh cảnh thổ lại âm công.*

Thấm khắp chúng dân, nhè phúc lớn;  
An ninh bờ cõi, cậy âm công.

慧日天晶萬種雲花呈般若  
法雲地湧兩行寶樹引菩提

*Tuệ nhật thiên tinh, vạn chủng vân hoa trình Bát Nhã;  
Pháp vân địa dung, lưỡng hàng bảo thụ dẫn Bồ Đề.*

Trời tuệ sáng soi, muôn dặm mây hoa trình Bát Nhã;  
Mây pháp nước phun, hai hàng cây quý tới Bồ Đề.

錦繡乾坤歸法界  
光華日月照慈航

*Cẩm tú càn khôn quy pháp giới;  
Quang hoa nhật nguyệt chiểu từ hàng.*

Gáy vóc càn khôn, quy pháp giới;  
Sáng tươi nhật nguyệt, chiểu thuyền từ.

景佛前扶善罰惡  
心信誠祈保平安

*Cảnh Phật tiền phù thiện phạt ác;  
Tâm tín thành kỳ bảo bình an.*

Trước cảnh phật, phù thiện phật ác;  
Thực thành tâm, cầu giúp bình yên.

誦佛慈悲修積善  
聖賢廣大福後來

*Tụng phật từ bi, tu tích thiện;  
Thánh hiền quảng đại, phúc hậu lai.*

Tụng phật từ bi nên tích thiện;  
Thánh hiền quảng đại phúc về sau.

殿上巍峨來妙相  
案前祈禱表真經

*Điện thượng nguy nga lai diệu tượng;  
Án tiền kỳ đảo biểu chân kinh.*

Trên điện nguy nga, hiện diệu tượng;  
Trước bàn cầu đảo, biểu chân kinh.

佛慈廣大遊世界  
聖德寶紅護民間

*Phật từ quang đại du thế giới;  
Thánh đức bảo hồng hộ dân gian.*

Phật từ quang đại khắp thế giới;  
Thánh đức quý báu giúp dân gian.

玉質降皇宮噴水九龍齊沐浴  
金身修雪嶺含花百鳥共朝參

*Ngọc chất giáng cung, phun thủy Cửu long tề mộc dục;  
Kim thân tu tuyết岭, hàm hoa bách diều cộng triều tham.*

Chất ngọc xuống hoàng cung, mạch nước chín rồng đều tắm gội;  
Mình vàng tu núi tuyết, ngậm hoa chìm chúc thấy về chầu.

法王堪忍界中慶喜多聞無礙辨  
教主靈山會上隱光微笑一乘機

*Pháp vương kham nhẫn giới trung, khánh hỷ đa văn vô ngại biện;  
Giáo chủ Linh sơn hội thượng, ẩn quang vi tiếu nhất thừa cơ.*

Pháp vương giữ trọn nhẫn giới, mừng được nghe nhiều không ngại bỏ;  
Giáo chủ trên hội Linh sơn, nép mình cười mỉm lại nhân cơ.

代佛宣揚結集場中僧第貳  
氣高星漢聰明德化合陰陽

*Đại phật nghị dương kết tập trường trung tăng đệ nhì;  
Khí cao tinh Hán thông minh đức hóa hợp âm dương.*

Hội kết tập chúng tăng lần hai, thay Phật hoằng dương;  
Đức thông minh hoá hợp âm dương, khí cao Ngân Hán.

蓮花化生身面見  
萬劫逍遙永不來

*Liên hoa hóa sinh thân diện kiến;  
Vạn kiếp tiêu dao vĩnh bất lai.*

Thân chúng kiến hoa sen sinh hoá;  
Mãi không còn vạn kiếp tiêu dao.

眾聖共推尊極樂淨光真教主  
諸佛同讚仰蓮花臺藏大慈尊

*Chúng thánh công suy tôn, cực Lạc tịnh quang chán giáo chủ;  
Chư phật đồng tán ngưỡng, Liên Hoa dài tạng đại từ tôn.*

Các thánh thầy suy tôn, cực lạc sáng trong chân giáo chủ;  
Chư Phật đều tin tưởng, dài sen hàm chứa đại từ bi.

菩薩同至皆出現  
公主從來列御班

Bồ Tát đồng chí giải xuất hiện;  
Công chúa tòng lai liệt ngự ban.

Bồ Tát đến đây đều xuất hiện;  
Công chúa xưa nay liệt ngự ban.

解 釋 前 生 諸 失 債  
集 群 百 姓 保 平 安

*Giải thích tiền sinh chư túc trái;*  
*Tập quần bách tính bảo bình an.*

Cởi bỏ mọi món nợ truyền kiếp;  
Giữ gìn cho trăm họ bình an.

先 賢 玉 樓 同 如 福  
後 來 具 術 聚 禪 門

*Tiên hiền ngọc lâu đồng như phúc;*  
*Hậu lai cụ thuật tụ thiền môn.*

Tiên hiền lâu ngọc cùng chung phúc;  
Hậu lai mọi cảnh tụ cửa thiền.

禪 門 福 慧 留 神 祖  
覺 岸 心 坐 接 來 生

*Thiền môn phúc tuệ lưu thần tổ;*  
*Giác ngàn tâm toạ tiếp lai sinh.*

Phúc cửa thiền, sáng lưu thần tổ;  
Tâm bến giác, nối tiếp đời sau.

鐘 動 三 峯 天 有 益  
雷 行 四 遠 地 無 疆

*Chung động tam kỳ thiên hữu ích;*  
*Lôi hành tứ viễn địa vô cương.*

Chuông réo ba kỳ, trời có ích;  
Sấm rền bốn cõi, đất không biên.

亞東神佛雙靈地  
南國乾坤格水歐

Á đông thần phật song linh địa;  
Nam quốc càn khôn cách thuỷ âu.

Thần Phật, Á đông hai đất quý;  
Càn khôn, Nam quốc cách trời Âu.

功參廣大慈悲佛  
德配乾坤正直神

Công tham quảng đại từ bi Phật;  
Đức phôi càn khôn chính trực thần.

Phật từ bi, công dự quảng đại;  
Thần ngay thẳng, đức sánh càn khôn.

由憐眾苦宣玄教  
廣度群生顯法身

Do lân chúng khổ tuyên huyền giáo;  
Quảng độ quần sinh hiển pháp thân.

Bởi thương chúng khổ, tuyên huyền giáo;  
Cứu vớt sinh linh, hiển pháp thân.

色相輝煌三世佛  
慈心濟度十方民

Sắc tướng huy hoàng tam thế phật;  
Tử tâm tể độ thập phương dân.

Ba đời Phật, sắc tướng huy hoàng;  
Mười phương dân, tử tâm tể độ.

身心非樹菩提非臺明鏡  
恩德遍光覆慧遍日慈雲

*Thân tâm phi thụ, Bồ đề, phi đài minh kính;  
Ân đức遍 quang, phủ tuệ, biến nhật từ vân.*

Thân tâm chẳng phải Bồ đề, chẳng phải đài gương sáng;  
Ân đức làm sáng phúc tuệ, làm trời mây từ.

神光普照民寧靜  
聖德乘恩物阜康

*Thần quang phổ chiếu dân ninh tĩnh;  
Thánh đức thừa ân vật phu khang.*

Thần quang chiếu khắp, dân yên tĩnh;  
Thánh đức rù ơn, vật thịnh cường.

優鉢花開長茂盛  
普度群生脫苦緣

*Ưu bát hoa khai trường mậu thịnh;  
Phổ độ quần sinh thoát khổ duyên.*

Ưu bát nở hoa, tươi tốt mãi;  
Phổ độ chúng sinh, khổ duyên qua.

一真空寂超之界  
千億化身渡群生

*Nhất chân không tịch siêu chi giới;  
Thiên ức hóa thân độ quần sinh.*

Một lòng tu đạo siêu tịnh;  
Ngàn lượt hóa thân độ chúng sinh.

世界三千光佛日  
蓮座寶殿渡眾生

*Thế giới tam thiên quang Phật nhật;  
Liên tòa bảo điện độ chúng sinh.*

Ba ngàn thế giới, sáng trời phật;  
Bảo điện tòa sen, độ chúng sinh.

日月千秋同山水  
佛神萬古救群生

*Nhật nguyệt thiên thu đồng sơn thuỷ;  
Phật thần vạn cổ cứu quần sinh.*

Nhật nguyệt cùng sông núi ngàn năm;  
Thần phật cứu chúng sinh muôn thuở.

佛法重光三寶地  
祖燈遠照十方天

*Phật pháp trùng quang tam bảo địa;  
Tổ燈 viễn chiếu thập phương thiên.*

Phật pháp lại ngồi đất tam bảo;  
Tổ燈 xa chiếu trời thập phương.

佛即心心即佛  
空是色色是空

*Phật tức tâm, tâm tức phật;  
Không thị sắc, sắc thị không.*

Phật tức tâm, tâm tức phật;  
Không là có, có là không.

福地高鄉正好回頭能覺者  
陀天臨處惟高著眼可霑之

*Phúc địa Cao hương chinh hảo hồi đầu năng giác giả;  
Đà thiền Lâm xứ duy cao triết nhän khả triêm chi.*

Đất phúc làng Cao, nếu biết quay đầu mới có giác;  
Trời đà xứ Lâm, lên cao tò mò khá hay ơn.

念佛一聲消萬罪  
誦經之變得因緣

*Niệm phật nhất thanh tiêu vạn tội;*  
*Tụng kinh chi biến đắc nhân duyên.*

Niệm Phật một lời, tiêu vạn tội;  
Tụng kinh thay đổi, được nhân duyên.

禪門不禁無緣客  
佛道能容有善人

*Thiền môn bất cấm vô duyên khách;*  
*Phật đạo năng dung hữu thiện nhân.*

Cửa thiền chẳng cấm khách vô duyên;  
Đạo phật hay dung người có thiện.

感心通陽助風和雨順  
求心應陰扶國盛民康

*Cảm tâm thông dương trợ phong hòa vũ thuận;*  
*Cầu tâm ứng âm phù quốc thịnh dân khang.*

Cảm át thông, dương giúp gió hòa mưa thuận;  
Cầu tất ứng, âm phù quốc thịnh dân khang.

國界重尊決只爲江山明面日  
凡人能忍渡無乎祭祀格神明

*Quốc giới trọng tôn quyết chỉ vì giang sơn minh diện nhật;*  
*Phàm nhán nǎng nhẫn độ vô hổ tể tự cách thần minh.*

Quốc giới phải tôn, cũng chỉ vì ngày non sông rạng vẻ;  
Người phàm nén nhẫn, mong độ trì lô lě tự thần minh.

特立不驚風雨伯  
敬天無畏電雷神

*Đặc lập bất kinh phong vũ bá;  
Kinh thiên vô uý điện lôi thần.*

ứng vững, không kinh thán mưa gió;  
Kính trời, chẳng sợ sấm chớp ran.

西竺有經真見佛  
雄山何景敬尊師

*Tây Trúc hữu kinh chán kiến phật.  
Hùng sơn hà cảnh kính tôn sư;*

Tây Trúc có kinh dung thấy phật.  
Hùng sơn đây cảnh kính tôn sư;

慈悲廣大天人合  
盛正虔誠福果圓

*Tù bi quang đại thiên nhân hợp;  
Thịnh chính kiền thành phúc quả viên.*

Tù bi quang đại, trời người hợp;  
Thịnh chính kính thành, quả phúc tròn.

雪月風雲留本地  
聲名大物卒斯民

*Tuyết nguyệt phong vân lưu bản địa;  
Thanh danh đại vật tuy tú dân.*

Đất lưu lại tuyết trắng mây gió;  
Dân họp nơi cảnh vật nổi danh.

住足不行孰誇書劍無歸處  
得門而入誰式神仙在眼前

*Trú túc bát hành, thục khoa thư kiếm vô quy xứ;  
Đắc môn nhi nhập, thuỷ thức thần tiên tại nhân tiền.*

Dừng bước không đi, ai bảo sách gươm không chốn dụng;  
Được cửa mà vào, nào biết thần tiên trước mắt mình.

中立安排亭左右  
高標爭對樹東西

*Trung lập an bài đình tả hữu;  
Cao tiêu tranh đối thụ đông tây.*

Trung lập bày hàng đình tả hữu;  
Nêu cao cây mọc khắp đông tây.

癸酉完成由地利  
壬申再造自天機

*Quý Dậu hoàn thành do địa lợi;  
Nhân Thân tái tạo tự thiên cơ.*

Quý Dậu xây xong nhờ địa lợi;  
Nhâm Thân dựng lại bởi cơ trời.

古祠最清奇前江後井  
新庵增爽塏坐乙向辛

*Cố từ tôi thanh kỳ tiền giang hậu giếng;  
Tân am tăng sáng khải, toạ Ất hướng Tân.*

Đền cổ rất thanh kỳ, trước sông sau giếng;  
Am mới thêm sáng sủa, ngồi Ất hướng Tân.

禮樂威儀敬如神在  
謳歌鼓舞樂在人和

*Lễ nhạc uy nghi kính như thần tại;  
Âu ca cổ vũ lạc tại nhân hòa.*

Lễ nhạc uy nghi, kính như thần tại;  
Hát ca cổ vũ, vui ở nhân hoà.

朔望香燈上祝九重躬萬壽  
歲時誦念下祈百姓度三多

Sóc vọng hương đăng, thương chúc cửu trùng cung vạn thọ;  
Tuế thời tụng niệm, hạ kỳ bách tính độ tam đa.

Sóc vọng đèn hương, trên chúc cửu trùng cung vạn thọ;  
Quanh năm tụng niệm, dưới cầu trăm họ được tam đa.

爐中纔熱五分香 瑞氣氤氳騰宇宙  
案上弘宣三藏教 法音演解利人天

Lò trung tài nhiệt ngũ phần hương, thuỷ khí nhân uân đăng vũ trụ;  
Án thương hoảng tuyên tam tang giáo, pháp âm diễn giải lợi nhân thiên.

Trong lò mới nóng năm phần hương, khí lành nghỉ ngút khắp vũ trụ;  
Trên án hoảng dương tam tang giáo, lời pháp nói ra lợi trời người.

信仰自由馮三寶  
民安國泰仗僧伽

Tín ngưỡng tự do bằng tam bảo;  
Dân an quốc thái trượng tăng già.

Tín ngưỡng tự do nhờ tam bảo;  
Dân an quốc thái cậy tăng già.

菩提永結千年果  
淨土長開般若花

Bồ đề vĩnh kết thiên niên quả;  
Tịnh thoả trường khai bát nhã hoa.

Bồ đề kết mãi ngàn năm quả;

Tịnh thô nở lầu bát nhã hoa.

南廟好收生旺水  
方民普扇泰年風

*Nam miếu hảo thu sinh vượng thuỷ;  
Phương dân phổ phiến thái niên phong.*

Miếu nam khéo thu nước sinh vượng;  
Nhân dân quạt phẩy gió thái hoà.

佛跡西傳千古寺  
道心善念福河沙

*Phật tích tây truyền thiên cổ tự;  
Đạo tâm thiện niệm phúc hà sa.*

Chùa ngàn năm, dấu phật tây truyền;  
Phúc vô lượng, đạo tâm khéo niệm.

日月照臨輝玉闕  
海河清宴典金甌

*Nhật nguyệt chiếu lâm huy ngọc khuyết;  
Hải hà thanh yến điện kim áu.*

Nhật nguyệt sáng soi, ngời ngọc khuyết;  
Hải hà trong lăng, đẹp áu vàng.

富彊近邑歐潮浪  
農圃相沿越俗傳

*Phù cường cận ấp Âu trào lăng;  
Nông phố tương duyên Việt tục truyền.*

Sóng triều Âu, mạnh giàu đã săn;  
Phong tục Việt, vườn ruộng vẫn quen.

天增歲月人增壽  
春滿乾坤福滿堂

*Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng thọ.  
Xuân mǎn càn khôn phúc mǎn đường;*

Trời tăng năm tháng người tăng thọ.  
Xuân đầy trời đất phúc đầy nhà;

一黏之誠百事之吉  
三界可通四府可同

*Nhát niêm chi thành bách sự chi cát;  
Tam giới khả thông tứ phủ khả đồng.*

Một tấm lòng thành trăm việc đều tốt;  
Ba giới được thông bốn phủ được đồng.

寶鼎靈通香結彩  
銀臺昭感燭生花

*Bảo đinh linh thông hương kết thái;  
Ngân đài chiêu cảm chúc sinh hoa.*

Dinh báu linh thông, hương kết sắc;  
Đài ngân thiêng cảm, nến sinh hoa.

祖印重光如慧日  
香爐續焰燄祥雲

*Tổ ấn trùng quang như tuệ nhật;  
Hương lò tục diệm ái tường vân.*

Dấu tổ trùng quang, theo ngày sáng;  
Lò hương tiếp đượm, báo mây lành.

仰望祠前萬里祥雲呈聖瑞

與和舍共九天甘露洒人家

*Ngưỡng vọng từ tiên vạn lý tường vân trình thánh thuy;  
Dữ Hoà xá cộng cửu thiên cam lô sái nhân gia.*

Ngưỡng vọng đền ngoài, vạn dặm mây lành trình thánh thuy;  
Cùng chung Hoà xá, chín trùng móc ngọt tươi nhân gia.

視弗見聽弗聞陰扶旺相  
感必通求必應民賴安康

*Thị phật kiến, thính phật vẫn, âm phù vượng tương;  
Cảm tất thông, cầu tất ứng, dân lai an khang.*

Nhin chẳng thấy, nghe chẳng cùng, âm phù thịnh vượng;  
Cảm tất thông, cầu tất ứng, dân cậy an khang.

入門思念彌佗佛  
到景須祥本寺僧

*Nhập môn tư niệm Di Đà Phật;  
Đáo cảnh tu tường bản tự tăng.*

Vào chùa cầu niệm Di Đà Phật;  
Đến cảnh nên tường bản tự tăng.

逢迎遠近逍遙過  
進退連還運道通

*Phùng nghênh viễn cận tiêu da quá;  
Tiến thoái liên hoàn vận đạo thông.*

Chào mừng đạo cảnh, gần xa đến;  
Tiến thoái đường đi, tiếp tục thông.

功惟廣業惟崇國家恩普  
兄能師弟能長正教名芳

*Công duy quảng, nghiệp duy sùng, quốc gia ân phổ;*

*Huynh nǎng sư, đệ nǎng trưởng, chính giáo danh phuong.*

Công lao rộng, sự nghiệp cao, nước nhà ân thưởng;  
Anh nên thầy, em nên trưởng, giáo dục thơm danh.

佛道弘開萬類群生霑利樂  
金臺屹立七重行樹烈芬芳

*Phật đạo hoằng khai, vạn loại quần sinh chiêm lợi lạc;  
Kim đài ngát lập, thất trùng hàng thụ liệt phân phuong.*

Phật đạo mở mang, muôn loại quần sinh nhuần lợi lạc;  
Kim đài vòi voi, bảy trùng cây mọc toả hương thơm.

道脈長流玉偈續傳燈奕葉  
禪宗永遠金經應念道興隆

*Đạo mạch trường lưu, ngọc kệ khoáng truyền đăng dịch diệp;  
Thiền tông vĩnh viễn, kim kinh ứng niệm đạo hưng long.*

Mạch đạo trường lưu, ngọc kệ rộng truyền đèn đổi thế;  
Tông thiền vĩnh viễn, kim kinh cần niệm đạo hưng long.

東海移居群樂業  
乾山對景睦淳風

*Đông hải di cư quán lạc nghiệp;  
Càn sơn đối cảnh mục thuần phong.*

Đông hải di cư, cùng lạc nghiệp;  
Càn sơn đối cảnh, đón thuần phong.

福田大結因緣果  
舍宇明開智慧花

*Phúc diền đại kết nhân duyên quả;  
Xá vū minh khai trí tuệ hoa.*

Quả nhân duyên, kết nhè ruộng phúc;

Hoa trí tuệ, nở bởi nhà hiền.

寶劍奮雄威瓢水九回頑鱷靜  
神壇鐘秀氣象山一帶旺龍來

Bảo kiêm phán hùng uy, Biều thuỷ cửu hồi ngoan ngạc tĩnh;  
Thần đài chung tú khí, Tương sơn nhất đới vượng long lai.

Kiếm báu dây uy hùng, Biều thuỷ chín vòng thu sáu dũ;  
Đàn thần buông khí tốt, Tượng sơn một giải nạp rồng thiêng.

繼祖傳宗光有永  
聯燈續焰映無邊

Kế tổ truyền tông quang hữu vĩnh;  
Liên đèn tiếp diệt ánh vô biên.

Kế tổ truyền tông, nền sáng mãi;  
Liên đèn tiếp đượm, nếp vô biên.

佛德弘宣馮眾慧  
祖功繼接要當人

Phật đức hoằng tuyên bằng chúng tuệ;  
Tổ công kế tiếp yêu đương nhân.

Phật đức mỏ mang, nhờ quần chúng;  
Tổ đức thừa kế, dựa người nay.

景是神仙心是佛  
金爲世界玉爲臺

Cảnh thị thần tiên tâm thị phật;  
Kim vi thế giới ngọc vi đài.

Cảnh ấy thần tiên, tâm ấy phật;  
Vàng đây thế giới, ngọc đây đài.

天啓慶隆色相金身常德佛  
地儲福址金蓮玉陞自逍遙

*Thiên khải khánh long, sắc tướng kim thân thường đức phật;  
Địa trù phúc chỉ, kim liên ngọc bệ tự tiêu dao.*

Trời mở vui dồn, sắc tướng kim thân theo đức phật;  
Đất cho phúc đến, sen vàng bệ ngọc tự tiêu dao.

禱必靈求必應  
赫厥威濯厥靈

*Đảo tất linh cầu tất ứng;  
hách quyết uy trạc quyết linh.*

Cầu tất linh, xin tất ứng;  
Tỏ uy danh, hiển linh thiêng.

德祖光榮香萬古  
祠門顯赫壯千秋

*Đức tổ quang vinh hương vạn cổ;  
Tử môn hiển hách tráng thiên thu.*

Đức tổ quang vinh, thơm vạn thuở;  
Đền thờ hiển hách, rạng ngàn thu.

寶珠金海通三界  
瑞氣祥雲滿九天

*Bảo châu kim hải thông tam giới;  
Thuỷ khí tường vân mǎn cửu thiên.*

Châu báu biển vàng, thông ba giới;  
Khí tốt mây lành, khắp chín tầng.

啓澤江涵快賭祥雲慧日  
鴻恩普洽群歌壽域春臺

*Khải trạch giang hàm, khoái đồ tường vân tuệ nhật;  
Hồng ân phổ hiệp, quần ca thọ vực xuân dài.*

Đầm mỏ sông hoà, vui ngắm mây lành trời sáng;  
Ôn dày rộng hợp, cùng ca đất tốt dài xuân.

五福演皇疇會其有極  
百祿庚天寶以莫不增

*Ngũ phúc diễn hoàng trù hội kỳ hữu cực;  
Bách lộc canh thiên bảo, dĩ mạc bất tăng.*

Năm phúc đến lớn lao, phải hay có hạn;  
Trăm lộc đổi của trời, nên chẳng không tăng.

凜烈威靈作四方主宰  
包涵德大挺二氣良能

*Lãm liệt uy linh, tác tử phương chủ tể;  
Bao hàm đức đại, định nhị khí lương năng.*

Lãm liệt uy linh, nhận bốn phương chủ tể;  
Bao hàm đức lớn, gánh hai khí lương năng.

神通法運仙中佛  
聖德尊爲帝者師

*Thần thông pháp vận tiên trung phật;  
Thánh đức tôn vi đế giả sư.*

Phật trong tiên, thần thông vận phép;  
Thầy áy vua, tôn bậc thánh hiền.

祝聖壽讚皇圖同日月光輝萬古  
祀民安祈物阜並山河壯固千秋

*Chúc thánh thọ, tán hoàng đố, đồng nhật nguyệt quang huy vạn cổ;  
Tự dân an, kỳ vật phụ, tịnh sơn hà tráng cổ thiên thu.*

Chúc thánh thọ, ngợi sơn hà, cùng nhật Nguyệt huy hoàng vạn cổ;  
Mong dân an, cầu vật mạnh, với non sông vững mạnh ngàn thu.

花開淨界香成雨  
金布祈園福滿田

*Hoa khai Tịnh giới hương thành vũ;  
Kim bố Kỳ viên phúc mǎn diền.*

Mưa thơm hoa nở, nơi Tịnh giới;  
Ruộng phúc vàng đầy, chốn Kỳ viên.

六智運神通普濟群生百憶  
三乘開聖教包含世界三千

*Lục trí vận thần thông, phổ tế quần sinh bách ức;  
Tam thừa khai thánh giáo, bao hàm thế giới tam thiên.*

Trăm vạn quần sinh, nhờ Lục trí thần thông phổ độ;  
Ba nghìn thế giới, được Tam thừa thánh giáo bao hàm.

梵宇巍峨萬丈毫光懸日月  
禪門燦爛千秋香火對乾坤

*Phật vũ nguy nga, vạn trượng hào quang huyền nhật Nguyệt;  
Thiền môn xán lạn, thiên thu hương hoả đối càn khôn.*

Diện Phật nguy nga, vạn trượng hào quang ngang nhật Nguyệt;  
Cửa Thiên xán lạn, ngàn thu hương lửa sánh càn khôn.

靜讀金經明妙理  
閒觀花草悟真空

*Tịnh đọc kinh vàng, minh diệu lý;  
Nhàn quan hoa lá, ngộ chân không.*

Lặng đọc kinh vàng, minh diệu lý;  
Nhàn xem hoa lá, ngộ chân không.

慶壽輝煌光慧日  
靈通普照映無邊

*Khánh thọ huy hoàng quang tuệ nhật;  
Linh thông phổ chiếu ánh vô biên.*

Chúc thọ huy hoàng, bừng trời đất;  
Thiêng liêng toả khắp, ánh vô biên.

近悅遠來皈佛化  
救民渡世仰洪恩

*Cận duyệt viễn lai quy Phật hóa;  
Cứu dân độ thế ngưỡng hồng ân.*

Gần quý xa về, theo Phật đạo;  
Cứu dân độ thế, chịu ơn đầy.

望吉地菩提陰覆三千世界  
海洲成寶所涵容百萬人天

*Vọng cát địa Bồ đề, âm phủ tam thiên thế giới;  
Hải châu thành Bảo sở, hàm dung bách vạn nhân thiên.*

Vọng đất tốt Bồ đề, chở che ba nghìn thế giới;  
Bãi biển thành Bảo sở, bao dung trăm vạn người đời.

普照名藍原自古  
文和勝景日重新

*Phổ Chiếu danh lam nguyên tự cổ;  
Văn Hoà thắng cảnh nhật trùng Tân.*

Vốn cổ danh lam, làng Phổ Chiếu;  
Sửa sang thắng cảnh, xã Văn Hoà.

臨濟播心宗燈聯普照  
東溪流乳海派引文和

Lâm Tế bá tâm, tông đăng liên Phổ Chiếu;  
Đông Khê lưu nhū, hải phái dān Văn Hoà.

Lâm Tế mở lòng, truyền thống liên Phổ Chiếu;  
Đông Khê cho lộc, mạch biển dān Văn Hoà.

地結文風興梵宇  
天留和氣壯禪關

Địa kết văn phong hưng phạn vũ;  
Thiên lưu hoà khí tráng thiền quan.

Đất kết văn phong, hưng phật diệu;  
Trời cho hoà khí, dây thiền quan.

啓後隆規萬世仰祖先之德  
奉先思孝一心昭日月之光

Khải hâu long quy, vạn thế ngưỡng tổ tiên chi đức;  
Phung tiên tư hiếu, nhát tâm chiêu nhật nguyệt chi quang.

Mở hậu bày khuôn, vạn thế học tổ tiên đức độ;  
Thờ trên vì hiếu, một lòng theo nhật nguyệt sáng soi.

海帖鯨波生氣凜然如有  
民安府宅神功斂卻若無

Hải thiếp kinh ba sinh khí lâm nhiên như hữu;  
Dân an phủ trạch thần công liêm khước nhược vô.

Khí thế sóng to như tự có nơi biển rộng;  
Thần oai nha phủ lại tựa không chỗ dân yên.

法雨注南州翠竹黃花生思色  
慈雲布東土長松細草沐洪恩

Pháp vū chū Nam châu, Thùy trúc hoàng hoa sinh tư sắc;  
Tử vân bō Đông Thổ trường tùng tế thảo mộc hồng ân.

Mưa phép tưới Nam châu, trúc biếc hoa vàng tươi sắc đẹp;  
Mây lành che Đồng Thổ, thông cao cổ bé đượm ơn dày.

泰筮義疇換精祥於茶嶺  
河圖奉詔顯靈蹟于龍文

*Thái phép hy trù, hoán tinh tương ư Trà Linh;  
Hà đồ phụng chiếu, hiển linh tích vu Long Văn.*

Bói tốt quẻ lành, đổi tinh tương nơi Trà Linh;  
Trời ban phụng chiếu, tỏ linh tích ở Long Văn.

風光別占陽州景  
名蹟猶留莫後碑

*Phong quang biệt chiếm Dương Châu cảnh;  
Danh tích do lưu Mạc hậu bia.*

Dương Châu riêng có phong quang đẹp;  
Mạc hậu còn truyền danh tích bia.

後先一也功於國  
左右洋乎祀在鄉

*Hậu tiên nhất dã, công ư quốc;  
Tả hữu dương hồ, tự tại hương.*

Trước sau dòng giôi công với nước;  
Trái phải huy hoàng tế ở làng.

天命聖生兌東百結史記  
地留神蹟香火兆年春長

*Thiên mệnh thánh sinh, Đoài Đông bách kết sử ký;  
Địa lưu thần tích, hương hoả triệu niên xuân trường.*

Trời mệnh thánh sinh, Đoài Đông sử chép trăm việc;  
Đất cõn thần tích, hương lửa xuân dài triệu năm.

鬼神之爲德視弗見聽弗聞承祀洋洋在左右  
天地有正氣上爲星下爲嶽於人一一垂丹青

Quỷ thần chi vi đức, thị phát kiến, thính phát văn, thừa tự  
dương dương tại tà hữu;

*Thiên địa hūu chính khí, thương vi tình, hạ vi nhạc, ư nhán nhất  
nhất thuỷ đan thanh.*

Cái đức của quỷ thần, nhìn không thấy, nghe không thông, hưởng lộc  
đầy hai phía trái phải;

Chính khí nơi trời đất, trên là sao, dưới là núi, với người chỉ một lối  
vàng son.

五百年應昌期生爲名將死爲靈神事業文章至今爲烈  
十二月承新歷香花燭酒禱祈衣冠禮樂自古傳恭

*Ngũ bách niên ứng xương kỳ, sinh vi danh tướng tử vi linh thần, sự  
nghiệp văn chương chí kim vi liệt;*

*Thập nhị nguyệt thừa tân lịch, hương hoa chúc tửu đảo kỳ y quan, lễ  
nhạc tự cổ truyền cung.*

Năm trăm năm đúng thịnh kỳ, sinh là danh tướng, chết là linh thần,  
sự nghiệp văn chương chí kim vi liệt;

Mười hai tháng theo lịch mới, hương hoa nến rượu, cầu cúng áo khăn,  
lễ nhạc tự cổ kính truyền.

祖德高明恩覆蔭  
孫承奉事壽人和

*Tô đức cao minh tư phủ ám;  
Tôn thừa phụng sự thọ nhân hòa.*

Phúc ấm nhớ về, đức tổ sáng;  
Nhân hòa thờ mãi, việc cháu con.

巍蕩神功塗山並峙

## 汪洋聖澤瓢水長流

*Nguy dũng thần công, Đồ Sơn tịnh tri;  
Uông dương thánh trạch, Biều Thủy trường lưu.*

Cao rộng thần công, Đồ Sơn sừng sững;  
Mênh mông thánh trạch, Biều Thuỷ dài xuôi.

此地此人民仰荷神功安鴈宅  
在上在左右顯揚聖德迓鴻庥

*Thủ địa thủ nhàn dân, ngưỡng hà thần công an nhạn trạch;  
Tại thượng tại tả hữu, hiển dương thánh đức nhạ hồng hưu.*

Đất này, nhân dân này, ơn đức thần cho yên nhà cửa;  
Trên ấy, trái phải ấy, được nhờ thánh giúp hưởng an khang.

聖德無私洋洋乎如在其上  
神功丕顯熙熙然涵樂春臺

*Thánh đức vô tư, dương dương hô như tại kỳ thượng;  
Thần công phi hiển, hy hy nhiên hàn lạc xuân đài.*

Thánh đức vô tư, bao la khắp như ở trên vây;  
Thần công hiển hiện, vui vui sao tựa rải dài xuân.

古有光衣冠傳世譜  
齊以祭忠信要神明

*Cố hữu quang, y quan truyền thế phả;  
Trai dī tế, trung tín yêu thần minh.*

Tổ được phong, áo khăn truyền thế phả;  
Chay tịnh tế, lòng thành cốt thần soi.

東阿世系光青簡  
湯沐香留溯錦堂

*Dong A thế hệ quang thanh giản;*

*Thang mộc hương lưu tố cảm đường.*

Đông A sứ chép đều các hệ;  
Ôn thẩm nhà thờ hay cồn thơm.

自古勳名傳采邑  
於今世系出東阿

*Tự cổ huân danh truyền thái áp;*  
*U kim thế hệ xuất Đông A.*

Thái áp công lao truyền tự cổ;  
Đông A các hệ tiếng thơm nay.

俎豆常陳先祖精神不死  
祖譜乃大子孫俊杰以生

*Trò đậu thường trán, tiên tổ tinh thần bất tử;*  
*Tổ phả nài đại, tử tôn tuấn kiệt dĩ sinh.*

Cố tế thường bày, tiên tổ tinh thần không mất;  
Phả họ thật lớn, cháu con hào kiệt dày lên.

此地此民復腊歲時同敬愛  
在宮在廟煮高精爽對神明

*Thủ địa, thủ dân, phục lạp tuế thời đồng kính ái;*  
*Tại cung, tại miếu, huân cao tinh sáng đối thần minh.*

Đất này, dân này, tết chạp hàng năm cùng kính ái;  
Ở cung, ở miếu, cảm thông linh ứng với thần thiêng.

事有廢興今是昔  
理存往復舊維新

*Sự hữu phế hưng kinh thị tịch;*  
*Lý tồn vãng phục cựu duy tân.*

Việc có cái bỏ đi, có cái mới làm, đời này cũng như đời trước;

Lẽ có cái đã rồi, có cái trả lại, nên cũ rồi lại mới.

歌聚於斯卜祝果成先祖志  
烝常有所肇人從祀大夫家

*Ca tụ ư tư bốc chúc quả thành tiên tổ chí;  
Chung thường hữu sở, triệu nhân tòng tự đại phu gia.*

Ca hát ở đây, họp mặt ở đây, gày dựng được toại lòng tiên tổ;  
Thu tế có nơi, đồng tế có nơi, phụng thờ nay theo lối đại phu.

一宦白人頭朔塞雪霜經幾度  
相逢青我眼香江書劍是何年

*Nhất hoạn bạch nhân đầu, Sóc tái tuyết sương kinh kỷ đô;  
Tương phùng thanh ngã nhän, Hương giang thư kiếm thị hà niên.*

Quan đến bạc đầu, ải Bắc tuyết sương từng mẩy lượt;  
Gặp thêm xanh mắt, sông Hương đèn sách nhớ năm nào.

湯沐名鄉傳自古  
阜元遺址奠千秋

*Thang mộc danh hương truyền tự cổ;  
Phu nguyên di chỉ điện thiên thu.*

Tự cổ Ơn truyền, làng nổi tiếng;  
Ngàn thu đặt móng, dấu còn đây.

福自求之主善爲師登彼岸  
微而顯也前因後果悟于今

*Phúc tự cầu chi, chủ thiện vi sư đăng bì ngạn;  
Vi nhi hiển dâ, tiền nhân hậu quả ngộ vu kim.*

Phúc phải đi tìm, chủ thiện là thầy lên cõi phật;  
Nhỏ mà lại rõ, trước nhân sau quả hiểu đời nay.

佛法長明同日月光輝萬古  
國家永盛並山河壯固千秋

*Phật pháp trường minh, đồng nhát nguyệt quang huy vạn cổ;  
Quốc gia vĩnh thịnh tịnh sơn hà tráng cổ thiên thu.*

Phép pháp trường minh, cùng nhật nguyệt sáng soi vạn thuở;  
Nước nhà vĩnh thịnh, theo non sông vững mạnh ngàn thu.

阿彌頓息三途苦  
陀佛蠲除十惡緣

*A Di đốn tức tam đồ khổ;  
Đà Phật quyên trừ thập ác duyên.*

A Di khiển tắt tam đồ khổ;  
Đà Phật giải trừ thập ác duyên.

一心清淨本無雙樂利永垂萬古  
三教莊嚴居第一光明普照十方

*Nhất tâm thanh tịnh bản vô song, lạc lợi vĩnh thuỷ vạn cổ;  
Tam giáo trang nghiêm cư đệ nhất, quang minh phổ chiếu thập phương.*

Một lòng thanh tịnh vốn vô song, đức độ vĩnh thuỷ vạn thuở;  
Ba giáo trang nghiêm hàng đệ nhất, quang minh chiếu khắp mười phương.

若實若虛竹影掃階塵不動  
是空是色月穿海底水無垠

*Nhược thực nhược hư, trúc ảnh tảo gai trần bất động;  
Thị không thị sắc, nguyệt xuyên hải để thuỷ vô ngân.*

Như thực như hư, bóng trúc quét thềm không động bụi;  
Áy không áy sắc, trăng soi đáy biển chằng rung rinh.

和風天啓留其跡  
廟水聖田記典功

*Hoà phong thiên khải lưu kỳ tích;  
Miếu thuỷ thánh điện kỵ điện công.*

*Hoà phong trời mở còn lưu dấu;  
Miếu thuỷ thánh ban nhá điện công.*

信仰在人心弘揚佛法  
自由行正道利樂群生

*Tín ngưỡng tại nhân tâm, hoằng dương Phật pháp;  
Tự do hành chính đạo, lợi lạc quần sinh.*

*Tín ngưỡng tại nhân tâm, dương cao Phật pháp;  
Tự do hành chính đạo, giúp ích nhân sinh.*

暮扣鯨鐘四海波清登覺岸  
陽鳴魚鐸五洲風靜悟心經

*Mở khẩu kinh chung, từ hải ba thanh dǎng giác ngộ;  
Đương minh ngư đặc, ngũ châu phong tĩnh ngộ tâm kinh.*

*Chiều gõ chuông kinh, bốn biển sóng yên lên bờ giác;  
Sáng khua mõ cá, năm châu gió lặng tĩnh kinh tâm.*

德澤度民儀母慈心頒永福  
殿臺拜望冬終夏季記前功

*Đức trạch độ dân, nghi mẫu tử tâm ban vinh phúc;  
Điện đài bái vọng, đông chung hạ quý ký tiền công.*

*Đức trach giúp dân, thánh mẫu lòng từ ban phúc lộc;  
Điện dài vọng bái, đông qua hạ đến nhá công lao.*

寶炤覃恩聖德流芳鴻社邑  
彰善彈惡慈門廣大救人間

*Bảo chiêu đàm âm, thánh đức lưu hương hồng xá áp;  
Chương thiện dàn ác, từ mòn quảng đại cứu nhân gian.*

Chiếu báu ơn ban, thánh đức hương thơm đầy xá áp;  
Thiện tỏ ác trừ, cửa thiền rộng lớn cứu nhân gian.

千 秋 香 火 招 日 月  
萬 古 廟 堂 授 乾 坤

*Thiên thu hương hoả chiêu nhật nguyệt;  
Vạn cổ miếu đường thụ càn khôn.*

Ngàn thu hương khói vời nhật nguyệt;  
Vạn thuỷ miếu đường dán đất trời.

望 遠 能 知 風 浪 小  
凌 空 始 覺 海 波 平

*Vọng viễn năng tri phong lăng tiều  
Lăng không thủy giác hải ba bình*

Nhìn xa sẽ thấy gió bão nhỏ  
Vươn cao mới hiểu sóng biển bằng

讀 能 明 達 耕 能 富  
成 自 謙 虛 敗 自 駕

*Đọc năng minh đạt, canh năng phú  
Thành tự khiêm hư, bại tự kiêu*

Đọc hay sáng ý, cày hay có  
Thành tự khiêm cung, bại tự kiêu

事 能 知 足 心 常 惜  
人 到 無 求 品 自 高

*Sự năng tri túc tâm thường thiệp*

*Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao*

Việc hay biết dù lòng thanh thản  
Người đến không cầu phẩm tự cao

美酒飲于微醉后  
好花看到半開時

*Mỹ tửu ẩm vu vi tuy hậu*  
*Hảo hoa khán đáo bán khai thời*

Rượu ngon nên uống lúc ngà say  
Hoa đẹp chờ xem khi chớm nở

偶然風雨惊花落  
再上樓台待月明

*Ngẫu nhiên phong vũ kinh hoa lạc*  
*Tái thương lâu dài dãi nguyệt minh*

Ngẫu nhiên mưa gió e hoa rụng  
Lên lại lâu cao đợi sáng trăng

莫對青山談世事  
休將文字占時名

*Mặc đổi thanh sơn đàm thế sự*  
*Hưu tương văn tự chiếm thời danh*

Chớ bàn thế sự trước non xanh  
Đừng chiếm thời danh bằng chữ nghĩa

皓月盈懷心不夜  
春雲潤物兩含情

*Hạo nguyệt doanh hoài tâm bất dạ*  
*Xuân vân nhuận vật vũ hàm tình*

Trăng sáng đầy lòng, tâm khó lặng  
Mây xuân nhuần vật, đượm tình mưa

自將秋水洗望眼  
長借燭光明學心

Tự tương thu thuỷ tẩy vọng nhän  
Trường tá chúc quang minh học tâm

Lấy nước mùa thu rửa mắt mờ  
Nhờ cây đuốc sáng tỏ lòng học

取靜于山寄情于水  
虛懷若竹清氣若蘭

Thủ tĩnh vu sơn, ký tình vu thuỷ  
Hư hoài như ống trúc, thanh khí như lan

Giữ lặng ở núi, gửi tình ở nước  
Lòng hư như trúc, thanh khí như lan

心澹水木秀  
興幽魚鳥閑

Tâm đạm thuỷ mộc tú  
Hưng u ngư điểu nhàn

Tâm an, nước cây đẹp  
Hưng nhã, chim cá nhàn

好山一窗足  
佳景回時宜

Hảo sơn nhát song túc  
Giai cảnh từ thời nghỉ

Núi non ngoài song đủ

Cảnh đẹp bốn mùa vui

庭松不改青葱色  
盆菊仍霏清淨香

*Đình tùng bất cải thanh thông sắc*  
*Bốn cúc nhưng phi thanh tĩnh hương*

Tùng trước sân sắc xanh chẳng đổi  
Cúc trong bốn hương thanh vẫn còn

煙景滿前供妙墨  
芳州隨處引清游

*Yên cảnh mǎn tiền cung diệu mực*  
*Phương châu tùy xứ dẫn thanh du*

Trước mắt khói lam – cho mực vẽ  
Khắp nơi hương tỏa – dẫn đường chơi

畫永花香醺自醉  
雨收天色碧于藍

*Trù vĩnh hoa hương huân tự tuy*  
*Vũ thu thiên sắc bích vu lam*

Ngày vẫn hương hoa ngào ngọt thơm  
Mưa nhuộm mây trời xanh đậm sắc

相與明月清風際  
只在高山流水間

*Tương dù minh Nguyệt thanh phong tế*  
*Chỉ tại cao sơn lưu thuỷ gian*

Trăng trong gió mát luôn giao tiếp  
Nước biếc non xanh vẫn dạo chơi

麗日和風春淡蕩  
花香鳥語物昭蘇

*Lệ nhật hoà phong xuân đậm đắng*  
*Hoa hương diều ngũ vật chiêu tó*

Xuân tươi mát, gió lành ngày đẹp  
Vật hồi sinh, chim hót hoa hương

庭小有竹春常在  
山靜無人水自流

*Định tiểu hữu trúc xuân thường tại*  
*Sơn tĩnh vô nhân thuỷ tự lưu*

Sân con có trúc, xuân thường đến  
Núi vắng không người, nước cứ trôi

碧村紅花相掩映  
竹軒闌砌共清虛

*Bích thụ hồng hoa tương yểm ánh*  
*Trúc hiên lan thế cộng thanh hư*

Cây biếc, hoa hồng, chen vẻ sáng  
Thềm lan, hiên trúc, góp thanh hư

正喜軒窗無俗韻  
更當風物報新秋

*Chính hỉ hiên song vô tục vận*  
*Canh đương phong vật báo tân thu*

Hiên song mừng thấy không thô tục  
Cảnh vật thay màu báo thu sang

窗前綠樹分禪榻

## 城外青山到酒杯

*Song tiền lục thụ phân thiền tháp  
Thành ngoại thanh sơn đáo tửu bối*

Ngoài song cây biếc thảm giường phật  
Non nước bên thành rọi chén cay

柳暗花明好鳥枝頭亦朋友  
峰回路轉白雲深處有人家

*Liễu ám hoa minh hảo điểu chi đầu diệc bằng hữu  
Phong hồi lộ chuyển bạch vân thâm xứ hữu nhân gia*

Liễu rủ, hoa tươi, chim đẹp đâu cành là bạn cũ  
Đường quanh, gió cuốn, mây trắng non xa vẫn có nhà

雨過琴山潤  
風來花木香

*Vũ quá cầm sơn nhuận  
Phong lai hoa mộc hương*

Mưa qua, đàn, núi nhuận  
Gió tới, hoa, cây thơm

雲移溪樹侵書幌  
風送岩泉潤墨池

*Vân di khê thu xâm thư hoảng  
Phong tống nham tuyễn nhuận măc tri*

Mây dời cây suối che màn sách  
Gió tiễn giọng khe đậm mực nghiên

窗間樹色連山淨  
戶外嵐光帶水明

*Song gian thụ sắc liên sơn tinh  
Hộ ngoại lam quang đới thuỷ minh*

Sắc cây liên núi qua song cửa  
Đáy nước in mây trước ngô nhà

丹花綠樹錦繡色  
清瀾白石頗璃江

*Dan hoa lục thụ cảm tú cốc  
Thanh lan bạch thạch pha lê giang*

Hàng gác vóc, cây xanh hoa đỏ  
Sông pha lê, đá trắng nước trong

放眼望乾坤身竹萬里半天下  
偷閑談風月我生百事常隨緣

*Phóng nhän vọng càn khôn, thân hành vạn lý bán thiên hạ  
Thân nhän đam phong nguyệt, ngä sinh bách sự thường tuỳ duyên*

Đưa mắt ngắm đất trời, bước chân vạn dặm nửa thiên hạ  
Lúc rảnh bàn trăng gió, thân ta trăm việc cũng tuỳ duyên

水能性澹爲吾友  
竹解心虛是我師

*Thuỷ năng tính đạm vi ngô hữu  
Trúc giải tâm hư thị ngã sư*

Nước hay thanh đạm, coi là bạn  
Trúc vốn lòng hư, đáng bậc thầy

曲水帶雲歸海去  
亂花隨雨落岩來

*Khúc thuỷ đới vân quy hải khú*

*Loạn hoa tuỳ vũ lạc nhảm lai*

Quanh cao theo nước, mây về biển  
Rơi rụng vì mưa, hoa đến khe

江心有島留明月  
世外無人問落花

*Giang tam hưu đảo lưu minh nguyệt*  
*Thế ngoại vô nhân vấn lạc hoa*

Lòng sông ghênh nổi lưu trăng sáng  
Cõi thế đâu người hỏi rụng hoa

樓高但任鳥飛過  
池小能將月送來

*Lầu cao dàn nhảm điêu phi qua*  
*Trì tiểu nǎng tương nguyệt tống lai*

Lầu cao còn thấy cánh chim qua  
Ao nhỏ vẫn đưa trăng sáng lại

共知心是水  
安見我非魚

*Công tri tâm thị thuỷ*  
*An kiến ngã phi ngư*

Tâm vốn như nước, mọi người biết  
Tôi không là cá, mấy ai hay

波光先得月  
山秀自生雲

*Ba quang tiên đắc nguyệt*  
*Sơn tú tự sinh vân*

Sóng lặng, trăng sớm hiện

Núi cao, mây tự sinh

雲白山青萬余里  
江深竹靜兩三家

*Vân bạch sơn thanh vạn du lý  
Giang thâm trúc tĩnh lưỡng tam gia*

Mây trắng non xanh trên vạn dặm  
Sông sâu trúc lặng bốn năm nhà

波心似鏡留明月  
松韻如簫振午風

*Ba tâm tự kính lưu minh nguyệt  
Tùng vân như hoàng chấn ngọ phong*

Lòng sông gương sáng trăng còn tỏ  
Thông reo sáo thổi gió đang về

青山笑我頭已白  
泉水照人心自清

*Thanh sơn tiếu ngã đầu dī bạch  
Tuyền thuỷ chiếu nhân tâm tự thanh*

Núi biếc cười ta đầu đã bạc  
Giòng suối soi mình tâm vốn trong

水如碧玉山如黛  
鳳有高梧鶴有松

*Thuỷ như bích ngọc sơn như đai  
Phượng hữu cao ngô hạc hữu tùng*

Nước như ngọc bích, non như vẽ  
Phượng có cành ngô, hạc có tùng

有約白雲來喚渡  
且邀明月共開樽

*Hữu ước bạch vân lai hoán độ  
Thá yêu minh nguyệt cộng khai tôn*

Mây trắng đưa chân đà ước hẹn  
Trăng trong cung chén đã tin mới

千樹梅光半輪月  
萬家煙火一帆風

*Thiên thụ mai hoa bán luân nguyệt  
Vạn gia yên hỏa nhất phàm phong*

Hoa mai ngàn gốc, nửa vầng trăng  
Khói lửa muôn nhà, một buồm gió

日月風和雲散聚  
黃昏景色映平明

*Nhật nguyệt phong hòa vân tán tụ  
Hoàng hôn cảnh sắc ánh bình minh*

Ngày tháng gió hòa mây tán tụ,  
Chiều hôm cảnh sắc ánh bình minh

保國護民昭聖跡  
除災降福顯神功

*Bảo quốc hộ dân chiêu thánh tích,  
Trù tai giáng phúc hiển thần công*

Cứu nước giúp dân soi tích thánh  
Trù tai xuống phúc nổi công thần

枝咄敷榮培本厚  
波流不盡飲河思

*Chi đốt phu vinh bồi bản hậu,  
Ba lưu bất tận ẩm hà tư*

Cành nẩy phò tươi bồi gốc hậu,  
Sóng xuôi bất tận uống nhớ nguồn

千秋西竺蓮臺慈悲廣大  
萬年禪門受故心誦真經

*Thiên thu Tây Trúc liên dài từ bi quang đại,*  
*Vạn niên Thiên môn thụ giáo tâm tung chân kinh*

Đài sen Tây Trúc ngàn thu từ bi quang đại,  
Linh hội Thiên môn vạn thuở tâm tung chân kinh

景佛前扶善罰惡  
心信誠祈保平安

*Cảnh Phật tiền phù thiện phạt ác,*  
*Tâm tin thành kỳ bảo bình an*

Trước cảnh Phật, phù thiện phạt ác  
Thành tâm tin, cầu phúc bình an

恩深河海留萬代  
德厚山林刻千秋

*Ân thâm hà hải lưu vạn đại,*  
*Đức hậu sơn lâm khắc thiên thu*  
*Ôn sâu sông biển lưu muôn thuở,*  
*Đức nặng rừng non khắc nghìn thu*

仁慈博愛教民善  
德度公平滅惡奸

*Nhân từ bác ái giáo dân thiện,*  
*Đức độ công bình diệt ác gian*

Nhân từ bác ái dạy dân thiện  
Đức độ công bằng diệt ác gian

聖德威靈扶國泰  
神祠壯麗護民康

*Thành đức uy linh phù quốc thái  
Thần từ tráng lệ hộ dân khang*

Thánh đức oai linh phù nước thịnh,  
Thần từ tráng lệ giúp dân vui

一家英雄橫海北  
千秋廟貌峙山東

*Nhất gia anh hùng hoành hải bắc,  
Thiên thu miếu mạo trì sơn đông*

Một nhà anh hùng ngang biển bắc,  
Nghìn thu miếu mạo thẳng non đông

天飼英才文與武  
地鐘靈氣宅而祠

*Thiên tứ anh tài văn dũng vũ,  
Địa chung linh khí trạch nhì từ*

Trời dưỡng anh tài văn võ  
Đất đỗ linh khí miếu cùng lăng

象嶺天開輝正氣  
馬江地闢顯英靈

*Tượng linh thiên khai huy chính khí,  
Mã giang địa tịch hiển anh linh*

Tượng linh trời khai ngời chính khí,  
Mã giang đất mở tỏ anh linh

癸酉還成由地利  
壬申再造自天機

*Quí dậu hoàn thành do địa lợi,  
Nhâm thân tái tạo tự thiên cơ*

*Quí dậu hoàn thành do lợi đất,  
Nhâm thân tái tạo tự mây trời*

大聲雷鼓誰覺悟  
小院發跡有鬼神

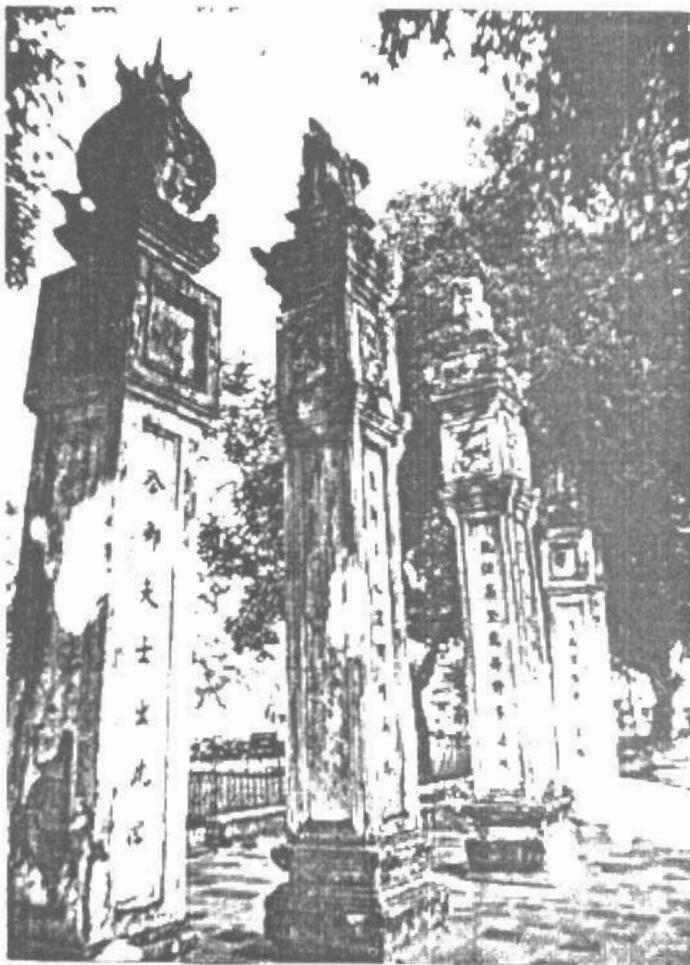
*Đại thanh lôi cỗ thuỷ giác ngộ,  
Tiểu viện phát tích hưu quý thần*

*Tiếng to như sấm ai giác ngộ,  
Viên nhỏ phát huy có quý thần*

功德留傳萬民仰慕  
四時八節品果香燈

*Công đức lưu truyền vạn dân ngưỡng mộ,  
Tứ thời bát tiết phẩm quả hương đăng*

*Công đức lưu truyền muôn dân ngưỡng mộ,  
Bốn mùa tám tiết phẩm quả đèn hương*



Cầu đối ở Văn Miếu (Hà Nội)

Ảnh: Vương Anh

## HỌC TẬP TU DƯỠNG

義秉中天萬古綱常昭武烈。  
德輝南極千秋翰墨煥文光。

*Nghĩa bình trung thiên vạn cổ cương thường chiêu vũ liệt;  
Đức huy Nam cực thiên thu hàn mạc hoán văn quang.*

Nghĩa vững trung thiên<sup>1</sup> muôn thuở cương thường soi gương vô;  
Đức ngời Nam cực<sup>2</sup> nghìn thu hàn mạc sáng nến văn.

舉念時明明白白毋期了自己  
到頭處是非非曾放過誰人

*Cử niệm thời, minh minh bạch bạch, vô kỳ liêu tút kỵ;  
Đáo đầu xứ, thí thí phi phi, tăng phóng quá thuỷ nhán.*

Nhớ lại khi xưa, tự mình minh minh bạch bạch, chẳng hề dối trá;  
Khởi đầu nơi đến, ai người thí thí phi phi, từng mắc lỗi lầm.

善報惡報遲報速報終須有報  
天知地知你知我知何謂無知

*Thiện báo, ác báo, trì báo, tốc báo, chung tu hưu báo;  
Thiên tri, địa tri, nhì tri, ngã tri, hà vị vô tri.*

Báo thiện, báo ác, báo chậm báo nhanh, cuối cùng đều báo;  
Tường thiên, tường địa, tường anh, tường tôi, không vật chẳng tường.

何必問吉凶或是或非你心本來明白

<sup>1</sup> Trung thiên: Giữa trời.

<sup>2</sup> Nam cực: ở phía Nam trái đất, cũng là tên một vì sao ở miền Nam cực.

無庸少趨避爲善爲惡神明自有顯靈

*Hà tất vấn cát hung, hoặc thi, hoặc phi, nhì tâm bản lai minh bạch;  
Vô dung thiểu xu ty, vi thiện, vi ác, thần minh tự hữu hiển linh.*

Sao phải hỏi việc lành, việc dữ, hoặc đúng hoặc sai, lòng anh đà minh bạch;  
Không cần sao chạy đến, lần đi, làm thiện làm ác, thần minh đã sáng soi.

福照人間財大有  
神遍宇宙利同人

*Phúc chiếu nhân gian tài đại hữu;  
Thần biến vũ trụ lợi đồng nhân.*

Phúc chiếu nhân gian, tiền của càng lấp;  
Thần khắp vũ trụ, lợi ích mọi người.

開人間之利路  
掌天下之財源

*Khai nhân gian chi lợi lộ;  
Chưởng thiên hạ chi tài nguyên.*

Đường lợi nhân gian công khai thác;  
Tài nguyên thiên hạ đức nắm quyền.

四方通大道  
千里報佳音

*Tứ phương thông đại đạo;  
Thiên lý báo giai âm.  
Bốn phương thông đạo lớn;  
Nghìn dặm báo tin vui.*

惟農貽景福  
以德裕民財

*Duy nông di cảnh phúc;  
Dĩ đức dù dân tài.*

Hạnh phúc có bời chuộng nồng;  
Tiền tài dư do sùng đức.

沐恩財晉發  
賴德利豐亨

*Mộc ân tài tấn phát;  
Lại đức lợi phong hanh.*

Đội ơn tiền tài tấn phát;  
Nhờ đức lợi ích phong hanh<sup>1</sup>

神恩敷福祉  
天庫拱財源  
*Thần ân phu phúc chỉ;  
Thiên khố cung tài nguyên.*

Ơn thần phô phúc đức;  
Kho trời chứa tài nguyên.

戶內土旺人從旺  
堂中神安宅自安  
*Hộ nội thổ vượng nhân tòng vượng;  
Đường trung thần an trạch tự an.*

Trong cửa thổ vượng, con người cũng vượng;  
Giữa nhà thần an, đất ở tự an.

門興不用華封祝  
土旺何須天保吟

*Môn hưng bất dụng hoa phong chúc;  
Thổ vượng hà tu thiên bảo ngâm.*

Cửa hung chẳng phải hoa phong chúc<sup>2</sup>;

<sup>1</sup> *Phong hanh*: Được mùa, thuận lợi.

<sup>2</sup> *Hoa phong chúc*: Lời chúc tốt đẹp.

Đất vượng sao cầm thiên bảo ngâm<sup>1</sup>.

土 豊 恒 大 有  
神 泽 益 家 人

*Thổ phong hằng đại hữu;  
Thần trạch ích gia nhân.*

Đất lành hằng cùa lâm;  
Thần ân lợi người thân.

地 興 和 爲 貴  
土 旺 居 之 安

*Địa hưng hòa vi quý;  
Thổ vượng cư chi an.*

Địa hưng hòa làm quý;  
Thổ vượng ở được an.

神 錫 恩 波 流 第 宅  
人 逢 瑞 氣 發 祥 光

*Thần tích ân ba lưu đệ trạch;  
Nhân phùng thụy khí phát tường quang.*

Âm đức thần cho lưu đệ trạch<sup>2</sup>;  
Khí lành người gặp phát tường quang<sup>3</sup>.

祀 先 祖 如 在 其 上  
佑 後 人 焕 乎 維 新

*Tự tiên tổ như tại kỳ thương;  
Hựu hậu nhân hoán hô duy Tân.*

Thờ tiên tổ như kính tại thương;  
Giúp hậu nhân sáng bổi duy Tân.

<sup>1</sup> Thiên bảo ngâm: Khúc ngâm quý như trời.

<sup>2</sup> Đệ trạch: Nhà ở của các quan xưa.

<sup>3</sup> Tường quang: Điểm tốt lành, sáng sủa.

金爐香靄添春色  
銀燭花開映歲華

*Kim lô hương ái thiêm xuân sắc;  
Ngân chúc hoa khai ánh tuế hoa.*

Lư vàng hương ngát thêm hương sắc;  
Đuốc bạc hoa xoè ánh tuế hoa<sup>1</sup>.

和平神聽宜家室  
昌熾宗功蔭子孫

*Hoà bình thần thính nghi gia thất;  
Xương xí tông công ám tử tôn.*

An bình thần liệu nến gia thất;  
Sáng rực tông huân ám tử tôn.

香馥錦堂凝瑞氣  
燭明金屋吐祥光

*Hương phúc cảm đường ngưng thuỷ khí;  
Chúc minh kim ốc thổ tiềng quang.*

Hương ngát cảm đường ngưng khí tốt;  
Đuốc ngời kim ốc toả diêm lành.

瑞氣與爐煙共靄  
祥光和燈影交輝

*Thuỷ khí dùt lò yên cộng ái;  
Tường quang hoà dăng ánh giao huy.*

Khí tốt với khói hương hòa nhã;  
Diêm lành cùng đèn nến giao huy.

百代孝思深仰止

<sup>1</sup> Tuế hoa: Năm đẹp tốt.

## 萬年支派衍長流

Bách dài hiếu tư thâm ngưỡng chí;  
Vạn niên chi phái diễn trường lưu.

Bách thế hiếu tư hằng ngưỡng mô;  
Vạn niên chi phái diễn trường lưu.

## 煙生香裡祥雲合 花發庭前瑞氣明

Yên sinh hương lý tường vân hợp;  
Hoa phát định tiền thủy khí minh.

Sinh khói trong hương mây lành hợp;  
Phát hoa trước sảnh khí tốt phô.

## 明燈彩映祥煙靄 寶鼎香浮瑞氣融

Minh đăng thái ánh tường yên ái;  
Bảo đỉnh hương phù thủy khí dung.

Đèn sáng ánh màu điểm khói nhã;  
Đỉnh trầm hương quyện khí lành bay.

## 香煙高篆祥和氣 燈焰常流積厚光

Hương yên cao triện tường hòa khí;  
Đăng diệm thường lưu tích hậu quang.

Khói hương cao quyện điểm hòa khí;  
Đèn nến hằng lưu vẻ hậu quang.

## 明德馨香來格享 馨靈赫濯睹規模

Minh đức hinh hương lai cách hưởng;

*Thanh linh hách trạc đồ quy mô.*

*Đức sáng hương thơm trưng cách hướng;  
Tiêng linh vượt trời nếp quy mô.*

水木本源恩祖德  
乾坤久大頌宗功

*Thuỷ mộc bản nguyên tư tổ đức;  
Càn khôn cửi đại tung tông công.*

*Cây gốc nước nguồn ơn tổ đức;  
Đất bền trời rộng ngợi tông công.*

舉目思祖宗功德  
存心爲孝子賢孫

*Cử mục tư tổ tông công đức;  
Tồn tâm vi hiếu tử hiền tôn.*

*Ngước mắt nhớ tổ tông công đức;  
Ghi lòng làm hiếu tử hiền tôn.*

燈焰光輝呈瑞色  
香煙盤結繞祥雲

*Đèn nến huy hoàng phô sắc quý;  
Hương yên bàn kết nhiễu tường vân.*

*Đèn nến huy hoàng phô sắc quý;  
Khói hương bàn kết quyện mây lành.*

寶鼎香煙騰紫氣  
銀臺燭影耀紅光

*Bảo đinh hương yên đăng tử khí;  
Ngân dài chúc ánh diệu hồng quang.*

*Đỉnh quý khói hương bay khí túa;  
Đài ngân ánh đuốc vút tia hồng.*

富 貴 花 開 金 盞 碧  
平 安 字 篆 玉 爐 紅

*Phú quý hoa khai kim trán bích;  
Bình an tự triện ngọc lô hồng.*

Phú quý nở hoa nâng chén biếc;  
Bình an khắc chữ rực lô hồng.

香 星 寶 鼎 時 招 福  
燈 結 珠 花 日 進 財

*Hương trình bảo đinh thời chiêu phúc;  
Đèn kết châu hoa nhật tiến tài.*

Hương phô đinh quý thời chiêu phúc;  
Đèn kết hoa châu buổi tiến tài.

金 爐 永 駐 千 年 篆  
玉 盞 長 開 四 季 花

*Kim lò vĩnh trú thiên niên triện;  
Ngọc tràn trường khai tứ quý hoa.*

Lò vàng lưu mãi ngàn năm tạc;  
Chén ngọc mở dài bốn quý hoa.

福 田 宗 祖 種  
心 地 子 孫 耕

*Phúc diền tông tổ chủng;  
Tâm địa tử tôn canh.*

Tông tổ gieo trồng nền diền phúc;  
Cháu con canh tác nếp viên tâm.

駿 烈 追 先 代  
鴻 麻 啓 後 人

*Tuấn liệt truy tiên đại;  
Hồng hưu khai hậu nhân.*

Ngựa tốt khôn truy công tiên tổ;  
Chim hồng dạng giúp phúc hậu nhân.

祥雲浮紫閣  
瑞氣繞朱門

Tường vân phù từ các;  
Thủy khí nhiễu chu môn.

Mây lành nổi trên gác tía;  
Khí tốt toả quanh cửa son.

孝敬通宗祖  
禎祥集子孫

Hiếu kính thông tông tổ;  
Trinh tuồng tập tử tôn.

Hiếu kính thấu lên tông tổ;  
Điểm lành họp lại tử tôn.

石徑有塵風自掃  
禪門無鎖月常來

Thạch kính hữu trần phong tự tảo;  
Thiền môn vô toả nguyệt thường lai.

Lối đá bụi vương, gió tự quét;  
Cửa thiền không khoá trăng thường soi.

鍾帶潮音騰佛座  
月同僧眼照天心

Chung đài triều âm đằng Phật toạ;  
Nguyệt đồng tăng nhän chiếu thiên tâm.

Chuông gió triều âm vương bệ Phật;

Nguyệt cùng tăng nhān chiếu lòng trời.

山鳥有情尊佛偈  
林花無語解禪機

Sơn điểu hữu tình tôn Phật kê;

Lâm hoa vô ngữ giải thiền cơ.

Chim núi có tình tôn kệ Phật<sup>1</sup>;

Hoa rừng không ngữ giải cơ thiền<sup>2</sup>.

禪室從來雲外賞  
香臺豈是世中情

Thiền thất tòng lai vân ngoại thường;

Hương dài khài thị thế trung tình.

Thiền thất xưa nay vẫn ngoại thường;

Hương dài há phải thế trung tình.

白雲歸洞口  
明月照禪心

Bạch vân quy động khẩu;  
Minh nguyệt chiếu thiên tâm.

Mây trắng về cửa động;  
Trăng thanh chiếu lòng thiền.

雁塔風霜古  
禪房花木深

Nhạn tháp phong sương cổ;

<sup>1</sup> Kệ Phật: Bài kệ về đức Phật.

<sup>2</sup> Cơ thiền: Lay động nơi cửa Phật.

*Thiền phòng hoa mộc thâm.*

Nhận tháp vẫn như xưa sương gió;  
Phòng thiền sâu thẳm ẩn mộc hoa.

靜聞魚讀月  
笑對鳥談天

*Tĩnh văn ngư đọc nguyệt;*  
*Tiểu đối điêu đàm thiền.*

Lặng nghe cá độc nguyệt;  
Cười ngắm chim đàm thiền.

眼前色相皆成幻  
曲裡歌聲不厭新

*Nhân tiền sắc tướng gai thành ảo;*  
*Khúc lý ca thanh bất yếm tân.*

Nhân tiền sắc tướng đều thành ảo;  
Trong khúc ca thanh chẳng yếm tân<sup>1</sup>.

還將舊事從新演  
聊借今人當古觀

*Hoàn tương cựu sự tòng tân diễn;*  
*Liêu tá kim nhân đương cổ quan.*

Lại đem việc cũ làm tàn diễn<sup>2</sup>;  
Hãy mượn người nay độ cổ quan<sup>3</sup>.

九天韶樂飄寒月  
一曲清簫凌紫煙

<sup>1</sup> *Chẳng yếm tân*: Không chán cái mới.

<sup>2</sup> *Tàn diễn*: Trò diễn mới.

<sup>3</sup> *Cổ quan*: Nhìn nhận người xưa.

*Cửu thiên thiều nhạc phiêu hàn nguyệt;  
Nhất khúc thanh tiêu lăng tử yên.*

*Chín tầng thiều nhạc đưa trăng lạnh;  
Một khúc thanh tiêu vượt khỏi mây.*

一聲唱盡秋江月  
萬舞齊開玉樹花

*Nhất thanh xướng tận thu giang nguyệt;  
Vạn vũ tề khai ngọc thụ hoa.*

*Một câu xướng tận sông thu nguyệt;  
Muôn điệu đều tan ngọc thụ hoa.*

世事渾如戲  
人情莫認真

*Thế sự hồn như hý;  
Nhân tình mạc nhận chán.*

*Sự thế đục như tuồng du hý;  
Tình người chẳng nhận được thực chán.*

就此一人身沒盡許多富貴貧賤都是電光石火  
任他三疊曲唱來無限悲歡離合莫非海市蜃樓

*Tự thù, nhất nhân thân tộ tận, hứa đa phú quý bần tiện, dô thị điện  
quang thạch hoả;  
Nhậm tha, tam diệp khúc xướng lai, vô hạn bi hoan ly hợp, mạc phi  
hải thị thần lâu.*

Đã đến đây, một tấm thân làm hết, biết bao phú quý bần tiện, đều là  
đúng, sáng đèn lửa đá<sup>1</sup>;  
Đành phải gánh, ba diệp khúc xướng lên, vô hạn bi hoan ly hợp,

<sup>1</sup> *Sáng đèn lửa đá*: từ chữ “diện thạch” là đèn đất.

chẳng phải ư, chợ bể lầu ngao<sup>1</sup>.

或笑或啼真面目  
爲歌爲舞改聲容

*Hoặc tiếu hoặc đề chân diện mục;*

*Vi ca vi vũ cải thanh dung.*

*Hoặc khóc hoặc cười rõ ràng diện mục;*  
*Khi ca khi múa thay đổi thanh dung.*

百世衣冠長濟美  
千年山水永朝宗

*Bách thế y quan trường tế mỹ;*  
*Thiên niên sơn thuỷ vĩnh triều tông.*

*Áo nũ trăm đời bền mỹ cảnh;*  
*Nước non nghìn thuở vững tông đường.*

宗祖千秋長祀典  
兒孫萬古紹書香

*Tông tổ thiên thu trường tự diển;*  
*Nhi tôn vạn cổ thiệu thư hương.*

*Tông tổ nghìn thu dài tự diển<sup>2</sup>;*  
*Cháu con vạn thuở nối thư hương<sup>3</sup>.*

嚴若思孝孫有慶  
祭如在明德惟馨

*Nghiêm nhược tư hiếu tôn hữu khánh;*  
*Tế như tại minh đức duy hinh.*

<sup>1</sup> Chợ bể lầu ngao: ý nói việc tạm bợ như cảnh trên sân khấu.

<sup>2</sup> Tự diển: Phép tắc thờ cúng.

<sup>3</sup> Thư hương: Nề nếp con cháu nhà có học.

Nghiêm cản truy tư cháu hiền mừng phúc;  
Cúng thờ như tại đức sáng ngát hương.

萬古斯文存正脈  
千秋心法啓宗傳

Vạn cổ tư văn tồn chính mạch;  
Thiên thu tâm pháp khai tông truyền.  
Muôn thuở tư văn<sup>1</sup> lưu chính mạch;  
Nghìn thu tâm pháp<sup>2</sup> mở tông truyền<sup>3</sup>.

百代孝慈高仰止  
萬年支派永流通

Bách đại hiếu từ cao ngưỡng chi;  
Vạn niên chi phái vĩnh lưu thông.  
Trăm đời từ hiếu cao ngưỡng vọng;  
Muôn thuở phái chi mãi lưu truyền.

盈門吉慶家聲遠  
滿室榮華世澤長

Doanh môn cát khánh gia thanh viễn;  
Mãn thất vinh hoa thế trạch trường.

Phúc đức đầy nhà gia thanh còn mãi;  
Vinh hoa ngập cửa thế trạch dài lâu.

堂寢宏開昭祖德  
簪纓繼美壯家聲

<sup>1</sup> Tư văn: Lễ nhạc, chế độ của thánh nhân xưa truyền lại.

<sup>2</sup> Tâm pháp: Các phương pháp tâm đắc của thầy trò truyền cho nhau.

<sup>3</sup> Tông truyền: Truyền thống của tổ tông.

*Đường tẩm hoàng khai chiêu tổ đức;  
Trâm anh kế mĩ tráng gia thanh.*

*Đường tẩm hoàng khai ngời tổ đức;  
Trâm anh kế mĩ đẹp gia thanh.*

玉樹芳蘭承祖豆  
金蟬紫誥答蒸嘗

*Ngọc thu phượng lan thừa tổ đậu;  
Kim thiên tử cáo đáp chưng thường.*

Cây ngọc hương lan thừa trả đậu<sup>1</sup>;  
Ve vàng lời quý đáp chưng thường<sup>2</sup>.

俎豆衣冠宗功衍慶  
詩書禮樂世澤流徽

*Trả đậu y quan tông công diễn khánh;  
Thi thư lê nhạc thế trạch lưu huy.*

Lễ vật y quan, công đức tổ tông còn dài phúc;  
Thi thư lê nhạc ân tình thế trạch mãi đẹp danh.

禮樂繩其祖武  
詩書貽厥孫謀

*Lễ nhạc thăng kỳ tổ vũ;  
Thi thư di quyết tôn miưu.*

Uy vũ tổ tông truyền lê nhạc;  
Quyền mưu con cháu nối thi thư.

且喜先人傳舊業

<sup>1</sup> *Trả đậu*: Đỗ cúng tế.

<sup>2</sup> *Chưng thường*: Nấu, mềm để điều canh.

還期後裔煥新猷

*Thả hỷ tiên nhân truyền cựu nghiệp;  
Hoàn kỳ hậu duệ hoán tân du.*

Vừa vui người trước truyền nghiệp cũ;  
Lại ngóng kè sau nối chí nay.

門楣增彩源流遠  
堂構重輝俎豆新

*Môn my tăng thái nguyên lưu uốn;  
Đường cầu trùng huy trở đậu tân.*

Gia thế tươi thêm nguồn chảy cũ;  
Từ đường sáng lại lễ nghi nay.

富潤琴書成五色  
貴連蘭玉映三台

*Phú nhuận cầm thư thành ngũ sắc;  
Quý liên lan ngọc ánh tam thai.*

Giàu thảm cầm thư thành ngũ sắc<sup>1</sup>;  
Sang liền lan ngọc ánh tam thai<sup>2</sup>.

江山聚秀歸新宅  
奎璧聯輝映畫堂

*Giang sơn tụ tú quy tân trạch;  
Khuê bích liên huy ánh hoạch đường.  
Giang sơn tụ khí về tân trạch<sup>3</sup>;  
Khuê bích liên màu ánh hoạch đường<sup>4</sup>.*

<sup>1</sup> *Ngũ sắc*: Năm màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.

<sup>2</sup> *Tam thai*: Như “tam công” là ba chức quan: Thái sư, Thái phó, Thái bảo.

<sup>3</sup> *Tân trạch*: Khu đất ở mồi.

甲第鼎新容駟馬  
華堂鍾秀起文人

*Giáp đệ đinh tân dung tú mā;  
Hoa đường chung tú khời văn nhân.*

Khoa giáp cách tân dung tú mā;  
Hoa đường chung đúc khời văn nhân.

堂開麗日金鶯轉  
簾捲春風玉燕來

*Dường khai lệ nhật kim oanh chuyển;  
Liêm quyến xuân phong ngọc yến lai.*

Ngày vui nhà mở oanh vàng chuyển;  
Gió thoảng rẽm lay yến ngọc về.

閣上金龍騰紫氣  
堂前彩鳳映舟霞

*Các thượng kim long đàng tử khí;  
Đường tiên thái phượng ánh chu hà.*

Rồng vàng trên các vươn sắc tía;  
Phượng ngọc trước nhà ánh vê hồng.

堂構宏開綿世德  
規模丕振啓人文

*Đường cấu hoằng khai miên thế đức;  
Quy mô phi chấn khái nhân văn.*

Đường thất lớn lao dài thế đức;

---

<sup>1</sup> *Hoạch đường:* Đồ hoạch ngôi từ đường.

Quy mò phán phát mỏ nhân văn.

地脈靈鍾開駿業  
人文蔚起展鴻才

*Địa mạch linh chung khai tuấn nghiệp;*  
*Nhân văn uất khởi triển hồng tài.*

Địa mạch kết tinh khai nghiệp lớn;  
Văn nhân khởi phát dãy tài cao.

瑤埠蘭桂書香遠  
錦座春萱世澤長

*Đao bệ lan quê thư hương viễn;*  
*Cẩm tòa xuân huyên thế trạch trường.*

Lan quê thêm giao thư hương tiếp;  
Thung huyên tòa gấm thế trạch dài.

華堂畫水書香藹  
喬木春深手澤多

*Hoa đường hoạch vĩnh thư hương ái;*  
*Kiều mộc xuân thăm thủ trạch đa.*

Nhà lan định vững thư hương nhã;  
Cây cà xuân tươi phúc trạch nhiều.

玉樹琪花香作錦  
水光山色翠連雲

*Ngọc thụ kỳ hoa hương tác cẩm;*  
*Thuỷ quang sơn sắc thuỷ liên vân.*

Cây ngọc hoa vàng hương làm gấm;  
Nước trong núi biếc sắc liền mây.

日月光華臨畫棟  
山河環繞映樓臺

*Nhật nguyệt quang hoa lâm hoạ đồng;*  
*Sơn hà hoàn nhiều ánh lâu dài.*

Nhật nguyệt bừng tươi soi trụ đồng;  
Sơn hà hoàn nhiều ánh lâu dài.

今朝喜卜親仁里  
異日重開書錦堂

*Kim triều hỉ bốc thân nhân lý;*  
*Đi nhật trùng khai thư cẩm đường.*

Sáng nay mừng gặp người thân nơi nhân lý;  
Ngày khác lại xem sách quý chốn cẩm đường.

高大門閣美輪美換  
綿延世澤丕顯丕承

*Cao đại môn lư mỹ luân mỹ hoán;*  
*Miên diên thế trạch phi hiển phi thừa.*

Cao lớn môn lư đẹp tươi hoán cải;  
Lâu dài gia thế rực rõ kế thừa.

開百世鴻圖龍蟠虎踞  
啓千秋大慶鳳起蛟騰

*Khai bách thế hồng đồ long bàn hổ cứ;*  
*Khai thiên thu đại hạ phượng khởi giao đằng.*

Khai bách thế hồng đồ hổ ngồi rồng cuộn;  
Mở thiên thu đại hạ giao rượt phượng bay.

虎踞龍蟠已得山川勝聚

蘭馨桂馥將舒宇宙英華

*Hỗn hương long bàn dĩ đặc sơn xuyên thẳng tự;  
Lan hinh quế phức tượng thư vũ trụ anh hoa.*

Rồng cuộn hổ ngồi đã được núi sông hội tụ;  
Quế thơm lan ngát sẽ làm vũ trụ tươi hoa.

燕翼詒謀水繞山環新第宅  
鴻規創立父慈子孝舊家聲

*Yến đẹp di mưu thuỷ nhiều sơn hoàn tân đê trạch;  
Hồng quy sáng lập phụ tử hiếu cựu gia thanh.*

Yến đẹp nếp nhà, nước lượn núi vòng, tân đê trạch;  
Hồng so gươm sáng, cha hiền con hiếu, cựu thế gia.

書錦輝煌畫棟連雲迎瑞氣  
春暉香靄華堂映日繞祥雲

*Thư cầm huy hoàng, hoạch đồng liên vân, nghinh thủy khí;  
Xuân huy hương ái, hoa đường ánh nhật, nhiều tường vân.*

Thư gấm huy hoàng, cơ nghiệp liền mây nghênh khí tốt;  
Xuân tươi hương nhã, từ đường chiếu sáng quyền mây lành.

漫道新居仍舊址  
聊期後裔振前徽

*Mạn đạo Tân cư những cựu chí;  
Liệu kỳ hậu duệ chấn tiên huy.*

Nên cũ gia tân tràn đạo lý;  
Sáng ngời hậu duệ hẹn niên kỷ.

萬卷古今消永日  
一窗昏曉送流年

*Vạn quyển cổ kim tiêu vĩnh nhạt;  
Nhất song hồn hiếu tông lưu niên.*

*Vạn quyển xưa nay ngày mải đọc;  
Một song mờ tỏ tiễn năm qua.*

書從疑處翻成悟  
文到窮時自有神

*Thư tòng nghi xứ phiên thành ngộ;  
Văn đáo cùng thời tự hữu thần.*

*Sách có biết ngờ rồi sẽ hiểu;  
Văn đến lúc cùng mới có thần.*

天 然 文 吐 春 雲 潤  
悟 后 心 如 秋 月 高

*Thiên nhiên văn thô xuàn vân nhuận;  
Ngộ hậu tâm như thu nguyệt cao.*

*Thiên nhiên văn đượm mây xuân đậm;  
Giác ngộ lòng như trăng thu cao.*

師 友 肯 臨 容 滕 地  
儿 孫 莫 负 等 身 書

*Sư hữu khảng lâm dung tất địa;  
Nhi tôn mạc phụ đẳng thân thư.*

*Thầy bạn những mong hầu dưới gối;  
Cháu con chờ phụ sách ngày thơ.*

書 到 用 時 方 恨 少  
事 非 經 過 不 知 難

*Thư đáo dụng thời phương hận thiếu;*

*Sách phi kinh quá bất tri nan.*

Sách đến lúc dùng hiêm ít đọc;  
Việc chưa từng trải khó không hay.

術業宜從勤學起  
韶華不爲少年留

*Thuật nghiệp nghi tòng cần học khởi;*  
*Thiều hoa bát vi thiếu niên lưu.*

Sự nghiệp bắt đầu từ gắng học;  
Tuổi xanh di mất có chà ai.

黑發不知勤學早  
白頭方悔讀書遲

*Hắc phát bát tri cần học tảo;*  
*Bạch đầu phương hối đọc thư tri.*

Cần viết không hay chăm học sớm;  
Bạch đầu mới hối đọc sao trót.

書山有路勤爲徑  
學海無涯苦作舟

*Thư sơn hữu lộ cần vi kinh;*  
*Học hải vô nhai khổ tác chu.*

Núi sách có đường, chăm dọn lối;  
Biển học không bờ, gắng làm thuyền.

堂構重光長積慶  
奐輪繼美遠鍾靈

*Dương cấu trùng quang trường tích khánh;*  
*Hoán luân kế mỹ viễn chung linh.*

Sửa chữa sáng thêm nơi tích phúc;  
Đổi thay đẹp mãi chốn chung linh<sup>1</sup>.

山水朝宗依舊日  
門堂集瑞靄新居

Sơn thuỷ triều tông y cựu nhật;  
Môn đường tập thụy ái tân cư.

Non nước triều tông y ngày trước;  
Cửa nhà tập phúc nhã tân cư.

書棟倚雲光舊業  
華堂映日耀新居

Thư đống ỷ vân quang cựu nghiệp;  
Hoa đường ánh nhật diệu tân cư.

Nhà sách dựa mây quang cựu nghiệp;  
Từ đường chiếu sáng diệu tân cư.

舊喬雲仍垂燕翼  
新居奕葉壯鴻圖

Cựu duệ vân nhưng thuỳ yên dực;  
Tân cư đích diệp tráng hồng đồ.

Hậu duệ phúc mày trùm yên dực<sup>1</sup>;  
Tân cư xanh lá sáng hồng đồ<sup>2</sup>.

樑棟維新家聲丕振  
奐輪依舊世澤流芳

<sup>1</sup> Chốn chung linh: Nơi thờ cúng linh thiêng.

<sup>1</sup> Yên dực: Cánh chim yên. Ý nói nơi có phúc đức.

<sup>2</sup> Hồng đồ: Kế hoạch lớn lao.

*Lương đóng duy tân gia thanh phi chán;  
Hoán luân y cựu thế trạch lưu hương.*

Rường cột duy tân gia thanh hưng chán;  
Đổi thay y cựu thế trạch lưu hương.

鶯遷華屋安仁里  
燕賀新居洽德鄰

*Oanh thiên hoa óc an nhân lý;  
Yên hạ tàn cũ hiệp đức lân.*

Yến chúc tân cư hiệp xóm đức;  
Oanh dời hoa óc yên làng nhân.

滿座珠璣光舊署  
幾車書籍重新遷

*Mản toạ châu cổ quang cựu thị;  
Kỷ xa thư tạ trọng tân thiên.*

Một nếp ngọc đường ngồi cảnh cũ;  
Máy xe sách vở trọng dời thay.

日映埠前森玉樹  
鶯遷堂上茁蘭芽

*Nhật ánh bệ tiền sâm ngọc thu;  
Oanh thiên đường thương truật lan nha.*

Nắng ánh trước thềm rừng cây ngọc;  
Oanh dời trên mái nẩy mầm lan.

龍門舊列金章貴  
鶯谷新遷喬木高

*Long môn cựu liệt kim chương quý;*

*Oanh cốc tân thiên kiều mộc cao.*

Long môn lệ cũ ván chương quý;

*Oanh cốc đổi thay kiều mộc cao.*

魚耀龍門三汲浪  
鶯遷花報一枝春

*Ngư diệu long môn tam cấp lăng;*

*Oanh thiên hoa báo nhất chi xuân.*

Cá vượt cửa rồng ba lần sóng;

*Oanh dài hoa báo một cành xuân.*

夏屋新遷鶯出谷  
春臺彩煥鳳棲梧

*Hạ ốc tân thiên oanh xuất cốc;*

*Xuân dài thái hoán phượng thê ngô.*

Hạ ốc đổi dời oanh khởi tổ;  
Xuân dài đẹp về phượng cành ngô.

勝地卜新居此日華堂來燕賀  
遷喬仍舊里他年泮水應蛟騰

*Thắng địa bốc tân cư, thử nhật hoa đường lai yến hạ;*  
*Thiên kiều nhường cựu lý, tha niên phán thủy ứng giao đăng.*

Thắng địa chọn tân cư, ngày nọ hoa đường khoe yến chúc<sup>1</sup>;  
Thiên kiều nguyên cựu lý, năm kia ao nước ứng giao đăng<sup>2</sup>.

筆動惊寒月

<sup>1</sup> *Yến chúc*: Chim yến chúc tụng.

<sup>2</sup> *Giao đăng*: Giao long nhảy vọt lên. Ý nói thời thái bình thịnh trị.

琴鳴送夕陽

Bút động kinh hàn nguyệt;  
Cầm minh tống tịch dương.

Động bút kinh trăng lạnh;  
Gẩy đàn tiễn chiều tà.

修業勤爲貴  
行文意必高

Tu nghiệp cần vì quý;  
Hành văn ý tất cao.

Tu nghiệp chăm là quý;  
Hành văn ý phải cao.

墨落蛇爭舞  
詩成鳥放歌

Mực lạc xà tranh vũ;  
Thi thành điểu phóng ca.

Mực rót rắn tranh múa;  
Thơ thành chim hót ca.

讀書必提要  
處事在通情

Đọc thư tất đề yếu;  
Xử sự tại thông tình.

Đọc sách nắm thiết yếu;  
Xử sự phải thông tình.

學貫天人際  
名爭日月光

*Học quán thiên nhân tế;  
Danh tranh nhật nguyệt quang.*

Học phân rõ trời người;  
Tên sáng cùng nhật nguyệt.

著書惊日短  
舞墨伴星稀

*Trước thư kinh nhật đoàn;  
Vũ mặc bạn tinh hy.*

Viết sách sợ ngày ngắn;  
Múa bút bạn sao khuya.

筆存金石氣  
墨有屋漏痕

*Bút tồn kim thạch khí;  
Mặc hữu ốc lậu ngắn.*

Bút còn hơi vàng đá;  
Mực có vết nước dột.

破壁群龍舞  
臨池玉鳳飛

*Phá bích quần long vũ;  
Lâm trì ngọc phượng phi.*

Phá vách bầy rồng múa;  
Đến ao ngọc phượng bay.

靜聞魚讀月  
笑對鳥談天

*Tĩnh văn ngư đọc nguyệt;*

*Tiểu đài diễu Đàm thiêng.*

Tinh nghe cá đọc trăng;  
Cười trước chim chuyện văn

槐 門 舊 蔭 豐 根 本  
芝 詰 新 恩 貴 壤 泉

*Học môn cựu ấm phong cǎn bàn;*  
*Chi cáo tân ân bí nhượng tuyỀn.*

Sân học bóng cũ nhờ gốc vững;  
Sắc điệp ân nay thâm cam tuyỀn.

安 貧 忘 歲 月  
救 拙 賴 詩 書

*An hàn vong tuế nguyệt;*  
*Cứu chuyết lại thi thư.*

Yên nghèo quên năm tháng;  
Chữa vụng nhờ học hành.

杜 門 閑 客 散  
開 卷 古 人 來

*Đỗ môn nhàn khách tán;*  
*Khai quyển cổ nhân lai.*

Đóng cửa khách rồi ít;  
Mở sách người xưa về.

看 劍 豪 生 膽  
讀 書 香 到 心

*Khán kiếm hào sinh dám;*  
*Đọc thư hương đáo tâm.*

Ngâm kiếm sinh can đảm;  
Đọc sách hương vào lòng.

吟 哥 出 新 意  
坦 率 見 真 情

*Ngâm nga xuất tàn ý;*  
*Thản suất kiến chân tình.*

Ngâm nga này ý mới;  
Thản nhiên thấy chân tình.

星 稀 長 練 劍  
夜 半 每 觀 書

*Tinh hy trường luyện kiếm;*  
*Đêm bán mỗi quan thư.*

Sao thưa mê luyện kiếm;  
Đêm khuya mở sách xem.

筆 端 通 造 化  
意 表 出 雲 霞

*Bút doan thông tạo hoá;*  
*Ý biểu xuất vân hà.*

Ngọn bút thông tạo hoá;  
Ý từ vượt ngàn hà.

翰 墨 惊 天 地  
詩 書 通 古 今

*Hàn mực kinh thiên địa;*  
*Thi thư thông cổ kim.*

Bút mực kinh trời đất;

Sách vở thông xưa nay.

潤豪看風舞  
和墨化龍飛

*Nhuận hào khán phượng vũ;  
Hoà mực hóa long phi.*

Bút hoạt như phượng múa;  
Mực trơn hóa rồng bay.

有書堆滿案  
惟德自成鄰

*Hữu thư đồi mǎn án;  
Duy đức tự thành lân.*

Có sách chất đầy án;  
Duy đức là xóm giềng.

落筆撼山岳  
成詩凌碧霄

*Lạc bút hám sơn nhạc;  
Thành thi lăng bích tiêu.*

Xuống bút động núi cao;  
Thơ thành lấn mây biếc.

詩從肺腑出  
心與水月清

*Thi tòng phế phủ xuất;  
Tâm dù thuỷ nguyệt thanh.*

Thơ từ gan ruột ra;  
Lòng với trăng nước sáng.

山光清眼界  
書味潤心田

*Sơn quang thanh nhãm giới;  
Thư vị nhuận tâm diền.*

Núi quang tầm mắt rộng;  
Mùi sách nhuận trong lòng.

忠厚傳家久  
詩書繼世長

*Trung hậu truyền gia cửu;  
Thi thư kế thế trường.*

Trung hậu nhà truyền mai;  
Thi thư đời nối dài.

立德齊今古  
藏書教子孫

*Lập đức tề kim cổ;  
Tàng thư giáo tử tôn.*

Lập đức đều xưa nay;  
Giữ sách dạy con cháu.

慧眼游書海  
平心論古人

*Tuệ nhãm du thư hải;  
Bình tâm luận cổ nhân.*

Mắt tuệ dạo biển sách;  
Bình tâm bàn người xưa.

苦讀千年史

## 笑吟万家詩

*Khổ độc thiên niên sử;  
Tiếu ngâm vạn gia thi.*

Khổ độc sử ngàn năm;  
Cười ngâm thơ vạn nhà.

詩思偏宜夜  
衰鬢更耐秋

*Thi tứt thiên nghi dạ;  
Suy mán cánh nai thu.*

Tứ thơ thường về tối;  
Tóc bạc bời buồn thu.

終身爭一息  
每事學三思

*Chung thân tranh nhát tức;  
Mỗi sự học tam tư.*

Trọn đời giành từng phút;  
Việc học nghĩ ba lần.

詩無入俗句  
胸有濟世心

*Thi vô nhập tục cú;  
Hung hưu tế thế tâm.*

Thơ không dùng câu tục;  
Bụng có nghĩ giúp đời.

無言先立意  
未嘯已生風

*Vô ngón tiên lập ý;*

*Vị khiếu dì sinh phong.*

Chưa nói ý trước lập;

Chưa cười gió đã sinh.

略翻書數則

便不愧三餐

*Lược phiên thư số tắc;*

*Tiện bất quý tam xan.*

Lược xem sách vài chương;

Không thẹn ăn ba bữa.

飽覽古今事

淺識南北情

*Bão lâm cổ kim sự;*

*Thiền thức nam bắc tình.*

Xem nhiều việc xưa nay;

Biết ít chuyện nam bắc.

水墨開奇境

絲桐發妙香

*Thuỷ mực khai kỳ cảnh;*

*Ty đồng phát diệu hương.*

Thuỷ mực vẽ cảnh lạ;

Tơ đồng tỏa hương thơm.

胸中藏宇宙

筆下走風雷

*Hung trung tàng vũ trụ;*

*Bút hạ tẩy phong lôi.*

Trong bụng chứa vũ trụ;  
Hạ bút nổi phong lôi.

雲山起翰墨  
星斗煥文章

*Vân sơn khởi hàn mực;*  
*Tinh đẩu hoán văn chương.*

Non mây gợi bút mực;  
Sao đầu rạng văn chương.

夜眠人靜后  
早起鳥啼先

*Dạ miên nhân tĩnh hậu;*  
*Tảo khởi diều đê tiên.*

Tối ngủ sau người tĩnh;  
Sớm dậy trước chim kêu.

醉歌田舍酒  
笑讀古人書

*Túy ca diền xá tửu;*  
*Tiểu độc cổ nhân thư.*

Rượu thôn dã say ca;  
Sách người xưa cưỡi đọc.

筆墨增情趣  
風雪煉精神

*Bút mực tăng tình thú;*  
*Phong tuyêt luyện tinh thần.*

Bút mực tăng hứng thú;  
Gió tuyết luyện tinh thần.

夜 靜 磨 殘 月  
吟 余 墓 落 花

*Dạ tĩnh ma tàn nguyệt;*  
*Ngâm dư truy lạc hoa.*

Đêm tĩnh mài tàn nguyệt;  
Ngâm xong rơi rụng hoa.

雨 過 琴 書 潤  
風 來 翰 墨 香

*Vũ quá cầm thư nhuân;*  
*Phong lai hàn măc hương.*

Mưa xuống ẩm sách đàn;  
Gió về thơm bút mực.

吟 竹 詩 含 翠  
畫 梅 筆 帶 香

*Ngâm trúc thi hàm thuy;*  
*Hoạ mai bút đói hương.*

Ngâm thơ trúc ngâm biếc;  
Bút vẽ mai có hương.

文 章 千 古 事  
風 雨 十 年 人

*Văn chương thiên cổ sự;*  
*Phong vũ thập niên nhân.*

Chuyện ngàn đời văn chương;

Người mười năm mưa gió.

典故探奥旨  
詩書挹余波

*Điển cố thám áo chỉ;*  
*Thi thư áp dư ba.*

*Điển tích ý sâu xa;*  
*Thi thư làn sóng gợn.*

放眼窮天地  
挑燈挹古今

*Phóng nhän cùng thiên địa;*  
*Khiêu dăng ấp cổ kim.*

*Dưa mắt khắp trời đất;*  
*Khêu đèn nhớ cổ kim.*

拙光勤問古  
敲竹苦吟詩

*Chuyết quang cần vấn cổ;*  
*Xao trúc khổ ngâm thi.*

*Chưa rõ cần hỏi cổ;*  
*Lay trúc gắng ngâm thơ.*

苦心追妙句  
秃筆寫新詩

*Khổ tâm truy diệu cú;*  
*Thốc bút tả tân thi.*

*Nhọc lòng tìm câu hay;*  
*Cùn bút viết thơ mới.*

詩聲惊曉月  
劍氣逐寒風

*Thi thanh kinh hiếu nguyệt;  
Kiếm khí trục hàn phong.*

Tiếng thơ kinh trăng thanh;  
Khí kiếm đuổi gió lạnh.

開卷群言雅  
擇豪六氣清

*Khai quyển quần ngôn nhã;  
Trạch hào lục khí thanh.*

Mở quyển mọi lời nhã;  
Chọn hào sáu khí thanh.

裁詩痴作骨  
剝紙苦爲刀

*Tài thi si tác cốt;  
Sát chi khổ vi dao.*

Sửa thơ dại là cốt;  
Cắt giấy khô là dao.

暇拈碑帖寫  
長起讀書聲

*Hạ niêm bì thiếp tả;  
Trường khơi đọc thư thanh.*

Rỗi đem thiếp ra viết;  
Tiếng đọc sách hằng quen.

長養浩然氣

靜觀無字書

(上八聯爲趙金光撰)

*Trường dưỡng hạo nhiên khí;*

*Tĩnh quan vô tự thư.*

(*Thượng bát liên vi Triệu Kim Quang soạn*).

Bên nuôi khí hạo nhiên;

Lặng xem sách không chữ.

(Tám câu đối trên do Triệu Kim Quang soạn)

以教人者教己  
在勞力上勞心

*Dĩ giáo nhân giả giáo kỷ;*

*Tai lao lực thượng lao tâm.*

Lấy điều dạy người dạy mình;  
Ở trên lao lực lao tâm.

未能一日寡過  
恨不十年讀書

*Vì nǎng nhát nhặt quả quá;*

*Hận bất thập niên độc thư.*

Chưa thể một ngày ít lỗi;  
Hận chẳng mười năm sách đèn.

求學將爲致用  
讀書貴在虛心

*Cầu học tương vi trí dụng;*

*Độc thư quý tại hư tâm.*

Cầu học cần cho thực dụng;

Đọc sách quý ở hư tâm.

雅言詩書執禮  
益友直諒多聞

*Nhã ngôn thi thư chấp lễ;  
Ích hữu trực lượng đa văn.*

Lời nhã thi thư giữ lễ;  
Bạn hay thẳng thắn nhiều nghe.

讀書心存遠志  
實踐悟出真知

*Đọc thư tâm tồn viễn chí;  
Thực tiễn ngộ xuất chân tri.*

Đọc sách lòng gửi chí xa;  
Thực tiễn nhận ra thấy đúng.

墨海千帆競發  
書林萬卉爭芳

*Mặc hải thiên phàm cạnh phát;  
Thư lâm vạn hủy tranh hương.*

Bể học ngàn buồm tranh gió;  
Sách rừng vạn cỏ đua hương.

風彩三秋明月  
文章萬里長江

*Phong thái tam thu minh nguyệt;  
Văn chương vạn lý trường giang.*

Phong thái ba thu trăng sáng;  
Văn chương vạn dặm sông dài.

挾風雲于翰墨  
羅經緯在心胸

*Hiệp phong vân ru hàn mặng;  
La kinh vĩ tại tâm hung.*

đưa mây gió vào bút mực;  
Sắp ngang dọc ở trong lòng.

竹雨松風琴韻  
茶煙梧月書聲

*Trúc vũ tùng phong cầm vân;  
Trà yên ngô nguyệt thư thanh.*

Mưa trúc, gió tùng, điệu đàn;  
Khói trà, trảng ngô, tiếng sách.

養心莫善寡欲  
至樂無如讀書

*Dưỡng tâm mạc thiện quả dục;  
Chí lạc vô như độc thư.*

Dưỡng tâm gì hơn ít dục;  
Tận vui đâu bằng đọc sách.

鳥欲高飛先振翅  
人求上進早讀書

*Điều dục cao phi tiên chấn sỉ;  
Nhân cầu thượng tiến tảo độc thư.*

Chim muốn bay cao trước vỗ cánh;  
Người cầu tiến bộ chăm sách đèn.

讀書常戒自欺處

## 勤者不可有閑時

*Đọc thư thường giải tự khi xú;  
Cần già bát khả hữu nhàn thời.*

Đọc sách thường rán tự xem thường;  
Người chăm không có lúc nhàn rỗi.

## 能勤德業惟良友 有益身心在讀書

*Năng cần đức nghiệp duy lương hưu;  
Hữu ích thân tâm tại đọc thư.*

Hay chăm nghiệp đức chí bạn hiền;  
Giúp ích thân tâm là đọc sách.

## 書法未心全師古 文章重在能通今

*Thư pháp vị tất toàn sư cổ;  
Văn chương trọng tại năng thông kim.*

Thư pháp chẳng nên toàn nệ cổ;  
Văn chương trọng ở hiểu đời nay.

## 黃卷催吾朝起早 青燈伴我夜眠遲

*Hoàng quyển thôi ngô triêu khòi tảo;  
Thanh đèn bạn ngã dạ miên tri.*

Sách vàng giục ta mau sớm dậy;  
Đèn xanh làm bạn lúc đêm khuya.

## 書窗夜深光射斗 墨池春暖筆生花

*Thư song dạ thâm quang xạ đầu;  
Mặc tri xuân noãn bút sinh hoa.*

Song thư đêm lặng ngời sao đầu;  
Nghiên mực trời xuân bút nở hoa.

書 到 精 絶 方 弄 險  
詩 窮 塞 滯 更 吟 豪

*Thư đáo tinh sắc phương lộng hiễm;  
Thi cùng kiển trệ cánh ngâm hào.*

Sách đến tuyệt tinh là lộng hiễm;  
Thơ sâu tâm sự mới ngâm hào.

吟 成 佳 句 花 皆 舞  
談 到 奇 書 興 欲 狂

*Ngâm thành giai cú hoa giai vũ;  
Đàm đáo kỳ thư hứng dục cuồng.*

Ngâm câu tuyệt diệu hoa đều múa;  
Bàn đến kỳ thư hứng muốn cuồng.

肝 膽 照 人 如 雪 色  
書 篇 摺 地 作 金 聲

*Can đảm chiếu nhân như tuyết sắc;  
Thư thiên trích địa tác kim thanh.*

Can đảm chiếu người như sắc tuyết;  
Sách rơi xuống đất này thanh vàng.

得 山 水 樂 在 怀 抱  
于 古 今 文 觀 异 同

*Đắc sơn thuỷ lạc tại hoài bão;*

*Vu cổ kim văn quan dì đồng.*

Hoài bão nước non mừng được chốn;  
Riêng chung kim cổ ở lời văn.

几上江湖書一卷  
窗前燈火夜三更

*Ký thương giang hồ thư nhất quyển;*  
*Song tiền dăng hoả dạ tam canh.*

Mòn ghế giang hồ sách một quyển;  
Trước song đèn thắp dù ba canh.

帘外五更風雨冷  
案頭三尺筆墨濃

*Liêm ngoại ngũ canh phong vũ lạnh;*  
*Án đầu tam xích bút mực nồng.*

Năm canh ngoài cửa gió mưa lạnh;  
Ba thước bàn cao bút mực nồng.

春庭草色和煙暖  
午夜書聲帶月寒

*Xuân đình thảo sắc hòa yên noãn;*  
*Ngọ da thư thanh đối nguyệt hàn.*

Sắc cổ đình xuân hòa hơi ấm;  
Tiếng ngâm đêm vắng lạnh vừng trăng.

千般月色硯遍過  
無限風光筆下生

*Thiên ban nguyệt sắc nghiền biên quá;*  
*Vô hạn phong quang bút hạ sinh.*

Ánh trăng lăm vẻ soi nghiên mực;  
Phong quang vô hạn bút khơi nguồn.

衣襟半染煙霞氣  
詩卷長留天地間

Y khâm bán nhiễm yèn hà khí;  
Thi quyển trường lưu thiên địa gian.

Áo manh vẫn đượm hơi mây khói;  
Thơ quyển còn lưu chốn thế gian.

燈火夜深書有味  
墨花晨湛字生光

Đèn hoả dạ thâm thư hữu vị;  
Mặc hoa thàn trạm tự sinh quang.

Đêm vắng đèn chong sách vẫn thơm;  
Sớm mai mực tốt chữ tươi nét.

窗含春色墨生艷  
筆吐豪情詩出新

Song hàm xuân sắc nặc sinh diệm;  
Bút thô hào tình thi xuất Tân.

Xuân về song cửa thêm tươi mực;  
Hứng trào lên bút mới vẫn thơ.

著書不向時流說  
得句難爲俗者知

Trước thư bất hương thời lưu thuyết;  
Đắc cú nan vi tục giả tri.

Sách viết chẳng theo thời uốn giọng;

Câu hay khó đẽ kẽ gàn hay.

無盡波濤歸學海  
長春花木在詞林

Vô tận ba trù quy học hải;  
Trường xuân hoa mộc tại từ lâm.

Về biển học biết bao sóng gió;  
Ở rừng từ xuân mãi có hoa.

雄詞脫手堅如鑄  
秀語生花粲欲飛

Hùng từ thoát thủ kiên như chú;  
Tù ngữ sinh hoa xán dục phi.

Lời hùng khôi bút cứng như đúc;  
Câu hay hoa nở hương muôn bay.

舊業尚存三徑草  
小窗獨對半床書

Cựu nghiệp thường tồn tam kính thảo;  
Tiểu song độc đối bán sàng thư.

Nghệp cũ còn đây ba luống cỏ;  
Bên song đứng trước nửa giường thư.

未須百事必如意  
且喜六時長見書

Vì tu bách sự tất như ý;  
Thả hỷ lục thời trường kiến thư.

Chưa mong trăm việc đều như ý;  
Những mừng sáu khắc sách hay xem.

花香獨愛密蜂采  
書徑還留勤者行

*Hoa hương độc ái mật phong thái;  
Thư kính hoàn lưu cần giả hành.*

Hoa hương chỉ quý con ong mật;  
Lối sách dành cho kẻ học chăm.

舊學商量加邃密  
新知培養轉深沉

*Cựu học thương lượng gia thuý mật;  
Tân tri bồi dưỡng chuyên thâm trầm.*

Học cũ xem ra đều sâu kín;  
Mới hay bồi dưỡng sẽ thâm trầm.

意趣橫生成巧對  
方圓合度是佳聯

*Ý thú hoành sinh thành xảo đối;  
Phương viên hợp độ thi gai liên.*

Ý thú nảy sinh thành đối khéo;  
Vuông tròn thích hợp được liên hay.

功精筆健出佳作  
意興力勤生妙篇

*Công tinh bút kiện xuất gai tác;  
Ý hứng lực cần sinh diệu thiên.*

Công tinh, bút khoẻ, tác phẩm tốt;  
Ý hứng, sức chăm, sách mới hay.

平生慣若干秋氣

兩手勤澆萬木春

*Binh sinh quán nhā thiên thu khí;  
Lưỡng thủ cẩn kiêu vạn mộc xuân.*

Bình sinh tiếp thụ ngàn năm khí,  
Đôi tay chăm tưới vạn cây xanh.

竹里書聲來隔院  
松間棋韻靜虛窗

*Trúc lý thư thanh lai cách viện;  
Tùng gian kỳ vận tĩnh hư song.*

Ngõ trúc, tiếng ngâm, từ viện cạnh;  
Vườn tùng, cờ mải, vắng song ngoài.

學海無涯須縱艇  
駒光過隙不留蹤

*Học hải vô nhai tu túng dĩnh;  
Cầu quang quá khích bất lưu tung.*

Biển học không bờ thuyền nên lồng;  
Bóng cầu qua cửa dấu không còn.

學問多自虛心得  
風物長宜放眼量

*Học vấn đa tự hư tâm đắc;  
Phong vật trường nghi phóng nhãn lượng.*

Học vấn thường do lỏng được;  
Phong vật nên hay rộng mắt xem.

才如湖海文方偉  
腹有詩書氣自華

*Tài như hổ hài văn phuong vi;  
Phúc hữu thi thư khí tự hoa.*

*Tài như sòng biển văn chương lớn;  
Bụng chứa văn chương khí vữ cao.*

任事者必以實學  
謹言人每有奇文

*Niệm sự già tất dĩ thực học;  
Cẩn ngôn nhân mỗi hữu kỳ văn.*

Kể nhận việc phải giàu thực học;  
Người cẩn ngôn đều có kỲ văn.

藤根揀就充書架  
蕉葉斜分作硯田

*Đăng cẩn nhu tựu sung thư giá;  
Tiêu diệp tà phân tác nghiên diễn.*

Rẽ đăng mềm mại đưa lên giá;  
Lá chuối chia nghiêng để viết thư.

博學深思增智慧  
更新除舊見精神

*Bác học thâm tư tăng trí tuệ;  
Canh tân trừ cũu kiến tinh thần.*

Học rộng nghĩ sâu tăng trí tuệ;  
Mới thay cũ bỏ dụng tinh thần.

紙上讀來終覺淺  
心中悟出始知深

*Chỉ thường đọc lại chung giác thiển;*

*Tâm trung ngộ xuất thuỷ tri thâm.*

Trang sách đọc xong hay biết cạn;  
Trong lòng chợt hiểu mới hay sâu.

庸行虛己長尋竹  
篤志吞書苦伴燈

*Dung hành hủ kỷ trường tầm trúc;*  
*Đọc chí thôn thư khó bạn đặng.*

Vụng làm, ruột rỗng, lo tìm trúc;  
Quyết chí, nhồi văn, bạn với đèn.

名花照眼春光滿  
奇句天開妙論高

*Danh hoa chiếu nhän xuân quang mǎn;*  
*Kỳ cú thiên khai diệu luận cao.*

Ngắm bông hoa đẹp xuân tươi vè;  
Câu lạ trời ban nghị luận cao.

風月一庭爲良友  
詩書半榻是嚴師

*Phong nguyệt nhát đình vi lương hữu;*  
*Thi thư bán榻 thị nghiêm sư.*

Trăng gió một sân là bạn tốt;  
Thi thư nửa bục đầy thày nghiêm.

法取蘭亭存氣韻  
書隨時代見精神

*Pháp thủ lan đình tồn khí vận;*  
*Thư tuỳ thời đại kiến tinh thần.*

Pháp chọn lan đình còn khí vận;  
Thư theo thời đại rõ tinh thần.

洗硯春波臨晉帖  
焚香夜雨和陶詩

Tẩy nghiên xuân ba lâm Tán thiếp;  
Phản hương dạ vũ hoạ Đào thi.

Rửa mực sóng xuân vương thiếp Tân;  
Thắp hương mưa tối hoạ thơ Đào.

追摹古人得雅趣  
奇生新意逸高情

Truy mô cổ nhân đặc nhã thúc;  
Kỳ sinh tân ý dật cao tình.

Mô phỏng người xưa theo thú nhã;  
May ra tâm ý có tình cao.

窗臨水曲琴書潤  
人讀花間字句香

Song lâm thủy khúc cầm thư nhuận;  
Nhân đọc hoa gian tự cú hương.

Song bên dòng nước thơ đàn đậm;  
Nhàn đọc bên hoa câu chữ thơm.

共窮詩思窗前草  
不了功夫架上書

Vô cùng thi tứ song tiên thảo;  
Bất liêu công phu giá thương thư.

Tứ thơ vô hạn bên song cỏ;

Công sức chẳng bù giá sách dày.

畫本紛披來野意  
文辭古怪亦天真

*Hoạ bản phán phi lai dã ý;  
Văn từ cổ quái diệc thiên chán.*

Bản vẽ rối ren do ý phác;  
Lời văn cổ quái bởi tính trời.

愛敬古梅如宿士  
發揮春色有新詩

*Ái kính cổ mai như tú sỹ;  
Phát huy xuân sắc hữu tân thi.*

Yêu gốc mai già như tú sỹ;  
Nâng cao xuân sắc mới để thơ.

悅心不厭無名畫  
養性唯收有用書

*Duyệt tâm bất yêm vô danh họa;  
Dưỡng tính duy thu hữu dụng thư.  
Bức vẽ dở không gây khó chịu;  
Tìm sách hay xem để thoả lòng.*

小苑詩風籠翠墨  
怡亭筆興拜青藤

*Tiểu uyển thi phong lung thuỷ mực;  
Di đình bút hứng bái thanh đằng.*

Gió lạnh qua vườn đồng mực viết;  
Đình chơi hứng bút vái dây xanh.

無數雲山供點筆  
且將墨竹換新詩

Vô số vân sơn cung điểm bút;  
Thá tương măc trúc hoán tân thi.

Mây núi có nhiều cho bút tả;  
Trúc biếc dành riêng để viết thơ.

文泉如流水山峽  
心鏡似皓月當空

Văn tuyển như lưu thủy xuất hiệp;  
Tâm kính tự hào nguyệt đương không.

Mạch văn như nguồn suối tuôn trào;  
Lòng sáng tựa trăng trong lơ lửng.

風月一天詩酒料  
文章千古性靈花

Phong nguyệt nhất thiên thi tút liệu;  
Văn chương thiên cổ tính linh hoa.

Trăng gió một trời thơ rượu săn;  
Văn chương muôn thuở vốn hồn hoa..

心觸清机親翰墨  
目游潤景足精神

Tâm xúc thanh cơ thân hàn măc;  
Mục du nhuận cảnh túc tinh thần.

Lòng gặp cơ may thán bút mục;  
Mắt vui cảnh đẹp sáng tinh thần.

京圻破壁歌天順

## 學海行舟賴眼新

*Kinh kỳ phá bích ca thiền thuận;  
Học hải hành chu lại nhân tâm.*

Kinh thành phá vách ca trời thuận;  
Biển học thuyền chơi mắt mới ra.

## 立志不隨流俗轉 留心學到古人難

*Lập chí bất tuỳ lưu tục chuyên;  
Lưu tâm học đáo cổ nhân nan.*

Thói quen thay đổi, chí không rời;  
Người xưa chưa hiểu, học được biết.

## 立志須知三古盛 爲書自起一家言

*Lập chí tu tri tam cổ thịnh;  
Vi thư tự khởi nhất gia ngôn.*

Lập chí nên hay tam cổ<sup>1</sup> thịnh;  
Sách làm phải biết nhất gia ngôn<sup>2</sup>.

## 無窮歲月忙中樂 有味詩書苦后甜

*Vô cùng tuế nguyệt mang trung lạc;  
Hữu vị thi thư khổ hậu diễm.*

<sup>1</sup> *Tam cổ*: Ba vị thánh hiền Trung Quốc thời cổ đại là Phục Hy, Văn Vương, Khổng Tử.

<sup>2</sup> *Nhất gia ngôn*: Tên một tác phẩm cổ đại của Trung Quốc có tính tập hợp các giá trị văn hóa.

Năm tháng vô cùng, vui có việc;  
Thi thư có vị, đắng rồi cam.

詩 篇 樂 處 風 雲 動  
筆 力 停 時 造 化 閑

*Thi thiên lạc xứ phong vân động;*  
*Bút lực định thời tạo hoá nhàn.*

Vân thơ rơi xuống gió mây nổi;  
Ngọn bút khi dừng tạo hoá nhàn.

友 如 作 畫 須 求 淡  
文 似 看 山 不 喜 平

*Hữu như tác họa tu cầu đậm;*  
*Văn tự khán sơn bất hỷ bình.*

Bạn theo nghề vẽ nên màu nhạt;  
Văn tựa non cao chẳng chuộng bằng.

直 諒 喜 來 三 徑 月  
縱 橫 富 有 百 城 書

*Trực lượng hỷ lai tam kính nguyệt;*  
*Tung hoành phú hữu bách thành thư.*

Thẳng thắn vui cùng ba lối nguyệt;  
Tung hoành giàu có sách trăm thành.

隨 時 盡 豈 古 今 事  
盡 日 放 怀 天 地 間

*Tuỳ thời tận lục cổ kim sự;*  
*Tận nhật phóng hoài thiên địa gian.*

Tuỳ thời chép hết việc xưa nay;

Hết ngày rong chơi trong trời đất.

貧 舍 不 嫌 居 陋 巷  
著 書 獨 喜 在 名 山

Bản xá bát hiềm cư lâu hạng;  
Trước thư độc hỷ tại danh sơn.

Nhà khó hiềm chỉ ở xóm nghèo;  
Viết sách riêng mừng nơi núi đẹp.

古 人 學 問 無 遺 力  
少 壯 功 夫 老 始 成

Cố nhân học vấn vô di lực;  
Thiếu tráng công phu lão thuỷ thành.

Người xưa học hỏi không còn sức;  
Trai trẻ dày công già mới thành.

書 味 最 長 宜 細 索  
硯 田 勤 种 勿 抛 荒

Thư vị tôi trường nghi tết sách;  
Nghiễn điền cần chủng vật phao hoang.

Vị sách rất dài nên sáng tỏ;  
Ruộng nghiên cần cấy chờ bỏ hoang.

刻 意 為 文 宜 善 變  
平 情 應 物 不 須 雕

Khắc ý vi văn nghị thiên biến;  
Bình tình ứng vật bất tu diêu.

Khắc ý làm văn, nên khéo đổi;  
Đem tình ứng vật, chạm không cần.

寶劍鋒從磨礪出  
梅花香自苦寒來

Bảo kiếm phong tòng ma lè xuất;  
Mai hoa hương tự khổ hàn lai.

Bảo kiém nhè mài nên mới nhẹn;  
Hoa mai chịu rét toả mùi thơm.

文能換骨無余法  
學到尋源自不疑

Văn năng hoán cốt vô dư pháp;  
Học đáo tâm nguyên tự bất nghi.

Văn thay xương cốt không thừa phép;  
Học đến cội nguồn tự hết ngà.

久病始知求藥誤  
衰年方悔讀書遲

Cửu bệnh thuỷ tri cầu được ngộ;  
Suy niên phương hối độc thư trì.

Lâu bệnh mới hay nhầm thuốc chữa;  
Tuổi già thấy hối muộn thì thư.

書似青山皆亂疊  
燈如紅豆最相思

Thư tự thanh sơn gai loạn diệp;  
Đèn như hồng đậu tối tương tư.

Sách tựa non xanh chằng chát lấm;  
Đèn như đậu đỏ nghĩ suy nhiều.

不因果報方行善

豈爲功名始讀書

Bất nhân quả báo phương hành thiện;  
Khởi vị công danh thuỷ độc thư.

Chẳng e quả báo mà làm thiện;  
Há vị công danh mới học hành.

敢爲天下大難事  
願讀人間未見書

Cần vi thiên hạ đại nan sự;  
Nguyễn độc nhân gian vị kiến thư.

Dám làm việc khó lớn thiên hạ;  
Mong đọc sách chưa thấy nhân gian.

筆老詩新疑有物  
水清石瘦亦能奇

Bút lão thi tân nghi hữu vật;  
Thủy thạch thạch sáu diệc năng kỳ.

Bút già thơ mới e sinh chuyện;  
Nước trong mòn đá củng kỳ thay.

古木自繞龍虎氣  
文章欲振鳳鸞聲

Cổ mộc tự nhiễu long hổ khí;  
Văn chương dục chấn phượng loan thanh.

Cây cổ như vờn long hổ khí;  
Văn chương muốn dậy phượng loan thanh.

倦眼苦追窮瀚海  
柔毫磅礴寫長天

*Quyển nhän khổ truy cÙng hän hải;  
Nhu hào bàng bạc tà trường thiên.*

*Giương mắt cổ theo cÙng hän hải;  
Bút lông man mác tả trời xanh.*

勤能補拙才偏敏  
廉不沽名品益高

*Cân nǎng bổ chuyết tài thiên mẫn;  
Liêm bất cõ danh phẩm ích cao.*

*Thâm hay bù vụng tài hay nhạy;  
Liêm chẳng mua danh phẩm áy cao.*

平生獨以文字樂  
此日倏然水竹居

*Binh sinh độc dĩ văn tự lạc;  
Thủ nhật thõc nhiên thủy trúc cư.*

*Bình sinh chỉ lấy văn vui thú;  
Ngày áy nào hay thủy trúc gần.*

雖雲智慧生靈府  
更須功夫在筆端

*Tuy vân trí tuệ sinh linh phủ;  
Cánh tu công phu tại bút doan.*

*Dẫu hay trí tuệ qua trang sách;  
Văn phải siêng năng việc học hành.*

事要研求皆學問  
言堪持贈即文章

*Sự yêu nghiên cầu giải học vấn;*

*Ngôn kham tri tăng tức văn chương.*

Việc cần nghiên cứu, là học hỏi;  
Lời nói tăng người, ấy văn chương.

讀書身健即爲福  
种樹花開亦是緣

*Đọc thư thân kiện tức vi phúc;*  
*Chủng thụ hoa khai diệc thị duyên.*

Đọc sách mạnh người, âu cũng phúc;  
Trồng cây hoa nở, ấy là duyên.

求賢急似渴思飲  
治學猶如蝶戀花

*Cầu hiền gấp tự khát muốn uống;*  
*Tri học do như điệp luyến hoa.*

Cầu hiền gấp tựa khát muốn uống;  
Lo học coi như bướm luyến hoa.

精神到處文章老  
學問深時意氣平

*Tinh thần đáo xú văn chương lão;*  
*Học vấn thâm thời ý khí bình.*

Tinh thần đến độ văn chương lão;  
Học vấn khi sâu ý khí bình.

立品宜思真俊杰  
讀書須下苦功夫

*Lập phẩm nghĩ tư chân tuấn kiệt;*  
*Đọc thư tu hơ khổ công phu.*

Lập chí biết suy là tuán kiệt;  
Học hành nên gắng hết công phu.

只有觀書堪遺慮  
應須守道勿羞貧

*Chỉ hữu quan thư khâm khiêm lự;*  
*Ung tu thủ đạo vặt tu bần.*

Bởi chăm đọc sách, nên hay nghĩ;  
Phải nên giữ đạo, chứ thẹn nghèo.

好書不慶看還讀  
益友何妨去復來

*Hảo thư bất khinh khan hoàn đọc;*  
*Ích hữu hà phươngh khử phục lai.*

Sách hay không chán xem và đọc;  
Giúp bạn lo gì đến với đi.

時日莫教平白過  
師業當從遠奧承

*Thời nhật mạc giao bình bạch quá;*  
*Sư nghiệp đítong tòng viễn áo thừa.*

Thời gian chớ để trôi hờ hững;  
Sự nghiệp sao cho tiếp nối dài.

好學滌思能知其意  
反本修古不忘其初

*Hiểu học dịch tư nǎng tri kỳ ý;*  
*Phản bản tu cổ bát phong kỳ sơ.*

Chịu học chịu nghĩ nắm được ý nghĩa;

Nhớ gốc nhớ nguồn không quên ban đầu.

爲善讀書得安樂法  
澆花種竹生歡喜心

*Vi thiện đọc thư đặc an lạc pháp;  
Kiêu hoa chủng trúc sinh hoan hỷ tâm.*

Làm thiện đọc sách sẽ được yên vui;  
Tưới hoa trồng trúc trong lòng hoan hỷ.

登黃鶴樓讀亦壁賦  
磨青鐵硯歌白雲詩

*Đăng Hoàng Hạc lâu đọc diệc Bích phú;  
Ma thanh thiết nghiên ca Bạch Vân thi.*

Lên lâu Hoàng Hạc đọc phú Xích Bích;  
Mài nghiên đá xanh ca thơ Bạch Vân.

山水幽深襟懷妙遠  
讀書夙好心氣和平

*Sơn thuỷ u thẳm khâm hoài diệu viễn;  
Đọc thư túc hảo tâm khí hòa bình.*

Non nước u thẳm lòng vương xa thẳm;  
Đọc sách nghiêm túc tâm được yên bình.

破千重關心懷天下  
讀萬卷書志在四方

*Phá thiên trùng quan tâm hoài thiên hạ;  
Đọc vạn quyển thư chí tại tứ phương.*

Phá ngàn trùng quan, nghĩ về thiên hạ;  
Đọc vạn quyển sách, chí ở bốn phương.

性道在文章深造自得  
廉平稱治績遺愛無窮

*Tính đạo tại văn chương thâm tạo tự đắc;  
Liêm bình xứng trị tục di ái vô cùng.*

Tính hiện ở văn chương, sâu sắc mới được;  
Liêm bình là phép trị, yêu mến vô cùng.

几百年舊家無非積德  
第一等好事還是讀書

*Kỷ bách niên cựu gia vô phi tích đức;  
Đệ nhất đẳng hảo sự hoàn thi đọc thư.*

Nhà cũ mấy trăm năm, vẫn lo tích đức;  
Được việc loại số một, đọc sách do châm.

學如逆水行舟不進則退  
心似平原走馬易放難收

*Học như nghịch thuỷ hành chu bất tiến tắc thoái;  
Tâm tự bình nguyên tẩu mã dị phong nan thu.*

Học như chèo thuyền ngược nước, không tiến thì lùi;  
Lòng tựa ngựa chạy đồng bằng, dễ thả khó bắt.

開卷有益知識就是力量  
自強不息光陰貴千黃金

*Khai quyển hữu ích tri thức tựu thị lực lượng;  
Tự cường bất tức quang âm quý vu hoàng kim.*

Mở sách có ích, tri thức cũng là lực lượng;  
Tự cường chẳng nghỉ, thời gian quý tựa hoàng kim.

積玉積金不如讀書教子

寬田寬地莫若寬量待人

*Tích ngọc tích kim bát như đọc thư giáo tử;  
Khoan diền khoan địa mạc nhược khoan lượng dãi nhân.*

Tích ngọc tích vàng chẳng như đọc sách dạy con;  
Rộng ruộng rộng ao không bằng rộng bụng với người.

與善人交如入芝蘭之室  
從良師學幸登桃李之門

*Dữ thiện nhân giao như nhập chi lan chi thất;  
Tòng lương sư học hạnh đăng đào lý chi môn.*

Chơi với người tốt, như vào nhà có chi lan;  
Theo học thầy hay, may vào cửa trông đào mận.

學貴有恒切莫半途而廢  
才須積累休忘一簣之功

*Học quý hữu hăng thiết mạc bán đỗ nhi phế;  
Tài tu tích luỹ hữu vong nhất quý chí công.*

Học quý thường xuyên, chó có giữa đường lại bỏ;  
Tài cần tích luỹ, đừng quên từng chút công lao.

讀萬卷書還須行萬里路  
享百年壽何如作百世師

*Đọc vạn quyển thư hoàn tu hành vạn lý lô;  
Hưởng bách niên thọ hà như tác bách thế sư.*

Đọc sách vạn quyển, vẫn phải đường dài vạn dặn;  
Hưởng thọ trăm năm, nghĩ sao làm thầy trăm đời.

丈夫當死中國生禍中求福  
古人有困而修德窮而著書

*Trương phu đương tử trung đồ sinh hoạ trung cầu phúc;  
Cố nhân hữu khốn nhi tu đức cùng nhỉ trước thư.*

*Trương phu trong chô chét tìm sống, cầu phúc trong hoạ;  
Cố nhân gấp khốn mà tu đức, viết sách lúc cùng.*

春亦多情鳥向枝頭推筆意  
人皆得意梅從窗外放詩懷

*Xuân cũng đa tình, chim hướng đầu cành giục ý bút;  
Nhân giai đắc ý mai tòng song ngoại phóng thi hoài.*

*Xuân cũng đa tình, chim hướng đầu cành giục ý bút;  
Người mà đắc ý, mai ngoài cửa sổ thả hồn tha.*

讀古人書須處地設身一想  
論天下事要揆情度理三思

*Đọc cổ nhân thư tu xử địa thiết thân nhất tưởng;  
Luận thiên hạ sự yêu quỳ tình đồ lý tam tư.*

*Đọc sách người xưa, chỗ cư xử tự mình phải nghĩ;  
Bàn việc thiên hạ, nơi xét tình ngâm ngợi ba lần.*

咬定几句有用書可以充飢  
養成數竿新生竹直似儿孫

*Giao định kỷ cũ hữu dụng thư khả dĩ sung cơ;  
Dứt đồng thành số can tân sinh trúc trực tự nhì tôn.*

*Chọn được vài câu sách dùng được, có thể no lòng;  
Vun xới mấy hàng trúc mới mọc, cũng như cháu con.*

天下奇觀看盡不如書卷好  
世間滋味嘗來無過菜根香

*Thiên hạ kỳ quan khan tận bất như thư quyển hảo;*

*Thế gian tư vị thường lai vô quá thải cǎn hương.*

Xem đủ kỳ quan thiên hạ, chẳng bằng đọc sách hay;  
Từng nếm vị lạ thế gian, chẳng qua hương rau cỏ.

何物動人二月杏花八月桂  
有誰催我三更燈火五更雞

*Hà vật động nhân nhị nguyệt hạnh hoa bát nguyệt quế;*  
*Hữu thuỷ thời ngã tam canh đặng hoả ngũ canh kê.*

Vật gì nhắc mình, tháng hai mồng nở tháng tám quế;  
Ai đó giục ta, canh ba đèn thắp canh năm gà.

貴有恒何必三更眠五更起  
最無益莫過一日暴十日寒

*Quý hữu hằng hà tất tam canh miên ngũ canh khởi;*  
*Tôi vô ích mặc quá nhất nhật bạo thập nhật hàn.*

Cũng quý đáy, việc gì canh ba nǎm canh nǎm dậy;  
Thật vô ích, chẳng qua một ngày nóng mười ngày lạnh.

長觀皓月  
靜讀天書

*Trường quan hao nguyệt;*  
*Tĩnh đọc thiên thư.*

Ngắm nhìn trăng sáng;  
Lặng đọc sách trời.

三思方舉步  
百折不回頭

*Tam tư phương cử bộ;*  
*Bách chiết bất hồi đầu.*

Ba lần nghĩ mới bước;  
Trăm lần gãy chẳng ngoái.

有容德乃大  
無私心自安

*Hữu dung đức nãi đại;*  
*Vô tư tâm tự an.*

Khoan dung đúc sẽ lớn;  
Vô tư lòng tự yên.

高懷見物理  
和氣得天真

*Cao hoài kiến vật lý;*  
*Hoà khí đắc thiên chân.*

Nghĩ cao thấy lý vật;  
Ôn hòa được tính trời.

气平更事久  
心曠得春多

*Khí bình cánh sự cừu;*  
*Tâm khoáng đắc xuân đa.*

Khí bình làm việc lâu;  
Lòng thoáng thấy vui nhiều.

清思抱明月  
高懷對古松

*Thanh tư bao minh nguyệt;*  
*Cao hoài đối cổ tùng.*

Lòng trong trùm trăng sáng;

Mong cao sánh tùng già.

寧 靜 而 致 遠  
澹 泊 以 清 心

*Ninh tĩnh nhì chí viễn;  
Đạm bạc dĩ thanh tâm.*

Nên tĩnh mà nghỉ xa;  
Đạm bạc để thanh tâm.

讓 人 非 我 弱  
得 志 莫 离 群

*Nhuường nhân phi ngã nhược;  
Đắc chí mạc ly quần.*

Nhuường người ta không yếu;  
Đắc chí chớ bỏ bầy.

高 懷 同 齋 月  
雅 量 沽 春 風

*Cao hoài đồng tệ nguyệt;  
Nhã lượng hiệp xuân phong.*

Mong được vui cùng trăng;  
Tạo nhã tựa gió xuân.

有 志 肝 膽 壯  
無 私 天 地 寬

*Hữu chí can đảm tráng;  
Vô tư thiên địa khoan.*

Có chí giàu can đảm;  
Vô tư rộng đất trời.

慷慨丈夫志  
鐵石豪杰心

*Khảng khái trượng phu chí;  
Thiết thạch hào kiệt tâm.*

*Khảng khái chí trượng phu;  
Sắt đá tâm hào kiệt.*

疾風知勁草  
烈火見真金

*Tát phong tri kính thảo;  
Liệt hoả kiến chân kim.*

*Gió dữ biết cỏ cứng;  
Lửa cao hay vàng thật.*

名利淡如水  
事業重于山

*Danh lợi đậm như thuỷ;  
Sự nghiệp trọng vu sơn.*

*Danh lợi nhạt như nước;  
Sự nghiệp nặng tựa non.*

虛心效竹節  
人品似蘭馨

*Hư tâm hiếu trúc tiết;  
Nhân phẩm tự lan hinh.*

*Lòng rỗng nhu tiết trúc;  
Nhân phẩm tựa lan thơm.*

攀山將勵志

瞰海能忘慢

*Phan sơn tương lê chí;  
Hám hải năng vong ưu.*

Vịn núi khích lệ chí;  
Ngó biển hay quên lo.

性天期活潑  
心地尚光明

*Tính thiên kỳ hoạt bát;  
Tâm địa thượng quang minh.*

Tính trời ưa hoạt bát;  
Lòng đất chuộng quang minh.

竹因虛受益  
松以靜延年

*Trúc nhân hư thụ ích;  
Tùng dì tĩnh diên niên.*

Trúc nhè rỗng có ích;  
Tùng láy tĩnh sống lâu.

心寬忘地窄  
野曠覺天低

*Tâm khoan vong dia trách;  
Dã khoáng giác thiên đê.*

Lòng khoan quên hẹp đất;  
Nội thoảng biết thấp trời.

絕苟且之友  
懷檢點之心

*Tuyệt cầu thà chí hữu;  
Hoài kiểm điểm chí tâm.*

Bạn cầu thà, tuyệt giao;  
Tự xét mình, luôn nhớ.

路遙知馬力  
事久見人心

*Lộ dao tri mã lực;  
Sự cừu kiến nhân tâm.*

Đường dài hay sức ngựa;  
Việc lâu biết lòng người.

立意求清遠  
平心對懵賢

*Lập ý cầu thanh viễn;  
Bình tâm đối mông hiền.*

Lập ý cần sâu sắc;  
Bình tâm trước ngu hiền.

清机發妙理  
高步超常倫

*Thanh cơ phát diệu lý;  
Cao bộ siêu thường luân.*

Thời cơ sinh diệu lý;  
Cao bước trên luân thường.

白眼觀天下  
丹心報國家

*Bạch nhän quan thiên hạ;  
Đan tim báo quốc gia.*

*Đan tâm báo quoc gta.*

Mắt trắng nhìn thiên hạ;  
Lòng son báo nước nhà.

不 眖 威 益 重  
無 私 功 自 高

*Bát cảng uy ích trọng;*  
*Vô tư công tự cao.*

Không kiêu uy càng lớn;  
Vô tư công tự cao.

閱 歷 知 書 味  
艱 難 識 世 情

*Duyệt lịch tri thư vị;*  
*Gian nan thức thế tình.*

Từng trải biết vị sách;  
Gian nan biết tình đời.

生 當 作 人 杰  
死 亦 爲 鬼 雄

*Sinh đương tác nhân kiệt;*  
*Tử diệt vi quỷ hùng.*

Sống làm người hào kiệt;  
Chết cũng là quỷ hùng.

平 心 嘗 世 味  
含 笑 看 人 生

*Bình tâm thường thế vị;*  
*Hàm tiếu khán nhân sinh.*

Bình tâm nếm thế vị;  
Cười mỉm xem nhân sinh.

風從天幕出  
雨過地清新

*Phong tòng thiên mạc xuát;*  
*Vũ quá địa thanh tân.*

Gió từ rèm trời ra;  
Mưa qua đất tươi mới.

有心作奉獻  
無意寫雄篇

*Hữu tâm tác phụng hiến;*  
*Vô ý tả hùng thiên.*

Có lòng làm dâng hiến;  
Vô ý viết thiên hùng.

今日追先烈  
未來屬后昆

*Kim nhật truy tiên liệt;*  
*Vị lai thuộc hậu con.*

Ngày nay nhớ tiên liệt;  
Tương lai thuộc cháu con.

胸懷千里志  
腳踏萬重山

*Hung hoài thiên lý chí;*  
*Cước đạp vạn trùng san.*

Lòng mang chí ngàn dặm;

Chân đạp vạn trùng non.

心懸明鏡里  
眼放碧天中

*Tâm huyền minh kính lý;  
Nhân phóng bích thiên trung.*

Tâm gương sáng treo cao;  
Mắt trời xanh bao quát.

心清何懼鬼  
氣順不隨仙

*Tâm thanh hà cu quy;  
Khí thuận bất tùy tiên.*

Tâm sáng sợ gì quý;  
Khí thuận chẳng cần tiên.

勁舞春心健  
長歌濁氣清

*Kinh vũ xuân tâm kiện;  
Trường ca trọc khí thanh.*

Mưa lớn lòng xuân mạnh;  
Trường ca trọc khí thanh.

寄意詩書外  
行舟世事間

*Ký ý thi thư ngoại;  
Hành chu thế sự gian.*

Gửi ý ngoài thi thư;  
Cưỡi thuyền xem thế sự.

以讀書爲樂  
求靜修至賢

*Dĩ đọc thư vi lạc;  
Cầu tĩnh tu chí hiền.*

Lấy đọc sách làm vui;  
Cầu tĩnh sửa đến tốt.

靜思明事理  
誠朴貫人生

*Tĩnh tư minh sự lý;  
Thành phác quán nhân sinh.*

Tĩnh suy rõ sự việc;  
Chất phác thấu nhân sinh.

留心千古事  
放眼九天雲

*Lưu tâm thiên cổ sự;  
Phóng nhãn ciửu thiên vân.*

Lưu tâm việc muôn thuở;  
Đưa mắt chín tầng mây.

長河歌浩蕩  
滄海傲襟懷

*Trường hà ca hạo đang;  
Thương hải ngạo khâm hoài.*

Sông dài ca rộng lớn;  
Biển xanh ngạo trong lòng.

曠野長驅馬

## 高山母放歌

*Khoảng dã trường khu mā;  
Cao sơn mồi phóng ca.*

Đồng rộng lo ruồi ngựa;  
Núi cao thoả hát ca.

## 笑眼迎嘉客 高心讀史書

*Tiểu nhän nghenh gia khách;  
Cao tâm đọc sử thư.*

Mắt cười đón khách quý;  
Lòng cao đọc sử thư.

## 秋清天遠大 水靜月分明

*Thu thanh thiên viễn đại;  
Thuỷ tĩnh nguyệt phân minh.*

Trời thu xanh cao rộng;  
Nước lặng trăng sáng ngời.

## 長思三老意 自起一家言

*Trưởng tư tam lão ý;  
Tự khởi nhất gia ngôn.*

Mãi nghĩ tam lão<sup>1</sup> ý;  
Nên ở nhất gia ngôn<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> *Tam lão*: Thượng thọ, trung thọ, hạ thọ.

<sup>2</sup> *Nhất gia ngôn*: Tên một tác phẩm mang tính tập hợp.

望日气浩蕩  
省身心坦然

*Vọng nhật khí hao dăng;  
Tỉnh thân tâm thản nhiên.*

*Ngày rằm trời quang dăng;  
Sửa mình lòng thản nhiên.*

烹茶邀上客  
种竹挹高风

*Phanh trà yêu thương khách;  
Chủng trúc áp cao phong.*

*Pha trà mời khách quý;  
Trồng trúc phong cảnh cao.*

懷中盈日月  
眼底是乾坤

*Hoài trung doanh nhật nguyệt;  
Nhân đế thị càn khôn.*

*Trong lòng đầy nhật nguyệt;  
Đáy mắt dù càn khôn.*

魂牽墨苑追神韻  
道系柴門逐俗聲

*Hồn khiên mặc uyển truy thần vận;  
Đạo hệ sài môn trục tục thanh.*

*Vườn mực dẫn hồn theo vận lị;  
Cửa sài đưa đạo đuối lời thô.*

書香臥榻甘詩夢

雪煮清茶洗俗腸

*Thú hương ngoạ tháp cam thi mộng;  
Tuyết chử thanh trà tẩy tục thường.*

Hương sách giường nằm thơ mộng đẹp;  
Tuyết nấu trà thơm rửa ruột thô.

聊惜墨耕怡倦眼  
且將文浪賦新詩

*Liêu tích mặc canh dì quyện nhǎn;  
Thả tương văn lăng phú tân thi.*

Ruộng mực tạm cày thư mắt mỏi;  
Sóng văn dành để viết tân thi.

几個清詞聯妙語  
一杯白水伴奇書

*Ký cá thanh từ liên diệu ngữ;  
Nhất bôi bạch thuỷ bạn kỳ thư.*

Vài từ thanh nhã nên câu đối;  
Một chung nước trắng bạn sách kỳ.

曉月闊移三尺劍  
孤燈苦對五更書

*Hiểu nguyệt nhàn di tam xích kiếm;  
Cô đèn khổ đối ngũ ngũ canh thư.*

Trăng sáng đeo chơi kiếm ba thước;  
Chiếu đèn mỏi đọc sách năm canh.

文思苦撓兩鬢雪  
筆意欣盈三月花

*Văn tư khổ nhiêu lưỡng mán tuyết;  
Bút ý hàn doanh tam nguyệt hoa.*

Nghĩ văn mỏi mệt hai mai bạc;  
Ý bút tràn vui ba tháng hoa.

讀世高天知學問  
析疑靜夜啟玄机

*Đọc thế cao thiên tri học vấn;  
Tích nghi tĩnh dạ khai huyền cơ.*

Đọc đến trời cao biết sự học;  
Giải ngờ đêm vắng mở huyền cơ.

長追墨趣氣脫俗  
細品書香人自明

*Trường truy mực thú khí thoát tục;  
Tế phẩm thư hương nhân tự minh.*

Theo dõi bút mực chừng thoát tục;  
Phẩm đẹp thư hương rạng vẻ người.

夢耽詩句久侵曉  
神步史苑長未歸

*Mộng đam thi cú cùu xâm hiểu;  
Thần bộ sử uyển trường vị quy.*

Say mộng thơ ca lâu chẳng dậy;  
Bước thần vườn sù mãi chưa về.

三年靜室追今古  
一句新詩喜地天

*Tam niên tĩnh thất truy kim cổ;*

*Nhất cú tân thi hỷ địa thiên.*

Ba năm nhà vắng đọc xưa nay;  
Một câu thơ mới mừng trời đất.

長耽學海追弘碩  
乍啓重瞳識細微

*Trường đam học hải truy hoằng thạc;*  
*Sá khai trùng đồng thức tế vi.*

Lâu say biển học tìm sâu rộng;  
Bỗng mở đôi tròng thấy tóc ta.

勤與學署寒不易  
謹而信小大由之

*Cần dù học thư hàn bất dịch;*  
*Cần nhi tín tiểu đại do chi.*

Cần với học ám lạnh không đổi;  
Cần mà tin ta nhỏ đều xong.

奇書細品多滋味  
益友切磋少謬然

*Kỳ thư té phẩm đa tư vị;*  
*Ích hữu thiết tha thiểu mâu nhiên.*

Sách hay phẩm quý nhiều mùi vị;  
Vì bạn giúp nhau ít lỗi lầm.

考古酌今審時度勢  
通中法外舍短取長

*Khảo cổ chước kim thẩm thời độ thế;*  
*Thông trung pháp ngoại sả đoán thủ trường.*

Khảo cổ lụa kim, xét thời xem thế;  
Trong thoảng ngoài phép, bỏ ngắn lấy dài.

博采眾長獨辟蹊徑  
陶鑄千古自成一家

Bác thái chúng trường độc ty khê kính;  
Đào chú thiên cổ tự thành nhất gia.

Chọn kỹ vật dài, nhỡ tránh đường hẻm;  
Hun đúc ngàn năm, sẽ thành một nhà.

墨海遨游情激硯岸  
書山跋步志聳毫峰

Mặc hải ngao du tình kích硯岸;  
Thư sơn bạt bộ chí tùng毫峰.

Ngao du biển mực tinh gửi bến nghiên;  
Vượt qua non sách chí ngọn cao vút.

賢者不虛生于宇宙  
學人常會通乎古今

Hiền giả bất hư sinh vu vū trụ;  
Học nhân thường hội thông hồ cổ kim.

Hiền giả chẳng sống thừa trong trời đất;  
Người học thường thông suốt cả xưa nay.

讀聖賢書行仁義事  
立修養志存忠孝心

Đọc thánh hiền thư hành nhân nghĩa sự;  
Lập tu dưỡng chí tồn trung hiếu tâm.

Đọc sách thánh hiền, làm việc nhân nghĩa;

Lập chí tu dưỡng, giữ lòng trung hiếu.

居近識遠處今知古  
研經賞理敷文奏懷

*Cư cận thức viễn xứ kim tri cố;  
Nghiên kinh thường lý phu văn túa hoài.*

Ở gần biết xa, việc nay hiểu xưa;  
Nghiên kinh nắm lý, chung văn gợi ý.

學問無窮曾三顏四  
光明有限禹寸陶分

*Học vấn vô cùng Tăng tam Nhan tứ;  
Quang minh hữu hạn Vũ thốn Đào phân.*

Học vấn không cùng, Tăng ba, Nhan bốn<sup>1</sup>;  
Quang minh có hạn, Vũ tác, Đào phân<sup>2</sup>.

欲立根基無如爲善  
能光門第只有讀書

*Dục lập căn cơ vô như vi thiện;  
Năng quang môn đệ chỉ hữu độc thư.*

Muốn xây nền tảng không gì bằng thiện;  
Rạng danh môn đệ sách đọc nên chăm.

益智有珠比德于玉  
學古爲鏡平理若衡

*Ích trí hữu châu tỳ đức vu ngọc;*

<sup>1</sup> Tăng Sâm và Nhan Uyên.

<sup>2</sup> Đại Vũ và Đào Tiêm.

*Học cổ vi kính bình lý nhược hành.*

Ích trí có châú, so đúc với ngọc;  
Lấy xưa làm gương, xét lý như cân.

閉戶自精開卷有益  
垂露在手清風入懷

*Bé hộ tự tinh khai quyển hữu ích;*  
*Thùy lô tại thủ thanh phong nhập hoài.*

Đóng cửa tự học, đọc sách có ích;  
Sương đọng trên tay, gió mát vào lòng.

業精于勤勤而能奮  
行成于思思則必學

*Nghiệp tinh vu cần cần nhì năng phán;*  
*Hành thành vu tư tư tắc tất học.*

Nghệ tinh ở chăm, chăm hay phán đấu;  
Việc thành ở nghĩ, nghĩ ắt phải học.

聽琴明事理  
望岳見崎嶇

*Đức cảm minh sự lý;*  
*Vọng nhạc kiến khu.*

Nghe đàn biết sự việc;  
Thấy nhạc rõ gian truân.

樓高先得月  
室靜好觀書

*Lầu cao tiên đắc nguyệt;*  
*Thất tĩnh hảo quan thư.*

Lầu cao, trăng ngâm trước;  
Nhà tĩnh, sách đọc hay.

長歌抒浩氣  
奮筆吐豪情

*Trường ca trữ hao khí;*  
*Phán bút thô hào tình.*

Hát lâu giãm hao khí;  
Bút gắng nhả hào tình.

慎交游勤耕讀  
篤根本去浮華

*Thận giao du cần canh đọc;*  
*Đọc cẩn bản khứ phù hoa.*

Giao du cần thận chăm cày đọc;  
Gốc rễ vun trồng bỏ thói chơi.

靜坐當思己過  
閑談莫論人非

*Tịnh tọa đương tư kỷ quá;*  
*Nhàn đàm mạc luân nhân phi.*

Ngồi vắng nên nghĩ lỗi mình;  
Chuyện suông chờ bàn người trái.

安得盡如人意  
但求無愧我心

*An đắc tận như nhân ý;*  
*Đản cầu vô quý ngã tâm.*

Đâu dễ làm vừa ý người;

Chỉ cần không thẹn lòng ta.

彈劍行歌五岳  
讀書養氣三巴

*Dàn kiếm hành ca ngũ nhạc;*  
*Đọc thư dưỡng khí tam ba.*

*Dàn kiếm rong ca nhũ nhạc<sup>1</sup>;*  
*Đọc sách nuôi khí tam ba<sup>2</sup>.*

獨坐只因天可對  
野行常有月相隨

*Độc tọa chỉ nhân thiên khả đối;*  
*Dã hành thường hữu nguyệt tương tuy.*

Ngồi đọc chỉ mong trời đổi mặt;  
Chơi rông thường có ánh trăng theo.

聞思修道登真境  
信願行門入淨堂

*Văn tư tu đạo đăng chán cảnh;*  
*Tín nguyện hành môn nhập tịnh đường.*

Suy tư tu đạo lên chân cảnh;  
Tin nguyện hành môn nhập tịnh đường.

隱於富貴清塵俗  
樂是慈悲勸善人

*Ẩn ư phú quý thanh trần tục;*  
*Lạc thị từ bi khuyên thiện nhân.*

<sup>1</sup> *Ngũ nhạc:* Năm ngọn núi lớn.

<sup>2</sup> *Tam ba:* Ba vùng: Ba Quận, Ba Đông, Ba Tây.

Ấn ở giàu sang thanh tràn tục;  
Vui với từ bi khuyên thiện nhân.

聞中檢點平生事  
靜夜思量日所爲

*Nhàn trung kiểm điểm bình sinh sự;*  
*Tĩnh dạ tư lường nhật sở vi.*

Việc đời nghĩ lại khi nhàn hạ;  
Ngày bận dèm về lại suy tư.

有赫臨戎四千載鴻圖留勝跡  
無疆錫福一方民赤子沐恩波

*Hữu hách lâm nhung, tú thiên tải hồng đồ lưu thăng tích;*  
*Vô cương tích phúc, nhất phương dân xích tử mộc ân ba.*

Hiển hách chiến công, bốn năm bàn đồ ghi dấu thăng;  
Vô tư ban phúc, một phương trời dân chúng tấm ơn nhiều.

普仗能仁德  
同承慶喜恩

*Phổ trượng năng nhân đức;*  
*Đồng thừa khánh hỷ ân.*

Giúp đỡ là nhân đức;  
Kế thừa được ơn vui.

一花現瑞週沙界  
五葉流芳遍大天

*Nhất hoa hiện thuy chu sa giới;*  
*Ngũ diệp lưu phuơng biến đại thiên.*

Một hoa hiện tốt vòng sa giới;

Năm lá hương đưa khắp đại thiên.

祖是皇勳業猶然垂越史  
族將大枝倏長此拙茶山

Tổ thi hoàng, hân nghiệp do nhiên thuỷ Việt sử;  
Tộc tương đại, chi diều trường thủ chuyết Trà sơn.

Tổ lớn thay, sự nghiệp vẫn còn lưu sử Việt;  
Họ to thật, bao cành vươn khắp toả non Trà.

無疆惟休奕葉雲仍憑后蔭  
不顯亦世千秋陵廟凜英聲

Vô cương duy hưu, dịch diệp vân nhưng băng hậu ấm;  
Bất hiển diệt thế, thiên thu lăng miếu lâm anh thanh.

Không đâu không tốt, thế thế mây lành che hậu duệ;  
Chẳng gì chẳng lành, đời đời lăng miếu dày danh thơm.

戈甲軫殷仇鐵馬齊名驚北寇  
山河恢越甸金甌定宇壯南郊

Qua giáp chấn Ân cừu, thiết mã tề danh kinh Bắc khái;  
Sơn hà khôi Việt điện, kim âu định vũ tráng Nam giao.

Khí giới nhuôm thù Ân, ngựa sát vang danh kinh giặc Bắc;  
Non sông về điện Việt, âu vàng ổn định mạnh giao Nam.

九品蓮花垂接引  
七重寶樹放光明

Cửu phẩm liên hoa thuỷ tiếp dẫn;  
Thát trùng bảo thụ phóng quang minh.

Chín phẩm hoa sen luồn nối tiếp;  
Bảy trùng cây báu tỏa quang minh.

崇恩遍覆菩提地  
慶祝流芳般若門

*Sùng ân biến phúc Bồ đề địa;  
Khánh chúc lưu phƯƠng Bát nhã nôm.*

Đất Bồ Đề được ơn đầy khắp;  
Cửa Bát Nhã mừng chúc lưu phƯƠng.

不動真如相  
無移自在身

*Bát động chân như tướng;  
Vô di tự tại thân.*

Chẳng động tướng chân như;  
Không dời thân tự tại.

積累祖功千古仰  
炳彪將業歷朝封

*Tích luỹ tổ công thiên cổ ngưỡng;  
Binh bútu tướng nghiệp lịch triều phong.*

Ngàn thuở tổ công cần gìn giữ;  
Các triều nghiệp tướng vẫn sáng soi.

卓偉凜鳴勳前朝名將  
昆皇隆贈典上等福神

*Trác vĩ lẫm minh huân, tiên triều danh tướng;  
Côn hoàng long tāng điển, thượng đẳng phúc thần.*

Sự nghiệp tướng công huân, vang danh triều trước;  
Huy hoàng thần sắc tặng, thượng đẳng thời nay.

生爲將化爲神歷代褒封名不朽

光於前垂於後千秋憑藉福長留

*Sinh vi tướng, hoá vi thần, lịch đại bao phong danh bát hù;  
Quang ư tiền, thuỷ ư hậu, thiên thu bǎng tạ phúc trường lưu.*

Sóng là tướng, chết thành thần, trải mấy triều tên vang bát hù;  
Trước vẻ vang, sau hưởng lộc, ngàn thu đẻ phúc được dài lâu.

不有西來船安知寶筏慈航爲萬家佛  
了得南無偈方識祈園驚嶺是三界神

*Bát hùu Tây lai thuyền, an tri bảo phiệt từ hàng vi vạn gia Phật;  
Liễu đặc nam mô kệ, phuơng thức Kỳ viên Thủu linh thị tam giới  
thần.*

Chẳng có thuyền Tây đến, đâu hay bảo phiệt từ hàng là vạn nhà  
Phật;  
Hiểu được kệ Nam mô, mới biết Kỳ viên Thủu linh áy ba giới thần.

啓教仗慈光結集靈文三寶藏  
永承憑聖德弘施妙手一楊枝

*Khai giáo trương từ quang, kết tập linh văn tam bảo tang;  
Vĩnh thừa bǎng thánh đức, hoảng thi diệu thủ nhất dương chi.*

Giáo hóa dựa lòng từ, kết tập văn thiêng ba bảo tang;  
Kế thừa theo đức thánh, tung vung tay khéo một cành dương.

空中佛眼無私照  
座上金身不染塵

*Không trung Phật nhän vô tư chiếu;  
Toạ thượng kim thân bất nhiễu trần.*

Trên không mắt Phật không riêng chiếu;  
Toạ có thân kim chẳng bụi trần.

歷朝敕贈陳王顯  
萬古靈聲國史傳

*Lịch triều sắc tặng Trần vương hiển;  
Vạn cổ linh thanh quốc sử truyền.*

Trần vương hiển các triều sắc tặng;  
Sử nước truyền vạn thuở anh linh.

國史書名心對乾坤完孝義  
海波顯蹟水流晝夜效靈聲

*Quốc sử thư danh, tâm đối càn khôn hoàn hiếu nghĩa;  
Hai ba hiển tích, thuỷ lưu trú dạ hiệu linh thanh.*

Sử nước chép tên, lòng đổi đất trời tròn hiếu nghĩa;  
Hải triều hiển tích, ngày đêm nước chảy tỏ anh linh.

自天星降塵一本鴻龐後裔  
爲生民立業三座鄰邑遺臨

*Tự thiên tinh giáng trần, nhất bản Hồng Bàng hậu duệ;  
Vi sinh dân lập nghiệp tam toà lân áp di lâm.*

Tự sao trời giáng trần, một gốc Hồng Bàng hậu duệ;  
Vì dân sinh lập nghiệp, ba hoà thôn xóm phụng thờ.

崇祠巍業存千古  
寶命輝煌永萬年

*Sùng tú nguy nghiệp tồn thiên cổ,  
Bảo mệnh huy hoàng vĩnh vạn niên.*

Dền thờ nghiệp lớn còn nghìn thuở;  
Mệnh quý huy hoàng mãi vạn năm.

北地奉迎始於漢帝

南天崇尚盛自陳朝

Bắc địa phung nghênh thuỷ ư Hán đế;  
Nam thiên sùng thương thịnh tự Trần triều.

Đất Bắc đón thờ kể từ vua Hán;  
Trời Nam sùng chuộng thịnh ở triều Trần.

慈心普施十方春臺壽域  
慧眼通知三界寒谷隆座

Từ tâm phổ thi thập phương xuân đài thọ vực;  
Tuệ nhãn thông tri tam giới hàn cốc long toà.

Lòng từ ban rộng mười phương đài xuân đất thọ;  
Mắt tuệ biết thông ba giới non lạnh toà xây.

玉色降皇宮九龍噴水  
金身修雪嶺百鳥獻花

Ngọc sắc giáng hoàng cung, cửu long phun thủy;  
Kim thân tu tuyết lĩnh, bách điêu hiến hoa.

Sắc ngọc giáng cung vua, chín rồng phun nước;  
Thân vàng tu núi tuyết, chim chóc dâng hoa.

明鏡臺高紅塵不染  
寶池澤潤清水無邊

Minh kính đài cao hồng trần bất nhiễm;  
Bảo trì trạch nhuận thanh thủy vô biên.

Gương sáng nơi lâu cao đậu lấm bụi;  
Ao trong chỗ nước thoảng chảng vương nhớ.

驥足自堪馳世路  
猿心無處入禪門

*Ký túc tự kham tri thế lợ;  
Viên tâm vô xú nhập thiền môn.*

Vô tuấn mă đường đời chảng nệ;  
Lòng vuợn kia của Phật vô duyên.

教友往來弘誓願  
佛堂修念道爲師

*Giáo hữu vãng lai hoằng thệ nguyện;  
Phật đường tu niệm đạo vi sư.*

Giáo hữu vào ra tùng thệ nguyện;  
Phật đường tu niệm đạo là thầy.

九品蓮臺金相端嚴垂接引  
七靈寶樹玉毫閃爍放光明

*Cửu phẩm liên dài, kim tướng doan nghiêm thuỷ tiếp dẫn;  
Thất linh bảo thụ, ngọc hào thiểm thước phóng quang minh.*

Cửu phẩm dài sen kim tướng doan nghiêm buông tiếp dẫn;  
Thất linh cây báu ngọc hào sáng tỏa phóng quang minh.

燭暗導迷天上日  
開權顯實聖中王

*Chúc ám đạo mê thiên thượng nhật;  
Khai quyền hiển thực thánh trung vương.*

Soi tối chỉ mê mặt trời đó;  
Mở quyền hiển thực thánh vương đây.

越國英雄興道將  
藤江大破寇元兵

*Việt quốc anh hùng Hưng Đạo tướng;*

*Dâng giang đại phá kháu Nguyên binh.*

Anh hùng nước Việt Trần Hưng Đạo;  
Đại phá giặc Nguyên giải Bạch Đằng.

聖德匡扶金本富  
神功濟度貴鄉豐

*Thánh đức khuông phù Kim Bản phú;  
Thần công tế độ Quý Hương phong.*

Kim Bản giàu lên nhờ thánh giúp;  
Quý Hương được khả bởi thần cho.

天固縱之鐘梅水毓龍岡出之爲宇宙撐扶兩朝勳烈  
神之吊矣扇楊春沛高雨貴然使山川精彩萬福聲靈

*Thiên cố túng chi, chung mai thủy dục Long cương xuất chi vũ trụ,  
xanh phù lưỡng triều huân liệt;  
Thần chi điếu hỉ, phiến dương xuân bái cao vũ, bí nhiên sỹ sơn xuyên  
tinh thái vạn tự thanh linh.*

Trời đã cho rồi, Chung Mai nước dưỡng đổi rồng xuất hiện, vì trời đất  
giúp hai triều lập công lớn;  
Thần cũng thương vậy, phiến Dương xuân tưới mưa lớn lại về, khiến  
non sông tươi vạn sắc thiêng liêng.

堂樹深培芭纏發  
天潢派衍水流長

*Dường thụ thảm bồi ba kẽ phát;  
Thiên hoàng phái diên thủy lưu trường.*

Cây tổ trồng sâu hoa tiếp nở;  
Giòng đời chia chảy nước trường lưu.

厚基系衍初生瓞

善宅枝延昔樹花

*Hậu cơ hệ diên sơ sinh diệt;  
Thiện trạch chí diên tích thụ hoa.*

Vững nền cây tiếp vừa sinh nhánh;  
Nhà thiện cảnh đẹp lại nở hoa.

庶系繁昌憑厚蔭  
歷傳豪佑貴前功

*Thú hệ phồn xương bằng hậu ấm;  
Lịch truyền hào hữu bì tiền công.*

Các hệ phồn vinh nhờ phúc ấm;  
Nhiều đời có gắng tỏ công xưa.

名山擬尋見聞錄  
寰海猶多格致書

*Danh sơn nghĩ tầm kiến văn lục;  
Hoàn hải do đa cách tri thư.*

Chép nghe thấy núi non dễ kiểm;  
Viết điêu hay trời biển còn nhiều.

有植斯深木蔭裁餘宜得實  
惟悠故遠河流分處即爲源

*Hữu thực tư thâm, mộc ấm tài dư nghi đặc thực;  
Duy du có viễn, hà lưu phân xứ tức vi nguyên.*

Có gốc sâu dày, cây lớn cành nhiều nên được quả;  
Suy tư cội cũ, sông dài chia nhánh vẫn là nguồn.

脈引山腰蟠石象  
案浮水面峙雙魚

*Mạch dân sơn yêu bàn thạch tượng;  
Án phù thuỷ diện tri song ngư.*

Tượng đá vòng chia bên suôn núi;  
Song ngư nổi rõ trước nước sông.

蓮賦扇銘遠懷祖德  
前池昔樹長引清芬

*Liên phú phiến minh viễn hoài tổ đức;  
Tiền tri tích thụ trường dân thanh phân.*

Cảm đức tổ làm thơ sen viết quạt;  
Hương thơm bay nhớ cây cũ ao xưa.

落花輕著地  
流水入清弦

*Lạc hoa khinh trước địa;  
Lưu thuỷ nhập thanh huyền.*

Hoa rơi nhẹ trên đất;  
Nước chảy trong tiếng đàn.

觀竹梅以養性  
聽松濤而壯懷

*Quan trúc mai dĩ dưỡng tính;  
Thính tùng sóng mà tráng hoài.*

Nhin trúc mai để dưỡng tính;  
Nghe tùng sóng mà tráng hoài (làm lớn hoài bão của mình).

多栽翠竹搖清影  
獨上高樓看遠天

*Đa tài thuỷ trúc dao thanh cảnh;*

*Độc thương cao lâu khán viễn thiên.*

Thuý trúc trồng nhiều lay bóng mát;  
Lâu cao đứng ngắm thấy trời xa.

天地入胸誠言醒世  
文章有道哲理驚人

*Thiên địa nhập hung thành ngôn tình thế;*  
*Văn chương hữu đạo triết lý kinh nhân.*

Trời đất vào tim thành ngôn tình thế;  
Văn chương có đạo triết lý kinh nhân.

梅花香馥琴心古  
文筆縱橫鶴步闊

*Mai hoa hương phức cảm tâm cổ;*  
*Văn bút tung hoành hạc bộ nhàn.*

Mai hoa hương ngát đàn tâm cổ;  
Văn bút tung hoành bước hạc nhàn.

懷若竹虛臨曲水  
氣同蘭靜在春風

*Hoài như cỏ trúc hư lâm khúc thuỷ;*  
*Khí đồng lan tĩnh tại xuân phong.*

Hoài vọng như trúc nhìn khúc thuỷ;  
Khí đồng tựa lan lắng xuân phong.

刪繁就簡三秋樹  
嶺異標新二月花

*San phòn tưu giản tam thu thụ;*  
*Lĩnh dị tiều tân nhị nguyệt hoa.*

Bỏ phòn đến giàn tam thu mộc;  
Nhận lạ nêu tân nhí nguyệt hoa.

百年人物存公論  
四海虛名只汗顏

*Bách niên nhân vật tồn công luận;*  
*Tứ hải hư danh chỉ hãm nhan.*

Trăm năm nhân vật còn công luận;  
Bốn bể hư danh để hãm nhan.

春風大雅能容物  
秋水文章不染塵

*Xuân phong đại nhã nǎng dung vật;*  
*Thu thuỷ văn chương bất nhiễm trần.*

Xuân phong đại nhã bao dung vật;  
Thu thuỷ văn chương chẳng nhiễm trần.

舉賢任能興國計  
拋窮致富利民生

*Cử hiền nhậm nǎng hưng quốc kế;*  
*Phao cùng trí phú lợi dân sinh.*

Bổ nhiệm hiền năng hưng quốc kế;  
Hết nghèo, giàu có lợi dân sinh.

水能性澹爲吾友  
竹解心虛是我師

*Thuỷ nǎng tính đạm vi ngô hữu;*  
*Trúc giải tâm huyễn là ngã sư.*

Nước luôn tính đạm làm bạn hữu;

Trúc giải tâm không xứng bậc thày.

胸有智珠終日潤  
心如寶鑒一身明

*Hung hữu trí châu chung nhát nhuận;*  
*Tâm như bảo giám nhất thân minh.*

Ngực có hạt châu chung nhát thấm;  
Lòng như gương báu một thân minh.

有關家國書常讀  
無益身心事莫爲

*Hữu quan gia quốc thư thường đọc;*  
*Vô ích thân tâm sự mạc vi.*

Nhà, nước biết lo thư thường đọc;  
Thân, tâm vô cảm việc chẳng làm.

室有芝蘭氣味別  
胸無城府天地寬

*Thất hữu chi lan khí vị biệt;*  
*Hung vô thành phủ thiên địa khoan.*

Nhà có chi lan khí vị lạ;  
Người không thành phu trời đất khoan.

每臨大事有靜氣  
不信今時無古賢

*Mỗi lâm đại sự hữu tĩnh khí;*  
*Bất tín kim thời vô cổ hiền.*

Mỗi khi đại sự có tĩnh khí;  
Đâu biết ngày nay không cổ hiền.

胸中存事業  
筆底鼓風濤

*Hung trung tồn sự nghiệp;  
Bút đế cỗ phong đào.*

Trong lòng còn sự nghiệp;  
Lưu bút khuấy phong đào.

開圖草裡驚蛇亂  
下筆階前掃葉忙

*Khai đồ thảo lý kinh xà loạn;  
Hà bút gai tiền tảo diệp mang.*

Mở đường trong cỏ kinh loài rắn;  
Hà bút trước thềm quét lá dày.

立身只覺乾坤小  
放眼始知宇宙寬

*Lập thân chỉ giác càn khôn tiển;  
Phóng nhän thuỷ tri vũ trụ khoan.*

Lập thân chỉ thấy càn khôn nhỏ;  
Phóng mắt mới hay vũ trụ khoan (rộng lớn).

山高自有人行路  
海闊不乏破浪舟

*Sơn cao tự hữu nhân hành lối;  
Hải khoát bất pháp phá lāng chu.*

Núi cao tự có người leo tới;  
Bể rộng lo gì kẻ vượt khơi.

書山有路勤爲徑

學海無涯若作舟

*Thư sơn hữu lộ cần vi kính;  
Học hải vô nhai nhược tác châu.*

Núi sách có đường, chuyên cần đi tắt;  
Bé học vô bến, vượt khó làm thuyền.

雅琴飛白雪  
高論橫青雲

*Nhã cầm phi bạch tuyết;  
Cao luận hoành thanh vân.*

Đàn hay bay tuyết trắng;  
Cao luận sánh mây xanh.

瘦影當窗梅得月  
涼雲滿地竹籠煙

*Sáu ảnh đương song mai đắc nguyệt;  
Lương vân mãn địa trúc lung yên.*

Bóng mảnh bên song mai sánh nguyệt;  
Mây lành phủ đất trúc lồng yên.

政以德成一人有喜  
福從天降萬壽無疆

*Chính dĩ đức thành nhất nhân hữu hỷ;  
Phúc tòng thiên giáng vạn thọ vô cương.*

Chính trị lấy đức thành nhất nhân hữu hỉ;  
Phúc lành theo trời giáng vạn thọ vô cương.

芳草有情皆礙馬  
好雲無處不遮樓

*Phương thảo hữu tình gai ngại mã;  
Hảo vân vô xù bất già lâu.*

Phương thảo có tình đều ngại mã;  
Mây lành không xù chẳng che lâu.

筆架硯池辭海  
詩花墨雨書林

*Bút giá nghiên tri từ hải;  
Thi hoa mực vũ thư lâm.*

Bút giá nghiên ao lời tựa bể;  
Thơ hoa mực vũ sách như rừng.

入室詩書多少事  
開軒山色有無中

*Nhập thất thi thư đa thiếu sự;  
Khai hiên sơn ấp hữu vô trung.*

Vào cửa thi thư bao nhiêu việc;  
Mở hiên ấp núi hữu vô trung.

木本水源憑原蔭  
星移物換幾因由

*Mộc bản thủy nguyên bằng nguyên ám;  
Tinh di vật hoán kỷ nhân do.*

Cây gốc nước nguồn bao phúc ám;  
Sao dời vật đổi mấy nguyên do.

窗含春色墨生艷  
筆吐真情詩出新

*Song hàm xuân sắc mực sinh diễm;*

*Bút thô chán tình thi xuất tân.*

Song ngàm sắc xuân sinh hoa mực;  
Bút phô tình thực xuất tân thi.

貞如翠竹明于雪  
靜似蒼松矯若龍

*Trinh như thuỷ trúc minh vu tuyêt;*  
*Tinh tự thương tùng kiều nhược long.*

Trinh như trúc thâm minh về tuyêt;  
Tinh tựa tùng xanh uốn giông rồng.

琴言清若水  
詩夢暖於春

*Cảm ngôn thanh nhược thuỷ;*  
*Thi mộng noãn ư xuân.*

Tiếng cảm trong giông nước;  
Thơ mộng ấm như xuân.

無私無畏千秋正氣  
至大至剛萬古長春

*Vô tư vô úy thiên thu chính khí;*  
*Chí đại chí cương vạn cổ trường xuân.*

Không riêng không sợ nghìn thu chính khí;  
Chí đại chí cương muôn thuở trường xuân.

紅雨隨心翻作浪  
青山著意化爲橋

*Hồng vũ tùy tâm phiên tác lăng;*  
*Thanh sơn trước ý hoá vi kiều.*

Hồng vú tuỳ lòng phiên tác sóng;  
Non xanh nẩy ý hoá thành kiều.

楊柳不隨春色老  
勁松唯有歲寒知

Dương liêu bất tuỳ xuân sắc lão;  
Kinh tùng duy hữu tuế hàn tri.

Dương liêu chẳng theo xuân sắc lão;  
Kinh tùng chỉ có tuế hàn tri.

青山不墨千秋畫  
流水無弦萬古詩

Thanh sơn bất mực thiên thu họa;  
Lưu thuỷ vô huyền van cổ thi.

Non xanh không mực nghìn thu họa;  
Nước chảy không dàn muôn thuở thi.

議論不隨流俗變  
襟懷聊與水雲間

Nghị luận bất tuỳ lưu tục biến;  
Khâm hoài liêu dứt thuỷ vân gian.

Nghị luận chẳng theo dòng tục biến;  
Dạ lòng cùng với nước vân gian.

晨窗几靜安平日  
草屋風清自在年

Thần song kỷ tĩnh an bình nhật;  
Thảo ốc phong thanh tự tại niên.

Song mai kỷ tĩnh yên bình nhật;

Nhà có phong thanh mản nguyện năm.

與有肝膽人共事  
從無字句處讀書

*Dù hữu can đảm nhân cộng sự;  
Tòng vô tự cu xuở đọc thư.*

Cùng kẻ can trường mà cộng sự;  
Đến nơi ít chữ để đọc thư.

世間有水皆歸海  
天下無山不是雲

*Thế gian hữu thuỷ giao quy hải;  
Thiên hạ vô sơn bất thị vân.*

Thế gian có nước đều về biển;  
Thiên hạ không non chẳng đọng mây.

春風來時宜會良友  
秋月明處常思故鄉

*Xuân phong lai thời nghị hội lương hữu;  
Thu nguyệt minh xứ thường tư cổ hương.*

Lúc gió xuân về họp cùng bạn tốt;  
Nơi trăng thu sáng thường nhớ quê hương.

天賦清高絕流俗  
老垂著作貽子孫

*Thiên phú thanh cao tuyệt lưu tục;  
Lão thuỷ triết tác di tử tôn.*

Trời phú thanh cao, biệt trần tục;  
Già lưu trước tác, di tử tôn.

颐養人生陶情翰墨  
溫清品性得趣竹蘭

*Di dưỡng nhân sinh đào tình hàn mực;  
Ôn thanh phẩm tính đặc thú trúc lan.*

Nuôi dưỡng nhân sinh thoả tình bút mực;  
Âm trong phẩm tính hưởng thú trúc lan.

常居名山得遠志  
偶撫貞松探茯苓

*Thường cư danh sơn đặc viễn chí;  
Ngẫu phủ trinh tùng thám phục linh.*

Thường cư danh sơn gặp viễn chí;  
Ngẫu vỗ tùng già tham phục linh.

小隱樓頭容世變  
高懷籬外飽霜開

*Tiểu ẩn lâu đầu dung thế biến;  
Cao hoài ly ngoại bão sương khai.*

Ân náu trên lâu dung thế biến;  
Vọng hoài ngoài đậu ngập sương dâng.

萬物靜觀皆自得  
四時佳興與人同

*Vạn vật tĩnh quan giai tự đắc;  
Tứ thời giai hứng dù nhân đồng.*

Muôn vật tĩnh quan đều tự đắc;  
Bốn mùa giai hứng với nhân đồng.

世間清品至蘭極

賢者虛懷與竹同

*Thế gian thanh phẩm chí lan cúc;  
Hiền giả hư hoài dù trúc đồng.*

*Thế gian phẩm hạnh lan tật bậc;  
Hiền giả vọng hoài trúc tương đồng.*

風雨多經人不老  
關山初度路猶長

*Phong vũ đa kinh nhân bất lão;  
Quan sơn sơ độ lộ do trường.*

*Mưa gió trải nhiều người bất lão;  
Quan sơn sơ độ lộ còn dài.*

祖功宗德培之遠  
子孝孫慈繼也長

*Tổ công tông đức bồi chi viễn;  
Tử hiếu tôn tử kế dã trường.*

*Tổ công tông đức còn thơm dấu;  
Cháu thảo con hiền sáng mãi gương.*

紙上得來終覺淺  
心中悟出始知深

*Chi thượng đặc lai chung giác thiển;  
Tâm trung ngộ xuất thủy tri thâm.*

*Trên giấy bày dòng chung cục thiển;  
Trong lòng ngộ xuất mới biết sâu.*

事能知足心常愜  
人到無求品自高

*Sự nồng tri túc tâm thường khiếp;  
Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao.*

Việc luôn biết dù tâm thường thoả;  
Người chẳng mưu cầu phẩm hạnh cao.

品若梅花香在骨  
人如秋水玉爲神

*Phẩm nhược mai hoa hương tại cốt;  
Nhân như thu thuỷ ngọc vi thần.*

Phẩm hạnh giống mai hoa thơm cốt cách;  
Con người như thu thuỷ quý tinh thần.

雲鶴有奇翼  
海鷗無世情

*Vân hạc hữu kỳ đực;  
Hải âu vô thế tình.*

Vân hạc bay về điểm hẳn lạ;  
Hải âu lướt cánh thế tình không.

水清魚讀月  
山靜鳥談天

*Thuỷ thanh ngư đọc nguyệt;  
Sơn tĩnh điểu đàm thiên.*

Nước trong cá đọc nguyệt;  
Non tĩnh điểu đàm kinh.

鳳翥王開大昌筆陣  
龍翔四海以書會 -

*Phượng chử vương khai đại xuong bút trận;*

*Long túng tử hải dĩ thư hội hữu.*

Phượng liệng vương khai vẻ vang bút trận;  
Rồng bay bốn biển hội họp ban bè.

道通天地有形外  
思入風雲變幻中

*Đạo thông thiên địa hữu hình ngoại;*  
*Tư nhập phong vân biến ảo trung.*

Đạo thông trời đất hữu hình ngoại;  
Ý nhập gió mây biến ảo trung.

道心澹泊對流水  
字體變化如浮雲

*Đạo tâm đạm bạo đối lưu thuỷ;*  
*Tự thể biến hoá như phù vân.*

Đại tâm bình tĩnh trước dòng chảy;  
Tự thể đổi thay tựa mây vân.

酒香留客住  
詩好帶風吟

*Tiều hương lưu khách trú;*  
*Thi hảo đối phong ngâm.*

Rượu quý lưu khách trú;  
Thơ hay sinh ca ngâm.

浮生榮辱公能忘  
老味鹹酸我亦諳

*Phù sinh vinh nhục công nǎng vong;*  
*Lão vị hàn toan ngā diệc am.*

Cuộc đời vinh nhục ông đừng nhớ;  
Già nếm mặn cay tôi đã từng.

大器量天空海闊  
真聰明岳峩淵渟

*Đại khí lượng thiên không hải khoát;*  
*Chân thông minh nhạc chí uyên định.*

Đại độ lượng như trời cao biển rộng;  
Cực thông minh tựa núi lớn vực sâu.

不敢妄爲些許事  
只因多讀數行書

*Bất cảm vọng vì ta hứa sự;*  
*Chỉ nhân đa độc số hành thư.*

Không dám làm xằng, ít hẹn việc;  
Chỉ do ham đọc, luôn hành thư.

眼中淪海小  
衣上白雲多

*Nhân trung luân hải tiếu;*  
*Y thương bạch vân đa.*

Trong mắt sóng biển nhỏ;  
Trên khăn mây trắng nhiều.

春舊花不落  
風靜月常明

*Xuân cũu hoa bất lạc;*  
*Phong tĩnh nguyệt thường minh.*

Xuân cũ hoa không rụng;

Gió yên nguyệt thường trong.

大莫孤煙直  
長河落日圓

*Đại mạc cõi yên trực;*  
*Trường hà lạc nhật viên.*

Sá mạc lớn làm trơ cột khói đứng;  
Đại giang dài lờ lững mặt trời tròn.

畫意詩情景無盡  
春風秋月趣常殊

*Hoạ ý thi tình cảnh vô tận;*  
*Xuân phong thu nguyệt thú thường thù.*

Vẽ ý thơ tình cảnh vô tận;  
Gió xuân thu nguyệt thú lạ thường.

美酒飲於微醉後  
好花看到半開時

*Mỹ tửu ẩm ư trưng tuy hâu;*  
*Hảo hoa khán đáo bình khai thi.*

Rượu ngon uống sau lúc đã say;  
Hoa đẹp xem khi vừa hé nở.

心無俗慮精神爽  
室有清淡智慧開

*Tâm vô tục lự tinh thần sảng;*  
*Thất hữu thanh đạm trí tuệ khai.*

Lòng không suy nghĩ tinh thần sảng;  
Nhà có thanh cao trí tuệ sinh.

春風大雅能容物  
秋水文章不染塵

Xuân phong đại nhã năng dung vật;  
Thu thuỷ văn chương bất nhuém trán.

Gió xuân tao nhã luôn dung vật;  
Thu thuỷ văn chương chẳng nhuém trán.

大國不易教不遍俗且尊崇之亦信斯文原有用  
吾儒要通經要識時無拘固也尚恩聖訓永相敦

Đại quốc bất dịch giáo, bất biến tục, thà tôn sùng chi, diệc tín tư văn  
nguyễn hữu dụng;

Ngô nho yêu thông kinh, yêu thức thời, vô cầu cố dã, thương tư thánh  
huấn vĩnh tương đôn.

Nước lớn nguyên giáo hoá, nguyên phong tục, văn tin cẩn, lại tôn  
sùng văn hoá này đặc dụng;

Nhà Nho xin thông kinh, xin thức thời, không cầu nệ, chuộng tư  
thánh, đạo xưa dạy dài lâu.

士夫報答謂何哉其延選就之恩國家崇尚之意  
世道維持視此耳禮樂衣冠所萃青名文物所都

Sĩ phu báo đáp vì hà tai! Triều đình tuyển túc chí ân, quốc gia sùng  
thương chí ý;

Thế đạo duy trì thị thử nhũ! Lê nhạc y quan sở tuy, thanh danh văn  
vật sở đỗ.

Sĩ phu báo đáp những gì thay! Ông tuyển chọn của triều đình, dụng ý  
quốc gia sùng chuộng;

Thế đạo duy trì nhờ dày vạy! Lê nhạc y quan họp lại, xứng nơi văn  
vật thanh danh.

奎星天朗人文闡

碧水春深道脈長

*Khuê tinh thiên lâng nhân văn xiển;  
Bích thuỷ xuân thâm đạo mạch trường.*

Sao khuê, trời sáng, nhân văn tỏ;  
Nước biếc, xuân sâu, đạo mạch dài.

熙朝粉飭隆文治  
傑閣真藏集大觀

*Hy triều phấn súc long văn trị;  
Kiệt các chán tàng tập đại quan.*

Triều thịnh điểm tô văn trị thịnh;  
Gác cao tàng giữ đại quan thành.

車書共道今天下  
科甲聯題古學宮

*Xa thư cộng đạo kim thiên hạ;  
Khoa giáp liên đề cổ học cung.*

Xa thư một mồi thiên hạ tại;  
Khoa giáp liên đề nhà học xưa.

科甲中來名不朽  
宮牆望外道彌尊

*Khoa giáp trúng lai danh bất hủ;  
Cung tường vọng ngoại đạo di tôn.*

Khoa giáp trúng rồi, tên không nát;  
Học đường vọng ngoại, đạo càng cao.

立人槩表開人徑  
度世津梁覺世關

*Lập nhân tiêu biểu khai nhân kính;  
Độ thế tân lương giác thế quan.*

Cột yếu lập nhân khai đường tắt;  
Giúp đời phương cách biết đường đi.

慶瑞一峰高玉佩築鯨傳勝跡  
釣臺雙廟峙靈金耀斗護神光

*Khánh Thuy nhất phong cao, ngọc bội trúc kinh truyền thắng tích;  
Điêu dài song miếu trī, linh kim diệu đấu hộ thần quang.*

Khánh Thuy một ngọn cao, ngọc bội dựng xây truyền thắng tích;  
Điêu dài đôi miếu lập, rùa vàng soi rọi hộ thần quang.

故殿湖山留旺氣  
新祠香火接餘靈

*Cố điện hồ sơn lưu vượng khí;  
Tân từ hương hoả tiếp dư linh.*

Hồ núi đô xưa lưu vượng khí;  
Tân từ hương hoả tiếp dấu thiêng.

人間文學無權全憑陰德  
天上主可有眼單有心田

*Nhân gian văn học vô quyền, toàn bằng âm đức;  
Thiên thượng chủ khả hữu nhân, đan hữu tâm diền.*

Chù nghĩa nhân gian, chẳng quyền hành, dựa vào âm đức;  
Trên cao công trời còn có mắt, nhìn rõ tâm diền.

論事常存忠厚心勿大分黑白  
爲文不作輕薄語徒自逞雌黃

*Luân sự thường tồn trung hậu tâm, vật đại phân hắc bạch;  
Vì văn bất tác khinh bạc ngũ, đồ tự sinh thư hoàng.*

Bàn luận việc giữ lòng trung hậu, chớ phân chia đen trắng;  
Làm văn đừng ngụ ý bạc khinh, tự chuốc lấy chê bai.

紫氣光回天咫尺  
紅塵望隔水東南

*Tứ khí quang hồi thiên咫尺;  
Hồng trần vọng cách thuỷ đông nam.*

Khí tía rọi về trời gang tá;  
Bụi hồng cách nẻo nước về đông.

不厭湖上月  
宛在水中央

*Bất yến hồ thương nguyệt;  
Uyển tại thuỷ trung ương.*

Chẳng chán trăng trên hồ;  
Vẫn như giữa làn nước.

靈湖弱水隨緣渡  
塵境仙洲有路通

*Linh Hồ, nhược thuỷ tuy duyên độ;  
Lộ cảnh, tiên châu hưu lộ thông.*

Linh Hồ, nhược thuỷ theo duyên tới;  
Trần cảnh, cõi tiên có đường thông.

綠青依舊色  
黃白拜新年

*Lục thanh y cũu sắc;*

*Hoàng bạch bái tân niên.*

Biếc xanh vẫn như cũ;  
Vàng trắng bái tân niên.

一塵無染色  
四序皆常春

*Nhất tràn vô nhiễm sắc;*  
*Tứ tự giai thường xuân.*

Bụi tràn không một hạt;  
Hết thấy xuân bốn mùa.

九天日月開新運  
萬國笙歌醉太平

*Cửu thiên nhật nguyệt khai tân vận;*  
*Vạn quốc sênh ca tuý thái bình.*  
Nhật nguyệt chín tầng khai vận mới.  
Vạn quốc sênh ca tuý thái bình.

五色雲中開曉日  
萬年枝上動春風

*Ngũ sắc vân trung khai hiếu nhật;*  
*Vạn niên chi thủ động xuân phong.*

Năm sắc trong mây khai ngày hửng;  
Muôn năm mặt đất chuyển gió xuân.

四海風光隨處好  
滿天雨露應時新

*Tứ hải phong quang tuỳ xít hảo;*  
*Mãn thiên vũ lộ ứng thời tân.*

Bốn bề phong quang tuỳ xứ hảo;  
Đầy trời mưa móc ứng thời tân.

一庭花影三更月  
十里松陰百道泉

Nhất đình hoa ảnh tam canh nguyệt;  
Thập lý tùng âm bách đáo tuyển.

Mười dặm bóng tùng trăm nẻo suối;  
Một sân hoa ảnh nửa đêm trăng.

和氣盈門迎瑞氣  
春光滿眼映文光

Hoà khí doanh môn nghênh thuy khí;  
Xuân quang mǎn nhǎn ánh xuân quang.

Hoà khí dày nhà mừng thuy khí;  
Xuân quang ngợp mắt ánh vân quang.

堂上椿萱輝旭日  
皆前蘭桂長春風

Đường thượng xuân huyền huy húc nhật;  
Giai tiền lan quê trường xuân phong.

Đường thượng xuân huyền ngời mắt mới;  
Giai tiền lan quê đẹp gió xuân.

鶯聲田暖鳴金谷  
麟趾風和步玉堂

Oanh thanh điện noān minh kim cốc;  
Làn chỉ phong hòa bộ ngọc đường.

Nhà ngọc gió hòa lân in dấu;

Hàng vàng nắng ấm tiếng oanh ca.

一泓秋火餘清氣  
滿室春風散異香

Nhất hoàng thu hoả dư thanh khí;  
Mãn thất xuân phong tản dị hương.,

Một hồ thu thuỷ thừa thanh khí;  
Đầy thất xuân phong tản dị hương.

門庭春暖生光彩  
田畝年豐落太平

Môn đình xuân noãn sinh quang khí;  
Điền mǎu niên phong lạc thái bình.

Xuân môn xuân ấm sinh vẻ đẹp;  
Vườn ruộng niên phong<sup>1,11</sup> hương thái bình.

椿萱日月風光好  
蘭桂春秋景色多

Xuân huyên nhật nguyệt phong quang háo;  
Lan quế xuân thu cảnh sắc đa.

Xuân huyên ngày tháng phong quang đẹp;  
Lan quế xuân thu cảnh sắc tươi.

千里風雲培玉樹  
十分雨露發荊花

Thiên lý phong vân bồi ngọc thụ;  
Thập phân lưỡng lô phát kinh<sup>2</sup> hoa.

Gió mای nghìn dặm bồi cây ngọc;  
Mưa móc mười phần nẩy đóa kinh.

日暖翠堂來紫燕  
春來玉樹發青枝

Nhật mân hoa đường lai tử yến;  
Xuân lai vương thụ phát thanh chi.  
Ngày ám hoa đường bay yến quý.  
Xuân về lộc thụ nẩy cành xanh.

幾點梅花迎淑氣  
數聲鳥語鬧春光

Cơ điểm mai hoa nghênh thực khí;  
Số thanh điểu ngữ náo xuân quang.

Máy chấm hoa mai nghênh khí tốt;  
Vài lần chim hót náo xuân vui.

平安竹長千年碧  
富貴花開一品紅

Bình an trúc trường thiên niên bích;  
Phú quý hoa khai nhất phẩm hồng.

Bình an trúc lớn nghìn năm biếc;  
Phú quý nở hoa một đóa hồng.

堂開曉日光中好  
人坐春風分外清

---

<sup>1</sup> Niên phong: năm được mùa

<sup>2</sup> Kinh: Một thứ cây gai. Xưa người ta tự xưng vợ mình là kinh thê.

*Dương khai hiếu nhật quang trung hảo;*  
*Nhân toạ xuân phong phân ngoại thanh.*

Nắng mai cửa mở phong quang đẹp;  
Đón gió người ngồi mát mẻ chia.

四時和氣春常在  
一室安居慶有餘

*Tứ thời hoà khí xuân thường tại.*  
*Nhất thất an cư khánh hữu dư.*

Quanh năm hòa khí xuân còn mãi;  
Gia cảnh an cư đẹp có thừa.

風發龍門春浪暖  
日陰雁塔曉雲開

*Phong phát long môn xuân lâng noān;*  
*Nhật âm nhạn tháp hiếu vân khai.*

Gió thổi long môn làn xuân ấm;  
Nắng soi nhạn tháp áng mây trời.

欲培福地耕心地  
且種書田作稻田

*Dục bồi phúc địa canh tâm địa;*  
*Thả chủng thư diên tác đạo diên.*

Muốn bồi phúc địa phải canh tâm địa;  
Muốn cấy thư diên phải tác đạo<sup>(1)</sup> diên.

詩書滿座風雲氣  
孝友一堂富貴春

*Thi thư mân toạ phong vân khí;*

*Hiếu hữu nhất đường phú quý xuân.*

Thi thư dày sành phong vân khí;  
Hiếu hữu một nhà phú quý xuân.

春來也魚龍變化  
時至矣桃李芳菲

*Xuân lai dã, ngư long biến hoá;*  
*Thời chí hỷ, đào lý phương phi.*

Xuân về đây, cá rồng biến hoá  
Thời đến rồi đào mận đơm hoa.

階下芝蘭迎旭日  
庭前桃李藹春風

*Giai hạ chi lan nghênh húc nhật;*  
*Đinh tiễn đào lý ái xuân phong.*

Dưới bậc chi lan nghênh nắng sớm;  
Trước xuân đào lý đón xuân sang.

春發其華秋結其實  
業精於動行成於思

*Xuân phát kỳ hoa, thu kết kỳ thực;*  
*Nghiệp tinh ư động, hành thành ư tư.*

Xuân phát về vẻ, thu kết về thực;  
Nghiệp tinh ở càn, hành tinh ở tư.  
(1) Đạo: Lúa nếp hương.

禮以制行樂以和德  
儉則足用動則有功

*Lễ dī chế hành, nhạc dī hòa đức;*

*Kiệm tắc túc dụng, động tắc hữu công.*

Lễ để chế hành, nhạc để hoà đức;

Kiệm thì dùng dù, cầm thì có công.

蘭桂聯芳一種天香浮錦砌  
椿萱並秀十分春色麗華堂

*Lan quế liên hương, nhất chủng thiên hương phù cầm thế;  
Xuân huyên tịnh tú, thập phân xuân sắc lè hoa đường.*

Lan quế thơm hoa, một thể thêm hương phô nền gấm;  
Xuân huyên tươi tốt, mười phần xuân sắc đẹp hoa đường.

春日麗華堂郁郁椿萱榮玉葉  
瑞香浮錦砌森森蘭桂濯金葩

*Xuân nhật lè hoa đường ức úc xuân huyên vinh ngọc diệp;  
Thuy hương phù cầm thế sâm sâm lan quế trạc kim ba.*

Xuân nhật đẹp hoa đường, rực rỡ xuân huyên tươi lá ngọc;  
Hương lành phô thêm gấm, xum xuê lan quế đẹp bông vàng.

不是慈孝友恭更有何事可樂  
只此文章道義便云到處皆春

*Bất thị từ hiếu hữu cung, cánh hữu hà sự khả lạc;  
Chỉ thủ văn chương đạo nghĩa, tiện vận đáo xứ giai xuân;*

Chưa thật từ hiếu hữu cung, cũng thấy vui tươi mọi việc;  
Chỉ là văn chương đạo nghĩa, liền mừng khấp chốn đều xuân

春色壯華居雲氣飛來開書錦  
桂陰森玉樹天香時動映華堂

*Xuân sắc tráng hoa cư, vân khí phi lai khai thư cầm;  
Khuê âm sâm ngọc thụ, thiên hương thời động ánh hoa đường.*

Xuân sắc đẹp hoa cù, vân khí bay về tươi ngàn gấm;  
Quê âm lòng ngọc thụ, thiên hương lay động ánh hoa đường.

客至豈空談四壁圖書聯當酒  
春來無別事一簾風月欲催詩

*Khách chí khởi không dàm, từ bích đồ thư liên đương tửu;*  
*Xuân lai vô biệt sự, nhất liên phong nguyệt dục thôi thi.*

Khách đến há không dàm, bốn vách đồ thư mời nhau rượu;  
Xuân về vô sự khác, một rèm phong nguyệt muốn đề thơ.

萬丈青雲才子路  
一輪皓月眾家燈

*Vạn trượng thanh vân tài tử lộ;*  
*Nhất luân hạo nguyệt chúng gia đặng.*

Muôn trượng mây xanh, đường tài tử;  
Một vàng trăng sáng nến mọi nhà.

溶溶夜月燈連市  
藹藹春光花滿城

*Dung dung dạ nguyệt dặng liên thị;*  
*Ái ái xuân quang hoa mãn thành.*

Lung linh đêm nguyệt đèn liền thị;  
Tao nhã ánh xuân hoa khắp thành.

銀燈輝映天街月  
玉炬光搖萬戶春

*Ngân dặng huy ánh thiên nhai nguyệt;*  
*Ngọc cự quang dao vạn hộ xuân.*

Đèn bạc sáng bừng nghìn lối nguyệt;

Đuốc vàng soi khắp vạn hộ xuân.

平安竹報全家慶  
富貴花開滿室春

*Bình an trúc báo toàn gia khánh;  
Phú quý hoa khai mǎn đường xuân.*

Trúc báo bình an toàn gia thịnh;  
Hoa khai phú quý khắp nhà xuân.

碧水環門龍起舞  
丹山繞室鳳飛鳴

*Bích thuỷ hoàn môn long khởi vũ;  
Đan sơn nhiễu thất phượng phi minh.*

Nước biếc bao quanh như rồng múa;  
Núi non uốn lượn tựa rồng bay.

靜向庭中看鶴舞  
閒從戶外聽鶯歌

*Tĩnh hương đình trung khan hạc vũ;  
Nhàn tòng hộ ngoại thính oanh ca.*

Trong sân tĩnh lặng xem hạc múa;  
Ngoài cổng thanh nản lắng oanh ca.

勤與儉治家上策  
和而忍處世良規

*Cần dũ kiệm trị gia thương sách;  
hoà nhẫn xử thế lương quy.*

Cần kiệm trị gia là sách tốt;  
Nhẫn hòa xử thế áy phép hay.

忠厚傳家安且吉  
公平處世熾而昌

*Trung hậu truyền gia an thà cát;  
Công bằng xử thế xí nhi xương.*

Trung hậu truyền gia an lại tốt;  
Công bằng xử thế đẹp mà hay.

碧桃紅杏乾坤景  
暖日和風宇宙春

*Bích đào hồng hạnh càn khôn cảnh;  
Noan nhât hoà phong vū trụ xuân.*

Hạnh hồng đào biếc càn khôn cảnh;  
Ngày ấm gió hòa vũ trụ xuân.

傳家萬事皆宜忍  
教子千方百不外勤

*Truyền gia vạn sự giao nghi nhẫn.  
Giáo tử tiên phương bất ngoại cần.*

Muôn việc truyền gia cần lấy nhẫn;  
Nghìn phương dạy trẻ chẳng ngoài “cần”.

座擁書城謀素志  
門迎鴈塔望題名

*Toạ ủng thư thành mưu tố chí;  
Môn nghênh nhạn tháp vọng đề danh.*

Nhà giúp thành thư mưu chí hướng;  
Môn nghênh nhạn tháp vọng danh đê.

待人寬三分是福

處世讓一步爲高

*Dãi nhân khoan tam phân thi phúc;  
Xử thế nhường nhất bộ vi cao.*

*Dãi người rộng ba phần là phúc;  
Xử thế nhường một bước mới cao.*

瑞氣生來睢孝弟  
家聲振起是詩書

*Thuy khí sinh lai duy hiếu đệ;  
Gia thanh chấn khởi thi thư.*

*Khí tốt sinh ra duy hiếu đệ;  
Gia thanh hưng chấn rõ thi thư.*

光借清風明借月  
動觀流水靜觀山

*Quang tá thanh phong minh tá nguyệt;  
Động quan lưu thuỷ tĩnh quan sơn.*

*Quang mượn thanh phong minh mượn nguyệt;  
Động nhìn nước chảy tĩnh nhìn non.*

同心兄弟真師友  
得意文章祇性情

*Đồng tâm huynh đệ chán sư hữu;  
Đắc ý văn chương chỉ tính tình.*

*Huynh đệ đồng tâm như sư hữu;  
Văn chương đặc ý chỉ tính tình.*

處世莫如積德  
傳家還是讀書

Xử thế mạc nhu tích đức;  
Truyền gia hoàn thi độc thư.

Xử thế chẳng gì bằng tích đức;  
Truyền gia duy nhất đúng độc thư.

靜以修身儉以養德  
入則篤行出則友賢

Tinh dī tu thân, kiêm dī dưỡng đức;  
nhập tắc đốc hành, xuất tắc hữu hiền.

Tinh để tu thân, kiêm để dưỡng đức;  
Nhập thì quyết làm, xuất thì giúp bạn.

金石其心芝蘭其室  
人義爲友道德爲師

Kim thạch kỳ tâm, chi lan kỳ thất;  
Nhân nghĩa vi hữu, đạo đức vi sư.

Vàng đá là tâm, chi lan là thất;  
Nhân nghĩa làm bạn, đạo đức làm thầy.

慈孝友恭一堂吉慶  
詩書禮樂滿室榮華

Tứ hiếu hữu cung nhất đường cát khánh;  
Thi thư lễ nhạc mãn thất vinh hoa.

Tứ hiếu hữu cung, một nhà tốt phúc;  
Thi thư lễ nhạc, đầy cửa vinh hoa.

春發其華秋結其實  
行先乎孝藝裕乎文

Xuân phát kỳ hoa, thu kết kỳ thực;

*Hành tiên hồ hiếu, nghệ du hồ văn.*

Xuân phát vể hoa, thu kết vể thực;  
Hành đầu ở hiếu, tài nghệ ở văn.

是訓是行纂乃祖考  
有典有則貽厥子孫

*Thị huán thị hành toàn nài tổ khảo;*  
*Hữu diển hữu tắc di quyết tử tôn.*

Việc huán việc hành, tổ tiên hợp lại;  
Có phép có tắc con cháu kế thừa.

積慶仰前徽世德祖承所愛箕裘繼美  
發祥看後裔家修勿替還其蘭桂騰芳

*Tích khánh ngưỡng tiền huy, thế đức tương thừa, sở ái cơ câu kế mỹ;*  
*Phát tường khán hậu duệ, gia tu vật thế, hoàn kỳ lan quế đăng phương.*

Tích đức ngưỡng tiền nhân, đạo đức kế thừa, kính ái dôi truyền tục  
mỹ;  
Phát tường xem hậu duệ, nếp nhà chở bỏ, quế lan tiếp nối thơm  
hương.

滿架圖書都市當行孝弟  
盈庭草木莫非祇種芝蘭

*Mãn giá đồ thư đô thị đương hành hiếu đế;*  
*Doanh đình thảo mộc mạc phi chi chủng chi lan.*

Đầy giá đồ thư đều là thực hành hiếu đế;  
Một sân thảo mộc gì hơn loài quý chi lan.

柳綠桃紅四面雲山舒錦繡

## 蘭芳桂馥滿庭花木獻文章

*Liễu lục đào hồng tử diện vân sơn thu cẩm tú;  
Lan phương quế phúc mân đình hoa mộc hiến văn chương.*

Liễu thắm đào hồng, bốn mặt núi mây như gấm dệt;  
Lan thơ quế ngát, đầy sân hoa mộc đẹp văn chương.

## 無事樂琴棋上斷春風林下趣 有舒遺子弟還期秋月桂中舉

*Thu sự lạc cầm kỳ thương đoạn xuân phong lâm hạ thú;  
Hữu thư di tử đệ hoàn kỳ thu nguyệt quế trung phan.*

Nhàn tản thú cầm kỳ, hưng láy gió xuân ùa dưới lá;  
Sách đèn truyền con trẻ, hẹn kỳ thu nguyệt vịn quế cành.

## 積德勝遺金處世當遵司馬訓 惟善以爲寶持身宜省所書言

*Tích đức thắng khiền kim xử thế đương tuân tư mã huấn;  
Duy thiện dĩ vi bảo trì thân nghi tĩnh sở thư ngôn.*

Tích đức thắng kim ngàn, xử thế hãy theo lời Tư mã<sup>1</sup>;  
Duy thiện là của quý, tu thân nên tĩnh giọng Sở thư<sup>2</sup>.

## 龍之騰鳳之舞大丈夫這般氣象 風之光月之霽士君子何等襟懷

*Long chi đằng, phượng chi vũ, đại trượng phu giá ban khí tượng;  
Phong chi quang, nguyệt chi tể, sĩ quân tử hà đằng khâm hoài.*

Gió thoáng trong, thật rõ mong hoài người sĩ quân tử;

<sup>1</sup> Tư Mã Quang là sử gia đời nhà Tống, Trung Quốc. Ông có sách Gia huấn nổi tiếng.

<sup>2</sup> Sách vở nước Sở có những điều không phù hợp với quan điểm của tác giả.

Rồng bay phượng múa, ấy là khí tượng bậc đại trượng phu.

居安宅行正路心地蕩平舒泰  
稽聖經訂賢傳事業正大高明

*Cư an trạch, hành chính lộ, tâm địa dâng bình thư thái;  
Kê thánh kinh đính hiền truyện, sự nghiệp chính đại cao minh.*

An cư gia trạch, làm theo chính lộ, tâm chí yên bình thư thái.;  
Khảo cứu thánh kinh, đích chính hiền truyện, sự nghiệp chính đại cao minh.

念先人立身教家不外綱常大節  
囑後裔繼志述事毋忘忠孝初心

*Niệm tiên nhân lập thân giáo gia, bất ngoại cương thường đại tiết;  
Chúc hậu duệ kế chí thuật sự, vô vong trung hiếu sơ tâm.*

Nhà tiên nhân lập thân giáo gia, chẳng ngoại cương thường đạo lớn;  
Dẫn hậu duệ kế chí thuật sự, đừng quên trung hiếu việc đầu.

室有餘香謝草鄭蘭竇桂樹  
家無別況唐詩晉字漢文章

*Thất hữu dư hương, Dạ thảo, Trinh lan, Đậu quế thu  
Gia vô biệt huống, Đường thi, Tân gia, Hán Văn chương.*

Nhà ở có thừa hương thơm ngát Tạ thảo, Trinh lan, Đậu quế<sup>1</sup>;  
Gia đường không gì khác, người danh đường thi, Tân tự, Hán văn<sup>2</sup>.

父母遐齡白髮堂中榮暮景

<sup>1</sup> Tạ Linh Vận đời Nam Bắc triều, Trịnh Huyền người đời Đông Hán, Đậu Yên Sơn đời Chu ở Trung Quốc là những người văn học giỏi và dạy bảo con cái thành đạt.

<sup>2</sup> Thơ đời Đường, văn chương đời Hán đều nổi tiếng.

兒孫滿眼彩衣階下舞春風

*Phụ mẫu hà linh, bạch phát đường trung vinh mô cánh;  
Nhi tôn mân nhän, thái y giai hæ vñ xuân phong.*

Cha mẹ tuổi cao, bạch phát trung đường<sup>1</sup> vui kê bóng;  
Cháu con tươi trẻ, thái y giai hæ<sup>2</sup> múa mừng xuân.

書有未曾經我讀  
事無不可對人言

*Thư hữu vị tàng kinh ngã độc;  
Sự vó bất khả đối nhân ngôn.*

Sách có thể ta chưa từng đọc;  
Việc tắt cùng kẻ khác đổi ngôn.

四時淑氣融萱草  
六月薰風動竹林

*Tứ thời thực khí dung huyên thảo;  
Lục nguyệt huân phong động trúc lâm.*

Bốn mùa thực khí<sup>3</sup> ngồi huyên thảo;  
Tháng sáu huân phong<sup>4</sup> động trúc lâm.

北海樂交天下士  
東山笑讀古人書

*Bắc hải lạc giao thiên hạ sĩ;  
Đông sơn tiếu đọc cổ nhân thư.*

<sup>1</sup> Bạch phát trung đường: cha mẹ già tóc bạc ở trong nhà.

<sup>2</sup> Thái y giai hæ: con cháu mặc áo đẹp ở dưới thẩm.

<sup>3</sup> Thực khí: Không khí ôn hòa.

<sup>4</sup> Huân phong: gió nam.

Sĩ thiên hạ giao lưu nơi biển Bắc;  
Sách cổ nhân vui độc chốn non Đông.

清言如晉人足矣  
濁酒以漢書下之

*Thanh ngôn như Tấn nhân túc hỷ;*  
*Trọc tiều dĩ Hán thư hạ chi.*

Nói lí luận sương, như người nước Tấn là quá đú;  
Rượu chè vô độ, xem sách đời Hán là rất xuàng.

風生草際笙蕭韻  
雨過庭前蘭蕙香

*Phong sinh thảo tế sênh tiêu vận;*  
*Vũ quá đình tiền lan huệ hương.*

Gió qua cỏ rậm sinh tiêu samo;  
Mưa đến trên nhà ngát hương lan.

伊周事業間中會  
孔孟文章靜裏尋

*Y Chu sự nghiệp nhàn trung hội.*  
*Khổng Mạnh văn chương tĩnh lý tầm.*

Văn chương tĩnh lý tìm Khổng Mạnh<sup>1</sup>  
Sự nghiệp nhàn quan khảo y Chu<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> *Khổng tử, Mạnh tử*: hai nhà Nho nổi tiếng ở Trung Quốc cổ đại.

<sup>2</sup> *Y Doãn*: một khai quốc công thần đời nhà Thương ở Trung Quốc. Chu Công: người đời nhà Chu ở Trung Quốc có công định chế độ lễ nhạc và nghi thức: quan, hôn, tang, tế thời xưa.

紫燕庭中宜好語  
黃鸝戶外報佳音

*Tử yến đình trung nghi hảo ngữ;  
Hoàng ly hộ ngoại báo giai âm.*

Yến tía giữa sân vang tiếng hót;  
Ly vàng ngoài cửa báo ân hay.

得意客來倩不厭  
如心人到語相投

*Đắc ý khách lai thiến bất yém;  
Như tâm nhân đáo ngữ tương đầu.*

Khách thăm đắc ý vui không chán;  
Người đến như lòng chuyện hợp nhau.

兄友弟恭乃君子修身之本  
禮門義路爲大人涉世之方

*Huynh hữu đệ cung nãi quân tử tu thân chí bản;  
Lễ môn nghĩa lộ vi đại nhân thiệp thế chí phương.*

Huynh hữu đệ cung<sup>(1)</sup> áy là gốc tu thân trang quân tử;  
Lễ môn nghĩa lộ<sup>(2)</sup> áy là phương tiện thế bậc đại nhân.

雲路鵬程九萬里  
雪窗焚火十餘年

*Vân lộ bằng trình cửu vạn lý;  
Tuyết song huỳnh hoả thập dư niên.*

<sup>1</sup> *Huynh hữu đệ cung*: anh thì giúp đỡ, em thì cung kính.

<sup>2</sup> *Lễ môn nghĩa lộ*: lấy lễ làm cửa, lấy nghĩa làm đường.

Chín vạn dặm chim băng nơi vân lộ<sup>1</sup>;  
Hơn mươi năm lửa đóm chốn tuyết sơn<sup>2</sup>.

青雲路遠留心步  
丹桂根深著意栽

*Thanh vân lộ viễn lưu tâm bộ;*  
*Đan quế căn thẳm trước ý tài.*

Đường thẳng thanh vân lưu tám bước;  
Gốc sâu đan quế chú mục vân.

一簾花影雲垂地  
半夜書聲月在天

*Nhất liêm hoa ảnh vân thuỷ địa;*  
*Bán dạ thư thành nguyệt tại thiên.*

Một bức bóng hoa mây rù đất;  
Nửa đêm tiếng sách nguyệt trên trời.

其人如碧梧翠竹  
此志在流水高山

*Kỳ nhân như bích ngô thuỷ trúc;*  
*Thủ chí tại lưu thuỷ cao sơn.*

Nhân cách như ngô xanh trúc thẳm;  
Chí hướng tại nước chảy non cao.

一庭花發成知己  
萬卷書開見古人

---

<sup>1</sup> Vân lộ: đường mây, chỉ con đường học hành đỗ đạt.

<sup>2</sup> Tuyết sơn: nơi sơn cửa có tuyết, ý nói học hành chăm chỉ.

*Nhất định hoa phát thành tri kỷ;  
Vạn quyển thư khai kiến cổ nhân.*

Một sân hoa nở thành tri kỷ;  
*Vạn quyển thư khai kiến cổ nhân.*

一樹梅花一樹玉  
半床明月半床書

*Nhất thụ mai hoa nhất thụ ngọc;  
Bán sàng minh nguyệt bán sàng thư.*

Một khóm hoa mai một khóm ngọc;  
Nửa giường trăng sáng nửa giường thư.

學海無涯勤是岸  
登雲有路志爲高

*Học hải vô nhai cầu thị ngạn;  
Đăng vân hữu lộ chí vi cao.*

Học bể vô bờ cần là bền;  
Lên mây có néo chí phải cao.

萬丈文星光戶外  
一聲鳥語鬧花前

*Vạn trượng văn tinh quang hộ ngoại;  
Nhất thanh điểu ngữ náo hoa tiên.*

Muôn trượng ánh sao soi ngoài cổng;  
Một lời chim hót náo trước thềm.

文筆插天雲作篆  
詞瀾浴日劍成龍

*Văn bút tháp thiên vân tác triện;*

*Từ lan* dục nhật kiêm thành long.

Văn bút viết thanh thiên, mây tác triện;  
Từ lan<sup>100</sup> tô hồng nhật, kiêm thành rồng.

滿室芝蘭滋雨露  
一園桃李趙風雲

*Mǎn thất chi lan tư vū lô;*  
*Nhát viên đào lý triệu phong vân.*

Đầy thất chi lan tươi mưa móc;  
Một vườn đào mận gọi gió mây.

日月兩輪天地眼  
詩書萬卷聖賢心

*Nhát nguyệt lưỡng luân thiên địa nhän;*  
*Thi thư vạn quyển thánh hiền nhän.*

Nhật nguyệt đôi vàng thiên địa nhän;  
Thi thư vạn quyển thánh hiền tâm.

滿院花香呈翰墨  
三春鳥語話文章

*Mǎn viện hoa hương trình hàn măc;*  
*Tam xuân điểu ngữ thoại văn chương.*

Đầy viện hoa thơm tình bút mực;  
Ba xuân chim hót nói văn chương.

萬里風雲橫筆陣  
九天奎璧入文章

---

<sup>100</sup> (1) *Từ lan*: văn từ như sóng nước.

*Vạn lý phong vân hành bút trận;  
Cửu thiên khuê bích nhập văn chương.*

*Vạn dặm gió mây vung bút trận;  
Chín tầng khuê bích nhập rồng văn.*

一軒風月雖然靜  
萬卷詩書莫放閒

*Nhất hiên phong nguyệt tuy nhiên tĩnh;  
Vạn quyển thi thư mặc phóng nhàn.  
Một hiên trăng gió dầu yên tĩnh.  
Vạn quyển thi thư chẳng lúc nhàn.*

研沼風生排墨浪  
筆毫花放染形雲

*Nghiên chiều phong sinh bài mực lăng;  
Bút hào hoa phóng nhiễm đồng mòn.*

*Ao nghiên sinh gió xô sóng mực;  
Ngọn bút phát hoa nhuộm đỏ mây.*

窗外青山舒錦繡  
簷前好鳥話文章

*Song ngoại thanh sơn thư cầm tú;  
Thiêm tiền, hảo điểu thoại văn chương.*

*Ngoài cửa non xanh như gấm dệt;  
Trước thềm chim hót về văn chương.*

曙色橫窗春日麗  
雞聲入耳夜燈青

*Thứ sắc hoành song xuân nhật lè;*

*Kê thanh nhập nhĩ dạ dăng thanh.*

Sắc nắng ngang song ngày xuân đẹp;  
Tiếng gà lợt nhĩ ngọn đèn xanh.

十載雲窗稽古典  
一朝虎榜奪科名

*Thập tái vân song kê cổ điển;*  
*Nhất triều hổ bảng đoạt khoa danh.*

Mười năm đèn sách khảo điển cũ;  
Một sáng bàng đê đoạt khoa danh.

士子攻書十載寒窗燈火苦  
儒生及弟一朝魁榜姓名香

*Sĩ tử công thư thập tái hàn song dăng hoá khổ;*  
*Nho sinh cập đệ nhất triều khôi bảng tính danh hương.*

Sĩ tử chuyên cần, song lạnh mười năm công đèn lửa;  
Nho sinh trúng tuyển, khôi khoa một sớm nhất họ tên.

有志意成雲程那怕路頭遠  
無書不讀理窟方知海漾深

*Hữu chí ý thành vân trình na pha lộ đầu viễn;*  
*Vô thư bất độc lý quật phương tri hải dạng thâm.*

Có ý chí tâm thành, thang mây luồng sơ đường xa lắc;  
Không sách gì không đọc, suy kĩ mới hay biến học sâu.

著意栽培燈火結成丹桂  
留心涵養研池飛起蒼龍

*Trước ý tài bồi dăng hoá kết thành đan quê;*  
*Lưu tâm hàm dưỡng nghiên trì phi khởi thương long.*

Chú ý đập sồi, đèn lửa kết thành đan quế;  
Lưu tâm nuôi dưỡng, ao nghiên khai động rồng bay.

風 生 碧 潛 魚 龍 躍  
月 照 青 山 松 柏 香

*Phong sinh bích gian ngư long dược;*  
*Nguyệt chiếu thanh sơn tùng bách hương.*

Gió sinh khe biếc cá rồng nhảy;  
Trăng chiếu non xanh tùng bách thơm.

山 色 滿 窗 書 滿 架  
雲 根 為 壁 竹 為 門

*Sơn sắc mân song thư mân giá;*  
*Vân căn vi bích trúc vi môn.*

Sắc núi dày song sách dày giá;  
Chân mây làm sách trúc làm môn.

千 載 圖 書 山 色 裏  
四 時 歌 曲 鳥 聲 中

*Thiên tài đồ thư sơn sắc lý;*  
*Tứ thời ca khúc điệu thanh trung.*

Ngàn năm sách vỏ trong sắc núi;  
Bốn mùa chim hót rộn tiếng ca.

惟 靜 不 嫌 茅 屋 小  
心 清 自 覺 茶 根 香

*Duy tĩnh bất hiềm mao ốc tiêu;*  
*Tâm thanh tự giác trà cǎn hương.*

Tĩnh tĩnh chẳng hiềm nhà tranh nhỏ;

Thanh tâm tự biết gốc trà thơm.

半窗月落梅無影  
三徑風來竹有聲

Bán song nguyệt lạc mai vô ảnh;  
Tam kinh phong lai trúc hữu thanh.

Nửa song trăng lặn mai không bóng;  
Ba lối gió về trúc có thanh.

栽花準備擬爲詩客  
看竹何須問古人

Tài hoa chuẩn nghỉ vị thi khách;  
Khán trúc hà tu vấn cổ nhân.

Tìa hoa cẩn thận vì thi khách;  
Xem trúc sao nên hỏi cổ nhân.

點點水中星看破一天河洛  
層層架上史擁來萬古經綸

Điểm điểm thuỷ trung, tinh khán phá nhát thiên Hà, Lạc<sup>1</sup>;  
Tầng tầng giá thượng, sử ứng lai vạn cổ kinh luân.

Điểm điểm nước soi, tinh tú phá một trời Hà, Lạc;  
Tầng tầng giá xếp, sử pho lưu vạn cổ kinh luân.

村徑遶山松葉暗  
柴門林水稻花香

Thôn kính nhiều sơn tùng diệp ám;

---

<sup>1</sup> Hà, Lạc: Hà dỗ, Lạc thư là cơ sở của người xưa vạch ra bát quái trong sách Kinh dịch.

*Sài môn lâm thuỷ đạo hoa hương.*

Đường thôn vòng núi đường che kín;  
Cửa ngõ nước nhìn lúa ngát hương.

農圃有書教子且經桑柘  
榮華無夢潛身獨守跔蒿

*Nông phố hữu thư, giáo tử thả kinh tang ách;*  
*Vinh hoa vô mộng, tiềm thân độc thủ thuyền khao.*

Nghề nông có sách, dạy con cháu phòng khi thất bát;  
Đứng mộng vinh hoa, ẩn thân mình riêng giữ cổ thơm.

樓高遠送千峰翠  
閣峻長生六月涼

*Lầu cao viễn tống thiên phong thuy;*  
*Các tuấn trường sinh lực nguyệt lương.*

Lầu cao xa tiễn nghìn núi thẳm;  
Gác lớn trường sinh tháng sáu lương<sup>(1)</sup>.

好月當樓端近水  
清言對客總如蘭

*Hảo nguyệt đương lâu doan cận thuỷ;*  
*Thanh ngôn đối khách tổng như lai.*

Tháng tốt ở lâu vui gần nước;  
Lời hay tiếp khách thấy như lan.

先祖芳名留國史  
子孫績學繼家風

---

<sup>(1)</sup> Lương: mát mẻ.

*Tiên tổ phuơng danh lưu quốc sử;  
Tử tôn tích học kế gia phong.*

Tiên tổ danh thơm ghi sử nước;  
Cháu con tích học nối gương nhà.

四時花月寒喧裡  
一片湖山錦繡中

*Tứ thời hoa nguyệt hàn huyên lý;  
Nhất phiến hồ sơn cẩm tú trung.*

Bốn mùa trò chuyện cùng hoa nguyệt;  
Toàn cảnh gấm thêu giữa núi hồ.

虛閣清幽睹春夏秋冬景氣  
小亭瀟洒樂琴棋詩畫襟懷

*Hư các thanh u đỗ xuân hạ thu đông cảnh khí;  
Tiêu đình tiêu sái lạc cảm kỳ thư họa khâm hoài.*

Các vắng thanh u nhìn xuân hạ thu đông cảnh tượng;  
Tiêu đình tiêu sái, vui cảm kỳ thi họa đam mê.

翠竹蒼梧六月秋聲來枕簟  
奇花異卉四時春氣藹瓊臺

*Thúy trúc thương ngô lục nguyệt thu thanh lai chẩm đan;  
Kỳ hoa dị hùy tứ thời xuân khí ái quỳnh đài.*

Ngô xanh trúc thắm, lục nguyệt tiếng thu về gối giò;  
Thảo lạ hoa kỳ, tứ thời xuân khí nhã dài quỳnh.

半窗月落梅花影  
三徑風來竹管聲

*Bán song nguyệt lạc mai hoa cảnh;*

*Tam kính phong lai trúc quản thanh.*

Nửa song trăng xế hoa mai bóng;  
Ba luống<sup>1</sup> gió về sáo trúc thanh.

修竹滿庭浮翠色  
芳枝遶徑映春暉

*Tu trúc mân đình phù thủy sắc;*  
*Phương chi nhiêu kính ánh xuân huy.*

Trúc sửa, một sân tôn sắc thắm;  
Cành thơm quanh lối ánh màu xuân.

花園紅杏酣春色  
樹遶蒼松送午陰

*Hoa vi hồng hạnh cam xuân sắc;*  
*Thu nhiêu thương tuyệt tóng ngọ am.*

Hoa vây hạnh đỏ mê xuân sắc;  
Cây quán tùng xanh tiền bóng trưa.

梅雪松風清几席  
竹窗書幌共煙波

*Mai tuyết tùng phong thanh kỷ tịch;*  
*Trúc song thư hoảng cộng yên ba.*

Gió tuyết tùng mai sạch kỷ chiếu;  
Màn song thư trúc cộng khói mây.

春來深院梅花發  
秋滿閑庭桂樹新

<sup>1</sup> *Ba luống:* Xưa nhà nho thường trồng ba luống cúc trước nhà làm cảnh.

*Xuân lai thăm viện mai hoa phát;  
Thu mǎn nhàn định quê thu tân.*

*Xuân về viện thăm mai hoa nở;  
Thu mǎn sân nhàn sắc quê tân.*

月色溶溶青山綠水堪圖畫  
風聲習習翠竹蒼松奏管絃

*Nguyệt sắc dung dung thanh sơn lục thủy kham đồ hoạch;  
Phong thanh tập tập thúy trúc thương tùng tấu quản huyền.*

*Ánh nguyệt toả lan nước biếc non xanh như nét vẽ;  
Tiếng phong vi vút tùng xanh trúc thắm tựa sáo dàn.*

松影入溪流照見許多魚躍樹  
雲光隨日動看來無數燕飛波

*Tùng ảnh nhập khê lưu chiêu kiến hứa đa ngư được thụ;  
Vân quang tùy nhật động khán lai vô số yến phi ba.*

*Bóng tùng in suối chảy soi rõ bao nhiêu cây, cá nhẩy;  
Mây sáng đuôi mặt trời, ngắm nhìn vô số sóng, yến bay.*

賞山水聲音祇許漁樵問話  
尋田園樂趣聊爲農圃生涯

*Thưởng sơn thuỷ thanh âm chỉ hứa ngư tiều vấn thoại;  
Tầm diên viên lạc thú liệu vi nông phố sinh nhai.*

*Thưởng thức thanh âm sơn thủy, vui vẻ cho ngư tiều hỏi chuyện;  
Tim về lạc thú điền viên, hãy làm người nông phố sinh nhai.*

萬卷藏書宜子弟  
十年種樹長風雲

*Vạn quyển tàng thư nghi tử đệ;*

*Thập niên chung thư trường phong văn.*

Học trò phải tàng thư vạn quyển;

Mây gió nuôi cây lớn mười năm.

卷裡有詩皆錦繡  
人間無價是文章

*Quyển lý hữu thi giải cầm tú;*

*Nhân gian vô giá thi văn chương.*

*Trong quyển có thơ là gấm vóc*  
*Nhân gian vô giá, áy văn chương.*

玉堂聲價推先哲  
金鑒家風見後賢

*Ngọc đường thanh giá suy tiên triết;*  
*Kim giám gia phong kiến hậu hiền.*

*Nhà ngọc tiếng tăm suy hiền triết;*  
*Gương vàng phong tục biết hậu hiền.*

天邊鶴和聲傳野  
家際龍江德在淵

*Thiên biên hạc họa thanh truyền dã;*  
*Gia tế long giang đức tại uyên.*

Bên trời tiếng hạc vang đồng nội;  
Gia thế sông rồng bối đức sâu.

才花五色光明錦  
襟度重宵舒卷雲

*Tài hoa ngũ sắc quang minh cầm;*  
*Khâm độ trùng tiêu thư quyển vân.*

Tài hoa nǎm sắc quang minh gấm;  
Hoài bão cao vời mỏ quyền mây.

道 德 光 華 溫 潤 玉  
文 章 和 氣 吉 祥 花

Đạo đức quang hoa ôn nhuận ngọc;  
Văn chương hòa khí cát tường hoa.

Đạo đức sáng tươi ôn nhuận ngọc;  
Văn chương hòa khí tốt lành hoa.

雲 衡 有 志 終 酿 首  
翰 苑 金 臺 待 紀 功

Vân cù hữu chí chung nhương thủ;  
Hàn uyển kim đài dãi kỷ công.

Đường mây có chí tròn danh vọng;  
Đài ngọc rồng nho đợi chép công.

水 影 澄 清 觀 萬 相  
月 華 圓 滿 見 諸 天

Thủy ảnh trường thanh quan vạn tướng;  
Nguyệt hoa viên mãn kiến chư thiên.

Bóng nước trong xanh xem muôn trạng;  
Trăng tròn vành vạnh thấy khắp trời.

晴 窗 滴 露 花 搖 席  
午 夜 指 毫 月 滿 帷

Tinh song đích lộ hoa giao chiểu;  
Ngọ dạ huy hào nguyệt mãn duy.

Song sớm đọng sương hoa lay chiểu;

Nửa đêm huơ bút nguyệt dày màn.

四壁圖書常對酒  
一廉花雨欲催詩

Tứ bích đồ thư thường đối tiều;  
Nhất liêm hoa vũ giục thoi thi.

Bốn vách đồ thư thường đối ảm;  
Một rèm hoa vũ muốn dề thơ.

玉振金聲臺閣度  
和風光雨聖賢心

Ngọc chấn kim thanh dài các độ;  
Hoà phong quang vũ thánh hiền tâm.

Lay ngọc tiếng vàng dài các độ<sup>(1)</sup>;  
Gió hòa mưa tạnh thánh hiền tâm.

家傳好友情多適  
座擁琴書樂有餘

Gia truyền hảo hữu tình đa thích;  
Tọa ứng cầm thư lạc hữu dư.

Gia truyền bạn tốt tình thân thiết;  
Nhà trọng cầm thư vui có thừa.

不事詩書難脫俗  
能全孝有亦流芳

Bát sự thi thư nan thoát tục;  
Năng toàn hiếu hưu diệc lưu hương.

<sup>1</sup> Đài các độ: Phong độ nơi dài các.

Không trọng thi thư sao thoát tục;  
Biết toàn hiếu hữu cùng lưu phương<sup>(1)</sup>

半生事業青燈共  
十載憂勞白髮知

Bán sinh sự nghiệp thanh đăng cộng;  
Thập tài ưu lao bạch phát tri.

Nửa đời sự nghiệp đèn xanh thắp;  
Thập tài chăm lo tóc trắng thay.

學兼人已須防假  
德判盈虛只戒貪

Học kiêm nhân kỷ tu phòng giả;  
Đức phán doanh hư chỉ giới tham.

Học gồm mình, bạn nên phòng giả;  
Đức sẽ đầy với chỉ sợ tham.

眼前色相皆成幻  
靜裏乾坤不計年

Nhân tiên sắc tướng giải thành ảo;  
Tinh lý càn khôn bất kể niên.

Nhân tiên sắc tướng đều thành ảo;  
Trong khoảng đất trời chẳng tính năm.

海日磻桃開法界  
曇雲駕鶴擁諸天

Hải nhật bàn đào khai pháp giới;

---

<sup>1</sup> Lưu phương: Truyền lại tiếng thơm cho đời sau.

*Đàn ván giá hạc ứng chư thiên.*

Hải nhật đầu tiên khai pháp giới;  
Mây dày cưỡi hạc ứng chư thiên.

禪門自有長生訣  
佛教猶傳不老經

*Thiền môn tự hữu trường sinh quyết;*  
*Phật giáo do truyền bất lão kinh.*

Cửa thiền tự có trường sinh phép;  
Đạo phật còn truyền bất lão kinh.

石道泉光飛實地  
一輪明月入霞觴

*Bách đạo tuyễn quang phi thực địa;*  
*Nhất luân minh nguyệt nhập hà thương.*

Trăm đạo suối trong bay cõi thực;  
Một vàng trăng sáng nhập chén hà<sup>(2)</sup>.

法界新登花甲子  
禪堂長作老神仙

*Pháp giới tân đăng hoa giáp tý;*  
*Thiền đường trường tác lão thần tiên.*

Pháp giới lại đăng hoa tuổi tác;  
Nhà thiền còn tác lão thần tiên<sup>(1)</sup>.

神聖啓炎邦至今地不改籍民不改聚

<sup>2</sup> Hà: ráng mây. Ý nói nơi huyền ảo.

<sup>1</sup> Lão thần tiên: Ý nói tuổi thọ.

煮高奉諸廟是謂木之有本水之有源

*Thần thánh khải Viêm Bang, chí kim địa bất cải tịch, dân bất cải tụ;  
Huân cao phung thanh miếu, thị vị mộc chí hữu bản, thuỷ chí hữu  
nguyên.*

Thần thánh mở Viêm Bang, đến nay đất không đổi tịch, dân không  
đổi tụ;

Hương khói thờ thanh miếu, như thế gọi cây có gốc, gọi nước có  
nguồn.

過故國廟瀘洮依然碧浪紅濤襟帶雙流回白鶴  
登斯亭拜陵寢猶是神州赤縣山河四面控朱鳶

*Qua cố quốc, miếu Lô, Thao, y nhiên bích lăng hồng đào, khâm dời  
song lưu hồi Bạch Hạc;  
Đăng tict đình, bái lăng tẩm, do thị thần châu xích huyện, sơn hà tú  
diện không Chư Diên.*

Qua cố quốc, ngắm Lô, Thao, sóng biếc cuộn hồng, hai dòng ôm áp  
châu về Bạch Hạc;

Lên đình này, vái lăng tẩm, thần châu xích huyện, bốn mặt sơn hà  
không chê Chu Diên.

此地此山南國紀  
吾王吾土北辰尊

*Thứ địa thứ sơn Nam quốc kỷ;  
Ngô vương ngô thổ Bắc thần tôn.*

Đất đó, núi này, nước Nam cương kỷ;  
Vua ta, bản thổ, cung Bắc suy tôn.

貧居中市無人問

富 在 山 林 有 客 尋

Bản cư trung thi vô nhân vắng;  
Phú tại sơn lâm hữu khách tầm.

Bản cư giữa chợ không người hỏi;  
Phú tại rừng non có khách tìm.

錢 財 如糞 土  
義 重 似 天 金

Tiền tài như phán thối;  
Nghĩa trọng tự thiên kim.

Tiền tài như bùn đất;  
Nghĩa nặng tựa nghìn vàng.

功 在 前 朝 名 在 史  
生 為 良 將 死 為 神

Công tại tiền triều danh tại sử;  
Sinh vi lương tướng tử vi thần.

Công tại triều xưa danh tại sử;  
Sinh làm lương tướng tử làm thần.

過 如 秋 草 苒 難 盡  
學 似 春 冰 積 不 高

Quá như thu thảo sam nan tận.  
Học tựa xuân băng tích bất cao.

Nhiều như cỏ thu cắt không hết.  
Học tựa băng xuân chất khó cao.

煉 成 鋒 銛 眞 關 學  
歷 盡 艱 難 始 算 才

*Luyện thành phong ngạc chân quan học.  
Lịch tân gian nan thủy toán tài.*

*Luyện thành sắt nhọn nhờ chân học.  
Trãi khắp gian nan mới thực tài.*

斗酒縱觀廿一史  
爐香靜對十三經

*Đầu tửu tung quan chấp nhất sử.  
Lò hương tĩnh đối thập tam kinh.*

*Rượu đấu, đọc chơi, hai mươi Sử  
Lò hương, đêm ngâm mười ba kinh.*

板凳要坐十年冷  
文章不寫一句空

*Bàn đắng yêu tọa thập niên lanh.  
Văn chương bất tả nhất cú không.*

*Chiếc ghế vắng người mười năm lạnh.  
Văn chương lười viết, một câu không.*

有關家國書常讀  
無益身心事莫爲

*Hữu quan gia quốc thư thường đọc.  
Vô ích thân tâm sự mặc vi.*

*Quan tâm nhà nước sách thường đọc.  
Vô ích cho mình việc chó dây.*

刪繁就簡三秋樹  
領導梢新二月花

*Sán phồn tựu giản tam thu thụ.*

*Lãnh đạo tiêu tân nhị nguyệt hoa.*

Cắt thừa xén gọn cây ba năm;  
Đắp đường tạo mới hoa hai tháng.

藜火光聯書案月  
筆花香泛墨池雲

*Lê hỏa quang liên thư án nguyệt.  
Bút hoa hương phiếm mặc tri vân.*

Án nguyệt nhờ đuốc lê thấp sáng.  
Nghiên mực với bút hoa hương bay.

文章眞處性情見  
談笑深時風雨來

*Văn chương chân xú tính tình kiến.  
Đàm tiêu thâm thời phong vũ lai.*

Tính tình thể hiện ở văn chương.  
Xô xát hay do lâu đàm tiêu.

家少樓臺無地起  
案余燈火有天知

*Gia thiếu lâu đài vô địa khởi.  
Án dư đèn hỏa hữu thiên tri.*

Nhà ít lầu cao không đất dựng.  
Án thừa đèn thấp có trời hay.

是何意態雄且杰  
不露文章世已惊

*Thi hà ý thái hùng thả kiệt.  
Bất lộ văn chương thế dĩ kinh.*

Tinh ý chi đây hùng lại kiệt  
Văn chương chưa tỏ đủ đài kinh.

花 香 滿 坐 客 對 酒  
燈 影 隔 帘 人 讀 書

*Hoa hương mản tạ khách đối tửu.  
Đèn ảnh cách liêm nhân đọc thư.*

Hương hoa khắp chốn, khách mời rượu.  
Đèn sáng râm bên, người đọc thư.

開 卷 神 游 千 載 上  
垂 帘 心 在 萬 山 中

*Khai quyển thần du thiên tài thương.  
Thùy liêm tâm tại vạn sơn trung.*

Mở sách gặp người ngàn năm trước.  
Buông rèm lòng ở vạn trùng non.

虛 吸 入 窗 通 香 萬  
回 環 萬 象 出 文 章

*Hư hấp nhập song thông hương ái.  
Hồi hoàn vạn tượng xuất văn chương.*

Hít thở vào song thoáng hương ngát.  
Quang co muôn vẻ lối văn chương.

文 如 秋 始 塵 埃 淨  
詩 似 春 雲 態 度 妍

*Văn như thu thuỷ trần ai tĩnh.  
Thi tự xuân vân thái độ nghiên.  
Văn nước mùa thu không vẩn bụi.*

Thơ tựa mây xuân có vẻ xinh.

胸中錦繡三都賦  
筆底煙霞五岳雲

Hung trung cảm tú Tam đô<sup>1</sup> phú.

Bút đê yên hà Ngũ nhạc<sup>2</sup> vân.

Rực rỡ phú Tam đô trong bụng.

Khói mây núi Ngũ nhạc bút đê.

春似秋嘗遵萬古聖賢禮樂  
左昭右穆序一家世代源流

Xuân tự thu thường tuân vạn cổ thánh hiền lễ nhạc;  
Tả chiêu hữu mục tự nhất gia thế đại nguyên lưu.

Cúng tế xuân thu, tuân theo muôn thuở thánh hiền lễ nhạc;  
Phung thờ tả hữu, thứ tự một nhà thế đại nguyên lưu.

念先人立身教家不外剛常大節  
囑後裔繼志述事無忘忠孝初心

Niệm tiên nhân lập thân, giáo gia bất ngoại cương thường đại tiết;  
Chúc hậu duệ kế chí, thuật sự vô vong trung hiếu sơ tâm.

Nhớ tiên tổ lập thân, dạy bảo chẳng ngoài cương thường đại tiết<sup>3</sup>;  
Cậy cháu con kế nghiệp, truyền nhau đừng quên trung hiếu sơ tâm<sup>4</sup>.

祖有德宗有功惟烈惟光永保衣冠聯後裔  
左爲昭右爲穆以享以祀長承俎豆振前徽

<sup>1</sup> Tam đô: Ba kinh đô thời cổ đại Trung Quốc.

<sup>2</sup> Ngũ nhạc: Năm ngọn núi lớn ở Trung Quốc.

<sup>3</sup> Đại tiết: Khi tiết lớn.

<sup>4</sup> Sơ tâm: Cũng như “bản tâm” là cái lòng mình vốn có.

*Tổ hữu đức tông hữu công, duy liệt duy quang vĩnh bảo y quan liên  
hậu duệ;*  
*Tả vi chiêu hữu vi mục, dĩ hường dĩ tự trường thừa trở đậu chấn tiền  
huy.*  
Tổ có đức, tông có công, quang liệt vĩnh hằng y quan truyền hậu duệ;  
Trái thì chiêu, phải thì mục, phụng tư trường kế lê vật chấn tiền huy.

穆穆皇皇大聖人宗廟之美百官之富  
鏘鏘潔潔惟君子能由是路出入是門

*Mục mục hoàng hoàng đại thánh nhân tông miếu chi mỹ, bách quan  
chi phủ;*  
*Thương thương tế tế duy quân tử nǎng do thị lộ xuất nhập thị môn.*  
Cung kính đẹp tươi thay, bậc thánh nhân làm cho trăm quan giàu  
tông miếu đẹp;  
Đàng hoàng thuận lợi vậy, trang quân tử biết chọn con đường thẳng  
lối vào ngay.

千秋翰墨文光燦  
萬古旌旗武烈昭

*Thiên thu hàn mạc văn quang xán;  
Vạn cổ tinh kỳ vũ liệt chiêu.*

Ngàn năm hàn mạc văn tỏa sáng;  
Muôn thuở tinh kỳ vũ bừng soi.

義氣秉剛常千秋武烈昭雲漢  
德星輝翰墨萬古文章燦斗牛

*Nghĩa khí bình cương thường, thiên thu vũ liệt chiêu Văn Hán;  
Đức tinh huy hàn mạc vạn cổ văn chương xán Đấu Ngưu.*

Nghĩa khí giữ cương thường, ngàn năm vũ liệt soi Văn Hán;  
Đức tinh ngời hàn mạc, muôn thuở văn chương sáng Đấu Ngưu

學知不足  
業精于勤

*Học tri bất túc.  
Nghiệp tinh vu cẩn.*

Học biết chưa đủ.  
Nghề giỏi ở chấm.

杯浮海蕊  
詩凝雪花

*Bát phù mai nhuy.  
Thi ngưng tuyết hoa.*

Chén nỗi nhụy mai.  
Thơ đọng hoa tuyết.

惟道習虛  
好學爲福

*Duy đạo tập hư.  
Hiểu học vi phúc.*

Theo đạo lòng rỗng.  
Chăm học là phúc.

尋窮天下  
看盡人間

*Tầm cùng thiên hạ  
Khán tận nhân gian.  
Tìm khắp thiên hạ.  
Xem hết nhân gian.*

勤能補拙

學 可 醫 愚

*Cần năng bồ chuyết.  
Học khả y ngu.*

*Chăm hay bù vung  
Học chữa được ngu.*

學 知 不 足  
事 留 有 余

*Học tri bất túc.  
Sự lìu hữu dư.*

Học biết chưa đủ.  
Việc còn có thừa.

文 心 花 引 動  
詩 思 鳥 啼 來

*Văn tâm hoa dẫn động.  
Thi tứ điểu đê lai.*

Văn tâm hoa khêu gợi.  
Thi tứ chim đê ra.

燃 燈 苦 讀  
洗 耳 恭 聽

*Nhiên đèn khổ đọc.  
Tẩy nhĩ cung thính.*

Thắp đèn gắng đọc.  
Rửa tai lắng nghe.

四 体 不 勤 五 穀 不 分 孰 為 夫 子  
小 宜 不 問 大 事 必 文 才 算 學 生

Tứ thể bất cần ngũ cốc bất phân thực vi phu tử.  
Tiểu nghi tất vấn đai sự tất vấn tài toán học sinh.

Chân tay không động, nắm giống không phân, ai là thầy dạy.  
Ngò nhỏ lắng hỏi, việc lớn lắng nghe, đúng đắn học trò.

光 照 日 月  
氣 壯 山 河

Quang chiếu nhật Nguyệt.  
Khí tráng sơn hà.

Sáng chiếu nhật Nguyệt.  
Khí mạnh sơn hà.

知 足 常 樂  
無 欺 自 安

Tri túc thường lạc.  
Vô khi tự an.

Biết đủ thường vui.  
Không nhòn tự yên.

君 子 無 逸  
民 生 在 勤

Quân tử vô dật.  
Dân sinh tại cần.

Quân tử không rỗi.  
Dân sinh phải chăm.

一 襟 和 氣  
萬 酣 寬 胸

Nhát khâm hòa khí.

*Vạn đấu khoan dung.*

Một vật hoà khí.

Môn đấu lòng khoan.

抱素懷朴  
安性約身

*Bao tút hoài phác.*

*An tinh ước thân.*

Giữ lòng chất phác.

Yên tĩnh giữ mình.

寧爲玉醉  
不作瓦全

*Ninh vi ngọc toái*

*Bất tác ngoã toàn.*

Thà là ngọc nát.

Không làm ngói lành

聞過則喜  
疾惡如仇

*Văn quá tắc hy.*

*Tật ác như cừu.*

Nghe lỗi thời mừng.

Ghét xấu như thù.

業無貴賤  
品有尊卑

*Tinh vô quý tiễn.*

*Phẩm hữu tôn ty.*

Sang hèn không phân.  
Thú bậc theo phẩm.

不 攻 人 短  
莫 恃 己 長

*Bất công nhân đoản.*  
*Mạc thi kỷ trường.*  
Sở đoán người chả chê.  
Sở trường mình đừng cay.

失 意 休 饒  
得 勢 莫 狂

*Thất ý hưu nỗi.*  
*Đắc thế mạc cuồng.*  
Trái ý đừng nản.  
Đắc thế chó cuồng.

當 人 不 讓  
見 義 勇 爲

*Đương nhân bất nhượng.*  
*Kiến nghĩa dũng vi.*  
Gánh nhân không nhượng.  
Thấy nghĩa mạnh làm.

雲 山 風 度  
松 百 精 神

*Vân sơn phong độ.*  
*Tùng bách tinh thần.*  
Phong độ mây núi .

Tinh thần tùng bách.

勤能補拙  
儉以養廉

Cân năng bổ chuyết.  
Kiệm dĩ dưỡng liêm.

Chăm hay sửa vung.  
Kiệm để giúp liêm.

貧賤難移  
威武不屈

Bần tiện nan di.  
Uy vũ bất khuất.

Nghèo hèn khó rời.  
Uy lực không khuất.

境由心造  
事在人爲

Cảnh do tâm tạo.  
Sự tại nhân vi.

Cảnh do tâm tạo.  
Việc bởi người làm.

寬宏大量

遠囑高瞻

Khoan hoảng đại lượng.  
Viễn chúc cao chiêm.

Khoan dung đại lượng.

Trông rộng nhìn xa.

事理通達  
心氣和平

Sự lý thông đạt.  
Tâm khí hòa bình.

Lẽ việc thông suốt.  
Tâm khí hòa bình.

甜以思苦  
樂不忘慢

Điềm dĩ tư khổ.  
Lạc bất phong ưu.

Ngọt hây nhớ đắng.  
Vui không quên lo.

胸懷大志  
檢點自身

Hung hoài đại chí.  
Kiểm điểm tự thân.

Bụng có chí lớn.  
Kiểm điểm bản thân.

酒當少飲  
事要多知

Tửu đương thiểu ẩm.  
Sự yêu đa tri.

Rượu nên uống ít.  
Việc cần biết nhiều.

求通民情  
愿聞己過

*Cầu thông dân tình.  
Nguyện văn kỷ quá.*

Mong biết tình dân.  
Muốn nghe lỗi mình.

臨事勿躁  
待人宜成

*Lâm sự vội táo.  
Đãi nhân nghi thành.*

Gặp việc chớ nóng.  
Đãi người nên thành.

君子結心交  
智人山水樂

*Quân tử kết tâm giao.  
Trí nhân sơn thuỷ lạc.*

*Người quân tử kết thân bằng cái tâm  
Lỗi trí nhân là niềm vui của non nước.*

福地心田宜美果  
賢孫孝子即名花

*Phúc địa tâm diền nghi mỹ quả.  
Hiền tôn hiếu tử tức danh hoa.*

Cây phúc rộng tâm nên quả đẹp.  
Cháu hiền con thảo được hoa thơm.

口呼天地動

足舉鬼神驚

*Khẩu hô thiên địa động.  
Túc cử quỷ thần kinh.*

Miệng hô trời đất chuyển.  
Cát bước quỷ thần kinh.

楊柳枝頭甘露洒  
蓮花座上慧風生

*Dương liễu chi đầu cam lô sái.  
Liên hoa toà thương tuệ phong sinh.  
Cam lô vẩy dầu cành dương liễu.  
Gió tuệ sinh trên bệ đài sen.*

一人作福千人賴  
獨木聞花萬木青

*Nhất nhân tác phúc thiên nhân lại.  
Độc mộc khai hoa vạn mộc thanh.  
Một người làm phúc nghìn người hưởng.  
Cây độc ra hoa vạn cây xanh.*

養成大拙方爲巧  
學道如愚總是賢

*Dưỡng thành đại chayéi phương vi xảo.  
Học đáo như ngu tổng thi hiền.  
Giữ cho cực vụng mới là khéo.  
Học đến như ngu thực đúng hiền.*

真讀書人天下少  
不如意事古來多

*Chân độc thư nhân thiên hạ thiếu.  
Bất như ý sự cố lai đà.*

*Người ham đọc sách thế gian ít.  
Việc không như ý xưa nhiều.*

喬木好音多住聽鶯遷金谷曉  
上林春色早還看花報玉堂開

*Kiều mộc hảo âm đa, trú thính oanh thiên kim cốc hiếu;  
Thịt tượng lâm xuân sắc tảo, hoàn khan hoa báo ngọc đường khai.  
Cây lớn nhiều âm hay, đứng lặng oanh dời kim ốc sáng;  
Trên rừng sớm xuân sắc, về nhìn hoa báo ngọc đường khai.*

新火煙分新瑞氣  
舊年春早舊家風

*Tân hỏa yên phân tân thụy khí;  
Cựu niên xuân tảo cựu gia phong.  
Tân hỏa khói chia tan khí tốt;  
Cựu niên xuân sớm cựu gia phong.*

尼山木鐸群蒙啓  
夫子宮牆數仞林

*Ni sơn mộc đạc quần mông khải  
Phu tư cung tường số nhện lâm  
Bậc danh sư<sup>1</sup> Ni Sơn<sup>2</sup> biết bao công khai mở,  
Nơi bái vọng<sup>3</sup> phu tử<sup>4</sup> đến n. ấy nhận<sup>5</sup> tôn cao.*

<sup>1</sup> Bậc danh sư: Dịch thoát chữ “mộc đạc”. Mộc đạc là cái chuông, người xưa dùng đánh hiệu và học. Vì thế người ta gọi thầy học là “mộc đạc”.

<sup>2</sup> Ni Sơn: Tên núi ở nước Lỗ, nơi sinh của Khổng Tử, nên hiệu của Khổng Tử cũng gọi là Trọng Ni.

<sup>3</sup> Phu tử: Tiếng tôn xưng của học trò gọi thầy.

<sup>4</sup> Nhận: Thời cổ, 7 thước hoặc 8 thước gọi là một nhận.

<sup>5</sup> Sông tử (tứ thuỷ): Tên sông ở tỉnh Sơn Đông (Trung Quốc). Cũng là nơi nhiều người có tài văn chương.

泗水聞章昭萬古  
尼山道範耀千秋

*Tứ thuỷ văn chương chiêu vạn cổ;*  
*Ni Sơn đạo phạm diệu thiên thu.*

*Văn chương sông Tứ<sup>1</sup> ngời vạn cổ;*  
*Khuôn mẫu Ni Sơn<sup>2</sup> sáng nghìn thu.*

昔樹今花天積德  
困饑義指地鍾靈

*Tích thụ kim hoa thiên tích đức;*  
*Khốn cơ nghĩa chỉ địa chung linh.*

Cây xưa hoa nay trời tích đức.  
Đói nghèo nghĩa cử đất linh thiêng.

祖宗從德千年盛  
子孝孫賢萬代昌

*Tổ tông tòng đức thiên niên thịnh;*  
*Tử hiếu tôn hiền vạn đại xương.*

Công đức tổ tông nghìn năm thịnh;  
Cháu thảo con hiền muôn đời vinh.

山之秀水之清地世巍峨源自古  
田可耕書可讀族堂凜烈到于今

*Sơn chi tú, thuỷ chi thanh, địa thế nguy nga nguyện tự cổ;*  
*Điền khả canh, thư khả đọc, tộc đường lâm liệt đáo vu kim.*

<sup>1</sup> Khuôn mẫu Ni Sơn: Chỉ khuôn mẫu đạo của Khổng Tử.

<sup>2</sup>

Non xanh nước biếc, địa thế **nguy nga** nguyên có từ trước;  
Ruộng chǎm canh, sách chǎm đọc, tộc đường lǎm liệt đến nay.

祠堂振則剛常柱  
地派留傳福善門

Từ đường chấn tắc cương thường trụ;  
Địa mạch lưu truyền phúc thiện môn.

Từ đường thâm nghiêm thì đạo cương thường bền vững;  
Mạch đất tốt điều phúc thiện lưu truyền trong nhà.

香火不忘先祖德  
墓墳能對水山長

Hương hỏa bất vong tiên tổ đức;  
Mộ phần năng đối thuỷ sơn trường.

Khói hương không quên đức tổ tiên;  
Mồ mả trường tồn với núi sông.

壁間有耳言當謹  
心上無頭念要中

Bích gian hữu nhì ngôn đương cẩn;  
Tâm thương vô đầu niệm yêu trung.

Bức vách có tai lời cẩn trọng;  
Trong lòng đang rồi tránh sự sai nghiêng.

忠孝兩全能訓禮  
香煙三燭自從心

Trung hiếu lưỡng toàn năng huấn thể;  
Hương yên tam chúc tự tòng tâm.

Trung hiếu vẹn toàn năng rắn mình;

Khói hương ha nén tự lòng ta.

幼不求於學  
老則悔終天

*Áu bất cầu ư học  
Lão tắc hối chung niên.  
Lúc trẻ không để tâm học tập  
Về già sẽ hối hận suốt đời.*

莫疑進路無知己  
羞就桃源問主人

*Mạc nghi tiến lộ vô tri kỷ;  
Tu tựu đào nguyên vấn chủ nhân.  
Chẳng nghi đường đời không có tri kỷ;  
Gom góp việc tiêu dao hỏi chủ nhân.*

桃李春觀裝點長春景色  
芳蘭善室藏培今古青書

*Đào lý xuân quan trang điểm trường tân cảnh sắc;  
Chi lan thiện thất tang bồi kim cổ thanh thư.  
Xuân sang đào lý tô vẽ thêm cảnh sắc mới;  
Nhà mới chi lan giữ thêm vào sử sách xưa.*

馬按朝前水秀山青先勝跡  
金星衰後龍盤虎哲滿餘聲

*Mã án triều tiền, thuỷ tú sơn thanh, tiên thắng tích;  
Kim tinh suy hậu, long bàn hổ triết, mãn dư thanh.*

Trước có nước biếc non xanh Mã án châu cảnh thắng tích;  
Sau có rồng cuộn hổ ngồi Kim tinh chiếu mãi còn vang.

入室挽香蘭桂味  
盈堂樂會晉神人

*Nhập thất vân hương lan quế vị;  
Doanh đường lạc hội tán thần nhân.*

Vào nhà phòng phát hương lan quế;  
Vui hội đầy nhà đón thần nhân.

日月爭光花香色  
山河對面景自然

*Nhật nguyệt tranh quang hoa xuân sắc  
Sơn hà đối diện cảnh tự nhiên.*

*Nhật nguyệt sáng soi hoa thêm sắc  
Núi sông đối diện cảnh tự nhiên*

接客往來日夜門中不閉  
迎人出入暮朝年月常開

*Tiếp khách vãng lai, nhật dạ môn trung bất bế  
Nghinh nhân xuất nhập, mỗ triêu niên nguyệt thường khai  
Tiếp khách qua lại ngày đêm, trong nhà không ngọt  
Đón người ra vào sớm chiều, năm tháng thường vui.*

高獨貴尊萬代長存名繼盛  
祖堂靈拜天年朋在德留光

*Cao độc quý tôn, vạn代 trường tồn danh kế thịnh  
Tổ đường linh bái, thiên niên bằng tại đức lưu quang.*

Đáng quý tôn muôn đời tiếng thơm lưu truyền mãi mãi  
Nhà tổ chăm hương khói nghìn năm đức độ luôn tỏa sáng.

祖堂百世香花在

裔族千秋福祿長

Tô đường bách thế hương hoa tại  
Duệ tộc thiên thu phúc lộc trường

Nhà tổ trăm đời hương khói không ngót  
Con cháu nghìn năm phúc lộc dài

閑世平期禮戶義門當進化  
神先有露祥風瑞氣有登林

Nhàn thế bình kỳ, lê hộ nghĩa môn đương tiến hóa  
Thần tiên hữu lộ, tường phong thuy khí hữu đăng lâm  
Thời thế yên bình, cửa lê nghĩa đương nhiên tiến hóa  
Thần tiên xuất hiện, phong khí tốt lành hướng lên non.

妙將懷如生第一天仙多顯應  
真身魂不死無雙神女最英靈

Diệu tượng làm như sinh, đệ nhất tiên tiên đa hiển ứng  
Chân thân hồn bất tử, vô song thần nữ tối anh linh  
Diệu tượng tựa như sống thứ nhất tiên trời luôn hiển ứng  
Chân thân hồn bất tử không hai nữ thần rất linh thiêng.

鸞駕顯微莫測所求必應  
雲車升降無停有感必通

Loan giá hiển vi mạc trắc, sở cầu nhi ứng  
Vân xa thăng giá vô định, hữu cảm tất thông  
Xe loan xuất hiện chẳng lường điều cầu sẽ được  
Đài mây lơ lửng không dừng có cảm tắt thông.

廟宇增修千秋如在  
馨祠起造萬代常新

*Miếu vù tăng tu, thiên thu như tai  
Hình từ khai tạo, vạn đại thường tân*

*Hiên miếu chăm tu sửa, nghìn năm vẫn còn nguyên vẹn  
Lời hay xuất hiện, muôn đời thường dùng.*

窈窕容儀天下母  
英靈變化女忠仙

*Yêu diệu dung nghi thiên hạ mẫu  
Anh linh biến hóa nữ trung tiên*

*Dáng diệu diu dàng xứng mẹ của thiên hạ  
Biến hoá linh thiêng đáng bậc nữ trung.*

微英微靈千秋正氣  
此民此地萬古福神

*Vi anh vi linh, thiên thu chính khí  
Thủ dân thủ địa, vạn cổ phúc thần*

*Anh linh tinh diệu nghìn năm chính khí  
Dân này đất này muôn thuở phúc thần.*

禮樂百年修廟典  
青平一曲訟神功

*Lễ nhạc bách niên tu miếu điển  
Thanh bình nhất khúc tung thần công.*

*Lễ nhạc trăm năm tôn điển miếu  
Thanh bình một thuở tụng công thần.*

十全群眾閑閑望  
五福當歸日日新

*Thập toàn quần chúng nhàn nhản vọng*

*Ngũ phúc dương quy nhát nhát tân*

*Thập toàn quân chúng thong thả ngóng*

*Ngũ phúc dương quy ngày ngày đổi mới.*

萬古英靈揚聖德  
一方音住仰神功

*Vạn cổ anh linh dương thánh đức*

*Nhát phương ấm trú ngưỡng thần công.*

*Muôn thuở anh linh dương đức thánh*

*Một phương ân trạch ngưỡng công thần.*

孝慈門戶留與地  
文武衣冠祖肇基

*Hiếu từ môn hộ lưu dư địa*

*Văn vũ y quan tổ triệu cơ*

*Nép nhà từ hiếu lưu muôn thuở*

*Khăn áo vù vù vẫn tiếp nền xưa.*

芳名常在留青史  
功德長存記石碑

*Phương danh thường tai lưu thanh sử*

*Công đức trường tồn kí thạch bia*

*Tiếng thơm còn mãi lưu thanh sử*

*Công đức dài lâu khắc tại bia.*

市發見有威可畏  
及時來禮物不遺

*Thị phát kiến hữu uy khả uý*

*Cấp thời lai thể vật bất di*

*Thị phát thấy có uy đáng sợ*  
Tức thời nay vật thể không dời.

廟貌裝嚴千古在  
同民奉祀百年香

*Mẫu mạo trang nghiêm thiên cổ tại*  
*Đồng dân phung tự bách niên hương*

*Mẫu mạo trang nghiêm nghìn năm vẫn còn đó*  
Muôn người thời phụng mãi còn thơm.

民到于今載德  
聖自遠古之靈

*Dân đáo vu kim tài đức*  
*Thánh tự viễn cổ chi linh.*

*Người dân đến nay vẫn trọng đức*  
Đức thánh từ xưa muôn thuở linh thiêng.

繼龍君而丁李陳黎杖笠靈聲已古  
通家君之東西南北宮庭香火如初

*Kế Long quân nhi Đinh, Lý, Trần, Lê, trường lạp linh thanh dĩ cổ*  
*Thông gia quân chi đông, tây, nam, bắc, cung đình hương hỏa như sơ*  
Kế Long quân, họ Đinh, Lý, Trần, Lê, nối dòng linh thanh thuở trước  
Đến vua nay, bốn phương đông, tây, nam, bắc, cung đình hương khói  
như xưa

配含遇奇緣東土降生三顯聖  
聲斯成大道南邦不死四靈神

*Phôi hàm ngộ kỳ duyên, Đông Thổ giáng sinh tam hiển thánh*  
*Thanh tư thành đại đạo, Nam Bang bất tử tứ linh thần*

Đông Thủ duyên kỳ ngộ, cùng giáng sinh ba bậc hiền thánh  
Nam Bang đạo đại thành, nổi tiếng bốn vị linh thần bất tử

南天四位名高巍巍照日月  
越地百靈威勝凜凜滿高山

Nam thiên tứ vị, danh cao nguy chiếu nhật nguyệt  
Việt địa bách linh, uy thắng lâm lâm mãn cao sơn.

Bốn vị trời Nam, danh cao với ánh sáng cùng nhật nguyệt  
Bách linh đất Việt, uy danh lâm liệt khắp non cao.

一夜風雷三同化  
億年香火四靈通

Nhất dạ phong lôi, tam đồng hóa  
Úc niên hương hỏa, tứ linh thông.

Một đêm sấm chớp, ba Thánh cùng hóa  
Nghìn năm hương khói, bốn cõi linh thiêng.

樓前嫋媚龍翔化  
檻外康莊鳳奏歌

Lâu tiền vū mị long tường hóa  
Hàn ngoại khang trang phượng tấu ca.

Trước lâu tươi đẹp rồng bay lượn  
Ngoài hiên khang trang phượng tấu ca.

巍峨殿宇千千士  
赫奕威靈萬萬兵

Nguy nga điện vū thiên thiên sĩ  
Hách dịch uy linh vạn vạn binh.

Nguy nga điện vū ngàn ngàn sĩ

Chói lọi uy linh vạn vật bình.

國色傾城天下有  
英靈神女世間無

*Quốc sắc khuynh thành thiên hạ hữu  
Anh linh thần nữ thế gian vô.*

*Sắc nước nghiêng thành thiên hạ có  
Anh linh thần nữ thế gian không.*

昔丁卯歲奎星聚  
今慶春王化日長

*Tịch Đinh Mão tuế Khuê tinh tụ  
Kim khánh xuân vương hoá nhật trường.*

*Xưa năm Đinh Mão sao Khuê tụ chiếu  
Nay cảnh thái bình mặt trời chiếu dài lâu.*

敵掃萬兵名已古  
澤成一夜昔猶今

*Địch tảo vạn binh danh dĩ cổ  
Trạch thành Nhất Dạ tích do kim.*

*Quét giặc vạn binh, danh muôn thuở  
Đàm thành Nhất Dạ dấu còn đây.*

造化亦無權制今鼎靈丹傳不死  
神仙安在可接石斗廟貌凜如生

*Tạo hoá diệc vô quyền chế, kim đinh linh đan truyền bất tử  
Thần tiên an tại khả tiếp, thạch đầu miếu mạo lâm như sinh*

*Tạo hoá cũng chẳng quyền hành, đinh vàng linh đan truyền bất tử  
Thần tiên đâu tiếp được, thạch đầu miếu mạo vẫn còn đây.*

三十六洞亭萬古聲寧天素月  
七十二鄉社一壺風景世瀛蓬

*Tam thập lục động, đình, vạn cổ thanh ninh trời rạng rỡ  
Thất thập nhị hương xã, nhất hồ phong cảnh thế doanh bồng.*

*Ba mươi sáu động đình, muôn thuở thanh ninh trời rạng rỡ  
Bảy mươi hai làng xã, một vùng phong cảnh cõi doanh bồng.*

靈跡照垂天古壯  
神床顯相六民康

*Linh tích chiêu thuỷ thiên cổ tráng  
Thần sàng hiển tương lục dân khang.*

*Dấu thiêng rủ chiêu nghìn thuở tráng lệ  
Ban thờ thần tỏ rõ sáu dân khang ninh.*

軒后鼎成鰥子府  
湘妃琴托寡倉梧

*Hiên hậu đinh thành quan Tử phủ  
Tương phi cầm thác quả Thương Ngô.*

*Hiên hậu đinh thành mà Tử phủ không con  
Tương phi dàn xong thì Thương Ngô goá bụa.*

昔夜風雷神顯跡  
今春雨露聖流恩

*Tích dạ phong lôi Thần hiển tích  
Kim xuân vũ lộ Thánh lưu ân.*

*Sáng gió đêm xưa, dấu thần tỏ rõ  
Mưa móc xuân này, ơn thánh còn lưu.*

靈跡照垂千古錄

神床顯聖累朝褒

*Linh tích, chiếu thuỷ thiên cổ lục  
Thần sảng, hiển thánh luỹ triều bao.*

*Tích linh đẻ lại, nghìn năm còn chép  
Ban Thần hiển thánh, nhiều triều ngợi khen.*

爽 壴 一 壈 新 棟 宇  
清 光 萬 古 舊 宮 庭

*Sảng khải nhát hổ tân Đồng vũ  
Thanh quang vạn cổ cựu Cung đình.*

*Sảng khoái một lâu Đồng vũ mới  
Thanh quang muôn thuở Cung đình xưa.*

過者化極其大英靈獨不觀一夜澤自然州留顯跡  
得而入觀其中富美何必曰三神山太清洞有珠宮

*Quá giả hoá, cực kỳ đại anh linh, độc bất quan Nhất Đạ trạch, Tự  
Nhiên châu, lưu hiển tích.*

*Đắc nhi nhập, quan kỳ trung phú mỹ, hà tất viết Tam Thần sơn, Thái  
Thanh động, hữu Chu cung.*

Qua chơi hoá phép, anh linh diệu kì, không nhận ra đầm Nhất Đạ,  
bãi Tự nhiên còn lưu hiển tích.

Được lúc mà vào, xem sự giàu đẹp trong đó, việc gì phải nói động Thái  
Thanh, núi Tam Thần có cung Châu.

趙 越 王 清 夜 一 壈 貢 將 無 謂 塵 桂 海  
阮 行 遺 黑 墨 半 枕 眞 人 有 露 出 藍 山

*Triệu Việt Vương, thanh dạ nhất đàn, bí túng vô mưu tràn Quế Hải  
Nguyễn Hành Khiển, măc hắc bán chẩm, Chân nhân hữu lô xuất  
Lam Sơn.*

*Triệu Việt Vượng, đêm trăng lập đàn, vì hết tướng vô mưu nơi Quê Hải*

*Nguyễn Hành Khiển, đêm dài không ngủ, được Chân nhân mách lối chốn Lam Sơn.*

顯化妙神威日麗瓊臺千古壯  
陰扶姿聖德春輝化縣四民康

*Hiển hóa diệu thần uy, nhật lệ Quỳnh đài thiên cổ tráng  
Âm phù tư thánh đức, xuân huy Hoa huyện tứ dân khang.*

*Hiển hóa diệu kỳ, thần uy nhật lệ, Quỳnh đài nghìn năm tráng lệ  
Âm phù sẵn có, thánh đức sáng ngời, Hoa huyện muôn dân khang.*

笠印自古樓臺物峯天寶  
春火現今廟宇人傑地靈

*Lạp án tự cổ lâu đài, vật hoa thiên bảo  
Hương hỏa hiện kim miếu vũ, nhân kiệt địa linh.*

*Từ xưa lạp án xuất hiện vật hoa thiên bảo chốn lâu đài  
Hiện nay hương hỏa địa linh nhân kiệt nơi miếu vũ.*

再造一壺新棟宇  
重修萬古舊宮庭

*Tái tạo nhát hồ tân đóng vũ  
Trùng tu vạn cổ cựu Cung đình*

*Tái tạo một bầu Đống vũ đổi  
Trùng tu muôn thuở vẫn Cung đình xưa.*

歐亞敷天傳四異  
樓臺特地屹三宮

*Âu Á phu thiên truyền tứ dị*

*Lâu dài đặc địa ngặt tam cung.*

Âu, Á khắp nơi truyền bốn sự lạ  
Lâu dài được đắt cao vút ba cung.

東土降生遭仙景  
南邦妙化顯聖宮

*Đông Thổ giáng sinh tao tiên cảnh  
Nam Bang diệu hoá hiển thánh cung.*

Đông Thổ giáng sinh chơi tiên cảnh  
Nam Bang diệu hóa tỏ thánh cung.

萬古鴻飛昭偉跡  
九天龍爪顯神功

*Vạn cổ hồng phi chiêu vĩ tích  
Cửu thiên long trảo hiển thần công*

Muôn thuở hồng bay lưu dấu lớn  
Chín trời rồng lượn để thần công.

巍巍廟貌關郊野  
細細濤聲引管弦

*Nguy nguy miếu mạo quan giao dã;  
Té té đào thanh sơn quản huyền.*

Miếu mạo nguy nga nơi đồng ruộng;  
Tiếng sóng rì rào tua sáo đàn.

同坤道含弘母儀天下  
休天心遍覆子育倉生

*Đồng khôn đạo hàm hoằng, mẫu nghi thiên hạ;  
Hưu thiên tâm biến phúc, tử dục thương sinh.*

Cùng đạo Khôn khoan đô, xứng mẫu nghi thiên hạ;  
Vui lòng Thiên che khắp, muôn dân được trời nuôi.

煙凝寶蓋溪流蓮座都慈香。  
日麗祇圓貝葉金鍾和道嚮。

*Yên ngưng bảo cái, khé lưu liên toạ đô từ hương;  
Nhật lè chi viễn, bối diệp kim chung hoà đạo hương.*

Sương khói bao trùm Tam Bảo, dòng suối, toà sen đều toả hương lành;  
Mặt trời chiếu khắp vườn thiền, lá quý, chuông vàng đều hướng đạo.

龍德正中厥施斯普  
神功墨將惟休無疆

*Long đức chính trung quyết thi tư phổi;  
Thần công mặc tướng duy hưu vô cương.*

Đức rồng toà khắp, mọi kiếp phù sinh đều được tế độ;  
Công thần chẳng cạn, muôn loài sa giới đều được quyền ngang.

不滅不生貝葉寶花空是色  
無邊無量善人福果滿而圓

*Bất diệt bất sinh, bối diệp bảo hoa không thị sắc;  
Vô biên vô lượng, thiện nhân phúc quả mãn nhi viên.*

Không mất không sinh, kinh Bối diệp, kinh Bảo hoa không là có;  
Không giới hạn không cùng, theo việc thiện thì phúc quả tràn đầy.

三寶放玉毫而遍照  
萬靈鑒法界以莊嚴

*Tam bảo phóng ngọc hào nhi biến chiếu;  
Vạn linh giám pháp giới dì trang nghiêm.*

Tam Bảo toả ánh ngọc sáng chiêu khắp mọi nơi;  
Vạn linh khắc ghi pháp giới tỏ rõ sự trang nghiêm.

四 生 十 類 皆 瞻 仰  
三 途 六 道 免 沉 淪

Tứ sinh thập loại giai chiêm ngưỡng;  
Tam đồ lục đạo miễn trầm luân.

Tứ sinh, mười loại đều chiêm ngưỡng;  
Tam đồ, sáu đạo thoát cảnh trầm luân.

慧 日 慈 心 持 經 儻  
明 月 清 風 伴 禪 門

Tuệ nhật từ tâm trì kinh kệ;  
Minh nguyệt thanh phong bạn thiền môn.

Trời sáng lòng từ bi nắm giữ kinh kệ;  
Trăng thanh gió mát làm bạn với cửa thiền.

萬 古 綱 常 惟 正 道  
百 年 事 業 繫 斯 文

Vạn cổ cương thường duy chính đạo;  
Bách niên sự nghiệp hệ tư văn.

Đạo cương thường muôn thuở vẫn là đạo chính;  
Sự nghiệp trăm năm gắn chặt với tư văn.

道 德 文 章 參 兩 代  
高 堅 前 後 卓 三 綱

Đạo đức văn chương tham lưỡng đại;  
Cao kiên tiền hậu trác tam cương.

Đạo đức văn chương được coi là hai đạo lớn nhất;

Bên vững trước hay sau chỉ có ở đạo tam cương.

春回文物聲名地  
日朗衣冠禮樂天

Xuân hồi văn vật thanh danh địa;  
Nhật lăng y quan lễ nhạc thiên.

Xuân về đất văn vật thêm nổi tiếng;  
Ngày sáng trời áo mũ đầy lễ nhạc.

人三綱正九疇敘  
天四時行百物生

Nhân Tam cương chính, Cửu trù tự;  
Thiên tứ thời hành, bách vật sinh.

Người giữ ngay đạo Tam Cương, Cửu trù được đặt ra;  
Trời bốn mùa xoay vần, trăm vật sinh sôi nẩy nở.

至聖至誠純不已  
配天配地九無疆

Chí thánh chí thành thuần bất đỉ;  
Phối thiên phối địa cửu vô cương.

Bậc chí thánh, lòng thành thực lưu truyền mãi mãi;  
Cùng với trời, cùng với đất bền vững dài lâu.

化日光天三代下  
春風和氣兩間中

Hoá nhật quang thiên Tam đại hạ;  
Xuân phong hòa khí lưỡng gian trung.

Trời quang mày tạnh thời Tam đại;  
Xuân phong hòa khí giữa hai bên.

日月光華天復旦  
海河清晏世如春

*Nhật nguyệt quang hoa thiên phúc đán;  
Hải hà thanh yên thế như xuân.*

Tháng ngày vui tươi trời bừng sáng;  
Biển hồ phảng lặng đời như xuân.

地靈人傑神貽福  
化美風淳里有仁

*Địa linh nhân kiệt thần di phúc;  
Hoá mỹ phong thần lý hữu nhân.*

Địa linh nhân kiệt thần để phúc;  
Thuần phong mỹ tục làng có nhân.

星出雲興開舜旦  
山呼風祝慶堯天

*Tinh xuất vân hưng khai Thuấn đán;  
Sơn hô phong chúc khánh Nghiêng thiêng.*

Sao hiện, mây mừng mở đất Thuấn;  
Núi hô, gió chúc đẹp trời Nghiêng.

出途藏市遵王道  
擊壤歌衢頌帝王

*Xuất đồ tàng nhì tuân Vương đạo;  
Kích nhường ca cù tụng Đế vương.*

Ra đường, vào chợ tôn Vương đạo;  
Cày cấy vang ca tụng Đế vương.

蘭亭佳氣微神瑞  
金渚文波識聖恩

*Lan đình gai khí trưng Thần thụy;  
Kim chữ văn ba thức thánh ân.*

Đình lan khí tốt hó tên Thần;  
Bến vàng văn gợn tượng ơn Thánh.

翼軫山河高正氣  
貉鴻宇宙懷靈聲

*Dực Chấn sơn hà cao chính khí;  
Lạc Hùng vũ trụ lẫm linh thanh.*

Sao Dực sao Chấn, non sông cao chính khí;  
Tổ tiên lạc Hùng, trời đất đầy linh thanh.

威鎮鶴江寒蜀寇  
靈歸龍府福紫莊

*Uy trấn Hạc giang, hàn Thục khẩu;  
Linh quy Long phủ, phúc Sài trang.*

Uy trấn giữ ở sông Hạc, giặc Thục khiếp sợ;  
Linh ứng quy về Long phủ, thôn Sài đầy phúc.

名將爲福神鶴渚牛江顯跡  
雙生而兩化龍樓蛟室鍾英

*Danh tướng vi phúc thần, Hạc chủ Ngưu giang hiển tích;  
Song sinh nhì lưỡng hoá, Long lâu Giao thất chung anh.*

Danh tướng làm phúc thần, bái Hạc sông Ngưu hiển tích;  
Sinh đôi mà cùng hóa, lâu Long nhà Giao linh thiêng.

鶴江一陣西無蜀  
龍府雙歸水有神

*Hạc giang nhất trận, tây vô Thực;  
Long phủ song quy, thủy hữu Thần.*

Sông Hạc một trận, phía tây không còn bóng Thực;  
Phù Long cùng về, dòng sông có linh Thần.

立德立功不朽  
配天配地無疆

*Lập đức lập công bất hủ;  
Phối thiên phối địa vô cương.*

Lập đức lập công danh bất hủ;  
Sánh trời sánh đất rộng vô cùng.

望遠能知風浪小  
凌空始覺海波平

*Vọng viễn năng tri phong lăng tiểu  
Lăng không thùy giác hải ba bình.*

Nhin xa mới biết phong lăng nhỏ;  
Cao vút thì hay sóng bể bằng.

聖護神扶柴邑圓成新景色  
民康族密市庄英氣舊江山

*Thánh hộ thần phù, Sài áp viễn thành tân cảnh sắc;  
Dân khang tộc mật, thị trang anh khí cựu giang sơn.*

Thánh che thần giúp, ấp Sài thành cảnh sắc mới;  
Dân yên dòng tộc nhiều, trang thị khí linh sông núi xưa.

破蜀勳高牛渚北  
扶雄名重鶴江南

*Phá Thục huân cao Ngưu chử Bắc;  
Phù Hùng danh trọng Hạc giang Nam.*

Phá giặc Thục, công lao lớn như bãi Ngưu vùng Bắc;  
Giúp vua Hùng, danh trọng như sông Hạc phía Nam.

日月往來談法語  
晨昏出入看經文

*Nhật nguyệt vãng lai đàm pháp ngữ;*  
*Thần hồn xuất nhập khám kinh văn.*

Tháng ngày qua lại bàn Phật pháp;  
Sớm tối ra vào đọc kinh văn.

入門口念彌陀佛  
到處心持參禮經

*Nhập môn khẩu niệm Di Đà phật;*  
*Đáo xứ tâm trì tham Lễ Kinh.*

Vào thiên miệng niệm Di Đà phật;  
Khắp chốn tâm bền bỉ đọc Kinh lễ.

月影依稀魚躍影  
風聲彷彿馬嘶聲

*Nguyệt ảnh y hy ngư được ảnh;*  
*Phong thanh phảng phất mã tư thanh.*

Ánh trăng lờ mờ nhìn thấy bóng cá quẩy;  
Tiếng gió phảng phất nghe được tiếng ngựa hí.

地下迷津開覺路  
人間苦海渡慈航

*Địa hạ mê tân khai giác lộ;*  
*Nhân gian khổ hải độ từ hàng.*

Bên mê dưới đất mở đường giác ngộ;

Biển khô nhân gian vượt bến từ bi.

功德留傳天古念

石碑記鑒億年香

Công đức lưu truyền thiên cổ niệm;  
Thạch bi ký giám ức niên hương.

Công đức lưu truyền nghìn năm nhở;  
Bia đá khắc ghi muôn thuở thơm.

東土億年崇佛法

南越千秋奉如來

Đông Thổ ức niên sùng Phật Pháp;  
Nam Việt thiên thu phụng Như Lai.

Đông Thổ muôn đời tôn sùng Phật Pháp;  
Nam Việt nghìn năm thờ phụng Như Lai.

國家有永山河固

佛道無窮日月長

Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cố;  
Phật đạo vô cùng nhật nguyệt trường.

Quốc gia vững chãi, sông núi trường tồn;  
Đạo Phật vô cùng, ngày tháng dài lâu.

偈德通傳三界地

鍾聲透徹九重天

Kệ đức thông truyền tam giới địa;  
Chung thanh thấu triệt cửu trùng thiên.

Đức kệ truyền thông cõi tam giới;  
Tiếng chuông thấu đến chốn cửu trùng.

慧日麗中天一朵曇花呈瑞氣

慈雲覆大地四時法雨潤群生

*Tuệ nhật lê trung thiên, nhát đoá đàm hoa trình thủy khí;  
Tử vân phủ đại địa, tú thời pháp vũ nhuận quần sinh.*

Trời xanh quang đãng không trung, một đoá mây thiền đưa khí tốt;  
Mây lành toả khắp mặt đất, bốn mùa mưa pháp giúp quần sinh.

龍德普施一切浮生歸潔渡  
神功莫測萬般沙界總權行

*Long đức phô thi, nhát thiết phù sinh quy tế độ;  
Thần công mạc trắc, vạn ban sa giới tổng quyền hành.*

Đức rồng toả khắp, mọi kiếp phù sinh đều được tế độ;  
Công thần chẳng cản, muôn loài sa giới đều được quyền ngang.

貝葉經成佛教興龍資大德  
蓮花瑞現人群普潔仰慈恩

*Bối diệp kinh thành, Phật giáo hưng long tư đại đức;  
Liên hoa thủy hiện, nhân quần phổ tế ngưỡng từ ân.*

Kinh bối diệp thành làm cho hưng thịnh phật giáo nhờ đức lớn;  
Đài Liên hoa xuất hiện, cứu khắp nhân gian ngưỡng ơn lành.

金身蕩蕩三千世界盡歸依  
寶將巍巍百萬天人舍敬仰

*Kim thân dâng dâng, tam thiên thế giới tận quy y;  
Bảo tướng nguy nguy, bách vạn thiên nhân hâm kính ngưỡng.*

Thân vàng rộng khắp, ba nghìn thế giới theo vè hết;  
Bảo tượng vời vợi, trăm vạn người đều ngưỡng mộ tôn thờ.

福生禮義家堂盛  
祿進榮花富貴春

*Phúc sinh lẽ nghĩa gia đường thịnh  
Lộc tiến vinh hoa phú quý xuân.*

Phúc sinh lẽ nghĩa cho nhà thịnh  
Lộc này vinh hoa phú quý xuân.

霹靂傳聲庇民果葉深霄夢  
大蛇顯跡護國終留舊世勳

*Tích lịch truyền thanh, tí dân quả diệp thâm tiều mộng;  
Đại xà hiển tích, hộ quốc chung lưu cựu thế huân.*

Sấm sét truyền vang, mộng canh thâu giúp dân no ấm;  
Rắn lớn hiển tích, sáng đời trước trợ nước dài lâu.

大孝大忠德重留傳萬古  
至情至義道高感化天秋

*Đại hiếu đại trung, đức trọng lưu truyền vạn cổ;  
Chí tình chí nghĩa, đạo cao cảm hoá thiên thu.*

Đại hiếu đại trung, đức trọng lưu truyền vạn cổ;  
Chí tình chí nghĩa, đạo cao cảm hóa nghìn năm.

南邦第一洞石壁擎天  
珥水自然洲樓臺特地

*Nam bang đệ nhất động, thạch bích kinh thiên  
Nhị thuỷ tự nhiên châu, lâu đài đặc địa.*

Động đứng đầu ở Nam Bang, thạch bích ngất trời  
Bãi Tự nhiên bên dòng Nhị, lâu đài được đất.

花還水繞陸地蓬瀛  
風清月白壺天宇宙

*Hoa hoàn thủy nhiễu lục địa Bồng Doanh  
Phong thanh nguyệt bạch hò thiền vũ trụ.*

Hoa thơm nước lượn cõi Bồng Doanh  
Gió mát trăng thanh trời vũ trụ.

慢 情 夜 泽 皆 存 跡  
廟 宇 樓 臺 有 古 終  
*Mạn Trù, Dạ Trạch gai tồn tích*  
*Miêu Vũ, Lâu Đài hữu cổ chung.*  
Mạn Trù<sup>1</sup>, Dạ Trạch<sup>2</sup> nay còn đó  
Miêu Vũ, Lâu Đài vẫn xưa nay.

龍 爪 兜 乖 扶 光 復  
杖 笠 靈 聲 立 瀛 蓬  
*Long trảo dâu quai phù Quang Phục*  
*Trương lạp linh thanh lập Doanh Bồng.*

Vuốt Rồng trao lại phù Quang Phục<sup>3</sup>  
Trương lạp<sup>4</sup> linh thanh lập Doanh Bồng<sup>5</sup>

一 族 樓 臺 春 色 媚  
九 天 寛 舞 樂 聲 高

*Nhất thốc lâu dài xuân sắc mị*  
*Cửu thiên nghệ vũ nhạc thanh cao*

<sup>1</sup> Mạn Trù: Chưa rõ.

<sup>2</sup> Dạ Trạch: Đàm Dạ Trạch (tức đầm Nhất Dạ hay còn gọi đầm Một Đêm). Nay thuộc xã Đa Hoà huyện Châu Giang tỉnh Hải Hưng (Hưng Yên).

<sup>3</sup> Quang Phục: Tức Triệu Quang Phục người huyện Chu Diên, mẹ là Nguyễn Thị Hựu, sau khi vua Lý Nam Đế mất xưng Nam Việt Quốc Vương tức Triệu Việt Vương (làm vua từ năm 549 – 570).

<sup>4</sup> Trương lạp: Có nghĩa là chống gậy, úp nón. (Theo tích Chủ Đồng Tử và Tiên Dung công chúa một ngày nọ trở về đầm Dạ Trạch, trời đã xế chiều bèn chống gậy úp nón nghỉ; bỗng đâu nơi ấy biến thành một tòa lâu dài rộng lớn, binh mã huyễn náo... (trích truyện Chủ Đạo Tử trong Hội Chân Biên của Thanh Hoá Tử).

<sup>5</sup> Doanh Bồng: Cõi tiên ở.

Một chốn lâu dài xuân sắc đẹp  
Chín cõi múa ca nhạc thanh cao.

廟萃五王神陟降  
朝經百代帝嘉封

*Miếu tuy ngũ vương thần trắc giáng;  
Triều kinh bách đại đế gia phong.*

Miếu rợp nấm vua, Thần thăng giáng;  
Triều trải trăm đời, Vua gia phong.

道若路然得其門而入  
聖即天地不可階而升

*Đạo nhược lộ nhiên, đắc kỳ môn nhi nhập  
Thánh tức thiền dã, bất khả gai nhi thăng<sup>1</sup>*

Đạo tựa lối đi, được đường hướng thì vào;  
Thánh tức trời vậy, chẳng thể leo mà lên.

逝水有如斯文武衣冠王侯第宅  
高山長仰止三關闔奧數仞宮牆

*Thệ thuỷ hữu như tư, văn vũ y quan, vương hầu đê trạch  
Cao sơn trường ngưỡng chỉ, Tam quan khổn áo, số nhẫn cung tường<sup>2</sup>*

Nước chảy cũng như vậy, áo mũ các quan, lâu phòng vua chúa;  
Non cao trông vời vợi, uy nghiêm ba cửa, nhà học mấy tần.

<sup>1</sup> Câu đối ở Văn Miếu, Hà Nội

<sup>2</sup> Câu đối ở Văn Miếu, Hà Nội

## CHÚC MỪNG VIỆNG THĂM

保身保物保財產  
利己利人利國家  
*Bảo thân bảo vật bảo tài sản.*  
*Lợi kỷ lợi nhân lợi quốc gia.*  
Giữ thân giữ vật giữ tài sản.  
Lợi mình lợi người lợi nước nhà.

大禍之時未受苦  
防災而後更知甜  
*Đại họa chi thời vị thu khổ.*  
*Phòng tai nhi hậu cảnh tri甜美.*  
Phải thời đại họa chưa từng khổ.  
Sau lúc phòng tai mới thấy hay.

無由祈禱神難佑  
有靠保安定勝天  
*Vô do kỳ đảo thần nan hưu.*  
*Hữu kháo bảo an định thắng thiên.*  
Khán cầu không có, thần khôn giúp.  
Bảo an dâ cậy người thắng trời.

千家保險千家樂  
萬戶平安萬戶歡  
*Thiên gia bảo hiểm thiên gia lạc.*  
*Vạn hộ bình an vạn hộ hoan.*  
Ngàn nhà bảo hiểm ngàn nhà sướng.  
Vạn hộ bình yên vạn hộ vui.

勤儉千家多富有

防災萬戶報平安

*Cần kiêm thiên gia đa phú hưu.*

*Phòng tai vạn hộ báo bình an.*

cần kiệm nghìn nhà lâm giàu có.

*Phòng tai muôn hộ báo bình an.*

勤勞門第春來早

保險人家富自多

*Cần lao môn đệ xuân lai tảo.*

*Bảo hiểm nhân gia phú tự đa.*

siêng năng con cháu, xuân về sớm.

*Bảo hiểm nhà nhà, phúc sẽ nhiều.*

平安無事多宜國

一旦有災可保安

*Bình an vô sự đa nghi quốc.*

*Nhất đán hưu tai khả bảo an.*

Bình an vô sự, nước nên lo.

*Tai hoạ xảy ra nhà sẽ ổn.*

順境防災需保險

居安無事要思危

*Thuận cảnh phòng tai nhu bảo hiểm.*

*Cư an vô sự yếu tư nguy.*

Theo cảnh phòng tai, cần bảo hiểm.

*Ở yên vô sự, nhớ khi nguy.*

鳥入吉林多富瑞

人臻壽域賴安全

*Điều nhập cát lâm đa phúc thuy.*

*Nhân trấn thọ vực lại an toàn.*

Chim thấy đất lành bay đến đậu.

*Người giữ an toàn tuổi thọ cao.*

不可林崖才勒馬

莫教賊走始關門

Bất khả lâm nhai tài lặc mā.

Mạc giáo tặc tấu thuỷ quan môn.

Không thể mừng quanh tài khiến ngựa.

Chớ giặc chạy rồi cống mới xây.

奉勸日前休惜費

管教事後保無災

Phụng khuyên nhạt tiền hưu tích phí.

Quản giáo sự hậu bảo vô tai.

Xin sớm khen ai đừng tiếc của.

Để sau việc sảy tránh tai ương.

寧以千金于保險

豈可一日不防災

Ninh dĩ thiên kim vu bảo hiểm.

Khởi khà nhát nhạt bất phòng tai.

Thà lấy ngàn vàng gửi bảo hiểm.

Chớ nên một buổi chẳng phòng tai.

花少許前君莫惜

得多助處自無憂

Hoa thiểu hứa tiền quân mạc tích.

Đắc đa trợ xứ tự vô ưu.

Hoa ít tiền mua xin, chả tiếc.

Được nhiêu nơi giúp, tự không lo.

自古無先知誰能免禍

而今有保險我可救災

Tự cổ vô tiên tri thuỷ nǎng miễn hoạ.

Nhi kim hưu bảo hiểm ngã khả cứu tai.

Tự cổ chẳng tiên tri, ai hay khôi hoạ.

Ngày nay có bảo hiểm ta được cứu tai.

蟻穴潰堤土漸防微宜趁早

沉痼致命訪賢療疾莫延遲

*Nghĩ huyệt hội đê thổi tiêm phòng vi nghi sán tảo.*

*Trâm kha chí mệnh phòng hiền liệu tật mạc diên trì.*

Tố kiễn vỡ đê, bịt kin lỗ rò, nên kịp sớm.

Ốm đau gần chết, tìm thầy chữa bệnh chớ lèn khôn.

謹慎行船莫到危時才補漏

運籌生計安能渴甚始掘井

*Cẩn thận hành thuyền mạc đáo nguy thời tài bổ lậu.*

*Vận trù sinh kế an năng hắt thát thuỷ quật tĩnh.*

Lái thuyền cẩn thận, chớ để lúc nguy, rò mới vã.

Mưu sinh tính toán, sao hay nước cạn giếng lo đào.

國泰民安太行春早頌長治

鶯歌燕舞皇水情濃慶泰平

*Quốc thái dân an Thái Hành xuân tảo tung trường trị.*

*Oanh ca yến vũ Hoàng Thuỷ tình nồng khánh thái bình.*

Nước thái dân an, Thái Hành xuân sớm ca đời trị.

Oanh ca yến múa, Hoàng Thuỷ tình sâu chúc thái bình.

國運興隆千家萬戶頌安順

勁風駭蕩三山五岳唱康寧

*Quốc vận hưng long, thiên gia vạn hộ tụng an thuận.*

*Kinh phong hải đặng tam sơn ngũ nhạc xướng khang ninh*

Vận nước đang lén, ngàn nhà vạn hộ khen an thuận.

Sóng to gió lớn, ba non năm núi hát khang ninh.

安全第一八方舒心八處穩

康健當先一路順風一身輕

*An toàn đê nhất bát phương thư tâm bát xứ ổn.*

*Khang kiện đương tiên nhất lộ thuận phong nhất thân khinh.*

An toàn trên hết, tâm hướng an tâm, tâm chở ổn.

Sức khoẻ hàng đầu, một đường xuôi gió một thân khinh.

取于民用于民心系萬民優樂

功在國利在國事關一國長安

*Thủ vu dân dụng vu dân tâm hệ vạn dân ưu lạc.*

*Công tại quốc lợi tại quốc sự quan nhất quốc trường an.*

Lấy cho dân, dùng cho dân, quan hệ vạn dân sướng khổ.

Công ở nước, lợi ở nước, liên quan một nước bình yên.

保而無患九州泰

化險爲夷百姓安

*Bảo nhi vô hoạn cửu châu Thái.*

*Hóa hiểm vi di bách tính anh.*

Gửi dễ không lo chín châu ổn.

Hóa khó thành dễ trăm họ yên.

玉屑凝成淡不厭

銀泥厚積淨無塵

*Ngọc tiết ngưng thành đạm bất yến.*

*Ngân nê hậu tích tĩnh vô tràn.*

Ngọc vụn ngưng thành nhạt chẳng ngán.

Bạc bùn lắng đọng sạch không dơ.

瓦岳澄來銀有影

金刀割處玉無瑕

*Ngoā nhạc trường lai ngân hữu ảnh.*

*Kim đao cát xứt ngọc vô hà.*

Bình gốm lắng trong ngời ánh bạc.

Dao vàng chỗ cắt ngọc không tì.

君子淡交禪參玉版

民間真味品重香廚

*Quân tử đạm giao thiền tham ngọc bàn.*

*Dân gian chân vị phẩm trọng hương trù.*

Quân tử thanh đạm ưa chuộng, ưa chuộng bìa trắng.

Dân gian hợp vị, phẩm quý hương thanh.

明月堪持贈

仁風待奉揚

*Minh nguyệt kham trì tăng.*  
*Nhân phong dài phung dương.*  
Trăng sáng đem ra tặng.  
Gió nhân dài được xoè.

妙盾人風剪

*Diệu thuấn nhân phong tiễn.*  
*Tân tài đối nguyệt viễn.*  
Khéo giúp khi vắng gió.  
Mới may tựa trăng tròn.

清風生掌握

*Thanh phong sinh chưởng ác.*  
*Sảng khí mân hung viễn.*  
Gió mát nắm uy quyền.  
Sảng khoái dày trong bụng.

影動半輪月

*Ánh động bán luân nguyệt.*  
*Hương sinh nhất ái phong.*  
Phe phẩy nửa vành trăng.  
Hương sinh một trận gió.

不教烈日當頭晒

*Bất giao liệt nhật đương đầu sái.*  
*Tự hữu nhân phong phất diện lai.*  
Chá nén ngày nắng dài phơi đầu.  
Sẵn có gió xuân phe phẩy mặt.  
舉處隨時消酷暑

動來常伴有清涼

*Cử xuôi tùy thời tiều khốc thử.*

*Động lai thường bạn hữu thành lịtong.*

Giương lên có thể trừ cơn nắng.

*Cử động thường cho trận gió lành.*

紫雲張日艷

繡羽帶風飄

*Tú vân trương nhật diệt.*

*Tú vũ đái phong phiêu..*

Mây tía che ngày nắng.

Cánh đẹp cuộn gió bay.

千顆碎珠寒帶雪

半身柔翠冷披煙

*Thiên khoá toái châu hàn đới tuyết.*

*Bán thân nhu thuý lanh phi yên.*

Trời tuyết lạnh hàng ngàn ngọc vụn.

Hơi lạnh bay thấy ấm nửa người.

任是滂沱至大道

偏能坦蕩到光天

*Niệm thị bàng đà chí đại đạo.*

*Thiên nồng thản dâng đáo quang thiên.*

Gặp mưa tầm tã trên đường lớn.

Vẫn hay bình thản đợi trời quang.

往來宛似祥雲覆

出入何嫌細雨淋

*Vãng lai uyên tự tương vân phúc.*

*Xuất nhập hà hiềm tế vũ làm.*

Ung dung khép mở mây lành phủ.

Há ngại ra vào mưa bụi bay.

鐵骨根根撐苦雨

絹花朵朵蔽驕陽

*Thié tót cǎn cǎn xanh khổ vū.*

*Quyên hoa đoá đoá té kiêu dùong.*

Cốt sắt từng nan dã khổ mưa.

*Lụa hoa mỗi mảnh che trời nắng.*

虛心原具沖風力

瘦骨由懷向日心

*Hư tâm nguyên cụ xung phong lực.*

*Sáu cốt do hoài hướng nhật tâm*

Bụng rỗng vẫn thừa hơi cảng gió.

*Xương mai còn nhá hướng lên trời.*

不愁夕陽去

還有夜珠來

*Bất sầu tịch dương khứ.*

*Hoàn hưu dạ châu minh.*

Chẳng lo nắng chiều tắt.

*Sẵn có dạ minh châu.,*

閃影同天笑

流光奪月輝

*Thiểm ảnh đồng thiên tiếu.*

*Lưu quang đoạt nguyệt huy.*

Lấp lánh cười với trời.

*Vé sáng ,mờ vàng nguyệt.*

光輝九天能奪月

輝煌一室勝懸珠

*Quang huy cửu thiên năng đoạt nguyệt.*

*Huy hoàng nhất thất thắng huyền châu.*

Sáng láng chín tầng trăng cũng kém

Huy hoàng một cửa ngọc còn thua.

百尺高懸如皎月

一燈遠照若明星

Bách xích cao huyền như giảo nguyệt.  
Nhất dăng viễn chiếu nhuộc minh tinh.  
Trăm thước treo cao tựa ánh trăng.  
Một ngọn chiếu xa nhu sao sáng.

丰富文化生活

有益身心健康

Phong phú văn hóa sinh hoạt.  
Hữu ích thân tâm kiện khang.  
Đối dào sinh hoạt văn hoá.  
Giúp cho khoẻ khoắn tinh thần.

書畫詩歌頌大治

吹拉彈唱慶升平

Thư họa thi ca tụng đại trị.  
Suy lạp dàn xướng khánh thanh bình.  
Thư họa thư ca mừng đại trị.  
Sáo dàn hát xướng chúc thanh bình.

金谷園中羅錦繡

玉樓天半起生歌

Kim cốc viên trung la cảm tú.  
Ngọc lâu thiên bán khởi sinh ca.  
Hang vàng khắp vườn bầy gấm vóc.  
Lầu ngọc lung trời rộn hát ca.

畫印詩書娛遠志

琴棋肅笛養精神

Họa ấn thi thư ngô viễn chí.  
Cầm kỳ tiều địch dưỡng tinh thần.  
Hội họa văn thơ quên chí hướng.  
Đàn cờ tiêu sáo dưỡng tinh thần.

說唱彈拉度周末

書刪影視偕工余

*Thuyết xitóng dàn lop dộ chu mạt.  
Thư san ảnh thị giai công dư.  
Nghe hát chơi đàn, tuần ngày cuối.  
Xem phim đọc sách, lúc giờ dư.*

今人能爲古人曲

聽者當知彈者情

*Kim nhân nǎng vị cổ nhân khúc.  
Thính giả đương tri đàn già tình.  
Người nay khúc soạn vì người xưa.  
Khách nghe đàn thấu tình kẻ đạo.*

天然圖畫

一曲陽春

*Thiên nhiên đồ họa.  
Nhất khúc dương xuân.,  
Bức vẽ thiên nhiên.  
Dương xuân một khúc.*

古今眞樂府

天地大梨園

*Cố kim chán lạc phủ.  
Thiên địa đại lê viên.  
Nhạc phủ đúng xưa nay.  
Sân khấu lớn giữa trời.*

傳神真寶鏡

寫意大文章

*Truyền thần chán bảo kính.  
Tả ý đại văn chương.  
Lột được đúng thần người.  
Tả hết ý văn chương.*

明月臨歌扇  
新花艷舞衣

*Minh nguyệt lâm ca phiến.*  
*Tân hoa diệu vũ y.*  
*Trăng sáng chiếu sàn diễn.*  
*Hoa tươi đẹp vũ y.*

清歌凝白雪  
妙舞散紅霞

*Thanh ca ngưng bạch tuyêt*  
*Diệu vũ tán hồng hà.*  
*Ca tụng ngưng tuyết trắng.*  
*Múa đẹp tàn ráng hồng.*

玉樓天半笙歌起  
蓬島仙班笑話和

*Ngọc lâu thiên bán sinh ca khôi.*  
*Bồng đảo tiên ban tiếu thoại hòa.*  
*Lầu ngọc lưng trời đàn sáo rộn.*  
*Bồng đảo bày tiên cất tiếng ca.*

借虛事指點實事  
托古人提醒今人

*Tá hư sự chỉ điểm thực sự.*  
*Thác cổ nhân để tinh kim nhân.*  
*Đem chuyện bịa rạch rồi chuyện thực.*  
*Mượn người xưa thức tỉnh người nay.*

怒罵笑啼皆學問  
悲歡歸去盡人情

*Nộ mạt tiếu đề giao học vấn.*  
*Bi hoan quy khứ tận nhân tình.*  
*Mắng giận khóc cười, đều phải học.*  
*Buồn vui đi lại thực tình người.*

假笑啼中真面目  
新歌舞里舊衣冠

*Giả tiếu đê trung chán diện mục.*

*Tân ca vũ lý cựu y quan.*

Trong cười khóc giả, thực diện mạo.

Chốn ca múa mới, cũ xiêm y.

欲知世上觀臺上  
不識今人看古人

*Dục tri thế thương quan đài thương.*

*Bất thức kim nhân khán cổ nhân.*

Việc đời muốn biết xem sân khấu.

Người nay không hiểu ngầm người xưa.

有聲畫譜描人物  
無自文章寫古人

*Hữu thanh họa phổ miêu nhân vật.*

*Vô tự văn chương tả cổ nhân.*

Hoạ phổ có lời vẽ nhân vật.

Văn chương không chửi tả xưa nay.

能令公喜能令公怒  
歌也有懷哭也有思

*Năng lệnh công hỷ nǎng linh công nộ.*

*Ca dã hữu hoài khóc dã hữu tư.*

Hay khiến ông mừng, hay khiến ông giận.

Hát vậy có tâm, khóc vậy có tình.

不大地方可國可家可天下  
平常人物爲將爲相爲名神

*Bất đại địa phương khả quốc khả gia khả thiên hạ.*

*Bình thường nhân vật vi tướng vi tướng vi danh thần.*

Mảnh sân không rộng, đầy nước, đầy nhà, đầy thiên hạ.

Nhân vật bình thường, là quan là tướng, là danh thần.

天風鳴爽籟  
韻語滌塵襟  
*Thiên phong minh sảng lai.*  
*Văn ngữ đích trần khâm.*  
Gió trời thổi ống sáo.  
Vần điệu gột bụi trần.

與客笑言風月事  
盡人評說古今情  
*Dùt khách tiếu ngôn phong nguyệt sự.*  
*Tận nhân bình thuyết cổ kim tình.*  
Cùng khách nói cười chuyện trăng gió.  
Với người bình luận tình xưa nay.

拍案驚奇牽魂魄  
章回說岳辨忠奸  
*Phách án kinh kì khiên hồn phách.*  
*Chương hồi thuyết nhạc biện trung gian.*  
Võ án ghê thay dẫn hồn phách.  
Chương hồi thuyết lý biện ngay gian.

真真假假調情理  
假假真真勸世人  
*Chân chán giả giả điều tình lý.*  
*Giả giả chân chân khuyến thế nhân.*  
Chân chán giả giả cũng tình lý.  
Giả giả chân chân khuyên thế gian.

啓只陽春欣白雪  
更多下里樂巴人  
*Khởi chỉ dương xuân hân bạch tuyết.*  
*Cánh đa hạ lý lạc ba nhân.*  
Đâu chỉ dương xuân ưa bạch tuyết. (hai khúc nhạc cỗ)  
Còn nhiều hạ lý chuộng ba nhân. (hai khúc hát cỗ)

說古談今神情畢肖  
鳴箏弄策風月無邊

*Thuyết cổ dàn kim thân tình tất tiếu.*  
*Minh tranh lộng sách phong nguyệt vô biên.*  
Nói xưa bàn nay thần trí tiêu tan.  
Gây đàm dồn thèm gió trăng vô hạn.

把古往今來重新說起  
將悲歡離合再敘從頭  
*Bả cổ vãng kim lai, trùng tàn thuyết khởi.*  
*Tương bi hoan ly hợp, tái tụt tòng đầu*  
Lượm chuyện cũ việc nay, đề ra thuyết mới.  
Đem vui buồn tan hợp, kể lại từ đầu.

三寸舌談古論今活靈活現  
一尺木表忠伐逆越說越奇  
*Tam thốn thiết dàn cổ luận kim hoạt linh hoạt hiện.*  
*Nhất xích mộc diều trung phạt nghịch việt thuyết việt kỳ.*  
Ba tác lưỡi bàn xưa, luận nay, thoát ẩn thoát hiện.  
Một cây gậy tò trung, đánh giặc, càng nói càng kỳ.

從容施藥  
厚朴行醫  
*Thung dung thi dược*  
*Hậu phác hành y.*  
Thung dung<sup>1</sup> cắt thuốc.  
Hậu phác<sup>2</sup> hành y.

岐黃事業  
菩薩心腸  
*Kỳ hoàng sự nghiệp.*

<sup>1</sup> Tên hai vị thuốc

<sup>2</sup> Tên hai vị thuốc

Bồ tát tâm trường.

Sự nghiệp Kỳ, Hoàng<sup>1</sup>.

Tâm lòng Bồ Tát.

尋氣如尋病

逐愁便逐災

Tâm khí như tìm bệnh.

Trục sầu tiện trục tai.

Tìm khí như tìm bệnh.

Đuỗi sầu sẽ đuỗi tai.

但愿人皆健

何妨我獨貧

Đãn nguyện nhân gian giải kiêng.

Hà phương ngã độc bần.

Chỉ muốn mọi người khỏe.

Sao hỏi riêng ta nghèo.

苦心求妙述

圣手去沉疴

Khổ tâm cầu diệu thuật.

Thánh thủ khử trầm kha.

Khổ tâm cầu thuật giỏi.

Tay thánh dứt bệnh lâu

讀史常懷經世略

檢方更著活人書

Đọc sử thường hoài kinh thế lược.

Kiểm phương cảnh trước hoạt nhân thư.

Đọc sử những mong thông xử thế.

Tìm phương nhầm soạn sách cứu người.

我以公余詢疾苦

<sup>1</sup> Kỳ Bá và Hoàng Đế là hai vị tổ của đông y được Trung Quốc.

君 將 仁 遂 去 瘡 瘍

*Ngã dì công du tuân tật khố.*

*Quân tương nhân thuật khứ sang di.*

Ta lấy lúc nhàn thăm bệnh tật.

Ông đem nhân thuật chữa thương đau.

妙 藥 銀 針 除 痘 痛

丹 心 聖 手 保 安 康

*Điệu dược ngân trâm trừ bệnh thông.*

*Đan tâm thánh thủ bảo an khang.*

Thuốc hay, trâm bạc, trừ đau bệnh.

Lòng sơn, tay thánh, giữ an khang.

濟 世 風 清 醫 國 手

通 方 愿 是 讀 書 人

*Tết thế phong thành y quốc thủ.*

*Thông phương nguyện thị độc thư nhân.*

Chữa bệnh nổi danh thầy cả nước.

Phương hay nhờ ở sách xem nhiều.

暢 通 渠 道

廣 辟 財 源

*Sưởng thông cù đạo.*

*Quảng tịch tài nguyên.*

Khai thông mương máng.

Mở rộng tài nguyên.

爲 四 方 顧 客

立 三 尺 拒 臺

*Vị tú phuong cõ khách.*

*Lập tam xích cự đài.*

Vì khách hàng bốn phương.

Dựng lầu cao ba thước.

城 招 天 下 客

香引動中仙

*Thành chiêu thiên hạ khách.*

*Hương dẫn động trung tiên.*

Vui đón khách thiền hạ.

*Hương đưa người động tiên.*

多想生財道

廣開致富門

*Đa tưởng sinh tài đạo.*

*Quảng khai chí phú môn.*

Nghiên ngǎm đường sinh lợi.

Mở rộng cửa làm giàu.

喜集八方化

笑迎四海賓

*Hỷ tập bát phương hóa.*

*Tiếu nghinh tứ hải tân.*

Gom hành hóa tám phương.

Đón khách hàng bốn biển.

爲人民服務

開企業財源

*Vì nhân dân phục vụ*

*Khai xí nghiệp tài nguyên.*

Vì nhân dân phục vụ.

*Mở tài nguyên xí nghiệp.*

通八方信息

聚四海資財

*Thông bát phương tin tức.*

*Tụ tứ hải tư tài.*

Thông tin tức tám phương.

Lượm tiền của bốn biển.

物美昌銷路

價廉稱客心

*Vật mỷ xứng tiêu lô.*

*Giá liêm xứng khách tâm.*

Hàng đẹp dễ tiêu thụ.

*Giá rẻ khách vừa lòng.*

琳良滿目貨

買賣稱心門

*Lâm lương mãn mục hoá.*

*Mãi mại xứng tâm môn.*

Hàng rực rỡ ngợp mắt.

*Giá mua bán vừa lòng.*

通商重信義

和眾得安康

*Thông thương trọng tín nghĩa.*

*Hoà chung đặc an khang.*

Buôn bán trọng tín nghĩa.

Hoà nhâ được an khang.

昌期開景遠

泰象啓陽春

*Xương kỳ khai cảnh viễn.*

*Thái tượng khai dương xuân.*

Thời thịnh mở viễn cảnh.

*Tương thái chỉ đầu xuân.*

吉星欣在店

祥藹喜盈門

*Cát tinh hân tại điểm.*

*Tường ái hỷ doanh môn*

Sao tốt vui ở điểm.

*Mây lành mừng đầy nhà.*

貨物任挑選

經商通有無

*Hoá vật nhậm khiêu tuyển.*

*Kinh thương thông hữu vô.*

Hàng hóa qua chọn lựa.

Kinh doanh biết có không.

貨好門如市

心公客自來

*Hoá hảo môn như thị.*

*Tâm công khách tự lai.*

Hàng tốt cửa như chợ.

Công tâm khách khỏi mồi.

生意興隆通四海

財源茂盛達三江

*Sinh ý hưng long thông tứ hải.*

*Tài nguyên mậu thịnh đạt tam giang.*

Buôn bán hưng vượng thông bốn biển.

Tài nguyên phồn thịnh nối ba sông.

財如曉日騰雲起

利自春潮帶雨來

*Tài như hiếu nhật đằng vân khởi.*

*Lợi tự xuân trào đới vũ lai.*

Tiền như ngày đẹp cưỡi máy bay.

Lợi tựa triều xuân đem nước tới.

門迎曉日財源廣

戶納春風吉慶多

*Môn nghinh hiếu nhật tài nguyên quảng.*

*Hộ nạp xuân phong cát khánh đa.*

Cửa chào ngày sớm tài nguyên lǎm.

Nhà đón gió xuân cát khánh nhiều.

名碑譽滿三江水

好貨能招四海賓

*Danh bi dự mân tam giang thuỷ.*

*Hảo hoá năng chiêu tứ hải tân.*

Danh bia tiếng ngập nước ba sông.

Hàng tốt hay thu khách bốn biển.

事與人便人稱便

貨招客來客自來

*Sự dữ nhân tiện nhân xưng tiện.*

*Hoá chiêu khách lai khách tự lai.*

Việc cho người tiện người khen tiện.

Hàng kéo khách về khách tự về.

東無西有通無有

我需你求供需求

*Đông vô tây hữu thông vô hữu.*

*Ngā nhu nhī cầu cung nhu cầu.*

Đông không tây có thông không có.

Tôi cung anh cầu cùng cung cầu.

文明經商生意好

禮貌待客光顧多

*Văn minh kinh thương sinh ý hảo.*

*Lễ mạo đãi khách quang cố đà.*

Kinh doanh văn minh buôn bán tốt.

Nhã nhặn với khách chiểu cố động.

國增財富店增貨

柜滿春風客滿門

*Quốc tăng tài phú điếm tăng hoá.*

*Cự mân xuân phong khách mân môn.*

Nước tăng giàu có quán tăng hàng.

Nhà đầy gió xuân khách đầy cửa.

門市笑迎遠近客

柜臺喜納城鄉人

*Môn thi tiêu nghinh viễn cận khách.*

*Cự dài hỷ nạp thành hương nhân.*

Cổng chợ vui đón khách xa gần.

Lầu cao mừng thấy người làng phố.

三尺柜臺傳暖意

一張笑臉帶春風

*Tam xích cự dài truyền noān ý.*

*Nhất trương tiêu kiém đón xuân phong.*

Bà thước lầu cao truyền ý tốt.

Một nụ cười tươi chứa gió xuân.

互濟有無需貿易

廣交朋友促供銷

*Hỗ trợ hữu vô nhu mậu dịch;*

*Quảng giao bằng hữu xúc cung tiêu.*

Cùng chở có không cần mậu dịch.

Rộng chơi bầu bạn đầy cung tiêu.

門市不缺應時貨

營業常存周到心

*Môn thi bất thuyết ứng thời hoá.*

*Doanh nghiệp thường tồn chu đáo tâm.*

Cửa hàng không thiếu hàng hợp thời.

Doanh nghiệp có thừa lòng chu đáo.

服務人民多供應

支援建設積資金

*Phục vụ nhân dân đa cung ứng.*

*Chi viện kiến thiết tích tư kim.*

Phục vụ nhân dân cung ứng lăm.

Góp công xây dựng vốn cần nhiều.

東購西銷調多補少

南裝北運以有易無

*Đông cát tây tiêu diều đa bổ thiểu.*

*Nam trang bắc vận dí hữu dịch vỗ.*

Tây bán đông mua, thiếu thừa điểu chính.

Nam cản bắc chuyên, không có đổi trao.

一點公心平似水

十分生意穩如山

*Nhất điểm công tâm bình tự thuỷ.*

*Thập phần sinh ý ổn như sơn.*

Một điểm công tâm ổn như nước.

Mười phần buôn bán vững như non.

貨物齊全選挑不厭

價錢公道老少無欺

*Hoá vật tề toàn tuyển khiếu bất yến.*

*Giá tiền công đạo lão thiếu vô khi.*

Hàng hóa tất đều, chọn lựa không ngán.

Giá tiền giữ chung, già trẻ chẳng khinh.

交流會上花如錦

生意行中客滿門

*Giao lưu hội thương hoa như cẩm.*

*Sinh ý hành trung khách mǎn mén.*

Trong hội giao lưu hoa txa gấm.

Ở nơi buôn bán khách đầy n.

靈活經營財源茂盛

薄利多銷生意興隆

*Linh hoạt kinh doanh tài nguyên mậu thịnh.*

*Bạc lợi đa tiêu sinh ý hưng long.*

Kinh doanh linh hoạt, phồn thịnh tài nguyên.

Lãi ít bán nhiều, chấn hưng buôn bán.

經商信義堅如鐵

謀利毫厘薄似雲

*Kinh thương tín nghĩa kiên như thiết.*

*Mưu lợi hào ly bạc tự vân.*

Kinh doanh tín nghĩa cứng như thép.

Mưu lợi hào ly mỏng tựa mây.

禮謙宜貿無論東南西北

應時便民當分春下秋東

*Lễ khiêm nghi mâu vô luận đông nam tây bắc.*

*Ứng thời tiện dân đương phân xuân hạ thu đông.*

Lễ nghi đúng mực chặng kể đông nam tây bắc.

Đúng thời tiện dân phải phân xuân hạ thu đông.

喜待東西南北客

樂談姐妹弟兄情

*Hỷ đón đông tây nam bắc khách.*

*Lạc đàm thư muội đệ huynh tình.*

Mừng đón khách đông tây nam bắc.

Vui ôn tình anh em chị em.

以天下爲己任丹心似火

把顧客當親人笑臉如春

*Dĩ thiên hạ vi kỷ nhiệm đan tâm tự hoả.*

*Bá cỗ khách đương thân nhân tiếu kiềm như xuân.*

Lấy thiên hạ làm việc mình lòng sơn txa lửa.

Coi khách hàng như người thân cười tươi như xuân.

五洲信息靈通風馳電掣

四海財源發達雨聚雲蒸

*Ngũ châu tin tức linh thông phong tri điện xiết.*

*Tứ hải tài nguyên phát đạt vũ tụ vân chưng.*

Tinh thông tin tức năm châu, gió lay chớp giật.

Thu thập tài nguyên bốn biển, mây tụ mưa vần.

進店來人人滿意

出門去個個稱心

*Tiến điểm lai nhân mân ý.*

*Xuất môn khứ cá cá xứng tâm.*

Vào nhà hàng, người người xứng ý.

Ra khỏi cửa, kè kè vui lòng.

眼觀六路分析市場變化

耳聽八方弄清群眾需求

*Nhân quan lục lộ phân tích thị trường biến hóa.*

*Nhĩ thính bát phương lộng thanh quần chúng nhu cầu.*

Mắt nhìn sáu ngả, phân tích thị trường biến diễn.

Tai nghe tám hướng, nhận ra quần chúng nhu cầu.

百問不煩百拿不厭

笑容常展笑口常開

*Bách vấn bất phiền bách nã bất yểm.*

*Tiểu dung thường triển tiểu khẩu thường khai.*

Trăm hỏi chẳng phiền, trăm đòi chẳng ngán.

Nét mặt thường tươi, nụ cười thường nở.

語似春風吹暖四方八面

心如爐火映紅萬戶千家

*Ngữ tự xuân phong suy noãn tứ phương bát diện.*

*Tâm như lò hoả ánh hồng vạn hộ thiên gia.*

Lời tựa gió xuân, thổi ấm bốn phương tám hướng.

Lòng như bếp lửa, soi hồng muôn hộ nghìn nhà.

春滿柜臺五光四色

貨盈櫥架萬紫千紅

*Xuân mản cự dài ngũ quang thập sắc.*

*Hoá doanh trù hạ vạn tử thiên hồng.*

Lầu quán dày xuân năm màu mèo sắc.

Hàng bày chật tủ muôn tia nghìn hồng.

細語笑顏待客最需重禮貌

耐 心 誠 意 經 商 貴 在 講 文 明

Té ngữ tiếu nhan dãi khách tiếu nhu trong lẽ mạo;  
Nại tâm thành ý kinh thương quý tại giảng văn minh.  
Cười nói nhẹ nhàng, tiếp khách rất cần coi trọng lẽ.  
Vị tình nhẫn nại, kinh doanh quý ở có văn minh.

文 明 經 商 丹 心 似 火 三 東 暖

禮 貌 待 客 笑 臉 如 春 一 店 春

Văn minh kinh thương dan tâm tự hoả tam đông noǎn.  
Lẽ mao dãi khách tiên kiểm như xuân nhất điện hương.  
Kinh doanh văn minh, lòng son tựa lửa ấm ba đông.  
Lẽ phép đón mời, vẻ mặt như xuân thơm một cửa.

經 營 有 術 不 在 店 堂 大 與 小

貿 易 無 欺 全 憑 貨 物 美 與 真

Kinh doanh hữu thuật bất tại điện đường đại dữ tiếu.  
Mậu dịch vô khi toàn bằng hoá vật mỹ dữ chân.  
Kinh doanh có thuật, cửa hàng đâu ở nhỏ hay to.  
Mậu dịch không lừa, hàng hoá phải là thật và đẹp.

貨 有 急 時 需 有 略 自 然 無 患

誠 為 聚 財 本 積 少 可 以 成 多

Hoá hữu cấp thời nhu hữu lược tự nhiên vô hạn.

Thành vi tụ tài bản tích thiểu khả dĩ thành đa.

Hàng phải kịp thời trù tính trước tự nhiên khỏi lo.

Cửa cần tích luỹ vốn từ nhỏ có thể thành lớn.

曉 日 謄 雲 財 源 拾 似 泉 中 水

春 風 送 雨 生 意 如 同 錦 上 花

Hiểu nhật đăng vân tài nguyên thập tự tuyển trung thuỷ.

Xuân phong tống vũ sinh ý như đồng cảm thương hoa.

Sáng sớm cười mây, tài nguyên tựa suối nguồn nước chảy.

Gió xuân mưa tiễn, buôn bán như gấm dệt hoa thêu.

物 美 價 廉 顧 客 如 雲 爭 購 買

貨真質好來賓似雨喜分銷

*Vật mỹ giá liêm có khách như vân tranh cát mài.*

*Hoá chán chất hảo lai tân tự vũ hỷ phân tiêu.*

Của đẹp giá hời, tranh mua khách đến tựa mây dòn.

Hàng thật chất tốt, muốn sắm người đi như nước chảy.

線腦計頭小商品百挑不厭

布匹家電大路貨日色俱全

*Tuyến nǎo châm đầu tiểu thương phẩm bách khiêu bất yém.*

*Bó sát gia điện đại lộ hoá nhất sắc cầu toàn.*

Chỉ buộc kim cài mặt hàng vật, trăm chọn không ngán.

Vải vóc đồ điện, vật dụng to, một vẻ vẹn toàn.

四壁騰輝星羅棋布

入面生春霞蔚雲蒸

*Tứ bích đăng huy tinh la kỳ bố.*

*Bát diện sinh xuân hà uất vân trưng.*

Bốn vách rực rõ, hàng bày la liệt.

Tám mặt tươi vui, ráng mây huy hoàng.

服務人民南北貨任君挑選

支援生產城鄉情由我溝通

*Phục vụ nhân dân nam bắc hoá nhiệm quan khiêu tuyển.*

*Chi viện sinh sản thành hương tình do ngã cầu thông.*

Hàng nam bắc phục vụ nhân dân, xin ông lựa chọn.

Giúp phố làng chi viện sản xuất, việc tôi điều hành.

有道經營貨略五湖四海

周全服務心懷萬戶千家

*Hữu đạo kinh doanh hoá lược ngũ hồ tứ hải.*

*Chu toàn phục vụ tâm hoài vạn hộ thiên gia.*

Kinh doanh có đạo, hàng đến tận nǎm hồ bốn biển.

Phục vụ chu toàn, lòng nghĩ về vạn hộ muôn nhà.

貨好譽千家不愧誠中取利

樓高盈百尺長從微處便民

*Hoá hảo dù thiên gia bát quý thành trung thủ lợi.*

*Lâu cao doanh bách xích trường tòng vi xữ tiện dân.*

Hàng tốt nghìn nhà khen, chẳng hẹn phố phường kiếm lợi.

Lâu cao trên trăm thước, vẫn dì ngõ hẹp dân nghèo.

百貨商店店里百貨如意店

一顆紅心心中一顆爲民心

*Bách hoá thương điếm, điếm lý bách hoá, như ý điếm.*

*Nhất khoả hồng tâm, tâm trung nhất khoả, vị dân tâm.*

Bách hoá thương hiệu, hiệu dù bách hoá, đẹp lòng hiệu

Một tấm thịnh tình, tình dù một tấm, vì dân tình.

精美齊全銷春下秋冬之貨

熱情周到迎冬西南北之人

*Tinh mỹ tề toàn tiêu xuân hạ thu đông chi hoá.*

*Nhiệt tình chu đáo nghinh đông tây nam bắc chi nhân.*

Tinh xảo giống nhau, hàng bán thu đông xuân hạ.

Nhiệt tình chu đáo, đón người nam bắc đông tây.

雲錦天仙織

霓裳巧婦裁

*Vân cầm thiên tiên chítc.*

*Nghê thường xảo phu tài.*

Mây gấm tiên trời dệt.

Xiêm áo vợ khéo may.

紫白紅黃皆悅目

麻棉毛葛總人時

*Tử bạch hồng hoàng gai duyệt mục.*

*Ma miên mao cát tổng nhân thời.*

Tía trắng hồng vàng đều đẹp mắt.

Gai day tơ vải cũng theo thời.

雲霞分五色

錦繡聚千絲

Vân hà phân ngũ sắc.

Cẩm tú tụ thiên ty.

Ráng mây chia năm sắc.

Gấm dệt họp ngàn tơ.

風吐絲綸成五色

龍蟠錦繡燦千花

Phong thổi ty luân thành ngũ sắc.

Long bàn cẩm tú xán thiên hoa.

Gió nhả dây tơ thành ngũ sắc.

Rồng vờn gấm dệt rạng ngàn hoa.

機逐回文巧

花依錦字明

Cơ trục hồi văn xảo.

Hoa y cẩm tự minh.

Khéo may kiểu hồi văn.

Hoa tươi nhờ chữ gấm.

萬國山川藏彩線

四時花鳥貯金針

Vạn quốc sơn xuyên tàng thái tuyến.

Tứ thời hoa điêu trữ kim châm.

Chỉ màu chứa núi sông muôn nước.

Kim khâu gom hoa điêu bốn mùa.

冷暖隨人意

纏綿動客心

Lạnh noãn tuỳ nhân ý.

Triền miên động khách tâm.

Âm lạnh tuỳ ý người.

Uyển chuyển động lòng khách.

美富文章雲蒸霞蔚  
經綸事業錦簇花團  
*Mỹ phú văn chương vân chung hà uy.*  
*Kinh luân sự nghiệp cẩm thốc hoa đoàn.*  
Văn chương phong phú đẹp tựa ráng mây.  
Sự nghiệp kinh luân tươi như hoa gấm.

欲知世上經綸美  
誠看機斗組織工  
*Dục tri thế thương kinh luân mỹ.*  
*Thí khán cơ đấu tổ chức công.*  
Muốn biết trên đời may mặc đẹp  
Thử xem máy móc khéo gia công.

掌握千絲織就中天美錦  
胸羅萬象繡成上苑奇葩  
*Chưởng ác thiên ty chúc tutu trung thiên mỹ cẩm.*  
*Hung lợ vạn tượng tú thành thượng uyển kỳ ba.*  
Nám giữ ngàn tờ, dệt được giữa trời gấm đẹp.  
Bụng giàn muôn vẻ, thêu nên thượng uyển kỳ hoa.

尺量神韻  
剪得風流  
*Xích lượng thần vận.*  
*Tiến đắc phong lưu.*  
Thước đo khéo léo.  
Lưỡi kéo phong lưu.

金針堪度世  
玉尺待量才  
*Kim châm kham độ thế.*  
*Ngọc xích dài lượng tài.*  
Kim vàng để giúp đời.  
Thước ngọc chờ người giỏi.

金針鳳舞

玉尺龍飛

*Kim châm phượng vũ*

*Ngọc xích long phi.*

Kim vàng phượng múa.

Thước ngọc rồng bay.

花隨玉指添春色

聲引秋絲逐曉風

*Hoa tuỳ ngọc chỉ thiêm xuân sắc.*

*Thanh dâm thu ty trực hiếu phong.*

Hoa nhè tay ngọc thêm xuân sắc.

Thanh dân tơ thu đuổi gió mai.

寒衣熨出春風暖

彩線添成瑞氣多

*Hàn y uất xuất xuân phong noãn.*

*Thái tuyến thiêm thành thuy khí da.*

Áo rét là xong gió xuân ấm.

Chỉ đẹp khẩu rồi lấm khí lành.

一寸布一寸絲物盡其用

不論男不論女量體裁衣

*Nhất thốn bố nhất thốn ty vật tận kỳ dụng.*

*Bất luận nam bất luận nữ lượng thể tài y.*

Một tấm vải một tấm tơ vật nào việc ấy.

Không kể nam không kể nữ may áo theo người.

金剪裁成丹鳳舞

銀針引出彩鸞飛

*Kim tiên tài thành đan phượng vũ.*

*Ngân trâm dẫn xuất thái loan phi.*

Như phượng múa kéo vàng khéo cắt.

Tựa loan bay kim bạc tài khâu.

萬線千針化作美中旋律  
一刀一剪裁出身上春秋

*Vạn tuyến thiên trâm hoa tác mỹ trung toàn luật.  
Nhất dao nhất tiên tài xuất thân thượng xuân thu.  
Muôn sợi ngàn kim, chế tác sản phẩm hoàn mỹ.  
Một dao một kéo may thành y phục xuân thu.*

銀針度處功夫密  
鐵剪裁來體制新

*Ngân trâm độ xứ công phu mật.  
Thiếc tiễn tài lai thể chế tân.  
Kim bạc đã dành nhiều công sức.  
Kéo sắt đưa ra lầm cách tân.*

剪風裁龍激情蕩漾三江水  
飛針走線巧蘊溫馨萬戶心

*Tiễn phong tài long khích tình đang dạng tam giang thuỷ.  
Phi châm tấu tuyến xảo nghệ ôn hinh vạn hộ tâm.  
Thêu cắt rồng mây, khơi tình gợi ý miền sông nước.  
Chì kim bay lượn, khéo tay hay vẻ thoả lòng người.*

男添庄重女增俏  
夏透風涼冬御寒

*Nam thiêm trang trọng nữ tăng tiếu.  
Hạ thấu phong lương đông ngự han.  
Nam thêm trang trọng nữ thời xinh.  
Hạ cho thoảng mát đông không rét.*

獨運匠心花樣般般人滿意  
巧施妙手新衣件件客稱心

*Độc vận tượng tâm, hoa dạng ban ban nhân mãn ý.  
Xảo thi diệu thủ, tân y kiện kiện khách xứng tâm.  
Minh thợ tìm tòi, vẻ hoa khiến bao người đẹp ý.  
Khéo tay hết mực, áo mới làm cho khách vừa lòng.*

針腳密 精縫巧做  
技藝高 折舊翻新

*Trâm cước mật tinh phùng xảo tố.*  
*Kỹ nghệ cao sáu cựu phiên tân.*  
 Tay kim giỏi khẩu hay may đẹp.  
 Công nghệ cao cũ bỏ mới thay.

剪制千匹布

針縫萬種衣

*Tiễn chế thiên sát bộ.*  
*Trâm phùng vạn chủng y.*  
 Cắt may ngàn tấm vài.  
 Kim khâu vạn áo quần.

輕黃淡綠齊生色  
紗紫嫣紅總入時

*Khinh hoàng đạm lục tê sinh sắc.*  
*Sa tử yên hồng tổng nhập thời.*  
 Vàng phai xanh nhạt đều khoe sắc.  
 Tía đẹp hồng tươi thảy hợp thời.

愿將天上雲霞色

化作人間錦繡裳

*Nguyệt tương thiên thượng vân hà sắc.*  
*Hoá tác nhân gian cảm tú thường.*  
 Muốn đem màu sắc mây thiên giới.  
 Làm ra gấm vóc áo nhân gian.

成衣久享精工譽

西服遠傳巧技名

*Thành y ciùu hưởng tinh công dù.*  
*Tây phục viễn truyền xảo kĩ danh.*  
 Kiểu nội nức khen tay thợ khéo.  
 Hàng Âu nổi tiếng kỹ thuật cao.

時裝任我精心制  
美服請君合意挑

*Thời trang nhậm ngā tinh tâm chế.*  
*Mỹ phục thỉnh quân hợp ý khiêu.*  
*Thời trang hây để tôi tinh chế.*  
*Kiểu đẹp xin nhường ông chọn thay.*

人受凍寒非我愿  
世皆溫暖氏吾心

*Nhân thụ đóng hàn phi ngā nguyện.*  
*Thế giao ôn noǎn thị ngô tâm.*  
*Người đời rét muốt đâu mình muốn.*  
*Thế gian ấm áp hợp lòng ta.*

雲錦托出一輪月  
時裝擁來萬朵花

*Vân cẩm thác xuất nhất luân nguyệt.*  
*Thời trang ứng lai vạn đoá hoa.*  
*Mây gấm một vành trăng lấp ló.*  
*Thời trang muôn đoá hoa ganh đua.*

剪綠裁紅妝麗色  
挑花繡蕊美儀容

*Tiến lục tài hồng trang lệ sắc.*  
*Khiêu hoa tú nhuy mỵ nghi dung.*  
*Cắt lục may hồng tô vẻ đẹp.*  
*Khâu hoa thêu nhuy điểm dung nhan.*

肥瘦短長皆有度  
細精表里是其能

*Phi sấu doản trường giai hữu độ.*  
*Té tinh biếu lý thị kỳ năng.*  
*Gầy béo ngắn dài đều có mức.*  
*Trong ngoài tinh tế ở tài năng.*

來 料 加 工 隨 時 方 便  
行 针 走 線 到 處 均 匀  
*Lai liệu gia công tùy thời phương tiện.*  
*Hành kim tóm tâu tuyến đáo xứ quân cầu.*  
Vật liệu gia công tùy thời cắt đặt.  
Đường kim mũi chỉ mọi chỗ phải đều.

有 冠 真 秀 氣  
此 帽 最 宜 人  
*Hữu quan chân tú khí.*  
*Thủ mạo tối nghi nhán.*  
Có khăn khí tượng đẹp.  
Đội mũ ra dáng người.

對 鏡 掠 鬢 宜 麗 盾  
簪 花 抹 额 助 新 裳  
*Đối kính lược mán nghi lệ thuẫn.*  
*Trâm hoa mặt ngạch trợ tân trang.*  
Soi gương chải tóc mong làm đẹp.  
Cài hoa vuốt trán tự tân trang.

脫 情 無 心 惊 露 頂  
請 纓 有 路 喜 彈 冠  
*Thoát trách vô tâm kinh lô đĩnh.*  
*Thỉnh anh hữu lộ hỷ đàm quan.*  
Bỏ khăn vô ý sợ hổ đầu.  
Xin dài có lời mừng được mũ.

步 月 凌 雲 去  
登 堂 入 室 來  
*Bộ nguyệt lăng vân khuất.*  
*Đăng đường nhập thất lai.*  
Trăng bước, dẫm mây - đi.  
Lên nhà, vào cửa - đến.

看去澤然忘白雪  
步來還得映青雲  
*Khán khú trạch nhiên vong bạch tuyêt.*  
*Bộ lai hoàn đắc ánh thanh vân.*  
Bước ra thoải mái quên trời tuyết.  
Đạo về là hít rạng mây xanh.

橋邊墜去留侯取  
天畔飛來葉令歸  
*Kiều biên truy khú lưu hâu thủ.*  
*Thiên畔 phi lai diệp lênh quy.*  
Bên cầu rơi xuống đành đợi nhặt.  
Trên trời bay lại lá khiến về.

前程遠大腳根須站穩  
工作浩繁步驟要分清  
*Tiền trình viễn đại cước căn tu trạm ổn.*  
*Công tác浩 phồn bộ sâu yếu phân thanh.*  
Dặm thẳng đường xa giữ bàn chân cho ổn.  
Tần phiền công tác mong ráo bước chóng xong.

底硬幫柔力敵千鈞何懼踩  
山高路遠步隨萬里敢辭芳  
*Để ngạnh bang nhu lực địch thiên câu hà cù thái.*  
*Sơn cao lộ viễn bộ tuy vạn lý cảm từ lao.*  
Để cứng chân mềm sức chịu ngàn dặm không ngại giãm.  
Non cao đường thẳm bước chân muôn dặm dám từ nan.

尺碼自家尋大小深淺須合意  
式樣由君選婦孺老壯各隨心  
*Xích mã tự gia tìm đại tiểu thân thiển tự hợp ý.*  
*Thí dạng do quân tuyển phụ nhụt lão tráng các tùy tâm.*  
Kích cỡ chọn từ nhà to nhỏ sâu nông cần hợp ý.  
Kiểu dáng lựa do khách trẻ già trai gái hãy tự tâm.

雪花資潤澤  
香水溢芬芬

*Tuyết hoa tư nhuận trach.*  
*Hương thuỷ dật phân phân.*  
Bông tuyết về tươi sáng.  
Nước hoa hương ngát thơm.

濃淡隨人著  
芬芬入座馨

*Nùng đậm tùy nhân trước.*  
*Phân phân nhập toạ hình.*  
Nhạt nồng tùy người chọn.  
Hương ngát vào nhà thơm.

蝶粉香迷白  
燕脂色潤紅

*Điép phán hương mê bạch.*  
*Yến chi sắc nhuận hồng.*  
Phấn hương bướm mờ trắng.  
Son sắc én tươi hồng.

晶瓶香滴黃金露  
粉麝膏涂白玉霜

*Tinh bình hương trích hoàng kim lô.*  
*Phấn diệp cao đồ bạch ngọc sương.*  
Bình pha lê chứa rượu hoàng kim.  
Cao phấn bướm đồ sương bạch ngọc.

蝶繞蜂圍渾欲醉  
花香粉氣不分明  
*Điép nhiêu phong vi hồn dục tuy.*  
*Hoa hương phấn khí bất phân minh.*  
Bướm lượn ong vây hồn nghiêng ngả.  
Hương hoa hơi phấn khó phân minh.

香送春風令我醉  
粉添花氣襲人來  
*Hương tống xuân phong linh ngã tuy.*  
*Phấn thiêm hoa khí tập nhân lai.*  
*Hương xuân quyện gió khiến nành say.*  
*Vẻ hoa giỏi phấn cho người chuộng.*

百美圖中最宜熏染  
眾香國里別具姿容  
*Bách mĩ đồ trung tối nghi huân nhuêm.*  
*Chúng hương quốc lý biệt cụ tư dung.*  
*Vẻ đẹp như tranh vẫn cần xúc hương.*  
*Nước hoa nội hoá dù để trang điểm.*

蝶粉迷香翩翩入夢  
燕脂潤色躍躍欲仙  
*Điệp phấn mê hương phiêu phiêu nhập mộng.*  
*Yên chi nhuận sắc dược dược dục tiên.*  
*Phấn bướm mê hương mơ màng cõi mộng.*  
*Son yến nhuận sắc háo hức thành tiên.*

粉琢紅妝丰肌生色  
香飄綠野麗盾增芬  
*Phấn trác hồng trang phong cơ sinh sắc.*  
*Hương phiên lục dã lè thuần tăng phấn.*  
*Phấn điểm son tô làn da tươi mát.*  
*Hương bay đồng nội vẻ đẹp càng tăng.*

膚滑脂凝水流香膩  
光分月白色映妝紅  
*Phu hoạt chi ngưng thuỷ lưu hương nhì.*  
*Quang phân nguyệt bạch sắc ánh trang hồng.*  
*Da thịt mịn màng thơm hương nước đọng.*  
*Trắng sáng vàng vạc rực rỡ ánh hồng.*

隨時而動

不叩自鳴

*Tuỳ thời nhì động.*

*Bát khát tự minh.*

Theo giờ mà chuyển.

*Chẳng gõ cũng kêu.*

二十四時憑我報

萬千百事任君行

*Nhị thập tứ thời bằng ngā báo.*

*Vạn thiên bách sự nhậm quân hành.*

Hai mươi bốn giờ theo tờ báo.

Trăm ngàn vạn việc hãy tuỳ ông.

萬千星斗心胸里

十二時辰手腕間

*Vạn thiên hung dâu tâm hung lý.*

*Thập nhị thời thán thủ uyển gian.*

Ngàn vạn sao trong lòng bắc đầu.

Mười hai giờ kim chỉ thời gian.

能于細處求精確

慣與時間較短長

*Nâng vu tế xú cầu tinh xác.*

*Quán dù thời gian giáo đoán trường.*

Cầu chính xác ở nơi tinh tế.

So ngắn dài đối với thời gian.

千秋偉業千秋福

一寸光陰一寸金

*Thiên thu vĩ nghiệp thiên thu phúc.*

*Nhất thốn quang âm nhất thốn kim.*

Ngàn năm nghiệp lớn ngàn năm phúc.

Một tác thời gian một tác vàng.

儲蓄有利利國利己利社會  
存款方便使你便他便人民

*Trữ súc hữu lợi lợi quốc lợi kỉ lợi xã hội.*

*Tổn khoản phuong tiện tiễn nhĩ tiễn tha tiễn nhân dân.*

Để dành có lợi, lợi nước, lợi mình, lợi xã hội.

Gửi tiền có ích, ích mình, ích người, ích nhân dân.

鼓勵儲蓄活期定期各自便  
歡迎戶主存款取款常往來

*Cỗ lệ trữ súc hoạt kỳ định kỳ các tự tiện.*

*Hoan nghinh hộ chủ tốn khoản thu khoản thường vãng lai.*

Khuyến khích gửi tiền, dài hạn, ngắn hạn, xin tùy tiện.

Hoan nghênh chủ hộ, khoản dư, khoản rút, vẫn ra vào.

錢是勞動所得切莫揮霍浪費  
儉乃持家之本還要細水長流

*Tiền thị lao động sở đắc thiết mạc huy hoặc lăng phí.*

*Kiệm nãi trì gia chi bản hoàn yêu tế thuỷ trường lưu.*

Tiền do lao động mà ra, chớ có tiêu xài lăng phí.

Kiệm để giữ nhà là gốc, nên hay dòng nhỏ chảy lâu.

年年月月勤勤儉儉積積撒撒家家富富裕裕  
去去來來取取存存角角元元戶戶歡歡欣欣

*Niên niên nguyệt nguyệt cẩn cẩn kiệm kiệm tích tích tán tán gia gia  
phú phú dụ dụ.*

*Khứ khứ lai lai thủ thủ tồn tồn giác giác nguyên nguyên hộ hộ hoan  
hoan hân hân.*

Năm năm tháng tháng, cẩn cẩn, kiệm kiệm, tích tích, tán tán, nhà  
nhà, giàu giàu, có có.

Đi đi, lại lại, rút rút, tồn tồn, hào hào, đồng đồng, hộ hộ, vui vui, vẻ vẻ.

就我生春色

爲君飾美容

*Tựu ngã sinh xuân sắc.*

*Vị quán sức mỹ dung.*

Đến tôi tươi xuân sắc.

*Vì ngài đẹp mặt mày.*

手中試巧技

頭上逞技能

*Thủ trung thí xảo kỹ.*

*Dầu thương trình kỹ năng.*

Trong tay phô kỹ xảo.

Trên đầu diễn tài năng.

但教身入座

免使發沖冠

*Đàn giao thân nhập toạ.*

*Miễn xử phát xung quan.*

Đả bảo ngồi vào ghế.

Xin đừng để bức mình.

館內皆春色

入來盡美容

*Quán nội giao xuân sắc.*

*Nhân lai tận mỹ dung.*

Bài trí đều rất đẹp.

Người đến rạng mặt mày.

逢人皆体面

遇我盡升冠

*Phùng nhân giao thể diện.*

*Ngộ ngã tận thăng quan.*

Đón người đều tươi mặt.

Gặp tôi cát mũ ngay.

進去烏頭學子

出來白面書生

*Tiến khứ ô đầu học tử.  
Xuất lai bạch diện thư sinh.  
Bước vào đầu đèn học việc.  
đi ra mặt trăng thư sinh.*

到來盡是彈冠客  
此去應無搔首人  
*Đáo lai tân thi dàn quan khách.  
Thủ khử ưng vô tao thủ nhân.  
Lúc vào đều thấy khách phủi mũ.  
Khi ra không có kẻ gãi đầu.*

不教白髮催人老  
便使春風滿面生  
*Bất giao bạch phát thôi nhân lão.  
Tiện sử xuân phong mǎn diện sinh.  
Chớ gieo tóc trắng lên đầu lão.  
Hãy thổi hơi xuân để mặt tươi.*

雲鬢理就通身俏  
花發妝成滿面春  
*Vân mán lý tựu thông thân tiếu.  
Hoa phát trang thành mǎn diệu xuân.  
Tóc mai gọn ghẽ trông càng đẹp.  
Sang sửa làm cho vẻ mặt xuân.*

手中巧藝翻雲浪  
頭上精工綻霧春  
*Thủ trung xảo nghệ phiên vân lăng.  
Đầu thượng tinh công điện vụ hoa.  
Rõ khéo bàn tay gảy sóng lượn.  
Tuyệt vời mái tóc nở mây hoa.*

士行端宜新耳目

人情元貴美須眉

*Sỹ hành đoan nghi tân nhī mục.*

*Nhân tình nguyên quý mĩ tu my.*

Khách chuộng đoan trang mới tai mắt.

Nhân tình vốn thích đẹp mày râu.

創人間頭等事業

理世上不平東西

*Sáng nhân gian đầu đẳng sự nghiệp.*

*Lý thế thương bất bình đông tây.*

Dựng sự nghiệp đè đầu nhân thế.

Sửa đông tây những chỗ bất bình.

壓花卷浪隨人世

齊額披眉任客挑

*Áp hoa quyến lồng tùy nhân ý.*

*Tề ngach phi my nhiệm khách khiêu.*

Tươi hoa lượn sóng, tùy người muốn.

Băng trán cong mỵ, ý khách chiêu.

善心不欲世人老

巧手能教顏面新

*Thiện tâm bất dục thế nhân lão.*

Xảo thủ năng giáo nhan diện Tân.

Tốt bụng chẳng mong ai đáy lão.

Khéo tay hay khiến mặt người tươi.

漫發推頭除舊貌

吹風修面換新容

*Thang phát suy đầu trừ cũu mạo.*

*Suy phong tu diện hoán Tân dung.*

Uốn tóc gội đầu thay vẻ cũ.

Sấy khô cạo mặt mới dung nhan.

磨礪以須工夫純熟

及鋒而試手，段精良

*Ma lè dī tu công phu thuần thục.*

*Cáp phong nhi thí thủ đoạn tinh lương.*

*Mài giũa dã xong công phu thành thạo.*

*Sắc nhọn dem dùng tay nghề tinh thông.*

細理烏絲容光增几許

巧梳青鬢春色麗無邊

*Té lý ô ty dung quang tăng kỷ hứa.*

*Xảo sơ thanh mán xuân sắc lè vô biền.*

Kẽ tóc chân tơ dung nhan tăng vẻ đẹp.

*Tóc mai chải khéo xuân sắc thắm vô cùng.*

椅隨人轉容新兼貌美

鏡對目張笑逐并顏開

*Ỷ tuỳ nhân chuyển dung tân kiêm mạo mỹ.*

*Kính đối mục trương tiếu trực tịnh nhan khai.*

Ghế liệu xoay người dáng mới vẻ thêm đẹp.

*Gương treo trước mặt cười tươi mặt sáng ngời.*

幽春襲人人不由以進店

春風吹我我又年輕出門

*U hương tập nhân nhân bất do dĩ tiến điểm.*

*Xuân phong suy ngã ngã hựu niên khinh xuất môn.*

Hương thầm quyến rũ, mọi người thoái mái vào hiệu.

*Gió xuân mát rượi, mình ta trẻ lại bước ra.*

順理成章堆雲卷霧皆如意

得心應手截短流長悉合時

*Thuận lý thành chương đói vân quyển vụ giải如意.*

*Đắc tâm ứng thủ tiệt đoán lưu trường tất hợp thời.*

Thuận nhẹ mài hay, sương cuộn mây dồn đều xứng ý.

*Vừa lòng thêm hứng, để dài cắt ngắn vẫn theo thời.*

艾早三年蓄

功 堪 百 痘 除

*Ngải tảo tam niên súc.*

*Công kham bách bệnh trừ.*

Ngải ba năm lo trữ.

Trị trăm bệnh đều hay.

所 言 皆 藥 石

立 意 盡 慈 悲

*Sở ngôn giao dược thạch.*

*Lập ý tận từ bi.*

Lời nói đều phương thuốc.

Lập ý thày từ bi.

人 期 勿 藥 有 喜

我 自 立 心 不 欺

*Nhân kỳ vật dược hữu hỷ.*

*Ngã tự lập tâm bất khi.*

Mừng thấy cả đời không thuốc.

Chờ nhonda thấy dược yên thân.

但 愿 世 間 人 益 健

不 愁 架 上 藥 生 塵

*Đãn nguyện thế gian nhân ích kiện.*

*Bất sầu giá thương dược sinh trán.*

Những muốn thế gian người mạnh sức.

Lo chi trên giá thuốc bụi trùm.

世 間 本 疆 長 生 術

海 外 何 求 不 老 丹

*Thế gian bản phap trường sinh thuật.*

*Hải ngoại hà cầu bất lão đan.*

Thế gian vốn thiếu thuật trường sinh.

Ngoài biển cần gì đan bất lão.

Ấu àL àB àc à{ OP àN

只效岐黃潔世心

*Tuy vô lưu, Nguyễn phùng tiên thuật.*

*Chỉ hiệu Kỳ, Hoàng tế thế tâm.*

Không theo lưu, Nguyễn gấp người tiên.

Bắt chước Kỳ, Hoàng lo cứu thế.

深明佐使君臣禮

遠萃東西南北材

*Thâm minh tá sử quân thần lễ.*

*Viễn tuy đông tây nam bắc tài.*

Hiểu sâu phép ứng dụng vua tôi.

Nỗi tiếng tài đông tây nam bắc.

欲向市中求妙藥

須知海內有奇方

*Dục hương thị trung cầu diệu dược.*

*Tu tri hải nội hữu kỳ phương.*

Hướng tới bên ngoài cầu thuốc tốt.

Nên hay trong nước có phương hay.

花放杏林滋氣雪

藥生蘭室補肢身

*Hoa phóng hạnh lâm từ khí huyết.*

*Dược sinh lan thất bổ chi thân.*

Rừng hạnh nở hoa tươi khí huyết.

Vườn lan trồng thuốc bổ chi thân.

普潔有仁心 愿諸君平康無

太和養頤福 應知我醫藥有方

*Phổ tết hữu nhân tâm nguyện chư quân bình khang vô lóng.*

*Thái hòa dưỡng khí di phúc ứng tri ngã y dược hữu phương.*

Chữa chạy có lòng nhân, những muốn mọi người bình an vô sự.

Hoà nhã chăm nuôi phúc, nên hay trong nước y dược có phương.

到此且歇足

客至便爲家  
*Đáo thử thà yết túc.*  
*Khách chí tiện vi gia.*  
Đến đây hãy nghỉ chân.  
Khách coi như nhà mình.

莫言身是寄  
能使客如歸  
*Mạc ngôn thân thị ký.*  
*Năng sử khách như quy.*  
Đừng nói mình ở gửi.  
Hay khiến khách như về.

相逢本萍水  
小住勝親朋  
*Tương phùng bản bình thuỷ.*  
*Tiêu trú thắng thân bằng.*  
Gặp nhau như bèo nước.  
Cùng trợ hòn bạn thân.

東西南北客  
兄弟姐妹情  
*Đông tây nam bắc khách.*  
*Huynh đệ như muội tình.*  
Khách đông tây nam bắc.  
Tình anh em chị em.

進門都是客  
到店即爲家  
*Tiến môn đều là khách.*  
*Đáo tiệm tức vi gia.*  
Vào cửa đều là khách.  
Đến quán túc là nhà.

共對一登影

相逢萬里仁

Cộng đồi nhất đăng ảnh.  
Tương phùng vạn lý nhân.  
Đèn một ngọn chung nhau.  
Người muôn dặm gặp gỡ.

八方客愿住

Bát phương khách nguyện trú.  
Tứ quý điểm như xuân.  
Tám phương khách muốn trú.  
Bốn mùa quán như xuân.

接待八方旅客

歡迎四海親人  
Tiếp đãi bát phương lữ khách.  
Hoan nghênh tứ hải thân nhân.  
Tiếp đón lữ khách tám phương.  
Hoan nghêng người thân bốn biển.

鄉夢不隨春夜永

客思千向雨聲多  
Hương mộng bất tuỳ xuân dạ vĩnh.  
Khách tư thiên hương vũ thanh da.  
Đêm xuân đâu mai cùng mộng đẹp.  
Mưa nhiều khiến khách lầm suy tư.

煙外暮鍾催倦鳥

林間殘照促歸人  
Yên ngoại mộ chung thôi quyện điêu.  
Lâm gian tàn chiếu súc quy nhân.  
Chuông chùa, khói toả, xua chim mỏi.  
Bóng xế, rừng sâu, giục khách về.

萍水相逢如老友

停車暫住似歸家

*Bình thuỷ tương phùng như lão hưu.*

*Đình xa tạm trú tự quy gia.*

Bèo nước gặp nhau, như bạn cũ.

Dừng xe tạm, tựa về nhà.

銀星未出先投宿

曉日方明趕路程

*Ngân tinh vị xuất tiên đầu túc.*

*Hiểu nhật phương minh hǎn lộ trình.*

Sao hôm sắp mọc, nên tìm trú.

Sớm mai dạng sáng, hãy lên đường.

棧曲有雲皆獻瑞

房幽無地不生香

*San khúc hūu vân giae hiến thuy.*

*Phòng u vô địa bất sinh hương.*

Quanh nhà mây phủ đều tươi vẻ.

Phòng vắng nơi nào cũng có hương.

迎來春夏秋冬客

溫暖東西南北人

*Nghinh lai xuân hạ thu đông khách.*

*Ôn noān đông tây nam bắc nhân.*

Hoan nghênh khách thu đông xuân hạ.

Ám áp người nam bắc tây đông.

日將夕矣君宜住

難既鳴之我不留

*Nhật tương tịch hý quân nghi trú.*

*Kè ký minh chi ngã bắt lưu.*

Trời đã xế chiều xin giữ khách.

Gà đang gáy sáng dám lưu người.

幽齋特下高人榻

古道頻來長者車

*U trai đặc hạ cao nhân tháp.*

*Cổ đạo tần lai trưởng giả xa.*

Phòng vắng giường riêng dành khách quý.

Lối xưa xe ngựa rộn người sang.

鴻鵠遠去皆人大地春暖

旅客常來只爲小店情深

*Hồng nhạn viễn khứ giao nhân đại địa xuân noãn.*

*Lữ khách thường lai chỉ vì tiều diêm tình thâm.*

Hồng nhạn bay xa, cung bởi nơi kia xuân ấm.

Lữ khách tìm đến, là dò quán nhỏ tình sâu.

春夏秋冬一歲川流不息

東西南北四方賓至如歸

*Xuân hạ thu đông nhất tuế xuyên lưu bất tức.*

*Đông tây nam bắc tứ phương tàn chí như quy.*

Một năm xuân hạ thu đông, thời gian chẳng nghỉ.

Bốn phương đông tây nam bắc, khách đến như về.

隨來隨吃如流水

有飯有湯供客人

*Tuỳ lai tùy ngọt như lưu thuỷ.*

*Hữu phan hữu thang cung khách nhân.*

Tuỳ lại, tùy chén, như nước chảy.

Có cơm, có canh cho khách ăn.

飯熱菜香春滿店

窗明几淨客如雲

*Phan nhiệt thái hương xuân mản điền.*

*Song minh kỳ tĩnh khách như mây.*

Cơm nóng rau thơm xuân chất quán.

Nhà quang ghế sạch khách như mây.

甘旨爲惊雲外客

流霞香染月中泉

*Cam chi vị kinh vân ngoại khách.*

*Lưu hà hương nhiễm Nguyệt Trung Tuyền.*

Vị ngọt ngọt ngoài kính ngạc.

Rượu thơm lung trăng nước đượm hương.

喜迎故客品佳饌

長送春風開笑顏

*Hỷ nghinh cố khách phẩn giai soạn.*

*Trương tống xuân phong khai tiếu nhan.*

Chào mừng quý khách món ngon tuyệt.

Tiễn đưa gió mát về cười tươi.

無人不道佳肴美

有客常來滿座春

*Vô nhân bất đạo giai Khan mĩ.*

*Hữu khách thường lai mãn toạ xuân.*

Chẳng ai không nói hay khen đẹp.

Có khách thường thăm mọi chốn xuân.

五味烹調香萬里

三鮮蒸炙樂天家

*Ngũ vị phanh điêu hương vạn lý.*

*Tam tiên chưng chả lạc thiên gia.*

Năm vị nấu xào hương vạn dặm.

Ba tươi chưng rán thích ngàn nhà.

有名店店有名名揚四海

迎客樓樓迎客客滿一堂

*Hữu danh điểm điểm hữu danh danh dương tứ hải.*

*Nghinh khách lâu lâu nghinh khách khách mãn nhất đường.*

Nổi tiếng quán, quán nổi tiếng, tiếng vang bốn biển.

Dón khách lâu, lâu dón khách, khách đầy một nhà.

烹調臘食物美價廉味道好

精做菜看花樣齊全篇養高

*Phanh diều thiện thực vật mĩ gia liêm vị đạo hảo.*

*Tinh tố thái khan hoa dạng tề toàn doanh dưỡng cao.*

Nấu bữa ăn, món ăn ngon, giá rẻ, ăn ngon miệng.

Làm rau tươi, xem vẻ đẹp, chu toàn, dinh dưỡng cao.

今飪古烹拈來五味調奇味

中肴西饌匯集一家創名家

*Kim nhẩm cổ phanh niêm lai ngũ vị điều kỳ vị.*

*Trung khan tây soạn vựng tập nhất gia sáng danh gia.*

Nấu xưa, nấu nay, vẫn từ năm vị thành kỳ vị.

Cơm Âu, cơm Á, chung đúc một nhà nổi tiếng nhà.

面可充飢請坐下品嘗兩碗

酒能解乏快進來喝上几杯

*Điện khả sung cơ thỉnh toạ hạ phẩm thường lưỡng uyển.*

*Tiểu năng giai phiến khoái tiên lai hát thương kỷ bối.*

Mặt có vẻ đói, xin mời ngồi, xơi tạm vài lung.

Rượu hay gọi chuyện, hãy rót nhanh, uống chơi mấy chén.

座上客常滿

杯中酒不空

*Toạ thường khách thường mân.*

*Bồi trung tửu bất không.*

Khách thường đến ngồi đầy.

Rượu trong chén chẳng với.

店好天家領

壇開十里香

*Điểm hảo thiên gia tung.*

*Đàn khai thập lý hương.*

Quán tốt nghìn nhà khen.

Vò mồ mười dặm ngát.

舉杯邀月飲

拍手踏春風

*Cử bôi yêu nguyệt âm.*

*Phách thủ dập xuân phong.*

*Nâng chén mời trăng uống.*

*Vỗ tay đón gió xuân.*

一樓風月當酣飲

萬里雲天醒醉眸

*Nhất lâu phong nguyệt đương cam ẩm.*

*Vạn lý vân thiên tỉnh tuý mâu.*

*Một lầu trăng gió mềm môi uống.*

*Muôn dặm trời mây tĩnh mắt say.*

勸君更盡一杯酒

與你同銷萬古愁

*Khuyên quân cánh tận nhất bôi túu.*

*Dù nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu.*

*Mời ông uống cạn một ly rượu.*

*Cùng bạn quên đi muôn thuở sâu.*

劉伶借問誰家好

李白還言此處佳

*Lưu Linh tá vấn thuỳ gia hảo.*

*Lý Bạch hoàn ngôn thủ xứ giai,*

*Lưu Linh ướm hỏi rượu đâu tốt.*

*Lý Bạch liền khoe xú ấy ngon.*

水如碧玉山如黛

酒滿金樽月滿樓

*Thuỷ như bích ngọc sơn như đai.*

*Tiều mǎn kim tôn nguyệt mǎn lâu.*

*Nước như ngọc bích, núi như vẽ.*

*Rượu đầy chén vàng, trăng đầy lầu.*

一榻暗香薰醉夢

千峰秀色送余杯

Nhát tháp án hương huân tuy mộng.

Thiên phong tú sắc tông dư bối.

Rượu ngon một hũ, hương say mộng.

Cành đẹp ngàn non, cạn chén mời.

春徑摘花春釀酒

竹窗留月夜煎茶

Sơn kính trích hoa xuân nhuộng tửu.

Trúc song lưu nguyệt dạ tiên trà.

Lên núi hoa xuân hái ủ rượu.

Ngoài song trăng chiếu tiệc trà khuya.

座上月明對美酒

篱邊人醉詠黃花

Toạ thượng nguyệt minh đối mỹ tửu.

Ly biên nhân tuy vịnh hoàng hoa.

Rượu ngon trước mặt, trăng ngời sáng.

Thơ cúc bên rào, ai say ngâm.

沽酒客來風亦醉

賣花人去路還香

Cô tửu khách lai phong diệc tuy.

Mại hoa nhân khứ lộ hoàn hương.

Rượu mua khách đến làm say gió.

Hoa bán, người đi đường thoảng hương.

香分花上路

水汲石中泉

Hương phân hoa thượng lô.

Thuỷ hấp thạch trung tuyễn.

Hoa sương đọng tỏa hương.

Đá suối nguồn ngâm nước.

煮沸三江水

同飲五岳茶

*Chữ phí tam giang thuỷ.*

*Đồng ẩm ngũ nhạc trà.*

*Đun sôi nước tam giang.*

*Cùng uống trà ngũ nhạc.*

佳肴無肉可

清談離我難

*Giai khan vô nhục khả.*

*Thanh đàm ly ngã nan.*

Gặp nhau thiếu thịt - được.

Bàn suông vắng tờ - không.

金雞未唱水仙沸

旭日東升茶溫香

*Kim kê vị xưởng thuỷ tiên phi.*

*Húc nhật đông thăng trà dật hương.*

Gà chưa kịp gáy, hãy đun nước.

Sáng mới hừng đông, ngát hương trà.

茶亦醉人何必酒

書能香我不須花

*Trà diệc tuy nhân hè tất tửu.*

*Thư năng hương ngã bất tu hoa.*

Trà cũng say người, đâu cứ rượu.

Sách thơm lây tờ, chẳng cần hoa.

身健都緣餐肉少

請清只爲飲茶多

*Thân kiện đồ duyên san nhục thiểu.*

*Thi thanh chỉ vị ẩm trà đa.*

Người khỏe cùng nhờ ăn ít thịt.

Thơ hay chỉ tại uống nhiều trà

熏心只覺濃于酒

人口方知氣勝蘭

*Huân tâm chỉ giác nùng vu tiều.*  
*Nhập khẩu phương tri khi thắng lan.*  
Trong bụng chỉ ngát ngây về rượu.  
Uống vào hay ngào ngạt hơn lan.

爲愛清香頻入座

*Vì ái thanh hương tần nhập toạ.*  
*Hân đồng tri kỷ tế đồng tâm.*  
Vì chuộng hương thanh hay đến chỗ.  
Thích cùng tri kỷ chuyên riêng tư.

幽借山巔雲霧盾

*U tá sơn diên vân vự thuẫn.*  
*Hương bàng nhai bạn huệ lan hồn.*  
Mây khói đầu non u tịch lầm.  
Huệ lan khe nước đượm hương nhiều.

翠葉煙騰冰碗碧

*Thúy diệp yên đằng băng uyển thạch.*  
*Luc mao quang chiếu ngọc âu thanh.*  
Lá biếc, khói lan, băng bát đá.  
Nhà tranh ánh chiếu, ngọc âu xanh.

松濤烹雪醒詩夢

*Tùng đào phanh tuyêt tĩnh thi mộng.*  
*Trúc viện phù hương khởi nhã tư.*  
Tùng reo, tuyêt chảy, tĩnh hồn thơ.  
Trúc viện, hương bay, nâng tú nhã.

刻刻催人資譽省

聲 聲 勸 你 惜 光 陰

*Khắc khắc thời nhàn tư cảnh tình.*

*Thanh thanh khuyễn nhĩ tích quang âm.*

Tích tắc giục người nên sớm tĩnh.

Loong coong khuyên bạn tiếc thời gian.

非 從 朝 暮 觀 時 刻

要 識 光 陰 似 箭 梭

*Phi tòng triêu mộ quan thời khắc.*

*Yêu thức quang âm tự tiễn tha.*

Đâu chỉ sớm hôm xem giờ giấc.

Nên biết thời gian tựa thoi đưa.

歸 三 百 六 卽 于 掌 握

羅 二 十 八 宿 在 心 胸

*Quy tam bách lục tuần vu chưởng ác.*

*La nhị thập bát tú đại tâm hung.*

Ba trăm sáu mươi ngày lo quản lý.

Hai mươi tám vì sao giữ trong tâm.

喜 事 業 興 隆 于 民 得 利

看 秒 分 准 确 爲 國 惜 時

*Hỷ sự nghiệp hưng long vu dân đắc lợi.*

*Khán miêu phân chuẩn xác vị quốc tích thời.*

Mừng sự nghiệp vê vang cho dân được lợi.

Xem phút giây chuẩn xác vì nước tiếc giờ.

鍾 點 長 敲 當 厚 愛 那 年 年 月 月

表 针 不 懈 應 珍 惜 這 秒 秒 分 分

*Chung điểm trường xao đương hậu ái na niên niên nguyệt nguyệt.*

*Biểu trâm bất giải ứng trân tích giá miêu miêu phân phân.*

Chuông điểm giờ lâu, nên ưu ái năm năm tháng tháng ấy.

Kim quay không mỏi, phải xót sa phút phút giây giây này.

懸 將 小 日 月

照徹大乾坤

*Huyền tường tiều nhật nguyệt.*

*Chiếu triết đế càn khôn.*

Đeo như nhật nguyệt nhỏ.

Sai hết vũ trụ lớn.

胸中存灼見

眼底辨秋毫

*Hung trung tồn chước kiến.*

*Nhân đế biện thu hào.*

Trong lòng nhiều mưu chước.

Đáy mắt rõ tóc tơ.

如用之皆能明也

苟合矣不亦樂乎

*Như dụng chi giải đăng minh dâ.*

*Cầu hợp hỷ bất diệc lạc hồ.*

Nếu deo vào, đều thấy sáng rõ.

May hợp số, chẳng cũng vui sao.

遠求海內珍藏本

快獨人間未見書

*Viên cầu hải nội trân tàng bản.*

*Khoái độc nhân gian vị kiến thư.*

Xa cần bản trong nước lưu giữ.

Ua đọc sách nhân gian chưa xem.

藏古今學術瑰寶

聚中外文化精華

*Tàng cổ kim học thuật khôi bảo.*

*Tụ trung ngoại văn hóa tinh hoa.*

Chứa học thuật quý giá kim cổ.

Tụ tinh hoa văn hóa trong ngoài.

奇探二酉搜羅富

賦就三都聲價高

*Kỳ thám nhị dậu sưu la phú.*

*Phú tựu tam đô thanh giá cao.*

Đến thăm nhị dậu<sup>1</sup> tìm nơi có.

Phú tài tam đô<sup>2</sup> giá mới cao.

古人都向書中見

男女當爲天下奇

*Cố nhân đồ hương thư trung kiến.*

*Nam tử đương vi thiên hạ kỳ.*

Cố nhân tìm kiến thức trong sách.

Tài trai làm việc lạ thiên hạ.

翰墨圖書皆成風采

往來談笑盡是鴻儒

*Hàn mạc đồ thư giao thành phong thái.*

*Vãng lai đàm tiếu tận thị hòng nho.*

Văn chương ghi chép, thày đều tươi vè.

Qua lại cười chê, những bậc túc nho.

錦繡成文原非我有

琳瑯滿目惟待人求

*Cẩm tú thành văn nguyên phi ngã hưu.*

*Lâm lăng mǎn mục duy dài nhân cầu.*

Gấm vóc lời văn, ta vốn không có.

Lung linh ngợp mắt, người cần vẫn chờ.

大塊文章百城富有

名山事業天古長留

*Đại khôi văn chương, bách thành phú hữu.*

*Danh sơn sự nghiệp, thiên cổ trường lưu.*

<sup>1</sup> Nhị dậu: Hai ngọn núi biểu tượng văn hóa.

<sup>2</sup> Tam đô: Ba kinh đô biểu tượng văn hóa.

Khối kỉ... vinh chương, trăm thành xứng giá.  
Non danh sự nghiệp, ngàn thuở còn lưu.

聚 典 爵 精 峯 嘉 傳 後 進  
匯 中 西 學 術 樂 授 新 人  
*Tu điển tịch tinh hoa gia truyền hậu tiến.*  
*Hội trung tây học thuật, lạc thu Tân nhân.*  
Thu sách vở tinh hoa, để lại đời sau.  
Hợp Á, Âu học thuật, vui trao kẻ mới.

信 貸 無 私 為 建 設  
資 金 周 轉 利 民 生  
*Tín hàn vô tư vì kiến thiết.*  
*Tư kim chu chuyển lợi dân sinh.*  
Tín dụng vô tư vì kiến thiết.  
Tiền vàng chu chuyển, lợi dân sinh.

儲 蓄 為 盈 能 聚 寶  
勤 勞 如 樹 可 搶 錢  
*Trữ súc vi doanh năng tụ bảo.*  
*Cần lao như thu khả dao tiền.*  
Tích góp hàng ngày hay tu quý.  
Siêng náng hôm sớm có thêm tiền.

集 少 成 多 節 紦 為 本  
化 零 為 整 儲 蓄 當 先  
*Tập thiểu thành đa tiết kiệm vi bản.*  
*Hoá linh vi chỉnh trữ súc đương tiên.*  
Góp ít thành nhiều, tiết kiệm là gốc.  
Hoá không thành có, tích luỹ làm đầu.

儲 蓄 愛 國 國 富 民 富  
勤 儉 持 家 家 康 人 康  
*Trữ súc ái quốc, quốc phú dân phú.*

*Cần kiệm trì gia, gia khang dân khang.*  
Gửi tiền yêu nước, nước giàu dân giàu.  
*Cần kiệm giữ nhà, nhà mạnh người mạnh.*

海上鯤鵬三萬里  
人間甲子幾千秋

*Hải thượng côn bằng tam vạn lý.*  
*Nhân gian giáp tý kỷ thiên thu.*  
Trên biển côn bằng<sup>1</sup> ba vạn dặm.  
Nhân gian tuổi tác mấy nghìn thu.

雲迷古洞還丹室  
日俸南山入壽杯

*Vân mê cổ động hoàn dan thất.*  
*Nhật bồng Nam sơn nhập thọ bôi.*  
Vân mê<sup>2</sup> cổ động về đan thất<sup>3</sup>;  
Nhật bồng sơn Nam<sup>4</sup> nhập chén mừng.

大椿翠浥千秋露  
叢桂香飄萬里風

*Đại xuân thuỷ ấp thiên thu lô;*  
*Tùng quế hương phiêu vạn lý phong.*  
Cây xuân thắm muộn thiên thu lô;  
Lùm quế hương bay vạn lý phong.

桃花已發三千浪  
玉樹長含萬里風

*Đào hoa đã phát tam thiên lăng;*  
*Ngọc thụ trường hàm vạn lý phong.*

<sup>1</sup> Côn, bằng: Hai loại chim trời bay khoẻ.

<sup>2</sup> Vân mê: Mây bay không định hướng.

<sup>3</sup> Đan thất: Nơi luyện thuốc tiên.

<sup>4</sup> Nhật bồng Nam sơn: Bưng mặt trời ở núi Nam Sơn.

Đào hoa dã nở tam thiên lāng<sup>1</sup>;  
Cây ngọc trường hàm vạn lý phong.

知命知非成化境  
言慈言孝樂千倫  
*Tri mệnh tri phi thành hóa cảnh;*  
*Ngôn từ ngôn hiếu lạc thiên luân.*  
Biết mệnh biết phi thành thuận cảnh;  
Nói từ nói hiếu hợp lẽ trời.

學到知非宏門壽域  
年齊大衍共晉霞觴  
*Học đáo tri phi hoàng môn thọ vực;*  
*Niên tề đại diễn cung tấn hà thương.*  
Học đến biết, chẳng phải đến nơi vực thọ;  
Năm đã dài, vẫn còn tiến đến chén hè.

頌祝遐齡椿作紀  
筵開壽宴海爲樽  
*Tụng chúc hà linh xuân tác kỷ;*  
*Diên khai thọ yến hải vi tôn.*  
Chúc tụng tuổi cao xuân vừa tròn kỷ;  
Chiều mừng yên thọ bể tựa chén mời.

耆壽極星占上壽  
仲春花甲衍長春  
*Kỳ thọ cực tinh chiêm thượng thọ;*  
*Trọng xuân hoa giáp diễn thường xuân.*  
Sáu mươi thọ, nhìn sao xem thượng thọ;  
Tháng trọng xuân, tuổi tác hương trường xuân.

杯傾北海辰初度

---

<sup>1</sup> Lāng: Sóng.

頌獻南山甲再週

Bồi khuynh Bắc hải thần sơ độ;

Tụng hiến Nam sơn giáp tái chu.

Bắc hải chén nghiêng thời sơ độ

Nam sơn chúc tụng lại chu kỳ.

敬獻滿觴瞻北斗

還從花甲祝南山

Kinh hiến mǎn thương chiêm Bắc đẩu;

Hoàn tòng hoa giáp chúc Nam sơn.

Kính hiến chén mừng nhìn Bắc đẩu;

Mong hoàn hoa giáp chúc Nam sơn.

祝遐齡三千歲月

游化日六十春秋

Chúc hà linh tam thiên tuế nguyệt;

Du hóa nhật lục thập xuân thu.

Chúc tuổi thọ ba nghìn năm tháng;

Đã trôi đì sáu chục xuân thu.

花甲逢春酒映青襟春共醉

太山祝壽歌傳白雪壽頻添

Hoa giáp phùng xuân túu ánh thanh khâm xuân cộng tuý;

Thái sơn chúc thọ ca truyền bạch tuyết thọ tần thiên.

Hoa giáp<sup>1</sup> mừng xuân rượu ánh thanh khâm<sup>2</sup> xuân say chén;

Thái sơn chúc thọ ca truyền bạch tuyết<sup>3</sup> thọ mấy lần.

耆壽極星占上壽

仲春花甲衍長春

<sup>1</sup> Hoa giáp: Tuổi tròn 60.

<sup>2</sup> Thanh khâm: Ngày xưa học sinh trường công của Trung Quốc mặc áo sắc xanh.

<sup>3</sup> Bạch tuyết: Tên một khúc ca do Đường Cao Tông (Trung Quốc) chế ra.

Kỳ tho cực tinh chiếm thượng tho';  
Trọng xuân hoa giáp diễn trường xuân.  
Phúc tho sao trời chiếm thượng tho';  
Tháng xuân tuổi tác nối trường xuân.

從心已紹尼山脈  
杖國還徵渭水車  
*Tóng tâm dì thiêu Ni Sơn mạch;*  
*Thượng quốc hoàn trưng Vị Thuỷ xa.*  
Tâm tuỳ đã nối Ni Sơn mạch;  
Quốc lão nhàn về Vị Thuỷ xa.

三千朱履隨南極  
七十霞觴進北堂  
*Tam thiên chu lý tuỳ Nam cực;*  
*Thất thập hà thương tiến Bắc đường.*  
Ba nghìn giày đỏ theo Nam cực;  
Bảy chục chén hà đến Bắc đường.

事業從心共推元老  
曾孫繞膝咸祝地山  
*Sự nghiệp tòng tâm công thôi nguyên lão;*  
*Tăng tôn nhiêu tết hồn chúc địa tiên.*  
Sự nghiệp tuỳ lòng dây đà nguyên lão;  
Tăng tôn quanh gối hàm chúc cảnh tiên.

八千歲爲春自今伊始  
七十杖於國從古稱稀  
*Bát thiên tuế vi xuân tự kim y thuỷ;*  
*Thất thập trượng ư quốc tòng cổ xưng hy.*  
Tám nghìn năm làm xuân, từ đây khởi thuỷ;  
Bảy chục tuổi với nước, tự cổ hiếm hoi.

海屋籌添古來稀者今來盛

華筵慶衍福有五兮祝有三

*Hài ốc trù thiêm cò lai hy già, kim lai thịnh;  
Hoa diên khánh diên phúc hưu ngũ hè, chúc hưu tam  
Tuổi thọ thêm cao<sup>1</sup> xưa kia hiếm mà nay lại thịnh;  
Chiếu mừng càng đẹp, phúc có năm<sup>2</sup> xin chúc được ba.*

碩德流徽咸仰南山占上壽  
嘉賓有寵適從杖國著芳名

*Thạc đức lưu huy hàm ngưỡng Nam sơn chiến thượng thọ;  
Gia tân hưu sủng thích lòng trượng quốc trứ phuong danh.  
Đức lớn phát huy, hàm ngưỡng non Nam chúc thượng thọ;  
Khách mừng yêu mến, bước theo quốc trượng nổi danh thơm.*

德重如山高仰泰山永壽  
名尊在國長留杖國行仙

*Đức trọng như sơn cao ngưỡng Thái sơn vĩnh thọ;  
Danh tôn tại quốc trường lưu trượng quốc hành tiên.  
Đức nặng như sơn, ngưỡng vọng thái sơn trường thọ;  
Danh tôn tại quốc, dài lâu trượng quốc thành tiên.*

四大宴春臺小作陽春添紀算  
七旬欽國策初從杖國誦岡陵

*Tứ đại yến xuân dài tiểu tác dương xuân thiêm kỷ toán;  
Thất tuần khâm quốc sách sơ tòng trượng quốc tung cương lăng.  
Tứ đại mừng yến xuân dài, việc nhỏ ngày xuân thêm kỷ toán<sup>3</sup>;  
Thất tuần khâm quốc sách, bước theo trượng quốc tung cương lăng<sup>4</sup>.*

杖朝步履儀容古  
釣渭絲綸日月長

<sup>1</sup> Tuổi thọ thêm cao (hài ốc trù thiêm): Thành ngữ chúc thọ nhau thời xưa.

<sup>2</sup> Phúc có năm (ngũ phúc): Năm thứ hạnh phúc: Phú quý, thọ, khang, ninh.

<sup>3</sup> Kỷ toán: Ghi đếm. Ý nói được thêm tuổi tác.

<sup>4</sup> Cương lăng: Gò đất cứng rắn. Ý nói tuổi tác cứng cỏi.

*Trương triều bộ lý nghi dung cỗ;  
Điều Vị ti luân nhật nguyệt trướng.  
Đi dép vào triều nghi dung cỗ;  
Buông câu sông Vị nhật nguyệt trướng.*

桃化結子三千歲  
椿樹敷榮八十春  
*Dào hoa kết tử tam thiên tuế;  
Xuân thụ phu vinh bát thập xuân.  
Hoa đào kết quả tam thiên tuế;  
Cây cối phô tươi bát thập xuân.*

八仙會裏增南極  
九老圖中祝北辰  
*Bát tiên hội lý tăng Nam cực;  
Cửu lão đồ trung chúc Bắc thàn.  
Tám tiên trong họa tăng Nam cực;  
Chín cụ giữa tranh chúc Bắc thàn.*

五福正儀開壽域  
百齡誰不進霞觴  
*Ngũ phúc chính nghi khai thọ vực;  
Bách linh thuỷ bát tiên hà thương.  
Ngũ phúc chính ngay khai cỗi thọ;  
Bách linh<sup>1</sup> ai chẳng đến chén mừng.*

齒德兼優八秩添籌盈海屋  
英裘潔美一堂獻綵舞班衣  
*Xỉ đức kiêm ưu bát trật thiền trù doanh hải ốc;  
Cơ cữu tế mỹ nhất đường hiến thái vũ ban y.  
Thọ đức đều hay tám trật thêm trù đầy hải ốc<sup>2</sup>;*

<sup>1</sup> Bách linh: Trăm tuổi.

<sup>2</sup> Hải ốc: xem chú thích “Hải ốc thiêm trù” ở trên.

Cơ cữu<sup>1</sup> càng dẹp một nhà hiến lụa múa ban y<sup>2</sup>.

南極桑弧懸九一  
東方桃實獻三千

*Nam cực tang hồ huyền cửu nhất;  
Đông phương đào thực hiến tam thiên.  
Nam cực cung tên treo cửu<sup>3</sup> nhất.  
Đông phương đào quả hiến tam thiên.*

菊酒香浮延九袞  
松筠秀色歷三秋

*Cúc tiêu hương phù diên cửu cốn;  
Tùng quân tú sắc lịch tam thu.  
Rượu cúc xông hương tràn cửu cốn;  
Tùng quân sắc đẹp trai ba thu.*

天子珍從兼好德  
尚書口授更邀榮

*Thiên tử trân tòng kiêm hảo đức;  
Thượng thư khẩu thụ cánh yêu vinh.  
Thiên tử quý theo gồm đức tốt;  
Thượng thư vàng nhận lại yêu vinh.*

談笑眼中無故舊  
往來膝下有曾玄  
Đàm tiếu nhän trung vô có cựu;  
Vãng lai tất hạ hữu tăng huyền.  
Đàm tiếu trong mi không có cựu;  
Vãng lai dưới gối có tầng huyền.

<sup>1</sup> Cơ cữu: Con cháu nối được nghiệp cha ông.

<sup>2</sup> Ban y: áo sắc lốm đốm như áo trẻ con. Lão Lai mặc làm cho cha mẹ vui.

<sup>3</sup> Cửu nhất: 91 tuổi.

桃熟三千樽開北海  
春光九十詩頌南山

*Dào thực tam thiên tôn khai Bắc hải;  
Xuân quang cửu thập thi tụng Nam sơn.  
Đào chín ba nghìn chén mừng bể Bắc.  
Xuân quang chín chục thơ tụng non Nam.*

邱壑足煙霞九十年來謂逸老  
廟堂多雨露八千歲後又生春

*Khưu hác túc yên hà cửu thập niên lai vị dật lão;  
Triều đường đa vū lô bát thiên tuế hựu sinh xuân.  
Gò rãnh đủ yên hà, chín chục niên nay xưng nhàn lão.  
Triều đường nhiều vù lộ, tám nghìn tuổi sau lại sinh xuân.*

九十嘉賓海屋籌添延鶴算  
三春令旦搖池瑞萬獻蟠桃

*Cửu thập gia tân hải óc trù thiêm diện hạc toán;  
Tam xuân lệnh dán dao trì thuy ái hiến bàn đào.  
Chín chục, khách mừng, hải óc trù thiêm<sup>1</sup> dài tuổi hạc;  
Ba xuân, ngày đẹp, dao trì thuy ái<sup>2</sup> hiến đào tiên.*

壽躋期頤青海外  
光增甲第紫徽前

*Tho té kỳ di thanh hải ngoại;  
Quang tăng giáp đệ tử huy tiền.  
Tuổi thọ vượt niên kỳ xanh ròn biển cả;  
Hiển vinh tăng giáp đệ rạng rõ gia môn.*

搖池桃熟三千歲  
海屋籌添一百春  
*Dao trì đào thực tam thiên tuế;*

<sup>1</sup> Hải óc trù thiêm: Xem chú thích ở trên.

<sup>2</sup> Dao trì: Ao ngọc, nơi bà Tây Vương mẫu ở.

*Hài óc trù thiêm nhất bách.*  
Dao trì đào chín, ba nghìn tuổi;  
*Hài óc thêm trù, một trăm xuân.*

春樹敷榮一百春秋歌上壽xuār  
蟠桃獻瑞三千珠履慶高年  
*Xuân thụ phu vinh nhất bách xuân thu ca thượng thọ;*  
*Bàn dào hiến thụy tam thiên châu lý khách cao niên.*  
Cây cối khoe tươi, nhất bách xuân thu ca thượng thọ;  
Đào tiên dâng hiến, ba nghìn dâng ngọc chúc cao niên.

五經兼通有此材宜有此遇  
九重嘉悅詢其父又及其翁  
*Ngũ kinh kién thông, hữu thử tài nghi hữu thử ngô;*  
*Cửu trùng gia duyệt, tuân kỳ phụ hưu cập kỳ ông.*  
Thông suốt năm kinh, có tài ấy thì đạt danh ấy;  
Đẹp ý nhà vua, đã tin cha thì ắt tin ông.

晨農本草香千里  
岐伯醫風播五洲  
*Thần nông bản thảo hương thiên lý.*  
*Kỳ Bá y phong bá ngũ châu.*  
Bản thảo Thần Nông hương vạn dặm.  
Y phong Kỳ Bá nổi năm châu.

壽世良方祛邪扶正  
回春妙述固本清源  
*Thọ thế lương phương khu tà phù chính.*  
*Hồi xuân diệu thuật cố bản thanh nguyên.*  
Tuổi thọ, phương hay, đuổi tà, phù chính.  
Hồi xuân, thuật giỏi, vững gốc, trong nguồn.

握五寸刀柄開腸割腹除痼疾  
用十分熱忱拔肝瀝膽作良醫

Ác ngũ thốn đao bình khai trường cát phúc trừ cỗ tật.  
Dụng thập phần nhiệt thảm phi can lịch dǎm tác lương y.  
Cầm chuôi dao nǎm tặc, mổ bụng, cắt ruột trừ bệnh ác.  
Với nhiệt tình mười phần, mổ gan, rửa ruột xứng lương y.

少飲几杯甘露酒何愁幸福不在  
多投若干保險金豈畏災情橫飛  
*Thiểu ảm kỷ bôi cam lô tửu hà sầu hạnh phúc bất tại.*  
*Đa đầu nhược can bảo hiểm kim khởi uy tai tình hoạnh phi.*  
Rượu cực ngọt uống vài chén, lo chi hạnh phúc không còn ở.  
Tiền bảo hiểm góp bao nhiêu, há sợ tai ương chấn lôi bay.

何須蛋里尋營養  
只此盤中有文章  
*Hà tu đán lý tẩm doanh dưỡng.*  
*Chỉ thử bàn trung hữu văn chí ương.*  
Dinh dưỡng phải đâu chỉ là trứng.  
Văn chương vẫn có ở trên bàn.

味超玉液瓊漿外  
巧在然萁煮豆中  
*Vị siêu ngọc dịch quỳnh tương ngoại.*  
*Xảo tại nhiên cơ chử đậu trung.*  
Vị ngọt hơn quỳnh tương ngọc dịch.  
Khéo trong khi nấu đậu nhóm lò.

家財雖萬貫一旦遭災貧如洗  
保險僅數元十分安全穩如山  
*Gia tài tuy vạn quán nhất đán tao tai bần như tẩy.*  
*Bảo hiểm cần số nguyên thập phần an toàn ổn như sơn.*  
Gia tài dẫu vạn quan, một sớm gặp tai, sạch như nước.  
Bảo hiểm góp vài đồng, mười phần an toàn, vững tựa non.

年年防月月防一日不防一日悔

人 人 保 歲 歲 保 四 時 常 保 四 時 安

Niên niên phòng nguyệt nguyệt phòng nhất nhật bát phòng nhất nhật hối.

Nhân nhân bảo tuế tuế bảo tú thời thường bảo tú thời an.

Năm năm phòng, tháng tháng phòng, một ngày quên phòng, một ngày hối.

Người người bảo, năm năm bảo, bốn mùa thường bảo, bốn mùa yên.

吃 粗 茶 淡 飯 安 步 當 車 無 災 即 福

享 山 珍 海 味 養 尊 處 優 有 禍 難 防

Ngék thô trà đậm phan an lô dương xa vó tai túc phúc;

Hưởng sơn trân hải vị dương tôn xút ưu hữu hoạ nan phòng.

Chỉ trà thô đậm, hết bộ đến xe, không tai là phúc.

Ưa sơn hảo hải vị, ăn ngon ở đẹp, có hoạ khó ngừa.

館 內 人 來 自 南 北 東 西 各 抒 己 見 交 留 信 息

座 上 客 無 分 農 攻 商 學 自 得 其 樂 閑 暇 清 心

Quán nội nhân lai tự nam bắc đông tây các trũ kỹ kiến giao lưu tin tức.

Toạ thương khách vô phân nông công thương học tự đặc kỳ lạc nhàn hạ thanh tâm.

Trong quán, người đến từ nam bắc đông tây, đem điều thấy giao lưu tin tức.

Ngồi đây, khách không phân nông công thương học, tự làm vui nhản hạ thanh tâm.

保 險 逢 凶 能 化 吉

公 司 解 難 又 排 慢

Bảo hiểm phùng hung năng hoá cát.

Công ty giải nạn hưu bài ưu.

Bảo hiểm gặp hung hay hoá cát.

Công ty giải hạn lại bày hay.

春 風 喜 引 吉 祥 鳥

細 雨 潤 紅 幸 福 花

*Xuân phong hỷ dǎn cát tường điểu.  
Tế vữ nhuân hồng hạnh phúc hoa.  
Gió mát dǎn đường chim báo hỷ.  
Mưa nhỏ thêm hồng hoa gấp may.*

瓦壺水沸邀清客  
茗碗香騰遣睡魔

*Ngõa hồ thuỷ phí yêu thanh khách.  
Minh uyển hương dâng khiển thuỷ ma.  
Bình gốm nước sôi mời khách nhã.  
Trà quý hương bay hết ngủ trưa.*

寰宇慶升平集四海英賢談心場所  
天涯若比鄰共一堂茶水聚首因緣

*Hoàn vũ khánh thăng bình tập tứ hải anh hiền đàm tâm trường sở.  
Thiên nhai nhược tỷ lân cộng nhất đường trà thuỷ tụ thủ nhân duyên.  
Mừng thế giới thái bình, họp bốn biển anh tài, nối lòng bày tỏ.  
Với người xa như biết, chung một chỗ uống trà, áu cũng nhân duyên.*

處處通途何去何從居兩間分清邪正  
頭頭是道誰賓誰主吃一碗各自東西

*Xứ xứ thông đồ hà khít hòe tòng cư lưỡng gian phân thanh tà chính.  
Đầu đầu thị đạo thuỷ tân thuỷ chủ ngặt nhất uyển các tự đồng tây.  
Khắp chốn đường thông, di đâu về đâu, giữa hai ngả nên phân hay dở.  
Rõ ràng đâu đây, ai khách ai chủ, một miếng ăn phải rõ đúng sai.*

清潔舒適浴洗方便請君未晚先頭宿  
服務周到報時準確無須難鳴早看天

*Thanh khiết thư thích dục tẩy phương tiện thỉnh quản vị vân tiên đầu túc.  
Phục vụ chu đáo báo thời chuẩn xác vô tu kê minh tảo khán thiên.  
Sạch sẽ thoải mái, tắm rửa thuận tiện, xin mời khách đến khi chưa tối.  
Phục vụ chu đáo, báo giờ chuẩn xác, không cần gà gáy sớm hôm sau.*

領略家鄉風味  
溫馨故里人情

*Lãnh lược gia hương phong vị.  
Ôn hình cố lý nhân tình.*  
Nắm được phong vị quê hương.  
Hâm nóng tình người chốn cũ.

水陸兼呈皆上味  
賓朋盡興共加餐

*Thủy lục kiêm trình giao thương vị.  
Tân bằng tận hứng cộng gia san.*  
Sơn hào hải vị, món ăn tuyệt.  
Bạn bè cao hứng, bữa cơm ngon.

綜新舊舒刊莫謂吉文無今文有  
統中西學術請看近者買遠者郵

*Tổng tàn cựu thư san, mạc vi có văn vó, kim văn hữu.  
Thông trung tây học thuật, thịnh khan cận già mãi viễn già bưu.*  
Tổng duyệt sách mới cũ, chờ bảo cổ văn không, kim văn có.  
Thông học thuật Trung, Tây, xin hãy nhớ gần thì mua, xa gửi thư.

廣通財路  
巧館資金

*Quảng thông tài lộ.  
Xảo quán tư Kim.*  
Rộng thông tiền của,  
Khéo quản bạc vàng.

社會交流憑匝制  
財源命脈系金融  
*Xã hội giao lưu bằng táp chế.  
Tài nguyên mạch mạng hệ kim dung.*  
Xã hội giao lưu nhờ phép tắc.  
Tài nguyên huyết mạch cây vàng.

求知識學海探寶累亦矣  
追科學書山尋珍苦也甜  
*Cầu tri thức học hải thám bảo luy diệc hỷ.*  
*Truy khoa học thư sơn tần trân khổ dā diềm.*  
Cầu biến học tri thức, Kiếm ngọc, luy cũng vui.  
Thám núi sách khoa học, tìm ngon, dăng mà ngọt.

文海放舟健儿要敢頂風上  
書山探寶志士哪能空手回  
*Văn hải phóng chu kiệt nhi yêu cảm đính phong thương.*  
*Thư sơn thám bảo chí sỹ na nǎng khong thủ hồi.*  
Biển văn vượt thuyền, người mạnh dám cưỡi lên đầu gió.  
Núi sách tìm ngọc, chí sỹ đâu trở về tay không.

不戲不急古今傳家皆由學時起  
宜勤宜勉中外碩士都從苦中來  
*Bất hý bất dài cổ kim truyền gia gai do học thời khời.*  
*Nghi cần nghi miên trung ngoại thạc sỹ dō tòng khổ trung lai.*  
Chẳng cợt, chẳng lười, xưa nay truyền đời đều do học mà nên.  
Nên chăm, nên gắng, trong ngoài rộng học cũng phải khổ mới được.

慧眼明分真善美君不論中人西人任你挑選  
寶光細驗假高低鏡當分遠視近視隨你需求  
*Tuệ nhãn minh phân chán thiện mĩ quân bất luận trung nhân tây*  
*nhân nhận nhī khiêu tuyển.*  
*Bảo quang tế nghiệm giả cao đê kính đương phân viễn thị cận thị tùy*  
*nhī nhu cầu.*  
Mắt tuệ soi qua, đúng tốt đẹp, khách chẳng kể người âu kỉ á, chọn  
lựa xin mời.  
Điện quang nghiệm rõ, mượn cao thấp kính chia ra viễn thị cận thị,  
yêu cầu tuỳ ý.

湊六經芳潤  
儲二酉精華

*Thầu lục kinh phượng ní uan.*

*Trữ nhị Dậu tinh hoa.*

Thẩm hương nhuận lục kinh.

Trữ nhị Dậu tinh hoa .(Hai ngọn núi có tên Dậu Sơn

藏古今學術

聚天地精華

*Tàng cổ kim học thuật.*

*Tụ thiên địa tinh hoa.*

Chứa học thuật xưa nay.

Tụ tinh hoa trời đất.

察及秋毫如燭照

看來老眼不昏花

*Sát cáp thu hào như chúc chiêu.*

*Khán lai lão nhǎn bất hán hoa.*

Xét rõ tờ hào như có đuốc.

Xem ra mắt lão chẳng hề hoa.

邀來日月懸隆准

攬得河山入玉眸

*Yêu lai nhật nguyệt huyền long chuẩn.*

*Giao đắc hà sơn nhập ngọc mâu.*

Sống mũi nếu treo vàng nhật nguyệt.

Con người thu được cả sơn hà.

電腦驗光矚眼間就可知君底細

精工配鏡顧盼後便應信我名聲

*Điện não nghiệm quang trắc nhãn gian tưu khủ tri quân đế tế.*

*Tinh công phôi kính có phán hậu tiễn ứng tín ngã thành danh.*

Nghiệm điện não quang đo khoảng cách, dù biết mắt ông còn tốt.

Khéo gia công kính ngắm người đeo càng tin danh tiếng hiệu ta.

燕剪飛來敢夸手藝  
鴛針度處別出心裁

*Yến tiên phi lai cảm khoa thủ nghệ.*

*Uyên tràm độ xử biệt xuất tâm tài.*

*Lưỡi kéo én bay dám khoe tay khéo.*

*Dường kim uyên lượn dốc hết lòng may.*

人要衣裝經紅妝素裏便丰神奕奕  
体需服飾能寬適窄宜即風度翩翩

*Nhan yếu y trang kinh hồng trang tố lý tiên phong thản dịch dịch.*

*Thể nhu phục sức năng khoan thích trách nghi túc phong đồ phiền  
phiên.*

*Ngoài hồng trong trắng, vẻ tươi hơn hồn, nhờ đến y trang.*

*Thích chật ưa thoáng, có dáng đàng hoàng, cậy hàng phục sức.*

嘉名稱博士  
大禮重高冠

*Gia danh xứng bác sĩ.*

*Đại lễ trọng cao quan.*

*Tài giỏi xứng bác sĩ.*

*Lễ lớn trọng mũ cao.*

交以道接以禮笑盈盈迎四海來賓門庭若市

近者悅遠者來喜滋滋待入方顧客商店如家

*Giao dì đạo tiếp dì lễ tiểu doanh doanh nghinh tứ hải lai tân môn  
định nhược thị.*

*Cận giả duyệt viễn giả lai hi tư tư dài bát phương có khách thường  
diểm như gia.*

*Giao lấy đạo, tiếp lấy lễ, tùng tùng cười đón khách bốn phương, trước  
nhà như chợ.*

*Gần người vui, xa người lại, vẻ vui tươi tiếp người tám hướng, cửa  
hiệu như nhà.*

薄利多消顧客盈門生意活  
竭成服務春風滿面熱情高

*Bạc lợi đa tiêu có khách doanh môn sinh ý hoạt.*

*Kiệt thành phục vụ xuân phong mãn diện nhiệt tình cao.*

Lãi ít bán nhiều, khách đến chật nhà, buôn bán thoáng.

Hết lòng phục vụ, gió xuân mát mẻ, nhiệt tình cao.

錦繡兩廂藏百貨  
春風一店暖千家

*Cẩm tú lưỡng sương tàng bách hoá.*

*Xuân phong nhất điểm noãn thiên gia.*

Hai chái đẹp, hàng bày trăm thứ.

Một trời xuân, gió ấm ngàn nhà.

萬民便利  
百貨流通

*Van dân tiên lợi.*

*Bách hoá lưu thông.*

Tiện lợi muôn nhà.

Lưu thông bách hóa.

公平有德  
和氣致祥

*Công bình hữu đức.*

*Hoà khí chí thường.*

Có đức công bằng.

Rành mạch hoà nhã.

財源若海  
顧客盈門

*Tài nguyên như rợn biển.*

*Có khách doanh môn.*

Tài nguyên như biển.  
Khách hàng đầy nhà.

禮貌待客  
文明经商

*Lễ mạo dài khách.*  
*Văn minh kinh thương.*  
Với khách lễ phép.  
Kinh doanh văn minh.

大名鼎鼎上等功夫海角天涯享盛譽  
美貌堂堂發端技巧廳間室外拂春風  
*Đại danh đình đình thương đẳng công phu hải giác thiên nhai hưởng thịnh dùt.*

*Mỹ mạo đường đường phát đoan kỹ xảo sành gian thất ngoại phát xuân phong.*  
Tiếng tăm lừng lẫy, tuyệt đỉnh công phu, gốc biển chân trời người xứng tụng.  
Dung mạo đàng hoàng, tay nghề cực khéo, trong nhà ngoài sảnh gió xuân đưa.

操毫末技藝不教斯人憔悴古今中外離不得  
習頂上功夫能使其面嶄新南女老幼盡開顏  
*Thao hào mạt kỹ nghệ bất giao tư nhân tiêu tuy cổ kim trung ngoại ly bát đặc.*

*Tập đỉnh thương công phu năng sử kỳ diện tiệm tân nam nữ lão ấu tận khai nhan.*  
Nắm kỹ thuật tinh vi, chẳng để cho người tiêu tuy, trong, ngoài, kim, cổ chẳng khi rời.  
Tập công phu tuyệt đỉnh, hay làm gương mặt tinh túm, trai, gái, trẻ, già đều rạng vẻ.

擇里仁為美  
安居德有鄰

Trạch lý nhân vi mỹ.  
An cư đức hàn lân.  
Chọn chô nhán làm tốt.  
Sống bên đức mới yên.

遷宅吉祥日  
安居大有年  
*Thiên trạch cát tường nhật.*  
*An cư đại hữu niên.*  
Ngày tốt lành dọn nhà.  
Năm được mùa yên chốn.

棟起祥雲連北斗  
堂開瑞氣煥春光  
*Đóng khởi tường vân liên bắc đẩu.*  
*Đường khai thụy khí hoán xuân quang.*  
Dựng cột mây lành von bắc đẩu.  
Trình nhà khí tốt rực xuân quang.

仁風春日煦  
德澤福星明  
*Nhân phong xuân nhật húc.*  
*Đức trạch phúc tinh minh.*  
Tục nhân ấm trời xuân.  
Ôn đức sáng sao phúc.

居之安山明水秀  
人之和地九天長  
*Cư chi an sơn minh thuỷ tú.*  
*Nhân chi hòa địa cửu thiên trường.*  
Ở lầy yên, nước non tươi đẹp.  
Người được hòa, trời đất dài lâu.

鶯遷金谷曉

花報玉堂春

*Oanh thiên kim cúc hiểu.  
Hoa báo ngọc đường xuân.  
Oanh hang vàng rời sớm.  
Hoa viện ngọc tin xuân.*

金梁燦爛光輝日  
玉柱巍巍力擎天

*Kim lương xán xán quang huy nhật.  
Ngọc trụ nguy nguy lực kinh thiên.  
Xà vàng xán lạn chói vàng nhật.  
Trụ ngọc nguy nga sức chống trời.*

家種吉祥草  
宅開幸福門

*Gia chủng cát tường thảo.  
Trạch khai hạnh phúc môn.  
Vườn trồng giống cỏ lành.  
Nhà mở cửa hạnh phúc.*

鳴花炮聲聲道喜  
起大梁步步登高  
Minh hoa pháo thanh thanh đạo hỷ.  
Khởi đại lương bộ bộ đăng cao.  
Đốt pháo hoa vang vang khắp chốn.  
Dựng cây xà bước bước lên cao.

朝臨新氣象  
拱照大文章

*Triều làm tân khí tượng.  
Cùng chiếu đại văn chương.  
Chiêu tập khí tượng mới.  
Soi rọi khắp văn chương.*

花開富貴人開眼

日上中天屋上梁

*Hoa khai phú quý nhân khai nhān.*  
*Nhật thương trung thiên óc thương lương.*  
Hoa nở giàu sang người nở tài.  
Trời lên bóng đứng nhà lên nóc.

玉堂映署色

*Ngọc đường ánh thư sắc.*  
*Cháu thư phát thư hương.*  
Nhà ngọc ngời sắc sớm.  
Cây châu ngát hương thu.

紅日洒輝臨吉宅

*Hồng nhậtさい huy lâm cát trạch.*  
*Xuân phong tông noãn nhập hoa đường.*  
Trời hồng rải sáng trên đất tốt.  
Gió xuân đưa ấm đến nhà hoa.

重陽及宅第

*Trùng dương cập trạch đê.*  
*Kim cúc nhuường hoa đương.*  
Trùng dương xây chò mới.  
Cúc vàng gắn nhà hoa.

新廈落成增秀氣

*Tân hạ lạc thành tăng tú khí.*  
*Hoa môn an lạc tiến tài nguyên.*  
Nhà mới xây xong tăng vẻ đẹp.  
Cửa hoa vui nở góp thêm giàu.

江山聚秀歸新宇

日月交輝映錦堂

*Giang sơn tú tú quy tân vū.*

*Nhật nguyệt giao huy ánh cảm đường.*

Giang sơn góp đẹp cho nơi mới.

*Nhật nguyệt dan xen rạng vẻ nhà.*

向陽庭院風光好

勤儉人家幸福多

*Hướng dương đình viện phong quang hảo.*

*Cần kiệm nhân gia hạnh phúc đa.*

Hướng dương nhà cửa phong quang lắm.

*Cần kiệm mọi người hạnh phúc hơn.*

春風化雨艷桃李

瑞鵲盈屋旺子孫

*Xuân phong hóa vũ diệm đào lý.*

*Thụy ái doanh ốc vượng tử tôn.*

Gió xuân mưa bụi tươi đào mận.

Nhà tụ mây lành vượng cháu con.

一片彩霞迎旭日

滿門春訊慶春歌

*Nhật phiến thái hà nghinh húc nhật.*

*Mãn môn xuân tấn khánh tân ca.*

Một áng mây mai chào rạng sáng.

Đầy cửa tin xuân chúc mới nhà.

新屋造就千般喜

滿室和睦百事興

*Tân ốc tạo tựa thiên ban hy.*

*Mản thất hoà mục bách sự hưng.*

Chỗ mới xây xong vui mọi nỗi.

Đầy nhà hòa thuận tốt trăm điều.

三陽日照平安宅

### 五福星臨吉慶門

*Tam dương nhật chiếu bình an trạch.  
Ngũ phúc tinh lâm cát khánh môn.  
Tam dương trời chiếu nhà yên ổn.  
Ngũ phúc sao soi cửa tốt lành.*

### 宏圖大展興隆宅

#### 泰運長臨富裕家

*Hoàng đô đại triển hưng long trạch.  
Thái vận trường lâm phú dụ gia.  
Kế hoạch mở ra nhà cửa lớn.  
Vận may đến mãi đất giàu to.*

### 門迎春下秋冬福

#### 戶納東西南北祥

*Môn nghinh xuân hạ thu đông phúc.  
Hộ nạp đông tây nam bắc tường.  
Cửa đón phúc, thu đông xuân hạ.  
Nhà thâu lành, nam bắc đông tây.*

### 鶯過重門留好語

#### 花開勝地吐其香

*Oanh quá trùng môn lưu hảo ngữ.  
Hoa khai thắng địa thổi kỳ hương.  
Oanh qua cửa lớp còn lưu tiếng.  
Hoa nở đất lành vẫn ngát hương.*

### 祥雲環繞新門第

#### 紅日光臨喜人家

*Tương vân hoàn nhiêu tân môn đê.  
Hồng nhật quang lâm hỷ nhân gia.  
Cổng mới dựng, mây lành quấn quýt.  
Nhà vui mừng, trời đỏ dõi soi.*

花春入室春風藹  
瑞氣盈門淑景新  
*Hoa xuân nhập thất xuân phong ái.*  
*Thủy khí doanh môn thục cảnh tân.*  
Hương hoa theo gió xuân vào cửa.  
Hơi lành ưa cảnh mới đầy nhà.

擇居仁里和爲貴  
喜与人同德有鄰  
*Trạch cư nhân lý hòa vi quý.*  
*Thiện dũ nhân đồng đức hữu lân.*  
Chọn ở chỗ nhân hoà mới quý.  
Hoà hợp cùng người đức dễ thân.

家居光天化日下  
人在細雨和風中  
*Gia cư quang thiên hóa nhật hạ.*  
*Nhân tại té vū hoà phong trung.*  
Nhà xây chỗ trời mây quang đăng.  
Người ở nơi mưa gió thuận hoà.

庭前月色清如許  
戶外嵐光翠欲流  
*Dinh tiền nguyệt sắc thanh như hứa.*  
*Hộ ngoại lam quang thuý dục lưu.*  
Trước sân ánh trăng trong hò hẹn.  
Ngoài ngõ non mây biếc muôn trời.

日照新居添錦秀  
花裁院圃吐芬芳  
*Nhật chiếu tân cư thiêm cẩm tú.*  
*Hoa tài viện phổ thô phân phu hương.*  
Nắng soi nhà mới thêm vui mắt.  
Hoa nở vườn bao vân tỏa hương.

華 堂 喜 對 山 河 秀  
福 宅 欣 迎 日 月 輦  
*Hoa đường hỷ đối sơn hà tú.*  
*Phúc trạch hân nghinh nhật nguyệt huy.*  
Nhà hoa mừng ngắm non sông đẹp.  
Đất phúc hoan nghênh nhật nguyệt ngời.

家 居 綠 水 青 山 畔  
人 在 春 風 和 氣 中  
*Gia cư lục thuỷ thanh sơn畔.*  
*Nhân tại xuân phong hoà khí chung.*  
Nhà kề bên nước biếc non xanh.  
Người ở giữa gió xuân khí mát.

地 久 天 長 門 有 喜  
年 風 人 壽 福 無 邊  
*Địa cửu thiên trường môn hữu hỷ.*  
*Niên phong nhân thọ phúc vô biên.*  
Cửa có tin vui trời đất vững.  
Phúc không giới hạn thọ thêm giàu.

地 無 寒 舍 春 常 在  
居 有 芳 鄰 德 不 孤  
*Địa vô hanh xá xuân thường tại.*  
*Cư hữu hương lân đức bái iết.*  
Đất không nhà khi xuân lui tối.  
Ở cạnh người hay đức dập diu.

旭 日 東 升 臨 大 廈  
青 山 含 翠 映 華 堂  
*Hút nhật đông thăng lâm đại hạ.*  
*Thanh sơn hàm thuỷ ánh hoa đường.*  
Trời sáng ánh dương vào cửa lớn.  
Non xanh ngậm biếc rạng nhà hoa.

春風楊柳鳴金屋  
晴雪梅花照玉堂  
*Xuân phong dương liêu minh kim ốc.*  
*Tinh tuyết mai hoa chiếu ngọc đường.*  
Gió xuân cát liêu reo trên nóc.  
Tuyết trắng đua mai chiếu trước nhà.

玉樹琪花香作錦  
水光山色翠連雲  
*Ngọc thụ kỳ hoa hương tác cẩm.*  
*Thủy quang sơn sắc thuỷ liên vân.*  
Cây hoa vẻ ngọc tươi như gấm.  
Non nước màu xanh biếc tựa mây.

高堂映日開丹桂  
新室藏春醉碧桃  
*Cao đường ánh nhật khai đan quế.*  
*Tân thất tàng xuân tuy bích đào.*  
Trời đẹp nhà cao đan quế nở.  
Xuân dày chở mới bích đào say.

堂凝瑞氣雲追月  
棟染谷香秋勝春  
*Đường ngưng thuỷ khí vân truy nguyệt.*  
*Đóng nhuêm cốc hương thu thắng xuân.*  
Nhà đọng hơi lành mây giờ nguyệt.  
Cột vương hương núi thu hơn xuân.

新院新防新氣象  
好山好水好風光  
*Tân viện tân phòng tân khí tượng.*  
*Hảo sơn hảo thủy hảo phong quang.*  
Mới viện mới phòng mới cảnh tượng.  
Đẹp sông đẹp núi đẹp phong quang.

歲寒三有添新色  
和氣滿堂聚德光

*Tuế hàn tam hữu thiêm tân sắc.*

*Hoà khí mãn đường tụ đức quang.*

Bộ ba (tùng, trúc, mai) quen lạnh đông càng đẹp.

Một nhà hòa thuận đức thêm tươi.

玉宇前青山似畫  
花堂後碧樹成林

*Ngọc vũ tiền thanh sơn tự họa.*

*Hoa đường hậu bích thụ thành lâm.*

Ngắm trước cửa núi xanh như vẽ.

Nhin sau nhà cây biếc thành rừng.

淑氣和風光棟宇  
銀花玉樹染門庭

*Thục khí hòa phong quang đống vū.*

*Ngàn hoa ngọc thụ nhuộm môn đình.*

Khí lành, gió mát quang nhà cửa.

Cây ngọc, hoa ngàn rợp trước sân.

美酒盈樽嘉客醉  
清風繞宅瑞雲生

*Mỹ tửu doanh tôn gia khách tuy.*

*Thanh phong nhiễu trạch thuỷ vân sinh.*

Rượu ngon đầy chén say lòng i hách.

Gió mát quang nhà đẹp bóng mây.

山環水抱風光美  
柳暗花明景色新

*Sơn hoàn thuỷ bao phong quang mỹ.*

*Liễu ám hoa minh cảnh sắc tân.*

Nước non vây bọc phong quang lấp.

Hoa liễu khoe màu cảnh sắc tươi.

瑞雪迎春居大廈  
東風送暖進樓臺  
*Thuy tuyêt nghinh xuân cư đại hẠ.*  
*Đông phong tống noān tiến lầu dài.*  
Tuyết mới đón xuân về dưới mái.  
Gió đông đưa ấm đến lầu cao.

朴素大方新宅第  
勤勞節儉好人家  
*Phác tố' đại phương tân trạch đệ.*  
*Cần lao tiết kiệm hảo nhân gia.*  
Mộc mạc dẽ ưa nhà cửa mới.  
Siêng năng tiết kiệm đẹp con người.

水如碧玉山如黛  
鳳有高梧鶴有松  
*Thủy như bích ngọc sơn như đai.*  
*Phượng hữu cao ngô hạc hữu tùng.*  
Nước như ngọc bích, non như kè (vẽ).  
Phượng có cành ngô, hạc có tùng.

峯堂建就六新力  
玉宇落成百匠功  
*Hoa đường kiến tựu lục thàn lực.*  
*Ngọc vū lạc thành bách tượng công.*  
Nhà đẹp sáu thân<sup>11</sup> đều góp sức.  
Mái ngọc trám tay thợ góp công.

合天時祥雲連畫棟  
得地利峻嶺對新庭  
*Hợp thiên thời tường vân liên họa đóng.*  
*Đắc địa lợi tuấn lanh đối tân đình.*

<sup>11</sup> Sáu thân gồm: Cha, mẹ, anh, em, vợ, con.

Hợp thiên thời mây lành như bức họa.  
Được địa lợi núi đẹp đẽ rực nhả.

東令如春江山吐秀  
生財有道棟宇增輝  
*Đông lệnh như xuân giang sơn thổi tú.*  
*Sinh tài hữu đạo đồng vũ tăng huy.*  
Đông đẹp như xuân, núi sông lấm vè.  
Làm giàu có cách, nhà cửa thêm quang.

喬遷喜天地人共喜  
新居榮福祿壽全榮  
*Kiều thiên hỷ thiên địa nhân công hỷ.*  
*Tân cư vinh phúc lộc thọ toàn vinh.*  
Thăng tiến mừng, trời, đất, người cùng mừng.  
Nhà mới vui, phúc lộc đất người thọ đều vui.

竹風留客飲  
松月伴賓茶  
*Trúc phong lưu khách ẩm.*  
*Tùng nguyệt bạn tàn trà.*  
Gió trúc lưu bạn rượu.  
Trăng tùng đón khách trà.

鳥鳴千戶竹  
書枕一床風  
*Điều minh thiên hộ trúc.*  
*Thư châm nhất sàng phong.*  
Chim ca, trúc ngàn khóm.  
Sách gối, gió một giường.

爲愛鳥聲多種樹  
欲留花氣不垂帘  
*Vì ái điều thanh đa chủng thụ.*

*Dục lưu hoa khí bất thuỷ liêm.  
Bởi yêu chim hót cây trông lầm.  
Vì luyến hương hoa chẳng rủ rèm.*

架上詩書無暇日  
階前草木總長春  
*Giá thương thi thư vô hạ nhật.  
Giai tiền thảo mộc tổng trường xuân.*  
Sách hay đầy giá không khi rỗi.  
Thêm trước nhiều cày có sẵn xuân.

梅召春光蘭遣夏  
菊呈秋色竹凌冬  
*Mai triệu xuân quang lan khiển hạ.  
Cúc trình thu sắc trúc lăng đông.*  
Mai gọi xuân về, lan khiển hạ.  
Cúc tin thu tới, trúc nhỡn đông.

自喜軒窗無俗韻  
亦知草木有真香  
*Tự hỷ hiên song vô tục vận.  
Diệc tri thảo mộc hữu chân hương.*  
Mừng thấy hiên song không tiếng tục.  
Vân hay cây cỏ có hương thâm.

庭前瑞發花成錦  
門外春來鳥唱歌  
*Đinh tiên thủy phát hoa thành cẩm.  
Môn ngoại xuân lai điểu xướng ca.*  
Sân trước khí lành hoa gấm dệt.  
Công ngoài xuân đến tiếng chim ca.

房中雅奏同心曲  
室內應無交滴聲

*Phòng trung nhã tấu đồng tâm khúc.  
Thất nội ứng vô giao trích thanh.  
Trong phòng nên săn nhạc đồng tâm.  
Chỗ ở chờ lăm lời châm chọc.*

好山入座清如洗  
嘉樹當窗翠欲流  
*Hảo sơn nhập toạ thanh như tẩy.  
Gia thụ đương song thuỷ duylưu.  
Núi đẹp ngồi thiền lòng rửa sạch.  
Cây xanh bên cửa biếc như trời.*

傾壺待客花開後  
出竹吟詩月上時  
*Khuynh hồ đón khách hoa khai hâu.  
Xuất trúc ngâm thi nguyệt thương thời.  
Nghiêng bầu đón khách sau hoa nở.  
Cạnh trúc ngâm thơ lúc mọc trăng.*

野樹穿花月在澗  
清風拂座竹環門  
*Dã thụ xuyên hoa nguyệt tại gián.  
Thanh phong phất toạ trúc hoàn môn.  
Trăng khe thấp thoáng hoa sườn núi.  
Trúc ngõ là dà gió mát lay.*

得好友來如對月  
有佳書讀勝看花  
*Đắc hảo hữu lai như đối nguyệt.  
Hữu giai thư đọc thăng khan hoa.  
Bạn tốt đến nhà như trước nguyệt.  
Sách hay đang đọc biếng thăm hoa.*

數竿修竹三間屋

一席清風萬壑雲

*Sô can tu trúc tam gian óc.*

*Nhất tịch thanh phong vạn壑 vân.*

Bà gian nhà, dám hàng trúc biếc.

Vạn dám mây một chiểu gió thanh.

明月清風開浪韻

高山流水有知音

*Minh nguyệt thanh phong khai lăng vận.*

*Cao sơn lưu thủy hữu tri âm.*

Gió mát trăng thanh vẫn điệu đẹp.

Non cao nước chảy bạn bè thân.

居心中正明如鏡

接物寬和藹似春

*Cư tâm trung chính minh như kính.*

*Tiếp vật khoan hoà ái tự xuân.*

Sáng tựa gương trong lòng thẳng thắn.

Tươi như xuân đẹp vẻ khoan hoà.

愛客襟懷春滿座

照人肝膽月盈庭

*Ai khách khâm hoài xuân mǎn toạ.*

*Chiểu nhân can đảm nguyệt doanh đình.*

Quý khách thấy lòng xuân mọi chỗ.

Soi người gan mật nguyệt dày sân.

獨坐每將書作伴

閉門常与竹爲鄰

*Độc toạ mỗi tương như tác bạn.*

*Bế môn thường dù trúc vi láng.*

Mình ngồi sách vở quen làm bạn.

Đóng cửa xóm giềng trúc vẫn thân.

一庭花發來知己

半卷書開見古人

*Nhất định hoa phát lai tri kỷ.*  
*Bán quyển thư khai kiến cổ nhân*  
Một sán hoa nở chờ tri kỷ.  
Nửa quyển dành xem thấy cổ nhân.

窗前草色侵吟席

*Song tiền thảo sắc xâm ngâm tịch.*  
*Liêm ngoại hoa hương nhập thuy hiên.*  
Sắc cỏ bên song vào chiêu đọc.  
Hương hoa rèm trước ngát hương nầm.

詩情畫意皆良友

*Thi tình hoa ý giao lương hữu.*  
*Điều ngữ hoa hương tôi khả nhân.*  
Tình thơ ý họa đây người tốt.  
Chim hót hoa hương đây kẻ hay.

樹影橫窗知月上

*Thụ ảnh hoành song tri nguyệt thượng.*  
*Hoa hương nhập mộng giác xuân lai.*  
Bóng cây xuyên cửa hiết trăng lên.  
Hương hoa vào mộng hay xuân đến.

愛容常開新釀酒

*Ái dung thường khai tân nhuông tửu.*  
*Hô đồng thời triển cựu tang thư.*  
Ú được nồi men tươi tinh mặt.  
Phơi dấm pho sách lại hò con.

月浸一帘花影瘦

風搖半榻竹陰涼

*Nguyệt tắm nhất liêm hoa ánh sáu.*

*Phong dao bán tháp trúc âm lương.*

Ánh trăng râm ngập khiến hoa gầy.

Giường ngủ gió lay nên trúc mát.

門對好山惟種竹

園通活水可澆蔬

*Môn đối hảo sơn duy chủng trúc.*

*Viên thông hoạt thuỷ khả kiều sơ.*

Cửa trước núi cao nên cắm trước.

Vườn thông dòng chảy nhớ trồng rau.

深院塵稀書韻雅

明窗風靜墨花香

*Thâm viện trần hy thư vân nhã.*

*Minh song phong tĩnh mặc hoa hương.*

Nhà vắng bụi trần vẫn diệu nhã.

Gió yên song sáng mực hương đưa.

家有藏書墨庄香遠

門無俗客竹徑風清

*Gia hữu tàng thư mặc trang hương viễn.*

*Môn vô tục khách trúc kinh phong thanh.*

Nhà có chứa sách hương mực bay xa.

Cổng không khách tục lôi trúc gió mát.

午枕聽兒吟好句

晚窗留客弄殘棋

*Ngõ châm thính nhi ngâm hảo cú.*

*Văn song lưu khách lộng tàn kỳ.*

Trưa nằm nghe trẻ, ngâm câu đẹp.

Song muộn người lưu, dở cuộc cờ.

好花四時明月千古

遠峰一角奇書半床

*Hảo hoa từ thời minh nguyệt thiên cổ.*

*Viễn phong nhát giác kỳ thư bán sàng.*

Bốn mùa hoa đẹp, trăng sáng muôn đời.

Gió xa chợt tĩnh, sách lạ nửa giường.

高敞軒窗迎海月

預裁花木待春風

*Cao thường hiên song nghinh hải nguyệt.*

*Dự tài hoa mộc đai xuân phong.*

Hiên song thoáng mát chờ trăng biển.

Hoa cỏ vun trồng đợi gió xuân.

良友遠來異書新得

好花半放美酒爲醺

*Lưỡng hữu viễn lai dị thư tân đặc.*

*Hảo hoa bán phỏng mỹ túu vi huân.*

Sách lạ mới hay, mừng bạn đến thăm.

Rượu ngon hơi say, đợi xem hoa nở.

室外獨留滋卉地

年來幸得養花天

*Thất ngoại độc lưu tư huỷ địa.*

*Niên lai hạnh đặc dưỡng hoa thiên.*

Mảnh đất trước nhà trồng cây đẹp.

Sang năm may được tươi hoa tươi.

竹影橫窗花香入室

香光交夢秋月沁心

*Trúc ảnh hoành song hoa hương nhập thất.*

*Xuân quang giao mộng thu nguyệt tẩm tâm.*

Bóng trúc qua song, hương hoa vào cửa.

Ánh xuân đưa mộng, thu nguyệt ngấm lòng.

舊書細讀猶多味

佳客能來不費招

*Cựu thư tết độc do da vị.*

*Giai khách năng lai bất phí chiêu.*

Sách xưa đọc kỹ còn nhiều vị.

Khách quý năng thăm chờ ngại mời.

白鳥多情留人小住

青山無語与我神交

*Bạch điểu đa tình lưu nhân tiểu trú.*

*Thanh sơn vô ngữ dù ngã thần giao.*

Cò trắng có tình được người thoáng ngắm.

Núi xanh không tiếng cũng hiểu ngầm ta.

花徑不曾緣客掃

蓬門今始爲君開

*Hoa kính bát tầng duyên khách tảo.*

*Bồng môn kim thuỷ vị quan khai.*

Lối hoa chưa kén duyên người quét.

Non bồng nay đã mở ngài coi.

桂花開時香雲成海

明月高處廣寒有居

*Quế hoa khai thời hương vân thành hải.*

*Minh nguyệt cao xù quảng hàn hưu cư.*

Một biển hương mây, mùa hoa quế nở.

Đầu non cung quảng, bóng trăng treo cao.

秋菊開三徑

琴書萃一堂

*Thu cúc khai tam kinh.*

*Cầm thư tuy nhất đường.*

Cúc thu trồng ba luống.

Dàn sách gǎng một nhà.

花心起墨彙

春色散毫端

*Hoa tâm khai mạc vựng.*

*Xuân sắc tán hào doan.*

Nở hoa lúc mài mực.

Sắc xuân trên nét vương.

意飄雲物外

詩入畫圖中

*Ý phiêu vân vật ngoại.*

*Thi nhập họa đồ trung.*

Ý bay ngoài sự vật.

Thơ vào trong họa đồ.

聲言宣至理

古意發高文

*Thanh ngôn tuyên chí lý.*

*Cố ý phát cao văn.*

Bàn suông nói cạn lẽ.

Ý cố nãy văn hay.

筆酣詩意厚

墨舞友情深

*Bút cam thi ý hậu.*

*Mặc vũ hữu tình thâm.*

Bút say thơ ý hậu.

Mực múa bạn tình thân.

墨醉花香動

文成劍氣毫

*Mặc tuy hoa hương động.*

*Văn thành Kiếm khí hào.*

Mực say hương hoa động.

Văn xong khí kiếm hào.

推窗觀日月  
揮筆起雲煙

*Suy song quan nhật nguyệt.*  
*Huy bút khởi vân yên.*  
*Mờ song xem nhật nguyệt.*  
*Múa bút tả khói mây.*

水石窮幽賞  
文章識大家

*Thuỷ thạch cùng u thường.*  
*Văn chương thức đại gia.*  
*Khe suối cùng thường ngoạn.*  
*Văn chương biết tài hoa.*

春風寄瀟洒  
大雅含峯容  
*Xuân phong ký tiêu sái.*  
*Đại nhã hàm hoa dung.*  
*Gió xuân vốn phóng khoáng.*  
*Đức lớn sẵn khoan dung.*

欲知天地事  
須讀古今書  
*Dục tri thiên địa sự.*  
*Tu đọc cổ kim thư.*  
*Muốn biết chuyện trời đất.*  
*Nên đọc sách xưa nay.*

退筆如山未足惜  
讀書萬卷始通神  
*Thoái bút như sơn vị túc tích.*  
*Đọc thư vạn quyển thuỷ thông thần.*  
*Bút cao như núi còn không tiếc.*  
*Sách đọc muôn pho mới thấy thông.*

杯沾花露留佳客  
案接雲山檢弃書  
*Bôi triêm hoa lộ lưu gai khách.*  
*Án tiếp vân sơn kiển dì thư.*  
Chén thấm sương hoa lưu khách quý.  
Án liên mây núi kiển sách hay.

遙看北斗挂南岳  
常撞大呂應黃鍾  
*Đao khoan bắc đẩu quái nam nhạc.*  
*Thường chèng đại lữ ứng hoàng chung.*  
Xa trông Bắc đẩu trên Nam nhae.  
Thường ca Đại lũ tấu Hoàng chung.

片紙能見天下意  
一毫可畫古今情  
*Phiến chỉ nǎng kiến thiên hạ lý.*  
*Nhất hào khả họa cổ kim tình.*  
Mảnh tờ hay thấy ý thiên hạ.  
Một nét vẽ nên tình cổ kim.

名畫要如詩句讀  
古琴兼作水聲聽  
*Danh họa yêu như thi cù đọc.*  
*Cổ cầm kiêm tác thuỷ thanh thính.*  
Bức vẽ đẹp như bài thơ hay.  
Tiếng đàn xưa như dòng suối chảy.

書到精絕方弄險  
詩窮蹇滯更吟豪  
*Thư đáo tinh nguyệt phương lộng hiểm.*  
*Thi cùng kiến trệ cảnh ngâm hào.*  
Sách đến tột vời thường hiếu khó.  
Thơ càng ngưng đọng mới ngâm hay.

雨 惊 詩 夢 來 蕉 葉  
風 載 書 聲 出 蘭 花  
*Vũ kinh thi mộng lai tiêu diệp.*  
*Phong dài thư thanh xuất ngẫu hoa.*  
Thánh thót tàu tiêu tình mộng thơ.  
Phơ phát sen đưa lời đọc sách.

風 月 有 情 常 似 舊  
丹 青 紗 处 不 堪 傳  
*Phong nguyệt hữu tình thường tự cựu.*  
*Đan thanh diệu xứ bất kham truyền.*  
Trăng gió có tình nên vốn biết.  
Sắc màu chốn đẹp khó hay ghi.

山 川 佳 色 澄 懸 鏡  
松 竹 清 陰 靜 讀 書  
*Sơn xuyên giai sắc trăng huyền kính.*  
*Tùng trúc thanh âm tĩnh đọc thư.*  
Trăng treo vẻ đẹp ngời sông núi.  
Sách đọc thảm nghe vắng tiếng tùng.

几 上 江 湖 書 一 卷  
窗 前 燈 火 夜 三 更  
*Ký thượng giang hồ thư nhất quyển.*  
*Song tiền đèn hỏa dạ tam canh.*  
Trên ghề giang hồ một pho sách.  
Trước song đèn thấp suốt ba canh.

衣 襟 半 染 煙 霞 氣  
詩 卷 長 留 天 地 間  
*Y khâm bán nhiễm yên hà khí.*  
*Thi quyển trường lưu thiên địa gian.*  
Vạt áo nửa phần sương khói nhuộm.  
Quyển thơ dành gửi đất trời lưu.

花木清香庭院翠  
琴書雅趣館堂幽  
*Hoa mộc thanh hương đình viện thuỷ.*  
*Cầm thư nhã thú quán đường u.*  
Hoa lá thơm hương, sân viện biếc.  
Sách đàn thú nhã, quán thanh u.

文姿筆態雲山里  
畫意詩情煙樹中  
*Văn tư bút thái vân sơn lý.*  
*Hoạ ý thi tình yên thụ trung.*  
Thần thái bút văn mây với núi.  
Ý tình thi họa khói cùng cây.

春庭草色和煙暖  
午夜書聲帶月寒  
*Xuân đình thảo sắc hòa yên noãn.*  
*Ngọ dạ thư thanh đới nguyệt hàn.*  
Sắc cỏ sân xuân làn khói ấm.  
Đêm về đọc sách lạnh trăng khuya.

名花照眼春光滿  
奇句天開妙論高  
*Danh hoa chiếu nhãn xuân quang mǎn.*  
*Kỳ cú thiên khai diệu luân cao.*  
Hoa thơm mắt nở xuân đầy sáng.  
Thơ lạ trời xui ý mới cao.

吟成不覺野花語  
睡起忽聞山鳥鳴  
*Ngâm thành bất giác dã hoa ngữ.*  
*Thụy khởi hốt văn sơn điểu minh.*  
Ngâm lên mới biết hoa đồng nói.  
Tỉnh dậy vừa hay chim núi kêu.

文成蕉葉書猶綠  
吟到梅花字亦香  
*Văn thành tiêu diệp thư do lục.*  
*Ngâm đáo mai hoa tự diệc hương.*  
*Văn ghi trên lá xanh còn đượm.*  
*Thơ nói về mai, chữ cũng thơm.*

春雲曉室琴書潤  
嘉樹當軒几席清  
*Xuân vân nhiều thất cầm thư nhuận.*  
*Gia thụ đương hiên kỷ tịch thanh.*  
*Nhà phủ mây xuân dàn sách nhuận.*  
*Hiên trùm cây tốt chốn ngồi thanh.*

閑裁蕉葉題唐句  
細嚼梅花讀漢書  
*Nhàn tài tiêu diệp đề Đường cú.*  
*Té túc mai hoa đọc Hán thư.*  
*Nhàn thu lá rụng, chép thơ Đường.*  
*Nghiên ngâm hoa mai, đọc sách Hán.*

雲淡雨香詩世界  
水流花放畫根源  
*Vân đậm vú hương thi thế giới.*  
*Thuỷ lưu hoa phỏng hoạ cản nguyên.*  
*Mưa hương, mây nhạt, thơ thế giới.*  
*Nước chảy, hoa trôi, họa cội nguồn.*

萬卷詩書如好友  
一樽談笑伴高人  
*Vạn quyển thi thư như hảo hữu.*  
*Nhất tôn đàm tiếu bạn cao nhân.*  
*Vạn quyển thi thư như bạn tốt.*  
*Một trường đàm tiếu bạn người cao.*

花間酌酒邀明月  
石上題詩掃綠苔  
*Hoa gian chước tưu yêu minh nguyệt.*  
*Thạch thượng đề thi tảo lục dài.*  
Chuốc rượu bên hoa mời trăng sáng.  
Đề thơ dâu núi quét rêu xanh.

文名遠播如長夢  
書法精求得永和  
*Văn danh viễn bá như trường mộng.*  
*Thư pháp tinh cầu đắc vĩnh hòa.*  
Văn tài nổi tiếng hay dài mộng.  
Thư pháp cầu tinh hãy vững tay.

石壁挂藤通篆意  
桐陰滴露挹琴聲  
*Thạch bích quái đằng thông triện ý.*  
*Đồng âm trích lộ áp cầm thanh.*  
Vách đá dây leo truyền ý chủ.  
Bóng đồng<sup>1</sup> sương giọt dần dần thanh.

法取蘭亭存氣韻  
書隨時代見精神  
*Pháp thủ lan đình tồn khí vận.*  
*Thư tuỳ thời đại kiến tinh thần.*  
Pháp chọn lan đình hay vật, khí.  
Thư theo thời đại đủ tinh thần.

琴窗古韻長生趣  
藝苑溫馨足慰情  
*Cầm song cổ vận trường sinh thú.*  
*Nghệ uyển ôn hinh túc uỷ tình.*

---

<sup>1</sup> Cây đồng.

Thú trường sinh diệu cổ song đàn.  
Tình an ủi vườn thơm nghệ thuật.

天館文毫爭色彩  
萬家詩墨競風流  
*Thiên quản văn hào tranh sắc thái.*  
*Vạn gia thi mạc cạnh phong lưu.*  
Ngàn quản bút lông đua sắc thái.  
Vạn nhà thơ mực đấu phong lưu.

真抒情意多文采  
苦練筆功達自然  
*Chân trứ tình ý đa văn thái.*  
*Khổ luyện bút công đạt tự nhiên.*  
Diễn đạt ý tình nhiều văn vẻ.  
Luyện rèn nét bút đạt tự nhiên.

盛世書風多浩氣  
晚年池墨大精神  
*Thịnh thế thư phong đa hao khí.*  
*Văn niên trì mực đại tinh thần.*  
Tuổi trẻ văn phong giàu hào khí.  
Khi già nét bút mạnh tinh thần.

重帘不卷留香水  
古硯微凹聚墨多  
*Trong liềm bát quyển lưu hương cửu.*  
*Cổ nghiến vị ao tụ mực đa.*  
Rèm nặng giữ hương nén chẳng cuốn.  
Nghiến xưa đọng mực bởi lòng sâu.

喜我詞章無俗韻  
愛人畫品友清操  
*Hỷ ngā từ chương vô tục văn.*

*Ái nhân hoạ phẩm hữu thanh thao.*

Mừng tờ văn chương không vẻ tục.

Yêu người họa phẩm có màu thanh.

竹露松風蕉葉雨

茶煙琴韻讀書聲

*Trúc lô tùng phong tiêu diệp vũ.*

*Trà yêu cầm vân độc thư thanh.*

Sương trúc gió tùng mưa tàu chuối.

Khói trà tiếng nhạc giọng bình văn.

詩書千載經綸事

松竹四時瀟洒心

*Thi thư thiên tài kinh luân sự.*

*Tùng trúc tứ thời tiêu sái tâm.*

Thi thư ngàn thuở việc kinh luân.

Tùng trúc bốn mùa lòng thư thái.

對韻求工藏國醉

聯詩術志顯民風

*Đối vận cầu công tàng quốc tuy.*

*Liên thi thuật chí hiển dân phong.*

Vần đối khéo tìm mang quốc tuy.

Thi liên thuật chí hiển dân phong.

清新雋永詩書氣

朴素天真寒墨情

*Thanh tân tuyển vĩnh thi thư khí.*

*Phác tố thiên chán hàn mực tình.*

Thanh tân ý vị khí thi thư.

Chất phác tính trời tình bút mực.

閑處攜書花下讀

興來得句竹間吟

Nhàn xú huê thư hoa hạ độc.  
Hứng lai đặc cù trúc gian ngâm.  
Đọc sách dưới hoa ngồi lúc rỗi.  
Ngâm thơ bên trúc hứng khi về.

閑拈古帖林池鳥  
靜捧奇書就月觀  
*Nhàn niêm cổ thiếp lâm tri tảo.*  
*Tinh bồng kỳ thư tựu nguyệt quan.*  
Nhàn mang thiếp cũ bên ao viết.  
Tinh đem sách lạ dưới trăng xem.

韻筆不靈看燕舞  
行文無自賞花開  
*Vận bút bất linh khan yên vũ.*  
*Hành văn vô tự thường hoa khai.*  
Ngó thấy ngoài khô, ngâm yên bay.  
Trông chừng văn bí, xem hoa nở.

人居百尺松蘿上  
詩在天層花雨中  
*Nhân cư bách xích tùng la thương.*  
*Thi tại thiên tầng hoa vũ trung.*  
Người nằm trên ngọn tùng trăm thước.  
Thơ ở dưới mưa hoa ngàn tầng.

墨池煙藹花間露  
茗鼎香浮竹外雲  
*Mặc tri yên ái hoa gian lô.*  
*Minh đinh hương phù trúc ngoại vân.*  
Ao mực khói trùm sương dạng hoa.  
Chén trà hương toả mây mù trúc.

鳥向枝頭催筆韻

梅從花外度書聲

*Điều hương chi đầu thời bút vận.*  
*Mai tòng hoa ngoại độ thư thanh.*  
Chim hương đầu cành giục vân bút.  
Mai đến cùng hoa đưa tiếng thơ.

小苑詩風籠翠墨

*Tiêu uyên thi phong lung thuỷ mặc.*  
*Di đình bút hứng bái thanh đằng.*  
Vườn nhỏ gió thơ trùm mực biếc.  
Đình chơi hứng bút vái dây xanh.

雅言不在詩文外

琴德原超絲竹間

*Nhã ngôn bất tại thi văn ngoại.*  
*Cầm đức nguyên siêu ty trúc gian.*  
Thơ văn vẫn săn lời tao nhã.  
Tơ trúc nằm trong đức ngón đàn.

丹青落紙化春色

*Đan thanh lạc chỉ hoá xuân sắc.*  
*Thái mặc tòng tâm để diệu thi.*  
Sắc màu trên giấy cảnh đầy xuân.  
Nét mực theo lòng thơ đến tuyệt.

細雨暗滋書策草

春風首報墨家香

*Tế vū ám tu thư sách thảo.*  
*Xuân phong thủ báo mặc gia hương.*  
Mưa nhỏ thấm dần trang giấy viết.  
Gió xuân báo trước mực nhà thơm.

客去茶甘流舌本

睡余書味在胸中

*Khách khứ trà cam lưu thiết bǎn.*

*Thuy dư thư vị tại hung trung.*

*Khách về cuồng lưỡi dư trà ngọt.*

*Muộn dậy trong lòng có vị thơ.*

華堂入雲江山添一景

大廈落成農戶樂三春

*Hoa đường nhập vân giang sơn thiém nhất cảnh.*

*Đại hạ lạc thành nông hộ lạc tam xuân.*

*Nhà đẹp mây trùm non nước góp thêm một cảnh.*

*Mái to mái lợp, nhà nông vui đến ba xuân.*

吉日遷居萬事如意

良辰安宅百年遂心

*Cát nhật thiém cư vạn sự như ý.*

*Lương thời an trách bách niên toại tâm.*

*Ngày tốt dọn nhà muôn việc đẹp ý.*

*Giờ lành yên chỗ trâm nǎm vừa lòng.*

笑語聲聲共慶喬遷喜

腊梅朵朵同妝進取樓

*Tiêu ngữ thanh thanh cộng khách kiều thiên hỷ.*

*Lạp mai đoá đoá đồng trang tiến thủ lâu.*

*Oang oang cười nói, chúc mừng tin tốt vinh thăng.*

*Đoá đoá mai vàng, tò dẹp lâu cao tiến thủ.*

一輪明月

四壁清風

*Nhất luân minh nguyệt.*

*Tứ bích thanh phong.*

*Một vòng trăng trong.*

*Bốn bề gió mát.*

詩 烏 梅 峯 月  
茶 煎 谷 雨 春  
*Thi tả mai hoa nguyệt.*  
*Trà tiên cốc vũng hương.*  
Thơ hoa mai dưới nguyệt.  
Trà nước suối thơm hương.

閑 搜 妙 句 書 紅 葉  
忽 得 新 詩 寄 白 雲  
*Nhàn sưu diệu cú thư hồng diệp.*  
*Hốt đắc tân thi ký bạch vân.*  
Lá hồng rỗi lượm ghi câu đẹp.  
Mây trắng tin dùm mới có thơ.

來 看 絶 妙 畫  
共 賞 無 聲 詩  
*Lai khan tuyệt diệu họa.*  
*Cộng thưởng vô thanh thi.*  
Đến xem hoa tuyệt đẹp.  
Cùng thưởng thơ vô thanh.

書 山 覓 玉  
學 海 泛 舟  
*Thư sơn mịch bảo.*  
*Học hải phiếm chu.*  
Núi sách tìm ngọc.  
Biển học dạo thuyền.

讀 書 真 福 樂  
賞 畫 悅 心 神  
*Đọc thư chân phúc lạc.*  
*Thưởng họa duyệt tâm thần.*  
Đọc sách thực phúc lạc.  
Ngắm họa vui tâm thần.

書 畫 益 壽  
金 石 延 年  
*Thư họa ích thọ.*  
*Kim thạch diên niên.*  
Thư họa tăng thọ.  
Vàng đá thêm năm.

雅 琴 飛 白 雪  
高 論 橫 青 雲  
*Nhã cầm phi bạch tuyết.*  
*Cao luận hoành thanh vân.*  
Đàn nhã bay tuyết trắng.  
Lời hay chấn mây xanh.

書 存 金 石 氣  
室 有 蕙 蘭 香  
*Thư tồn kim thạch khí.*  
*Thất hữu huệ lan hương.*  
Sách bền khí vàng đá.  
Nhà có hương huệ lan.

學 語 春 鶯 轉  
書 窗 秋 鷹 斜  
*Học ngữ xuân oanh chuyển.*  
*Thư song thu nhạn tà.*  
Oanh xuân chuyển giọng học.  
Nhạn thu sà thư song.

几 淨 雲 生 砚  
窗 明 月 映 書  
*Ký tịnh vân sinh nghiến.*  
*Song minh nguyệt ánh thư.*  
Ghế tĩnh mây trong nghiên.  
Song sáng trăng soi sách.

詩情畫意  
琴韻書聲  
*Thi tình hoạ ý.*  
*Cầm vân thư thanh.*  
Tình thơ ý hoạ.  
Đàn vân sách tiếng.

圖書聚所好  
竹柏得棋真  
*Đồ thư tụ sở hảo.*  
*Trúc bách đắc kỳ chân.*  
Đồ thư tụ chỗ tốt.  
Trúc bách được là ngay.

松風煮茗  
竹雨談詩  
*Tùng phong chử minh.*  
*Trúc vũ Đàm thi.*  
Gió tùng trà pha.  
Mưa trúc thơ luận.

琴書多古意  
水石澹幽居  
*Cầm thư đa cổ ý.*  
*Thủy thạch đạm u cư.*  
Sách đàn nhiều ý cổ.  
Suối đá đơn hang u.

書林漫步  
學海遨游  
*Thư lâm mạn bộ.*  
*Học hải ngao du.*  
Rừng sách đi dạo.  
Biển học ngao du.

爽自詩書畫  
悅神梅竹蘭

*Sảng mục thi thư họa.*  
*Duyệt thần mai trúc lan.*  
*Sáng mắt thi thư họa.*  
*An thần mai trúc lan.*

書畫怡且樂  
金石壽而康

*Thư họa di thả lạc.*  
*Kim thạch thọ nhi khang.*  
*Thư họa nhã mà vui.*  
*Vàng đá thọ lại khoẻ.*

博通上下  
雅集古今

*Bác thông thương hạ.*  
*Nhã tập cổ kim.*  
*Rộng thông trên dưới.*  
*Khéo học xưa nay.*

高窗妙挹千川月  
小屋長看四季春

*Cao song diệu ấp thiên xuyên nguyệt.*  
*Tiểu ốc trường khan tú quý xuân.*  
*Ngàn ánh trăng ôm cửa sổ cao.*  
*Bốn mùa xuân ngắm ngôi nhà nhỏ.*

博覽群書見多識廣  
兼采百家目明耳聰

*Bác lâm quán thư kiến đa thức quát.*  
*Kiêm thái bách gia mục minh nhĩ thông.*  
*Mọi sách đọc qua, kiến thức sâu rộng.*  
*Trăm nhà kiêm dù, tai mắt thông minh.*

筆 永 健

藝 常 青

*Bút vĩnh kiện.*

*Nghệ thường thanh.*

Bút luôn mạnh.

Vẽ thường tươi.

筆 酣 墨 翳

心 曠 神 怡

*Bút cam mặc sương.*

*Tâm khoáng thần di.*

Bút mực say sưa.

Tâm hồn phóng khoáng.

喜 有 和 風 駐

欣 無 俗 客 來

*Hỷ hữu hòa phong trú.*

*Hân vô tục khách lai.*

Mừng có gió mát tối.

Vui không khách tục thăm.

風 雲 三 尺 劍

花 鳥 一 床 書

*Phong vân tam xích kiếm.*

*Hoa điêu nhất sàng thư.*

Gió mây kiếm ba thước.

Chim hoa sách một giường.

伴 我 書 千 卷

可 人 花 一 帘

*Bạn ngã thư thiên quyển.*

*Khả nhân hoa nhất liêm.*

Bạn ta sách ngàn cuốn.

Người tốt hoa một rèm.

室雅何須大

花香不在名

*Thất nhã hà tu đại.*

*Hoa hương bất tại danh.*

Nhà nhã cần gì lớn.

Hoa thơm chẳng ở nhiều.

墨研清露月

琴晌碧千秋

*Mặc nghiên thanh lô nguyệt.*

*Cầm hương bích thiên thu.*

Mực mài sương nguyệt trong.

Tiếng đàn trời thu biếc.

逢人覽妙句

流客聽清泉

*Phùng nhân lǎm diệu cú.*

*Lưu khách thính thanh tuyền.*

Gặp người xem câu tuyệt.

Giữ khách tiếng suối trong.

桂香清院落

梅影小窗紗

*Quế hương thanh viện lạc.*

*Mai ảnh tiêu song sa.*

Hương quế lọt nhà thanh.

Ảnh mai qua rèm nhỏ.

風清楊柳夢

月淡海棠陰

*Phong thanh dương liễu mộng.*

*Nguyệt đậm hải đường âm.*

Gió mát mộng dương liễu.

Trăng nhạt đậm hải đường.

香開梅映月

爽挹竹明秋

*Hương khai mai ánh nguyệt.*

*Sảng áp trúc minh thu.*

Hương thanh, mai ánh nguyệt.

Khí nhã trúc vời thu.

窗開千里月

硯洗一難雲

*Song khai thiên lý nguyệt.*

*Nghiên tẩy nhất khê vân.*

Song dày trăng vạn dặm.

Nghiên rửa mây một khe.

貴客常盈座

樽中酒不空

*Quý khách thường doanh toạ.*

*Tôn trung tửu bất khống.*

Khách quý thường đông đảo.

Chén rượu chẳng hề vơi.

客來花欲笑

人與月同清

*Khách lai hoa giục tiếu.*

*Nhân dù nguyệt đồng thanh.*

Chúm chiếm hoa chào khách.

Thù thi người với trăng.

竹深留客處

荷淨納良時

*Trúc thâm lưu khách xứ.*

*Hà tĩnh nạp lương thời.*

Trúc dày nơi khách lưu.

Sen sạch hứng gió mát.

花明生喜氣  
客雅起香風

*Hoa minh sinh hỷ khí.  
Khách nhã khởi hương phong.*  
Hoa tươi sinh khí đẹp.  
Khách nhã tỏa mùi hương.

梅香入夢  
竹影橫窗

*Mai hương nhập mộng.  
Trúc ảnh hoành song.*  
Hương mai vào mộng.  
Ánh trúc ngang song.

椅欄吟夜月  
卷帘挹春風

*Ỷ lan ngâm dạ nguyệt.  
Quyển rèm áp xuân phong.*  
Tựa lan ngâm trăng tối.  
Cuộn rèm đón gió xuân.

春怡眼底  
月在堂前

*Xuân di nhän dë.  
Nguyệt tai đường tiền.*  
Xuân trong đáy mắt.  
Trăng ở trước nhà.

月影窗前靜  
琴聲雨後清

*Nguyệt ảnh song tiền tĩnh.  
Cầm thanh vũ hậu thanh.*  
Trước song ánh trăng lặng.  
Sau mưa tiếng đàn trong.

四時佳景  
滿座高明  
*Tứ thời gai cảnh.*  
*Mãn toạ cao minh.*  
Bốn mùa cảnh đẹp.  
Lán khách cao minh.

斗室乾坤大  
寸心天地寬  
*Đấu thất càn khôn đại.*  
*Thốn tâm thiên địa khoan.*  
Nhà nhỏ vũ trụ to.  
Tác lòng trời đất rộng.

相見亦無事  
不來忽憶君  
*Tương kiến diệc vô sự.*  
*Bất lai hốt ức quân.*  
Gặp mặt biết vô sự.  
Xa nhau thấy nhớ người.

溪聲來枕上  
山翠落樽前  
*Khê thanh lai châm thương.*  
*Sơn thuỷ lạc tôn tiên.*  
Bên gối vắng tiếng sôi.  
Đáy cốc hiện non xanh.

瑞藹佳地  
福蘊新居  
*Thuy ái gai địa.*  
*Phúc uẩn tân cư.*  
Đất tốt mây lành.  
Nhà mới chứa phúc.

祥雲籠吉地  
嘉樹拂新軒  
*Tường vân lung cát dia.*  
*Gia thu phất tân hiện.*  
Mây lành phủ đất lành.  
Cây đẹp che hiên đẹp.

門庭多福  
日月重光  
*Môn đinh đa phúc.*  
*Nhật nguyệt trùng quang.*  
Cửa nhà lâm phúc.  
Nhật nguyệt lại quang.

祥光浮紫閣  
喜氣繞朱軒  
*Tường quang phù tử các.*  
*Hỷ khí nhiễu chu hiên.*  
Mây lành vờn gác tía.  
Khí tốt phủ hiên son.

日麗新居暖  
風和甲第安  
*Nhật lệ tân cư noǎn.*  
*Phong hoà giáp đê an.*  
Đẹp trời ấm chỗ mới.  
Lặng gió yên cửa nhà.

上梁喜鵲叫  
豎柱彩霞飛  
*Thương lương hỷ thước khiêu.*  
*Thụ trụ thái hà phi.*  
Khách kêu chúc cất xà.  
Ráng bay mừng dựng cột.

明月一輪滿  
德門四處和  
*Minh nguyệt nhát luân mǎn.*  
*Đức môn tứ xứ hòa.*  
Trăng sáng một vành đầy.  
Cửa đức bốn xứ thuận.

祥光臨福地  
喜氣滿新居  
*Tường quang lâm phúc địa.*  
*Hỷ khí mǎn tân cư.*  
Mây lành đến đất phúc.  
Khí tốt đầy nhà mới.

豎千年柱  
架萬代梁  
*Thụ thiên niên trụ.*  
*Giá vạn đại lương.*  
Dựng cột ngàn năm.  
Gác xà muôn thuở.

吉星高照  
福地呈祥  
*Cát tinh cao chiếu.*  
*Phúc địa trình túng.*  
Sao tốt chiếu cao.  
Đất phúc điểm lành.

山環水繞  
人傑地靈  
*Sơn hoàn thuỷ nhiễu.*  
*Nhân kiệt địa linh.*  
Núi quanh nước cuộn.  
Người kiệt đất linh.

奠定千秋業  
擎起萬載梁  
*Điện định thiên thu nghiệp.*  
*Xanh khơi vạn tài lương.*  
Định sự nghiệp ngàn thu.  
Dựng cày xà muôn thuở.

婺星西隕恩無既  
泰水冬流淚與同  
*Vũ tinh tây vân ân vô kỷ.*  
*Thái thuỷ đông lưu lệ dù đông.*  
Vũ tinh tây rụng ơn còn đẻ.  
Đóng thái đông về lệ chảy chung.

滿苑禾苗傷化雨  
一門桃李哭春風  
*Mãn uyển hoà miêu thương hoá vũ.*  
*Nhát môn đào lý khóc xuân phong.*  
Đầy đồng lúa mạ thương mưa xuống.  
Một cổng mản đào khóc gió xuân.

欲見嚴容何處覓  
唯思良訓弗能文  
*Dục kiến nghiêm dung hà xù mịch.*  
*Duy tư lương huấn phát nǎng văn.*  
Về nghiêm muôn thấy tìm đâu gặp.  
Lời dạy hằng mong chẳng được nghe.

眉間爽氣無緣見  
座右聲言不再聞  
*Mí gian sảng khí vô duyên kiến.*  
*Toạ hữu thanh ngôn bất tái văn.*  
Cận kề hào khí không duyên gặp.  
Ngồi cạnh lời hay chẳng lại nghe.

宮娥此日先題詠  
丹桂他年任取攜  
*Cung nga thử nhật tiên đề vịnh.*  
*Đan quế tha niên nhiệm thủ huề.*  
Cung nga ngày ấy đã đề vịnh.  
Đan quế năm sau sẽ vịnh tay.

莫把寒宮攀桂手  
漫題彩筆畫娥眉  
*Mặc bả hàn cung phan quế thủ.*  
*Mạn đề thái bút họa nga my.*  
Đâu chỉ cung hàn tay vịn quế.  
Tạm đem bút tốt vẽ màng ngài.

好把蟾宮攀桂手  
輕拈免穎畫娥眉  
*Hảo bả thiềm cung phan quế thủ.*  
*Khinh niêm thỏ dĩnh họa nga my.*  
Đã khéo cung thiềm tay vịn quế.  
Còn đem bút thỏ vẽ màng ngài.

彩麗燭花開好夜  
香飄桂苑發來秋  
*Thái lệ chúc hoa khai hảo dạ.*  
*Hương phiên quế uyển phát lai thu.*  
Rực rỡ đưốc hoa đêm toả sáng.  
Hương bay vườn quế báo thu sang.

構邊紅葉漂秋水  
月李素娥映彩霞  
*Cát biên hồng diệp tiều thuỷ.*  
*Nguyệt lý tố nga ánh thái hà.*  
Lá đỏ trôi theo nước thu trong.  
Hàng nga rạng dưới trăng mây đẹp.

桐枝漸長翔丹鳳  
桂蕊新開集紫鸞  
*Đồng chi tiệm trưởng thường đan phượng.*  
*Quế nhuy tân khai tập tử loan.*  
Cành ngô mới lớn phượng bay lượn.  
Nhụy quế xoè ra loan xúm quanh.

丹桂香含飄秀閣  
碧雲光吐映粧紅  
*Đan quế hương hàm phiêu tú các.*  
*Bích vân quang thổi ánh trang hồng.*  
Quế đỏ hương bay vào gác đẹp.  
Mây xanh sáng tỏ ánh hồng trang.

秋深喜作蟾宮客  
夜靜欣逢月裡人  
*Thu thâm hỷ tác thiêm cung khách.*  
*Dạ tĩnh hân phùng nguyệt lý nhân.*  
Thu muộn mừng làm khách cung thiêm.  
Đêm vắng vui gặp người dưới nguyệt.

玉種藍田歡偕鳳侶  
香飄丹桂夢葉螽斯  
*Ngọc chủng lam diên hoan giao phượng lữ.*  
*Hương phiêu đan quế mộng diệp chung tư.*  
Ngọc rắc lam điền vui bầy với phượng.  
Hương bay đan quế mộng lá chung tư.

搖琴一曲雙聲奏  
月殿三秋五桂香  
*Đao cầm nhất khúc song thanh tấu.*  
*Nguyệt điện tam thu ngũ quế hương.*  
Đạo đàn một khúc đôi làn giọng.  
Trăng điện ba thu, năm quế hương.

桂子秋香欣行奠鴈  
杏林春暖定夢惟熊

*Quế tử thu hương hân hành điện nhạn.*  
*Hạnh làm xuân noãn định mộng duy hùng.*  
*Cây quế hương thu vui làm lễ nhạn.*  
*Rừng hạnh ấm xuân chỉ muôn mộng hùng.*

紫鸞并集三秋桂  
丹鳳雙棲入月桐

*Tử loan tịnh tập tam thu quế.*  
*Đan phượng song thê bát nguyệt đồng.*  
*Loan tía vây quanh, quế ba năm.*  
*Phượng đỏ đậu đôi, đồng tháng tám.*

嫦娥月裡到入開丹桂香風飄秀幙  
秦女樓中來鳳侶紫蕭雅調引文鸞  
Thường nga nguyệt lý đáo nhán gian đan quế hương phong phiêu tú mạc.

*Tần nữ lâu trung lai phượng lữ tử tiêu nhã điệu đan văn loan.*  
*Hàng nga cung quảng xuống nhân gian, hương lan quế gió lay rèm đẹp.*  
*Tần nữ trên lâu tìm bạn phượng, giọng từ tiêu dẫn dắt loan xinh.*

此日茱萸爭爍爛  
地年蘭桂茁芬芳

*Thứ nhật thù du tranh xán lan.*  
*Tha niên lan quế truật phán phuong.*  
*Ngày áy thù du tranh xán lan.*  
*Năm sau đan quế mạnh đua hương.*

金綴蘿花簪借色  
玉飄叢桂佩留香  
Kim xuyết ly hoa trâm tá sắc.  
Ngọc phiêu tùng quế bội lưu hương.  
Cúc đậu hoa vàng tôn vẻ đẹp.

*Qué tùng gió ngọc tỏa hương thơm.*

金菊瑞呈金屋女  
玉蘭香透玉樓人

*Kim cúc thuy trình kim ốc nữ.*

*Ngọc lan hương tú ngọc lâu nhân.*

Cúc vàng mừng trình gác nhà vàng.

Lan ngọc hương thơm người lâu ngọc.

鬯酒流馨浮菊酒  
燭花煥彩共蘭花

*Cản tửu lưu hình phù cúc tửu.*

*Chúc hoa hoán thái cộng lan hoa.*

Rượu cản lưu hương thơm rượu cúc.

Hoa đuốc sáng ngồi cạnh hoa lan.

露浥玉蘭凝繡閣  
風飄金菊映新粧

*Lệ ấp ngọc lan ngưng tú các.*

*Phong phiêu kim cúc ánh tân trang.*

Sương ẩm ngọc lan, ngưng gác đẹp.

Gió lay kim cúc, rạng tân trang.

午夜芳蘭輝彩夢  
三秋叢菊映新粧

*Ngọ dạ phuơng lan huy thái mộng.*

*Tam thu tùng cúc ánh tân trang.*

Nửa đêm lan thơm tỏa mộng đẹp.

Ba thu tùng cúc rạng màu xanh.

此日黃花方吐艷  
來年丹桂正飄香

*Thứ nhật hoàng hoa phuơng thô diệm.*

*Lai niên đan quế chính phiêu hương.*

Ngày ấy cúc vàng đang đẹp về.  
Năm sau quế đỏ mới đưa hương.

鴛 悽 正 飲 黃 花 酒  
鳳 閣 初 描 綠 柳 眉  
*Uyên vi chính ẩm hoàng hoa túu.*  
*Phượng các sơ miêu lục liễu my.*  
Màn uyên đang uống rượu hoàng hoa.  
Gác phượng mới tô mày lá liễu.

登 高 賦 就 于 歸 句  
對 鏡 裁 成 博 議 扁  
*Đăng cao phú tựu vu quy cú.*  
*Đối kính tài thành báu nghị thiêng.*  
Lên cao nên có vu quy cú.  
Soi kính soạn thành báu nghị thiêng.

新 婚 菊 酒 三 秋 燕  
好 夜 燭 花 滿 室 香  
*Tân hôn cúc túu tam thu yến.*  
*Hảo dạ trúc hoa mãn thất hương.*  
Ba thu yến tân hôn rượu cúc.  
Một nhà hương đêm đẹp duốc hoa.

好 合 句 中 聯 好 友  
登 高 節 後 占 登 科  
*Hảo hợp cú trung liên hảo hữu.*  
*Đăng cao tiết hau chiếm đăng khoa.*  
Trong câu hảo hợp còn hảo hữu.  
Sau tiết đăng cao chiếm đăng khoa.

秋 季 金 花 舒 燦 紛  
韻 餘 錦 瑟 葉 諧 和  
*Thu quý kim hoa thư xán lan.*

Vận dư canh sắt diệp hài hoà.  
Thu muôn hoa vàng tươi xán lạn.  
Vận thừa tiếng sắt đẹp hài hoà.

雞鳴驚起三秋夜  
態夢祥開九月天

Kê minh cảnh khởi tam thu dạ.  
Hùng mộng tường khai cửu nguyệt thiên.  
Suốt ba thu tiếng gà dục dậy.  
Ngày tháng chín mộng hùng diêm lành.

玉種藍田態入夢  
詩題紅葉筆生花

Ngọc chủng lan diền hùng nhập mộng.  
Thi đề hồng diệp bút sinh hoa.  
Ngọc rải lam diền hùng vào mộng.  
Thơ đề lá thăm bút sinh hoa.

畫眉好借題糕筆  
合卺欣傾賞菊杯

Họa mi hảo tá đề cao bút.  
Hợp cẩn hân khuynh thường cúc bôi.  
Nâng tay bút giúp tô mày đẹp.  
Thường chén rượu mừng hợp cẩn vui.

此日菊花斟酒  
今宵燭影映粧臺  
Thứ nhật cúc hoa châm cẩn tửu.  
Kim tiêu chúc ảnh ánh trăng dài.  
Ngày ấy rượu cẩn thơm mùi cúc.  
Đêm nay trang dài rạng duốc hoa.

步月月娥香繡閣  
生花花燭映粧臺

Bộ nguyệt nguyệt nga hương tú các.  
Sinh hoa hoa chúc ánh trăng dài.  
Dưới nguyệt, nguyệt nga thơm gác đẹp.  
Nở hoa, hoa duốc rạng trang dài.

蘭室書香成好女  
菊花酒味慶齊眉

*Lan thất thư hương thành hảo hữu.*  
*Cúc hoa tiếu vị khánh tề my.*  
Nhà lan hương sách nên bạn tốt.  
Rượu cúc mùi thơm chúc hứa dài.

點額新梅香繡閣  
回陽麗日暖粧臺  
*Điểm ngạch tàn mai hương tú các.*  
*Hồi dương lệ nhật noãn trang dài.*  
Chấm nở vườn mai thơm gác đẹp.  
Hồi dương ngày tốt ám trang dài.

梅花賦就爲元唱  
柳絮吟成作畫章  
*Mai hoa phú tút u vi nguyên xướng.*  
*Liễu nhử ngâm thành tác họa chương.*  
Hoa mai đãng tôn là lĩnh xướng.  
Bông liễu ngâm lên có thể hoà.

繡閣夜蘭態入夢  
嶺梅春早鳳和鳴  
*Tú các da lan hùng nhập mộng.*  
*Lĩnh mai xuân tảo phượng hòa minh.*  
Gác đẹp lan đêm hùng gửi mộng.  
Mai non xuân sớm phượng hòa kêu.

小春雪映藍田壁

高 燭 花 迎 太 乙 薦

*Tiêu xuân tuyết ánh lan diên bích.*

*Cao chúc hoa nghinh thái át lè.*

*Xuân tiêu tuyết rạng ngọc lam diên.*

*Giờ đuốc hoa đón lê thái át.*

蕭 吹 凤 閣 三 星 夜

花 笑 鶯 篓 十 月 春

*Tiêu suy phượng các tam tinh dạ.*

*Hoa tiêu loan tiên thập nguyệt xuân.*

*Ba sao sáng tiếng tiêu gác phượng.*

*Mười tháng qua hoa giểu vẫn loan.*

繡 幕 已 傳 梅 信 早

粧 臺 由 帶 菊 花 香

*Tú mạc dĩ truyền mai tín tảo.*

*Trang đài do đới cúc hoa hương.*

*Rèm đẹp đã truyền tin mai sớm.*

*Trang đài còn giữ hương cúc vàng.*

繡 閣 燈 先 輻 彩 筆

陽 春 月 色 映 新 粧

*Tú các đăng quang huy thai bút.*

*Dương xuân nguyệt sắc ánh tân trang.*

*Gác tía đèn treo ngời ánh bút.*

*Dương xuân nguyệt sắc rạng tân trang.*

燭 花 獻 瑞 春 非 小

蘭 砌 生 香 福 自 歸

*Chúc hoa hiến thuy xuân phi tiếu.*

*Lan thế sinh hương phúc tự quy.*

*Điềm lành hoa được xuân không nhỏ.*

*Hương tỏa thầm lan phúc tự về.*

高燭祥花輝繡閣  
小春瑞雪映藍田  
*Cao chúc tường hoa huy tú vác.*  
*Tiểu xuân thuỷ tuyết ánh lam diền.*  
Hoa đẹp duối cao ngời tú cao.  
Tuyết lành xuân chút rạng lam diền.

今日嶺梅金鳳友  
他年繡閣玉麟祥  
*Kim nhật lĩnh mai kim phượng hữu.*  
*Tha niên tú các ngọc lân tường.*  
Mai núi phượng vàng nay kết bạn.  
Lâu xinh lân ngọc sẽ đưa lành.

繡閣少陽梅點額  
粧臺良月葉題詩  
*Tú các thiếu dương mai điểm ngạch.*  
*Trang dài lương nguyệt diệp đề thi.*  
Gác đẹp tháng mười mai chớm nở.  
Trang dài tráng đẹp lá đề thơ.

幸逢陽月親鴻案  
預卜丹山振鳳毛  
*Hạnh phùng dương nguyệt thân hồng án.*  
*Dự bốc đan sơn chấn phượng mao.*  
Gần án hồng may gặp dương nguyệt.  
Xoè cánh phượng dự đoán đan sơn.

愛日舒情園橘榮成錦繡  
和風布燠嶺梅噴出芬芳  
*Ái nhật thư tình viên quất trang thành cẩm tú.*  
*Hoà phong bố úc lĩnh mai phún xuát phán phuong.*  
Ngày xưa thong thả, vườn quất sửa sang đẹp đẽ.  
Gió nay ấm áp, mai non hương tỏa thơm lừng.

灰 飛 菖 管 聲 諧 凤

雪 擔 藍 田 兆 夢 熊

*Khói phi hà quản tranh hải phượng.*

*Tuyết ủng lam diên triệu mộng hùng.*

Tro bay sáo đỏ thanh hoà phượng.

*Tuyết ngập lam diên mộng thấy hùng.*

百 歲 良 緣 諧 子 月

一 扇 佳 句 占 陽 春

*Bách tuế lương duyên hài tí nguyệt.*

*Nhất thiên giai cú chiêm dương xuân.*

Trăm tuổi duyên lành hoà tháng ty.

Một thiên câu đẹp cả mùa xuân.

官 梅 初 放 新 粧 麗

端 雪 凝 成 繡 閣 輝

*Quan mai sơ phóng tân trang lệ.*

*Thụy tuyết ngưng thành tú các huy.*

Mai quan mới nở vẻ tươi xinh.

*Tuyết lành ngưng đọng gác rực rõ.*

玉 管 聲 中 吹 桂 客

一 陽 月 裏 降 嫦 娥

*Ngọc quản thanh trung suy quế khách.*

*Nhất dương nguyệt lý giáng thường nga.*

Sao ngọc veo von chào khách quế.

Dương sinh trắng tỏ hiện hằng nga.

吹 蕭 臺 上 梅 賞 調

合 登 樽 前 雪 映 杯

*Suy tiêu dài thưởng mai canh điệu.*

*Hợp cản tôn tiền tuyết ánh bôi.*

Tiêu thổi trên dài mai đổi vẻ.

Giao duyên bày tiệc tuyết ngồi ly.

玉梅嬌映青鸞舞  
自雪光浮紫燕飛  
*Ngọc mai kiều ánh thanh loan vũ.*  
*Bạch tuyêt quang phù tử yến phi.*  
Ngọc mai rạng chiếu thanh loan múa.  
Bạch tuyêt ngời soi tử yến bay.

雪映鏡幃人是玉  
詩敲金屋字生珠  
*Tuyết ánh kính vi nhân thi ngọc.*  
*Thi xao kim ốc tự sinh châu.*  
Tuyết ánh gương soi người vẻ ngọc.  
Thơ chép nhà vàng chữ tựa châu.

六出臺飛聯雙璧合  
五紋添繡一陽生  
*Lục xuất dô liên song bích hợp.*  
*Ngũ vân thiêm tú nhất dương sinh.*  
Sáu cạnh kết liên, đôi ngọc hợp.  
Năm màu rực rỡ, một dương sinh.

初復得緣吟白雪  
新粧振采映藍田  
*Sơ phục đắc duyên ngâm bạch tuyêt.*  
*Tân trang chấn thái ánh lam điền.*  
Sơ phục gặp duyên ngâm bạch tuyêt.  
Tân trang đẹp vẻ rạng lam điền.

大雪映奩輝雪素  
早梅比質整梅粧  
*Đại tuyêt ánh liêm huy tuyêt án.*  
*Tảo mai tỷ chất chỉnh mai trang.*  
Tuyết lớn ánh rèm soi án tuyêt.  
Mai sớm xem ra đẹp lùng mai.

詠雪簾前比玉人  
吹蕭台上客凌雲  
*Vịnh tuyêt liềm tiền tỷ ngọc nhân.*  
*Suy tiêu dài thương khách lăng vân.*  
Trước rèm vịnh tuyêt sánh người ngọc.  
Trên dài thổi sáo khách vườn mây.

官梅初放青鸞舞  
端雲飄來紫燕蠹  
*Quan mai sơ phỏng thanh loan vũ.*  
*Thuy vân phiêu lai tử yến đỗ.*  
Mai quan mới nở, thanh loan múa.  
Mây lành bay lại, từ yến bầy.

雪案三欣紅得案  
燭花環映筆生花  
*Tuyêt án tam hân hồng đắc án.*  
*Chúc hoa hoàn ánh bút sinh hoa.*  
Tuyêt án hân hoan hồng đậu án.  
Đuốc hoa được chiếu sáng bút sinh hoa.

新詠雪飛逢復月  
古稱竹立慶他年  
*Tân vịnh tuyêt phi phùng phục nguyệt.*  
*Cố xưng trúc lập khanh tha niên.*  
Mới vịnh tuyết bay đà tháng một.  
Xưa khen trúc đứng chúc năm sau.

初復友雞窗苑諧鳳耦  
新粧聯雪案爲助雲程  
*Sơ phục hữu kê song, uyển hài phượng ngẫu.*  
*Tân trang liên tuyêt án, vi trợ vân trình.*  
Sơ phục bạn song gà, thuận theo cùng phượng.  
Tân trang liên án tuyết, nâng bước đường mây.

律轉一陽嶺上梅花含玉白  
杯傳二性洞中桃片甸朱紅

*Luật chuyển nhất dương lĩnh thượng mai hoa thư ngọc bạch.  
Bôi truyền nhị tính động trung đào phiến điện chu hồng.  
Năm tới nhất dương, dào núi mai hoa phô ngọc bạch.  
Chén mời hai họ, hoa đào trong động rực khoe hồng.*

登酒熏顏逢臘月  
梅花點額兆春魁

*Cản túu huân nhan phùng lạp nguyệt.  
Mai hoa điểm ngạch triệu xuân khói.  
Rượu cản má hồng trăng tháng chạp.  
Hoa mai chấm điểm báo đầu xuân.*

評花賦就梅粧額  
詠絮詩成書滿階  
*Bình hoa phú tựu mai trang ngạch.  
Vịnh nhứ thi thành tuyết mân giai.  
Bình hoa phú gợi thung mai nở.  
Vịnh bông thơ rải tuyết đầy thẩm.*

雪滿鴛幃裁博議  
梅開鳳閣誦周南  
*Tuyết mản uyên vi tài bác nghị.  
Mai khai phượng các tụng chu nam.  
Tuyết phủ màn uyên thêm bác nghị.  
Mai phô gác phượng tụng chu nam.*

良緣喜遇和鳴日  
佳偶欣諧大呂時  
*Lương duyên hỷ ngộ hòa minh nhật.  
Giai ngẫu hân hài đại lâ thời.  
Ngày sáng sủa mừng được hòa duyên.  
Thời đại lâ vui nên giai ngẫu.*

園中梅蕊偷春色  
砌下蘭芽吐異香

*Viên trung mai nhuy thêu xuân sắc.*  
*Thế hạ lan nha thổi dị hương.*  
Trong vườn mai nhuy phô xuân sắc.  
Dưới hiên lan nhú đã thơm hương.

及第花簪司馬帽  
探春梅點壽陽粧

*Cáp đệ hoa trâm tư mā mạo.*  
*Thám xuân mai điểm thọ dương trang.*  
Trâm hoa cáp đệ mũ tư mā.  
Mai điểm thăm xuân trang thọ dương.

冬日雞窗欣結伴  
春宵熊夢待占祥  
Đông nhật kè song hân kết bạn.  
Xuân tiều hùng mộng dài chiêm tường.  
Ngày đông song gà mừng kết bạn.  
Đêm xuân mộng hùng đợi điềm lành.

粧襯碧梅逢臘月  
瑞符藍玉映春暉  
Trang sán bích mai phùng lạp nguyệt.  
Thuy phù lam ngọc ánh xuân huy.  
Mai biếc điểm trang khoe tháng chạp.  
Ngọc lan tươi vẻ rạng ngời xuân.

四字既成成燕好  
三陽將筆筆熊占  
Tứ tự ký thành thành yến hảo.  
Tam dương tương triều triều hùng chiêm.  
Bốn quý qua rồi nên yến thích.  
Tam dương dâ tới báo hùng vui.

逢臘梅粧春獨早  
種階玉樹瑞春多  
*Phùng lạp mai trang xuân độc tảo.*  
*Chủng giai ngọc thụ thụ xuân đa.*  
Tháng chạp thung mai xuân đến sớm.  
Thêm gieo cây ngọc lâm xuân lành.

臘盡雞窗添一友  
春來熊夢入三更  
*Lạp tận kê song thiêm nhát hữu.*  
*Xuân lai hùng mộng nhập tam canh.*  
Năm hết song gà thêm một bạn.  
Xuân về hùng mộng suốt ba canh.

歲晚花容梅點額  
秋來馥氣桂當階  
*Tuế ván hoa dung mai điểm ngạch.*  
*Thu lai phức khí quế đương gai.*  
Năm hết về hoa, mai chớm nở.  
Thu về hương tỏa, quế đương thi.

雪映玉人來好友  
梅程金屋點春魁  
*Tuyết ánh ngọc nhân lai hảo hữu.*  
*Mai trình kim ốc chiếm xuân khôi.*  
Tuyết soi người ngọc ban tốt lại.  
Mai nở nhà vàng chiếm bảng xuân.

畫眉不是風流淺  
吟絮無非雪意濃  
*Hoạ my bất thị phong lưu thiển.*  
*Ngâm nhữ vô phi tuyết ý nùng.*  
Vẽ mày chẳng phải cạn phong lưu.  
Ngâm bông dâu vì nồng ý tuyêt.

結緣五百年孔雀屏中魁首選  
臘逢十二月桃源洞裏占先春

Kết duyên ngũ bách niên không tước bình trung khôi thủ tuyển.

Lạp phùng thập nhị nguyệt đào nguyên động lý chiếm tiên xuân.

Duyên kết năm trăm năm, không tước công trong màn, chọn số một.

Lễ vào tháng mười hai, đào nguyên chốn ấy, chiếm xuân đầu.

桐木逢春雙引鳳

桂宮待月早生花

Đông mộc phùng xuân song dẫn phượng.,

Quế cung đắc nguyệt tảo sinh hoa.

Ngô đồng gặp xuân dẫn dôi phượng.

Cung quế trăng soi sớm nở hoa.

花蹀樓排雙盞酒

紫荆樹宿兩鴛鴦

Hoa tảo lầu bài song cẩn tiều.

Tử kinh thụ túc lưỡng uyên ương.

Lâu hoa tảo bày hai tiệc rượu.

Cây tử kinh trú đồi uyên ương.

宴爾新婚如兄如弟

之子于歸宜家宜室

Yến nhỉ tàn hôn như huynh như đệ.

Chi tử vu quy nghi gia nghi thất.

Tiệc mi tân hôn, ra anh, ra em.

Này con vu quy, nên nhà, nên cửa.

庭階兩兩邀鸞舞

繡帳雙雙擬燕投

Định giai lưỡng lưỡng yêu loan vũ.

Tú mạc song song nghĩ yến đầu.

Bậc thêm cặp cặp mời loan múa.

Rèm đẹp từng đôi đón yến về.

美奐輪祥開奕葉  
佳兒婦慶衍齊眉

*Mỹ hoán luân tường khai đích diệp.*  
*Giai nhi phụ khánh diễn tề my.*  
Vẻ đẹp diễm lành, xanh tốt lá.  
Chồng tài vợ giỏi, sánh ngang mày.

悲歌動地

哀樂惊天

*Bì ca động địa.*  
*Ai nhạc kinh thiêng.*  
Ca buồn rạy đất.  
Nhạc thương động trời.

素心懸夜月

高義薄秋雲  
*Tố tâm huyền dạ nguyệt.*  
*Cao nghĩa bạc thu vân.*  
Lòng trong treo vàng nguyệt.  
*Cao nghĩa nhạt mây thu.*

一生行好事

千古紀芳名

*Nhất sinh hành hảo sự.*  
*Thiên cổ kỷ phuơng danh.*  
Một đời làm việc tốt.  
Ngàn năm sử tiếng thơm.

壽終德望在

身去笑容存

*Thọ chung đức vọng tài.*  
*Thân khứ tiếu dung tồn.*  
Thọ hết đức ở lại.  
Người đi về tươi còn.

一 生 樹 美 德  
半 世 有 嘉 風  
*Nhất sinh thụ mỹ đức.*  
*Bán thế hữu gia phong.*  
Một đời trồng đức tốt.  
Nửa cõi có gia phong.

痛 心 傷 永 逝  
揮 淚 億 深 情  
*Thống tâm thương vĩnh thệ.*  
*Huy lệ ức thâm tình.*  
Đau lòng thương kẽ khuất.  
Gạt lệ nhớ tình thâm.

丹 心 昭 日 月  
剛 正 泣 河 山  
*Dan tâm chiêu nhật nguyệt.*  
*Cương chính khấp hà sơn.*  
Lòng son rạng nhật nguyệt.  
Cương trực khóc sơn hà.

哭 靈 心 欲 碎  
彈 淚 眼 將 枯  
*Khóc linh tâm欲 toái.*  
*Đàn lệ nhãn tương khô.*  
Khóc linh lòng muôn vỡ.  
Giòng lệ mắt hồn khô.

直 道 至 今 由 在  
清 名 終 古 長 留  
*Trực đạo chí kim do tại.*  
*Thanh danh chung cổ trường lưu.*  
Đường thẳng đến nay còn đó.  
Tiếng tăm mãi sẽ còn lưu.

一世辛勤勞動  
終生淳朴爲人  
*Nhát thế tân cần lao động.*  
*Chung sinh thuần phái vi nhân.*  
Một đời chuyên cần lao động.  
Cuộc sống chân thật làm người

事業已歸前輩  
典型留作后人模  
*Sự nghiệp đã qui tiên bối lục.*  
*Điển hình lưu tác hậu nhân mô.*  
Sự nghiệp đã ghi trong sử sách.  
Điển hình lưu để kế sau noi.

悲音難挽流人住  
哭調相隨野鶴飛  
*Bi âm nan vãn lưu vân trú.*  
*Khóc điệu tương tuỳ dã hạc phi.*  
Âm buồn khó giữ mây trôi lại.  
Điệu thảm dành theo cánh hạc bay.

山哀水哭悲長睡  
骨動心摧作永离  
*Sơn ai thuỷ khóc bi trường thuy.*  
*Cốt động tâm tỗi tác vĩnh ly.*  
Giác ngủ dài, non thương nước khóc.  
Buồn biệt ly, xương nhức, lòng đau.

桃花流水杳然去  
明月清風何處游  
*Dào hoa lưu thuỷ diêu nhiên khứ.*  
*Minh nguyệt thanh phong hà xú du.*  
Hoa đào nước cuốn trôi di māi.  
Gió mát trăng trong, biết đạo đâu.

一世精神歸石表  
滿堂血淚入雲天  
*Nhất thế tinh thần quy thạch biếu.*  
*Mãn đường huyết lệ nhập vân thiên.*  
Cuộc sống tinh thần vào bia đá.  
Đầy nhà lê máu gửi trời mây.

已剩丰功垂史策  
由存大節譽人民  
*Đã thăng phong công thuỷ sử sách.*  
*Do tồn đại tiết dùt nhân dân.*  
Đã thừa công trạng ghi trong sử.  
Hãy còn khí tiết gửi nhân dân.

終生儉朴留模範  
一世勤勞傳好風  
*Chung sinh kiệm phác lưu mô phạm.*  
*Nhất thế cần lao truyền hảo phong.*  
Làm khuôn phép một đời chất phúc.  
Lưu tác phong cuộc sống cần lao.

空梁月冷人千古  
花苑魂歸鶴一聲  
*Không lương nguyệt lạnh nhân thiên cổ.*  
*Hoa uyển hồn quy hạc nhất thanh.*  
Xà không, trăng lạnh, người thiên cổ.  
Vườn đẹp, hồn đau, hạc tiếng kêu.

雲深竹徑樽猶在  
雪壓芝田夢不回  
*Vân thâm trúc kính tôn do tại.*  
*Tuyết áp chi diền mộng bất hồi.*  
Mây che lối tú úc, chén còn đó.  
Tuyết tán, vườn chi, mộng chẳng về.

想見音容空有淚  
欲聞教訓杳無聲  
*Tưởng kiến âm dung không hữu lệ.*  
*Dục văn giáo huấn diều vô thanh.*  
Tưởng thấy âm dung mà úa lệ.  
Muốn nghe lời dạy, tiếng đâu còn.

魂歸天上風雲慘  
名在人間草木香  
*Hồn quy thiên thượng phong vân thảm.*  
*Danh tại nhân gian thảo mộc hương.*  
Hồn về thượng giới gió mây thảm.  
Tên ở nhân gian caye cỏ thơm.

良操漢德千秋在  
亮節高風萬古存  
*Lương thao mỹ đức thiên thu tại.*  
*Lương tiết cao phong vạn cổ tồn.*  
Khéo thay đức tốt ngàn năm ở.  
Tiết sạch vẻ cao muôn thuở còn.

慈惠常留眾口頌  
典型堪作後人師  
*Từ huệ thường lưu chúng khẩu thuận.*  
*Điển hình kham tác hậu nhân sư.*  
Từ huệ vẫn còn lưu cửa miệng.  
Điển hình dù để dạy người sau.

三徑寒松含露泣  
半窗殘竹帶風號  
*Tam kính hàn tùng hàm lô kháp.*  
*Bán song tàn trúc đới phong hào.*  
Ba hàng tùng rét ngâm sương khóc.  
Nửa song trúc cối gió đương gào.

慎終不望先人志  
追遠常懷一片心

*Thận chung bát vong tiên nhân chí.  
Truy viễn thường hoài nhất phiến tâm.  
Chí người trước chờ quên khi khuất.  
Một tấm lòng tưởng nhớ lúc xa.*

不成門戶貴爲子  
難報春暉欲斷腸

*Bất thành môn hộ quý vi tử.  
Nan báo xuân huy dục đoạn trường.  
Chẳng nên người tốt, làm con thiện.  
Khó báo ba xuân, muốn đoạn trường.*

音容宛在靈車駕  
子女堂前血淚拋  
女童在靈車駕前，音容宛在。  
子女堂前血淚拋，女童在靈車駕前，音容宛在。

壯懷猶在風雲上  
詩卷長留天地間  
壯懷猶在風雲上，詩卷長留天地間。  
壯懷猶在風雲上，詩卷長留天地間。

情深風木終天慟  
淚點寒梅觸景思  
情深風木終天慟，淚點寒梅觸景思。  
情深風木終天慟，淚點寒梅觸景思。

人間未遂青雲志  
天上先成白玉樓

*Nhân gian vị toại thanh vân chí.  
Thiên thượng tiên thành bạch ngọc lâu.  
Trần gian chưa thoả chí thanh vân.  
Thương giải trước xây lâu Bạch ngọc.*

千里吊君惟有淚  
十年知己不因文

*Thiên lý điếu quân duy hữu lệ.  
Thập niên tri kỷ bất nhân văn.  
Ngàn dặm viếng ông duy có lệ.  
Mười năm làm bạn chăng nhờ văn.*

盛德合應傳後世  
遺形從此望前賢

*Thịnh đức hợp ứng truyền hậu thế.  
Di hình tông thử vọng tiền hiền.  
Thịnh đức vẫn còn truyền hậu thế.  
Hình còn từ đây ngóng người xưa.*

白骨未歸三尺土  
忠魂已上九重天

*Bạch cốt vĩ quy tam xích thô.  
Trung hồn dĩ thương ciửu trùng thiên.  
Xương trắng chưa về ba thước đất.  
Hồn trung đã ở chín tầng trời.*

美德堪稱吾輩典範  
遺訓長昭後世子孫

*Mỹ đức khâm xứng ngô bối diển phạm.  
Di huấn trường chiêu hậu thế tử tôn.  
Đức tốt xứng bậc tiền bối mô phạm.  
Di huấn rạng soi con cháu đời sau.*

勤勞美德愿儿孫永繼  
簡朴家風望後代長傳  
*Cần lao mĩ đức nguyện nhi tôn vĩnh kế.*  
*Giản phác gia phong vọng hậu đại trường truyền.*  
Đức tốt xiêng năng, mong con cháu tiếp nối.  
Gia phong giản dị, muôn đời sau mãi truyền.

生前忠節自松凌霜雪  
身後高風如水照青天  
*Sinh tiền trung tiết tự tùng lăng sương tuyêt.*  
*Thân hậu cao phong như thuỷ chiếu thanh thiên.*  
Khi còn, khí tiết tựa tùng khinh sương tuyêt.  
Lúc mất, vẻ cao như nước chiếu trời xanh.

頻年善訓常聆何以報也  
一旦訃音忽志能不悲乎  
*Tần niên thiện huấn thường linh, hà dĩ báo dã.*  
*Nhất đán phó âm hối chí, nǎng bất bi hò.*  
Hàng năm lời dạy thường nghe, khôn hay báo đáp.  
Một sớm tin buồn bỗng nhận, khó nén đau thương.

煙雨淒迷萬里紅花洒血淚  
音容寂寞千條留水放悲聲  
*Yên vū thê mê, vạn lý hồng hoaさい huyết lệ.*  
*Âm dung tịch mịch, thiên điệu lưu thuỷ phóng bi thanh.*  
Mưa gió buồn tênh, muôn dặm hoa hồng tràn lệ máu.  
Tăm hơi vắng lặng, ngàn dòng nước chảy cát lời thương.

敦厚可風實爲前輩表率  
和謙共仰堪作後人典型  
*Đôn hậu khà phong, thực vi tiên bối biểu xuất.*  
*Hoà khiêm công ngưỡng, kham tác hậu nhán điển hình.*  
Đôn hậu nêu gương, thực đáng tôn vinh trong kẻ trước.  
Hoà khiêm dù vẻ, mà hay mẫu mực với người sau.

音容宛在勤奮一生傳佳話  
神魂离去芳名百世著清風

*Âm dung uyên tai, cần phán nhất sinh truyền giao thoại.  
Thần hồn ly khứ, phương danh bách thế trú thanh phong.  
Dung mạo như còn, sức gắng một đời nên truyện thú.  
Thần hồn đi mất, danh thơm trăm thuở gió lan truyền.*

天若有情應壽百年于後傑  
人誰不死獨將天古讓英雄

*Thiên nhược hưu tình, ưng thọ bách niên vu tuấn kiệt.  
Nhân thuỷ bất tử, độc tương thiên cổ nhượng anh hùng.  
Trời nếu có tình, hẳn để trăm năm dành tuấn kiệt.  
Người nào không chết, riêng nêu muôn thuở tiếng anh hùng.*

大雅雲亡綠水青山敘遺志  
老成凋謝落花啼鳥總傷情

*Đại nhã vân vong, lựu thuỷ thanh sơn tự di chí.  
Lão thành diêu ta, lạc hoa đê điểu tổng thương tình.  
Hiền giả đi đâu, nước biếc non xanh còn kể chí.  
Lão thành diến cõi, chim kêu hoa rụng thấy thương tình.*

規律難違自古誰能千年壽  
高風永繼而今人仰一世功

*Quy luật nan vi, cố thuỷ năng thiên niên thọ..  
Cao phong vĩnh kế, nhì kim nhân ngưỡng nhất thế công.  
Quy luật tránh đâu, tự cố ai đây ngàn tuổi thọ.  
Vé cao còn mãi, mà nay người trọng một đời công.*

明月不長圓過了中秋終是缺  
高風最可仰如何一別難再逢

*Minh nguyệt bất trường viễn, quá liêu trung thu chung thỉ i khuyết.  
Cao phong tôi khả ngưỡng, như hà nhất biệt nan tái phùng.  
Trăng sáng chẳng tròn lâu, qua tết trung thu rồi cũng khuyết.  
Vé cao nên ngưỡng mộ, đã khi xa cách khỏi mong tìm.*

天不留耆舊  
人皆惜老成  
*Thiên bất lưu kỳ cựu*  
*Nhân gai tích lão thành.*  
Trời chẳng lưu kẻ cũ.  
Người đều tiếc ông già.

流水夕陽千古恨  
暮雲春樹一天愁  
*Lưu thuỷ tịch dương thiên cổ hận.*  
*Mộ vân xuân thụ nhất thiên sầu.*  
Nước chảy nắng chiều muôn thuở hận.  
Mây hôm cây trẻ một trời sầu.

天不遺一老  
人已足千秋  
*Thiên bất di nhất lão.*  
*Nhân dĩ túc thiên thu.*  
Trời không lưu một cụ.  
Người đã đủ ngàn thu.

平生風義兼師友  
來世因緣結弟兄  
*Bình sinh phong nghĩa kiêm sư hữu.*  
*Lai thế nhân duyên kết đệ huynh.*  
Bình sinh tình nghĩa kiêm thầy bạn.  
Đời sau duyên nợ kết anh em.

何如一夢飛蝴蝶  
竟使千秋泣杜鵑  
*Hà tri nhất mộng phi hô - điệp.*  
*Cánh sứ thiên thu khấp đỗ - quyên.*  
Hoá bướm lượn lờ trong giấc mộng.  
Khiến quyên gào khóc đã ngàn năm.

四壁蕭然悲夜月  
三更冷落憫春暉  
*Tứ bích tiêu nhiên, bi dạ nguyệt.*  
*Tam canh lanh lạc, mẫn xuân huy.*  
Bốn vách quạnh hiu, vàng trăng thảm.  
Ba canh lạnh lẽo, ánh xuân buồn.

老淚無多哭知己  
蒼天何遽喪斯人  
*Lão lệ vô đa khóc tri kỷ.*  
*Thương thiên hà cùi táng tử nhân.*  
Lệ lão đâu nhiều khóc bạn thân.  
Trời xanh vô cớ chôn người ấy.

鶴駕難回終隔雲山家萬里  
猿腸易斷那堪風雨月三更  
*Hạc giá nan hồi, chung cánh vân sơn gia vạn lý.*  
*Viên trường dị đoạn, na kham phong vũ nguyệt tam canh.*  
Xe hạc khôn về, cách biệt non mây, nhà vạn dặm.  
Ruột hầu dễ đứt, chịu sao mưa gió, nguyệt ba canh.

跨鶴孤山三十載梅花一夢  
騎鯨采石五百年明月重圓  
*Khoá hạc cô sơn, tam thập tài mai hoa nhất mộng.*  
*Kỵ kình thái thạch, ngũ bách niên minh nguyệt trùng viền.*  
Ba chục xuân gót hạc núi cô, hoa mai giấc mộng.  
Năm trăm năm cưỡi kình lượm đá, trăng sáng lại tròn.

時事傷心風號鶴唳人何處  
哀情慘目月落烏啼霜滿天  
*Thời sự thương tâm phong hào hạc lệ nhán hà xử.*  
*Ai tình thảm mục, nguyệt lạc ô đê sương mǎn thiên.*  
Câu chuyện đau lòng, hạc khóc gió gào đâu thấy kè.  
Cảnh tình buồn mắt, qua kêu trăng lận chỉ mờ sương.

慈顏已逝  
風木與悲  
*Tử nan dĩ thệ.*  
*Phong mộc dù bi.*  
Dáng hiền khuất nோ.  
Nghĩ mẹ buồn thương.

雨泣黃花應有恨  
風淒翠竹更堪悲  
*Vũ khóc hoàng hoa ưng hữu hận.*  
*Phong thê thuý trúc cánh khâm bi.*  
Mưa khóc cúc vàng nên có hận.  
Gio lay trúc biếc lại càng thương.

女星沉寶婺  
仙駕返搖池  
*Nữ tinh trầm bảo vũ.*  
*Tiên giá phản Dao tri.*  
Bảo vũ mờ sao nữ.  
Dao tri đón khách tiên.

魂返九天悲夜月  
芳流百代憶春風  
*Hồn phản cửu thiên bì dạ nguyệt.*  
*Phương lưu bách đại ức xuân phong.*  
Hồn lại chín tầng trăng tối thảm.  
Danh lưu trăm thuở gió xuân buồn.

名梢形史範  
望斷白雲香  
*Danh tiêu đồng sử phạm.*  
*Vọng đoạn bạch vân hương.*  
Danh neutrang đồng sứ.  
Vọng dứt hương bạch vân.

梅吐玉容含孝意

柳拖金色動哀情

*Mai thô ngọc dung hàm hiếu ý.*

*Liễu đà kim sắc động ai tình.*

Vè ngọc mai phô hàm ý hiếu.

Sắc vàng liễu rủ động tình thương.

西池駕已歸王母

南國輝空仰婺星

*Tây trì giá dī quy vương māu.*

*Nam quốc huy khóng ngưỡng vu tinh.*

Xe tây trì đã theo Vương mẫu.

Ánh trời nam hướng tới Vũ tinh.

掃榻飛煙驚化鶴

卷帘留月覓歸魂

*Tảo tháp phi yên kinh hóa hạc.*

*Quyến liêm lưu nguyệt mịch quy hồn.*

Quét giường tung bụi, kinh thành hạc.

Rèm vén lưu trăng muốn gọi hồn.

寶婺光沉天上宿

蓮花香現佛前身

*Bảo vụ quang trầm thiên thượng tú.*

*Liên hoa hương hiện phật tiên thân.*

Chòm Bảo vũ mờ ảo thượng giới.

Hương hoa sen hiện phật tiên thân.

身似芳蘭從此逝

心如皓月几時回

*Thân tự phuƠng lan tòng thủ thệ.*

*Tâm như hao nguyệt kỳ thời hồi.*

Thân tựa lan thơm không trở lại.

Tâm như trăng sáng đến khi nào.

懿德難忘流痛淚  
慈恩未報繞愁腸  
*Ý đức nan vong lưu thống lệ.*  
*Từ ân vị báo nhiễu sầu trướng.*  
Đức tốt khó quên tuôn lệ xót.  
Ôn từ chưa báo rồi sầu cơn.

細語柔言情宛在  
淒風苦雨恨偏腸  
*Tế ngữ nhu ngôn tình uyển tại.*  
*Thê phong khổ vũ hận thiên đường.*  
Nói nhẹ lời mềm tình ở lại.  
Gió buồn mưa khổ hận chưa thôi.

英靈昭日月  
肝膽映山河  
*Anh linh chiêu nhật nguyệt.*  
*Can đảm ánh sơn hà.*  
Anh linh sáng nhật nguyệt.  
Can đảm rạng sơn hà.

江河大地存忠骨  
哀淚悲歌悼傑靈  
*Giang hà đại địa tồn trung cốt.*  
*Ai lê bi ca diệu kiệt linh.*  
Sông ngòi lai láng xương ai giữ.  
Dòng lệ buồn đau tuấn kiệt thương.

正氣留千古  
丹心照萬年  
*Chính khí lưu thiên cổ.*  
*Đan tâm chiếu vạn niên.*  
chính khí lưu muôn thuở.  
Lòng son chiếu vạn năm.

未酬壯志身先死  
留取丹心照汗青

*Vị thù tráng chí thân tiên tử.  
Lưu thủ đan tâm chiêu hân thanh.  
Chưa xong chí lớn thân đến nợ.  
Gửi lại lòng son rạng sủ xanh.*

鐵肩擔道義  
熱血荐軒轅

*Thiết kiên đàm đạo nghĩa.  
Nhiệt huyết tiến Hiền Viên.  
Vai sắt gánh đạo nghĩa.  
Máu nóng dâng Hiền Viên.*

英靈已作蓬萊客  
德范猶薰故里人  
*Anh linh dã tác bồng lai khách.  
Đức pham do huân có lý nhân.  
Hồn thiêng đã xứng khách non tiên.  
Khuôn đức thơm lây người chốn cũ.*

慢國身先殉  
游仙夢不回  
*Ưu quốc thân tiên tuẫn.  
Du tiên mộng bất hồi.  
Vì nước sớm quên thân.  
Cõi tiên mộng chẳng về.*

青山綠水長留生前浩氣  
翠柏蒼松堪慰逝後英靈  
*Thanh sơn lục thuỷ trường lưu sinh tiền hao khí.  
Thuy bách thương tung kham uý thệ hậu anh linh.  
Nước chảy non xanh, khí phách lúc còn, nhớ mai.  
Tùng xanh bách biếc anh linh khi khuất, vẫn thương.*

雄風赫赫千秋頌  
偉績昭昭萬大傳

*Hùng phong hách hách thiên thu tụng.*  
*Vĩ tích chiêu chiêu vạn đại truyền.*  
Hùng khí lẫy lừng, ngàn năm ca tụng.  
Công lao hiển hách, muôn thuở lưu truyền.

忠骨雖滅浩氣存千秋萬代  
遺言永銘贊歌傳六合八荒

*Trung cốt tuy diệt hao khí tồn thiên thu vạn đại.*  
*Đi ngôn vĩnh minh tán ca truyền lục hợp bát hoang.*  
Nấm xương dù nát, khí phách toả ngàn thu muôn thuở.  
Lời dặn còn ghi, tiếng ca vang tám hướng sáu phương.

深恩未報慚爲子  
隱感難消忝作人  
Thân ân vị báo tam vi tử.  
Án cảm nan tiêu thiêm tác nhân.  
Ôn sâu chưa báo then làm con.  
Mặc cảm khó tan đau xứng kẻ.

倚門人去三更月  
泣杖儿悲五夜寒  
Ý môn nhân khứ tam canh nguyệt.  
Khúp trương nhi bi ngũ dạ hàn.  
Vắng người nương cửa trăng khuya quanh.  
Thương con chông gày rét đêm nhiều.

多感佳賓來祭奠  
深悲嚴父去難留  
Đa cảm giai tàn lai tế điệu.  
Thâm bi nghiêm phụ khứ nan lưu.  
Khách thân đến viếng, nhiều thương cảm.  
Cha không ở lại, nặng buồn đau.

思親腊盡情無盡  
望父春歸人未歸  
*Tư thân lạp tận tình vô tận.*  
*Vọng phụ xuân quy nhân vị quy.*  
Nhớ người tháng tận tình không tận.  
Mong cha xuân về người chưa về.

心因父逝心流血  
月見吾悲月失輝  
*Tâm nhẫn phụ thê tâm lưu huyết.*  
*Nguyệt kiến ngô bi nguyệt thất huy.*  
Lòng thấy cha đi, lòng úa máu.  
Trăng coi ta khóc, ánh trăng mờ.

只見三秋多苦雨  
誰知九月別嚴親  
*Chỉ kiến tam thu đa khổ vū.*  
*Thuỷ tri cửu nguyệt biệt nghiêm thân.*  
Ba năm chỉ thấy mưa tầm tã.  
Chín tháng ai hay bó bắt tin.

無露庭前重見母  
有時夢里一呼兒  
*Vô lộ đình tiền trùng kiến mẫu.*  
*Hữu thời mộng lý nhất hô nhi.*  
Gặp lại mẹ, trước nhà không lỗi.  
Tiếng hô con, trong mộng có lần.

春近人歡花發早  
歲更我哭母長辭  
*Xuân cận nhân hoan hoa phát tảo.*  
*Tuế canh ngã khóc mẫu trường từ.*  
Xuân đến người vui hoa nở sớm.  
Năm thay ta khóc mẹ lời sâu.

世 上 痛 無 救 母 藥  
靈 前 哭 煙 斷 長 人

*Thế thường thống vô cứu mẫu được.  
Linh tiền khóc sát đoạn trường nhân.  
Thuốc mẹ khôn tìm trên cõi thế.  
Lòng con muốn đứt trước linh sàng.*

怎 忍 心 撇 下 儿 女 匆 匆 离 去  
如 有 覺 夢 中 母 母 每 每 歸 来

*Chấm nhẫn tâm phách hạ nhi nữ thông thông li khứ.  
Như hữu giác mông trung mẫu thân mỗi mỗi quy lại.  
Nỡ bỏ cháu con ở lại, mà vội vã ra đi.  
Mong gặp mẹ hiền trong mộng, xin người hãy hiện về.*

終 天 唯 有 思 親 泪  
寸 草 痛 無 益 母 靈  
Chung thiên duy hưu tư thân lệ.  
Thón thảo thống vô ích mẫu linh.  
Trọn đời dành lệ khóc người thân.  
Tác cỏ đau lòng khôn giúp mẹ.

音 容 莫 睹 傷 心 難 禁 千 行 泪  
親 恩 未 報 哀 痛 不 覺 九 回 腸  
*Âm dung mạc đồ thương tâm nan cảm thiên hàng lệ.  
Thân ân vị báo ai thống bất giác cùu hồi trường.  
Gương mặt khó tìm, thương nhớ khôn ngăn dòng lệ nhỏ.  
Ôn người chưa báo, khóc than luống những ruột tơ vò.*

婺 星 頓 失 天 光 黯  
美 德 猶 存 家 景 長  
*Vụ tinh đốn thất thiên quang ám.  
Mỹ đức do tồn gia cảnh trường.  
Vụ tinh bỗng rụng, trời u ám.  
Đức tốt còn đây, nhà vững bền.*

涼月鳥淒清環砌秋聲聽倍慘  
慈雲歸縹渺空庭落月恨何如  
*Lương nguyệt tả thê thanh hoàn thiết thu thanh thính bội thảm.*  
*Tử vân quy phiếm miểu không đình lạc nguyệt hận hèn như.*  
Lạnh lèo ánh trăng trong, khắp chốn tiếng thu càng thảm thiết.  
Xa thảm áng mây từ, sân lặng trăng tà hận xiết bao.

半子無伊何所賴  
東床有淚几時干  
*Bán tử vô y hà sở lại.*  
*Đông sàng hữu lệ kỷ thời can.*  
Nửa con không cậy đâu mà dựa.  
Giường đông có khóc biệt khi khô.

峰頂大人嗟已矣  
膝前半子痛何如  
*Phong đỉnh đại nhân ta dī hī.*  
*Tất tiền bán tử thống hèn như.*  
Người lớn đỉnh non (bố vợ), thỏi đā khuất.  
Nửa con (chàng rể) trước gối, xót làm sao.

泰岳無雲滋玉潤  
東床有淚滴冰清  
*Thái nhạc vô vân tư ngọc nhuân.*  
*Đông sàng hữu lệ trích băng thanh.*  
Thái nhạc (bố vợ) không mây cho ngọc nhuận.  
Giường đông (con rể) giọt lệ tựa băng trong.

大雅雲亡梁木斷  
老成凋謝泰山積  
*Dài nhã vân vong lương mộc đoạn.*  
*Lão thành diêu ta Thái sơn đồi.*  
Kẻ lớn ra đi xà gỗ gãy.  
Người già héo rụng thái sơn suy.

去年病入黃泉路

今夜惊驚泰岳峰

*Khúi niên bệnh nhập hoàng tuyễn lô.*

*Kim dạ kinh đồi thái nhạc phong.*

Bệnh cũ suối vàng đưa dẩn lôi.

Đêm nay thái nhạc sụp mà kính.

德范堪欽惟冀泰山常蔭嬌

鶴齡方祝孰期冰鑒頓捐塵

*Đức phạm kham khâm duy kỳ Thái sơn thường ám tết.*

*Hạc linh phương chúc thực kỳ băng giám đốn quyên trần.*

Đức vọng tôn sùng, những tưởng Thái sơn là chỗ dựa.

Tuổi hạc cầu chúc, nào hay gương ngọc lánh trần ai.

自入婧鄉蒙厚愛

何堪甥館杳慈雲

*Tự thập đế vương mông hậu ái.*

*Hà kham sanh quán diêu tử vân.*

Làng rẽ ngày thăm đưa đón hậu.

Quê dì nay đã vắng mây từ.

億半子昔日承龍東床有幸

痛岳母今朝駕鶴北堂無依

*Úc bán tử tích nhật thừa long đông sàng hữu hạnh.*

*Thống nhạc mẫu kim triêu giá hạc bắc đường vô y.*

May được giường đồng, ngày trước cưỡi rồng lòng vẫn nhớ.

Dâu còn nhà bắc, nay đưa xe hạc nặng tình thương.

淒涼甥館慈雲黯

縹渺仙鄉夜月寒

*Thê lương sanh quán tử vân ám.*

*Phiếu miểu tiên hương dạ nguyệt hàn.*

Mây từ u ám trùm quê ngoại.

Trăng khuya lạnh lẽo chiếu làng tiên.

蓮蕊生香有子心中無限苦  
萱花遽謝出入意外不勝悲

*Liên nhuy sinh hương hữu tử tâm trung vô hạn khổ.  
Huyền hoa cự tạ xuất nhập ý ngoại bất thăng bi.  
Sen nhuỵ tỏa hương, con thấy trong lòng vô hạn khổ.  
Hoa huyền dài héo, người đi ngoài ý xiết bao buồn.*

全校同教傷益友  
滿庭桃李哭涼師

*Toàn hiệu đồng giao thương ích hữu.  
Mãn đình đào lý khóc lương sư.  
Cùng dạy cả trường thương bạn tốt.  
Đầy sân đào mận khóc thầy hay.*

筑室未能如子貢  
心哀聊以學檀弓

*Trúc thất vị nǎng như Tử Cống.  
Tâm ai liêu dī học Đàn Cung.  
Lêu mộ chưa hay bằng Tử Cống.  
Lòng thương riêng đã học Đàn Cung.*

培養李桃曾盡瘁  
光輝竹帛永流芳

*Bồi dưỡng lý đào tăng tận tuy.  
Quang huy trúc bạch vinh lưu phuong.  
Vun đắp mận đào bao tận tuy.  
Điểm tô trúc bạch mai còn thơm.*

桃李悼良師從今不復聞教誨  
教工傷益友億昔徒嗟失音容

*Đào lý điệu lương sư tòng kim bất phục vẫn giáo hôi.  
Giáo công thương ích hữu ức tích đồ ta thất âm dung.  
Đào mận tiếc thầy hay, nay chẳng được nghe lời dạy bảo.  
Thầy cô thương bạn tốt, nhớ chẳng đường vắng bóng người xưa.*

淑女成佳婦  
奇男已丈夫  
*Thục nữ thành gai phu.*  
*Kỳ nam dĩ trưởng phu.*  
Gái đảm thành vợ hiền.  
Trai tài nên người lớn.

百年琴瑟好  
千載鳳麟祥  
*Bách niên cầm sắt hảo.*  
*Thiên tài phượng lân tường.*  
Trăm năm vui cầm sắt.  
Ngàn thuở đẹp phượng lân.

新粧梅點額  
吉夢燕投懷  
*Tân trang mai điểm ngạch.*  
*Cát mộng yến đầu hoài.*  
Áo mới mai chớm nở.  
Mộng lành yến vào lòng.

吹蕭堪引鳳  
攀桂喜乘龍  
*Suy tiêu kham dán phượng.*  
*Phan quế hý thừa long.*  
Thổi tiêu hay dán phượng.  
Vinh quế mừng cưới rồng.

本爲攀桂客  
暫作探花郎  
*Bản vi phan quế khách.*  
*Tiệm tá: thám hoa lang.*  
Vốn là khách vinh quế.  
Tạm làm chàng thám hoa.

芝蘭千載茂  
琴瑟百年和

*Chi lan thiên tài mậu.  
Cầm sáu bách niên hoà.  
Chi lan ngàn thuở tốt.  
Cầm sáu trăm năm hoà.*

健筆春山試  
雄文繡閣裁

*Kiện bút xuân sơn thi.  
Hùng văn tú các tài.  
Bút cứng vẽ non xuân.  
Văn hùng tả gác đẹp.*

花燭生光彩  
瓊筵燕喜冠

*Hoa chúc sinh quang thái.  
Quỳnh diên yên hỷ quan.  
Đuốc hoa sinh vẻ sáng.  
Tiệc quỳnh uống rượu vui.*

戶映三星繡幙錦屏春色滿  
門迎百輛花堂銀燭夜光浮

*Hộ ánh tam tinh tú mạc cảm bình xuân sắc mǎn.  
Môn nghinh bách lượng hoa đường ngân chúc dạ quang phù.  
Nhà ba sao chiếu, rèm thêu màn gấm đầy xuân sắc.  
Cửa trăm xe đón, nhà hoa đuốc bạc sáng trời đêm.*

南國賦桃夭允矣宜家宜室  
大人占吉夢成哉維態維熙

*Nam quốc phú đào yêu doãn hỷ, nghi gia nghi thất.  
Đại nhân chiêm cát mộng thành tai, duy hùng duy bi.  
Trời nam se duyên đẹp, được đáy, nên nhà nên cửa.  
Kẻ cả đoán mộng lành, thành vậy, kết hùng kết bi.*

男女正婚姻時開五倫之第一  
 陰陽和天地位欲萬物已無窮  
*Nam nữ chính hôn nhân thời, khai ngũ luân chi đệ nhất.  
 Âm dương hòa thiên địa vị, dục vạn vật dĩ vô cùng.*  
 Nam nữ định hôn nhàn, lúc mỗ ngũ luân coi bậc nhất.  
 Âm dương hòa trời đất, sinh nuôi vạn vật đến vô cùng.

金結同心百歲鳳鸞良匹耦  
 彩繩繫足千秋琴瑟永和諧  
*Kim kết đồng tâm bách tuế phượng loan lương sắt ngẫu.  
 Thái thằng hệ túc thiên thu cầm sắt vĩnh hoà hài.  
 Giải vàng đồng tâm, trăm tuổi phượng loan lành đôi lứa.  
 Dây dỗ buộc chân, ngàn năm cầm sắt vẫn giao hoà.*

友以瑟友以琴梅花香度桃花暖  
 麟之趾麟之定仙人信付玉人來  
*Hữu dì sắt hữu dì cầm mai hoa hương độ đào hoa noãn.  
 Lân chi chỉ lân chi định tiên nhân tín phó ngọc nhân lai.  
 Bạn đàn sắt, bạn đàn cầm, hoa mai hương đậm, hoa đào ấm.  
 Lân đê dấu, lân đê ý, người tiên tín gửi, người ngọc về.*

蟠影浮光皓月交明花燭  
 龍纏應律祥雲直逼星橋  
*Thiêm ảnh phù quang hao nguyệt dao minh hoa chúc.  
 Long triền ứng luật tường vân trực bức tinh kiều.  
 Bóng thiêm sáng tỏ, ánh trăng xen lân đuốc sáng.  
 Rồng lên ứng luật, mây lành trùm lấy cầu ngân.*

畫眉終愛蓮花品  
 伴讀重修博議書  
*Hoạ mi chung ái liên hoa phẩm.  
 Bạn đọc trùng tu bác nghị thư.*  
 Vẽ mày thấy chuộng phẩm hoa sen.  
 Bạn đọc hai lần bà sửa sách.

不 惜 驚 謬 千 里 繢  
自 應 凰 偶 百 年 諧  
*Bất tích loan giao thiên lý tục.*  
*Tự ứng phượng ngẫu bách niên hài.*  
Chẳng tiếc keo loan ngàn dặm nỗi.  
Bỗng thành đôi phượng trăm năm duyên.

鳳 凰 千 飛 亦 集 爰 止  
琴 瑟 在 御 其 新 孔 嘉  
*Phượng hoàng vu phi diệc tập viên chi.*  
*Cầm sắt tại ngự kỳ tân khồng da.*  
Phượng hoàng đang bay cũng tìm đến đậu.  
Cầm sắt cùng hoà điệu mới càng vui.

彩 筆 新 添 描 夜 月  
桃 源 舊 路 駕 輕 車  
*Thái bút tân thiêm miêu dạ nguyệt.*  
*Đào nguyên cũn lộ giá khinh xa.*  
Bút hay thêm mới tả trăng sáng.  
Nguồn đào đường cũ, cuối xe êm.

家 鄉 阻 隔 雲 千 李  
玉 女 團 圓 月 一 輪  
*Gia hương trở cách vân thiên lý.*  
*Ngọc nữ xum vầy nguyệt nhất luân.*  
Quê nhà cách trở mấy ngàn dặm.  
Ngọc nữ đoàn viên nguyệt một vành.

千 里 人 緣 絲 繫 足  
百 年 風 月 客 爲 家  
*Thiên lý nhán duyên ty hệ túc.*  
*Bách niên phong nguyệt khách vi gia.*  
Ngàn dặm nhân duyên chân buộc chỉ.  
Trăm năm trăng gió khách là nhà.

湖海襟期眞浩蕩  
鳳凰羽翼相鮮新

*Hồ hải khâm kỳ chán hạo dâng.*  
*Phượng hoàng vũ đực tương tiên tân.*  
*Hồ hải ước mong trời rộng lớn.*  
*Phượng hoàng lông cánh vẻ thêm xinh.*

鵲橋直上龍門客  
鳳閣初騰翰苑人

*Thước kiều trực thượng long môn khách.*  
*Phượng các sơ đăng hàn uyển nhân.*  
*Khách long môn đến thẳng cầu ô.*  
*Người rộng học vừa lên gác phượng.*

關雎賦就回文錦  
麟趾賡成戒旦雞

*Quan thư phú tựu hồi văn cẩm.*  
*Lân chỉ canh thành giới đán kê.*  
*Phú quan thư tựa gấm hồi văn.*  
*Dấu lân bước thành răn gà gáy.*

梅綻粧臺花解語  
文隨繡閣筆生香

*Mai diện trang dài hoa giải ngữ.*  
*Văn tuy tút tú các bút sinh hương.*  
*Mai điểm trang dài, hoa giải ngữ.*  
*Văn theo gác đẹp, bút sinh hương.*

詩禮庭前由舊訓  
瑟琴堂上聽新聲

*Thi lễ đình tiền do cũn huấn.*

*Cầm sét đường thương thính tân thanh.*

*Trước sân thi lễ lời xưa dạy.*

*Trong nhà cầm sét mới thanh âm.*

舍 章 玉 質 吟 嬌 雪  
博 議 風 裁 學 畫 眉

Xá chương ngọc chất ngâm kiều tuyết.

Bác nghị phong tài học họa my.

Ngâm tuyết đẹp nhà phô vẻ ngọc.

Học vẽ mày bàn chuyện phong lưu.

凌 雲 奇 氣 知 才 子  
映 雪 新 紧 識 玉 人

Lăng vân kỳ khí tri tài tử.

Ánh tuyết tân trang thức ngọc nhân.

Vượt mây khí lạ biết tay tài.

Tuyết ánh tân trang hay người ngọc.

漫 將 江 筆 為 張 筆  
好 向 難 鳴 聽 鹿 鳴

Mạn tương giang bút vi trương bút.

Hảo hương kê minh thính lộc minh.

Đùa đẽm giang bút làm trương bút.

Khéo hương gà kêu ghe hươu kêu.

碧 紗 待 月 人 如 玉  
紅 袖 添 香 夜 讀 書

Bích sa đài nguyệt nhân như ngọc.

Hồng tú thiêm hương dạ đọc thư.

Lụa biếc dưới trăng người tựa ngọc.

Vật áo giối hương sách đọc đêm.

藜 火 雞 聲 雨 不 夜  
筆 花 燭 影 共 聯 辉

Lê hoả kê thanh vũ bất dạ.

Bút hoa chúc ảnh cộng liên huy.

Lửa lè gà gáy đêm đâu quản.

Bút hoa ánh đuốc sáng ngồi chung.

筆花暫向燈花燄  
御酒還從瑩酒香  
*Bút hoa tiệm hương đăng hoa xán.*  
*Ngự tửu hoàn tông cẩn túu hương.*  
Hoa bút dàn hương hoa đèn rạng.  
Rượu ngự dành theo rượu cẩn thơm.

跨鳳原爲攀桂客  
探花暫作畫眉人  
*Khoa phượng nguyên vi phan quê khách.*  
*Thám hoa tiệm tác họa my nhân.*  
Cưỡi phượng vốn là khách vin quê.  
Thám hoa tạm làm người vẽ mày.

待畫柳眉描筆意  
須燃花燭映文光  
*Đại hoạ liễu my miêu bút ý.*  
*Tu nhiên hoa chúc ánh văn quang.*  
Đợi tô mày liễu qua ý bút.  
Cân giương hoa đuốc sáng lời văn.

博議新書文吐錦  
畫眉彩筆玉生香  
*Bác nghị tân thư văn thổi cẩm.*  
*Hoạ mi thái bút ngọc sinh hương.*  
Bàn rộng sách hay văn tựa gấm.  
Vẽ mày nét đẹp ngọc sinh hương.

玉人早向書中得  
金榜還從筆下來  
*Ngọc nhán tảo hương thư trung đắc.*  
*Kim bảng hoàn tòng bút hạ lai.*  
Người ngọc tìm trong sách mà được.  
Bảng vàng nhờ có bút nên công.

先向洞房裁博議  
好從清夜問常娥

*Tiên hướng động phòng tài báu nghị.  
Hảo tòng thanh dạ vấn thường nga.  
Trước hướng động phòng khoe biết rộng.  
Khéo lán đêm vắng hỏi Hằng nga.*

彩筆輕描寒夜月  
新粧光照錦紋花

*Thái bút khinh miêu hàn dạ nguyệt.  
Tân trang quang chiếu cẩm văn hoa.  
Bút hay nhàn tả đêm trăng lạnh.  
Tân trang sáng tỏ ánh hoa văn.*

秋水近流琴韻好  
江風遠送筆生香

*Thu thuỷ cận lưu cầm vân hảo.  
Giang phong viễn tống bút sinh hương.  
Giòng thu chảy cạnh tiếng đàn hay.  
Gió cuốn xa đưa hương bút toả.*

既聯詩句傳嬌語  
還向文章德好音

*Ký liên thi cú truyền kiều ngữ.  
Hoàn hương văn chương thính hảo âm.  
Thơ viết liền câu ngón ngữ đẹp.  
Văn chương đều hưởng âm thanh hay.*

已擬鳳池輝翰苑  
先登月窟伴嫦娥

*Dĩ nghĩ phượng trì huy hàn uyển.  
Tiên dǎng nguyệt窟 bạn thường nga.  
Đã bày áo phượng bên vườn lạnh.  
Còn bạn thêm trang với Tố Nga.*

摧粧句配河洲錦

伴讀燈挑博議書

*Thôi trang cú phôi hà chau cẩm.*

*Bạn đọc đèn khiêu bắc nghị thư.*

Vẻ đẹp lời hay vui bấy nay.

*Bạn đọc đèn khêu lầm sách hay.*

粧摧香閣珠璣燦

筆寫香山錦繡新

*Trang thôi hương các châu cơ xán.*

*Bút tả xuân sơn cẩm tú tân.*

Áo thơm hương gác châu ngọc rạng.

*Bút tả non xuân gấm vóc tươi.*

墨酒天橋紅作句

粧摧月殿錦成詩

*Mặc tửu thiên kiều hồng tác cú.*

*Trang thôi nguyệt điện cẩm thành thi.*

Rượu mực cầu ngàn móng viết chữ.

*Áo hồng điện nguyệt gấm thành thơ.*

紅樓蓮步摧雲步

春夜燭花映筆花

*Hồng lâu liên bộ thôi vân bộ.*

*Xuân dạ chúc hoa ánh bút hoa.*

Lầu hồng bước sen giục bước mây.

*Đêm xuân hoa duốc sáng hoa bút.*

得句不勞窗外客

攀花且問月中人

*Đắc cú bất lao song ngoại khách.*

*Phan hoa thả vấn nguyệt trung nhân.*

Câu hay chẳng phiền khách ngoài cửa.

*Vin hoa ướm hỏi người trong trăng.*

雪麗河洲吟雪句  
雲連濟水映雲程  
*Tuyết lệ hà châu ngâm tuyết cú.*  
*Vân liên tế thuỷ ánh vân trình.*  
Tuyết đẹp bắc sông ngầm thơ tuyết.  
Mây liền mặt nước tỏ đường mây.

偕偶百年期桂實  
子歸正月詠桃夭  
*Hai ngẫu bách niên kỳ quế thực.*  
*Vu quy chính nguyệt vịnh đào yêu.*  
Hẹn quế bé trăm năm duyên đẹp.  
Vịnh đào tơ tháng giêng vu quy.

繡幕香濃人似玉  
春宵夢暖筆生花  
*Tú mạc hương nồng nhân tựt ngọc.*  
*Xuân tiêu mộng noãn bút sinh hoa.*  
Rèm thêu hương đậm người như ngọc.  
Đêm xuân mộng ám bút sinh hoa.

雪案夜深聯好友  
梅粧日暖議新書  
*Tuyết án dạ thâm liên hảo hữu.*  
*Mai trang nhật noãn nghị tàn thư.*  
Án tuyết đêm khuya vui bạn tốt.  
Thung mai ngày ám luận sách hay.

唯合西河逢泰運  
梅開南嶺煥新粧  
*Thư hợp tây hà phùng thái vận.*  
*Mai khai nam lĩnh hoán tân trang.*  
Bến tây xum họp gặp thái vận.  
Non nam mai nở rạng tân trang.

擁髻銀燈含宿膩  
窺簾碧月照春容  
*Üng kẽ' ngân dăng hàm tú nhì.*  
*Khuy liém bích nguyệt chiêu xuân dung.*  
Đèn soi tóc búi vẻ tê nhì.  
Trăng chiếu song nhòm rạng vẻ xuân.

時值泰交欣合巹  
人從寅統喜牽絲  
*Thời trị thái giao hàn hợp cẩn.*  
*Nhân tòng dần thống hỷ khiên ty.*  
Giờ lúc giao hoà vui hợp cẩn.  
Người theo truyền thống mừng đất dày.

歲月水和賦宜家室  
乾坤相配夢葉熊羆  
*Tuế nguyệt thuỷ hòa phú nghi gia thất.*  
*Càn khôn tương phối mộng diệp hùng bi.*  
Năm tháng thuận hoà dựng nên gia thất.  
Đất trời phôi hợp mộng thấy hùng bi.

銀燭光浮元夜月  
玉簫吹徹洞房春  
*Ngân chúc quang phù nguyễn dạ nguyệt.*  
*Ngọc tiêu suy triệt động phòng xuân.*  
Đuốc rực sáng, mờ trăng đầu tháng.  
Tiêu ngọc vui, thêm xuân động phòng.

時值泰交祥開瓜瓞  
月逢歲首夢入芝蘭  
*Thời trị thái giao tường khai qua diệt.*  
*Nguyệt phùng tuế thủ mộng nhập chi lan.*  
Đúng lúc giao hoà tỏ tường lòng da.  
Trăng chiếu đầu năm mộng chốn hương hoa.

花朝日暖青鸞舞  
柳絮風和紫燕飛  
*Hoa triều nhật noãn thanh loan vũ.*  
*Liêu nhú phong hòa từt yến phi.*  
Sớm hoa ngày ấm loan xanh múa.  
Liêu bông gió thuận én biếc bay.

度花朝適逢花燭  
憑月老試步月宮  
*Dộ hoa triều thích phùng hoa chúc.*  
*Bằng nguyệt lão thí bộ nguyệt cung.*  
Độ hoa sớm đúng giờ hoa đuốc.  
Nguyệt lão se sánh bước cung trăng.

花月新粧宜學柳  
雲窗好友早裁蘭  
*Hoa nguyệt tân trang nghi học liêu.*  
*Vân song hảo hữu tảo tài lan.*  
Trăng hoa vẻ mới nên tìm liễu.  
Cỏ thơm bạn tốt sớm trồng lan.

蕭吹夜色三更韻  
粧點春容二月花  
*Tiêu suy dạ sắc tam canh vần.*  
*Trang điểm xuân dung nhị nguyệt hoa.*  
Tiếng tiêu thủ thi suối ba canh.  
Vẻ xuân tô điểm hoa hai tháng.

汗濕紅粧花帶露  
雲堆綠鬢柳拖煙  
*Hàn tháp hồng trang hoa đới lồ.*  
*Vân đôi lục mán liêu đà yên.*  
Hoa nặng sương đêm áo dầm nước.  
Liễu tuôn khói sớm tóc vờn mây.

花朝春色光花竹  
柳絮奇姿畫柳眉  
*Hoa triều xuân sắc quang hoa chúc.*  
*Liễu nhút kỳ tư hoa liễu my.*  
Hoa sớm sắc xuân rạng đuốc hoa.  
Liễu trông vẻ lá tô mày liễu.

已見衣將柳汁染  
行看鏡以菱花懸  
*Dĩ kiến y tương liễu tráp nhuộm.*  
*Hành khan kính dī lăng hoa huyễn.*  
Đã thấy áo hoa cùng liễu ướt.  
Còn xem trong kính có lăng treo.

階下花開花映燭  
堂中燕至燕投懷  
*Giai hạ hoa khai hoa ánh chúc.*  
*Đường trung yến chí yến đầu hoài.*  
Dưới thềm hoa nở hoa ngồi đuốc.  
Trong nhà yến đèn yến dang mong.

芙蓉新艷凌花燭  
玉鏡初明照藍田  
*Phù dung tân diêm lăng hoa chúc.*  
*Ngọc kính sơ minh chiêu lam điền.*  
Phù dung mới nở xem thường đuốc.  
Kính ngọc vừa soi tỏ nội lam.

應花朝如新作合  
居繡作好友言歡  
*Üng hoa triều như tân tác hợp.*  
*Cư tú các hảo hữu ngôn hoan.*  
Với hoa sớm như vừa tác hợp.  
Ô gác đẹp bạn bè đều vui.

月應花朝燭花獻彩  
時逢燕至玉燕終祥

*Nguyệt ứng hoa triều chúc hoa hiến thái.  
Thời phùng yến chí ngọc yến chung thường.  
Trăng soi hoa sớm, rực rỡ đưức hoa.  
Gặp lúc yến về, điểm lành yến ngọc.*

陽春瑞蔼飛鸚鵡  
太呂律和引鳳凰

*Dương xuân thuy ái phi anh vũ.  
Thái lǜ luật hoà dán phượng hoàng.  
Mây trùm dương xuân anh vũ bay.  
Luật theo thái lǜ phượng hoàng lại.*

綠柳移陰春帳暖  
夭桃吐艷登杯紅  
*Lục liễu di âm xuân triton noǎn.  
Yêu đào thố diẽn cǎn bôi hồng.  
Liễu xanh rợp bóng trường xuân ám.  
Đào tơ tươi đẹp rượu cǎn hồng.*

鳳曲迎風吟柳綠  
桃花趁雨醉春紅  
*Phượng khúc nghinh phong ngâm liễu lục.  
Đào hoa sán vũ tuý xuân hồng.  
Ngâm liễu biếc khúc phượng đón gió.  
Say xuân hồng hoa đào gặp mưa.*

百世緣和諧鳳侶  
三春日永賦雞明  
*Bách thế duyên hòa hài phượng lữ.  
Tam xuân nhật vĩnh phú kê minh.  
Trăm năm duyên hài hòa phượng hót.  
Ba xuân ngày vẫn phú gà kêu.*

柳色映眉粧鏡曉  
桃花照面洞房春  
*Liễu sắc ánh mi trang kính hiếu.*  
*Đào hoa chiếu diện động phòng xuân.*  
Sắc liễu tươi mày soi kính đẹp.  
Đào hoa rạng mặt động phòng xuân.

紅雨花村鶯並倚  
翠煙柳驛鳳和鳴  
*Hồng vū hoa thôn uyên tĩnh ỷ.*  
*Thuý yên liễu dịch phượng hòa minh.*  
Mưa nhạt xóm hoa uyên phái ẩn.  
Khói xanh trang biếc phượng đều kêu.

日暖鶯鶯依錦水  
風和海燕繞珠簾  
*Nhật noãn uyên ương y cảm thuỷ.*  
*Phong hoà hải yến nhiễu châu liêm.*  
Ngày ấm uyên ương xuôi nước biếc.  
Gió hoà hải yến lượn rèm châu.

樂奏黃鍾諧鳳侶  
詩題紅葉詠桃花  
*Nhạc tấu hoàng chung hài phượng lữ.*  
*Thi đề hồng diệp vịnh đào hoa.*  
Nhạc tấu hoàng chung vui phượng bạn.  
Thơ đề lá đỏ vịnh đào hoa.

鶯語和偕春風帳暖  
桃花絢爛盞酒杯浮  
*Oanh ngữ hoà giao xuân phong trướng noãn.*  
*Đào hoa huyễn lạn cản tửu bối phù.*  
Trường ấm gió xuân tiếng oanh thỏ thẻ.  
Rượu cản đầy chén hoa đào xinh tươi.

碧沼芰荷開並帝  
繡幃鸞鳳結同心  
*Bích chiểu kỳ hà khai tịnh đế.*  
*Tú vi loan phượng kết đồng tâm.*  
Ao biếc súng sen chung rề nở.  
Màn thêu loan phượng kết đồng tâm.

蓮花影入水晶鏡  
竹葉香浮鸚鵡杯  
*Liên hoa ảnh nhập thuỷ tinh kính.*  
*Trúc diệp hương phù anh vũ bối.*  
Gương thuỷ tinh thấy ảnh hoa sen.  
Chén anh vũ toả hương lá trúc.

池上綠荷揮彩筆  
天邊朗月偃新眉  
*Trì thương lục hà huy thái bút.*  
*Thiên biên lăng nguyệt yển tân my.*  
Sen biếc trên cao thêm hứng bút.  
Bên trời trăng sáng đọng hàng mi.

琴瑟嘯和剛四月  
熊羆入夢喜三更  
*Cầm sátt bồ hòa cương tứ nguyệt.*  
*Hùng bi nhập mộng hỷ tam canh.*  
Mới tháng tư cầm sátt hài hòa.  
Mừng ba canh hùng bi vào mộng.

探花幸際時初夏  
夢燕欣逢麥至秋  
*Thám hoa hạnh tế thời sơ hạ.*  
*Mộng yến hân phùng mạch chí thu.*  
Thám hoa may gặp thời sơ hạ.  
Mộng yến vừa hay mạch đến thu.

筆挾薰風眉彩畫  
蘭培錦砌夢投香  
*Bút hiệp huân phong my thái hoa.*  
*Lan bồi cẩm thế mộng dầu hương.*  
Bút nhè gió ấm tô mày đẹp.  
Lan tốt bên thềm mộng toả hương.

梅雨雲過聯好友  
榴花伊始映新粧  
*Mai vū vân chu liên hảo hữu.*  
*Lưu hoa y thuỷ ánh tân trang.*  
Bên bạn tốt mưa mai mây cuốn.  
Đẹp tân trang hoa lưu giống xưa.

書葉草從窗外綠  
芙蓉花向座中紅  
*Thư đời thảo tòng song ngoại lục.*  
*Phù dung hoa hướng toạ trung hồng.*  
Sách mang cỏ đến ngoài song biếc.  
Phù dung hoa hướng khách khoe hồng.

春色映搖臺一曲紫蕭飛彩鳳  
惠風清寶瑟數行錦字篆青蚪  
*Xuân ánh dao dài nhất khúc tử tiêu phi thái phượng.*  
*Huệ phong thanh bảo sét số hàng cầm tự triện thanh cù.*  
Xuân sắc chiếu dao dài, một khúc tiêu hay vời phượng đẹp.  
Gió thơm trong tiếng sắt, vài hàng chữ gấm gửi rồng xanh.

燭花喜並榴花艷  
蒲酒欣蓮鬯酒斟  
*Chúc hoa hỷ tịnh lưu hoa diệm.*  
*Bồ tửu hân liên cẩn tửu châm.*  
Hoa đuốc kề bên hoa lưu đẹp.  
Rượu nho cùng với rượu cẩn mời.

蒲酒流馨連登酒  
燭花絢彩映榴花  
*Bồ tửu lưu hinh liên cản tửu.*  
*Chúc hoa huyền thái ánh lựu hoa.*  
Rượu nho cùng rượu cẩn thơm ngát.  
Hoa duốc bên hoa lựu rực màu.

菡萏枝連諧繡幙  
鴛鴦翼比媚將臺  
*Hàn đan chi liên hài tú mạc.*  
*Uyên ương dực ty my tương dài.*  
Hoa sen chung rẽ hợp rèm thêu.  
Uyên ương chấp cánh nổi dài đẹp.

鬯酒香浮蒲酒緣  
榴花艷映燭花紅  
*Cần tửu hương phù bồ tửu lục.*  
*Lựu hoa diễm ánh chúc hoa hồng.*  
Rượu nho thơm giúp hương rượu cẩn.  
Hoa lựu đẹp nhờ đuốc hoa hồng.

杯斟暑日飛鸚鵡  
曲奏薰風引鳳凰  
*Bôi châm thử nhật phi anh vũ.*  
*Khúc tấu huân phong dẫn phượng hoàng.*  
Rượu mùi ngày nóng anh vũ bay.  
Khúc tấu nồng nam phượng hoàng lai.

樂奏函鍾諧鳳侶  
詩歌南國葉螽斯  
*Nhạc tấu hàm chung hài phượng lữ.*  
*Thi ca nam quốc diệp chung tư.*  
Nhạc tấu hàm chung vui bầy phượng.  
Thơ ca nam quốc lá chung tư.

酷暑銷金金屋見  
荷花吐玉玉人來  
*Khốc thử tiêu kim kim óc kién.*  
*Hà hoa thổi ngọc ngọc nhân lai.*  
Nắng gắt tiêu vàng, nhà vàng hiện.  
Hoa sen nhả ngọc, người ngọc về.

燭映繡幃揮彩筆  
杯交暑日畫新眉  
*Chúc ánh tú vi huy thái bút.*  
*Bôi giao thử nhật họa tân my.*  
Ánh đuốc rèm thêu rạng vẽ bút.  
Chén trao ngày nóng vẽ tươi mày.

燭映繡幃金鳳麗  
杯交暑日玉蘭新  
*Chúc ánh tú vi kim phượng lệ.*  
*Bôi giao thử nhật ngọc lan tân.*  
Ánh đuốc rèm thêu, kim phượng đẹp.  
Chén trao ngày nóng, ngọc lan tươi.

鵲橋初駕雙星渡  
熊夢新徵百子祥  
*Thước kiều sơ giá song tinh độ.*  
*Hùng mộng tàn trung bách tử tường.*  
Cầu ô vừa bắc, hai sao vượt.  
Mộng hùng mới hiện, lăm con hay.

鵲橋月皎人如玉  
牛渚星輝酒似蘭  
*Thước kiều nguyệt giảo nhân như ngọc.*  
*Ngưu chử tinh huy túu tự lan.*  
Cầu thướt ngời trắng người tựa ngọc.  
Bến trâu sao sáng rượu như lan.

紅葉新生春帳暖  
銀河初渡夜香深  
*Hồng diệp tân sinh xuân trướng noãn.*  
*Ngân hà sơ độ dạ hương thẳm.*  
Lá thắm mới sinh, trường xuân ấm.  
Ngân hà vừa vượt, hương đêm nồng.

鵲橋巧渡雙星會  
鳳卜和諧百世昌  
*Thước kiều xảo độ song tinh hội.*  
*Phượng bốc hòa hài bách thế xương.*  
Cầu ô khéo vượt hai sao hội.  
Bói phượng hài hòa trăm thuở yên.

前夕鵲橋占好兆  
今霄月殿會仙娥  
*Tiên tịch thước kiều chiêm hảo triêu.*  
*Kim tiêu nguyệt điện hội tiên nga.*  
Đêm trước cầu ô đoán điềm tốt.  
Tối nay điện nguyệt hội tiên nga.

玉宇澄清輝玉鏡  
金風澹蕩拂金粧  
*Ngọc vū tructng thanh huy ngoc kính.*  
*Kim phong chiêm dăng phất kim trang.*  
Hiên ngọc lảng trong người kính ngọc.  
Gió vàng thấp thoáng bóng xiêm vàng.

金屋人間詩聯二美  
銀河天上夜渡雙星  
*Kim óc nhân gian thi liên nhị mỹ.*  
*Ngân hà thiên thượng dạ độ song tinh.*  
Nhà vàng nhân gian thơ hay đôi đẹp.  
Ngân hà thượng giới đêm vượt hai sao.

緣符月老當瓜月

喜對花容映繡花

*Duyên phù nguyệt lão đương qua nguyệt.*

*Hỷ đối hoa dung ánh tú hoa.*

Duyên nhở nguyệt lão, đưa dang vũ.

Mừng thây dung nhan, ánh sắc hoa.

天錫佳期玉宇喜看金雀舞

人諧盛事畫堂欣聽彩鶯鳴

*Thiên tích giai kỳ ngọc vũ hỷ khan kim túc vũ.*

*Nhân hài thịnh sự họa đường hàn thính thái loan minh.*

Trời định giai kỳ, hiên ngọc mừng xem sê vàng múa.

Người vui việc tốt, nhà hoa vui nghe loan hót hay.

秋深喜爲攀桂客

夜靜新作畫眉人

*Thu thảm hỷ vi phan quế khách.*

*Đêm tĩnh hàn tác họa my nhân.*

Thu muộn mừng làm khách vin quế.

Đêm vắng vui là kè vē mày.

丹桂香飄金屋瑞

紅粧彩映玉堂鮮

*Đan quế hương phiêu kim ốc thụy.*

*Hồng trang thái ánh ngọc đường tiên.*

Đan quế hương bay kim ốc đẹp.

Hồng trang óng ánh, ngọc đường tươi.

盛世長青樹

百年不老松

*Thịnh thế trường thanh thụ.*

*Bách niên bất lão tùng.*

Đời thịnh cây xanh mãi.

Trăm năm tùng chẳng già.

壽 同 山 巍 老

福 共 海 天 長

*Thọ đồng sơn loan lão.*

*Phúc công hải thiên trường.*

Thọ lâu cùng núi bắc.

Phúc dài với biển trời.

如 梅 花 挺 秀

似 松 樹 長 青

*Như mai hoa đĩnh tú.*

*Tự tùng thụ trường thanh.*

Như hoa mai đẹp trội.

Giống cây tùng xanh lâu.

八旬 酬 盛 世

一 世 煥 清 辉

*Bát tuần thù thịnh thế.*

*Nhất thế hoán thanh huy.*

Tám chục vui đời thịnh.

Một đời rực sáng trong.

乃 武 乃 文 乃 壽

如 梅 如 竹 如 松

*Nǎi vū nǎi văn nǎi thọ.*

*Như mai như trúc như tùng.*

Là vũ, là văn, là thọ.

Như mai, như trúc, như tùng.

福 如 東 海 長 流 水

壽 比 南 山 不 老 松

*Phúc như đông hải trường lưu thuỷ.*

*Thọ tỷ nam sơn bất lão tùng.*

Phúc tựa biển đông, đông chảy mãi.

Thọ ví non nam, tùng không già.

周天行健人常健  
秋日燈高壽更高  
*Chu thiên hành kiệt nhân thường kiệt.*  
*Thu nhật đèng cao thọ cánh cao.*  
Vòng trời di khoẻ, người thường khoẻ.  
Ngày thu lên cao, thọ càng cao.

足食丰衣晚景好  
勤耕苦讀老來紅  
*Túc thực phong y vân cảnh hảo.*  
*Cần canh khổ độc lão lai hồng.*  
Đủ ăn, đủ mặc già xuân chán.  
Chăm cày, chăm đọc lão còn tươi.

年高喜看花千樹  
人壽笑斟酒一杯  
*Niên cao hỷ khán hoa thiên thụ.*  
*Nhân thọ tiếu châm tửu nhất bôi.*  
Tuổi cao mừng ngắm hoa ngàn khóm.  
Người thọ cười vui rượu một chung.

光明心地恒增壽  
爽朗精神自健康  
*Quang minh tâm địa hằng tăng thọ.*  
*Sảng lăng tinh thần tự kiện khang.*  
Tâm địa quang minh tăng tuổi thọ.  
Tinh thần sáng láng thấy an khang.

老當益壯雄心未已  
晚節堅貞斗志彌堅  
*Lão đương ích tráng hùng tâm vĩ dĩ.*  
*Vân tiết kiết trinh đấu chí dì kiết.*  
Già còn mạnh sức, hùng tâm chưa hết.  
Tiết mạnh kiên trinh, chí mạnh càng bền.

柏翠松蒼含歌五福  
椿榮萱茂同祝百齡  
*Bách thuý tùng thương hàm ca ngũ phúc.*  
*Xuân vinh huyên mâu đồng chúc bách linh.*  
Bách biếc, tùng xanh ngợi ca năm phúc.  
Xuân tươi, huyên rộm, cùng chúc trăm tròn.

青松增壽年年壽  
丹桂飄香戶戶香  
*Thanh tùng tăng thọ niên niên thọ.*  
*Đan quế phiên hương hộ hộ hương.*  
Tùng xanh tăng thọ, năm thêm thọ.  
Qué đỏ hương bay, khắp chốn hương.

歲序更新添壽考  
江山竟秀顯英才  
*Tuế tựi canh tân thiên thọ khảo.*  
*Giang sơn cạnh tú hiền anh tài.*  
Năm dần đổi mới, tăng tuổi thọ.  
Núi sông đua đẹp, rõ anh tài.

報國不愁生白髮  
讀書哪肯負蒼生  
*Báo quốc bất sầu sinh bạch phát.*  
*Độc thư na khảng phụ thương sinh.*  
Báo nước chẳng buồn khi tóc bạc.  
Học chăm đừng phụ lúc đầu xanh.

白髮朱顏宜登上壽  
丰衣足食樂享高齡  
*Bạch phát chu nhán nghi đăng thương thọ.*  
*Phong y túc thực lạc hưởng cao linh.*  
Tóc bạc da mõi, cần lên thượng thọ.  
Đủ ăn đủ mặc, vui hưởng tuổi cao.

棠棣齊開千載好  
椿萱并茂萬年長  
*Đường lệ tề khai thiên tài hảo.*  
*Xuân huyên Tinh mậu vạn niên trường.*  
Đường, lệ nở hoa ngàn thuở đẹp.  
Xuân, huyên tươi tốt, vạn năm dài.

勤儉起家由內助  
康強到老有余閑  
*Cần kiệm khởi gia do nội trợ.*  
*Khang cường đáo lão hữu dư nhàn.*  
Cần kiệm dựng nhà nhờ nội trợ.  
Khang cường vào lão được an nhàn.

鳳凰枝上花如錦  
松菊堂中人并年  
*Phượng hoàng chi thượng hoa như cẩm.*  
*Tùng cúc đường trung nhân tịnh niên.*  
Trên cành hoa gấm Phượng Hoàng đậu.  
Trong nhà người thọ cúc tùng xanh.

年享高齡椿萱并茂  
時逢盛世蘭桂齊芳  
*Niên hưởng cao linh xuân huyên tịnh mậu.*  
*Thời phùng thịnh thế lan quế tế phương.*  
Trời cho tuổi thọ, xuân huyên đều tốt.  
Gặp thời thịnh trị, lan quế cùng thơm.

蟠桃捧日三千歲  
古柏參天四十圍  
*Bàn đào bồng nhật tam thiên tuế.*  
*Cổ bách tham thiên tử thập vi.*  
Bàn đào ngày hội, ba ngàn năm.  
Bách cổ ngất trời, bốn chục tuổi.

寶婺星輝歌四秩  
蟠桃獻瑞祝千秋  
*Bảo vự tinh huy ca tứ trật.*  
*Bàn dào hiến thuy chúc thiên thu.*  
Chòm bão vu hát mừng bốn chục.  
Hội bàn dào kiến quả ngàn năm.

五十花筵開北海  
三千朱履慶南山  
*Ngũ thập hoa diên khai Bắc hải.*  
*Tam thiên chư lý khánh Nam Sơn.*  
Năm chục tuổi tiệc mừng thông Bắc hải.  
Ba ngàn năm giày đỏ chúc Nam Sơn.

海屋籌添春半百  
瓊池桃熟歲三千  
*Hải ốc trùi thiêm xuân bán bách.*  
*Quỳnh trì đào thực tuế tam thiên.*  
Nửa thế kỷ xuân thêm nhà biển.  
Ba ngàn năm đào chín ao Quỳnh.

尺宿騰輝百齡半度  
天星煥彩五福骈臻  
*Vụ tú đăng huy bách linh bán độ.*  
*Thiên tinh hoán thái ngũ phúc biến trấn.*  
Chòm Vụ sáng rực, tròn tròn có nửa.  
Trời sao rạng vẻ, năm phúc bày hàng.

甲子重新新甲子  
春秋几度度春秋  
*Giáp tý trùng tân Tân giáp tý.*  
*Xuân thu kỷ độ độ xuân thu.*  
Giáp tý vừa qua, qua giáp tý.  
Xuân thu mấy độ, độ xuân thu.

一家歡樂慶長壽  
六秩安康醉太平

*Nhất gia hoan lạc khánh trường thọ.*  
*Lục trật an khang tuy thái bình.*  
Một nhà vui vẻ chúc trường thọ.  
Sáu chục an khang say thái bình.

群鳥長歌歌耳順  
眾芳同喜喜壽增

*Quần diều trường ca, ca nhĩ thuận.*  
*Chúng phượng đồng hi, hi thọ tăng.*  
Chim báy đồng ca, ca tai thuận.  
Mọi hoa đều chúc, chúc thọ tăng.

花甲初周茂如松柏  
長庚朗曜慶溢桂蘭  
Hoa giáp sơ chu mâu như tùng bách.  
Trường canh lăng diệu khánh dát quế lan.  
Hoa giáp vòng đầu, tốt như tùng bách.  
Lâu dài rực rỡ, tươi đẹp quế lan.

前壽五旬又迎花甲  
待延十歲再祝古稀  
Tiền thọ ngũ tuần hưu nghinh hoa giáp.  
Đãi diên thập tuế tái chúc cổ hi.  
Đã thọ năm tuần lại thêm hoa giáp.  
Đợi tròn chục nữa, sẽ chúc cổ hi.

三千歲月春常在  
七十丰神古所稀  
Tam thiên tuế nghiệp xuân trường tại.  
Thất thập phong thần cổ sơ hi.  
Ba ngàn năm tháng xuân thường trú.  
Bảy chục còn tươi cổ vốn hi.

休辭客路三千遠  
須念人生七十稀  
*Hưu từ khách lộ tam thiên viễn.*  
*Tu niệm nhán sinh thất thập hi.*  
Đừng ngại đường khách ba ngàn xa.  
Nên biết trên đời bảy chục hiêm.

此日萱庭登七秩  
他年闌苑祝期頤  
*Thứ nhật huyên đình dâng thất trật.*  
*Tha niên lăng uyển chúc kỳ di.*  
Ngày ấy nhà huyên nên bảy chục.  
Năm khác vườn tiên đợi chúc thăm.

月滿桂花延七里  
庭留萱草茂千秋  
*Nguyệt mân quế hoa diên thất lý.*  
*Đình lưu huyên thảo mậu thiên thu.*  
Hoa quế tràng rầm hương bảy dặm.  
Cỏ huyên sành trước tốt ngàn năm.

金桂生輝老益健  
萱堂長壽慶稀年  
*Kim quế sinh huy lão ích kiện.*  
*Huyên đường trường thọ khánh hy niên.*  
Quê vàng rực rõ già thêm mạnh.  
Nhà huyên trường thọ, chúc hiêm người.

年過七旬稱健婦  
籌添三十享期頤  
*Niên quá thất tuần xưng kiện phu.*  
*Trù thiêm tam thập hưởng kỳ di.*  
Tuổi ngoại bảy tuần khen cụ khỏe.  
Còn thêm ba chục lộc trời cho.

渭水一竿閑試釣  
武凌千樹笑行舟  
*Vị thuỷ nhất can nhàn thí điếu.*  
*Vũ lăng thiên thụ tiểu hành chu.*  
Bên giòng sông vị thả câu chơi.  
Rừng rậm vũ lăng cười thuyền dạo.

八旬且獻搖池瑞  
几代同瞻寶婺輝  
*Bát tuần thả hiến dao trì thuy.*  
*Kỷ đại đồng chiêm Bảo vự huy.*  
Chốn Dao trì tám mươi hiến thuy.  
Chòm Bảo vự mấy thuở cùng xem.

八秩康強春不老  
四時健旺福無窮  
*Bát trật khang cường xuân bất lão.*  
*Tứ thời kiện vượng phúc vô cùng.*  
Tám chục chưa già xuân vẫn mạnh.  
Bốn mùa khỏe sức phúc vô cùng.

九秩曾留千載壽  
十年再進百齡觴  
*Cửu trật tăng lưu thiên tài thọ.*  
*Thập niên tái tiến bách linh thương.*  
Chín chục hấy còn ngàn tuổi thọ.  
Mười năm lại chúc chén trăm năm.

九十春光堂前活佛  
三千甲子山上靈春  
*Cửu thập xuân quang đường tiên hoạt Phật.*  
*Tam thiên giáp tý sơn thiêng linh xuân.*  
Chín chục mùa xuân, trong nhà Phật sống.  
Ba ngàn giáp tý, trên núi xuân thiêng.

天邊將滿一輪月  
世上還鍾百歲人

*Thiên biên tương mản nhất luân nguyệt.  
Thế thượng hoàn chung bách tuế nhán.  
Chân trời rực rõ một vành nguyệt.  
Dưới đất chuồng mừng người chẵn trăm.*

古稀已是尋常事  
上壽尤多百歲人

*Cố hy dĩ thi tầm thường sự.  
Thượng thọ ưu đa Bách tuế nhán.  
Đã nhảm câu nói: xưa nay hiếm.  
Trăm tuổi ngày nay đã lắm người.*

家中早釀千年酒  
盛世長歌百歲人

*Gia trung tảo nhưỡng thiên niên tửu.  
Thịnh thế trường ca bách tuế nhán.  
Trong nhà sớm ủ rượu ngàn năm.  
Đời thịnh luôn khen người trăm tuổi.*

月藹桂花延七袞  
庭留萱草茂千秋

*Nguyệt ế quế hoa diên thát trật.  
Đinh lưu huyên thảo mậu thiên thu.  
Hoa quế trăng soi mừng bày chục.  
Cỏ huyên sân mọc rậm ngàn thu.*

萱榮北地年稀少  
婺煥南千日正長  
Huyên vinh bắc địa niên hy thiếu.  
Vụ hoán nam thiên nhật chính trường.  
Cỏ huyên đất bắc năm chứng ngắn.  
Sao vụ trời nam ngày vẫn dài:

碧漢婺星輝七袞  
青陽萱草茂千秋

*Bích hán vự tinh huy thất trật.  
Thanh dương huyền thảo mậu thiên thu.  
Sao vụ sòng ngân sáng bảy chục.  
Cỏ huyền trời rạng rực ngàn thu.*

酒釀屠蘇觴七袞  
桃開度朔祝三千

*Tiều nhu tống đồ tó thương thất trật.  
Đào khai đô sóc chúc tam thiên.  
Rượu ngọt bày ra mừng bảy chục.  
Hoa đào chớm nở chúc ba ngàn.*

詰貴五花堂聯四代  
觴稱九月福衍三多

*Cáo bí ngũ hoa đường liên tứ đại.  
Thương xưng cửu nguyệt phúc diên tam đa.  
Rực rõ năm màu nhà liền tứ đại.  
Rượu mừng tháng chín phúc đù tam đa.*

菊酒慶稀齡三子喜慶三祝  
萱花施錦悅九秋頻誦九如

*Cúc tửu khánh linh tam tử hỷ canh tam chúc.  
Huyền hoa thi cẩm thuế cửu thu tân tụng cửu như.  
Tuổi hiếm xưa nay rượu cúc ba con mừng ba chén.  
Khăn thêu rực rõ hoa huyền chín tháng chúc chín như.  
Tháng chín thọ, sinh ba con.*

壽慶八旬光錦悅  
時逢五月醉蟠桃

*Thọ khánh bát tuần quang cẩm thuế.  
Thời phùng ngũ nguyệt tuy bàn đào.  
Thọ chúc tám tuần khăn rực rõ.*

Năm qua năm tháng rượu bàn đào.

四代班衣榮耋壽  
八旬寶婺慶遐齡

*Tứ đại ban y vinh diệt thọ.  
Bát tuần bão vu khánh hà linh.  
Bốn đời áo đỏ mừng thêm thọ.  
Tám chục vụ tinh chúc tuổi cao.*

婺星獻輝增秋色  
萱草敷榮慶耋年

*Vũ tinh hiến huy tăng thu sắc.  
Huyền thảo phu vinh khánh diệt niên.  
Sao vu sáng ngời đẹp về thu.  
Cỏ huyền thắm sắc mừng cao tuổi.*

萱草耋齡添秀色  
梨園慶壽播輝音

*Huyền thảo diệt linh thiêm tú sắc.  
Lê viên khách thọ bá huy âm.  
Cỏ huyền năm tháng thêm tươi đẹp.  
Vườn lê chúc thọ rộn âm thanh.*

秋夜婺星輝曲征  
耋年萱草慶遐齡  
*Thu dạ vụ tinh huy khúc chính.  
Điệt niên huyền thảo khánh hà linh.  
Sao vu đêm thu ngời về sáng.  
Cỏ huyền năm tháng chúc lâu dài.*

八旬且獻搖池瑞  
四代同瞻寶婺輝  
*Bát tuần thả hiến dao trì thuy.  
Tứ đại đồng chiêm Bảo vu huy.*

Dao trì hiến diềm lành tám chục.  
 Bảo vụ cùng soi tỏ bốn đời.

萱草敷榮壽延八秩  
婺星煥彩慶衍千秋  
*Huyền thảo phu vinh thọ diên bát trật.*  
*Vụ tinh hoán thái khánh diên thiên thu.*  
Cỏ huyền tươi tốt, tiệc thọ tám mươi.  
Sao vụ sáng ngời chúc mừng ngàn tuổi.

八秩華筵欣舞綠  
千年寶婺喜生輝  
*Bát trật hoa diên hàn vũ thái.*  
*Thiên niên Bảo vụ hỷ sinh huy.*  
Tám chục tiệc hoa mừng múa đẹp.  
Ngàn năm Bảo vụ rạng niềm vui.

紫鸞對舞菱花鏡  
海燕雙飛玳瑁樑  
*Tử loan đối vũ lăng hoa kính*  
*Hải yến song phi đại mội lương.*  
Kính lăng hoa tử loan múa cặp  
Xà đài mồi hải yến đậu đôi.

洞房鏡裡誇雙美  
孔雀屏中詠二南  
*Động phòng kính lý khoa song mỹ*  
*Khổng tước bình trung vịnh nhị nam.*  
Động phòng gương sáng khoe song mỹ  
Khổng tước trong rèm vịnh nhị nam.

仙容藍田欣種玉  
月娥金屋警鳴雞  
*Tiên dung lam đền hân chủng ngọc*

*Nguyệt nga kim ốc cảnh minh kê.*  
Chốn lâm diễn tiên dung gieo ngọc  
Nơi nhà vàng nguyệt nga nhắc gà.

繡閣鴛鴦山海固  
洞房琴瑟地天長  
*Tú các uyên ương sơn hải cố*  
*Động phòng cầm sắt địa thiên trường.*  
Bến non biển uyên ương gác đẹp  
Vững đắt trời cầm sắt động phòng.

周召國風曾訓子  
謝王佳偶自宜家  
*Chu Triệu quốc phong tăng huán tử*  
*Tạ Vương giai ngẫu tự nghi gia.*  
Chu, Triệu từng dạy con quốc phong  
Vương, Tạ chuyên nghi gia giai ngẫu.

曲禮三千隆莫鴈  
國風十五首關雎  
*Khúc lê tam thiên long mạc nhạn*  
*Quốc phong thập ngũ thủ quan thư.*  
Ba ngàn khúc lê hơn mạc nhạn  
Mười lăm quốc phong đầu quan thư.

雪映收臺蘭葉夢  
梅輝繡閣帽簪花  
*Tuyết ánh thu dài lan diệp mộng*  
*Mai huy tú các mạo trâm hoa.*  
Mây rực dài cao mộng lan diệp  
Mai bừng gác đẹp vè trâm hoa.

人間錦繡繞金屋  
天上笙歌送玉麟

*Nhân gian cảm tú nhiều kim ốc  
Thiên thượng sinh ca tông ngọc lân.  
Gấm vóc nhân gian quây nhà vàng  
Sinh ca thượng giới tiên lân ngọc.*

韻流湘永三千峽  
夢繞巫山十二峰

*Vận lưu tương vĩnh tam thiên hiệp  
Mộng nhiều vu sơn thập nhị phong.  
Ba ngàn khe dòng Tương luôn chảy  
Mười hai ngọn vu sơn mộng quanh.*

青燈夜雨滋文藻  
藍田春色上羅衣  
*Thanh đèn dạ vũ tư văn tảo  
Lam diên xuân sắc thượng la y.  
Mưa tối đèn xanh tươi cảnh vật  
Xuân sắc lam diên đẹp áo hoa.*

一曲陽春歌繡閣  
滿簾明月照紅粧  
*Nhát khúc dương xuân ca tú các  
M่าน liêm minh nguyệt chiếu hồng trang.  
Một khúc dương xuân ca gác đẹp  
Đầy rèm trắng sáng chiếu hồng trang.*

彩筆喜題紅葉句  
華堂欣詮采蘋詩  
*Thái bút hì đề hồng diệp cú  
Hoa đường hàn tung thái tần thi.  
Bút giỏi đề thơ trên lá thǎm  
Nhà hoa ngâm vịnh khúc rau tần.*

春山淡試凌雲筆

紅袖新翻博議書

*Xuân sơn đạm thí lăng vân bút*

*Hồng tú tân phiên bút tài cao*

Non xuân tạm trổ bút tài cao

Vật đó phết phơ lời tán rỗng.

繡閣雲凝金鳳舞

錦池春暖玉龍飛

*Tú các vân ngưng kim phượng vũ*

*Cẩm trì xuân noãn ngọc long phi.*

Mây ngưng gác đẹp phượng vàng múa

Xuán ấm hồ xinh rồng ngọc bay.

百尺絲羅欣有托

千年琴瑟永和鳴

*Bách xích ty la hàn hữu thác*

*Thiên niên cầm sắt vĩnh hòa minh.*

Trăm thước lụa tờ vui uỷ thác

Ngàn năm cầm sắt vẫn giao hòa.

鸞鳳和鳴昌百世

麒麟瑞葉慶千齡

*Loan phượng hòa minh xương bách thế*

*Kỳ lân thuy diệp khánh thiên linh.*

Loan phượng hót chung mừng trăm thuở

Kỳ lân diễm tốt chúc ngàn năm.

詩禮庭前歌窈窕

鴛鴦筆下展經綸

*Thi lễ đình tiền ca yếu diệu*

*Uyên ương bút hạ triển kinh luân.*

Sân thi lễ lời ca yếu diệu

Bút uyên ương gọi mở kinh luân.

華堂翠幙春風至

繡閣金屏曙色開

*Hoa đường thủy mạc xuân phong chí*

*Tú các kim bình thư sắc khai.*

Gió xuân đến nhà vàng rèm biếc

Rạng sáng soi gác tía màu vàng.

錦堂喜見雙星聚

繡閣欣覲百子圖

*Cẩm đường hỉ kiến song tình tu*

*Tú các hàn siêm bách tử đồ.*

Nhà đẹp mừng hai sao tụ hội

Gác hoa vui trām trẻ tranh treo.

一色杏花春十里

兩行燭影耀三更

*Nhát sắc hạnh hoa hương thập lý*

*Lưỡng hàng chúc ánh diệu tam canh.*

Một sắc hoa mờ hương chục dặm

Hai hàng đuốc thấp sáng ba canh.

燭花彩映芙蓉閣

香浮琥珀杯

*Chúc hoa thái ánh phù dung các*

*Cản tiếu hương phù hồ phách bôi.*

Duốc hoa rực rõ gác phù dung

Rượu cản nỗi hương ly hồ phách.

月下彩娥來跨鳳

雲間仙客近乘龍

*Nguyệt hạ thái nga lai khóa phượng*

*Vân gian tiên khách cận thừa long.*

Người đẹp dưới trăng vui với phượng

Tiên khách đường mây thoả cười rồng.

彩燭雙輝歡合登

清歌一曲詠宜家

*Thái chúc song huy hoan hợp cản  
Thanh ca nhất khúc vịnh nghỉ gia.  
Vui hợp cản hai lần duốc sáng  
Vịnh nghỉ gia một khúc ca thanh.*

縷結同心山海固

*Lũ kết đồng tâm sơn hải cố  
Thu thành liên lý địa thiên trường.  
Kết môi đồng tâm non biển chặt  
Cây thành liền rễ đất trời lầu.*

瓊樓月皎人如玉

*Quỳnh lâu nguyệt皎 nhân như ngọc  
Tú các hoa hương túu tự lan.  
Lầu quỳnh trăng sáng người như ngọc  
Gác đẹp hương hoa rượu ngát hương.*

庭鵲聲中呈白璧

*Đinh thước thanh trung trình bạch bích  
Hồng vân thâm xù ngộ lam kiều.  
Tiếng thước trong sân trình ngọc trăng  
Mây hồng xù vắng gấp cầu lam.*

月映珠簾欣卷合

*Nguyệt ánh châu liêm hân cản hợp  
Mộng thành tú các triệu lân tương.  
Trăng sáng rèm châu vui hợp cản  
Mộng nơi gác đẹp triệu lán lành.*

春風綠柳飛鸚鵡

夜雨青燈引鳳凰

Xuân phong lục liễu phi anh vū  
Đạ vū thanh dăng dᾶn phuong hoàng.  
Giò xuân liễu biếc đón anh vū  
Mưa tối đèn xanh đón phượng hoàng.

賦宜家室春風早

夢葉熊羆世澤長

Phú nghi gia thát xuân phong tảo  
Mộng diệp hùng bi thế trạch trường.  
Phú nên gia thát gió xuân sớm  
Mộng lá hùng bi phúc trạch dài.

胭肢香滿芙蓉帳

花燭光呈錦繡幃

Yên chi hương mân phù dung trutherford  
Hoa chúc quang trình cẩm tú vi.  
Hương yên chi tỏa trường phù dung  
Rạng duốc hoa soi nơi màn gấm.

春風柳絮雙飛燕

夜雨青燈萬卷書

Xuân phong liễu nhứ song phi yến  
Đạ vū thanh dăng vạn quyển thư.  
Giò xuân bông liễu bay đôi yến  
Mưa tối đèn xanh vạn quyển hay.

紅葉流溝來好句

黃花滿徑襯新粧

Hồng diệp lưu câu lai hảo cù  
Hoàng hoa mãn kính sán tân trang.  
Lá đỏ theo dòng gửi câu đẹp  
Hoa vàng đầy lối vướng tân trang.

月照碧洞雙鳳彩

風流楊柳偶鶯鳴

*Nguyệt chiêu bích động song phượng thái  
Phong lưu dương liêu ngẫu oanh minh.*

Động biếc trăng soi ngời cặp phượng  
Liêu xanh gió thổi hót đôi oanh.

千飛鳳卜春屏暖

乃夢熊占畫錦長

*Thiên phi phượng bốc xuân bình noãn  
Nái mộng hùng chiêm trú cảm trường:*

Màn xuân ấm ngàn lần bồi phượng  
Đêm huyền sâu trong mộng đoán hùng.

錦瑟聲中鸞對語

玉梅花際鳳雙飛

*Cảm sắt thanh trung loan đối ngữ  
Ngọc mai hoa té phượng song phi.*

Dàn sắt tiếng trong loan đối giọng  
Hoa mai vè ngọc phượng đôi bay.

華堂彩結觀鸞舞

繡閣絲連看鳳飛

*Hoa đường thái kết quan loan vũ  
Tú các ty liên khán phượng phi.*

Nhà hoa lụa tết xem loan vũ

Gác đẹp tơ sen lướt múa phượng bay.

杯交玉液飛鸕鷀

樂奏瓊簫引鳳凰

*Bà giao ngọc dịch phi anh vũ  
Nhạc tấu quỳnh tiêu dẫn phượng hoàng.*

Chén mời nước ngọc bay anh vũ

Nhạc tấu tiêu quỳnh dẫn phượng hoàng.

珊瑚窗裡乾坤大

玳瑁筵前日月長

*San hô song lý càn khôn dài*

*Đại môi diên tiền nhật nguyệt trường.*

Trước cửa san hô trời đất lớn

Trên yên đài mồi tháng ngày dài.

繡閣燈明鴛鴦並立

粧臺燭燭翡翠同棲

*Tù các dǎng minh uyên ương tịnh lập*

*Trang dài chúc lệ phỉ thủy đồng thê.*

Đèn soi gác đẹp uyên ương bên nhau

Đuốc chiếu trang dài phỉ thủy cùng đậu.

易曰乾坤定矣

詩云鐘鼓樂之

*Dịch viết: càn khôn định hĩ*

*Thi văn: chung cổ lạc chi.*

Dịch nói: càn khôn định vậy

Thi rằng: chiéng trống vui thay.

不惑但從今日始

知天猶得十年來

*Bất hoặc đản tòng kỉm nhật thủy*

*Tri thiên do đắc thập niên lai.*

Kể từ nay xem như bất hoặc

Mười năm nữa hẳn sẽ tri thiên.

正氣高凌銅柱北

精英長引喝江南

*Chính khí cao lăng đồng trụ Bắc*

*Tinh anh trường dãm Hát giang Nam.*

Chính khí cao vời đồng trụ Bắc

Tinh anh còn mãi Hát Giang Nam.

飄香推桂子喜圓橋得路萬里九霄應比翼

舉案羨蘭孫快繡閣崔莊一堂三代慶齊眉  
*Phiêu hương suy quế tử hỉ viễn kiều đặc lô vạn lí cửu tiêu ưng ty dực*  
*Cử án tiễn lan tôn khoái tú các thôi trang nhất đường tam đại khánh*  
*tề my.*  
Hương bay giục con quế, mừng đường quan nhẹ bước, muôn dặm chín tầng cùng sát cánh.  
Tiệc đặt mừng cháu lan, sương gác cao áó đẹp, ba đời một cửa chúc ngang mày.

萱草含芳千歲艷  
菊花香動五株新  
*Huyên thảo hàm phuong thiên tué diệm*  
*Cúc hoa hương động ngũ chu Tân.*  
Cỏ huyên thơm ngát ngàn năm tươi  
Hoa cúc hương bay nấm gốc mới.

恭儉溫良宜家受福  
仁愛篤厚祿壽保年  
*Cung kiệm ôn lương nghi gia thụ phúc*  
*Nhân ái đốc hậu đích thọ bảo niên.*  
Cung kiệm ôn hoà nên nhà được phúc  
Nhân ái trung hậu tuổi thọ bình yên.

九旬慶衍千秋喜見萱花沾玉露  
四代稱觴七月欣觀寶樹藹金風  
*Cửu tuần khánh diên thiên hu hi kiến huyên hoa chiêm ngọc lộ.*  
*Tứ đại xưng thương thất nguyệt hân quan bảo thụ ái kim phong.*  
Chín mươi chúc thọ ngàn năm mừng thấy hoa huyên đầm sương ngọc  
Bốn đời thành đạt, tháng bảy vui xem cây quý ngợp gió thu.

桃熟瑤池三千歲月  
籌添海屋一百春秋  
*Đào thực Dao Trì tam thiên tué nguyệt*  
*Trù thiêm hải ốc nhát bách xuân thu.*

Ba ngàn năm tháng, đào chín dao trì  
Trăm năm tuổi tác, dựng thêm nhà biển.

樂奏雲璈歌百歲  
德輝形史祝千秋

*Nhạc tấu vân ngao ca bách tuế*  
*Đức huy đồng sử chúc thiên thu.*  
Nhạc tấu vân ngao, mừng trăm tuổi  
Đức ghi đồng sử, chúc ngàn năm.

細柳營中親淑女  
天桃華裏指軍符  
*Té liễu doanh trung thân thực nữ*  
*Yêu đào hoa lý chỉ quân phù.*  
Chốn doanh liễu gần kề thực nữ  
Về đào tơ nay chỉ quân phù.

玉質金粧承將略  
輕裘緩帶教佳人  
*Ngọc chất kim trang thừa tướng lược*  
*Khinh cùu hoan đối giáo giai nhân.*  
Vàng ngọc y trang, theo tướng lược  
Áo cùu dai nhẹ, dặn giai nhân.

多少人痛悼斯人難再得  
千百世最傷此世不重來  
*Đa thiếu nhân thống điệu tư nhân nan tái đặc*  
*Thiên bách thế tối thương thử thế bất trùng lai.*  
Đôi ba người thương tiếc – người này khó lại có  
Trăm ngàn thuở xót xa - đời ấy chẳng hai lần.

少者亡老者存數誠難測  
天之涯地之角情不可終  
*Thiếu già vong, lão già tồn số thành nan trắc*

*Thiên chi nhai, địa chi giác tinh bất khả chung.*

Trẻ chết, già còn, sống chết số trời khôn biết

Chân trời, góc biển, mất còn tình nghĩa khó quên.

同心最相親 佞性白發青燈昨夜夢尚陪連夜話  
名山期共往 嘆天目雁蕩此身无復並肩游

*Đồng tâm tôi tương thân ức bạch phát thanh đăng. tạc dạ thương bối  
liên dạ thoại*

*Danh sơn kỳ công vāng thán thiên mục nhạn dāng thử thán vô phuc  
tịnh kiên du.*

Một bụng thân nhau, nhá khỉ tóc bạc đèn xanh, năm trước vẫn còn  
đêm chuyện văn.

Non cao ước hẹn, đáng tiếc lưng trời cánh nhạn, thân này đau được  
sánh vai chơi.

此老竟蕭條 幸有高文垂宇宙  
平生懷大志 廣栽桃李在人間

*Thử lão cánh tiêu điều hanka cao văn thùy vũ trụ*

*Bình sinh hoài đại chí quáng tài đào lý tại nhân gian.*

Già cả thấy quạnh hiu, may có sách hay trùm vũ trụ  
Một đời ôm chí lớn, rộng gieo đạo lý ở nhân gian.

夢筆賢嗣添一友  
培蘭瑞應慰雙親

*Mộng bút hiền tự thiêm nhát hữu*

*Bồi lan thuỷ ứng úy song thân.*

Mộng bút nối liền thêm một bạn  
Vun lan điểm tốt thỏa hai thân.

塞夜燭花開好夜  
少年疊酒慶延年

*Tái dạ chúc hoa khai hảo dạ*

*Thiếu niên cẩn tửu khánh diên niên.*

Đêm tối được hoa thành đêm sáng

Tuổi trẻ vui duyên chúc tuổi già.

快 賭 加 冠 尊 醇 命  
旋 瞻 繩 武 振 家 聲

*Khoái đồ da quan tôn tiều mạnh*  
*Toàn chiêm thắng vũ chấn gia thanh.*

Mừng nên người lớn được ban rượu  
Noi theo tiên tổ rạng danh nhà.

端 月 良 男 諧 凤 友  
來 春 天 水 躍 龍 孫

*Đoan nguyệt lương nam hài phượng hữu*  
*Lai xuân thiên thủy dược long tôn.*

Tiết đoán ngọ con trai dựng vợ  
Xuân sang năm trời mò cháu trai.

吉 葉 三 秋 由 命 醇  
祥 占 四 代 疊 分 甘

*Cát diệp tam thu do mạnh tiều*  
*Tương chiêm tứ đại diệp phân cam.*

Mừng đã ba đời còn rượu chúc  
Vui xem tứ đại họ càng đông.

風 送 片 香 翻 藝 苑  
月 移 桂 影 謣 琴 房  
*Phong tống cần hương phiên nghệ uyển*  
*Nguyệt di quế ảnh ái cần phòng*  
Gió thổi hương cần đến vườn đẹp  
Trăng rời bóng quế rợp cung đàn.

天 河 汲 水 匀 宮 粉  
月 窟 簪 花 染 御 香  
*Thiên hà cấp thủy câu cung phấn*  
*Nguyệt quật trâm hoa nhuộm ngực hương.*

Thiên hà dẫn nước cho cung phán  
Hàng nguyệt hoa trâm đượm ngự hương.

墨浪擬從桃浪煖  
筆花早向燭花開

*Măc lăng nghī tòng dào lăng noān  
Bút hoa tảo hương chúc hoa khai.*

Sóng mực chừng theo ám sóng đào  
Bút hoa sớm hương vui hoa duốc.

芹香初秀桃源洞  
桂影長隨月窟人

*Cần hương sơ tú đào nguyên động  
Quế ảnh trường tùy nguyệt quật nhàn.  
Hương cần mới tỏ động đào nguyên  
Bóng quế dõi theo người dưới nguyệt*

方向廣宮拾藻彩  
隨從月窟探天香

*Phương hương quảng cung拾藻彩  
Tùy tòng nguyệt quật thám thiên hương.  
Hương tới quảng cung lượm rau quý  
Đôi theo hang nguyệt kiêm hương trời.*

竹影仍偕身影在  
墨花盡帶淚花飛

*Trúc ảnh nhưng gaii thân ảnh tai  
Măc hoa tận đói lệ hoa phi.  
Ánh trúc vẫn là thân ảnh đáy  
Mực hoa dem hét lệ hoa bay.*

好夢渺難尋白雪陽春絕調竟成廣陵散  
知音能有几高山流水傷心永斷伯牙琴  
*Hảo mộng miêu nan tầm bạch dương xuân tuyệt diệu thành quảng lăng tán.  
Tri âm năng hữu kỳ cao sơn lưu thủy thương tâm vĩnh đoạn Bá Nha cảm.*

Mộng dẹp khó tìm, nhờ Bạch Tuyết dương xuân mà khúc hát Quảng  
lăng được soạn.

Tri âm mây kè, tưởng cao sơn lưu thủy nên cây đàn Bá Nha đập tan.

教育深恩終身感戴  
浩然正氣萬古長存

*Giáo dục thâm ân chung thân cảm đái*  
*Hạo nhiên chính khí vạn cổ trường tồn.*  
Dạy dỗ ơn sâu, trọn đời tưởng nhớ  
Hạo nhiên chính khí, muôn thuở vẫn còn.

瑞藹堂中來燕賀  
祥臨膝下慶鸞鳴  
*Thụy ái đường trung lai yến hạc*  
*Tường lâm tất hạ khánh loan minh.*  
Nhà phủ mây lành yến đến mừng  
Bên gối niêm vui loan lại chúc.

美奐美輪賀來燕雀  
宜家宜室夢占熊羆  
*Mỹ hoán mỹ luân hạc lai yến tước*  
*Nghi gia nghi thất mộng chiếm hùng bí.*  
Đẹp vẻ, đẹp thay, yến tước lại mừng  
Nên nhà, nên cửa, hùng bí gặp mộng.

金屋輝煌饒五彩  
玉簫嘹亮澈三霄  
*Kim ốc huy hoàng nhiều ngũ thái*  
*Ngọc tiêu liệu lượng triệt tam tiêu.*  
Rực rỡ nhà vàng đầy năm vẻ  
Ní non tiêu ngọc suốt ba đêm.

鳳閣鸞幃並耀輝題葉題名共羨休聲疊疊  
鹿鳴麟趾同賡詠宜家宜國爭誇喜事重重

*Phượng các loan vi tịnh diệu huy đê diệp đê danh công tiến hưu  
thanh diệp diệp.*

*Lộc minh lân chỉ đồng canh vịnh nghi gia nghi quốc tranh khoa hỉ sự  
trùng trùng.*

Gác phượng màn loan đều rực rõ, nêu tên nêu tuổi cùng cát tiếng vui  
rộn rã

Hươu tò bước lân cùng ca hát, nêu nhà nêu cửa, tranh khoe việc hỷ  
rầm ran.

家學有淵源看桂子望重橋門知藝苑目關世德  
花細多錦秀喜蘭孫粧崔梅韻信香奩亦載文章

*Gia học hưu uyên khán quế tử vọng trọng kiều môn tri nghệ  
uyển mục quan thế đức*

*Hoa diệu đa cẩm tú hỷ lan tôn trang thôi mai vận tin hương liên diệp  
tải văn chương.*

Nếp nhà học có nguồn, thấy con quế cửa cao vọng trọng, biệt vườn  
đẹp trồng cây đức tốt

Hoa cài như gấm thêu, mừng cháu lan vê đẹp sắc mai, tin điểm trang  
cũng có văn chương.

聚樂事於一堂題名合巹壁水藍橋雙煥彩  
流芳徵於天載經國宜家青雲紅葉並增輝  
以上子貴孫婚

*Tụ lạc sự u nhất đường đê danh hợp cẩm bích thủy lam kiều song  
hoán thái*

*Lưu phương huy ư thiên tài kinh quốc gia thanh vân hồng diệp  
tịnh tăng huy.*

*Dị thương từ quý tôn hôn.*

Hợp chuyện cũ ở một nhà, vinh quy nạp thái, nước biếc cầu lam hai  
vẽ đẹp

Lưu tiếng thơm cho muôn thuở, giúp nước nêu nhà, mây xanh lá  
thắm thảy huy hoàng.

Trên đây con thành đạt cháu lấy vợ.

年週花甲榮瑤島  
庭長芝蘭映玉堂  
*Niên chu hoa giáp vinh dao đảo*  
*Định trường chi lan ánh ngọc đường.*  
*Tuổi tròn hoa giáp thơm danh tiếng*  
*Sân mọc chi lan rạng cửa nhà.*

堂榮長庚徵上壽  
名登仕籍試鴻才  
*Đường Sán trường canh Trung thương tho*  
*Danh đăng sĩ tịch thí hồng tài.*  
Nhà rạng tuổi cao lên thượng tho  
Tên nêu bảng sĩ thủ tài nang.

堂北萱花榮畫錦  
皆前桂子噴天香  
*Đường bắc huyên hoa vinh trú cẩm*  
*Giai tiên quế tử phún thiên hương.*  
Nhà bắc hoa huyên tươi vẻ gấm  
Trước thềm cây quế tỏa hương trời.

嶺上梅花報喜信  
庭前椿樹戶芳齡  
*Lĩnh thương Mai hoa báo hỉ tín*  
*Định tiền xuân thụ hộ phương linh.*  
Hoa mai đầu núi báo tin vui  
Cây xuân sắn trước nâng cao tuổi.

愿慈母千年不老  
祝松百萬載長青  
*Nguyện từ mẫu thiên niên bất lão*  
*Chúc tùng bách vạn tài trường thanh.*  
Mong mẹ hiền ngàn năm vẫn trẻ  
Chúc tùng bách muôn thuở còn xanh.

今日正逢萱草壽  
前身合是杏花仙

*Kim nhật chính phùng huyên thảo thọ*  
*Tiền thân hợp thi hạnh hoa tiên.*  
Hôm nay đúng gặp ngày sinh mẹ  
Kiếp trước hẳn là hạnh hoa tiên.

白斗偕老  
同心永結

*Bạch đầu gai lão*  
*Đồng tâm vĩnh kết*  
Đầu bạc cùng già  
Đồng tâm kết mãi.

鴛鴦比翼  
夫婦同心

*Uyên ương tị đực*  
*Phu phụ đồng tâm.*  
Uyên ương liền cánh  
Chồng vợ đồng lòng.

同心生產好  
合意感情深  
*Đồng tâm sinh sản hảo*  
*Hợp ý cảm tình thâm.*  
Đồng tâm làm ăn tốt  
Hợp ý cảm tình sâu.

才高鸞鵠賦  
春入鳳凰樓  
*Tài cao Anh Vũ phú*  
*Xuân nhập Phượng hoàng lâu*  
Tài cao phú Anh Vũ  
Xuân vào lâu Phượng hoàng.

藍田曾种玉  
紅葉自題詩

*Lam diền tāng chủng ngọc*  
*Hồng diệp tự đề thi.*  
*Lam diền thêm giống ngọc*  
*Lá thắm tự đề thơ.*

攝成雙壁影  
締結百年歡

*Nhiếp thành song bích ảnh*  
*Đé kết bách niên hoan.*  
*Chụp thành bức ảnh đôi*  
*Thất giây mừng trăm tuổi.*

鳳凰鳴瑞世  
琴瑟譜新聲

*Phượng hoàng minh thụy thế*  
*Cầm sắt phổ tân thanh.*  
*Phượng hoàng kêu đời thịnh*  
*Cầm sắt phổ tân thanh.*

喜見紅梅放  
樂迎淑女來

*Hi kiến hồng mai phóng*  
*Lạc nghinh thực nữ lai.*  
*Mừng thấy mai hồng nở*  
*Vui đón thực nữ về.*

四季花長好  
百年月永圓

*Tứ quý hoa trường hảo*  
*Bách niên nguyệt vĩnh viễn.*  
*Bốn mùa hoa đều nở*  
*Trăm năm trăng vẫn tròn.*

良 日 良 時 良 偶

佳 男 佳 女 佳 緣

*Lương nhât lương thời lương ngẫu*

*Giai nam giai nữ giai duyên.*

Ngày tốt, giờ tốt, tốt đôi

Trai đẹp, gái đẹp, đẹp duyên.

檻 外 紅 梅 竟 放

檐 前 紫 燕 雙 飛

*Hai ngoại hồng mai cạnh phong*

*Thiêm tiền tử yến song phi.*

Ngoài hiên mai hồng đua nở

Trước thềm tử yến sánh bay.

佳 偶 百 年 好 合

知 音 千 里 相 逢

*Giai ngẫu bách niên hảo hợp*

*Tri âm thiên lì tương phùng.*

Đôi đẹp trăm năm hòa hợp

Tri âm ngàn đậm, gặp nhau.

一 門 喜 慶 三 春 暖

兩 姓 欣 成 百 世 緣

*Nhất môn hỉ khánh tam xuân noãn*

*Lưỡng tính hân thành bách thế duyên.*

Một cửa đón mừng ba xuân ấm

Hai họ vui chúc trăm năm duyên.

一 朝 喜 結 千 年 偶

百 歲 不 移 半 寸 心

*Nhát triêu hỉ kết thiên niên lữ*

*Bách tuế bất di bán thốn tâm.*

Một sớm mừng kết bạn ngàn năm

Trăm tuổi không thay lòng nửa tấc.

二姓聯婚成大禮  
百年偕老岳長春  
*Nhị tính liên hôn thành đại lễ*  
*Bách niên giao lão lạc trường xuân.*  
Hai họ thông gia thành lễ lớn  
Trăm năm lên lão kéo dài xuân.

萬里雲天爭比翼  
百年事業結同心  
*Vạn lý vân thiên tranh ty đực*  
*Bách niên sự nghiệp kết đồng tâm.*  
Vạn dặm mây trời tranh sát cánh  
Trăm năm sự nghiệp kết đồng tâm.

云漢橋成牛女渡  
春台簫引鳳凰飛  
*Vân hán kiều thành Ngưu, Nữ độ*  
*Xuân đài tiêu dẫn Phượng, Hoàng phi.*  
Xây cầu Vân hán mừng Ngưu, Nữ  
Tiếng sáo dài Xuân dẫn Phượng, Hoàng.

書聲喜有琴聲伴  
翰墨新添黛墨香  
*Thư thanh hỉ hữu cầm thanh bạn*  
*Hàn mực tân thiêm dài mực hương.*  
Tiếng sách có tiếng đàn làm bạn  
Mực bút thêm hương mực vẽ mày.

瓊樓月皓人如玉  
秀閣花香酒似蘭  
*Quỳnh lâu nguyệt皓 nhân như ngọc*  
*Tú các hoa hương tửu tự lan.*  
Lầu quỳnh trăng sáng người như ngọc  
Gác đẹp hoa hương rượu tựa lan.

碧海云生龍對舞  
丹山日出鳳雙飛  
*Bích hải vân sinh long đối vũ*  
*Đan sơn nhật xuất Phượng song phi.*  
Biển biếc mây trùm Rồng múa cặp  
Núi non trời ló Phượng bay đôi.

女慧男才原是對  
你恩我愛總相聯  
*Nữ tuệ tam tài nguyên thị đối*  
*Nhĩ ân ngã ái tổng tương liên.*  
Gái giỏi trai tài nom thật đối  
Em ân anh ái có tương liên.

詩題紅葉同心句  
酒飲黃花合巹杯  
*Thi đề hồng diệp đồng tâm cù*  
*Tửu ẩm hoàng hoa hợp cẩn bối.*  
Đề thơ lá thắm giải đồng tâm  
Uống rượu cúc vàng ly hợp cẩn.

互敬互幫創大業  
相親相愛樹新風  
*Hô kính, hô bang sáng đại nghiệp*  
*Tương thân tương ái thụ tân phong.*  
Cùng kính, cùng giúp, xây nghiệp lớn  
Tương thân, tương ái dựng tân phong.

堂前奏笛迎賓客  
戶外吹笙引鳳凰  
*Đường tiền tấu địch nghinh tân khách*  
*Hộ ngoại xuy sinh dẫn Phượng Hoàng*  
Trước nhà tấu sáo đón tân khách  
Ngoài ngõ hòa tiêu dẫn Phượng Hoàng.

鳳求凰百年樂事  
男嫁女一代新風  
*Phượng cầu Hoàng bách niên lạc sự*  
*Nam giá nữ nhất đại tân phong.*  
Trăm năm vui việc Phượng cầu Hoàng  
Một đời đổi mới nam cưới nữ.

紅葉題詩傳厚意  
赤繩系足結良緣  
*Hồng diệp đề thi truyền hậu ý*  
*Xích thằng hệ túc kết lương duyên.*  
Lá thắm đề thơ truyền ý kín  
Chì hồng chân buộc kết duyên lành.

花燭交心互勉志  
英才攜手共圖強  
*Hoa chúc giao tâm hổ miễn chí*  
*Anh tài huề thủ cộng đồ cường.*  
Đuốc hoa lòng kết nên rèn chí  
Tài giỏi tay trao quyết đến giàu.

破舊俗婚事簡辦  
樹新風致富爭先  
*Phá cũu tục hôn sự giản biện*  
*Thụ tân phong chí phú tranh tiên.*  
Bỏ tục xưa, cưới xin đơn giản  
Nêu gương mới, làm giàu là đầu.

柳暗花明春正半  
珠聯碧合影成雙  
*Liễu ám hoa minh xuân chính bán*  
*Châu liên bích hợp ảnh thành song.*  
Liễu rậm hoa tươi, xuân mới nửa  
Châu liên thành chuỗi, ảnh thành đôi.

宜國宜家新婦女  
能文能武好男兒

*Nghi quốc nghi gia tân phụ nữ*  
*Năng văn năng vũ hảo nam nhi*  
Thuận nước, thuận nhà, phụ nữ mới  
Hay văn, hay vũ, nam nhi tài.

婚締自由移舊俗  
禮行平等樹新風

*Hôn đính tự do, bỏ tục xưa*  
*Giao tiếp bình đẳng, nêu gương mới.*  
Hôn nhân tự do, bỏ tục xưa  
Giao tiếp bình đẳng, nêu gương mới.

勤勞手足患慢少  
恩愛夫妻歡樂多  
*Cần lao thủ túc hoạn ưu thiêu*  
*Ân ái phu thê hoan lạc đa*  
Lao động chân tay, lo lắng ít  
Ái ân chồng vợ, sướng vui nhiều.

百年恩愛雙心結  
千里姻緣一線牽  
*Bách niên ân ái song tâm kết*  
*Thiên lý nhân duyên nhất tuyến khiên.*  
Trăm năm ân ái, hai lòng buộc  
Ngàn dặm nhân duyên, một sợi ràng.

愛貌愛才尤愛志  
知人知面更知心  
*Ái mạo ái tài vitu ái chí*  
*Tri nhân tri diện cảnh tri tâm.*  
Yêu vẻ, yêu tài, càng yêu chí  
Biết người, biết mặt, lại biết lòng.

作婦須知勤儉好  
治家應教紫孫賢  
*Tác phụ tu tri cần kiệm hảo*  
*Trị gia ưng giáo tử tôn hiền.*  
Làm vợ nên hay cần kiệm giỏi  
Trị nhà phải dạy cháu con hiền.

詩詠河洲鳩喜集  
經傳桂里鳳和鳴  
*Thi vịnh hà châu cùu hỉ tập*  
*Kinh truyền quế lý Phượng hòa minh.*  
Thơ vịnh bối sông cùu đến họp  
Kinh truyền rừng quế Phượng cùng kêu.

相親相愛青春永  
同德同心幸福長  
*Tương thân tương ái thanh xuân vĩnh*  
*Đồng đức đồng tâm hạnh phúc trường*  
Tương thân, tương ái, thanh xuân mãi  
Đồng đức, đồng tâm, hạnh phúc dài.

容貌心齡雙俊秀  
才華事業兩風流  
*Dung mạo tâm linh song tuấn tú*  
*Tài hoa sự nghiệp lưỡng phong lưu*  
Dung mạo, tâm hồn, dồi tuấn tú  
Tài hoa, sự nghiệp, cặp phong lưu.

互敬互愛互相學習  
同德同心同建家庭  
*Hỗ kính hỗ ái hỗ tương học tập*  
*Đồng đức đồng tâm đồng kiến gia đình.*  
Lẫn kính, lẫn yêu, lẫn giúp học tập  
Cùng đức, cùng lòng, cùng xây gia đình.

同心同德美滿夫婦  
克儉克勤幸福鴛鴦  
*Đồng tâm đồng đức mỹ mãn phu phụ*  
*Khắc kiệm khắc cần hạnh phúc uyên ương.*

Cùng lòng, cùng đức, vợ chồng mỹ mãn  
Biết cần, biết kiệm hạnh phúc uyên ương.

恩愛夫妻情似青山不老  
幸福半侶意如碧水長流  
*Ân ái phu thê tình tự thanh sơn bất lão*  
*Hạnh phúc bất lão ý như bích thủy trường lưu*

Ân ái vợ chồng, tình tựa non xanh trẻ mãi  
Hạnh phúc đôi lứa, ý như nước biếc chảy hoài.

男尊女女尊男男幫女助  
夫敬妻妻敬夫夫德妻賢  
*Nam tôn nữ nǚ tôn nam nam bang nǚ trợ*  
*Phu kính thê thê kính phu phu đức thê hiền.*

Nam trọng nữ nǚ trọng nam nam giúp nǚ đỡ  
Chồng kính vợ, vợ kính chồng chồng đức vợ hiền.

惟求愛永恒一生同伴侶  
但愿人長九千里共嬪娟  
*Duy cầu ái vĩnh hằng nhất sinh đồng bạn lữ*  
*Đản nguyện nhân trường cầu thiên lý cộng thiền quyến.*

Mong tình yêu vĩnh hằng, mọi đời cùng đôi lứa  
Muốn người lâu hường thọ, ngàn dặm với thiền quyên.

鳥語花香仲春一幅天然畫  
賓歡主樂嘉客滿堂錦上花  
*Điều ngữ hoa hương xuân nhất bức thiên nhiên họa*  
*Tàn hoan chủ lạc gia khách mãn đường cẩm thương họa.*

Chim hót, hoa hương, một bức thiên nhiên xuân vẽ  
Khách vui, chủ sướng đầy nhà rực rỡ gấm hoa.

鴛 鳯 對 舞  
鸞 凤 和 鳴  
*Uyên ương đối vũ*  
*Loan phượng hòa minh*  
Uyên ương múa đối  
Loan phượng hòa tiếng.

月 圓 花 好  
鳳 舞 龍 飛  
*Nguyệt viên hoa hảo*  
*Phượng vũ long phi*  
Trăng tròn hoa đẹp  
Phượng múa rồng bay.

男 婚 女 嫁  
夫 德 妻 賢  
*Nam hôn nữ giá*  
*Phu đức thê hiền*  
Trai cưới gái già  
Chồng đức vợ hiền.

志 同 道 合  
意 厚 情 長  
*Chí đồng đạo hợp*  
*Ý hậu tình trường.*  
Chí cùng ý hợp  
Ý sâu tình dài.

東 風 入 戶  
喜 氣 盈 門  
*Đông phong nhập hộ*  
*Hỉ khí doanh môn*  
Gió đông vào nhà  
Khí lành đầy cửa.

志 同 道 合

花 好 月 圓

*Chí đồng đạo hợp*

*Hoa hảo nguyệt viên.*

Chí cùng đạo hợp

Hoa đẹp trăng tròn.

椿 影 已 隨 雲 氣 散

鶯 聲 猶 帶 月 光 寒

*Xuân ảnh dī tuỳ vân khí tán*

*Quyên thanh do đới nguyệt quang hàn.*

Xuân ảnh đã theo cùng ván khí

Quyên thanh như lạnh quyện trăng quang.

花 樂 萱 檐 春 去 早

光 寒 婆 宿 夜 來 沈

*Hoa lạc huyên vi xuân khứ táo*

*Quang hàn vụ túc dạ lai trầm.*

Hoa rụng màn huyên xuân đi sớm

Quang hàn sao vụ tối đến chìm.

寶 癡 雲 迷 粧 閣 冷

萱 花 霜 萎 繡 幣 寒

*Bảo vụ vân mê trang các lanh*

*Huyên hoa sương uỷ tú vi làn.*

Sao qui mây mờ trang các lạnh

Hoa huyên sương giá dệt màn hàn.

萱 謝 北 堂 寒 霧 鎋

婆 沈 西 海 暮 煙 封

*Huyên tạ bắc đường hàn vụ toả*

*Vụ trầm tây hải mộ yên phong.*

Huyên dã bắc đường sương lạnh khóa

Vụ chìm tây hải khói chiêu phong.

椿樹早凋悲未已  
萱花纔殞痛何如  
*Xuân thụ táo diêu bi vị dī*  
*Huyên hoa tài vân thóng hè như*  
Xuân thụ sớm khô đau chưa dứt  
Huyên hoa lại rụng xót làm sao.

萱草香凋春日暮  
婺星光掩夜雲陰  
*Huyên thảo hương diêu xuân nhạt mờ*  
*Vụ tinh quang yểm dạ vân ám.*  
Cỏ huyên hương nhạt ngày xuân muộn  
Sao Vụ quang che mây tối đêm.

杳杳雙親無後見  
哀哀兩字那堪聞  
*Liễu liễu song thân vô phục kiến*  
*Ai ai lưỡng tự ná kham văn.*  
Vắng lặng song thân không còn thấy  
Thảm thương hai chữ luống kham nghe.

萱花既墮山河黯  
椿樹旋枯日月昏  
*Huyên hoa kỵ vân sơn hà ám*  
*Xuân thụ toàn khô nhật nguyệt hôn.*  
Huyên hoa đã rụng sơn hà ám  
Xuân thụ toàn khô nhật nguyệt đen.

夢游蝴蝶飛雙影  
血洒杜鵑泣思親  
*Mộng du hồ điệp phi song ánh*  
*Huyếtさい đỗ quyên khấp tú thân.*  
Giác mơ hồ điệp bay đôi bóng  
Máu úa đỗ quyên khóc mẹ cha.

臨深履薄言猶在  
諭志承歡養未能  
*Lâm thâm lý bắc ngôn do tại*  
*Dụ chí thừa hoan dưỡng vị nǎng.*  
“Vực sâu băng mỏng” câu còn đó<sup>(1)</sup>  
Lời dạy thuận vui buổi dưỡng đầu.

雨催玉樹終天恨  
雲暗竹林兩地悲  
*Vũ thôi ngọc thụ chung thiên hận*  
*Vân ám trúc lâm lưỡng địa bi.*  
Mưa đồn ngọc thụ chung trời hận  
Mây ám trúc lâm lưỡng đất bi.

愁繁竹林畔  
淚彈荆樹邊  
*Sầu hẽ trúc lâm畔*  
*Lệ đàn kinh thụ biên*  
Sầu buộc bờ rừng trúc  
Lệ đàn bên khóm gai.

不圖花萼終聯集  
何忍雁行各自飛  
*Bất đồ hoa ngạc chung liên tập*  
*Hà nhẫn nhạn hàng các tự phi.*  
Nào ngờ hoa cành lia khói khóm  
Sao nỡ nhạn bầy lẻ tự bay.

祇道荆庭常聚首  
寧知雁陣條離群

<sup>(1)</sup> Thiên Thái Bá sách *Luân ngữ* có câu: “... như lâm thâm uyên, như lý bạc băng”. Nghĩa là: “... nguy hiểm như đến vực sâu, như đi trên băng mỏng”. Ở đây ý nói lòng cung kính của con cái đối với cha mẹ.

*Chi đao kinh đình thường tụ thủ  
Ninh tri nhạn trận diều ly quần.*  
Chỉ nói sân gai thường tụ hội  
Nào hay bầy nhạn lại ly dàn.

雁陣霜寒悲折翼  
鴻原露冷痛孤飛  
*Nhan trân sương hàn bi chiết dục  
Hồng nguyên lộ lanh thống cô phi.*  
Nhạn thế sương sa đau gãy cánh  
Hồng dàn mây lạnh xót lè bay.

原土春深鵝鴨音斷雲千里  
林稍夜寂鴻雁聲哀月一輪

*Nguyên thô xuân thâm, tích linh âm đoạn vân thiên lý  
Lâm sào dạ tịch, hồng nhạn thanh ai nguyệt nhất luân.*  
Đất phảng xuân sâu, tích linh<sup>1</sup> âm düt, mây nghìn dặm;  
Rừng thưa đêm vắng, hồng nhạn thanh buồn, nguyệt mờ vàng.

詩夢阻殘芳草野  
壠聲吹落紫荆花  
*Thi mộng trở tàn phượng thảo dã  
Huyền thanh xuy lạc tử kinh hoa.*  
Giấc mộng thơ ngẩn tàn cỏ nội  
Tiếng huyền<sup>2</sup> thổi lại lạc hoa gai.

薤露興歌刑永隔  
鵝鴨抱痛淚空垂  
*Giới lộ hưng ca hình vĩnh cách  
Tích linh bão thống lệ không thùy.*

<sup>1</sup> Tích linh: Chim chìa vôi.

<sup>2</sup> Huyền: Một loại nhạc khí thời cổ.

Giới lộ<sup>1</sup> (nổi lên hình cách biệt  
Tích linh<sup>2</sup> thống thiết lệ rơi hoài.

北望鵠原千里遠  
南來應侶半行孤  
*Bắc vọng linh nguyên thiền lý viễn*  
*Nam lai nhạn lữ bán hàng cô.*  
Bắc ngóng cánh chim xa nghìn dặm  
Nam về bầy nhạn lẻ nửa hàng.

藍田種玉緣何淺  
青鳥傳音去不還  
*Long điền chủng ngọc duyên hà thiển*  
*Thanh điểu truyền âm khuất bất hoàn.*  
Lam Điền<sup>3</sup> loài ngọc duyên sao mỏng;  
Thanh điểu<sup>4</sup> truyền âm khuất chẳng về.

甘苦共嘗情曷極  
幽明永隔痛何如  
*Cam khổ cộng thường tình hụt cực*  
*U minh vĩnh cách thống hà nhu*  
Ngọt đắng sẻ chia, tình sao cực  
U minh vĩnh cách, xót nhường bao.

獨鶴愁悲雙鳳管  
孤鸞哀斷七絃琴  
*Độc hạc sầu bi song phượng quản*

<sup>1</sup> Giới lộ: Tên một bài hát lúc chôn người chết thời xưa.

<sup>2</sup> Tích linh: Xem chú thích trang trước

<sup>3</sup> Lam Điền: Tên núi ở Thiểm Tây (Trung Quốc). Vì có nhiều ngọc nên cũng gọi là Ngọc Sơn.

<sup>4</sup> Thanh điểu: Chim xanh. Chì diêm có người đến làm mồi cho con trai con gái.

*Cô loan đoạn thát huyền cầm.*

Hạc lè sầu bi đài ống quyến  
Loan cô đứt đoạn bầy dây đàn.

紅牆銀漢途難越

碧海青天怨有餘

*Hồng tường Ngân Hán đồ nan việt*

*Bích hải thanh thiên oán hữu dư.*

Tường hồng Ngân Hán đường khôn vượt

Bể biếc thanh thiên oán có thừa.

哭爾三年髮白

愁余五夜燈青

*Khóc nhī tam niên phát bạch*

*Sầu du ngũ dạ đặng thanh.*

Khóc em ba năm tóc bạc

Sầu anh ngũ dạ<sup>1</sup> đèn xanh.

菱鏡影孤哉慘聽秋封吹落葉

錦機聲寂矣愁看夜月照空幃

*Lăng kính ảnh cô tai, thảm thính thu phong xuy lạc diệp*

*Cảm cơ thanh tịch hĩ, sầu khan dạ nguyệt chiểu không vi.*

Gương kính bóng lẻ thay, thảm thấm gió thu bay lá rụng

Gấm khung thanh lặng vậy, oán nhìn trăng giải chiếu màn không.

家累總無依卿從此去擔了矣

世情多不測我自今來喚奈何

*Gia luy tống vô y, khanh tòng thủ khứ đảm liêu hī*

*Thế tình đa bất trắc, ngā tự kim lai hoán nại hā.*

Gia hệ thay trông chờ, nàng đi bỏ lại đây gánh nặng

Thế tình đa bất trắc, ta từ nay nào biết gọi ai.

南極輝沈空太息

<sup>1</sup> Ngũ dạ: Nên hiểu là ngũ canh, tức cả đêm.

東床望斷失瞻依

*Nam cực huy trâm không thái túc*

*Đông sàng vọng đoạn thất chiêm y.*

*Nam cực<sup>1</sup> mờ chìm đành an nghỉ*

*Đông sàng<sup>2</sup> dứt đoạn mất trông nhở.*

丈人峰屹瞻如昨

半子情灰帳在茲

*Trương nhân phong dī chiêm như tạc*

*Bán tử tình khôi trường tại tư.*

*Đình non nhạc phụ trông như tạc*

*Tình cảm rẽ con xót tự đây.*

峰頂丈人嗟已矣

膝前半子痛何如

*Phong đỉnh trương nhân ta dī hī*

*Tất tiền bán tử thống hà như.*

*Nhạc phủ đình non ôi đã khuất*

*Rẽ con trước gối tủi nhường bao.*

丁年痛入黃泉路

年夜驚頽太嶽峰

*Đinh niên thống nhập hoàng tuyễn lô*

*Niên dạ kinh đồi thái nhạc phong.*

*Tráng niên khổ nỗi hoàng tuyễn<sup>3</sup> đến*

*Bán dạ kinh hồn thái nhạc<sup>4</sup> suy.*

圯上聞呼小子

雪中空想見先生

<sup>1</sup> *Nam cực*: Tên một ngôi sao. Ở đây chỉ nhạc phủ.

<sup>2</sup> *Đông sàng*: Chỉ chàng rể.

<sup>3</sup> *Hoàng tuyễn*: Nơi suối vàng của người đã chết.

<sup>4</sup> *Thái nhạc*: Núi lớn. Chỉ người bố vợ.

Bí thương vong văn hô tiểu tử  
Tuyết trung không tưởng kiến tiên sinh.  
Chẳng còn nghe thấy hô tiểu tử  
Tưởng hoài trong tuyết thấy tiên sinh.

青氈席冷思模範  
絳帳庭空憶管絃  
*Thanh chiên tịch lanh tư mô phạm*  
*Giáng trường đình không ức quản huyền.*  
Chăn xanh chiếu lạnh suy khuôn mău  
Trường đỏ sân không nhớ sáo đàn.

面命只今無一語  
心喪未可短三年  
*Diện mệnh chỉ kim vô nhất ngữ*  
*Tâm tang vi khả đoán tam niên.*  
Trước mặt đến nay không một ngữ  
Tang lòng chưa thể trọng ba năm.

影落青松裏  
神留絳帳中  
*Ảnh lạc thanh tùng lý*  
*Thần lưu giáng trường trung.*  
Hình ảnh lạc trong tùng xanh  
Tinh thần lưu giữa trường đỏ.

綠水青山長送月  
碧雲紅樹不勝愁  
*Lục thủy thanh sơn trường tống nguyệt*  
*Bích vân hồng thụ bất thắng sầu.*  
Nước biếc non xanh dài đưa nguyệt  
Cây hồng mây thắm chẳng thiết sầu.

翠色和雲籠夜月

玉容帶雨泣春風

*Thúy sắc hoà vân lung đạ nguyệt  
Ngọc dung đồi vũ kháp xuân phong.  
Sắc biếc hòa vân lồng đêm nguyệt  
Mặt hoa ngắn lệ khóc gió xuân.*

春風十載交情舊

*Xuân phong thập tài giao tình cũ  
Đá vũ tam thu biệt hận đa.  
Gió xuân thập tài giao tình cũ  
Mưa tối tam thu biệt hận nhiều.*

雲鎖巫山人不見

*Vân toả Vu Sơn nhân bất kiến  
Nguyệt minh tiên linh hạc qui lai.  
Mây khoá Vu Sơn<sup>1</sup> người chẳng thấy;  
Trăng soi Tiên Linh<sup>2</sup> hạc bay về.*

春影已隨殘月去

*Xuân ảnh dĩ tùy tàn nguyệt khứ  
Quế hương do trực hảo phong lai.  
Xuân ảnh đã theo trăng xé bóng  
Quế hương còn đuôi gió lành đi.*

推殘玉樹三更雨

*Suy tàn ngọc thụ tam canh vũ  
Xúc ván quỳnh hoa ngũ đạ phong.*

<sup>1</sup> Vu Sơn: Nơi thần núi ở.

<sup>2</sup> Tiên Linh: Nơi tiên ở.

*Héo khô cây ngọc tam canh gió*  
Tàn tạ hoa quỳnh ngũ dạ mưa.

自昔文章誇霧隱  
而今意氣仰雲模  
*Tự tích văn chương khoa vư ẩn*  
*Nhi kim ý khí ngưỡng vân mô.*  
Từ trước văn chương khoa vư ẩn<sup>1</sup>  
Mà nay ý khí ngưỡng vân mô<sup>2</sup>

三月雨催椿樹老  
五更風促杜鵑啼  
*Tam nguyệt vū thoi xuân thụ lão*  
*Ngũ canh phong xúc đồ quyên đê.*  
Mưa ba tháng giục cây xuân lão  
Gió năm cạnh đòi tiếng quốc kêu.

月臨椿樹渾無影  
風送杜鵑卻有聲  
*Nguyệt làm xuân thụ hồn vô ảnh*  
*Phong tống đồ quyên khước hữu thanh.*  
Trăng soi xuân thụ mà không ảnh,  
Gió tiềm đồ quyên lại có thanh.

何知一夢飛蝴蝶  
竟使千秋泣杜鵑  
*Hà tri nhất mộng phi hồ điệp*  
*Cánh sủ thiên thu khấp đồ quyên.*  
Biết đâu một giấc bay hồ điệp  
Để khiến nghìn thu khóc đồ quyên.

倚門人去三更月

<sup>1</sup> *Khoa Vu ẩn*: Khoa trương ở nơi mây mù ẩn khuất.

<sup>2</sup> *Ngưỡng vân mô*: Ngang nhìn mô phỏng lại ở trên mây.

泣杖兒悲五夜寒

Ý mòn nhân khú tam canh nguyệt

Khấp trượng nhì bì ngũ dạ hàn.

Tựa cửa người đi tam canh nguyệt

Già sâu trẻ tủi ngũ dạ hàn.

明月山頭思古道

清風江上想芳型

Minh nguyệt sơn đầu tư cổ đạo

Thanh phong giang thượng tưởng phương hình.

Trăng soi đỉnh núi mơ đạo cũ

Gió thổi trên sông tưởng mẫu hình.

大雅云亡綠水青山誰作主

老成凋謝落花啼鳥總傷神

Đại nhã vân vong, lục thủy thanh sơn, thùy tác chủ

Lão thành diêu ta, lạc hoa đê diều, tổng thương thần.

Bậc đại nhã<sup>1</sup> chẳng còn, núi biếc sông xanh ai làm chủ,

Người lão thành<sup>2</sup> khô héo, chim kêu hoa rụng thấy đau lòng.

掛劍若爲情黃菊花開人去後

思君在何處白楊秋淨月明時

Quai kiếm nhược vi tình, hoàng cúc hoa khai nhân khú hậu

Tư quân tại hà xú, bạch dương thu tĩnh nguyệt minh thời.

Treo kiếm thuận theo tình, cúc vàng hoa nở khi người khuất

Nhớ ông nơi đâu ngủ, dương trắng tiết thu buối tròn trăng.

懿德傳諸鄉里口

賢慈報在子孫身

Ý đức truyền chư hương lý khẩu

Hiền tử báo tại tử tôn thân.

<sup>1</sup> Bậc đại nhã: Người có đức tao nhã lớn.

<sup>2</sup> Người lão thành: Người nhà có lịch duyệt nhiều.

Đức hạnh truyền di nhiều làng xã  
Hiền tài báo đáp khắp cháu con.

瓊簫響寂三千界  
玉鏡粧空十二樓  
*Quỳnh tiêu hưởng tịch tam thiên giới*  
*Ngọc kính trang không tháp nhị lâu*  
Váng lăng quỳnh tiêu tam thiên giới<sup>1</sup>  
Quanh hưu gương ngọc tháp nhị lâu<sup>2</sup>

蕙質蘭姿歸閨苑  
瓊林玉樹繞庭階  
*Huệ chất lan tư qui lăng uyển*  
*Quỳnh làm ngọc thụ nhiều đình gai.*  
Huệ đẹp lan thơm về lăng uyển<sup>3</sup>  
Rừng quỳnh cây ngọc quản sân thêm.

駕鶴九霄懷素履  
乘鸞三島憶芳蹤  
*Giá hạc cửu tiêu hoài túc lý*  
*Thùa loan tam đảo ức phương tung.*  
Cưỡi hạc bay chín tầng in hài cũ  
Theo loan về ba đảo nhớ gót xưa.

長留壺範型千古  
自有龍章報九泉  
*Trường lưu hồ pham hình thiên cổ*  
*Tự hữu long chìong báo cửu tuyễn.*

<sup>1</sup> *Tam thiên giới*: Nhà Phật quan niệm thế giới ta ở hiện nay là tam thiên thế giới (ba nghìn thế giới).

<sup>2</sup> *Tháp nhị lâu*: Tức tháp nhị trùng lâu: ống thực quản của người ta có 12 đốt, ở đây chỉ dáng đẹp của người phụ nữ dã khuất.

<sup>3</sup> *Lăng uyển*: Nơi tiên ở.

Khuôn mẫu còn lưu hình thiên cổ  
Long chương<sup>1</sup> tự có báo cửu tuyễn.

貞靜擬歌黃髮頌  
逍遙竟去白雲天  
*Trinh tĩnh nghì ca hoàng phát tụng*  
*Tiêu dao cánh khú bạch vân thiên.*  
Trinh tiết đán đo mừng hoàng phát<sup>2</sup>  
*Tiêu dao chung cục nguồng bạch vân<sup>3</sup>*

懿德難忘流淚血  
慈恩未報饒愁腸  
*Ý đức nan vong lưu lệ huyết*  
*Tử vân vị báo nhiêu sầu trường.*  
Đức hạnh kho quên lưu huyết lệ  
Ân từ chưa báo khổ tâm sâu.

子息祇依青鬢母  
孫枝還賴白頭人  
*Tử tức chi y thanh mấn mẫu*  
*Tôn chi hoàn lại bạch đầu nhân.*  
Con gốc nương nhờ xanh tóc mẹ<sup>4</sup>  
Cháu cành trông cậy trắng đầu ông<sup>5</sup>

鶴馭瑤臺秋月冷  
鵠啼玉砌隴雲飛  
*Hạc ngự giao dài thu nguyệt lanh*  
*Quyên đê ngọc thế lũng vân phi*

---

<sup>1</sup> Long chương: Vẻ đẹp.

<sup>2</sup> Hoàng phát: Người già xưng là hoàng phát (tóc vàng).

<sup>3</sup> Bạch vân: Chỉ nơi quê cha.

<sup>4</sup> Thanh mấn mẫu: Người mẹ tóc mai xanh. Chỉ người vợ kế của cha.

<sup>5</sup> Bạch đầu nhân: Người đầu bạc. Chỉ ông bà nội, hoặc ông bà ngoại.

Hạc ngự dài tiên trăng thu lạnh  
Quyên kêu thêm ngọc áng mây bay.

靜夜鳥鳴悲月色  
長年難警付花塵  
*Tĩnh dạ diều minh bi nguyệt sắc*  
*Trường niên kẽ cảnh phó hoa trán*  
Đêm lặng chim kêu sâu sắc nguyệt  
Năm dài gà gáy mặc bụi hoa.

女宗靡依痛深戚里  
母範何恃淚滴慈爲  
*Nữ tông mị y thống thảm thích lý*  
*Mẫu phạm hà thi lệ trich từ vi.*  
Dâu hiền thời hết cay, đau đớn thâm tình thích lý<sup>1</sup>  
Mẹ thảo chảng còn nhò, lệ rơi lâ chă từ vi<sup>2</sup>

青鳥信來王母歸時環珮冷  
玉簫聲斷秦城去後鳳樓空  
*Thanh diều tin lai, Vương Mẫu qui thời hoàn bội lanh*  
*Ngọc tiêu thanh đoạn, Tân nga khứ hậu phượng lâu không.*  
Thanh diều truyền tin, Vương Mẫu<sup>3</sup> về rồi, vòng ngọc lạnh  
Ngọc tiêu đứt đoạn, Tân nga<sup>4</sup> ly biệt, phượng lâu không.

柏操千磨無改翠  
松齡百劫有餘青  
*Bách tảo thiên ma vô cải thủy*  
*Tùng linh bách kiếp hữu dư thanh.*

<sup>1</sup> *Thích lý*: Bà con làng xóm bên ngoại.

<sup>2</sup> *Từ vi*: Nơi màn trường của mẹ hiền.

<sup>3</sup> *Vương Mẫu*: Một vị nữ thần, tức Tây Vương Mẫu. Con cháu cũng tôn xưng  
tô dâ mặt là Vương Mẫu.

<sup>4</sup> *Tân nga*: Chỉ người con gái đẹp.

Bách dẫu nghìn mài không đổi thắm  
Tùng già trăm kiếp vẫn thừa xanh.

北苑花飛寒總帳  
西窗月落冷深閨  
*Bắc uyển hoa phi hàn huệ trướng*  
*Tây song nguyệt lạc lanh thâm khuê.*  
Uyển bắc<sup>1</sup> hoa bay màn trướng lạnh  
Song tây<sup>2</sup> nguyệt lặn chốn khuê mờ.

形單影隻經三世  
志潔行芳越百年  
*Hình đơn ảnh chích kinh tam thế*  
*Chí khiết hành phuong viet bách niên.*  
Hình đơn bóng lẻ qua tam thế<sup>3</sup>  
Chí sạch làm hay vượt bách niên.

靡他矢志扶黃口  
惟此甘心到百頭  
*My tha thi chí phù hoàng khẩu*  
*Duy thử cam tâm đáo bạch đầu.*  
Chí thê chẳng khác phù con trẻ  
Lòng quyết không sai đến bạc đầu.

節難移方鐵石  
堅操不改耐冰霜  
*Hình tiết nan di phương thiết thạch*  
*Kiên thao bất cải ngại băng sương.*  
Vững chí khôn dời niềm sắt đá  
Kiên tâm chẳng cải mặc băng sương.

<sup>1</sup> Uyển bắc: Vườn phía bắc.

<sup>2</sup> Song tây: Cửa sổ phía tây.

<sup>3</sup> Tam thế: Ba đời: ông, cha, con.

鶯 分 十 載 雲 中 舞  
鶴 別 三 更 月 下 鳴  
*Loan phân thập tài vân trung vũ*  
*Hạc biệt tam canh nguyệt hạ minh.*  
Trong mây loan: múa phân thập tài  
Dưới nguyệt hạc kêu biệt tam canh.

獨 鶴 猶 經 深 夜 雪  
孤 鶯 且 耐 永 霄 霜  
*Độc hạc do kinh thâm dạ tuyêt*  
*Cô loan thả nại vĩnh tiêu sương.*  
Lê hạc còn qua đêm sâu tuyêt  
Đơn loan lại chịu cảnh sương mây.

禪 房 冷 靜 三 更 月  
文 室 虛 明 牛 夜 燈  
*Thiền phòng lanh tĩnh tam canh nguyệt*  
*Văn thất hư minh ngưu dạ đăng.*  
Thiền phòng lạnh vắng tam canh nguyệt<sup>1</sup>  
Văn thất quang không ngưu dạ đăng<sup>2</sup>

流 水 行 雲 談 貝 葉  
清 風 明 月 憶 曇 花  
*Lưu thủy hành vân đàm bối diệp*  
*Thanh phong minhnguyệt úc đàm hoa.*  
*Nước chảy mây trôi đàm lá quy*  
Gió lành trăng sáng tưởng hoa mờ.

彈 指 不 聞 花 雨 落  
轉 頭 猶 見 月 潭 清

<sup>1</sup> *Tam canh nguyệt*: Trăng lúc canh ba, tức nửa đêm.

<sup>2</sup> Cả câu ý nói: phòng văn trống không, đèn chỉ là ánh sáng của sao thiên  
ngưu rơi vào.

*Đàn chỉ bát văn hoa vũ lạc  
Chuyển dầu do kiến nguyệt đậm thanh.  
Đàn ngọt chẳng nghe mưa hoa rụng  
Ngoanh dầu còn thấy nguyệt ao trong.*

石上月光留化跡  
瓶中連影散餘香

*Thạch thượng nguyệt quang lưu hóa tích  
Bình trung liên ánh tàn dư hương.  
Trên đá trăng soi lưu dấu tích  
Trong bình sen bóng tàn hương thừa.*

深院落藤花石不點頭龍不語  
殘經凋貝葉香無飛篆磬無聲  
*Thâm viên lạc đằng hoa, thạch bát điểm, dầu long bát ngữ;  
Tàn kinh điêu bối diệp, hương vô phi, triện khánh vô thanh.  
Viện thảm rụng hoa đằng, đá chẳng điểm, dầu rồng chẳng nói;  
Kinh tàn xăm lá quí, hương không bay, triện khánh không thanh.*

華表鶴歸留素影  
玉屏仙去剩丹邱  
*Hoa biếu hạc qui lưu tố ảnh;  
Ngọc bình tiên khuất thăng đan khưu.  
Hoa nổi hạc về lưu ảnh lụa;  
Bình ngăn tiên vắng lè gò đan<sup>1</sup>*

風過林空花滿地  
丹成爐在火無煙  
*Phong qua lâm khong hoa man dia;  
Đan thanh lô tai hỏa vô yên.  
Gió qua rừng trống hoa man dia<sup>2</sup>*

<sup>1</sup> Gò đan: Gò luyện thuốc tiên.

<sup>2</sup> Hoa man dia: Hoa nở đầy đất.

Dan thành lò tại hỏa vô yên<sup>1</sup>

夢不醒來野鶴空悲華表月  
事都撇去桃華那戀武陵春

*Mộng bát tỉnh lai, dã hạc không bi hoa biếu nguyệt;  
Sự đỗ phách khứ, dào hoa na luyến vùi lăng xuân.  
Mộng chẳng tỉnh rồi, hạc nội vụt bay sầu ánh nguyệt;  
Việc đều bỏ hết, hoa đào rơi cánh thảm mầu xuân.*

子道無成空讀禮  
親恩罔極望回雲  
*Tử đạo vô thành không đọc lễ;  
Thân ân vông cực vọng hồi vân.  
Đạo trè chẳng thành lười đọc lễ;  
Ôn cha vô tận ngóng hồi mây.*

深恩未報慚爲子  
飲泣難銷忝作人  
*Thâm ân vị báo tam vi tử;  
Ám khấp nan tiêu thiện tác nhân.  
Ôn sâu chưa báo làm con thẹn;  
Nuốt tủi khôn tiêu cách sống hèn.*

遇亦甚難哉慷慨先已駙馬子  
神當不沒矣悽愴長在昇龍門  
*Ngộ diệc thậm nan tai! Khảng khái tiên dī phò mã tử;  
Thần đương bất một hỉ! Thê thương trường tại Thăng Long môn.  
Cảnh ngộ thật khó thay, khảng khái trước hi sinh – con phò mã;  
Tinh thần không mất vậy, cảm thương người với voi đất Thăng Long.*

同郡疊告哀君之逝去竹堂范老幾何日  
八年兩制敵今之役視癸酉往事勝一籌

<sup>1</sup> Cả câu ý nói: Lò luyện thuốc tiên còn đó, lửa khói không còn nữa.

*Đồng quân diệp cáo ai, quân chi thệ khứ Trúc Đường Phạm lão kỷ  
hà nhặt;*

*Bát niên lưỡng chế địch, kim chi địch thị Quý Dậu vãng sự thắng  
nhất trù.*

Đồng hương liên tiếp cáo tang, ông ra đỉ cách Phạm Trúc Đường là mấy?  
Tám năm hai phen dẹp giặc, việc ngày nay so năm Quý Dậu hơn nhiều.

廿年使許身報國何以家爲何家非家亦何  
家是家家國夢中苦最苦國破家亡仇尚在  
一片心殉義捐生欲得死所欲死不死未欲  
死竟死死生度外悲奚悲生雄死烈志難埋  
*Tráp niên sứ hứa thân báo quốc, hà dỉ gia vi, hà gia phi gia, diệc hà  
gia thi gia, gia quốc mộng trung, khổ tôi khổ, quốc phá gia vong cừu  
thượng tại;*

Nhất phiến tâm tuẫn nghĩa quyền sinh, dục đặc tử sở, dục tử bất tử, vị  
dục tử cánh tử, tử sinh độ ngoại, bi hề bi, sinh hùng tử liệt chí nan mai.  
Hai mươi năm đem thân báo nước, nào kể chi nhà, nhà nào là nhà,  
nhà nào không phải nhà, trong mộng nước nhà, khổ là khổ, nước mất  
nhà tan, thù vẫn đó.

Một tấm lòng vì nghĩa quên mình, muốn tìm chỗ chết, muốn chết  
không chết, không muốn chết lại chết, ngoài vòng sống chết, sống  
hùng chết liệt, chí khôn vùi.

忠孝有真傳念祖國念同胞豈忍天涯遺老父  
英雄無印板亦頑民亦義士管教史筆屬名家  
*Trung hiếu hữu chán truyền, niệm Tổ quốc, niệm đồng bào, khơi  
nhân thiên nhai di lão phụ;*

Anh hùng vô ấn bản, diệc ngoan dân, diệc nghĩa sĩ, quản giao sử bút  
thuộc danh gia.

Trung hiếu do truyền thống từ xưa, nghĩ Tổ quốc, nghĩ đồng bào, khơi  
nhân thiên nhai di lão phụ;

Anh hùng không bản in để lại, cũng ngoan dân, cũng nghĩa sĩ, rồi đây  
bút sử chép danh gia.

霹靂一聲群奸膽散  
江山千古大俠魂香

Tịch lịch nhất thanh quần gian đảm tán  
Giang sơn thiên cổ đại hiệp hồn hương.

Sấm sét một tiếng vang, bọn gian gan nát;  
Non sông ngàn thuở mãi, hiệp sĩ hồn hương.

讀四千年歷史刺客傳俠客傳乃君爲開卷  
第一人固應日月星辰高懸姓字

語五千萬同胞吾民仇吾國仇矧汝亦亞黃  
真貴種好與江山城郭洗淨腥羶

Đọc từ thiên niên lịch sử, Thích khách truyện, Hiệp khách truyện nãi  
quán vi khai quyền đệ nhất nhân, cố ưng nhật nguyệt tinh thần, cao  
huyền tính tự;

Ngữ ngữ thiên vạn đồng bào, ngô dân cừu, ngô quốc cừu, thǎm nhữ  
diệc Á hoang chán quí chủng, hảo dữ giang sơn thành quách, tẩy tinh  
tinh chiên.

Đọc bốn nghìn năm lịch sử, truyện Thích khách, truyện Hiệp khách,  
với ông thật là người đầu tiên, vậy nên với mặt trời, trăng sao, nêu  
cao tên tuổi.

Nói năm ngàn vạn đồng bào, thù dân ta, thù nước ta, huống mà  
cũng da vàng châu Á, thế phải vì non sông thành quách, rửa sạch hôi  
tanh.

不能死又不能生展轉病中魂難家仇痛  
史到君無底痛

與俱出誰與俱入蕭條亡後劫天涯海角悲  
場任我自由悲

Bất năng tử hựu bất năng sinh, triển chuyển bệnh trung hồn, quốc  
nan gia cùu, thông sử đáo quân vô đế thống.

Dữ câu xuất thùy dữ câu nhập, tiêu diệu vong hậu kiếp, thiền nhai  
hài giác, bi trường nhậm ngã tự do bi.

Chết không được, sống cũng lại không xong, bệnh hồn dàn vặt bấy  
lâu, nạn nước thù nhà, đau đớn anh oai hồn xiết kẽ;

Ra với nhau, về biết cùng ai nỉ? Thân thế tiêu điều lắm nỗi, chán  
trời gốc bể, thương thảm tôi cũng biết sao đây?

造少年國先造少年人墳海補天蓋世奇功希汝翼  
與同志出不與同志入悲風慘雨滿城方草爲誰萋  
*Tạo thiếu niên quốc, tiên tạo thiếu niên nhân, diền hải bổ thiên cái  
thế kỳ công hy nhữ dục;*

*Dù đồng chí xuất, bất dù đồng chí nhập, bi phong thảm vũ, mān  
thành phượng thảo vị thùy thê.*

Tạo nước thiếu niên, trước tạo người thiếu niên, lắp bể vá trời, công  
việc hơn đời nhờ ở bác;

Cùng đồng chí đi, không cùng đồng chí lại, mưa sầu gió thảm, cỏ hoa  
đầy phố để cho ai?

問汝漢姦即今奴隸舞臺閒幕從究竟何如  
夢裏昏昏偏怪汝

哀君義種從古英雄歷史發軔初大都自此  
傭中佼佼最憐君

*Vấn nhữ Hán gian, tức kim nô lệ vũ đài, bế mạc hậu cữu cánh hà  
như, mồng lý hôn hòn thiên quái nhữ;*

*Ai quân nghĩa chủng, tòng cổ anh hùng lịch sử, phát nhận sơ đại độ  
tự thử, dong trung giáo giảo tői liên quân.*

Hỏi mày bọn Hán gian, hiện nay sân khấu tôi đòi, hạ màn rồi sau sê  
ra sao? trong lúc tôi tăm mày thật quái;

Thương bác người nghĩa hiệp, tự cổ anh hùng lịch sử, đầy xe trước  
tòan như thế cả, làm thuê sáng tỏ bác nén thương.

會看戰馬南旋殄仇虜慰壯心寄語英齡有  
作九原應默護

愁見征鴻北上弔中原談舊事幾經艱苦無  
情二豎忍相欺

*Hội kham chiến mã Nam toàn, diển cữu lõ, ủy tráng tâm, ký ngữ anh  
linh, hữu tác cữu nguyên ưng mặc hộ;*

*Sầu kiến chinh hồng Bắc thương, điếu Trung nguyên, đàm cữu sự, ký*

*kinh gian khổ, vô tình nhị thụ nhán tương khi*

Những mong chiến mã về Nam, giết giặc cướp, thỏa tám lòng, nhán gửi hồn thiêng, có biết suối vàng nên giúp đỡ.

Buồn thấy chính hồng lên Bắc, thăm Trung Nguyên, bàn việc cũ, trải bao gian khổ, vô tình mà bệnh nã giày vò.

見君之去不見君之還他年奏凱聲中鴻嶺  
魚峰草木爲君齊墜淚  
與我同來寧與我國死幾度飲愁杯裏盤城  
島國風塵剩我最傷心

*Kiến quân chi khúi bát kiến quân chi hoàn, tha niên tấu khai thanh trung, Hồng lĩnh, Ngư phong, thảo mộc vị quân tề truy lệ;*

*Dữ ngã đồng lai ninh dữ ngã đồng tử, kỷ độ ấm sâu bôi lý, Bàn thành, Đảo quốc, phong trần thặng ngã tối thương tâm.*

Thấy anh đi, chẳng thấy anh về, ngày nào trong tiếng khai hoàn, núi Hồng, còn Ngư, cây cỏ vì anh đều nhỏ lệ;

Cùng tôi ra, không cùng tôi chết, mấy bạn cùng nâng chén rượu, thành Bàn, nước Đảo, phong trần để bạn phải thương tâm.

心不能爲之哀一夢太淒涼六十年來故國  
江山甘我棄  
天竟何從而問同胞都義烈三千里外他邦  
瘴屬忍予仇

*Tâm bất năng vi ch ai, nhất mộng thái thê lương, lục thập niên lai, cố quốc giang sơn cam ngã khi;*

*Thiên cảnh hà tòng nhi vấn, đồng bào dô nghĩa liệt, tam thiên ly ngoại, tha bang chưởng lệ nhán dư cừu.*

Lòng thương biết làm sao? một mộng quá buồn sâu, sáu chục năm nay, nước cũ non sóng dành bỏ bạn;

Trời theo đâu mà hỏi? đồng bào đều nghĩa liệt, ngoài ba ngàn dặm, quê người lam chướng nợ thù nhà.

壯在我公戰壘殘魂馳驅終不倦上留東數  
閱月導游學先河不虛憂患半生竟隨國殉

嗟乎吾國新潮初涌進步未有窮況同志許  
多人當復仇後勁有日中原一捷願告公知

Tráng tai ngã công, chiến lũy tàn hồn, trì khu chung bát quyết,  
thương lưu đồng sở duyệt nguyệt, đạo du học tiên hà, bát hưu ưu hoạn  
bán sinh, cánh tùy quốc tuẫn;

Ta hổ ngô quốc, tân trào sơ dung, tiến bộ vi hưu cùng, huống đồng chí  
hứa da nhân, đương phục cứu hậu kinh, hưu nhật trung nguyên nhất  
tiệp, nguyễn cáo công tri.

Chí ông đáng khen thay! Chiến lũy đã tàn, mà ruồi rong không mỏi,  
còn lưu lại Đông Kinh vài tháng, khơi nguồn du học, không uổng nửa  
đời lo nghĩ, lai vì nước chết đi;

Vận nước đáng buồn lắm! Tân trào mới nỗi, nên tiến bộ chưa cùng, đã  
có trong đồng chí bao người, gánh việc phục thù, có ngày đất nước thu  
hồi, xin cùng ông nói lại.

君豈其虛生作戲於世耶 提兵三稔去國廿  
餘年一泣於英一泣於清忽忽焉大泣於冬  
誰齡思入秋風向我神京埋古劍

我亦不知死之爲何物也 讀書五洲知交數  
十輩或戰以舌或戰以筆端端的力戰以鐵  
直使血塗溫帶爲吾黃族豎紅旗

Quân khóc kỳ hú sinh tác hí ư thế da, đề binh tam nǎm, khú quốc  
tráp dư niên, nhất kháp ư Anh, nhất kháp ư Thanh, hốt hốt yên đại  
đại kháp ư Đông, thùy linh tử nhập thu phong, hương ngã thần kinh  
mai cổ kiếm.

Ngã diệc bát tri tử chi vi hà vật dã, độc thư ngũ châu, tri giao số thập  
bối, hoặc chiến dĩ thiệt, hoặc chiến dĩ bút, doan doan đích lực chiến dĩ  
thiệt, trực sử huyết đố ôn đới, vị ngô hoàng tộc thụ hồng kỳ.

Bác há phải sống mà chơi ở đâu? Cảm quân ba bận, bỏ nước hai  
mươi năm, đã kêu ở Anh, đã kêu ở Thanh; lại còn thấy tiếng kêu ở  
Đông, vì đâu ngọn gió mùa thu, đến chốn thần kinh chôn kiếm cổ;  
Tôi không biết chết là vật gì nữa cả! Đọc sách năm châu, quen biết  
vài chục bạn, kẻ đánh bằng lưỡi, kẻ đánh bằng bút, có kẻ ra sức đánh  
bằng sắt để khiến máu rơi ôn đới, vì nòi hoàng tộc dựng cờ hồng.

崑崙島面積若幾偏容許多人奇絕奇造設當初寧問  
有期與無期波中湧起孤峰高高留個英雄萬古宅

大越國血購得來所值只一死怨何怨流離此日不以  
歌去以哭去夢裡驚呼同志戰戰還我山河獨立天

Côn Lôn đảo diện tích nhược kỷ, thiên dung húa đa nhân, kỳ tuyệt kỳ,  
tạo thiết đương sơ, ninh ván hữu kỳ dũ vô kỷ, ba trung dung khôi cõ  
phong, cao cao cao, lưu cá anh hùng vạn cổ trạch.

Đại Việt quốc huyết cấu đắc lai, sở trị chí nhất tử, oán hè oán, lưu ly  
thử nhật, bắt dī ca khứ dī khóc khứ, mộng lý kinh hô đồng chí, chiến  
chiến chiến, hoàn ngã sơn hà độc lập thiêng.

Đảo Côn Lôn diện tích bấy nhiêu, dung được biết bao người lạ lả sao!  
Xây dựng từ xưa, nào hỏi gì có hẹn hay không, giữa lòng nỗi ngon non  
cõi, cao cao cao, nhà cửa anh hùng lưu tại đó;

Nước Đại Việt máu xương mua lại, giá đáng một cái chết, oán oán  
mãi! Lưu ly ngày ấy, bước ra lại không ca mà khóc, trong mộng hoảng  
kêu đồng chí đánh đánh đánh, bầu trời độc lập trả về đây.

嗟嗟許大山河徵王不作趙姬安歸翻教歷  
史數千年多渠一死

咄咄成何世界沱海漲羞屏山凝臭忍看鬚  
眉幾百輩與賊俱生

Ta ta húa đại sơn hà, Trưng Vương bát tác, Triệu Âu an qui, phiên  
giáo lịch sử sổ thiên niên, da cù nhất tử;

Đốt đốt thành hà thế giới, Đà hải trương tu, Bình Sơn ngưng xu,  
nhẫn khán tu mi kỳ bách bối, dũ tặc câu sinh.

Nước non rộng rái đáng than thay! Trưng Vương không dày, Triệu  
Âu về đâu? khiến cho lịch sử vài nghìn năm, thêm người chết nữa;  
Thế giới lung tung đáng sợ thật! Đà Hải thẹn dày, Bình Sơn thối ứ,  
nỡ để râu mày trăm kẽ, cùng giặc sống sao?

嗟我生無補於時海外寄殘軀風雨一天空洒淚  
噫君死已得其所簷頭留碧血江山千古有餘香

Ta ngã sinh vô bổ ư thời, hải ngoại ký tàn khu, phong vū nhất thiên  
không sai lệ;

*Y quân tử dĩ đặc kỳ sở, thiêm đầu ltu bích huyết, giang sơn thiên cổ  
hữu dư hương.*

Sóng như ta không ích cho đời, đất khách gùi xương tàn, mưa gió một  
trời riêng nhỏ lệ.

Chết mà bạn đã tìm được chốn, mái nhà rơi máu đỏ, non sông muôn  
thuở có thừa hương.

邦傑沒兮百身終莫贖好是文明初度星火燎原誓將  
百鍊千磨鑄時鑄世鑄江山光前燎後

國魂在否一慟竟無聲哀哉辛苦牧場仰天吞彈所望  
一心同德有叔有弟有朋友雖死猶生

Bang kiệt một hề, bách thân chung mạc thực, hảo thị văn minh sơ độ,  
tinh hòa liệu nguyên, thê tương bách luyện thiên ma, chú thời, chú  
thé, chú giang sơn, quang tiền thước hậu;

Quốc hồn tại phủ, nhát đồng cánh vô thanh, ai tai tân khổ mục  
trường, ngưỡng thiên thôn dạn, sở vọng nhát tâm đồng đức, hữu thực,  
hữu đệ, hữu bằng hữu, trung tử do sinh.

Hào kiệt mất rồi, trăm minh khôn chuộc lại, tiếc nỗi văn minh buồi  
mới, chút lửa cháy đồng, thê rằng trăm luyện ngàn tôi, đúc thời, đúc  
thé, đúc non sông, trước sau rạng rỡ;

Quốc hồn đâu tá, một tiếng thét không ra, thương thay trường mục  
đắng cay, nhìn trời nuốt đạn, ước những đồng tâm, đồng đức, còn chả  
còn em, còn bạn hữu, sống chết như nhau.

年少億同游間嘗拔劍擊天誓殲仇虜真個略韜素蘊  
大有乃父風吾夫子席前言志時噲然心許

時危誰爲拯方欲揮戈挽日濶失英雄獨憐忠孝兩全  
留作吾儕鏡老將軍海外聞哀日莞爾顏開

Niên thiếu ức đồng du, gian thường bạt kiém phách thiên, thê tiêm  
cửu lô, chán cá lược thao tố uẩn, đại hữu nãi phụ phong, ngô phu tử  
tịch tiền ngôn chí thời, khoái nhiên tâm hứa

Thời nguy thời vị chứng, phương dục huy qua văn nhật, cự thất anh  
hùng độc liên trung hiếu lưỡng toàn, lưu tác ngô sai kính, lão tướng  
quân hải ngoại văn ai nhật, hoàn nhĩ nhan khai.

Nhớ khi tuổi trẻ cùng chơi, đã từng mang giáo chí trời cao, thể trừ giặc cướp, thật là đã gồm tài thao lược, theo lối của người cha, thầy học ta khi nói chỉ học trò, lòng đà khâm phục;

Gặp lúc nguy nan ai cứu, những muôn múa gươm xong cuộc thế, đã mất anh hùng, chỉ tức rằng trọng đạo hiếu trung, làm gương cho bạn hữu, lão tướng quản lúc được nghe ai tin, mặt vẫn tươi cười.

乾坤翻覆以來間，豈無轟轟烈烈好場誰似君家三攫  
虜刃再殉孤城幾回看寶劍掌中魂到九原猶殺賊

身世浮沈至此日常抱鬱鬱空空奇氣欲揮吾手拔崑  
崙山平斧徐海一聲語姪兒海外身先同志厲誅仇

Càn khôn phiền phúc dī lai, gian khôi vô oanh oanh liệt liệt hảo  
trường, thùy tự quân gia, tam anh lỗ nhện, tái tuẫn cô thành, kỷ hồi  
khan bảo kiếm chưởng trung, hồn đáo cùu nguyên do sát tặc.

Thân thế phù trầm chí thủ, nhật thường bão uất uất bột bột kỳ khí,  
dục huy ngô thủ, bạt Côn Lôn sơn, bình Càn Giờ hải, nhất thanh ngũ  
diệt nhi hải ngoại, thân tiên đồng chí lệ tru cùu.

Trời nghiêng đất ngả đến nay, há không trường liệt liệt oanh oanh, ai  
như nhà ông, ba người đánh giặc chết, hai bận giữ thành cô, bao lần  
xem báu kiếm trong tay, hồn đến suối vàng còn giết giặc.

Bảy nỗi ba chìm là thế, ôm cái chí uất uất bột bột, muôn giờ tay tó,  
san phẳng núi Côn Lôn, lắp bằng bể Càn hải, một tiếng gọi cháu trai  
ngoài cõi, hàng đầu đồng chí gắng phanh thù.

自攜手離東忽七年間風雨重洋關山萬里斯  
每於艱險地膽爲酒薪爲床時對心言生斯  
世當雄之飛毋雌之伏

暨分襟而西已一載半鴈音竟杳鴻爪空留男  
恍於夢寐中聲如雷目如炬來告予曰真男  
子寧玉而碎毋瓦而全

Tự huề thủ ly Đông, hốt thất niên gian, phong vũ trùng dương, quan  
sơn vạn lý, mỗi ư gian hiểm địa, đảm vi tiều tân vi sàng, thời đôi tân  
ngôn: sinh tư thế đương hùng chí phi, vô thư chí phục;

Ký phân khâm nhi Tây, dī nhất tài bán, nhạn âm cánh diều, hòng

tráo không lưu, hoảng như mông mị trung, thanh như lôi, mục như cự, lai cáo dứt viết: chân nam tử nịnh ngọc nhi toái, vô ngoã nhi toàn. Từ đất tay dời Đông, bỗng trong bảy năm, mưa gió ngàn trùng, quan san muôn dặm. khi ở nơi gian hiểm, mắt làm rượu, gai làm giường, bẩm bụng nói thầm: “Sinh ở đời này, thà giống trống mà bay, không làm giống mái mà nấp”.

Lần chia áo đi Tây, nay một năm rưỡi, tin nhà đã vắng, móng hồng không còn, bỗng trong giấc chiêm bao, tiếng như lôi, mắt như lửa, gọi tôi mà bảo: “Đã là nam tử, thà làm ngọc mà nát, không làm hòn ngói mà nguyên”.

浮生何足悲可憐國難家仇壯志半生流水逝  
同黨依然在會看乾旋坤轉英魂萬里烈風來

Phù sinh hà túc bi, khả liên quốc nạn gia cừu, tráng chí bán sinh lưu thủy thê;

Đồng đảng y nhiên tại, hội khán kiền toàn khôn chuyển, anh hồn vạn lý liệt phong lai.

Phù sinh có tiếc gì, đáng thương nạn nước thù nhà, tráng chí nửa đời theo nước chảy;

Đồng đảng còn đây cả, sẽ thấy trời xoay đất chuyển, hồn thiêng muôn dặm gió bay về.

噫天遽喪予耶磊磊一生心方將吞四海吸  
三江捲萬千怒浪愁濤惟吾驅策

使人儘如君者茫茫全亞陸奚至朝歐雲暮  
美雨把四百神州赤縣任汝縱橫

Y thiên cự táng dứt da, lối lối nhất sinh tâm, phương tương thôn tử hải  
hấp tam giang, quyển vạn thiên nộ lăng sầu đảo, duy ngô khu sách;

Sử nhân tận như quân giả, mang mang toàn Á lục, hề chí triều Âu vân  
mộ Mỹ vũ, bả tử bách thán châu xích huyên, nhậm nhữ tung hoành.

Trời làm hại ta chăng? Lỗi lạc một tấm lòng, những đang hòng nuốt bốn  
bể, hút tam giang, cuốn muôn ngàn ngọn sóng kinh đời, để ta sai khiến;  
Mọi người như ông cà, mênh mông toàn châu Á, sao đến nỗi sớm mây  
Âu, chiều gió Mỹ, đem bến trăm huyên châu quí báu cho chúng tung  
hoành.

一腔熱血竟付東流成敗局人奈天何千秋淚洒珠江水

十歲雄圖欲翻西海感慨場今猶昨也萬里魂馳故國山

*Nhất xoang nhiệt huyết phó Đông lưu, thành bại cục nhân nại thiên hà, thiên thu lệ sái châu giang thủy.*

*Thập tuế hùng đồ dục phiên Tây hải, cảm khái trường kim do tạc dã, vạn lý hồn trì cố quốc sơn.*

Một bầu nhiệt huyết, phó mặc Đông lưu, cuộc thành bại người biết trời sao, nước châu giang ngàn thu lệ rướt.

Mười năm hùng đồ, muốn lay Tây hải, trường cảm khái nay như xưa vậy, non cố quốc muôn dặm hồn về.

方將聯一氣爲地球無所謂合並無所謂離管教地下人間總依然燈前劍影枕畔難聲得意也都忘爾我

且欲導眾生於天國有爲之因必有爲之果憑仗天齡佛力會須看塵裏歐雲毫端美雨牧場那復計東西

*Phương tương liên nhất khí vi địa cầu, vô sở vị hợp tịnh vô sở vị ly, quản giáo địa hạ nhân gian, tổng y nhiên đăng tiền kiêm ảnh, châm bạn kê thanh, đắc ý dã dô vong nhĩ ngã;*

*Thà dục đạo chúng sinh ư thiên quốc, hữu vi chi nhân, tất hữu vi chi quả, bằng trượng thiên linh Phật lực, hội tu khán trần lý Âu văn, hào doan Mỹ vũ, mục trường na phục kế đông tây.*

Cùng toan liều một mạch làm địa cầu, không gì là hợp, cũng không gì là ly, khiến cho dưới đất giữa người, đều y nhiên trước đèn hồng kiếm, bên gối tiếng gà, khi đắc ý lại quên mày tớ;

Lại muốn dẫn chúng sinh lên thiên quốc, đã làm ra nhân át sẽ làm ra quả, dựa ở oai trời sức Phật, tất phải thấy trong bụi mây Âu, đầu tia mưa Mỹ, trường chăn chi sá kể đông tây.

玄黃未定如此世須才有其奮矣而更蹶有其蹶矣而復能奮歟臥我於窮島荒山尸祝萬因齊救國

淘汰無情祇疑天亦醉彼宜死者何以生彼宜生者又何而死也憐君以空拳白面奔馳十載不知家

*Huyền hoàng vị định, như thử thế tu tài, hữu kỳ phán hỉ nhì cánh  
quê, hữu kì quệ nhì phục nǎng phán dư, ngoại ngã ư cùng đảo hoang  
sơn thì chúc vạn nhân tề cứu quốc;*

*Đảo thải vô tình, chi nghi thiên diệc túy, bỉ nghi tử giả hà dĩ sinh bỉ  
nghi sinh giả hưu hà nhì tử dã, liên quân dĩ không quyền bách diện,  
bôn tri thập tài bất tri gia.*

Cao dày chưa định thế, đời còn cần kẻ có tài, có người đã dày rồi, lại  
ngã, có người đã ngã rồi lại dày chăng? Đầy ta ra đảo vắng rừng  
hoang, muôn kẻ ước mong đều cứu nước.

Lừa lọc khéo vô tình, trời hẳn như người say rượu, kia kẻ đáng chết  
sao lại sống, kẻ đáng sống sao lại phải chết thế? Thương anh chỉ tay  
không mặt trắng, mười năm chạy vạy biết chỉ nhà.

### 君死一生心可白

### 將軍雖死面猶紅

*Quân tử nhất sinh tâm khả bạch*

*Tướng quân tuy tử diện do hồng<sup>1</sup>*

*Quân tử trọng đời lòng tỏ trắng*

*Tướng quân dầu chết mặt còn hồng.*

### 怒倒山河三尺劍

### 功成夫婦一家兵

*Nô đảo sơn hà, tam xích kiếm*

*Công thành phu phụ, nhất gia binh<sup>2</sup>*

*Núi sông rạp đỗ, gươm ba thước*

*Chồng vợ xông pha, lính mít nhà.*

### 少爲故鄉子老還爲故鄉翁得喪始終俱隱夢

<sup>1</sup> Câu đối của Phó bảng Nguyễn Dân Tiết viếng liệt sĩ Phạm Bành, mất năm 1886. Bản chữ Hán và bản tịch, tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19*.

<sup>2</sup> Khuyết danh; Câu đối mừng vợ chồng nghĩa quân Bãi Sậy. Xuất xứ như trên.

生爲南國人死猶爲南國鬼是非千古有公評

*Thiếu vi cổ hương tử, lão hoàn vi cổ hương ông, đắc tang thủy chung  
câu ẩn mộng*

*Sinh vi Nam quốc nhân, tử do vi Nam quốc quý, thi phi thiên cổ hữu  
công bình!*

Trẻ là con quê hương, già về là lão quê hương, được mất trước sau  
dường giấc mộng.

Sống làm người đất nước, chết vẫn làm ma đất nước, đúng sai muôn  
thuở có lời bàn.

痛心時事異常士君子有國之仇無身之怨  
回頭江山依舊大丈夫雖死之日猶生之年

*Thóng tâm thời sự dị thường, sĩ quan tử hữu quốc chí cừu, vô thân chí  
oán;*

*Hồi đầu giang sơn y cựu, đại trượng phu tuy tử chi nhặt, do sinh chi  
niên<sup>2</sup>.*

Đau lòng thay thời thế khác thường, người quân tử không nghĩ oán  
riêng, chỉ lo thù nước;

Quay đầu lại non sông như cũ, kẻ trượng phu tuy rằng đã chết, cũng  
vẫn như còn.

有志弗成英雄已矣

未捷先死天意謂何

*Hữu chí phát thành, anh hùng dĩ hỉ*

*Vì tiệp tiên tử, thiên ý vị hà<sup>3</sup>*

Có chí không thành, anh hùng đã khuất

Chưa thắng đã chết, ý trời ra sao!

<sup>1</sup> Khuyết danh; Câu đối viếng một thủ lĩnh nghĩa quân Bãi Sậy. Xuất xứ như trên.

<sup>2</sup> Câu đối khuyết danh viếng Nguyễn Quang Bích mất năm 1889. Văn bản chữ Hán và bản dịch tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19*.

<sup>3</sup> Câu đối của Phan Đình Phùng viếng Cao Thắng<sup>(1)</sup> và Lê Ninh<sup>(2)</sup>. Xuất xứ như trên.

靜藍 藝鴻 存有 聲節 先大 義君 唱扶 天地 由無  
雖堪 成英 敗雄 云嘆

Tuy vẫn thành bại do thiên, xướng nghĩa tiên thanh tồn Nghệ Tĩnh  
Kham thân anh hùng vô địa, phù quân đai tiết hữu Hồng Lam.

Tuy rằng thành bại tại trời, xướng nghĩa đầu tiên truyền Nghệ Tĩnh  
Than nhẽ anh hùng không đất, phò vua tiết lớn sánh Hồng Lam<sup>1</sup>.

君可不常 文謂不獨  
與常誰事 大凋人助  
誓綱消人 此松何莫  
義念煙嗟 峰奈物天  
大每冷共 馬高無移嘆  
此書宮暗 兵而寒星堪牛  
忠讀支雲 翻水沖柱風斗  
孤齡難非 獻流雪砥散貫  
此之木龍 文而之流雁精  
論墨一日 百窮鴻中時死  
莫英廈當山 貫無風波此一  
雄之大況江 地之頽及節  
英硃顛怨越 天藍決情氣  
成始者深憐 古字哉故松

*Thành bại anh hùng mạc luân, thủ cõi trung, thủ đại nghĩa, thề dù  
chư quân tử thùy chung; Châu chi anh, Mắc chi linh, độc thư mỗi  
niệm eutong thường trọng. Khả hậu giả thùy diên dài hạ, nhất mộc  
nan chí; cung lãnh yên tiêu, thùy nhân bất tác thâm sơn oán! Huống  
đương nhật long phi vân ám, công ta nhân sự vô thường; khả liền La  
Việt giang sơn, bách niên văn hiến phiên binh mã;*

Cô kim thiên địa vô cùng, nhi lưu thủy, nhi cao phong, đồng thủ đại  
trương phu vũ trụ; Lam chi phong, Hồng chi tuyêt, xung hàn vô nai  
bách tùng diêu. Vị nà tai hội quyết đài ba, trung lưu đê trụ, tinh di  
vật hoán, hà nhân bất khởi có viên tình! Cập hử thời nhạn tán phong

<sup>1</sup> Đây là dôi câu đối các văn thân Nghệ Tĩnh viếng chí sĩ Phan Đình Phùng mất ngày 28 tháng 12 năm 1895. Phần chữ Hán và phần dịch, chúng tôi tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19*.

<sup>11</sup> Dỏi câu đồi này có ý nghĩa hết sức sâu sắc về nội dung, còn về nghệ thuật cũng rất đặc sắc; chúng tôi dẫn để chúng ta cùng tham khảo, học tập.

*xuy, kham thán thiên tâm mạc trợ; độc thử tùng mai khi tiết, nhất từ  
tinh thần quán đầu ngưu!*

Anh hùng thành bại kê chi, tặc dạ cò trung, tấm gương nghĩa cả, thê  
cùng các bạn chu tuyển; Sơn mực thánh thần, đọc sách lấy cương  
thường làm trọng. Giận vì lê nhà to sấp đổ, một cây chằng chống được  
nào; cung lạnh khói tàn, cảnh non thăm ai không xót nỗi. Gặp vận  
rồng bay mây tối, ngậm ngùi cuộc thế đổi thay, thương ôi La Việt non  
sông, vẫn hiển trâm nấm bình mã loạn;

Trời đất cổ kim còn mãi, một dòng nước chảy, muôn truong núi xa, áy  
chốn nam nhì ngang dọc; Lam Hồng gió tuyêt, ngao đồng cho tùng  
bách cũng gầy. Tinh sao dây sóng cả đang dâng, cột đá giữa dòng khó  
vững; sao dời vật đổi, tình cố hương ai chẵng chạnh lòng! Nguồn cơn  
nhạn lạc gió gầm, ngao ngán lòng trời cay nghiệt; thấy chửa tùng mai  
khí tiết, tinh thần một thác đầu ngưu cao!

自古英雄鐵石肝腸難盡寫  
到頭事勢川河血屬曷能流

*Tự cổ anh hùng, thiết thạch can trường nan tận tá*

*Đáo đầu sự thế xuyên hà huyết lệ hạt nắng lưu<sup>1</sup>*

Từ trước anh hùng, dạ sắt gan vàng khôn xiết tà

Đến cùng sự thế, máu sông lệ suối chảy sao trời.

錦悅動金風王母稱觴聯盞酒  
燭花輝繡閣蘭孫引鳳舞斑衣

*Cẩm thuế động kim phong Vương mẫu xưng thương liên cẩn tửu.*

*Chúc hoa huy tú các, lan tôn dần phượng vũ ban y.*

Khăn gấm gió thu bay, Vương mẫu chén mời bên rượu cười.

Đuốc hoa ngồi gác đẹp, vườn lan đưa phượng múa áo hoa.

八月稱觴桂苑投香延八秩  
千聲奏樂萱花迎笑祝千秋

<sup>1</sup> Cản đổi các thân sĩ Thanh Hóa viếng Tông Duy Tân mất ngày mồng 5 tháng  
10 năm 1892. Xuất xứ như trên.

Bát nguyệt xưng thương quê uyển đầu hương diên bát trật.  
Thiên thanh tấu nhạc huyền hoa nghinh tiểu chúc thiên thu.  
Tháng tám tiệc họ, vườn quê đưa hương mừng tám chục.  
Ngàn thanh nhạc tấu, hoa huyền vui dồn chúc ngàn thu.

褓 娃 呈 辉 八 十 年 來 光 八 月

蟠 桃 獻 瑞 三 千 歲 後 待 三 禹

Bảo vu trình huy bát thập niên lai quang bát nguyệt.

Bàn đào hiến thuy tam thiên tué hâu dài tam ngu.

Bảo vu sáng sao, tám chục tuổi rồi soi tháng tám.

Bàn đào hiến họ, ba ngàn năm tới đợi ba nơi.

錦 悅 動 金 凤 壽 度 八 旬 逢 九 月

繡 花 權 寶 娃 祥 鐘 一 室 慶 千 秋

Cẩm thuế động kim phượng thọ độ bát tuần phùng cửu nguyệt.

Tú hoa huy bảo vu tường chung nhất thát khánh thiên thu.

Phượng vàng bay rực rõ, tuổi họ tám tuần vào tháng chín.

Bảo vu ngời hoa đẹp, chuông lành một cửa chúc ngàn năm.

四 德 俱 全 逢 九 秋

三 多 咸 憊 祝 千 秋

Tứ đức câu toàn phùng cửu trật.

Tam đa hàm bị chúc thiên thu.

Tứ đức vẹn toàn lên chín chục.

Tam đa đầy đủ chúc ngàn năm.

堂 北 萱 花 荣 九 秋

天 南 寶 娃 耀 千 秋

Đường bắc huyền hoa vinh cửu trật.

Thiên nam bảo vu diệu thiên thu.

Nhà bắc hoa huyền vinh chín chục.

Trời nam Bảo vu sáng ngàn năm.

德 合 無 疆 年 逾 九 秋

壽稱難老慶祝三多

*Đức hợp vô cương niên du cửu trật.*

*Thọ xứng nan lão khánh chúc tam đa.*

Đức đến vô cùng vượt qua chín chục.

Thọ nay hiếm kè cầu chúc tam đa.

寶婺星輝年九十

蟠桃果熟歲三年

*Bảo vũ tinh huy niên cửu thập.*

*Bàn đào quả thực tuế tam thiên.*

Bảo vũ sáng soi năm chín chục.

Bàn đào quả chín tuổi ba mươi.

九旬鵠髮同金母

七秩班衣學老萊

*Cửu tuần hạc phát đồng kim mẫu.*

*Thát trật ban y học lão Lai.*

Chín mươi tóc hạc cùng kim mẫu.

Bảy chục áo hồng học lão Lai.

錦悅動春風壽延九秩

萱花棟徑色慶衍千秋

*Cẩm thuế động xuân phong thọ diên cửu trật.*

*Huyền hoa đồng kính sắc khánh diễn thiên thu.*

Khăn gấm động gió xuân, thọ mừng chín chục.

Hoa huyền đài luống cổ, cầu chúc ngàn năm.

華棠酒進香流菊

粧閣詩成氣挹蘭

*Hoa đường tửu tiến hương lưu cúc.*

*Trang các thi thành khí ấp lan.*

Nhà hoa rượu rót thơm hương cúc.

Gác đẹp câu thơ đượm khí lan.

霞藹桃觴浮玉液

德滋蘭蕊映金粧

*Hà ái dào thương phù ngọc dịch.*

*Đức tư lan nhuy ánh kim trang.*

Ngọc dịch chén đào mây hiện bóng.

Áo vàng lan nhuy đức thơm hương.

絳縣高年欽勁節

河洲佳詠紹遺風

*Giáng huyện cao niên khâm kinh tiết.*

*Hà châu giai vịnh thiệu di phong.*

Giáng huyện tuổi cao mừng mạnh sức.

Bãi sông vịnh khúc nói di phong.

白髮紅顏同帶笑

桑弧花錫競生輝

*Bạch phát hồng nhan đồng đới tiếu.*

*Tang hồ hoa trúc cạnh sinh huy.*

Má hồng tóc bạc cười vui vẻ.

Cung dâu đàn trúc vẫn ganh đua.

瑞啓瓊花逢七秩

榮聯錦膝繞雙佳

*Thuy khai quỳnh hoa phùng thất trật.*

*Vinh liên cảm tất nhiều song giai.*

Mừng thấy hoa quỳnh hoa vừa bảy chục.

Vinh thay dưới gối đẹp hai đôi.

椿室開筵添鶴算

墨池起浪上龍門

*Xuân thất khai diên thiên hạc toán.*

*Mặc trì khởi lăng thương long môn.*

Nhà xuân mà tiệc thêm tuổi hạc.

Ao mực sóng cồn vượt cửa rồng.

萬里九霄初發軔

一堂三代慶齊眉

Vạn lý cửu tiêu sơ phát nhân.  
Nhất đường tam đại khánh tề my.  
Chín tầng muôn dặm xe vừa đầy.  
Ba đời một cửa chúc ngang mày.

春酒香浮芹酒綠

Xuân tiều hương phù cần tiều lục.  
Văn tinh thái hoán cực tinh huy.  
Rượu xuân hương nổi, rượu cần xanh.  
Sao văn rực rõ, sao cực sáng.

椿榮海屋連芹綠

Xuân vinh hải ốc liên cần lục.  
Sí thụ cung tường ánh thuế hồng.  
Xuân tươi nhà biển rượu cần đậm.  
Cờ treo cung điện sắc thêm hồng.

寶砌風和湘蘭並茂

Bảo thế phong hòa tương lan tinh mậu.  
Trùng duy nhật noãn hạc phát song huy.  
Thềm đá phong quang tương lan đều tốt.  
Màn dôi ấm áp hai mái bạc phơ.

祖晉霞觴蟠溪逸叟

Tổ tán hà thường bàn khê dật tẩu.  
Tôn minh hoa chúc nguyệt điện thường nga.  
Chúc ông rượu thọ, già ăn bàn khê.  
Mừng cháu đẹp duyên, hằng nga nguyệt điện.

陞匾與添籌濟美

遊擁共合巹齊輝

*Thăng biển dù thiêm trù tết mỹ.*

*Du ung cộng hợp cản tết huy.*

Biển treo tuổi thọ càng thêm đẹp.

Thành đạt hoà duyên cảnh thật vui.

椿樹逢春長不老

梯花浥露滿庭芳

*Xuân thu phùng xuân trường bất lão.*

*Đè hoa ấp lộ mẫn định phương.*

Cây xuân gặp xuân càng trẻ mãi.

Hoa đê đầm sương khắp chốn thơm.

一幹靈椿榮畫錦

兩株丹桂吐天香

*Nhất cán linh xuân vinh trú cẩm.*

*Lưỡng thù đan quế thoát thiên hương.*

Một gốc linh xuân tươi tựa gấm.

Đôi cành đan quế nhả hương trời.

喬木籌添盈海屋

桂花香噴捷雍宮

*Kiều mộc trù thiêm doanh hải óc.*

*Quế hoa hương phun tiệp ung cung.*

Gỗ lớn muôn sửa nhà trên biển.

Quế hoa hương tỏa ngát trong nhà.

弧懸共慶長春酒

藝苑咸稱命世才

*Hồ huyền cộng khánh trường xuân tú.*

*Nghệ uyển hàm xưng mạnh thế tài.*

Cung treo tiệc chúc rượu trường xuân.

Vườn đẹp tiếng khen người tài đức.

蓮池特誦長生葉

璧水連徵命世才

*Liên trì đặc tung trường sinh diệp.*

*Bích thuỷ liên trưng mạnh thế tài.*

Ao sen ca tung lá trường sinh.

Nước biếc ngại khen người tài đức.

婺宿流輝光璧水

宮衣絢彩舞園橋

*Vụ tú lịtu huy quang bích thủy.*

*Cung y huyền thái vū vien kiều.*

Sao vụ sáng ngời soi nước biếc.

Cung y rực rỡ múa cầu ngân.

海屋籌添萱草秀

雍宮彩徹梓花香

*Hải ốc trù thiêm huyên thảo tú.*

*Ung cung thái triệt tử hoa hương.*

Nhà biển cổ huyền còn rực rỡ.

Cung vui hoa tử vẫn đưa hương.

寶婺呈祥共應萱花榮畫錦

園橋播譽咸推桂子噴天香

*Bảo vụ trình tường cộng ứng huyên hoa vinh trú cảm.*

*Viên kiều bá dự hàm suy quế tử phun thiên hương.*

Bảo vụ diêm lành, cùng với hoa huyền tươi vẻ gấm.

Cầu ngàn lộng lẫy, còn thêm cây quế tỏa hương trời.

萱草長凝片藻緣

蟠桃遠送桂花香

*Huyên thảo trường ngưng cần tảo lục.*

*Bàn đào viên tống quế hoa hương.*

Cỏ huyền dãm nước cần xanh lục.

Bàn đào đưa tiến quế hương hoa.

萱草常滋仙掌露

梓花新浴判池春

*Huyên thảo thương tư tiên chưởng lô.*

*Tử hoa tân dục phản tri xuân.*

Cô huyên vẫn đậm sương tiên giới.

Hoa tử vừa hay tắm nước xuân.

堂上萱花榮畫錦

階前桂子舞斑衣

*Đường thương huyên hoa vinh trú cẩm.*

*Giai tiền quế tử vũ ban y.*

Trên nhà hoa huyên tươi vẻ gấm.

Trước sân con quế mua làm vui.

稱觴大啓桃花宴

拜爵榮開仕進門

*Xưng thương đại khai bàn đào yến.*

*Bái túc vinh khai sĩ tiến môn.*

Chốn bàn đào tiệc lớn chúc mừng.

Cửa thăng tiến vinh quang bái túc.

筵啓瓊瑤開壽域

才徵黼黻贊王尊

*Điên khai quỳnh dao khai thọ vực.*

*Tài trưng phủ phát tán vương tôn.*

Tiệc mở quỳnh dao mừng tuổi thọ.

Tài cao mũ áo tạ ơn vua.

堂燦榮花榮鶴算

名登仕籍試鴻才

*Đường sán huyên hoa vinh hạc toán.*

*Danh đăng sỹ tịch thí hồng tài.*

Nhà rạng hoa huyên vinh thọ hạc.

Tên ghi sỹ tịch bậc tài hoa.

萱榮畫錦聯桃碧

燭燦蘭房映悅紅

*Huyền vinh trú cầm liên đào bích.  
Chúc sán lan phòng ánh thuế hồng.  
Huyền tươi vè gấm bên đào biếc.  
Đuốc sáng phòng lan đẹp khăn hồng.*

花燭光聯萱壽燭

*Hoa chúc quang liên huyền thọ chúc.  
Hà bôi hương nhiễu tử giao bôi.  
Đuốc hoa sáng, nhà huyền đuốc thọ.  
Chén mừng thơm, lẵn chén giao hoan.*

北海開宗西陵獻壽  
東有才子南國家人

*Bắc hải khai tôn Tây lăng hiến thọ.  
Đông hữu tài tử Nam quốc gia nhân.  
Biển Bắc tiệc bày, Tây lăng hiến thọ.  
Miền đông tài tử, Nam quốc nêu nhà.*

王母獻金觴看此日桃宴生輝共慶長春不老  
蘭孫調錦瑟喜今宵梅花葉韻預兆五世其昌  
*Vương mẫu hiến kim thương, khán thử nhật đào yến sinh huy, cộng  
khánh trường xuân bất lão.*

*Lan tôn điều cầm sắt, hỷ kim tiêu mai hoa diệp vận, dự triệu ngũ thế  
kỳ xương.*

Vương mẫu dâng chén vàng, nhớ ngày ấy yến đào rạng rỡ, chúc cho  
trẻ mai không già.

Lan tôn vui đàn sắt, mừng đêm nay hoa mai tươi tốt, diêm nêu thịnh  
vượng năm đời.

萱草長榮十分秀色槐堂麗  
桂枝特茂一種天香璧水生

*Huyền thảo trường vinh, thập phần tú sắc hoè đường lệ.*

*Qué chi đặc mậu, nhất chủng thiên hương bích thuỷ sinh.*  
Cỏ huyên tươi tốt, xuân sắc mười phần sành hoè đẹp.  
Cành quế rậm rạp, hương trời một loại nước non xanh.

海屋添籌，金丹進南山之祝  
瑤池舞彩，蘭孫揚芹泮之名  
*Hải óc thiên trù, kim đan tiến Nam sơn chí chúc.*  
*Đao tri vũ thái, lan tôn dương cẩm phán chí danh.*  
Nhà biển thêm dài, đón vàng đến núi nam chúc thọ.  
 Dao tri mùa đẹp, cháu lan nêu danh tiếng hoa cẩm.

設悅榮邀金闕露  
明經聲著玉堂春  
*Thiết thuế vinh yêu kim khuyết lô.*  
*Minh kinh thanh trước ngọc đường xuân.*  
Cờ treo muốn đượm sương kim khuyết.  
Thông kinh nức tiếng xuân ngọc đường.

喜向園橋舒彩步  
欣看膝下對新粧  
*Hỷ hương viên kiều thư thái bộ.*  
*Hân khan tất hạ đối tân trang.*  
Mừng hương cầu ngàn thư thái bước.  
Vui nhìn bên gối thấy tân trang.

春凌仕藉聯金誥  
桂映粧臺對玉人  
*Xuân lăng sỹ tịch liên kim cáo.*  
*Qué ánh trang dài đối ngọc nhân.*  
Trên biển vàng, hương xuân sỹ tịch.  
Trước người ngọc, ánh quế dài trang.

琪花彩結金門曉  
桂蕊香含寶鏡輝

Kỳ hoa thái kết kim môn hiếu.  
Quê nhụy hương hàm bảo kính huy.  
Cửa vàng rực rõ kết hoa lạ.  
Gương quý còn vương nhuỵ quê hương.

既 仰 雍 池 謄 凤 起  
旋 看 膝 下 警 雞 鳴  
*Ký ngưỡng ưng tri dâng phượng khôi.*  
*Toàn khan tất hạ cảnh kê minh.*  
Cuối phượng bay tham quan ao đep.  
Sợ gà gáy bên gối vẫn xem.

椿 樹 敷 荣 膺 國 典  
梓 花 吐 瑞 引 文 鶯  
*Xuân thụ phu vinh ưng quốc diên.*  
*Tử hoa thô thuy dẫn văn loan.*  
Cây xuân tươi tốt nhờ ơn nước.  
Hoa tươi điểm báo bởi văn loan.

伯 擅 英 才 謄 凤 閣  
仲 輒 彩 筆 畫 蘭 眉  
*Bá thiện anh tài dâng phượng khuyết.*  
*Trọng huy thái bút hoa loan my.*  
Nhờ có tài năng gần cửa phượng.  
Mượn cây bút tốt vẽ mày loan.

壇 奏 雍 池 歌 凤 起  
簾 吹 繡 懈 警 雞 鳴  
*Huân tấu ưng tri ca phượng khôi.*  
*Tri suy tú mạc cảnh kê minh.*  
Ao đep tấu huân ca cuối phượng.  
Rèm thêu thổi sáo nhắc tiếng gà.

難 第 難 兄 名 梢 璧 沼

宜家宜室議注蘭房

*Nan đệ nan huynhdanh tiêu bích chiểu.*

*Nghì gia nghi thất nghị chú lan phòng.*

Tên nêu hồ ngọc khó anh khó em.

Bàn chuyện phòng lan nên nhà nên cửa.

伯擅奇才騰藝苑

仲輝彩筆注蘭房

*Bá thiên kỳ tài dăng nghệ uyển.*

*Trọng huy thái bút chú lan phòng*

Tỏ rõ tài dạo vườn nghệ thuật.

Vươn cao bút tô điểm phòng lan.

伯儲攀桂風流欣從璧水橋中漸徵大志

仲擅探花手暇喜向溫柔鄉裏聊試奇才

*Bá triết phan quế phong lưu hanh tòng bích thuỷ kiều trung tiêm trung  
đại chí*

*Trọng thiện thám hoa thủ hạ kỷ hương ôn nhu hương lý liêu thí kỳ tài.*

Anh săn phong lưu vin quế, tạm khoe chí lớn, men theo dòng biếc  
qua cầu,

Em chừng tiện tay bẻ hoa, muốn thử tài năng, mừng hương thuận  
hoà hương lý.

壇奏橋門聲葉鹿鳴誇拔萃

篪和繡幙音諧梅韻笑摧粧

*Huân tấu kiều môn thanh diệp lộc minh khoa bạt tuy.*

*Tri hoà tú mạc âm hoài mai mai vận tiếu thôi trang.*

Huân tấu cửa cao, lá reo hươu tộ khoe siêu việt.

Sáo thôi màn thêu, âm đẹp mai cười giễu điểm trang.

壇跨鶯幃飛入夢

篪騰鳳閣筆生花

*Huân khoá loan vi bì nhập mộng.*

*Tri dâng phượng các bút sinh hoa.*

Huân phủ màn loan, bì đến mộng.  
Trì vươn gác phượng, bút sinh hoa.

壇從繡幕歌鸞舞  
簾向儒林譜鹿鳴

*Huân tòng tú mạc ca loan vũ.*  
*Tri hương nho làm phổ lộc minh.*  
Huân theo rèm đẹp ca loan múa.  
Sáo hương rừng nho hoạ tiếng hươu.

桂子登龍誇拔萃  
蘭孫引鳳笑摧粧

*Quế tử dăng long khoa bạt tuy.*  
*Lan tôn dǎn phượng tiếu thỏi trang.*  
Con quế cưỡi rồng khoe tài giỏi.  
Cháu lan đưa phượng cưỡi điểm trang.

桂蕊飄香盈藝苑  
蘭芽競繡映粧臺

*Quế nhụy phiêu hương doanh nghệ uyển.*  
*Lan nha cạnh tú ánh trang dài.*  
Nhụy quế hương tràn vườn nghệ thuật.  
Mầm lan tranh đẹp rạng dài trang.

桂子題名騰鳳閣  
蘭孫合巹對鸞幃

*Quế tử đề danh dâng phượng cát.*  
*Lan tôn hợp cẩn đài loan vi.*  
Con quế tên neu leo gác phượng.  
Cháu lan duyên đẹp trước màn loan.

青雲生錦步泮璧騰輝燕翼徵聲游碧水  
彩筆繪新眉瑟琴葉韻詒謀令緒引紅絲

*Thanh vân sinh cầm bộ phán bích đằng huy yên dực huy thanh du  
bích thuỷ.*

*Thái bút hội tân my sắt cầm diệp vận di mưu lệnh tự dấn hồng ty.  
Thành đạt tạo dáng đi, bến ngọc cao bay cánh yến, tiếng kêu vọng  
nước xanh.*

Bút tốt vẽ hàng mi, cầm sắt lá reo bày đặt, se chấp môi tờ hồng.

辟雍傳燕翼耀奎明俱慶堂中鳴瑞鳳  
繡幙詔詰謀琴和瑟合齊眉案上舞祥鸞

*Tích ung truyền yến dực bích diệu khêu minh cầu khánh đường trung  
minh thuỷ phượng.*

*Tú mạc chiếu cổ mưu cầm hoà sắt hợp tè my án thương vū tường loan.  
Lệnh trên truyền cánh yến, bích sáng khuê minh đều tốt, phượng  
lành hót nhà trong.*

Rèm đẹp giáng nghĩa xưa, cầm hoà sắt hợp ngang mày, loan vui múa  
trên án.

桂子題名早凌璧水振辟雍望重園橋誇拔萃  
蘭孫得意先詠闕唯歌麟趾聲來繡閣笑摧粧  
*Quế tử đê danh tảo lăng bích thủy chán tích ung vọng trọng viên kiều  
khoa bạt tuy.*

*Lan tôn đặc ý tiên vinh quan thư ca lân chỉ thanh lai tú các tiểu thời  
trang.*

Con quế nêu tên, sớm vượt nước xanh, dựng ngôi cao vọng trọng, cầu  
ngân khoe lối lạc.

Cháu lan đặc y, trước vịnh quan thư, ca bước lân vang dội, gác đẹp  
giục tân trang.

膝下名婚雙濟美  
堂中龍鳳並增輝

*Tát hạ danh hôn song tế mỹ.*

*Đường trung long phượng tịnh tăng huy.*

Danh hôn dưới gối hai đều đẹp.

Long phượng trong nhà rạng cả đài.

堂 前 彩 結 宜 男 草  
月 裏 清 飄 桂 子 香

*Dường tiền thái kết nghi nam thảo.  
Nguyệt lý thanh phiêu quế tử hương.  
Trước nhà cỏ đẹp kết nên trai.  
Dưới nguyệt hương thanh vòn gốc quế.*

入 貢 豎 芳 桔 並 值 蘭 階 欣 納 婦  
明 經 推 俊 彥 初 週 甲 子 慶 添 簿

*Nhập công thụ phượng ngôi tịnh trị lan giai hân nạp phụ.  
Minh kinh suy tuấn ngàn sơ chu giáp tỳ khánh thiên trù.  
Đỗ đạt dựng cây cao, tính chuyện thèm lan vui nạp thái.  
Thông kinh nên rạng vẻ, tuần đầu giáp tỳ chúc thèm lâu.*

得 相 遊 雍 所 喜 箕 衷 不 振  
明 經 樹 檻 正 逢 甲 子 初 週

*Đắc tương du ung sở hỷ cơ ciu phì chấn.  
Minh kinh thụ xí chính phùng giáp tỳ sơ chu.  
Được dự chốn cao sang, mừng thấy cơ cừu dựng nghiệp.  
Thông kinh nêu cờ quạt, hội may giáp tỳ tuần đầu.*

蛾 眉 好 試 生 花 筆  
泮 沼 欣 逢 佐 讀 人

*Nga my hảo thí sinh hoa bút.  
Phán chiêu hân phùng tá đọc nhàn.  
Mày ngài thi giỏi bút sinh hoa.  
Hồ nước gặp may người giúp đọc.*

試 把 璇 宮 攀 桂 手  
好 從 繡 閣 畫 蛾 眉  
Thí bá thiêm cung phan quế thủ.  
Hảo tòng tú các hoạ nga my.  
Thử đến cung thiêm tay bẻ quế.  
Mừng lên gác đẹp vẽ mày ngài.

袖 咯 桂 香 飄 月 頂  
筆 翻 花 氣 上 雲 頭

*Tу nhâ quế hương phiêu nguyệt đỉnh.  
Bút phiên hoa khí thượng vân đầu.  
Áo đưa hương quế lên thẳm nguyệt.  
Bút dẫn khí hoa đến đỉnh mây.*

金 屋 屏 開 欣 中 雀  
泮 池 日 暖 羨 乘 龍

*Kim ốc bình khai hận trung tước.  
Phán tri nhật noãn tiên thừa long.  
Nhà vàng màn mờ vui nhở sẻ.  
Hồ đẹp ấm trời thích cưỡi rồng.*

燭 搖 紅 影 輜 金 屋  
袖 帶 芹 香 蘦 洞 房

*Chúc dao hồng ánh huy kim ốc.  
Tụ đới cần hương phúc động phòng.  
Chập chờn ánh đuốc chiếu nhà vàng.  
Thoang thoảng hương cần nơi hợp cần.*

盛 世 名 才 儲 虎 觀  
香 幢 雅 奏 葉 笙 鶯

*Thịnh thế danh tài trữ hổ quán.  
Hương vi nhã tav diệp sinh loan.  
Danh tài đời thịnh săn qua, hổ.  
Màn hương Nhã nhạc nhịp sênh, loan.*

連 理 枝 頭 謄 凤 羽  
合 歡 篓 上 酣 芹 杯

*Liên lý chi đầu đăng phượng vũ.  
Hợp hoan diên thương chưởc cần bối.  
Gắn bó đầu cành tung cánh phượng.  
Chung vui trên tiệc rót ly cần.*

雀屏喜中穿楊手  
虎榜旋登折桂才

*Tước binh hỷ trung xuyên dương thủ.*  
*Hổ bàng toàn đăng chiết quế tài.*  
*Bắn súng mỉng tay xuyên lá liễu.*  
*Bảng hổ khen tài quế bè cành.*

泮沼風流推吉士  
月宮消息問嫦娥

*Phán chiểu phong lưu suy cát sỹ.*  
*Nguyệt cung tiêu tức vân thường nga.*  
*Hồ đẹp phong lưu tôn kề sỹ.*  
*Cung trăng tin tức hỏi hằng nga.*

詠雪佳人歡占鳳  
談經才子喜乘龍

*Vịnh tuyết gai nhân loạn chiếm phượng.*  
*Đàm kinh tài tử hỷ thừa long.*  
*Mừng chiếm phượng gai nhân vịnh tuyết.*  
*Vui cười rồng tài tử bàn kinh.*

早知天下無雙士  
獨占人間第一春

*Tảo tri thiên hạ vô song sỹ.*  
*Độc chiếm nhân gian đệ nhất xuân.*  
*Sám hay thiên hạ vô song sỹ.*  
*Mình chiếm nhân gian đệ nhất xuân.*

司馬三升榮國命  
玉蕭雙徹繞秦樓  
Tư mã tam thăng vinh quốc mạnh.  
Ngọc tiêu song triệt nhiễu tàn lâu.  
Tư mã ba lần vinh mạnh nước.  
Ngọc tiêu hai giỏi hoạ lâu tàn.

明經筆寫春山媚  
博議才通學海深  
*Minh kinh bút tả xuân sơn mĩ.*  
*Bác nghị tài thông học hải thâm.*  
Thông kinh bút tả non xuân đẹp.  
Bàn rộng tài hay biến học sâu.

解語花前思獻策  
明經案內羨吟梅  
*Giải ngữ hoa tiền tư hiến sách.*  
*Minh kinh án nội tiễn ngán mai.*  
Trước hoa giải nghĩa lo dâng sách.  
Bên án thông kinh chuộng vịnh mai.

明經喜試描眉筆  
博議欣賡詠絮才  
*Minh kinh hỷ thí miêu mi bút.*  
*Bác nghị hân canh vịnh vịnh như tài.*  
Thông kinh vui thử bút vẽ mày.  
Bàn rộng mừng xem tài vịnh tuyết.

雲閣教佳人燈燭交輝經藉明時裁博議  
粧臺親國士淑才雙美繡奩香處載文章  
*Văn các giáo giai nhân đăng chúc giao huy kinh tịch minh thời tài bác nghị.*  
*Trang dài thân quốc sỹ thực tài song mỹ tú liêm hương xứ tài văn chương.*  
Gác sách tiếp giai nhân, đèn đuốc đánh chung, kinh sách gấp thời  
nên biết rộng.  
Đài trang thân quốc sỹ, đức tài trọn vẹn, rèm thêu hương ngát tập  
văn chương.

萃吉慶於德門大登科小登科喜見名婚同濟美  
振芳徵於天府恩進士歲進士行看黼黻永騰輝

*Tuy cát khánh ư đức môn đại đăng khoa tiểu đăng khoa hỷ hiên danh hôn đồng tế mỹ.*

*Chấn phương huy ư thiên phủ ân tiến sỹ tuế tiến sỹ hành khan phủ phát vinh đăng huy.*

Hợp chúc mừng noi cửa đức, đại đăng khoa tiểu đăng khoa, mừng thây cả hai đều tốt đẹp.

Rạng danh thơm chốn phủ đệ, ân tiến sỹ tuế tiến sỹ, thử xem mũ áo mai huy hoàng.

八歲佳人歡解語

九齡才子試明經

*Bát tuế gai nhàn hoan giải ngữ.*

*Cửu linh tài tử thí minh kinh.*

Tám tuổi gai nhàn mừng giải ngữ.

Lên chín tài tử thủ minh kinh.

卷合洞房方妙歲

明經藝苑正髫年

*Cẩn hợp động phòng phương diệu tuế.*

*Minh kinh nghệ uyển chính diệu niên.*

Đóng phòng hợp cẩn khi vừa lớn.

Vườn nghệ thông kinh tuổi trái đào.

髫年喜協明經選

幼歲欣瞻詠雪才

*Điều niên hỷ hiệp minh kinh tuyển.*

*Áu tuế hân chiêm vịnh tuyết tài.*

Từng dự minh kinh khi đê chòm.

Đã tài vịnh tuyết lúc còn thơ.

芳名此日登天府

花燭今宵映洞房

*Phương danh thử nhật đăng thiền phủ.*

*Hoa chúc kim tiêu ánh động phòng.*

Tiếng thơm ngày ấy nêu thiên phủ.  
Hoa được đẽm nay sáng động phòng.

雍宮擅藻推佳士  
繡閣摛華貯麗人

*Ung cung thiện táo suy giai sỹ.  
Tú các xi hoa trữ lệ nhân.  
Cung đình mỗ áo tôn giai sỹ.  
Gác cao hoa lệ đợi giai nhân.*

名題鳳閣芳徽遠  
筆畫娥眉氣象新

*Danh đề phượng các phuơng huy viễn.  
Bút họa nga my khí tượng Tân.  
Tên nêu gác phượng, thơm còn mãi.  
Bút vẽ mà ngài, vẽ mới thay.*

辟雍池暖觀龍躍  
繡閣香浮聽鳳鳴

*Tịch ung tri noǎn quan long đượ̄c.  
Tú các hương phu thính phượng minh.  
Chốn thanh, ao ấm, xem rồng nhảy.  
Gác đẹp, hương bay, nghe phượng kêu.*

位列雍宮南北試  
當聯花燭室家宜

*Vị liệt ung cung nam bắc thí.  
Đường liên hoa chúc thất gia nghi.  
Chỗ đứng cung đình xét nam bắc.  
Nhà treo hoa được đẹp cửa nhà.*

璧水輕飄紅葉句  
園橋垂愛綠衣郎

*Bích thuỷ khinh phiêu hồng diệp cù.  
Viên kiều thuỷ ái lục y lang.  
Nước biếc nhẹ bay câu lá đỏ.  
Câu ngân lưu huyền chàng áo xanh.*

園 橋 門 外 紅 葉 句  
銀 燭 臺 前 白 雪 詩

*Viên kiều môn ngoại hồng diệp cù.  
Ngân chúc dài tiền bạch tuyết thi.  
Trước công câu ngân câu lá đỏ.  
Trên lầu thơ tuyết dưới duốc hoa.*

雍 門 桃 李 恩 初 屋  
繡 閣 笙 簫 調 水 諧

*Ung môn đào lý ân sơ óc.  
Tú các sinh hoàng diệu thuỷ hài.  
Cửa cung đào mận, ơn vừa thấm.  
Gác đẹp sinh hoàng, diệu mới hoà.*

佳 兒 桂 婦 聯 佳 氣  
大 德 大 年 表 大 廷

*Giai nhi gai phu liên gai khi.  
Đại đức đại niên biểu đại đình.  
Con hay cha hay, lâm vê hay.  
Đức lớn tuổi lớn, sân triều lớn.*

當 夏 佳 兒 歡 合 登  
來 秋 乃 祖 樂 合 餘

*Đương hạ gai nhi hoan hợp cản.  
Lai thu mai tổ lạc hàn di.  
Hạ tới con trai vui hợp cản.  
Thu sau lên nội ngậm đường nha.*

此日家冠尊醮命  
他年繩武有英人  
*Thứ nhật gia quan tôn tiếu mạnh.*  
*Tha niên thăng vũ hưu anh nhân.*  
Ngày ấy đội mũ rượu vang mệnh.  
Năm sau nối nghiệp có anh tài.

肖子良緣眉試畫  
阿翁喜色耳何聾  
*Tiêu tử lương duyên my thí hoạ.*  
*A ông hỷ sắc nhĩ hà lung.*  
Con nhỏ vui duyên thử vẽ mày.  
Ông già mừng rõ nên tai điếc.

序列三偕孫娶媳  
祥開四葉子爲翁  
*Tự liệt tam giai tôn thú túc.*  
*Tương khai tứ diệp tử vi ông.*  
Tính đã ba đời cháu lấy vợ.  
Mừng xem tử đại con lên ông.

喜值三秋陳醮席  
旋覘四代舞斑衣  
*Hỷ trị tam thu trán tiếu tịch.*  
*Toàn chiêm tứ đại vũ ban y.*  
Mừng đã ba thu bày tiệc rượu.  
Ngoài xem tử đại múa áo hoa.

王父詒謀聯冠命  
嫡孫衍慶顯弧門  
*Vương phụ di mưu liên quán mạnh.*  
*Đích tôn diễn khánh hiển hồ môn.*  
Vương phụ lo toan làm kè cả.  
Đích tôn mừng thọ rạng cung dâu.

鳳卜已酬王父願  
熊祥早葉太人占

*Phượng bốc dĩ thù vương phụ nguyện.*  
*Hùng tường tảo diệp thái nhân chiêm.*  
Đoán phượng xem ra vừa ý bố.  
Điểm hùng chừng đã sớm theo ông

華堂初詠睢麟句  
繡閣新編博議書

*Hoa đường sơ vịnh thư lân diện.*  
*Tú các tân biên bác nghị thư.*  
Nhà hoa vừa vịnh nội thư lân.  
Gác đẹp mới biên sách bác nghị.

華開連理描新樣  
酒飲交杯醉太平

*Hoa khai liên ý miêu tân dạng.*  
*Tiều âm giao bôi tuy thái bình.*  
Liên cành hoa nở vẻ thanh tân.  
Trao chén rượu mời say khang thái.

笙吹夜月無雙韻  
鳳占于山第一峰

*Sinh suy dạ nguyệt vô song vân.*  
*Phượng chiêm Vu Sơn đệ nhất phong.*  
Tiêu thổi đêm tráng không tiếng hoa.  
Phượng đậu Vu Sơn đỉnh núi cao.

留菊好裝金屋夜  
望梅先占玉堂春

*Lưu cúc hảo trang kim ốc dạ.*  
*Vọng mai tiên chiêm ngọc đường xuân.*  
Nhà vàng mặc đẹp đêm hương cúc.  
Đài ngọc đầu xuân sớm ngắm mai.

雲 棲 欲 上 攀 丹 桂  
月 殿 先 登 暮 素 城  
*Vân thê đục thương phan dan quế.*  
*Nguyệt điện tiên đăng ngô Tố Nga.*  
Thang mây những muốn vin dan que.  
Điện nguyệt vừa lên gặp tố nga.

永 結 百 年 諧 靜 好  
宏 開 五 世 慶 琪 昌  
*Vinh kết bách niên hài tĩnh hảo.*  
*Hoàng khai ngũ thế khánh kỳ xương.*  
Trăm năm kết mối duyên hài đẹp.  
Năm đời rộng mở chúc vinh xương.

鸞 凤 和 明 琴 瑟 樂  
熊 熊 葉 夢 子 孫 多  
*Loan phượng hòa minh cầm sắt lạc.*  
*Hùng bì diệp mộng tử tôn đa.*  
Phượng loan cùng hót vui cầm sắt.  
Hùng bì mộng lá đông cháu con.

花 堂 日 暖 朝 鳴 凤  
繡 閣 風 清 夜 夢 熊  
*Hoa đường nhật noán triều minh phượng.*  
*Tú các phong thanh dạ mộng hùng.*  
Nhà hoa ngày ám phượng sớm hót.  
Gác xinh gió mát hùng đêm mơ.

吐 凤 雄 才 成 博 議  
畫 城 彩 筆 點 新 詩  
*Thổ phượng hùng tài thành bác nghị.*  
*Hoạ nga thái bút điểm tân thi.*  
Tài hùng nhà phượng thành bác nghị.  
Bút hay vẽ đẹp điểm tân thi.

芙蓉帳裡香風度  
翡翠簾前皓月來

*Phù dung trong trường lý hương phong độ.*  
*Phỉ thuý liêm tiền hạo nguyệt lai.*  
*Phù dung trong trường hương phong độ.*  
*Ngọc biếc trước rèm bóng trăng về.*

瑞藹華堂欣鳳舞  
香笙繡閣葉況飛

*Thụy ái hoa dương hân phượng vũ.*  
*Hương sinh tú các diệp hùng phi.*  
*Mừng phượng múa nhà hoa mây phủ.*  
*Lá hùng bay gác đẹp toả hương.*

宜男草發連科緣  
多子花開及第紅

*Nghi nam thảo phát liên khoa lục.*  
*Đa tử hoa khai cập đệ hồng.*  
*Nên trai thịnh phát liền khoa bảng.*  
*Lắm con hoa nở nổi ngôi cao.*

鴛鴦對舞輪迴月  
鸞鳳偕鳴葉納春

*Uyên ương đối vũ thâu hồi nguyệt.*  
*Loan phượng giai minh diệp nạp xuân.*  
*Uyên ương múa cặp thu vàng nguyệt.*  
*Loan phượng cùng kêu đón gió xuân.*

雙玉初諧琴瑟調  
五花新授鳳鸞封

*Song ngọc sơ hài cầm sắt điệu.*  
*Ngũ hoa tân thụ phượng loan phong.*  
*Điệu cầm, sắt hài hoà đôi ngọc.*  
*Vây phượng loan trao mới năm hoa.*

藍橋步上雲程月  
紅葉詩裁繡閣春

*Lam kiều bộ thượng vân trình nguyệt.*

*Hồng diệp thi tài tú các xuân.*

Cầu lam bước nguyệt thẳng đường mây.

Lá đỏ gác xuân đê thơ đẹp.

已看春雲籠彩鬢  
還窺月夜印金蓮

*Dĩ khán xuân vân lung thái mán.*

*Hoàn khuy nguyệt dạ ấn kim liêm.*

Đã thấy mây xuân chùm mái tóc.

Còn xem trăng sáng rọi sen vàng.

# TÀN MẠN VỚI NHỮNG GIAI THOẠI VỀ CÂU ĐỐI

NGÔ VƯƠNG ANH

*Câu đối quen thuộc với người Việt Nam lắm. Kể cả những người chưa được học chữ Hán, chữ Nôm, không thuộc luật bắng - trắc, khi nhìn qua hai hàng chữ đặt song song với nhau ở những nơi tôn nghiêm cũng có thể đoán rằng đó là Câu đối ...*

Không chỉ được treo tại những nơi trang trọng, câu đối còn có một cuộc sống sinh động trong đời sống xã hội, trong dân gian. Và những thứ không được ghi chép không phải cái nào cũng dễ mất vì nó đã được lưu trong tâm trí của con người - *Ngàn năm bia miệng vẫn còn tro tro...* Câu đối là tiếng nói của tư tưởng, tâm hồn, tình cảm được thể hiện dưới một hình thức độc đáo, đậm chất trí tuệ. Giai thoại hay về câu đối, trong dân gian có đến hàng ngàn, hàng vạn...

... Câu đối là câu trả lời của khí phách dân tộc bất khuất đối lại với thái độ sô vanh, hổm hĩnh của nước lớn “thiên triều”... Nguyễn Tuân khi đi sứ Tàu đã đối lại sự ngạo mạn: *Đồng cổ chí kim dài dì lục* - ý nói tới cột đồng Mã Viện dựng ngày xưa khi xâm lược nước ta - bằng *Đằng giang tự cổ huyết do hồng* - nhắc lại chiến thắng lẫy lừng trên sông Bạch Đằng của người Đại Việt...

... Người ta mang câu đối tặng nhau một cách trọng thị như một món quà biểu hiện tình cảm quý mến, tôn trọng giữa những người đã thân thiết...

Tôn Thất Thuyết viếng Hoàng Diệu sau khi ông hy sinh cùng với thành Hà Nội bằng đôi câu:

*Nhất từ thành danh tự cổ anh hùng phi sở nguyện  
Binh sinh trung nghĩa đương niên đại cục khả uô tâm.*

Tạm dịch:

Từ mà thành danh, chí anh hùng từ xưa thường không toại  
Sinh trọn trung nghĩa, nhìn đại cục có thể chẳng thiện tâm.

... Nhưng cũng có những câu đối mà kẻ nhận được phải bầm gan tím ruột khi người làm câu đối đọc đúng tim đen, điểm đúng “huyệt hiểm” của hắn... Một đám hát bài diễn cho Nguyễn Thành - tay sai đặc lực của Pháp đánh dẹp nghĩa quân Càn vương:

*Đôi mū mang râu làm mặt lạ (nã)*

*Vác siêu khuyên giáo đánh người quen.*

... Nhân dân Thái Bình “khen” sinh phần của một nghị viên họ Lại thời Tây:

*Rực rõ mé đường Tây, kẻ lại người qua, ca tụng sinh phần  
quan lớn Lại*

*Vang lồng trong thôn Bắc, trên kính dưới rái, một lòng tôn  
trọng cụ trong dân.*

Mấy chữ cuối ở hai câu này phải đọc theo kiểu nói lái mới thấy dân gian tuy rằng “nôm na mách quẽ” nhưng cũng chẳng phải không thâm thuý, sâu cay...

... Câu đối cũng có thể là vũ khí tinh thần của kẻ yếu - nhưng không yếu về trí tuệ - chống lại cường quyền của kẻ mạnh hơn mình - về lực lượng vật chất. Câu đối là câu trả lời thông minh của tinh thần khảng khái, ý chí kiên cường và một tấm lòng

trong sáng yêu sự công bằng,... đối lại với sự ức hiếp, đè nén, bất công... dù lớn dù nhỏ.

... Nguyễn Hoè tuổi nhỏ khi thi bị quan chúa khảo bắt bè vì trùng tên với quan chúa khảo:

*Lạn Tương Như, Tư Mã Tương Như, danh tương như, thực bất tương như*

Lạn Tương Như, Tư Mã Tương Như, hai người cùng tên nhưng công danh sự nghiệp khác nhau.

Nguyễn Hoè đổi lại:

*Nguy Vô Ky, Trường Tôn Vô Ky, bi vô ky, ngã diệc vô ky.*

Nguy Vô Ky, Trường Tôn Vô Ky, ông tên vô ky, tôi cũng tên vô ky.

Để ý mới thấy rằng vô ky còn có nghĩa là không sợ. Viên quan thấy câu đổi xứng liền ra tiếp một vế:

*Xi tính cương, thiệt tính nhu, cương tính bất nhu nhu tính cùu*

Nghĩa là: Rằng tính cứng, lười tính mềm, tính cứng không bền lâu như tính mềm - ý nói chờ nên ngông nghênh bướng bỉnh nữa.

Nguyễn Hoè lại đổi:

*My sinh tiên, tu sinh hậu, tiên sinh bất nhược hậu sinh trưởng*

Nghĩa là: My sinh trước, râu mọc sau, sinh trước không thể dài bằng mọc sau. Viên quan đành chịu.

... Ông Lê Công Hành - người được tôn là tổ nghề thêu ở Quất Động (Chương Mỹ, Hà Tây) lúc chưa đỗ đạt phải đi làm phu xây cống. Quan huyện ra vé đổi:

*"Ngái đồ lớp nghề, lớp trên đè lớp dưới".*

Lê Công Hành đổi lại:

*"Đá xanh xây công, hòn dưới nồng hòn trên".*

Về đối thât hoàn hảo, đối thanh, đối ý chan chát, cả về mặt âm điệu cũng hiện rõ cái tinh thần khảng khái, ý chí phản kháng, không chịu bị *lớp trên đè mà hòn dưới còn nồng hòn trên...*

... Đặng Trần Thường theo Gia Long, sau khi thăng Tây Sơn, bắt trói trả thù Ngô Thì Nhậm ở Quốc tử giám. Y ra vế đối:

*Ai công hẫu, ai khanh tútong, trong trân ai, ai đã biết ai,* có ý kháy họ Ngô khi xưa khinh y, nay đang gặp cảnh thất thế.

Ngô Thì Nhậm khảng khái đổi lại:

*Thế Chiến quốc, thế Xuân thu, gấp thời thế, thế thời phải thế.*

Nhân đây cũng xin có thêm vài suy nghĩ nhỏ: Theo niêm luật bằng - trắc của câu đối thì lẽ ra câu của Đặng Trần Thường phải đặt sau, ở vị trí đối, câu của Ngô Thì Nhậm phải đặt trước, ở vị trí của câu *xutong*. Cả Đặng Trần Thường và Ngô Thì Nhậm đều là những người am hiểu Nho học chẳng lẽ lại chưa thuộc luật đối?... Câu đối này lưu truyền khá rộng rãi, nhiều người đã biết, đã đọc, đã thuộc nhưng có lẽ ít người để ý điểm này... Điều này trong câu đối Việt Nam thỉnh thoảng lại gặp còn trong câu đối Trung Quốc thì niêm luật được giữ rất đúng.

Trong đời sống xã hội, trên bình diện rộng hơn, câu đối là một thú chơi tao nhã, có khi tinh nghịch dí dỏm trong câu chữ, có khi thâm trầm sâu sắc trong triết lý... Câu đối cũng mang nặng hồn người... Bởi vì câu đối kết tinh cả tâm hồn và trí tuệ, thể hiện một thế giới quan, một nhân sinh quan, thể hiện những nét tính cách đặc đáo của người đã làm ra nó, đối cảnh sinh tình,.. Người ta hiểu nhau qua câu đối, có thể thân nhau, phục nhau nhờ câu đối. Những người xuất chúng trong xã hội cũng thường là những người rất

giỏi ứng đối. Những giai thoại về tài ứng đối nhanh trí của những nhân vật lịch sử và cả của những nhân vật trong văn học dân gian như Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Hiền, Lương Thế Vinh, Cao Bá Quát, rồi Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, rồi Nguyễn Khuyến, Tú Xương..., rồi trạng Quỳnh, trạng Lợn, Xiển Bột, Ba Giai Tú Xuất... tập hợp lại cũng đã nhiều quyển...

... Chẳng phải ai trượt chân bị ngã cũng thốt lên được như Hồ Xuân Hương:

*"Giang tay với thù trời cao thấp  
Xoạc cảng đo xem đất ngắn dài"...*

Xem ra cái khẩu khí thò tay “với trời” và xoạc cảng “đo đất” chẳng phải là ngôn ngữ thường ngày của nữ nhi chán yêu tay mềm. Cái khẩu khí đó chắc chỉ có ở bà chúa thơ nôm Xuân Hương - người dám dám viết *Đang con nắng cực chưa mưa hè* - mà về sau một nhà phê bình nổi tiếng bình rằng bà bốn cột với cả trời, coi trời như con trẻ để mắng rắng (nó) *chưa mưa hè*... Cũng có lẽ bởi cái khẩu khí ngang tàng khí khái đó mà đường hạnh phúc riêng của bà khá lận đận, để sau này Chiêu Hồ viết cho bà:

*Người Cố lại còn deo thói Nguyệt  
Buồng Xuân sao để lạnh mùi Hương.*

Chữ *Cố*, chữ *Nguyệt* ghép lại thành chữ *Hồ*, chữ *Xuân*, chữ *Hương* ở câu sau thì ghép thành tên của nữ sĩ. Chiêu Hồ dùng chữ cung tài tình lăm thay... Cùng cô Xuân Hương ấy đang giặt áo dưới cầu, thấy vồng quan đi qua liền ứng khẩu:

*Vồng dào quan lớn đi trên áy  
Vẩy rách bà con giặt dưới này. (!)...*

Giai thoại cũng kể về những trò tình nghịch lúc còn nhỏ của ông đầu xứ Thái (Hoàng Phan Thái, người Nghệ An). Nhà ông gần

chùa, nhà sư ở đây lại thích thơ phú. Một lần sư chùa ra một câu tức cảnh: *Dầu vương ra đế* khi rót dầu lỡ tay rớt ra đế đèn. Cậu học trò Thái nhìn quanh, đổi lại: *La vãi vào sú rồi ù té chạy...* Câu đổi rất xược nhưng về mặt câu chữ quả là không chê vào đâu được. Một lần khác sư lại ra một vế:

*Cái là tượng, tượng là voi, voi chầu cửa cái.*

Câu này khá lắt léo. Nguyên chữ Hán *cái* là *tượng* - là dáng vẻ, *tượng* cũng là *con voi*, chữ *cái* cuối cùng là chữ nôm - cái là to. Cậu Thái xin phép ra đứng ở tam quan rồi mới đọc:

*Tu là hổ, hổ là cọp, cọp bắt thày tu.*

Đọc xong lại ù té chạy. Vết đổi của cậu Thái cũng lắt léo tài tình không kém.. Trong Hán tự, *tu* nghĩa là *xấu hổ*, *hổ* cũng là *con cọp*...

... Ông Chiêu Phu (không rõ tiểu sử) viết cho một bà goá lấy chồng người Trung Quốc:

*Bì phát kêt ngô duyên di hi kim chiêu hồng tắc khứ  
Bình dầu lưu khách địa ta tai hè nhật nhạn nam quy*  
Tạm dịch nghĩa:

Kết tóc đuôi sam, (theo kiểu người Trung Quốc) lấy chồng nước khác, con chim hồng đã bay về phương bắc.

Quay đầu về đất khách, thương ôi đến ngày nào con chim nhạn về nam.

Bà goá này dì giữa đường gặp một người chè “*Dở lăm, đem trả lại, lấy tiền về đây*”. Ông Chiêu Phu biết người chè mình là Cao Bá Quát liền mời họ Cao đến chơi và hỏi câu đổi nợ của mình dở thế nào. Cao Bá Quát thủng thỉnh đáp: “*Dở ở chỗ ý hai về giống*

*nhanh*". Ông Chiêu Phu mời Cao Bá Quát làm lại câu đối ấy. Sau khi nghĩ ngợi một lát, Cao Bá Quát đọc:

*Xoắn đuôi chuột, trả về cõi mẹ*

*Khép mu sò, dừng lại nuôi con.*

Câu đối rất hợp với tình cảnh người đàn bà goá nọ nhưng cái chất bẩn cợt, tinh nghịch rất Cao Bá Quát vẫn hiện lên rất rõ...

Cao Bá Quát khởi nghĩa không thành, bị bắt, bị giam, bị cùm chân, chờ đem ra xử tội. Ngồi trong ngục tối, ông vẫn ngâm:

*Một chiếc cùm lim chân có đέ*

*Ba vòng xích sắt bước thi vương...*

Đúng là khí phách của kẻ anh hùng lâm nạn, đầu sấp lìa khỏi cổ mà giọng vẫn vẫn sắc sảo, vẫn trào lệ..., vẫn khiến người ta kính nể.

... Tam nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến là bậc thầy dùng chữ nôm trong câu đối đến mức tuyệt diệu. Trong câu đối của ông, âm nôm kết hợp với chữ Hán một cách nhuần nhuyễn, tinh vi khiến người đọc nhiều khi phải giật mình ngạc nhiên thú vị. Hãy nghe ông tự trào bằng câu đối, thật nôm na nhưng vô cùng thâm thuý:

*Người nước Nam hối tiếng Tây chẳng biết tiếng Tây, hối tiếng Tàu chẳng biết tiếng Tàu, cho nên phải "minh tiên vương chi đạo di đạo"*

*Nhà hương Bắc, người chưa rét thì mình đã rét - người chưa bức thì mình đã bức, nên gọi là "tiên thiên hạ chi ưu nhì ưu".*

*Minh tiên vương chi đạo di đạo* là câu của Mạnh Tử có ý là đem đạo của các vua trước như Nghiêu, Thuấn, Vũ ra làm cho sáng tỏ. *Tiên thiên hạ chi ưu nhì ưu* là câu của Phạm Trọng Yêm

đời Tống có nghĩa là trước khi thiên hạ lo thì mình đã lo rồi. Nguyễn Khuyến gấp thời loạn lạc, cáo quan về quê, chặng theo Tây, cũng chặng theo Tàu (!) nhưng cái *đạo* của ông, cái *ưu* của ông làm nhiều người cảm kích... Ông là người sâu sắc thâm thúy nhưng cũng rất dí dỏm, tinh nghịch, hay trêu đùa người khác bằng câu chữ.

Ông tức cảnh khi anh hàng thịt mang biếu bát tiết canh và đổi bầu dục vào một ngày cuối năm rồi nài xin cụ cho câu đối Tết

*Tứ thời bát tiết canh chung thuỷ*

*Ngạn liêu đổi bồ dục điểm trang.*

Một lần ông đi qua chùa Đọi (Hà Nam). Chùa này có một chú tiểu nói ngọng và một sư cụ móm nói phieu phào. Tam nguyên Yên Đỗ làm đổi câu đối:

*Phật phất phóng phong phan pháp phái phi phù phan phung phật*

*Căn căn canh cổ kệ cao ca kì cứu cứu cùng kinh.*

Tạm dịch xuôi:

Phật phở cờ phướn bay trước gió, đạo pháp và cờ phướn bay để thờ phật

Tất cả cùng đọc kinh cổ, đọc to lên để khao cứu kinh phật cho đến cùng.

Về ý, không ai dám ché câu đối ca tụng phật pháp không hay nhưng về âm, khi đọc lên không ai bật cười vì *cái phieu phào, cái nghiu ngô cứ ẩn, cứ hiện...* Thật là tài tình ...

Hãy nghe Nguyễn Khuyến làm câu đối khóc vợ, về sau rất nhiều người đã thuộc lòng câu đối nổi tiếng này.:

*Nhà chín cũng nghèo thay, nhò được bà hay làm hay làm,  
thắt lưng bó que, xắn váy quai còng, le te chân trước chân sau, vì  
tớ đờ đẫn mọi việc.*

*Bà đi đâu vội mây, để cho lão vất vơ vất vưởng, bụi tóc cũ  
hành buông quần lá toạ, gật gù tay đưa tay chén, lấy ai kể lể  
chuyện trăm năm.*

Về già, mắt Nguyễn Khuyên kém, ông cảm nhận không khí  
Tết một cách rất đặc biệt:

*Tôi ba mươi, nghe pháo nổ đúng, ở ở Tết*

*Sáng mùng một, chạm nêu đánh cộc, à à Xuân*

... Cũng trào lòng và sặc sảo không kém, Tú Xương làm câu  
đối cho một người cháu khóc ông:

*Ông đi đâu đi đâu, đến sáng mai, ngày tết ngày tung, buồn rì  
buồn rầu không yém dỗ*

*Cha khóc lăn khóc lóc, qua bùa nọ, mắt cướp mắt bóc, khổ  
sao khổ vạy, thực hồi đen.*

... Cũng có khi một câu đối là một cuộc đối thoại đầy chất trí  
tuệ giữa người ưng với người đố. Đây là cuộc so tài có thể coi rằng  
không có kẻ thắng người thua, tuy người ta vẫn thừa nhận xuất  
đối dị, đối đố nan... Kẻ đố được là người thông minh, tài trí  
nhưng người ra về đố cũng không thể là người nông cạn. Dân  
gian còn ghi lại rất nhiều giai thoại về những cuộc đấu trí kỳ thú  
đó...

Mạc Đinh Chi đi sứ qua một nơi có câu chuyện về một anh  
học trò vì không đố được về thách đố của cô gái mình đang theo  
đuổi mà nhảy xuống giếng tự vẫn. Nghe người dân ở đó nói lại về  
đố của cô gái: *Ngân binh kiên thương ty* (Bình bạc mũi trên vai -  
chỉ cái vòi ở trên vai ấm), Mạc Đinh Chi làm về đố giải oan cho

anh học trò kia: *Kim toá phúc trung tu.* (Khoá vàng râu trong bụng - chỉ cái tua khoá ở trong ruột khoá). Một chuyện kỳ quặc *mùi trên tai* được đổi lại với một chuyện kỳ quặc khác *râu trong bụng* rất tương xứng. Người đổi phải là người có trí thông minh và óc quan sát tuyệt vời trong vốn thực tế phong phú mới có thể đổi được chính như vậy...

... Dân gian vẫn truyền nhau câu đố (khuyết danh) của một cô dâu thử tài chúa rể trong đêm tân hôn:

*Hàng Thiên Thai then khoá động đào, đóng chặt lại kéo chàng Lưu quen lối cũ* (Cô dâu dùng điển Lưu Thần nhập Thiên Thai).

Chú rể cũng chẳng phải tay vừa:

*Cửa Hầm Cốc lòng khuôn tạo hoá, mở toang ra cho ông Báu dân quân vào.* (Chú rể dùng điển Báu Công - Lưu Bang dẫn quân qua cửa Hầm Cốc để đổi lại.). Cô dâu chịu và tất nhiên là ... mở cửa...

... Vương Toán (không rõ tiểu sử) thông minh, học giỏi nhưng nhà nghèo, lại thích con gái nhà quan họ Bạch. Quan ra vế đối:

*Trai họ Vương đầu đội nón trúc, tuổi hai mươi, hà túc toán dã.*

Câu này chấp chữ *vương*, chữ *trúc* và chữ *tráp* (là hai mươi) thành chữ *Vương Toán*, nhưng có ý coi thường vì *hà túc toán dã*, trích từ sách *Luận ngữ*, nghĩa là *có gì đáng kể*.

Vương Toán đổi:

*Gái họ Bạch lưng thắt dây tơ, tuổi mười tám, bất diệc lạc hổ.*

Câu này ghép chữ *bạch*, chữ *tơ* (tơ) và chữ *thập bát* (là mười tám) thành chữ *Bạch Lạc* là tên cô gái, lại có ý cự lại câu trên vì *Bất diệc lạc hổ*, cũng trích từ sách *Luận ngữ*, nghĩa là *sao lại không vui...*

... Có cô ở phố Hàng Đào bán hàng tám (hang vãi tơ lụa), ra vé đổi kén chông:

*Cô nhát cầm tú thương cầm hạ thú, lưỡng biên phú thợ khang ninh*

(Bán một tấm gấm, trên (thêu) chim dưới (thêu) thú, hai bên (thêu) phú thợ khang ninh).

Một hôm có anh học trò mặt trắng cầm có một đồng kẽm đến đổi mua tấm gấm. Cô hàng nổi giận nhưng khi biết anh chàng kia đến “sinh sự” vì câu đổi thì dành chịu bởi vé đổi của anh:

*Chú nhát ván tiền nội phương ngoại viễn tú tự Gia Long thông bảo*

(Đúc một đồng tiền, trong vuông ngoài tròn, bốn chữ Gia Long thông bảo). Anh học trò đó là Tú Xuất...

... Người ta còn dạy nhau bằng những chuyện tướng như chuyện cười xung quanh câu đổi. Chẳng biết những ai thường quen thói nhìn cục bộ, từng chi tiết, từng bộ phận như kiểu *thày bói mù xem voi*, có giật mình khi nghe chuyện có người đổi lại vé *Thần Nông giáo dân nghệ ngũ cốc* bằng cách tách từng chữ để đổi cho chính, cuối cùng được vé đổi nghe cũng khá hay (!), bằng - trác cũng chính ... nhưng vô nghĩa...: *Thánh sâu gươm nước giòng tam cò*. (!)...

... Nhiều câu đổi đến nay vẫn còn đang chờ được hoàn chỉnh... Nỗi tiếng trong dân gian là những vé đổi khó của cô Điểm thách Trạng Quỳnh - một ông trạng đậm màu giai thoại:

*Lên phố Mia, gấp cô hàng mặt, cầm tay kẹo lại hỏi thăm đường.*

*Trời mưa đất thịt trơn như mỡ, giờ (dò) đến hàng nem, chưa muối ăn.*

*Bà dò Nưa, đi vắng tre, đến khóm trúc chờ dài hi hóp...  
v.v...*

Tương truyền cô Diễm còn ra cho trạng một vẻ khác chỉ có  
nâm chữ nhưng chẳng những đã làm ông trạng “bí”, đành chịu  
không đổi được mà còn làm đau đầu biết bao sĩ tử sau này: *Da  
trắng vỗ bì bạch*; Cái oái oăm nhất của vẻ đổi chính là *bì bạch* vừa  
có nghĩa Hán - Việt là *da trắng* vừa là một từ tượng thanh, như  
tiếng vỗ nước, rất nôm na, bình dị, rất Việt. Nghe nói, cũng đã có  
người đổi: *Giấy đỏ viết chỉ chu* nhưng rõ ràng so với *Da trắng vỗ bì  
bạch* thì vẻ này vẫn chưa thể coi là chính... Lại có người đổi rằng  
*Rừng sâu mưa lâm thâm*. Về mặt chữ nghĩa và ý thì có thể tạm coi  
là được, về bằng - trắc cũng có thể châm chước nhưng về âm thì rõ  
ràng là kém cô Diễm nhiều lắm...

Còn một vẻ đổi năm chữ khác, cũng hóc búa không kém,  
tương truyền là do bà vợ ba của vị thủ lĩnh nghĩa quân Cai Vàng  
thách đổi: *Cô Miên ngủ một mình*... Chẳng biết Cai Vàng có cách  
nào vượt qua vẻ đổi này để được cô ưng thuận...

Câu đổi khó trong dân gian khá nhiều, thật tiếc chưa thể  
sưu tầm đầy đủ:

*Bò lang chạy vào làng Bo.*

*Cha con thày thuốc về quê, gánh một gánh hồi hương phụ tử.*

*Song song là hai cửa sổ, hai người ngồi trong cửa sổ song song.*

*Thằng Quỳnh ngồi trên cây cậy dài đỏ hồng hồng* - Dân gian  
cũng gán câu này cho cô Diễm... Đây cũng là một vẻ xưởng có chữ  
cuối mang vần bằng...

*Gái tơ chỉ kén ngài quản tử*

*Trong quần anh có em học khá.*

v.v... và v.v...

Từ khi chữ quốc ngữ chiếm ưu thế tuyệt đối trên văn đàn, câu đối cũng không còn được treo và làm một cách rộng rãi như trước nữa; nhưng vẫn có những câu đối len lỏi trong dòng văn học dân gian, đời lúc hiện lên như những chấm phá khá bất ngờ thú vị. Thời hiện đại, cái thú chơi câu đối không mất đi mà đã mang màu sắc mới, với những chất liệu mới lấy từ cuộc sống hiện đại...

*Cán bộ to đi xe nhỏ*

*Nhân viên thấp ở nhà cao.*

Trong học đường, những tay học sinh hay tếu tá thường đọc cho nhau nghe: *Con bò cạp cạp con bò cạp, cạp rồi lại bò, bò rồi lại cạp* - vâng, tất nhiên là cố tình dùng sai chữ *bợ cạp*. Vết đói khá hóc nhưng cũng đã có anh đói lại: *Thày sinh vật vật cô sinh vật, vật rồi lại sinh, sinh rồi lại vật*. Chỉ tiếc rằng đến chữ cuối cùng thì lại vấp về niêm luật.

... v.v ...

\*

\* \* \*

Nếu nói một cách hình tượng, có người đã cho rằng mỗi câu đối có thể so sánh với một bài thơ, một bản nhạc, một bức tranh, một bức chạm... với hình ảnh, ngôn ngữ, với âm thanh, nhịp điệu..., với ý tứ nội dung sâu sắc trong sự cô đọng đến mức kết tinh của ngôn từ...v.v... Nhưng thực ra, câu đối không thể so sánh với một thể loại nào của một ngành văn hoá nghệ thuật nào khác - vì nó chỉ là nó, với tất cả những đặc trưng của riêng mình.

Người Trung Quốc và người Việt Nam định cư trong khu vực ảnh hưởng mạnh của gió mùa, thời tiết hay thay đổi, nhiều thiên tai mưa lụt... nên rất quan tâm đến việc sống hòa đồng với thiên nhiên - bởi thế những kết quả của sự tìm tòi về thời sinh học của người

Trung Quốc có từ rất sớm trong nền văn minh Trung Hoa: lịch tiết khí; lịch giông tố, lịch con nước; các phép xem thời tiết ứng với không gian thiên văn và thời gian bốn mùa trong năm, trong vòng luân chuyển thập thiên can, thập nhị địa chi v.v... theo quy luật âm dương - ngũ hành... ; lịch thời châm trong phép châm cứu; thuật dưỡng sinh theo mùa...; và rất nhiều thứ thuật khác cũng dựa trên những quy luật của trời đất... Khác với người phương Tây, người phương Đông chú trọng đến thích nghi với tự nhiên nhiều hơn là chinh phục tự nhiên. Người phương Đông chú ý đến *đối phó* hơn *cải tạo*. Câu đối là một loại hình sản phẩm trí tuệ khá đặc biệt nhưng cũng không nằm ngoài cái “xu thế đối phó” đó..., là ảnh xạ xa xôi của cái *tâm thức đối phó* kia chăng ?...

\*

\* \* \*

*Câu đối là sản phẩm văn hoá, kết tinh trí tuệ và tình cảm của nhân dân. Nó đã được kiểm chứng giá trị qua chiều dài thời gian của lịch sử, bằng chỗ đứng đã được khẳng định trong tâm thức của nhân dân.*

*Di sản câu đối là một phần của kho tàng văn hoá dân tộc, mang đậm bản sắc... - cần được bảo tồn và phát huy.*

Hà Nội - Xuân Nhâm Ngọ

N.V.A

## MỘT SỐ THUẬT NGỮ

1. Phật 佛 : Người tự giác ngộ mình và giác ngộ người theo chính đạo.
2. Phạn 梵 : Thanh tịnh. Phạn văn: Văn tự dùng trong các kinh văn cổ của đạo Phật.
3. Nam vô 南無: Đọc theo tiếng Phạn là nô mó, có nghĩa là một lời cầu khẩn thì nh kính tin theo.
4. A Di Đà Phật 阿彌陀佛 : Đức giáo chủ của thế giới cực lạc Tây phương, còn có nghĩa là vô lượng thọ Phật.
5. Bồ Tát 菩薩 : Người giác ngộ cho chúng sinh ở mức gần Phật.
6. Ma Ha Tát 摩訶薩 : Đại chúng sinh
7. Bát nhã 般若 : Trí tuệ
8. Bồ đề 菩提 : Cây bồ đề, tượng trưng cho sự giác ngộ.
9. Cam lộ 甘露 : Nước sương ngọt. Phật rảy nước cam lộ vào chúng sinh để rửa bớt phiền não.
10. Cát địa 吉地 : Đất tốt, đem lại điều tốt lành.
11. Châu thành 州城 : Bãi cát bồi đă canh tác thuận thực.
12. Diệu lý 妙理 : Chân lý sâu sắc.
13. Danh lam 名藍 : Chùa nổi tiếng; Thắng tích: 勝跡 Di tích nổi tiếng.
14. Dương liêu chi đầu 楊柳枝頭 : Đầu cành dương liêu. Phật nhúng đầu cành dương liêu vào bình cam lộ rảy cho chúng sinh.
15. Chân thân 真身 : Thực tướng của mình.
16. Đồng môn bất nhị 同門不二 : Chỉ sự nhất trí trong tinh thần ngộ đạo.
17. Kim thân 金身 : Minh vàng, chỉ tượng Phật.

18. Liên hoa tòa thượng 莲花座上: Tòa sen, nơi Phật ngự.
19. Lục thức 六識: Nhân thức; nhĩ thức, ty thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, các cơ quan cảm giác dẫn đến nhận thức.
20. Minh kính 明鏡: Gương sáng, rút từ bài kệ của Thần Tú 神秀 đứng đầu phái Bắc Tông, nói lên nhận thức về vũ trụ. Bài kệ như sau:

身是菩提樹

*Thân thi bồ đề thụ*

Thân là cây bồ đề

心如明鏡臺

*Tâm như minh kính đài*

Tâm như đài gương sáng

時時勤拂拭

*Thời thời cần phất thút*

Hàng ngày chăm lau quét

莫使惹塵埃

*Mạc sử nhạ trần ai*

Đừng để bụi bám vào

Ông (Thần Tú) công nhận tồn tại, đó là thân và tâm của con người, vì thế phải luôn tu dưỡng để giữ cho trong sáng. Một triết thuyết dung hòa giữa Nho và Phật, hợp với ý “Trung dung” (Nhân tâm duy nguy. Đạo tâm duy vi: Nhân tâm hay nguy, Đạo tâm hay mờ) của Nho giáo.

Trái với ông, Huệ Năng 慧能 người đứng đầu Nam Tông chủ trương mọi vật đều không, không vật gì đeo bám được. Kệ:

菩提本非樹

*Bồ đề bản phi thụ*

Bồ đề vốn không cây

明鏡亦非臺

*Minh kinh diệc phi dài*  
 Gương sáng cũng không dài  
 本來無一物  
*Bản lai vô nhất vật*  
 Vốn không vật gì cả  
 何處惹塵埃  
*Hà xứ nhả trần ai*  
 Bụi bám vào chỗ nào.

21. Nhân quả 因果: Nguyên nhân và kết quả.
22. Nhật tụng kinh 日訟金經: Hàng ngày tụng Kinh vàng (Kinh Phật).
23. Mê tân 迷津: Bến mê. Bến của dục vọng.
- 24., Phạn vũ 梵宇: Mái hiên Phật. Không gian thế giới của Phật.
25. Pháp vũ 法宇: Mưa pháp.
26. Phổ chiếu 譜照: Chiếu khắp nơi.
27. Pháp lực 法力: Quyền lực của đạo pháp
28. Phật đạo vô tư 佛道無私: Đạo Phật không riêng cho ai.
29. Pháp tính 法性: Bản tính của Phật pháp.
30. Sắc tướng 色相: Những vật chất có hình tượng có thể trông thấy được.
31. Sắc không 色空: Hai phạm trù trong đạo Phật: có và không, vật chất và hư không.
32. Tam giới 三界: Ba giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới.
33. Tam sinh 三牲: Ba loài sinh vật dùng để cúng tế: bò, lợn, dê. Ba kiếp: dĩ vãng, hiện tại, tương lai.
34. Tam thiên thế giới 三千世界: Ba ngàn thế giới.
35. Bách vạn nhân thiên 百萬人天: Trăm vạn con người.
36. Tam đồ khổ 三途苦: Ba đường khổ sau khi chết: địa ngục, quỷ đói, súc vật.
37. Tuệ 慧: Minh mẫn, sáng láng.

38. Tuệ nhân 慧眼 : Cáp mắt sáng suốt thấy rõ thực tướng.
39. Tuệ nhật 慧日 : Mặt trời sáng tỏ, ví sự sáng láng của đạo giáo như mặt trời.
40. Tam thừa 三乘 : Ba cỗ xe. Chỉ ba nhánh tu đạo Phật: Đại thừa, trung thừa, tiểu thừa.
41. Thập ác duyên 十惡緣 : Mười điều ác trong đạo Phật: Sát sinh, trộm cắp, dâm tà, lừa dối, chia lìa người, ác khẩu, nói hoa mỹ, nói trộn trào, gian tà.
42. Trần ai 塵埃 : Bụi trần. Mọi dục vọng, khổ đau của đời người.
43. Thời tuyên bão kê 時宣寶偈 : Đúng thời đọc bài kệ quý.
44. Tịnh giới 净界 : Thế giới của sự vắng lặng. Thế giới của vô niệm.
45. Kỳ viễn 祈圓 : Tiếng phạn là Jētavana. Khu vườn mà trưởng giả Cáp có độc đã mua của hoàng thân Jēta để tặng Đức Phật làm tịnh xá. Tương truyền ông đã phải rải vàng khắp mặt vườn để mua được khu vườn này và trồng ở đây một cây bồ đề đã sống lâu nhất, gọi là cây bồ đề Anandā.
46. Từ tâm 慈心 : Lòng thành, bản tính của Phật là từ thiện.
47. Niết bàn 涅槃 : Tiếng Phạn là Nirvana (Ni là hình thức phủ định; không có; Vana: sắc dục). Có nghĩa là sự tách rời khỏi ái dục. Một trạng thái tinh thần thoát khỏi ái dục và vọng niệm về bản ngã.
48. Giới 戒 : Điều răn, phép tắc. Kẻ tu hành phải giữ đủ bốn giới luật.
- Giới luật căn bản.
  - Giới luật yết nhận thức (qua lục căn)
  - Giới luật về thanh tịnh trong đời sống.
  - Giới luật về quan hệ với chúng sinh.
49. Định 定 : Ôn định tâm thần, kiểm soát để trau dồi tâm di trên con đường trong sạch.
50. Tuệ 慧 : Sự minh mẫn, kết quả của giới và định. Đây là giai đoạn cuối cùng để bước vào niết bàn. Khi đã giữ được giới luật, định được tâm, thì trí tuệ bừng sáng và lúc đó người tu hành chứng quả Niết bàn.

51. Cửu như 九 如 : Chín lời chúc trong *Kinh thi*: Như núi, như gò, như băng (gò nhỏ), như sông ngòi chảy khắp, như bờ cõi, như vùng trăng sáng, sông lâu như Nam Sơn, xanh tốt như tùng bách.
52. Hải ốc thiêm trú 海屋添籌 : Nhà biển thêm thẻ tre.  
Rút trong truyện về ba cụ già, trong đó một cụ kẽ tuổi của mình như sau: "Mỗi lần biển biến thành nương dâu, ta bỏ ra một thẻ tre, khi gặp ông thì số thẻ đó đầy mười gian nhà rồi".
53. Ca Diếp迦葉 : Một môn đệ của Thích Ca, đã thấu triệt được giáo lý chính đạo. Ông đặc quả ALaHán – một trình độ nhận thức gần Thích Ca.
54. Âm quang 飲光 : Phát hào quang khi ăn uống. Tên thường gọi của Ca Diếp là Ma ha ca diếp ba. Ma ha là to lớn. Ca diếp ba là ảm quang.
55. Như lai 如來 : Theo như thực đạo mà thành chính quả (Có nhiều cách giải thích từ này):  
 1) Pháp hiệu của đức Thích ca mâu ni.  
 2) Không từ đâu đến, không đi về đâu, nên gọi là Như Lai.  
 3) Vốn tự giác là như. Bắt đầu sự giác ngộ là lai  
 4) Đem cái bản tính chân như sẵn có để giác ngộ chúng sinh.
56. Tam tạng 三藏 : Ba chỗ chứa gồm Kinh, Luật, Luận.
57. Tam đa 三多 : Ba nhiều: nhiều phú, nhiều thợ, nhiều con trai.
58. Tam tôn 三尊 : Ba ngôi vị tôn quý trong chế độ phong kiến: vua, thầy, cha.
59. Tam muội 三昧 : Còn gọi là Tam ma đế hay Tam ma đế có nghĩa là chính định – yên định thẳng thắn, bài trừ mọi tạp niệm để tâm thân bình tĩnh.
60. Tam giới 三戒 : Ba điều răn. Trong sách *Luận ngữ* có nói: Người quân tử có ba điều răn. Lúc trẻ, khí huyết chưa định, nên răn mình về sắc dục, lúc trai tráng khí huyết phương cương, nên răn mình võ đấu (đánh nhau); Khi về già, khí huyết đã suy, nên răn ở tự đắc.

61. Khai hạp gian 開 圓 間 : Khoảng thời gian đóng mở. Theo thuyết âm dương, Trời mở vào giờ Tý, Đất khép vào giờ Sửu.
62. Dực, Chân 翼 轉 : Thời Trung Quốc cổ đại, khoa Thiên văn chia bầu trời làm chín khu vực theo phép cửu trù hồng pham, nước Việt Nam thuộc khu vực có các sao Dực, Chân.
63. Lục khí 六 氣 : Sáu khí. Có nhiều định nghĩa khác nhau: Trời, đất, xuân, hạ, thu, đông. Y học cho lục khí là: Giá, nóng, rét, thấp, lùa, táo.
64. Khí hạo nhiên 浩 然 氣 : Khí tự nhiên bao la.
65. Lan đình 蘭 亭 : Một kiểu chữ của nhà thư pháp cổ Trung Quốc Vương Hy Chi.
66. Tân thiếp 晉 帖 : Lá Thiếp đời Tân.
67. Đào thi 陶 詩 : Thơ Đào Tiềm, một nhà thơ ân dại đời Tân.
68. Tam cổ 三 古 : Ba vị thánh hiền thời Trung Quốc cổ đại: Phục Hy, Văn Vương, Khổng Tử.
69. Nhất gia ngón 一 家 言 : Tên một tác phẩm cổ đại Trung Quốc, tập hợp các giá trị văn hóa.
70. Tam đô 三 都 : Ba kinh đô thời Trung Quốc cổ đại.
71. Ngũ nhạc 五 岳 : Năm ngọn núi lớn của Trung Quốc.
72. Bảo vự tinh 寶 墟 星 : Chòm sao Bảo vự.
73. Bàn đào蟠桃: Một giống đào nai tiên giới.
74. Xuân huyệt 春 蕊 : Tượng trưng cho cha và mẹ.
75. Tam cúc kính 三 菊 徑 : Ba luống cúc. Nơi ông Đào Tiềm cáo quan về hưu, vườn nhà trồng ba luống cúc.
76. Giáng huyện 降 縣 : Tên một huyện ở Trung Quốc.
77. Long môn 龍 門 : Cửa rồng. Ý nói thi đỗ cao.
78. Bàn khê蟠溪 : Nơi Khương Tử Nhã, tức Lã Vọng ngồi câu cá trước khi gặp Văn Vương nhà Chu.

79. Vũ ban y 舞班衣: Áo mũ rực rỡ. Ý nói về ông Lão Laí tuổi già, nhưng mặc áo hoa múa vui cho cha mẹ xem.
80. Dao trì 瑶池: Ao xây bằng ngọc đào, nơi ở của Tây Vương Mẫu.
81. Minh kinh 明經: Giải kinh điển. Các triều đại phong kiến Trung Quốc thường hay mở khoa thi giải kinh điển để chọn người tài.
82. Vũ sơn 于山: Rút trong tích vua nước Sở gặp thần nữ ở Vũ Sơn.
83. Nhị nam 二南: Hai thiên Chu Nam 周南 và Thiệu Nam 召南 trong Kinh Thi.
84. Chu, Thiệu 周召: Chu Công Dán và Thiệu Công Thích, con cháu nhà Chu được phân phong ở Thiểm Tây.
85. Vương Tạ 王謝: Hai họ danh giá ở Trung Quốc xưa.
86. Quốc phong 國風: Thơ Quốc phong Kinh thi; nói về phong tục cổ đại Trung Quốc, trong đó có thiên Quan thư 關雎 nói về tình yêu đôi lứa.
87. Bạch tuyết dương xuân 白雪陽春: Bạch tuyết là khúc hát dân gian. Dương xuân: một điệu hát hay được sáng tác vào thời cổ đại Trung Quốc.
88. Kình ba 黰波: Sóng kình, sóng dữ, sóng lớn.
89. Phủ trạch 府宅: Phủ nha, cơ quan, nhà quan.
90. Dân an 民安: Dân được yên, dân được vui vẻ.
91. Vật phụ 物阜: Vật chất nhiều, cuộc sống phong phú, vật nhiều, vật thịnh.
92. Quốc thái 國泰: Nước yên hòa, thái bình.
93. Giang sơn 江山: Sông, núi, non sông – chỉ đất nước, tổ quốc.
94. Sơn hà 山河: Núi, sông, non sông – cũng chỉ đất nước, tổ quốc.
95. Sơn thủy 山水: Núi, sông; non, nước – Sơn thanh thủy tú: non xanh nước biếc. Sơn cao thủy thăm: Núi cao sông sâu.
96. Thiên khung 天穹: bầu trời.
97. Thanh thiên 青天: Trời xanh, trời.

98. Tích thụ kim hoa 昔樹今花: Cây xưa hoa nay, thường chỉ tố tiên gác dựng, con cháu phát triển.
99. Phụ canh tử hoạch 阜耕子穫: Cha trồng trọt con được hưởng.
100. Tư Mã Huán 司馬訓: Sách Gia Huán của Tư Mã Dung, đời Tống, Trung Quốc.
101. Sở thư 楚書: Sách vở nước Sở.
102. Sĩ quân tử 士君子: Người thuộc giới thượng lưu.
103. Đại trượng phu 大丈夫: Người đàn ông có tài đức nổi trội hơn nhiều người khác.
104. Gia trạch 家宅: Nhà ở, nhà cửa.
105. Chính lộ 正路: Đường thẳng, hành vi chính đáng.
106. Thánh kinh 聖經: Sách của thánh nhân.
107. Hiền truyền 賢傳: Sách chép sự tích các bậc hiền nhân để lại đời sau.
108. Chính đại cao minh 正大高明: Làm việc ngay thẳng sáng suốt.
109. Cương thường 綱常: Tam cương ngũ thường của nhà nho. Tam cương: Quân thần, phụ tử, phu phụ. Ngũ thường: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.
110. Thần công 神功: Công của thần. Sức của thần.
111. Thánh trạch 聖澤: Ơn trạch của thánh.
112. Tổ công tông đức 祖功宗德: Công đức của tổ tông.
113. Tử hiếu tôn hiền 子孝孫賢: Con hiếu cháu hiền.
114. Liên đăng tục diệm 連燈續焰: Đèn liên, tiếp nối tỏa sáng.
115. Quang tiền dụ hậu 光前裕後: Làm sáng đời trước, để phúc cho đời sau. Có khi còn viết là Quang tiền dù hậu 光前愈後 hoặc Quang tiền thùy hậu 光前垂後。

## SÁCH DẪN

Để giúp bạn đọc tìm được hoành phi, câu đối theo yêu cầu riêng một cách nhanh chóng trong bộ *3000 hoành phi câu đối Hán Nôm* này, chúng tôi soạn thêm phần *Sách dẫn*.

Khi sử dụng bảng *Sách dẫn* này, xin lưu ý:

Trước, qua *Tổng mục lục*, tìm phần chính theo yêu cầu, tức các phần: I. Hoành phi; II. Câu đối chữ Nôm; III. Câu đối chữ Hán.

Sau, qua phần chính, tìm Hoành phi, Câu đối cần tìm:

### Phần I: HOÀNH PHI

Tìm theo thứ tự A - B - C phần phiên âm; xong đổi chiểu số trang

Ví dụ: *Tường quang viễn chiểu*

Văn T; Trang : 49;

*Đạo quán cổ kim*

Văn Đ; Trang: 43.

### Phần II: CÂU ĐỐI CHỮ NÔM

Trong bảng *Sách dẫn* này, về câu đối chữ Nôm, tìm theo thứ tự A - B - C chữ đầu vế trên; xong đổi chiểu số trang.

1. *Đón Xuân sang*
2. *Nghe tiếng chuông vàng*
3. *Giầu có thiếu chi tiền*
4. *Thi hương lá cờ đuôi nheo*

Ví dụ như mấy câu dẫn trên thì tìm:

Câu 1. Văn Đ, trang: 66;

Câu 2. Văn N, trang: 94;

Câu 3. Văn G, trang 84;

Câu 4. Văn T, trang 100. v.v...

### Phần III: CÂU ĐỐI CHỮ HÁN

Về Câu đối chữ Hán, trước qua *Tổng mục lục*, tìm chủ đề; đó là: I. CÂU ĐỐI TẾT; II. CÂU ĐỐI VỀ PHONG CẢNH; III. CÂU ĐỐI VỀ HỌC TẬP VÀ TU DƯƠNG; IV. CÂU ĐỐI MỪNG VÀ VIẾNG, sau tìm Câu đối xếp theo thứ tự A - B - C chữ đầu ở vế trên phần *phiên âm* trong chủ đề ấy.

Ví dụ: CÂU ĐỐI TẾT

Tra Sách dẫn thấy chép:

Số điểm đào hoa

Văn S, trang 114. Theo chỉ dẫn ấy, sẽ tìm được câu:

*Số điểm đào hoa tri vân tuế*

*Nhất hương địa bình báo tân xuân*

Có đầy đủ cả phần chữ Hán, dịch nghĩa.

Với Câu đối về phong cảnh (II), Câu đối về học tập và tu dưỡng (III) và Câu đối chúc mừng thăm viếng (IV) cũng tìm theo cách như vậy.

Bảng Sách dẫn này mong giúp bạn đọc có cái nhìn tổng thể về 3000 *hoành phi câu đối Hán Nôm* thông dụng có trong tay các bạn; ngoài ra, giúp các bạn tìm được một cách nhanh chóng hoành phi, câu đối thông dụng ấy mà các bạn muốn có cả nguyên văn cùng dịch chú.

## Phần I : HOÀNH PHI

### A

An cư lạc nghiệp.....	41
Ẩm lư nguyên .....	37

### B

Bách thể lưu phương.....	39
Bất khóc thần thương.....	37
Bối diệp truyền phương.....	44

### C

Cách hổ bình văn.....	47
Căn thàm diệp máu.....	45
Cổ kim nhật nguyệt.....	44
Chân linh vị.....	45
Chân tể tối linh.....	45
Chí giáo chàn như.....	53
Chính thống thủy.....	57

### D

Danh thùy thiên cổ.....	38
Danh viễn đức cao.....	38
Dương đức kiến vũ.....	52
Dương hổ như tai.....	48
Dương kỳ thương.....	52
Dí huấn tại nhí.....	38
Dụng phu ngũ phúc.....	48

### Đ

Đại sư lai tự.....	49
Đại tai khôn hạp.....	46
Đại tử đại bí.....	56
Đào lý vọng xuân.....	39
Đạo quán cổ kim .....	43
Đăng vân già vũ.....	55

Điều ngữ hoa hương .....	42
Đức cập tử lý .....	37
Đức duy hình .....	47
Đức hợp Khôn sinh .....	50
Đức kỳ thịnh .....	51
Đức tham thiên địa .....	43
Đức thủy phát .....	47

## G

Già hạc quy tiên .....	38
Giang sơn hữu chủ .....	46
Giáo hồi minh tâm .....	58

## H

Hà hải tiêu dị .....	44
Hà hữu nguyên .....	47
Hách trạc quyết linh .....	54
Hách trạc thanh linh .....	58
Hàm tam cực .....	52
Hiển kỳ quang .....	52
Hoà thả bình .....	44
Hoan đà xuân tiết .....	43
Hò minh châu .....	50
Hộ pháp long thiền .....	56
Hồng phúc tự .....	49
Huyền thảo trường xuân .....	40
Hưng vượng phát đạt .....	42
Hỷ khí doanh mòn .....	43

## K

Khánh vân ngưng cái .....	53
Khi cao tinh hán .....	53
Kim liên bảo tòa .....	50
Kinh lão ái áu .....	42
Kỳ gian danh thế .....	47

## L

Lai dã viễn .....	46
Liên phương tục diêm .....	44

Liên họa sinh hương .....	56
Long đức trung chính .....	53
Lương sư khai mô .....	37

## M

Mẫu nghi thiên cổ .....	39
Mỹ đức di phong .....	56

## N

Nam giao học tổ .....	58
Ngọc chúc thái bình .....	54
Ngũ linh hoa khai .....	48
Nhân tâm tư phú .....	41
Nhân thọ niên niên .....	41
Nhân tử quảng đại .....	53
Nhân vi bảo .....	47
Nhất niêm tức Như lai .....	54

## P

Phẩm cao đức hậu .....	39
Phật hóa hữu duyên .....	49
Phật nhật tăng huy .....	54
Phát Pháp Tăng Bảo .....	46
Phong hoà nhật lè .....	43
Phổ đức từ quang .....	50
Phổ từ quang chiếu .....	49
Phúc hải tho sơ .....	40
Phúc như Đông hải .....	40
Phúc tư văn .....	44
Phúc thọ vô lượng .....	40
Phùng già huân tướng .....	47
Phương tiện mòn .....	56

## Q

Quang minh lỗi lạc .....	39
Quang tiền thùy hậu .....	37
Quang ư tiên .....	50
Quất làm thực đức .....	52
Quốc phủ dân cường .....	42
Quốc thái dân an .....	42

**S**

<b>Siêu sinh tịnh độ.....</b>	<b>54</b>
<b>Song họ vô biên.....</b>	<b>40</b>
<b>Sùng tử vĩnh diển.....</b>	<b>54</b>

**T**

<b>Tam giới đại sư.....</b>	<b>48</b>
<b>Tam hữu tết tư.....</b>	<b>51</b>
<b>Tập đại thành.....</b>	<b>43</b>
<b>Tết tư tam hữu.....</b>	<b>51</b>
<b>Thái cực nguyên khí.....</b>	<b>55</b>
<b>Thanh bạch nhất thế.....</b>	<b>39</b>
<b>Thanh chấn ba hải.....</b>	<b>55</b>
<b>Thanh Liên tự.....</b>	<b>58</b>
<b>Thánh trí xào công.....</b>	<b>57</b>
<b>Thần cách tư.....</b>	<b>56</b>
<b>Thần công mạc trắc.....</b>	<b>57</b>
<b>Thần hựu thần.....</b>	<b>55</b>
<b>Thiên bảo cửu nhu.....</b>	<b>49</b>
<b>Thiên địa hợp đức.....</b>	<b>49</b>
<b>Thiên long hiến thụy.....</b>	<b>50</b>
<b>Thiên thánh giáng trần.....</b>	<b>48</b>
<b>Thiên tử tâm.....</b>	<b>57</b>
<b>Thọ diên thiên thu.....</b>	<b>40</b>
<b>Thọ đồng tùng bách.....</b>	<b>41</b>
<b>Thống ngưỡng nhạc tôn.....</b>	<b>39</b>
<b>Thống thất tri âm.....</b>	<b>58</b>
<b>Thùy ư hậu.....</b>	<b>51</b>
<b>Thượng đẳng luỹ gia phong.....</b>	<b>54</b>
<b>Tích dận tố.....</b>	<b>45</b>
<b>Tích thư kim hoa.....</b>	<b>37</b>
<b>Tịnh sơn hải.....</b>	<b>46</b>
<b>Tịnh thư kỷ phúc.....</b>	<b>57</b>
<b>Tổ củng tôn bối.....</b>	<b>37</b>
<b>Trạc trạc quyết linh.....</b>	<b>57</b>
<b>Trạm lộ phong tương.....</b>	<b>45</b>
<b>Trần triều hiển thánh.....</b>	<b>51</b>

Triệu Việt Vương tử.....	58
Tuệ quang chiếu.....	53
Tùng hạc diên niên.....	41
Tuy tử do sinh.....	38
Tử cựu nghinh tân.....	42
Tử hàng phổ tết.....	58
Tử nhân trai khiết.....	55
Tử quang phổ độ.....	50
Tử vân biển.....	52
Tử vân biển phú.....	45
Tử ân tổng báo.....	51
Tường quang viễn chiếu .....	49

## U

Uy túc phong vân.....	51
Uyển nhiên tiên giới.....	48

## V

Vạn chủ tượng.....	44
Vạn cổ anh linh.....	57
Vạn cổ giang sơn.....	55
Vạn cổ trường thanh.....	38
Vạn dân đồng lạc.....	41
Vạn đức viền chương.....	51
Vạn thế sư biểu.....	43
Vạn lượng canh tân.....	42
Vì Bách Việt tổ.....	52
Vọng chi như vân.....	55

## X

Xuân thu bất lão.....	40
-----------------------	----

## Y

Y chính trang nghiêm.....	46
---------------------------	----

## Phần II : CÂU ĐỐI NÔM

### A

Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai dễ biết ai!	98
Ai lên thủ Lạng cùng anh, công cán ấy dã tráng xe cát bể;	108
Anh em hòa thuận, con cháu đồng tâm.....	68
Anh mừng Xuân: cá nước chim trời, sóng biển động bài ca hải đảo;	76

### B

Ba mươi năm an giấc Ba Đình, trái tim lớn bao quanh bốn biển;	73
Bà vui lên cõi Phật cõi tiên, cõi với cháu nhớ thương khôn xiết kể.	97
Bài hát kết đoàn, Bác bắt nhịp núi sòng cùng hát;	62
Bán hàng chiều khách, khách nhớ nhà hàng.....	85
Bán trầu bán rượu, không bán nước.....	96
Bảo vệ biên cương, ngày nắng đêm sương .....	110
Bé khổ bến mê thuyền tế độ .....	94
Bền vững gia phong, nhà hạnh phúc;	109
Bốn nghìn năm nước cũ, đương cuộc đổi thay,	79
Bốn trụ bốn nghề cười .....	100
Bút cùn mặc kệ, hồn nước tình hay chưa.....	105

### C

Cả nước mừng Xuân, thành thị nồng thồn hồng sắc nắng;	71
Cái cò lặn lội bờ sông, rủ rỉ nuôi con mà hoá thực;	89
Cán bộ giữ chữ chính liêm, phấn đấu hy sinh .....	66
Càng vững càng thương càng lịch sự .....	92
Cảnh giác phòng gian, nhân dân trăm mắt nghìn tay giữ yên nội địa;	110
Cây nhân nghĩa vun xới đều cho năm tháng cảnh tươi lá biếc;	69
Chị em dì! ba mươi sáu tuổi rồi.....	89
Chị dì chị! Một tiếng đùng đoảng,	101
Chi thiết tu đạo muôn đời phúc .....	91
Chim có tổ, người có lòng, đời phát triển không quên nền dân tộc;	70
Chung sức trẻ già, xây bền vững phồn vinh đất nước;	69
Chuồng sương kêu gọi hồn kim cổ;	95
Chuồng gá kè áp chuồng vịt .....	103
Chữ đại là cả, bò một nét ngang,	104
Chữ nghĩa móm dần con trẻ hết.....	89
Có là bao, ba vạn sáu ngàn ngày được trăm cái Tết.....	93

Có mày không gió, lơ lửng giữa trời, .....	106
Có tật giật mình, cứu bệnh như cứu hoà; .....	89
Có tổ có tiên, có cha có mẹ, ân đức cù lao nặng nề.....	93
Con cháu thảo hiền, rạng đức tiền nhân dòng hiếu nghĩa; .....	66
Con chim đà mà đỗ cảnh đà, cất tiếng gáy: Đa đa ách thiện; .....	103
Con chó đứng cạnh thăng臺, được ông Lý cùi đầu mà lạy; .....	100
Con cáo leo cây vọng cách, nó rơi xuống đất, nó cách đến già; .....	107
Con gai cầu Cây, má đỏ hồng hồng .....	107
Con gai Văn Cốc, lên dốc bắn cò, đứng làm le, cười khanh khách; .....	102
Con mất cha như chim lia tổ .....	96
Con rể nết na xem tử tế .....	101
Cô ló cô lóc, ốc .....	84
Công đức ngàn năm ghi bia đá .....	65
Công ơn Đảng nghìn thu vẫn nhớ; .....	82
Cuộc sống ngày mỗi cao, .....	67
Cửa không trăm ánh kinh trăm lá; .....	96
Cửa Phật mở mang, bia đá ghi tên chùa làng xã .....	93
Cửa Phật từ bi, làm phúc được phúc .....	94
Cửa rộng thênh thang người qua lại .....	91
Cửa trai thiền nương tựa chùa bao lâu, .....	84

## D

Dám nghĩ, dám làm, chống xói mòn phẩm chất; .....	77
Dân là gốc, gốc có tốt lá cành mới tốt; .....	77
Dân tộc anh hùng, hợp sức thăng tiến hai đến quốc; .....	75
Dân tộc đi lên, cả nước tung bừng hội mới; .....	65
Dân theo Đảng toàn tâm, triệu triệu lòng dân đúc thành ý Đảng; .....	62
Dẫu phong ba vật đổi sao đổi, luôn son sắt một lòng trung với Đảng; .....	68
Duyên nợ mãi sao đây, một giấc hay còn vđ vẫn bướm; .....	108

## Đ

Đá xanh xây cổng, hòn dưới giống hòn trên .....	96
Đã chót nhúng tay, xấu đều hơn tốt lời; .....	84
Đảng anh minh, .....	64
Đầm mây thằng gian, ngồi bút chẩng bè còng uốn vẹo; .....	78
Đập cổ kính ra tim lấy bóng; .....	87
Đất ải trắng đồng, mờ luống chờ bơm cơn nước trắng; .....	74
Đất chẳng phải chồng, đem gửi thịt xương sao đặng; .....	83
Đất dàn chùa làng phong cảnh phát .....	90
Đất e biển cạn bù thêm nước .....	86

Đất nước bình yên, mừng đức thánh.....	94
Đất nước chùa làng phong cảnh phật.....	91
Đất nước mái nhà chung, đất Việt xanh tươi cây độc lập; .....	86
Đất nước mừng Xuân, xuân trẻ mãi; .....	78
Đất nước rộng đường Xuân, hải đảo, biển cương bừng sức trẻ; .....	61
Đất Việt ngời chí anh hùng, Tổ Quốc ghi công như biển cả; .....	78
Đất vui rộng đường xuân, già khoẻ trẻ ngoan xây hạnh phúc; .....	66
Đi dắt thịt, đường trơn như mờ.....	106
Đò đào Nhật Tân, đò sóng sông Hồng, .....	99
Đọc ba trăm sáu mươi quyển kinh.....	87
Đón Tết, tận dụng thời cơ, chuẩn bị hành trang tiến bước; .....	64
Đón Xuân đất nước nở hoa, mở cửa thanh bình.....	74
Đón Xuân sang, quét sạch gian tham, .....	66
Đỗ Ngoại Lặng gieo đậu đều đậu quả; .....	99
Đức mẹ cao dày, thăm thiết thơ ngây chín chữ.....	97
Được thi vỡ, thua thi chạy, ghét chúng anh hùng rơm; .....	88
Đường giác ngộ để huể tiến hóa .....	92
Đường lối Đảng sáng ngời, xây Tổ Quốc tươi hoa đẹp gấm; .....	73

## G

Gái có chồng như rồng có vây, gái không chồng như cối xay không ngõng.....	108
Gạn đục khơi trong, khắp nèo quê hương xanh sạch đẹp; .....	67
Gì mạnh bằng nhân dân, vá trời lắp biển .....	70
Gia đình năm tốt, phụ nữ ba đảm đang, quyết mót dạ gái trai già trẻ; .....	70
Gia trẻ gần xa nương bóng phật.....	91
Già ưa người ta chiều, rét chiều hóng, .....	104
Giã từ thế kỷ hai mươi, thăng địch họa, thiên tai .....	68
Giang sơn tóm lại đòi săn khẩu.....	85
Gia đình độc lập tự do, mót giài non sông vui thống nhất; .....	75
Giáo đường nhân tài, non sông muôn lộc Tết; .....	61
Giày vải đạp nghiêng ba đế quốc; .....	78
Giàu có thiểu chi tiền, đem một vài quan không phải nghĩa; .....	84
Gió pháp mưa từ, nhuận khắp cả nhân gian ba cõi.....	92
Gió quyến ngọn cây, cây quyến gió; .....	87
Gió tựa tường ngang lưng gió phảng .....	85
Gid tay với thủ trời cao thấp; .....	87
Giữ gìn nét đẹp ngày xưa, lấy nhân làm gốc; .....	69
Giữ truyền thống văn minh, tạc da trọn tình trung với Đảng; .....	67

## H

Hai nhăm triệu đồng bào .....	81
Hàm trâu, lấy đâu dẽo ra nhiều thịt; .....	99
Hạnh phúc gia đình: con thảo, vợ hiền, .....	76
Hạnh phúc tự do lưu muôn thuở .....	65
Hoa quả lòng thành, dâng cúng phật .....	90
Học cái mới, nhớ điều xưa, cùng vươn tới văn minh hiện đại; .....	62
Học trò Phú Khê ăn cơm cháy .....	101
Hồi chuông cảm động chín mươi phương, .....	95
Huyện Tam Dương có ba con đè, đứng núi đá trông về Lập Thạch; .....	98

## I

In như thảo mộc trời Nam lại, .....	88
-------------------------------------	----

## K

Kê là gà, gà ăn kê .....	102
Khi khép tối om om, quần tủ tờ mờ nhìn chẳng thấy .....	105
Không dừng xuân đến chỉ nhà tú .....	90
Khúc hát Tầm dương, gấp gã chan hoà người bốn biển; .....	108
Kịch trần duyên một giấc vàng, giới định tuệ sớm tu thân thành phật; .....	95
Kiếm một cõi trầu thưa với cụ .....	90
Kiên trì đổi mới tư duy, .....	110
Kiến đậu cánh Mơ bò cuống quýt .....	109
Kính thành hai chữ lễ .....	91

## L

Lác đác mưa rơi làng Lộ Vũ; .....	99
Lão chúa già đau, nghiêng ngửa vì ai nén tóc bạc .....	97
Lặng mò nguy nga, ánh ngọc triều xưa sáng mãi .....	92
Lặng tẩm tự năm nào, núi Tân, .....	82
Lấy dân làm gốc, nhái mục vì dân .....	69
Lộc là hưu, hưu đi lộc cộc .....	103
Lộng lẫy bức tranh Xuân, đất nước muôn hồng ngàn tía; .....	61
Lúa tám, gặt chín tháng tư .....	83

## M

Mải chơi biếng học quên lời bố; .....	99
Mang nghĩa lớn ở đời, cuộc chiến đấu không lùi một bước; .....	63
Máy nổ vang đồng, vui Tết xóm làng ơn cách mạng; .....	74
Mặc áo giáp, giải cài chữ đinh, mâu, kỷ, canh, khoe mình rồng quý; .....	102
Máy mười năm góc bể bên trời, .....	81
Mẹ đất nước xuân về .....	104

Mỗi xuân một bến ý chí .....	63
Mồng mốt tết, mồng hai tết, mồng ba tết, ứ tết .....	93
Một chiếc cùm lìm chân có đế .....	88
Một và tuần chén trống lấy làm vui, thuở trước cỏ thờ chi thánh rượu; .....	86
Mơ màng giấc mộng túi non sông, chị em tôi đã biết chi đau .....	80
Mở khép căn khôn có ra tay mới biết .....	85
Mừng cháu xe duyên, tình đôi lứa trăm năm hòa hợp; .....	110
Mừng Đảng sáu mươi năm, cả trăm miền đất nước tung bừng đón Tết; .....	110
Mừng thầm chủ cung như cha, mọi việc nương nhờ còn xiết kẽ .....	97
Mừng Tết luyện quán hùng, chiến thuật tinh thông .....	61
Mười lăm năm trước thấy cụ ở đây, .....	80
Mười mấy khoa còn gì, nhờ trời có phúc có phận; .....	82

## N

Nên phật nên thân, đất cũ tới nay ghi dấu ấn .....	93
Nếp giàu quen thói kình cơi, con cháu nương nhờ vì ấm; .....	88
Ngán nỗi trời đất chẳng thương người chí sĩ .....	79
Ngàn năm ghi nhớ công ơn Đảng .....	64
Nghe tiếng chuông vàng, có phải họ hàng ai đáy nhỉ .....	94
Nghém cổ cò, trông bảng không tên, trời đất hời, văn chương xuống biển; .....	88
Nhất sỹ nhì nóng, hết gạo chạy rông, nhất nóng nhì sỹ .....	109
Những tưởng mãi cùng nhau, .....	101
Núi rộng, sông dài, chốn chốn cỏ hoa vào hội mới; .....	62
Nước biếc một màu, in cảnh phạt .....	94
Nước độc lập, dân tự do, hạnh phúc nghìn năm đất Việt; .....	82
Nước trong leo leo cá đớp cá .....	86

## O

Ông đi đâu đi đâu, bánh ngon quả ngọt, ban sẻ lấy ai vui vẻ nữa .....	97
Ông lão chẳng biết chi, văn đánh ngược .....	86
Ông Nghị được thưởng mè day, khỉ làm xiếc .....	100
Ông Thông đến gốc cây Đè, ông Thông không đi là ông Thông lại; .....	103
Ơn Đảng tiên phong, cách mạng xây nền nếp tự chủ; .....	79

## P

Phẩm quả cùng giang nghênh phật tổ .....	91
Phật có ứng linh, do thành tâm tín ngưỡng .....	94
Phèn đan mắt cáo mèo chui lọt .....	109
Phổ vào cảnh Tết tung bừng, vỏ luồng cổ đậm đà tình đất nước; .....	64
Phu là chồng, phụ là vợ, vì chồng vợ phải đi phu; .....	101

## Q

Quách thày chúng nó, thi mà chỉ đỡ nữa mà chi .....	106
---	-----

Quanh năm chăm sản xuất, kinh doanh, khéo léo .....	62
Quân tử cõi cùng, quân tử cùng, quân tử cõi; .....	103
Quí liêm chính, trọng tài năng, xã hội công bằng quanh năm Tết; .....	98

## R

Ra tay cầm cán sồi trong nước,.....	88
Rộn rã Xuân về, đất nước đón chào thời đổi mới; .....	62

## S

Sáng ra núi Sáng, thấy hoa vàng nhớ cũ Hoàng Hoa; .....	98
Sấm sét khéo vô tình, Irơi đâu nỡ giết ta chăng, .....	79
Sinh thời ngưỡng mộ từ bi, một lòng thờ cúng phật .....	92
Sống có đạo có tình, Xuân muôn thuở thuận tình làng nghĩa nước; .....	65
Sớm dâng hoa, niệm phật Di - Đà .....	93
Sưu thuế nặng còng lưng, tiếng mõ thúc vang, con chó sủa; .....	100

## T

Ta nay quan Thị, đi đốc Đường Da, trợ hồng thủy cho thiên hạ cây; .....	102
Tết đến, giữ gìn trật tự phố phường, nếp sống văn minh vui cảnh Tết; .....	63
Tết nhớ mẹ già đầu đã bạc; .....	99
Tết trồng cây, đất nước xanh tươi, một dải non sông phơi phới Tết; .....	61
Tháng đôi lẩn làm lễ niêm kinh, được quanh năm thịnh vượng.....	95
Thanh niên chí lớn, chuyển núi lắp sông, .....	64
Thánh thần dao động, trải nghìn năm mới có bảy giờ .....	80
Thánh tổ bảo Thành lớn ra mở nước .....	107
Thắng tích danh lam, ngắm cảnh càng yêu đất nước;.....	63
Thấy dạy giỏi, trò học chăm, vui tết làm theo lời Bác dạy; .....	78
Thế giới chuộng hòa bình, ngọn đuốc năm châu nóng nhiệt đón; .....	75
Thi hương lá cờ đuổi nhẹo, thi hội lá cờ đuổi nhẹo.....	100
Thi viết: Đề Đỗ bất kỳ nhiên hô! .....	84
Thị vào hầu, thị đứng thị trông, thị cũng muốn, thị không có ấy; .....	102
Thiếp vì lòng trắng không thay hạt .....	85
Thuý Kiều đi qua cầu, nhác thấy chàng Kim lòng đã trọng .....	96
Thư viết: Trùng Hoa thử chi vị dã; .....	84
Tích trí, tích nhân, thày dạy ch .....	70
Tiên học lễ hậu học văn người người.....	109
Tinh thần chết đang hay không, .....	81
Tổ quốc mấy ngàn Xuân, sứ đậm in ngồi thiê Nước; .....	65
Tổ quốc tung bừng hội mới, nước bước đường đi .....	73
Tối ba mươi, khép cánh cản khôn, .....	83
Trai làng Nứa vai gánh đòn tre, dí qua khóm trúc thở ra hí hóp; .....	98

Trải nghìn năm văn hiến, đất Thăng Long từng qui tụ nhân tài;	98
Trạng nguyên tám tuổi thơm người Việt;	87
Trẻ lại với xuân, nước tổ bốn nghìn năm lịch sử;	104
Trên cây có hoa, dưới cây có hoa,	84
Trói chân kỳ kỵ tra vào rợ	89
Trọng đức quý tài, đất nước mừng vui vào hội mai;	63
Trời đất cũng đa tình, xui bác xuân công, cứ phố yên hoa đi lại mai;	108
Trung với Đảng, hiếu với dân,	70
Trung với nước, giành độc lập tự do đã xả thân vì nước;	63
Truyền kiến thức, dẫn văn chương,	78
Trước cõng tường Tần Tán mòi nhà,	83
Trường cao rộng, trạm khang trang.	69
Trường Sơn núi cao, Trường Sa đảo nhỏ,	75
Tuổi cao chí càng cao, thường xuyên thể dục dưỡng sinh.	67
Tứ thời bát tiết cảnh chung thủy	90

## V

Vạn dặm phù sa bồi lịch sử	67
Văn hóa cao, học thuật cao, gắng sức nâng cao dân trí	65
Vận nước đang lên, đa phương hóa,	68
Vẽ bức tranh Xuân: lợn béo gà to ưng ý vợ	74
Vị chính mười phương thường biển hiền	92
Vốn dòng Thi Lễ, dõi tâm xuân thu	96
Vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả	107
Vũ lược luyện hùng binh, Lục Thủy nghìn thu ghi sử Việt;	82
Vui Tết độc lập tự do, muôn thuở nhớ ơn Người chỉ lối;	77
Vui Tết thanh bình, nguyện dốc sức xây quê hương giàu đẹp;	74

## X

Xấu tràng hạt chuỗi kim cương, này đếm,	105
Xuân cũng chiều người, sân lý mưa lồng man mác bóng;	108
Xuân đến nhắn cùng hoa cổ biết,	107
Xưa hiền ngang chán sắt vai đồng,	68

## Y

Yêu nhau như bâu như rót,	105
---------------------------	-----

### Phần III: CÂU ĐỐI CHỮ HÁN

#### CÂU ĐỐI TẾT

##### B

Bách điểu hoà minh ca tự khúc;	117
Bách hoa thổi diễm xuân phong noãn;	113
Bách nghiệp hưng xương hân phùng thịnh thế;	131
Biện sự vi dân công bộc chí;	121

##### C

Cao ca thịnh thế thi thiên thủ;	125
Cao cử Trường Sơn hoả cự tục tà sáng nghiệp sử;	133
Cẩm tú sơn hà tráng;	142
Cần lao nhiêu trưởng sinh tài thụ;	124
Cần lao phượng trí phú;	145
Công đức bất dẫu trung trinh chí;	124
Chinh sách anh minh sơn hoan thủy tiểu;	130
Chinh sách anh minh xứ xứ sinh cơ bột bột;	130
Chính thông thể thái thiên môn hiếu;	122
Cử mục khán hoa hoa mǎn mục;	128
Cường thân kiện cối nhân trường thọ;	129
Cứu quốc hữu đan tâm, dân tộc tối lòng duy độc lập;	116
Cửu châu vĩnh thái;	136
Cửu tuế thanh trừ cựu tệ;	146

##### D

Đi phong dị tục;	134
Đi sơn bắt vong Ngu công chí;	124
Dương quang ngưng đại địa;	139

##### Đ

Đại thụ tản phong quang tổ quốc;	120
Đảo hải dã sơn hào tình thủy tại;	129
Đặng sơn vọng hải vân thiên viễn;	122
Địa noãn hoa trường phát;	144

Điền dã hán làm xuân vũ xuân phong xuân cảnh;	131
Điền dã xuân quang chấn hảo;	113
Đông khứ sơn thanh thùy tú;	146
Đông khứ sơn xuyên tề tú lệ;	130
Đông khứ xuân lai thiên diều dương liễu nghênh phong lục;	131
Đông phong hoá vũ sơn sơn thuỷ;	122
Độc lập tự do quý chân quý;	115

## G

Giang sơn đại hảo anh hùng kiên;	128
Giang sơn hoạ quyển miêu tản dạng;	118
Giang sơn như hoa;	137
Giang sơn thịnh thế xuân phong lý;	118
Giang sơn vĩnh cổ;	137

## H

Hà thanh hải yến;	138
Hán thùy nhuận hầu hoan xướng phong thu khúc;	132
Hạnh phúc đường tiền vô hạn lạc;	117
Hảo tá tiêm phong thư hoạ quyển;	125
Hoa hương năng túy điệp;	142
Hoa khai xuân phú quý;	142
Hoa mộc xuân vũ diệm;	142
Hoa nghênh hỷ khí;	135
Hoa thuận nhất môn thiêm bách phúc;	114
Hồng điểm đào hoa nòn;	141
Hồng kỳ ánh nhật;	138
Hồng Linh vạn niên minh vĩ tích;	115
Huy hào đại tá anh hùng phả;	122
Hưng bang hữu sách nhân dân phúc;	124
Hưng nghiệp tu tòng cần xứ đặc;	119
Hỷ vũ thiên sơn quà;	142

## K

Kê minh vạn hộ hiểu;	144
Kê thanh thối hiểu độc;	145
Kích cung thà cao ca anh hùng khí hiệp tam bội túu;	134

## L

La cổ huyền thiên cộng táu nghênh xuân diệu khúc;	132
Lạp nguyệt sơ lâm phúc;	137
Liễu ngạn vũ nùng thiền thụ lục;	123

## M

Mã viet dĩ truyền thiền đạo hý;	120
Mai liễu nghênh xuân vạn lý đồng phong tran đào lý;	132
Mai trúc bình an xuân ý mẫn;	123
Minh nguyệt thanh phong bách loại ngư cầm giai quốc sắc;	116
Môn đinh xuân noãn sinh quang thái;	127
Môn đổi thanh sơn thiền lý tú;	123
Môn nghênh bách phúc;	134
Mỹ túu thiên bội cộng hưởng nồng hoan lạc;	133

## N

Nguyệt mãn nhất luân huy vũ trụ;	123
Ngưu canh lục dã thiền thương mãn;	121
Nhai đầu đăng ảnh truy hoa ảnh;	120
Nhân kiệt địa linh bách nghiệp hưng vượng;	129
Nhân phùng thịnh thế tinh thần sảng;	114
Nhất phượng hòa khí;	135
Nhất phàm văn tác bạn;	145
Nhất tuế lương thời thiền cổ tiết;	119
Nhật nguyệt hồng quang chiếu;	144
Nhật xuất thiền sơn tú;	137
Niên phong nhân ích tho;	140

## P

Phá trừ cựu hủ tục;	144
Phong điêu vũ thuận;	139
Phong lai hoa tự vũ;	140
Phong triển hồng kỳ tự hoa;	146

## Q

Quang phong thiền nhất noãn;	143
Quốc gia hành thiện chính;	141
Quốc sự hoà bình nhất gia đoàn tụ;	132

**S**

Sổ điểm đào hoa tri vân tuế;	114
------------------------------	-----

**T**

Tâm địa quang minh thiên thượng lẽ;	114
Tân niên triều khí;	136
Tân tuế tân niên tân cảnh;	146
Tân tuế vũ tình tổ quốc thiên đào tranh thịnh phong;	133
Tân xuân hỷ tiếp tân thời đại;	130
Tân xuân ký ý thiên môn phú;	121
Thái bình chán phù quý;	141
Thanh phong hỷ đả hoan tâm cổ;	127
Thanh sơn thiêm tú sắc;	143
Thanh xuân hữu hạn chí vô hạn;	128
Thăng bình thịnh thế hưng ca dát;	115
Thăng hữu như ván đồng tụng đảng ân thàm trọng;	116
Thần châu dâng dị thái;	139
Thập phần xuân sắc;	136
Thiên địa anh hùng khí;	145
Thiên khai thực cảnh;	135
Thiên phong nguyệt sắc;	138
Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng lão;	113
Thiên thôn tiêu ngũ thiên thôn quả;	118
Thiên thu tuế nguyệt thiền thu mỹ;	126
Thịnh thế đồng ca ca thịnh thế;	118
Thùy lưu tân vận sơn lưu thủy;	127
Thủy tú sơn thanh xuân diệm;	146
Thuỷ tiểu sơn hoan nhân cần xuân tảo niên niên hảo;	133
Thụy nhiễu trùng môn tăng bách phúc;	130
Thử khứ ngưu lai văn hổ khiếu;	120
Toàn gia phúc khí;	136
Tráng lệ sơn hà đa dị thái;	127
Trung hậu nhất sinh hiềm thiện thiểu;	121
Trưởng ấu đoàn viên phản tuế tất;	125
Tuế tuế bình an nhật;	143
Tú thời hoa tự cầm;	145

Tự do ca khúc văn lư lý;	116
Tường quang mân thái;	135

**V**

Vạn chúng nhất tâm đồng hiến sách;	126
Vạn gia đăng tiêu ngũ;	139
Vạn hộ quản huyền ca thịnh thế;	126
Vạn khoảnh gia hoà doanh thuỷ khí;	119
Vạn lý giang sơn tân cảnh sắc;	115
Vạn quản ngọc tiêu ca thịnh thế;	126
Vạn thu hán tuy xuân thủy lục;	126
Vạn tử thiên hồng địa;	143
Vạn tượng canh tân thừa chúng chí;	125
Vật phụ tài phong dân hạnh phúc;	117
Vị độc lập tự do, nguyện đoàn kết đoàn kết đại đoàn kết;	116
Vị nhân dân phục vụ nhất xoang nhiệt huyết;	131
Việt mã dương tiên vạn chúng nhất tâm khu cùng bạch;	133

**X**

Xã hội phồn vinh trấn đại trị;	123
Xuân đáo nông gia thiêm dị thái;	119
Xuân đáo sơn hương biển địa hý;	128
Xuân giáng thiên mòn phúc;	139
Xuân lai dã ngư long biến hoá;	113
Xuân nhập xuân thiên xuân bát lão;	129
Xuân noãn quản phương hỷ;	141
Xuân phong đại nhã năng dung vật;	129
Xuân phong mặc vận;	134
Xuân phong thiêm hoa ý;	140
Xuân phong tổng noǎn quy dương liều;	117
Xuân phong xuân vũ xuân quang hào;	120
Xuân quang phổ chiếu;	136
Xuân vi nhất tuế thủ;	138

**Y**

Yến ngũ thiên mòn hiểu;	140
-------------------------	-----

## PHONG CẢNH

### A

A Di đốn túc tam đồ khổ;	224
Á đông thần phật song linh địa;	202
Á vũ Âu phong tàn chỉ trụ;	177
An Nam tráng khí sơn hà tại;	160
An toạ chân ngôn cầu đại giác;	191
Âm phù Việt địa Trung hưng thánh;	176
Ân thâm hà hải lưu vạn đại;	236
Ân thâm hải hà lưu vạn đại;	184

### B

Ba quang tiên đặc nguyệt	233
Ba tâm tự kinh lưu minh nguyệt	234
Bách bái cung linh Tam Thế Phật	188
Bách chiền lập kỳ công ý thân lương tướng	181
Bang quốc khuông phù lịch đại linh thanh thuỷ vũ trụ	175
Bảo châu kim hải thông tam giới	214
Bảo chiêu đàm âm, thánh đức lưu phương hồng xá áp	226
Bảo đỉnh linh thông hương kết thái	210
Bảo kiếm phẩn hùng uy, Biểu thuỷ cửu hối ngoan ngac tĩnh	213
Bảo quốc hộ dân chiêu thánh đức	176
Bảo quốc hộ dân chiêu thánh tích	235
Bảo loạ y nhiên Phật Thánh nhân	161
Bảo Việt sơn hà vân trục Bắc	183
Bất quý cổ nhàn xưng liệt nữ	168
Bích thư hồng hoa tương yểm ánh	230
Bình đẳng quy y đẳng giác ngạn	191
Bình hồ trương nhật nguyệt	148
Bình lồ uy thanh, Bắc địch hàn tâm cự giáp	179
Bồ đề thụ trưởng thiên niên ấm	196
Bồ đề vĩnh kết thiên niên quả	208
Bồ Tát đồng chí giải xuất hiện	201
Bồ Tát tiền thân tiền thành phật	158
Bôi tượng di hình lưu hậu thế	192

### C

Ca tụ ư tư bốc chúc quả thành tiên tổ chí	223
Cảm tâm thông dương trợ phong hoà vũ thuận	205

Cẩm tú càn khôn quy pháp giới;	198
Cân duyệt viễn lai quy Phật hoá;	217
Cảnh Phật tiền phù thiện phật ác,	236
Cảnh phật tiền phù Ihiền phật ác;	198
Cảnh thị thần tiên tâm thi phật;	213
Cao tộc di lôn vạn đại Iường tồn danh kế thịnh;	165
Cầu thiên địa phong hoá vũ thuần;	185
Chân tâm sở đắc thiền niên thịnh;	154
Chi đót phu vinh bồi bản hậu	235
Chi hữu cõi trung sự khứ nhì tâm tổn cõi quốc;	169
Chi tru cao tiêu minh nhật nguyệt;	180
Chính hỉ hiền song vô tục vận	230
Chinh thống Nam thiền phản vũ trụ;	178
Chúc thành thọ, tân hoàng đỗ, đồng nhật nguyệt quang huy vạn cổ;	215
Chung cổ thử giang sơn nhật nguyệt đương mòn long đồng cán;	158
Chung dục hà niên thuỷ tú sơn anh triển vũ trụ;	170
Chung động lam kỵ thiên hữu ích;	201
Chung thành cộng suy tôn, cục Lạc tinh quang chán giáo chủ;	200
Cổ hữu quang, y quan truyền thế phà;	221
Cổ tích địa linh tường vân ứng;	194
Cổ tử tối thanh kỳ tiền giang hậu tĩnh;	207
Cổ tự tối thanh kỳ tiền khè hậu tĩnh;	194
Công duy quang, nghiệp duy sùng, quốc gia àn phổ;	211
Công đức lưu truyền vạn dân ngưỡng mộ,	238
Công tham quang đại từ bi Phật;	202
Công tham quang đại từ bi Phật;	163
Công tri tâm thị thuỷ	233
Cơ chỉ trùng tàn long lượng tả bài phu ngưỡng vọng;	185
Cửu bê mộng trung tưởng ứng mã;	193

**D**

Đa nguyệt hoắc qua tiền thi hạc;	148
Điểm lệ đào viên thiên cổ sắc;	153
Do lẵn chúng khổ tuyển huyền giáo;	202
Doãn vũ doãn văn, duyệt thế huân công thuỷ trúc bạch;	175
Duy thánh bái tri duy thần bất trắc;	150

**Đ**

Đại địa Hùng vương ài quốc dân sinh thịnh vượng;	167
Đại diện huy hoàng y bát hoa khai nghênh thuy nhát;	155

Đại phật nghi dương kết tập trường trung tăng đệ nhị;	200
Đại thanh lôi cổ thuỷ giác ngò;	238
Đại trung dū hành hồ đại dũng;	151
Đại từ đại bi, cứu nhất kiếp khổ hải chúng sinh, A Di Đà Phật;	190
Đại từ đại bi, cứu nhất kiếp khổ hải chúng sinh;	190
Đan hoa lục thụ cầm tú cốc	232
Đảo tất linh cầu tất ứng;	214
Đạo hữu chủ trương Đầu Bắc văn minh chi tượng;	149
Đạo mạch trường lưu, ngọc kệ khoáng truyền đăng dịch diệp;	212
Đạo nhược lộ nhiên đắc kỳ môn nhí nháy;	160
Đặc lập bất kinh phong vũ bá;	206
Địa kết văn phong hưng phạt vũ;	218
Điện thượng nguy nga lai diệu tướng;	199
Đinh tiểu hữu trúc xuân thường tại	230
Đình tùng bất cải thanh thông sắc	229
Đình thượng hoa khai tiêu thăng cảnh;	154
Độc năng minh đạt, canh năng phú	226
Đông A thế hệ quang thanh giàn;	221
Đông hải di cư quán lạc nghiệp;	212
Đông Thổ thanh liên khai trí tuệ;	187
Đức bác thành văn trùng ngọc vũ;	180
Đức đại an dân thiên cổ tai;	179
Đức đại an dân, tâm đồng thiên cổ thịnh;	167
Đức hợp địa sinh thiên cổ mĩ	146
Đức tổ quang vinh hưng vạn cổ;	214
Đức trach độ dân, nghỉ mẫu tử tâm ban vinh phúc;	225

## G

Gia quán tử hiền nhân xuất nhập;	160
Giải thích tiền sinh chư túc trái;	201
Giang tâm hữu đảo lưu minh nguyệt	233

## H

Hách hách quyết thanh chiém đô trạch;	180
Hách trạc tây giao lưu thành tích;	184
Hách trạc thủy văn lưu thành tích;	185
Hải thiếp kinh ba sinh khí lâm nhiên như hữu;	218
Hảo sơn nhất song túc.	228
Hạo nguyệt doanh hoài tâm bất đà	227
Hậu tiên nhất dã, công ư quốc;	219

Hậu tiên trạc dã công ư quốc;	171
Hiển ứng mặc phù ninh quốc thể;	168
Hiếu trung tiết liệt tổn kim cổ;	173
Hoa khai Tinh giới hương thành vũ;	216
Hoa thạch chung linh thần tướng hoà thàn bình Bắc Tống;	178
Hoá nhì sinh chính khí thiền thượng hạ;	157
Hoà phong thiên khải lưu kỳ tích;	225
Hổ bàng long môn thiện căn duyên pháp;	148
Hô quốc tý dân vạn cổ anh linh truyền thắng địa;	175
Hồi lang tú diện cựu giang sơn;	184
Hồng chung kinh đại mộng;	161
Hùng linh thiền thu tiêu chính khí;	169
Hùng sơn hà cảnh kính tôn sư;	206
Hùng triều danh tướng đồng sinh hoá;	172
Hùng vương sáng tịch điền canh nghệ;	163
Hữu khai tất tiên, công đức tòng lai viễn hĩ;	164
Hữu ước bạch vân lai hoàn độ.	235

## K

Kế tổ truyền tông quang hữu vĩnh;	213
Kế tổ truyền tông quang hữu vĩnh;	174
Khai hạp gian, cảm khôn trục khu, hiển hách anh thanh làng bí miếu;	172
Khải hậu long quy, vạn thế ngưỡng tổ tiên chí đức;	218
Khải ngã Nam bang Hồng Lạc thiền thu tôn đế quốc;	166
Khải trach giang hàm, khoái đỗ tường văn tuệ nhật;	215
Khánh Nguyên tự trường lồn bất tận;	195
Khánh thọ huy hoàng quang tuệ nhật;	217
Khiết chỉ niêm hoa thành cách dao khung tam giới phủ;	191
Không môn cử túc quyền khai sự tướng lương phương;	195
Khúc thuỷ đới vân quy hải khứ	232
Kiếm hữu dư linh quang nhược thuỷ;	149
Kiếp linh Lô giang tiêu chính khí;	178
Kiểu dẫn trường hồng lâu đảo ngàn;	148
Kim liên bảo thượng Di Đà Phật;	187
Kính thiền vô uý điện lôi thần	206
Kỳ viễn thuỷ tự Trần Hoàng đế	161

## L

Lâm Tế bá tâm, tông đăng liên Phổ Chiếu;	218
Lâm thuỷ đăng sơn nhãi lò tiêm nháp gai cảnh;	159

Phật tích tây truyền thiền cỗ tư;	209
Phật tử quảng đại du thế giới;	199
Phật túc tâm, tâm túc phật;	204
Phiến niệm truy tư lốn bản tộc;	165
Phong cảnh hữu tình sắc sắc ánh trung thiên nhật nguyệt;	188
Phong quang biệt chiếm Dương Châu cảnh;	219
Phóng nhãn vọng cảm khôn, thân hành vạn lý báu thiên hạ.	232
Phổ Chiếu danh lam nguyên tự cổ;	217
Phổ hải ngưỡng thần hưu;	186
Phổ hoá công cao sơn van trượng;	157
Phổ thiên chi hạ tư khôn đức;	157
Phù cường cảm ấp Âu Iráo lăng;	209
Phù ứng thiền sinh văn vũ tướng;	183
Phúc dân khà bài tam công tước;	179
Phúc đảng hà sa tác phúc tự nhiên đặc phúc;	152
Phúc địa Cao hương chính hảo hồi đầu năng giác giả;	204
Phúc điện đại kết nhân duyên quả;	212
Phúc tho vĩnh luy tư cảnh phúc;	191
Phúc tích vô cương, cực diễn hoàng trù ngũ phúc;	192
Phúc tổ như sơn thiền vạn cổ;	194
Phúc tự cầu chí, chủ thiện vi sư đăng bỉ ngạn;	223
Phùng nghênh viễn cảm tiêu da quà;	211

## Q

Quảng lưu chính khí khuông phù miếu mạo huân .....	163
Quí dậu hoàn thành do địa lợi,	238
Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cổ;	155
Quốc gia vĩnh thịnh tinh sơn hà tráng cổ thiền thư.	224
Quốc giới trọng tôn quyết chí vi giang sơn minh diện nhất;	205
Quốc tổ giáng sinh khai Lạc vực;	162
Quý Dậu hoàn thành do địa lợi;	207

## S

Sáng lập thăng cảnh thiền am sử ký thiền thu quang nhật nguyệt;	192
Sắc cảnh huy hoàng cầu đức Phật;	188
Sắc tướng huy hoàng tam thế phật;	202
Sinh hoá phong lư sơn nhược hoa;	156
Sinh vi lương tướng vi trung thần lâm liệt;	175
Sinh vi quốc trụ, hiển vi thần;	162
Sinh vi tướng tử vi thần chính khí lưu hành thiên địa tinh;	162

Nhân từ bác ái giáo dân thiên;	236
Nhập môn tư niêm Di Đà Phật;	211
Nhất chân không tịch siêu chi giới;	203
Nhất đức hiện thiên thành tự hoà;	164
Nhất gia anh hùng hành hải bắc;	237
Nhất hoa hiện thụy chu sa giới;	192
Nhất hoan bạch nhân đầu, Sóc tái tuyết sương kinh kỷ đỗ;	223
Nhất niêm chí thành bách sự chí cát;	210
Nhất niêm tinh thành mông phúc trạch;	146
Nhất tâm bạch quán vạn quang đán;	150
Nhất tâm thanh tinh bàn vò song, lạc lợi vĩnh thuỷ vạn cổ;	224
Nhất trận hắc vân trừ Hán khầu;	182
Nhất trụ tiêu phương sơn hữu kinh cốt;	181
Nhật tuế phong ba bình Tống lặc;	177
Nhật chiêu quang minh kim điện các;	189
Nhật chiêu quang minh kim điện các;	197
Nhật lăng tinh huy bút nghiên văn chương lưu thăng tích;	150
Nhật nguyệt ân quang chiếu;	190
Nhật nguyệt chiếu tâm huy ngọc khuyết;	209
Nhật nguyệt phong hòa vân tàn tụ;	235
Nhật nguyệt thiên thu đồng sơn thuỷ;	204
Nhật tung kim kinh kỳ quốc kinh;	197
Nhị đế chí gian quang sử sách;	102
Nhược thực nhược hư, trúc ảnh tảo giai trần bất động;	224
Niệm phật nhất thanh tiêu vạn tội;	205
Nồng trang tú khí lưu hiển tích;	131

**P**

Phạn vũ kinh thiên tiêu ngặt tru;	189
Phạn vũ nguy nga, vạn trương hào quang huyền nhật nguyệt;	216
Phạn vũ sùng tu, phổ tế từ hàng siêu khổ hải;	196
Pháp vương kham nhẫn giới trung, khánh hỷ đa văn vô ngại biên;	200
Pháp vũ chủ Nam châu, Thủy trúc hoàng hoa sinh tư sắc;	218
Phật đạo hoằng khai, vạn loại quần sinh chiêm lợi lạc;	212
Phật độ chúng sinh mạc luận phú bần vinh nhục khách;	154
Phật đức hoằng tuyên bằng chúng tuệ;	213
Phật đức vò biển lượng hải hà;	196
Phật pháp trường minh, đồng nhật nguyệt quang huy vạn cổ;	224
Phật pháp trùng quang tam bảo địa;	204

Phật tích tây truyền thiền cổ tự;	209
Phật tử quảng đại du thế giới;	199
Phật tức tâm, tâm tức phật;	204
Phiến niệm truy tư tổn bản tộc;	165
Phong cảnh hữu linh sắc sắc ánh trung thiền nhật nguyệt;	188
Phong quang biệt chiêm Dương Châu cảnh;	219
Phóng nhãn vọng cán khôn, thán hành vạn lý bán thiền hạ;	232
Phổ Chiếu danh lam nguyên tự cổ;	217
Phổ hải ngưỡng thần hưu;	186
Phổ hoả công cao sơn vạn trượng;	157
Phổ thiên chi hạ tư khôn đức;	157
Phú cường cận áp Âu trào lăng;	209
Phù ứng thiên sinh văn vũ tướng;	183
Phúc dân khả bái lam công tước;	179
Phúc đảng hà sa tác phúc tự nhiên đắc phúc;	152
Phúc địa Cao hương chinh hảo hồi đầu năng giác già;	204
Phúc điển đại kết nhàn duyên quả;	212
Phúc họ vĩnh tuy tư cảnh phúc;	191
Phúc tích vò cương, cực diễn hoàng trù ngũ phúc;	192
Phúc tổ như sơn thiền vạn cổ;	194
Phúc tự cầu chí, chủ thiện vi sư đăng bì ngạn;	223
Phùng nghênh viễn cận tiêu da quá;	211

## Q

Quảng lưu chinh khí khuông phù miếu mạo huân	163
Quí dậu hoàn thành do địa lợi,	238
Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cổ;	155
Quốc gia vĩnh thịnh tịnh sơn hà tráng cổ thiền thu.	224
Quốc giới trọng tôn quyết chỉ vi giang sơn minh diện nhật;	205
Quốc tổ giáng sinh khai Lạc vực;	162
Quý Dậu hoàn thành do địa lợi.	207

## S

Sáng lập thắng cảnh thiền am sử ký thiền thu quang nhật nguyệt;	192
Sắc cảnh huy hoàng cầu đức Phật;	188
Sắc tướng huy hoàng tam thế phật;	202
Sinh hoá phong tư sơn nhược hoa;	156
Sinh vi lương tướng vi trung thần lâm liệt;	175
Sinh vi quốc trụ, hiển vi thần;	162
Sinh vi tướng tử vi thần chính khí lưu hành thiền địa tinh;	162

Sóc vọng hương đăng, thương chúc cùu trùng cung vạn tha;	208
Song gian thụ sắc liên sơn tịnh	232
Song tiền lục thụ phân thiền tháp	231
Sở thiên niên, vương tá thủy chung, phụ tử quân thần khai cực điểm;	183
Sơn danh bối tại cao, thuỷ linh bối tại thâm, tự hữu chủ già;	149
Sơn thế địa hình uyên nguyên dẫn mạch cao phong hậu;	182
Sơn tú thuỷ giai như hoa cao thanh Tân Nhị;	172
Súng tuy từ thời, như tại thường tại tả hữu;	178
Sự hữu phế hưng kim thị tích;	222
Sự năng tri lúc tâm thường thiếp	226

## T

Tài kiêm văn vũ trung hưng tướng;	173
Tam thế kim thần tử dục quần sinh chiêm pháp vũ;	156
Tam thừa khai thánh giáo, bao hàm thế giới tam thiên.	216
Tam tôn nghiêm nhược Tây phương thánh;	195
Tản linh Hùng sơn thông quốc tế;	185
Tâm đam thuỷ mộc tú	228
Tây Trúc hữu kinh chân kiến phật	206
Tây Trúc hữu kinh truyền Phật đạo;	194
Thái phệ hy trù, hoàn tinh tướng ư Trà Linh;	219
Thang mộc danh hương truyền lự cổ;	223
Thánh đức anh linh phù quốc thịnh;	173
Thánh đức diệu linh thông, phương tín cổ kim bồng đảo;	155
Thánh đức phổ thi thiên hòe phúc;	186
Thánh đức quán Nam thiên mặc hựu hương dân khang thái;	168
Thánh đức vô tư, dương dương hổ như tại kỳ thương;	221
Thành đức uy linh phù quốc thái	237
Thanh địa hoàng khai truyền Phật đạo;	155
Thanh sơn tiêu ngã đầu dĩ bạch	234
Thao thuỷ nguyên thâm lưu ích viễn;	173
Thân tâm phi thụ, Bồ đề, phi đai minh kính;	203
Thần công thâm mac trắc;	186
Thần quang phổ chiếu dán nín tĩnh;	203
Thần thông pháp vận tiên trung phật;	215
Thập bát nhàn thần công vị dán	158
Thế giới tam thiên quang Phật nhật;	204
Thế lịch Hùng kỷ dĩ lai tiên hậu chương linh thịnh tích;	171
Thiên đạo vò biển nhật nguyệt trường;	195
Thiên địa do y thiên địa cựu;	153
Thiên Bản giáng sinh thần thương đăng;	156

Thiên Bàn tài sinh kỳ, hoa hạ để thi thần bùi tại;	156
Thiên bảo thời hanh sinh thánh đế;	153
Thiên cản nguyệt quật nhân lai vãng;	147
Thiên hà ngôn tai hiển đạo phi quan ngã bốc;	151
Thiên khải khánh long, sắc tướng kim thân thường đức phật;	214
Thiên mènh thánh sinh, Đoài Đồng bách kết sử ký;	219
Thiên ứng địa linh Long Kiều tự;	189
Thiên ứng địa linh Trang Nghiêm tự;	193
Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng tho.	210
Thiên thánh tận độ chư chúng sinh;	195
Thiên thu hương hỏa chiêu nhật nguyệt;	226
Thiên thụ mai hoa bán luân nguyệt	235
Thiên thu Tây Trúc liên dài từ bi quảng đại,	236
Thiên thu vĩnh liệt truyền danh tướng;	170
Thiên thư định phận, chính thống triều minh	166
Thiên thượng nhân gian đồng trắc giảng;	151
Thiên tử anh tài văn dũ vũ,	237
Thiên môn bất cầm vũ duyên khách;	205
Thiên môn khai thế giới;	153
Thiên môn phúc luệ lưu thần tổ;	201
Thiên môn quảng đại chân thường lạc;	160
Thiên ác phân minh thiên hữu nhẫn;	189
Thiếp hợp phương dân thừa giới phúc;	198
Thoái dịch trợ thần công, Nam quốc sơn hà do sở tại;	173
Thổ ô tuỷ quả vãng;	147
Thốn chúc cửu tiêu huyền nhật nguyệt;	189
Thủ tinh vu sơn, kỵ linh vu thuỷ	228
Thủy để viêm bang trình thực ngũ Nam khởi nghiệp;	167
Thủy nhiều hoa hoàn, Tây Hồ chung tú;	146
Thử địa thử nhân dân, ngưỡng hà thần công an nhận trách;	221
Thử địa, thử dân, phục lạp tuế thời đồng kính ái;	222
Thực thận khuê nghi Nam quốc sơn hà tư nội trị;	171
Thực triều xã tắc tôn thiên trụ;	167
Thứu Linh hoa khô truyền mật pháp;	154
Thuỷ vũ từ nhu, Bồ Đề thụ quả thiện niên mậu;	198
Thị phật kiến, thịnh phật văn, âm phù vượng tướng;	211
Thung trán dư phong xao thụ mạo;	182
Thuỷ để hà niên lưu hiển tích;	176
Thuỷ đức uông hàm, thất quên hoa thôn triêm nhuận trách;	187
Thuỷ dương chí lấy uest tiêu tai;	197
Thuỷ năng tinh đam vi ngô hữu.	232

Thuỷ như bích ngọc sơn như đại .....	234
Thuỷ tri vạn cổ trùng hưng nghiệp; .....	151
Thượng đẳng anh linh, lưu tích cổ; .....	186
Tích nhân dĩ khứ thử địa không dư phong vũ bất quan thành nhất cổ; .....	158
Tiền hiền ngọc lâu đồng như phúc; .....	201
Tiền thồ trạch hậu linh từ chí kim bài cải; .....	180
Tiết nghĩa khuông phù tông quốc tộc; .....	174
Tín ngưỡng tại nhân tam hoằng dương Phật pháp; .....	225
Tín ngưỡng tự do bằng tam bảo; .....	208
Tinh độc kim kinh minh diệu lý; .....	216
Tổ ấn trùng quang như tuệ nhật; .....	210
Tổ công tòng đức vạn cổ tinh thần tuy tư; .....	165
Tổ đức cao minh tư phú âm; .....	220
Tổ đường bách thế hương hoa tai; .....	165
Tổng tắc giải bình trung để mệnh; .....	182
Trần Bắc cổ danh lam, đăng đặng Tây Hồ quang tuệ nhật; .....	152
Trần quốc diễm truyền, Nhị nguyệt, Nùng vân danh thắng địa; .....	152
Trở đậu thường trần, tiên tổ tinh thần bất tử; .....	222
Trú túc bất hành, thực khoa thư kiếm võ quy xứ; .....	207
Trú vĩnh hoa hương huân tự luý .....	229
Trung hiếu nhất tâm thiền địa chiểu; .....	174
Trung lập an bài định tả hữu; .....	207
Trung tâm như bạch nhật; .....	170
Tú khí nhất bào lưu Việt sử; .....	180
Tuệ nhật thiền tinh, vạn chủng văn hóa trình Bát Nhã; .....	198
Tụng Phật từ bi tu tích thiện; .....	192
Tụng Phật từ bi, tu tích thiện; .....	199
Tuyết nguyệt phong văn lưu bản địa; .....	206
Tử bi bất thuần chư thiền nhã; .....	193
Tử bí quảng đại thiền nhã hợp; .....	200
Tử khốn lưu hương tác dưỡng nhân tài tiêu nữ liệt; .....	168
Tự cổ huân danh truyền thái ấp; .....	222
Tự Tây lai, Đông Nam Bắc, thử tâm đồng thử lý; .....	161
Tự tương thu thuỷ lấy vọng nhân.....	228
Tượng linh thiêng khai liêu chính khí; .....	177
Tượng linh thiêng khai huy chính khí, .....	237
Tương dũ minh nguyệt thanh phong tề.....	229

## U

Úc niên hách dịch anh linh địa; .....	184
Ứng Thực sinh, phù Thực nguy, mạc đại huân danh tiêu vũ trụ; .....	169

Ưu bát hoa khai công đức trú;	190
Ưu bát hoa khai trường mậu thịnh;	203

## V

Vạn cổ công thành danh hiển đạt;	177
Vạn cổ khai trường dại;	164
Vạn cổ ngưỡng hóng hưu thành đức chiêu như nhật nguyệt;	197
Vạn Kiếp hữu sơn giai hiểm khí;	160
Vạn thế hào hùng đức thụ tài bồi tăng ngũ phúc;	166
Vãng dĩ tôn, Hát thuỷ tranh cao Trung miếu vũ;	181
Vãng lai phương tiện bất tha chí.	196
Vân quang xung đầu Bắc;	149
Vân bạch sơn thanh vạn dư lý.	234
Vân di khè thụ xâm thư hoảng	231
Vân tự anh linh, thập phương ngưỡng vọng cầu tài ứng;	193
Vân ửng lô ký thiền khai vận;	183
Vị phật, vị tiên, vạn ức hoá thân, tử trúc bổ đá Đông Thủ giám;	147
Vị tiên vị phật vị quốc vương sinh hoá tam thân lưu di tích;	152
Vị tướng vị thần vạn cổ linh thanh truyền Việt cảnh;	172
Vị bình đỗ thư khai thái vận;	150
Vị quốc vị nhân dân văn vũ thánh thần lưu hiển hiếu;	151
Viễn tố đức nguyên quy cự hải;	187
Vọng cát địa Bồ đề, ám phú lam thiền thế giới;	217
Vọng viên năng trì phong lâng tiểu	226
Vũ quá cầm sơn nhuận	231

## X

Xuân mãn càn khôn phúc mãn đường;	210
Xuân phong bất nộ thiên hoa tiêu;	161
Xuất nhập ngưỡng di cao nhiên lại;	166
Xuất nhập tu hành giải chính lộ;	196
Xuyên dục hà chung, chính trực thần minh nhì nhất;	158

## Y

Yên cảnh mãn tiền cung điện mặc	229
---------------------------------	-----

## HỌC TẬP TƯ DƯỞNG

### A

Ái kính cô mai như tú sỹ;	289
An bần vong tuế nguyệt;	266
An đắc tận như nhân ý;	321
Ấu á phu thiên truyền lứ đị;	415
Ẩn ư phú quý thanh trần tục;	322
Ấu bối cầu ư học	404

### B

Bác học thâm tư tăng trí tuệ;	286
Bác thái chung trường độc ty khè kinh;	318
Bách đại hiếu tư thâm ngưỡng chỉ;	244
Bách đại hiếu từ cao ngưỡng chỉ;	252
Bách đạo tuyển quang phi thực địa;	385
Bách niên nhân vật tồn công luận;	334
Bách thể y quan trường tế mỹ;	251
Bach nhẫn quan thiện hạ;	308
Bach văn quy động khẩu;	248
Bán sinh sự nghiệp thanh đăng cộng;	383
Bán song nguyệt lạc mai hoa cảnh;	378
Bán song nguyệt lạc mai vỏ ảnh;	375
Bản đăng yêu tọa thập niên lanh.	388
Bảo định hương yên đăng tử khí;	245
Bảo kiếm phong tòng ma lê xuất;	294
Bảo lầm cổ kim sự;	271
Bảo tố hoài phác.	395
Bắc địa phung nghèn thuỷ ư Hán đế;	327
Bắc hải lạc giao thiên hạ sĩ;	367
Bản cư trung thị vô nhân văn;	386
Bản tiên nan di.	398
Bản xá bất hiềm cư lâu hang;	293
Bất căng uy ích trọng;	309
Bất công nhân đoàn.	396
Bất cảm vọng vi ta hứa sự;	346
Bất diệt bất sinh, bối diệp bảo hoa không thị sắc;	417
Bất động chân như tướng;	325
Bất hữu Tây lai thuyền, an tri bảo phiết từ hàng vi vạn già Phật;	326

Bát nhàn quà báo phượng hành thiện;	294
Bát sự thi thư nan thoát tục;	383
Bát thị tử hiếu hữu cung, cánh hữu hà sự khà lạc;	358
Bát yểm hổ thượng nguyệt;	351
Bé hộ tự tình khai quyền hữu ích;	320
Bích đào hồng hạnh càn khôn cảnh;	361
Bích gian hữu nhĩ ngôn đương cản;	404
Bích thuỷ hoàn môn long khởi vũ;	360
Bình an trúc báo toàn gia khánh;	360
Bình an trúc trưởng thiền niên bích;	355
Bình sinh độc dĩ văn tự lạc;	296
Bình sinh quán nhã thiên thu khí;	285
Bình tâm thường thế vị;	309
Bối phù mai nhụy;	393
Bối diệp kinh thành, Phật giáo hưng long tư đại đức;	425
Bút động kinh hàn nguyệt;	264
Bút đoán thông tạo hoá;	267
Bút giá nghiên tri tư hải;	338
Bút lão thi tân nghi hữu vật;	295
Bút mặc tăng tình thú;	272
Bút tồn kim thạch khí;	265

## C

Các thương kim long đằng tử khí;	255
Cầm vi thiền hạ đại nan sự;	295
Can đảm chiếu nhân như tuyêt sắc;	280
Cảnh do tám tao;	398
Cao đại môn lư mỹ luân mỹ hoàn;	257
Cao độc quý tôn, vạn đại trường lồn danh kế thịnh.	406
Cao hoài đồng tệ nguyệt;	305
Cao hoài kiến vật lý;	304
Cẩm ngôn thanh nhược thuỷ;	339
Cần dữ học thư hàn bất dịch;	317
Cần dữ kiêm trị gia thương sách;	360
Cần năng bổ chuyết tài thiên mẫn;	296
Cần năng bổ chuyết.	393
Cần năng bổ chuyết.	397
Cầu hiền cấp tự kiết tư ảm;	297
Cầu học tương vị trí dụng;	276
Cầu thông dân tình.	399
Chân độc thư nhân thiên hạ thiểu.	401

Chí thánh chí thành thuần bất đĩ;	419
Chì hữu quan thư khâm khiển lự;	298
Chỉ thượng đắc lai chung giác thiển;	343
Chỉ thượng độc lai chung giác thiển;	286
Chinh dĩ đức thành nhái nhàn hưu hỷ;	337
Chúc ám đạo mè thiên thượng nhật;	329
Chung đới triều ám đằng Phật toạ;	247
Chung thân tranh nhất túc;	270
Chuyết quang cần vấn cổ;	274
Cố điện hổ sơn lưu vương khí;	350
Cổ mộc tự nhiều long hổ khí;	295
Cổ nhân học vấn vô di lực;	293
Công đức lưu truyền thiên cổ niệm;	423
Công tại tiền triều danh tại sử;	387
Công tinh bút kiện xuất giai tác;	284
Cơ điểm mai hoa nghênh thực khí;	355
Cư an trạch, hành chính lộ, tâm địa đăng bình thư thái;	366
Cư cận thức viễn xứ kim trì cổ;	319
Cử hiền nhậm năng hưng quốc kế;	334
Cử mục tư tổ tòng công đức;	245
Cử niệm thời, minh minh bạch bạch, vô kỳ liều lự kỷ;	239
Cửu bệnh thuỷ tri cầu được ngô;	294
Cửu phẩm liên dài, kim tướng đoạn nghiêm thuỷ tiếp dẫn;	329
Cửu phẩm liên hoa thuỷ tiếp dẫn;	324
Cửu thiên nhật nguyệt khai tân vận;	352
Cửu thiên thiều nhạc phiêu hàn nguyệt;	250
Cửu duệ văn nhưng thuỷ yên đức;	261
Cửu học thương lượng già thuỷ mật;	284
Cửu nghiệp thượng tồn tam kinh thảo;	283

## D

Dạ miên nhân tĩnh hậu;	272
Dạ tĩnh ma tàn nguyệt;	273
Danh hoa chiếu nhân xuân quang mẫn;	287
Danh lợi đậm như thuỷ;	306
Danh sơn ngũ tẩm kiến văn lục;	331
Danh tướng vi phúc thần, Hạc chử Nguu giang hiển tích;	421
Đao bệ lan quê thư hương viễn;	256
Dân đáo vu kim tài đức;	410
Đi dưỡng nhân sinh đào tinh hàn mặc;	342
Đĩ độc thư vi lạc;	312

Đi giáo nhân giả giáo kỳ;	276
Điệu tướng lâm như sinh, đệ nhất thiên tiên đa hiển ứng	407
Doanh môn cát khánh gia thanh viễn;	252
Dục bồi phúc địa canh tâm địa;	356
Dục lập căn cơ vô như vi thiện;	319
Dung dung đa nguyệt đăng liên thị;	359
Dung hành hư kỷ trường tầm trúc;	287
Duy đạo tập hư	393
Duy nồng di cảnh phúc;	240
Duy tĩnh bất hiềm mao ốc tiểu;	375
Duyệt lịch tri thư vị;	309
Duyệt tâm bất yếm vô danh hoa;	289
Dữ hữu can đầm nhân công sự;	341
Dữ thiên nhân giao như nhập chi lan chi thất;	301
Dực Chẩn sơn hà cao chính khí;	420
Dương liễu bất tuý xuân sắc lão;	340
Dương liễu chí đầu cam lộ sai;	400
Dưỡng tàm mạc thiện quá dục;	278
Dưỡng thành đại chuyết phuong vi xảo.	401

## Đ

Đa tài thuỷ trúc dao thanh cảnh;	332
Đại hiếu đại trung, đức trọng lưu truyền vạn cổ;	426
Đại khí lượng thiêng không hải khoát;	346
Đãi nhàn khoan tam phàn thi phúc;	361
Đại mạc cõ yên trực;	347
Đại quốc bất dịch giáo, bất biến tục, thả tôn sùng chí.	348
Đàn kiếm hành ca ngũ nhạc;	322
Đạo đức quang hoa ôn nhuận ngọc;	381
Đạo đức văn chương tham luồng đại;	418
Đào lý xuân quan trang điểm trường tân cảnh sắc;	405
Đạo nhược lộ nhiên, đặc kỳ môn nhí nháy.	428
Đạo tàm đam bạc đổi lưu thuỷ;	345
Đạo thông thiêng địa hữu hình ngoại;	345
Đắc sơn thuỷ lạc tại hoài bão;	280
Đắc ý khách lai thiêng bất yếm;	369
Đặng diêm quang huy trình thuỷ sắc;	245
Đặng hoả dạ thâm thư hữu vị;	282
Đặng Hoàng Hạc lâu độc diệc Bích phú;	299
Đặng cẩn nhu tựu sung thư giá;	286
Đầu túu túng quan chấp nhất sứ .	387

Địa hạ mê tân khai giác lộ;	423
Địa hưng hoà vi quý;	242
Địa linh nhàn kiết thần di phúc;	420
Địa mạch linh chung khai tuấn nghiệp;	256
Địch tảo vạn binh danh dĩ cổ.	412
Điểm dĩ tư khổ.	399
Điểm điểm thuỷ trung, tinh khán phá nhất thiên Hà, Lạc;	376
Điển cố thám áo chí;	274
Điểu dục cao phi tiên chẩn sĩ;	278
Đỗ môn nhàn khách tán;	266
Độc cổ nhàn thư tu xử địa thiết thân nhất tưởng;	302
Độc thánh hiền thư hành nhán nghĩa sự;	318
Độc thể cao thiền trì học vấn;	316
Độc thư tâm tổn viễn chí;	277
Độc thư tất để yếu;	264
Độc thư thân kiền túc vi phúc;	297
Độc thư thường giới tự khì xứ;	279
Độc toạ chỉ nhàn thiên khả đối;	322
Độc vạn quyền thư hoàn tu hành vạn lý lô;	301
Đông Thủ giáng sinh tạo tiên cảnh...	415
Đông Thủ ức niên sùng Phật Pháp;	424
Đồng khôn đạo hàm hoằng, mẫu nghi thiền hạ;	416
Đồng tâm huynh đệ chán sự hữu;	362
Đức cảm minh sự lý;	320
Đường nhân bất nhượng.	397
Đường cầu hoằng khai miên thế đức;	255
Đường cầu trùng quang trường tích khánh;	260
Đường khai hiếu nhật quang trung hảo;	355
Đường khai lè nhật kim oanh chuyển;	255
Đường tâm hoằng khai chiêu tổ đức;	253
Đường thương xuân huyền huy húc nhật;	353
Đường thụ thâm bối ba kế phát;	330

## G

Gia thiểu lâu dài vô địa khởi.	389
Gia truyền hảo hữu tình đa thích;	383
Giai hạ chí lan nghênh húc nhật;	357
Giang sơn lụ tú quy tàn trạch;	254
Giáo hữu vâng lai hoằng thệ nguyện;	329
Giáo định kỷ cú hữu dụng thư khả dĩ sung cõi;	302
Giáp đệ đindhân dung tử mã;	255

## H

Hà tài vấn cát hung, hoặc thị, hoặc phi;	240
Hà vật động nhân nhị nguyệt hạnh hoa bát nguyệt quế;	303
Hạ niêm bì thiếp tả;	275
Hạ ốc tần thiên oanh xuất cốc;	263
Hạc giang nhất trận, tây vò Thục;	421
Hải nhật ban đào khai pháp giới;	384
Hàn mặc kinh thiên địa;	267
Hảo nguyệt dương lâu đoạn cận thuỷ;	377
Hảo thư bất khánh khan hoàn độc;	298
Hắc phát bất tri cần học tảo;	260
Hậu cơ hệ diễn sơ sinh đít;	331
Hiền giả bất hư sinh vu vũ trụ;	318
Hiền hậu đỉnh thành quan Tử phủ.	413
Hiển hoá diệu thần uy, nhát lè Quỳnh đài thiên cổ tráng	414
Hiệp phong vân vu hàn mặc;	278
Hiếu học dịch tư năng tri kỳ ý;	298
Hiếu kính thông tông tổ;	247
Hiếu nguyệt nhàn dì tam xích kiếm;	315
Hiếu tử môn hộ lưu dư địa	409
Hoa đường hoạch vĩnh thư hương ái;	256
Hoa hoàn thủy nhiều lục địa Bồng Doanh	426
Hoa hương độc ái mật phong thái;	284
Hoa hương mẫn tọa khách đổi lứu	389
Hoa vi hồng hạnh cam xuân sắc;	379
Hoà khí doanh môn nghênh thùy khí;	353
Hoà bình thần thịnh nghi gia thất;	243
Hoá nhạt quang thiên Tam đại hạ;	419
Hoạ bản phân phi lai dã ý;	289
Hoạ ý thi tình cảnh vô tận,	347
Hoài nhược trúc hư lâm khúc thuỷ;	333
Hoài trung doanh nhát nguyệt;	314
Hoàn tương cựu sự long tần diên;	249
Hoàng quyển thời ngò triêu khởi tảo;	279
Hoặc tiểu hoặc đề chán diện mục.	251
Hòa mòn cựu ấm phong căn bản;	266
Học hải vò nhai cầu thị ngạn;	371
Học hải vò nhai tu túng đinh;	285
Học kiêm nhân kỷ lu phòng già;	384
Học như nghịch thuỷ hành chu bất tiến tắc thoái;	300

Học quán thiên nhân tế;	264
Học quý hữu hằng thiết mạc bán đồ thi phế;	301
Học tri bất túc;	393
Học tri bất túc.	392
Học văn đa tự hư tâm đắc;	285
Học văn vô cùng Tăng tam Nhan tú;	319
Hỗn cứ long bàn dĩ đắc sơn xuyên thăng tu;	258
Hộ nội thổ vượng nhân tòng vượng;	241
Hỗn khiên mặc uyển truy thần vận;	314
Hỗn vũ tuỳ tâm phiền tác lăng;	339
Hung hoài đại chí;	399
Hung hoài thiên lý chí;	310
Hung hưu trí châu chung nhất nhuận;	335
Hung trung cảm tú Tam đồ phú.	390
Hung trung tàng vũ trụ;	271
Hung trung tồn sự nghiệp;	336
Hùng tử thoát thủ kiên như chũ;	283
Huynh hữu đệ cung nãi quân tử tu thân chi bản;	369
Hư các thanh u đồ xuân hạ thu đông cảnh khí;	378
Hư hấp nhập song thông hương ái.	390
Hư tâm hiệu trúc tiết;	306
Hương hòa bất vong tiên tổ đức;	404
Hương phúc cảm đường ngưng thủy khí;	243
Hương trình bảo định thời chiêu phúc;	246
Hương yên cao triền lưỡng hoà khí;	244
Hữu chí can đảm trắng;	305
Hữu chí ý thành vân trình na phạ lộ đầu viễn;	374
Hữu dung đức nãi đại;	304
Hữu hách lâm nhung, từ thiện tài hồng đồ lưu thăng tích;	323
Hữu như tác họa tu cầu đậm;	292
Hữu quan gia quốc thư thường độc.	388
Hữu quan gia quốc thư thường độc;	335
Hữu tâm tác phụng hiến;	310
Hữu thư đói mǎn án;	268
Hữu thực tư thầm, mộc ấm tài dư nghi đắc thực;	331
Hy triều phấn sức long văn trị;	349
Ích trí hữu châu lý đức vu ngọc;	319

## K

Kế Long quân nhi Đinh, Lý, Trần, Lê,	410
Kê đức thông truyền tam giới địa;	424
Khách chí khai không đàm, tú bích đồ thư liên đương tửu;	359
Khải giáo trượng từ quang, kết tập linh văn tam bảo tạng;	326
Khai bách thể hổng đồ long bàn hổ cứ;	257
Khai đồ thảo lý kinh xá loạn;	336
Khai nhán gian chi lơi lộ;	240
Khai quyển hữu ich tri thức lụu thị lực lượng;	300
Khai quyển quán ngôn nhã;	275
Khai quyển thần du thiên tài thượng.	390
Khán kiêm hảo sinh đàm;	266
Khảng khái trương phu chí;	306
Khánh Thuy nhất phong cao, ngọc bội trúc kinh truyền thăng tích;	350
Khảo cổ chước kim thǎm thời độ thế;	317
Khắc ý vi văn nghi thiện biến;	293
Khẩu hô thiên địa động.	400
Khí bình cánh sự cùu;	304
Khoa giáp trúng lai danh bất hủ;	349
Khoan hoảng đại lương.	398
Khoáng dã trường khu mǎ;	313
Khổ độc thiên niên sử;	270
Khổ tâm truy diệu cú;	274
Không trung Phật nhân vô tư chiếu;	326
Khuê tinh thiên läng nhân văn xiển;	349
Kiểu mộc hảo âm da, trú thính oanh thiên kim cốc hiểu;	401
Kim lò hương ái thiêm xuân sắc;	243
Kim lò vĩnh trú thiên niên triện,	246
Kim nhật truy tiên liệt;	310
Kim thạch kỳ tâm, chi lan kỳ thất;	363
Kim thân đăng đăng, tam thiền thế giới tận quy y;	425
Kim triều hỉ bốc thân nhân lý;	257
Kinh ký phá bích ca thiên thuận;	291
Kinh vũ xuân tâm kiệu;	311
Ký túc tự kham trì thế lộ;	328
Ký ý thi thư ngoại;	311
Ký nhán như bích ngô thuỷ trúc;	370
Ký thư tế phẩm đa tư vị;	317
Ký thượng giang hồ thư nhất quyển;	281
Ký bách niên cựu gia vô phi tích đức;	300
Ký cá thanh từ liên diệu ngữ;	315

## L

Lạc bút hàm sơn nhạc;	268
Lạc hoa khinh trước địa;	332
Lan đình i khi trưng Thần thủy;	420
Lan quế liên phượng , nhất chủng thiên hương phù cầm thé;	358
Lạp ẩn tự cổ lâu dài, vật hoa thiêng bảo.	415
Lâm sự vật tảo.	400
Lập chí bất tuý lưu tục chuyển;	291
Lập chí lu tri tam cổ thịnh;	291
Lập đức lập công bất hủ;	421
Lập đức tế kim cổ;	269
Lập nhân tiêu biểu khai nhân kính;	349
Lập phẩm nghi tư chân tuấn kiệt;	297
Lập thân chỉ giác càn khôn tiểu;	336
Lập ý cầu thanh viễn;	308
Lâu cao tiên đắc nguyệt;	320
Lâu cao viên tống thiêng phong thuỷ;	377
Lâu tiên vũ mị long tường hóa.	411
Lễ dĩ chế hành, nhạc dĩ hoà đức;	357
Lễ hòa quang liên thư án nguyệt.	388
Lễ nhạc bách niên tu miếu điển	408
Lễ nhạc thăng kỳ tổ vũ;	253
Lịch triều sắc tặng Trần vương hiển;	327
Liêm ngoại ngũ canh phong vũ lanh;	281
Liên phú phiến minh viễn hoài tổ đức;	332
Liêu lục đào hồng từ diện văn sơn thu cầm tú;	364
Liêu tích mặc canh di quyền nhân;	315
Linh Hồ, nhược thuỷ tùy duyên độ;	351
Linh tích chiêu thuỷ thiên cổ tráng.	413
Linh tích, chiêu thuỷ thiền cổ lục	413
Loan giá hiển vi mạc trắc, sở cầu nhi ứng.	407
Long chi đắng, phượng chi vũ, đại trương phu giá ban khí tượng;	365
Long đức chính trung quyết thi tư phổ;	417
Long đức phổ thi, nhất thiết phù sinh quy tế độ;	424
Long mòn cựu liệt kim chương quý;	262
Long trảo đầu quai phù Quang Phục.	427
Lộ dao tri mã lực;	308
Luân sự thường tồn trung hậu tâm,	350
Lục thanh y cựu sắc;	351
Luyện thành phong ngọc chân quan học.	387

Lược phiên thư sở tắc;	271
Lương đồng duy tàn gia thanh phi chấn;	262
Lưu tâm thiên cổ sự;	312

## M

Mã án triều tiền, thuỷ tú sơn thanh, tiên thắng tích;	405
Mai hoa hương phúc cầm tâm cổ;	333
Mai tuyết tùng phong thanh kỷ tịch;	379
Mạc nghi tiến lộ vô tri kỷ;	405
Mạch dẫn sơn yêu bàn thạch tượng;	331
Mạn đạo tân cư nhưng cựu chỉ;	258
Mẫn giá đồ thư đô thị đương hành hiếu đế;	364
Mẫn thất chí lan lư vũ lộ;	372
Mẫn toạ châu cơ quang cựu thụ;	262
Mạn Trù, Dạ Trạch giai tồn tích.	426
Mân viện hoa hương trình hán mạc;	372
Mặc hải ngao du tình kích nghiên ngắn;	318
Mặc hải thiền phàm cảnh phát;	277
Mặc lạc xà tranh vũ,	264
Miêu mạo trang nghiêm thiên cổ tại	409
Miêu tuy ngũ vương thần trắc giáng;	427
Miêu vũ tăng tu, thiền thu như tai	407
Minh đăng thái ánh tường yên ái;	244
Minh đức hình hương lai cách hưởng;	244
Minh kính đài cao hồng trần bất nhiễm;	328
Mộc ân tài tấn phát;	241
Mộc bần thủy nguyên băng nguyên ấm;	338
Mỗi lâm đại sự hữu tĩnh khí;	335
Môn định xuân noãn sinh quang khí;	354
Môn hưng bất dụng hoa phong chúc;	241
Môn my tăng thái nguyên lưu vễn;	254
Móng đam thi cú cửu xâm hiểu;	316
Mục mục hoàng hoảng đại thánh nhán tông	391
Mỹ túu ảm ứ trưng tuý hậu;	347

## N

Nam bang đê nhất động, thạch bích kình thiền.	426
Nam thiền tú vị, danh cao nguy nguy chiêu nhật nguyệt.	410
Nâng cần đức nghiệp duy lương hưu;	279
Ngâm nga xuất tân ý;	267
Ngâm thành giai cú hoa giai vũ;	280

Ngâm trúc thi hàm thuý;	273
Ngân đăng huy ánh thiên-nhai nguyệt;	359
Nghĩa bình trung thiên vạn cổ cương thường chiêu vũ liệt;	239
Nghĩa khí bình cương thường, thiên thu vũ liệt chiêu Vân Hán;	392
Nghiêm nhược tư hiếu tôn hữu khánh;	251
Nghiên chiếu phong sinh bài mặc lăng;	373
Nghiệp tinh vu cần cần nhi năng phẩn;	320
Nghị luận bất tuỳ lưu tục biến;	340
Ngọc chấn kim thanh đài các đờ;	383
Ngọc đường thanh giá suy tiền triết;	381
Ngọc sắc giáng hoàng cung, cửu long phún thủy;	328
Ngọc thụ kỵ hoa hương tác cẩm;	256
Ngọc thụ phượng lan thừa tổ đậu;	253
Ngũ sắc vân trung khai hiếu nhật;	352
Nguy nga điện vũ thiên thiên sĩ;	411
Nguy nguy miếu mạo quan giao dã;	416
Nguyệt ảnh y hy ngư dược ảnh;	423
Nguyệt sắc dung dung thanh sơn lục thủy kham đồ hoạch;	379
Ngư diệu long môn tam cấp lăng;	263
Nhã cầm phi bạch tuyết;	337
Nhã ngôn thi thư chấp lê;	277
Nhạn tháp phong sương cổ;	248
Nhàn thế bình kỵ, lê hộ nghĩa môn đương tiến hoá.	406
Nhân tiền sắc tướng giải thành ảo;	384
Nhân tiền sắc tướng giải thành ảo;	249
Nhẫn Trung kiềm điểm bình sinh sự;	323
Nhẫn Trung luân hải tiểu;	346
Nhậm sự giả tất dĩ thực học;	286
Nhán gian văn học vô quyền, toàn bằng âm đức;	350
Nhân Tâm cương chính, Cửu trù tự,	419
Nhập môn khẩu niệm Di đà phật;	423
Nhập thất thi thư đa thiếu sự;	338
Nhập thất vân hương lan quả vị;	405
Nhật ánh bệ tiền sâm ngọc thụ;	262
Nhất da phong lôi, tam đồng hoá	411
Nhất định hoa ảnh tam canh nguyệt;	353
Nhất định hoa phát thành tri kỷ;	370
Nhất hiện phong nguyệt tuy nhiên tĩnh;	373
Nhất hoa hiện thùy chu sa giới;	323
Nhất hoảng thu hoả dư thanh khí;	354
Nhất khâm hoà khí.	395

Nhất liêm hoa ảnh vân thuỷ địa;	370
Nhất nhân tác phúc thiên nhàn lại;	401
Nhất thanh xướng lán thu giang nguyệt;	250
Nhất thóc lâu đài xuân sắc mị;	427
Nhất thư mai hoa nhất thư ngọc;	371
Nhất trấn vô nhiễm sắc;	352
Nhật mãn hoa đường lai tử yến;	355
Nhật nguyệt lưỡng luân thiên địa nhãnh;	372
Nhật nguyệt quang hoa lâm hoạ đồng;	257
Nhật nguyệt quang hoa thiên phục đán;	419
Nhật nguyệt tranh quang hoa xuân sắc.	406
Nhật nguyệt vâng lai đàm pháp ngữ;	422
Nhiên đăng khổ độc.	394
Nhuân hào khán phượng vũ;	268
Nương nhàn phi ngã nhược;	305
Ni sơn mộc đặc quán móng khải.	402
Niệm tiên nhân lập thân giáo gia, bất ngoại cương thường đại tiết;	366
Niệm tiên nhân lập thân, giáo gia bất ngoại cương thường đại tiết;	391
Ninh tĩnh nhì chí viễn;	305
Ninh vi ngọc toái.	396
Nông phổ hữu thư, giáo tử thả kinh tang ách;	377

## O

Oanh thanh điền noǎn minh kim cốc;	353
Oanh thiên hoa ốc an nhän lý;	262

## P

Phá bích quần long vũ;	265
Phá thiên trùng quan tâm hoài thiền hạ;	299
Phá Thực huân cao Nguu chủ Bắc;	422
Phan sơn tượng lệ chí;	307
Phanh trà yêu thương khách;	314
Pháp giới tân đăng hoa giáp ty;	385
Pháp thủ lan định tồn khí vận;	287
Phẩm nhược mai hoa hương tại cối;	344
Phong nguyệt nhất định vi lương hữu;	287
Phong nguyệt nhất thiên thi túu liệu;	290
Phong phát long môn xuân láng noǎn;	356
Phong sinh bích gian ngư long dược;	374
Phong sinh thảo tế sênh tiêu vân;	368
Phong thái tam thu minh nguyệt;	277

Phóng tòng thiên mạc xuất;	310
Phóng vũ đà kinh nhân bất lão;	343
Phóng nhãn cùng thiên địa;	274
Phổ trương năng nhân đức;	323
Phối hàn ngọt kỳ duyên, Đồng Thổ giáng sinh tam hiển thánh	410
Phú huân cầm thư thành ngũ sắc;	254
Phú quý hoa khai kim trản bích;	246
Phù sinh vinh nhục công năng vong;	345
Phụ mẫu hà linh, bạch phát đường trung vinh mô cành;	366
Phúc chiếu nhân gian tài đại hưu;	240
Phúc địa tâm diển nghi mỹ quà.	400
Phúc diển tông tổ chủng;	246
Phúc sinh lễ nghĩa gia đường thịnh	425
Phương danh thường tại lưu thanh sử	409
Phương thảo hữu tình giai ngại mã;	337
Phương chủ vương khai đại xướng bùi trận;	344

## Q

Qua giáp chấn Ân cứu, thiết mã tề danh kinh Bắc khấu;	324
Quá cổ quốc, miếu Lô, Thao, y nhiên bích lăng hồng đào	386
Quá giả hoá, cực kỳ đại anh linh	414
Quá như thu thảo sam nan tần	387
Quan trúc mai dĩ dưỡng tính;	332
Quang chiếu nhật nguyệt	394
Quang tà thanh phong minh tá nguyệt;	362
Quân tử kết tâm giao	400
Quân tử vô dật	395
Quốc gia hữu vinh sơn hà cô	424
Quốc sắc khuynh thành thiên hạ hữu	411
Quốc sứ thư danh, tâm đổi càn khôn hoàn hiếu nghĩa;	327
Quý hữu hằng hà tất tam canh miên ngũ canh khởi;	303
Quyển lý hữu thi giai cầm tú	380
Quyển nhãn khổ truy cùng hân hải;	295

## S

San phồn tựu giản tam thu thu	333
Sán phồn tựu giản tam thu thu	388
Sảng khải nhất hồ tân Đống vũ	413
Sấu ảnh đương song mai đắc nguyệt	337
Sĩ phu báo đáp vị hả tai! Triều đình tuyển tụ chi án	348
Sĩ tử công thư thập tài hàn song đăng hoả khổ	374

Sinh đương tác nhân kiệt;	309
Sinh vi tướng, hoá vi thần, lịch đại bao phong danh bất hủ;	325
Song hàm xuân sắc mặc sinh diễm;	338
Song hàm xuân sắc mặc sinh diêm;	282
Song lâm thùy khúc cầm thư nhuận;	288
Song ngoại thanh sơn thư cầm lù;	373
Sơn cao tự hữu nhân hành lộ;	336
Sơn chi tú, thuỷ chi thanh, địa thế nguy nga nguyên tư cổ;	403
Sơn điểu hữu tình tôn Phật kè;	248
Sơn quang thanh nhân giới;	269
Sơn sắc mẫn song thư mẫn giá;	375
Sơn thuỷ triều tông y cựu nhât;	261
Sơn thuỷ u thâm khâm hoài diệu viễn;	299
Sùng ân biển phúc Bồ đề địa;	325
Sùng từ nguy nghiệp tồn thiên cổ;	327
Sư hữu khảng lâm dung tất địa;	259
Sư lý thông đạt;	398
Sự năng tri túc tâm thường khiếp;	343
Sự yêu nghiên cầu giai học vấn;	296

## T

Tài hoa chuẩn ngũ vị thi khách;	376
Tài hoa ngũ sắc quang minh cầm;	381
Tài như hồ hải văn phương vĩ;	285
Tái tạo nhất hổ tân đồng vũ	415
Tài thi si tác cốt;	275
Tam bảo phóng ngọc hào nhí biến chiếu;	417
Tam niên tĩnh thất truy kim cổ;	316
Tam thập lục động, đình, vạn cổ thanh ninh.	412
Tam lư phương cử bộ;	303
Tạo hoá diệc vô quyền chế, kim đĩnh linh.	412
Tâm huyền minh kính lý;	311
Tâm khoan vong địa trách;	307
Tâm thanh hà cụ quý;	311
Tâm vò lục lự tinh thần sàng;	347
Tâm xúc thanh cơ thần hàn mặc;	290
Tâm cùng thiền hạ.	393
Tân hòa yên phân tân thùy khí;	402
Tật phong tri kính thảo;	306
Tẩy nghiên xuân ba làm Tấn thiếp;	288
Thả hỷ tiên nhân truyền cựu nghiệp;	254

Thạch kính hữu trần phong tự tảo;	247
Thanh cơ phát diệu lý;	308
Thanh ngôn như Tấn nhân túc hý;	368
Thanh sơn bất mặc thiên thu hoạ;	340
Thanh tư bão minh nguyệt;	304
Thanh vận lò viễn lưu tâm bộ;	370
Thánh đức khuông phù Kim Bàn phù;	330
Thánh hộ thần phù, Sái áp viên thành tân cảnh sắc;	422
Thăng địa bốc tân cư, thử nhật hoa đường lai yên hả;	263
Thần ăn phu phúc chí;	241
Thần song kỷ tĩnh an bình nhát;	340
Thần thánh khải Viêm Bang, chí kim địa bất cải tịch, dân bất cải tu;	385
Thần tích ân ba lưu đê trạch;	242
Thận giao du cần canh độc;	321
Thập tài vân song kè cổ điển;	374
Thập toàn quán chúng nhàn nhàn vọng;	408
Thất hữu chi lan khí vị biệt;	335
Thất hữu dư hương, Dã thảo, Trinh lan, Đậu quế thụ	366
Thất ý hữu nỗi	397
Thê gian hữu thuỷ gai quy hải;	341
Thê gian thanh phẩm chí lan cục;	343
Thê sự hồn như hý;	250
Thê thuỷ hữu như tư, văn vũ y quan, vương hầu đê trạch	428
Thi thanh kinh hiểu nguyệt;	275
Thi thiền lạc xứ phong vân động;	292
Thi thư mân toa phong vân khí;	356
Thi tông phế phù xuất;	268
Thi tứ thiên nghi dã;	270
Thi võ nhập lục cú;	270
Thi hả ý thái hùng thả kiệt.	389
Thi huân thị hành toàn nãi tổ khảo;	364
Thi phát kiến hữu uy khả úy	409
Thiên ban nguyệt sắc nghiên biến quá;	281
Thiên biến hạc họa thanh truyền dã	381
Thiên cổ túng chí, chung mai thủy dục Long cương	330
Thiên địa nhập hung thành ngôn tinh thế	333
Thiên hạ kỳ quan khan tận bất như thư quyển hảo;	302
Thiên lý phong vân bồi ngọc thụ;	354
Thiên nhiên văn thổ xuân văn nhuận;	259
Thiên phú thanh cao tuyệt lưu tục;	341
Thiên tài đồ thư sơn sắc lý;	375

Thiên thu hàn mạc văn quang xán;	392
Thiên môn tự hữu trường sinh quyết;	384
Thiên thát tòng lai vàn ngoại thường;	248
Thiện báo, ác báo, trì báo, tốc báo, chung tu hữu báo;	239
Thời nhật mạc giao bình bạch quá;	298
Thổ phong hăng đại hữu;	242
Thôn kính nhiều sơn tung diệp ám;	376
Thu sự lạc cầm kỳ thương đoạn xuân phong lâm hạ thú;	365
Thu thanh thiên viễn đại;	313
Thuật nghiệp nghi tòng cần học khởi;	260
Thùy trúc thương ngô lục nguyệt thu thanh lai chẩm đạn;	378
Thuỷ mộc bản nguyên tư tố đức;	245
Thuỷ năng tinh đậm vì ngò hữu;	334
Thuỷ thanh ngư độc nguyệt;	344
Thụy khí dữ lò yên công ái;	243
Thư cảm huy hoàng, hoạch đồng liền vân, nghinh thụy khí;	258
Thư đáo dụng thời phương hận thiểu;	259
Thư đáo tinh sắc phương lộng hiếm;	280
Thư đồng ý vân quang cựu nghiệp;	261
Thư hương ngoa tháp cam thi mộng;	315
Thư hữu vị tầng kinh ngã độc;	367
Thư pháp vị tất toàn sư cổ;	279
Thư song dạ thảm quang xa đầu;	279
Thư sơn hữu lộ cần vi kinh;	337
Thư sơn hữu lộ cần vi kinh;	260
Thư tòng nghi xứ phiên thành ngô;	259
Thư tự thanh sơn giai loạn diệp;	294
Thư vi tối trường nghi tế sách;	293
Thứ hè phồn xương băng hậu âm;	331
Thử địa thử sơn Nam quốc kỷ;	386
Thử sắc hoành song xuân nhật lệ;	373
Thường cư danh sơn dắc viễn chí;	342
Thường sơn thuỷ thanh âm chi hứa ngư tiêu văn thoại;	380
Thùy ảnh trùng thanh quan vạn tướng;	382
Thuy khí sinh lai duy hiếu đẽ;	362
Thuỷ mặc khai kỳ cảnh;	271
Tích dạ phong lôi Thần hiển tích	413
Tích Đinh Mão tuế Khuê tinh tụ	412
Tích đức thẳng khiển kim xù thế đương luân tư mã huân;	365
Tích khánh ngưỡng tiền huy, thê đức lương thừa, sở ái cơ cầu kế mỹ;	364
Tích lịch truyền thanh, tí dán quà diệp thảm tiêu mộng;	425

Tích luỹ tổ công thiên cổ ngưỡng;	325
Tích ngọc tích kim bất như độc thư giáo tử;	300
Tích thụ kim hoa thiên tích đức;	403
Tiền tài như phân thổi;	386
Tiền tổ phương danh lưu quốc sử;	377
Tiếp khách vãng lai, nhật dạ môn trung bất bế.	406
Tiểu nhân nghênh gia khách;	313
Tiểu ẩn lâu đầu dung thể biến;	342
Tiểu uyển thi phong lung thuý mặc;	289
Tinh hy trường luyện kiếm;	267
Tinh song đích lộ hoa giao chiếu;	382
Tinh thần đào xứ văn chương lão;	297
Tinh xuất văn hưng khai Thuấn đán;	420
Tinh đạo tại văn chương thâm tạo tự đắc;	300
Tinh thiên kỳ hoạt bát;	307
Tinh dũ tu thân, kiêm dũ dưỡng đức;	363
Tinh hướng đình trung khan hạc vũ;	360
Tinh tư minh sự lý;	312
Tinh toạ đương lư kỷ quá;	321
Tinh văn ngư độc nguyệt;	265
Tinh văn ngư độc nguyệt;	249
Tinh võ quý tiễn.	396
Toạ ứng thư thành mưu tố chí;	361
Tổ công tông đức bồi chi viễn;	343
Tổ đương bách thế hương hoa tại.	406
Tả hữu đức tòng hữu công, duy liệt duy quang	391
Tổ thị hoàng, hàn nghiệp do nhiên thuỷ Việt sử.	324
Tổ tòng tòng đức thiên niên thịnh,	403
Tòng tổ thiên thu trường tự diễn;	251
Trác vĩ lâm minh huân, tiền triều danh tướng;	325
Tri túc thường lạc.	395
Triệu Việt Vương, thanh dạ nhất đần, bí tướng vô mưu trấn Quế Hải	414
Trinh như thuỷ trúc minh vu tuyết;	339
Trước thư bất hướng thời lưu thuyền;	282
Trước thư kinh nhật đoàn;	265
Trước ý tài bồi đăng hoả kết thành đan quế;	374
Trường ca trữ hạo khí;	321
Trường đương hạo nhiên khí;	276
Trường đam học hải truy hoảng thạc;	317

Trường hà ca hào đắng;	312
Trường phu đương tử trung đồ sinh hoạ trung cầu phúc;	301
Trường quan hào nguyệt;	303
Trường tư tam lão ý;	313
Trường truy mặc thù khỉ thoát tục;	316
Trở đậu ý quan tòng còng diễn khánh;	253
Trúc lương hỷ lai tam kính nguyệt;	292
Trúc lý thư thanh lai cách viện;	285
Trúc nhàn hư thụ ịch;	307
Trúc vũ túng phong cầm vận;	278
Trung hậu truyền gia an thả cát;	360
Trung hậu truyền gia cửu;	269
Trung hiếu luồng toàn năng huân thể;	404
Truy mộ cổ nhàn đặc nhã thúc;	288
Truyền gia vạn sự giải nghi nhẫn.	361
Tu nghiệp cần vi quý,	264
Tu trúc mẫn định phủ thùy sắc;	379
Tuấn liệt truy tiền đại;	246
Tuệ nhẫn du thư hải;	269
Tuệ nhất lệ trung thiên, nhất đoá đàm hoa trình thuỷ khí;	424
Tuệ nhất từ tâm tri kinh kệ;	418
Tùng ảnh nhập khê lưu chiêu kiến hứa đà ngư được thụ;	380
Tuy văn trí tuệ sinh linh phủ;	296
Túy ca diễn xá tấu;	272
Tuỳ thời tận lục cổ kim sự;	292
Tuyết cầu thả chí hữu;	307
Tứ bích đồ thư thường đối tấu;	382
Tứ hải phong quang tuỳ xứ hảo;	352
Tứ phương thông đại đạo;	240
Tứ sinh thập loại giải chiêm ngưỡng;	417
Tứ thể bắt cần ngũ cốc bắt phân thực vị phu tử.	394
Tứ thời hoa nguyệt hàn huyền lý;	378
Tứ thời hoà khí xuân thường tại.	356
Tứ thời thực khí dung huyền thảo;	367
Tứ thuỷ văn chương chiêu vạn cổ;	402
Tứ đường chấn tắc cương thường trụ;	403
Tứ hiếu hữu cung nhất đường cát khánh;	363
Tứ tâm phổ thi thập phương xuân đài thơ vực;	328
Tứ khí quang hồi thiên chỉ xích;	351

Tử yến đình trung nghi hảo ngữ;	369
Tự thiên tinh giáng trần, nhất bản Hồng Bàng hậu duệ;	327
Tự tiên tổ như tại kỳ thượng;	242
Tường vân phù tử các;	247
Tửu đương thiếu ẩm.....	399
Tửu hương lưu khách trú;	345
Tưu thử, nhất nhان thần tộ tận, hứa đa phú quý bần tiễn.....	250
<b>U</b>	
Uy trấn Hạc giang, hàn Thực khẩu;	421
<b>V</b>	
Vạn cổ anh linh dương thánh đức.....	408
Vạn cổ cương thường duy chính đạo;	418
Vạn cổ hồng phi chiêu vĩ tích .....	416
Vạn cổ lư văn tồn chính mạch;	252
Vạn lý phong vân hành bút trận; .....	372
Vạn quyển cổ kim tiêu vĩnh nhát;	258
Vạn quyển tàng thư nghi tử đê;	380
Vạn trưng thanh vân tài tử lộ;	359
Vạn trưng vân tinh quang hộ ngoại;	371
Vạn vật tinh quan giải tự đắc;	342
Văn bút tháp thiền văn tác triền;	371
Văn chương chán xứ tính tinh kiến.	389
Văn chương thiền cổ sự;	273
Văn năng hoán cố vô dư pháp;	294
Văn như thu thuỷ trân ai tĩnh.	390
Văn quá tắc hỷ.	396
Văn tâm hoa dẫn động.	394
Văn tuyển như lưu thủy xuất hiệp;	290
Văn tư khổ nhiễu lưỡng mẫn tuyết;	315
Văn tư tu đạo đăng chán cảnh;	322
Văn cù hữu chí chung nhượng thù;	382
Văn hạc hữu kỷ dực;	344
Văn lộ băng trình cứu vạn lý;	369
Văn sơn khởi hàn mặc;	272
Văn sơn phong đô.	397
Vị anh vi linh, thiền thu chính khí.	408
Vị năng nhất nhật quả quá;	276
Vị thiện độc thư đắc an lạc pháp;	299

Vị tu bách sự tất như ý;	283
Việt quốc anh hùng Hưng Đạo tướng;	329
Vọng nhật khí hào đặng;	314
Vô cương duy hữu, địch diệp vân nhưng băng hậu ấm;	324
Vô cùng thi lứ song tiền thảo;	288
Vô cùng tuế nguyệt mang trung lạc;	291
Vô ngôn tiền lập ý;	270
Vô số ván sơn cung điểm bút;	290
Vô tận ba trù quy học hải;	283
Vô tư vô uy thiên thu chính khí;	339
Vọng viễn năng tri phong lâng tiểu.	422
Vũ quá cầm thư nhuận;	273

## X

Xa thư cộng đạo kim thiên hạ;	349
Xuân cựu hoa bắt lạc;	346
Xuân diệc đa tình điểu hướng chỉ đầu thôi búl ý;	302
Xuân định thảo sắc hoà yên noǎn;	281
Xuân hồi văn vật thanh danh địa;	418
Xuân huyên nhật nguyệt phong quang hào;	354
Xuân lai dã, ngư long biến hoá;	357
Xuân lai thăm viện mai hoa phát;	379
Xuân nhật lệ hoa đường úc úc xuân huyên vinh ngọc diệp;	358
Xuân phát kỳ hoa, thu kết kỳ thực;	357
Xuân phát kỳ hoa, thu kết kỳ thực;	363
Xuân phong đại nhã năng dung vật;	334
Xuân phong đại nhã năng dung vật;	348
Xuân phong lai thời nghỉ hội lương hưu;	341
Xuân sắc tráng hoa cư, vân khì phì lai khai thư cầm;	358
Xuân tự thu thường tuần vạn cổ thánh hiền lê nhạc;	391
Xuất đồ tàng nhị tuần Vương đạo;	420
Xử thế mạc như tích đức;	362

## Y

Y Chu sự nghiệp nhân trung hội.	368
Y khâm bán nhiệm yên hà khí;	282
Ý thủ hoành sinh thành xảo đối;	284
Yên ngưng bảo cái, khê lưu liên toạ đồ tử hương;	416
Yên sinh hương lý tường văn hợp;	244
Yến dực di mưu thuỷ nhiễu sơn hoàn tân đê trách;	258

## CHÚC MỪNG VIẾNG THĂM

### A

Ác ngũ thốn đao bính khai trường cát phúc trừ cỗ tật.....	496
Ái dung thường khai tân nhường tửu.....	520
Ái khách khâm hoài xuân mǎn toa .....	519
Ái mạo ái tài vưu ái chí.....	640
Ái nhật thư tình viên quất trang thành cầm tú.....	556
An toàn đệ nhất bát phương thư tâm bát xứ ổn.....	432
Anh hùng thành bại kể chí, tắc dạ cõi trung.....	675
Anh linh chiêu nhật nguyệt.....	577
Anh linh dĩ tắc bóng lai khách.....	578
Ânh động bản luân nguyệt.....	434
Ânh lạc thanh tùng lý .....	651
Áp hoa quyến lâng tuỳ nhân ý .....	470
Âm dung mac đồ thương tâm nan cầm thiên hàng lệ.....	581
Âm dung uyển tại linh xa giá.....	569
Âm dung uyển tại, cần phấn nhất sinh truyền giai thoại.....	572
Ân ái phu thê tình tự thanh sơn bất lão .....	642

### B

Bà cổ vâng kim lai, trùng tân thuyết khởi.....	442
Bá thiện anh tài đăng phương khuyết.....	685
Bá thiện kỵ tài đăng nghệ uyển.....	686
Bá trừ phan quế phong lưu hán tòng .....	686
Bác lâm quần thư kiến đa thức quảng.....	539
Bác nghị tân thư văn thổ cầm .....	591
Bác thông thường hạ .....	539
Bạc lợi đa tiêu có khách doanh môn sinh ý hoạt.....	504
Bách hoá thương điểm, điểm lý bách hoá, như ý điểm.....	455
Bách mỹ đồ trung tôi nghi huân nhiệm .....	465
Bách niên ân ái song tâm kết.....	640
Bách niên cầm săt hào .....	585
Bách hảo thiền ma vò cải thủy .....	657
Bách thế duyên hoà hài phượng lữ.....	598
Bách thuỷ túng thương hàm ca ngũ phúc .....	608
Bách tuế lương duyên hài tí nguyệt .....	557
Bách vẫn bối phiền bách nă bối yếm .....	452
Bách xích cao huyền như giảo nguyệt .....	437

Bách xích ty la hàn hữu thác.....	620
Bach cốt vị quy tam xích thô .....	570
Bach đầu giải lão .....	634
Bach điểu đa tình lưu nhân tiếu trú.....	523
Bach phát chư nhan nghỉ đăng thương tho.....	608
Bach phát hống nhan đồng đới tiếu.....	678
Bản đào bồng nhật tam thiên tuế .....	609
Bán tử vò y hà sở lại .....	582
Bản vi phan quê khách .....	585
Bạn ngã thư thiên quyển .....	540
Bang kiết mốt hể, bách thân chung mạc thực .....	668
Bảo hiểm phùng hung năng hóa cát .....	498
Bảo nhi vô hoạn cứu châu Thái .....	433
Bảo thân bảo vật bảo tài sản .....	429
Bảo thể phong hoà tương lan tinh mậu .....	679
Bảo vụ quáng trâm thiền thương tú .....	576
Bảo vụ linh huy ca tú trật .....	610
Bảo vụ tinh huy niên cứu thập .....	677
Bảo vụ trình huy bá tháp niên lai quang bát nguyệt .....	676
Bảo vụ trình tường cộng ứng huyền hoa vinh trú cảm .....	681
Bảo vụ vân mê trang các lãnh .....	644
Bảo quốc bát sầu sinh bạch phát .....	608
Bát nguyệt xưng thương, quê uyển đầu hương điện bát trật .....	676
Bát phương khách nguyên trú .....	475
Bát thiên tuế vi xuân tự kim y thuỷ .....	491
Bát tiên hội lý tăng Nam cực; .....	493
Bát trật hoa điện hàn vũ thái .....	617
Bát trật khang cường xuân bát lão .....	613
Bát tuần thả hiến dao trì thuỷ .....	616
Bát tuần thả hiến dao trì thuỷ .....	613
Bát tuần thù thịnh thế .....	606
Bát tuế giải nhân hoan giải ngũ .....	693
Bắc hải khai tốn Tây lăng hiến tho .....	683
Bắc uyển hoa phi hàn huệ trường .....	658
Bắc vọng linh nguyên thiên lý viên .....	648
Bát đại địa phương khả quốc khả gia khả thiên hạ .....	440
Bát đồ hoa ngọc chung liên tập .....	646
Bát giao bạch phát thỏi nhân lão .....	469
Bát giao liệt nhai đương đầu sai .....	434
Bát hoặc đản tòng kim nhát thùy .....	625
Bát hý bát đài cổ kim truyền gia giải do học thời khởi .....	501
Bát khả lâm nhai tài lạc mã.....	431

Bất năng tử hụu bất năng sinh, .....	663
Bất sâu tịch dương khứ, .....	436
Bất thành môn hộ quý vi tử, .....	569
Bất tích loạn giao thiên lý tục, .....	588
Bí ẩn nan văn lưu ván trú, .....	566
Bí ca động địa, .....	564
Bí thượng võng văn hô tiểu tử, .....	651
Bình an vô sự đa nghi quốc, .....	430
Bình hoa phú tựu mai trang ngạch, .....	560
Bình sinh phong nghĩa kiêm sư hữu, .....	573
Binh thuỷ tương phùng như lão hữu, .....	476
Bích chiếu kỳ hà khai tịnh đế, .....	600
Bích hải văn sinh long đổi vũ, .....	638
Bích hán vụ tinh huy thất trật, .....	615
Bích sa dãi nguyệt nhân như ngọc, .....	590
Bích thuỷ khinh phiêu hồng diệp cú, .....	695
Bồ tưu lưu hình liên cẩm tú, .....	602
Bộ nguyệt lâng vân khứ, .....	462
Bộ nguyệt nguyệt nga hương tú các, .....	554
Bôi châm thử nhật phi anh vũ, .....	602
Bôi giao ngọc dịch phi anh vũ, .....	624
Bôi khuynh Bắc hải thần sơ độ, .....	490
Bôi triêm hoa lộ lưu gai khách, .....	526
Bôi dưỡng lý đào tăng tận tuy, .....	584
Bút cam mặc sướng, .....	540
Bút cam thi ý hậu, .....	524
Bút hiệp huân phong my thái hoa, .....	601
Bút hoa tiêm hướng đăng hoa xán, .....	591
Bút vĩnh kiện, .....	540

## C

Cam chỉ vị kinh vân ngoại khách, .....	478
Cam khổ công thường tình hạt cúc, .....	648
Cao chúc tường hoa huy tú các, .....	556
Cao đường ánh nhật khai đan quế, .....	513
Cao song diệu áp thiền xuyên nguyệt, .....	539
Cao thường hiên song nghinh hải nguyệt, .....	522
Cáo bí ngũ hoa đường liên tứ đại, .....	615
Càn khôn phiền phúc dĩ lai, gian khởi vò oanh, .....	669
Cát diệp tam thu do mạnh tiểu, .....	629
Cát nhật thiền cư van sự như ý, .....	535
Cát tinh cao chiếu, .....	546

Cát tinh hàn tại điểm.....	446
Cảm song cổ vận trường sinh thủ.....	530
Cảm thư đa cổ ý.....	538
Cảm đường hỉ kiến song tinh lụ.....	621
Cảm sát thanh trung loạn đổi ngũ.....	624
Cảm sát bổ hoà cương tú nguyệt.....	600
Cảm thuế động kim phong Vương mầu xung thương liên cản tú.....	675
Cảm thuế động kim phượng thọ đô bát tuần phùng cửu nguyệt.....	676
Cảm thuế động xuân phong thọ diên cửu trại.....	677
Cảm tú thành vàn nguyên phi ngã hữu.....	486
Cần hợp đồng phòng phương diệu tuế.....	693
Cần hương sơ tú đào nguyên động.....	630
Cần kiệm khai gia do nội trở.....	609
Cần kiệm thiên già đa phú hữu.....	430
Cần lao mòn đê xuân lai tảo.....	430
Cần lao mỳ đức nguyện nhí tân vĩnh kế.....	571
Cần lao thủ tục hoạn ưu thiểu.....	640
Cần thận hành thuyền mạc đáo nguy thời tài bỗ lậu.....	432
Cần túu hương phù bổ túu lục.....	602
Cần túu huân nhan phùng lạp nguyệt.....	560
Cần túu lưu hình phù cúc túu.....	551
Cấp đê hoa trâm tư mã mạo.....	561
Cầu Iri thức học hải thám bảo luy diệc hỷ.....	501
Cầu biến hồng diệp tiêu thụ thuỷ.....	548
Chầm nhẫn tam phách hạ nhi nữ thông thông li khứ.....	581
Chân chân giả giả điều tình lý.....	441
Chân trữ tình ý đa văn thái.....	531
Chi đạo kinh định thường tu thủ.....	647
Chi lan thiên tài mậu.....	586
Chí đồng đạo hợp.....	644
Chí đồng đạo hợp.....	643
Chì kiếm tam thu đa khổ vũ.....	580
Chính khí cao lăng đồng trụ Bắc.....	625
Chính khí lưu thiên cổ.....	577
Chu thiên hành kiện nhân thường kiền.....	607
Chu Triệu quốc phong tầng huấn tử.....	618
Chúc ánh tú vi huy thái bút.....	603
Chúc ánh tú vi kim phượng lê.....	603
Chúc dao hồng ành huy kim ốc.....	690
Chúc hà linh tam thiên tuế nguyệt.....	490
Chúc hoa hiến thuy xuân phi tiểu.....	555
Chúc hoa hỷ tịnh lưu hoa diêm.....	601

Chúc hoa thái ánh phù dung các .....	621
Chung điểm trường xao đương hậu ái na niên niên nguyệt nguyệt.....	484
Chung sinh kiêm phác lưu mô phạm.....	567
Chung thiền duy hưu tư thân lè.....	581
Chử phi tam giang thuỷ.....	482
Chưởng ác thiền ty chức tuu trung thiền mỹ cảm.....	457
Cỗ hy đĩ thị tấm thường sự.....	614
Cỗ kim chân lạc phủ.....	438
Cỗ lè trữ súc hoạt kỳ định kỳ các tự tiên.....	467
Cỗ túu khách lai phong diệc tuy.....	481
Côn Lôn đảo diện tích nhược kỵ.....	667
Công bình hữu đức.....	504
Công đổi nhất đăng ảnh.....	475
Cơ trực hồi văn xảo.....	456
Cúc tửu hương phù diên cùu cổn; .....	494
Cúc tửu khánh hy linh tam tử hỷ cảnh tam chúc.....	615
Cung kiêm ôn lương nghi gia thụ phúc.....	626
Cung nga thử nhật tiên đế vịnh.....	548
Cư chi an sơn minh thuỷ tú.....	506
Cư tâm trung chính minh như kính.....	519
Cử bài yêu nguyệt ẩm.....	480
Cử xứ luý thời tiêu khốc thử.....	435
Cửu thập gia tân hải ốc trù thiêm dien hạc toán; .....	495
Cửu thập xuân quang đường tiền hoạt Phật.....	613
Cửu thư tế độc do đa vị.....	523
Cửu trát tăng lưu thiên tài thọ.....	613
Cửu tuần hạc phát đồng kim mẫu.....	677
Cửu tuần khánh diễn thiên thu hỉ kiến huyền hoa chiêm ngọc lô.....	626

## D

Dã thu xuyên hoa nguyệt tại giàn.....	518
Danh bì dự mân tam giang thuỷ.....	448
Danh đê phượng các phượng huy viễn.....	694
Danh hoa chiếu nhân xuân quang mẫn.....	528
Danh hoạ yêu như thi cú độc.....	526
Danh tiêu đồng sứ phạm.....	575
Đao cầm nhất khúc song thanh tấu.....	549
Đao khoan bắc đầu quái nam nhạc.....	526
Đao tri đào thực tam thiên tuế; .....	495
Dĩ khán xuân vân lung thái mẫn.....	700
Dĩ kiến y tương liễu tráp nhiễm.....	597
Dĩ nghĩ phượng tri huy hàn uyển.....	592

Dĩ thặng pheng còng thuỷ sứ sách .....	567
Dĩ thiên hạ vi kỷ nhiệm đan tâm tư hoả .....	451
Dịch viết: càn khôn định hī .....	625
Điện khả sung cđ thỉnh toạ hạ phẩm thường luâng uyển .....	479
Điện khải quynh dao khai tho vực .....	682
Điện mện chỉ kim vô nhất ngữ .....	651
Điều dược ngàn trâm trừ bệnh thống .....	444
Điều thuẫn nhán phong tiền .....	434
Dục hướng thị trung cầu điều dược .....	473
Dục kiến nghiêm dung hà xứ mịch .....	547
Dục tri thế thượng kinh luân mỹ .....	457
Dục tri thế thượng quan đài thượng .....	440
Dục tri thiên địa sự .....	525
Dung mạo tâm linh song tuấn lú .....	641
Duy cầu ái vĩnh hằng nhất sinh đồng bạn lữ .....	642
Duyên phù nguyệt lão đương qua nguyệt .....	605
Dữ khách tiểu ngôn phong nguyệt sự .....	441
Dương xuân thuỷ ái phi anh vũ .....	598

**D**

Đa cảm giai tàn lai tế điện .....	579
Đa thiểu nhân thống điệu tư nhân nan tái đặc .....	627
Đa tường sinh tài đạo .....	445
Đãi hoạ tiểu my miêu bút ý .....	591
Đại danh đinh đinh thượng đảng công .....	505
Đại hoa chi thời vị thụ khổ .....	429
Đại khởi văn chương, bách thành phủ hữu .....	486
Đại nhã văn vong, lục thủy thanh sơn, thủy tác chù .....	654
Đại nhã văn vong lưỡng mộc đoạn .....	582
Đại nhã văn vong, lưu thuỷ thanh sơn tự di chí .....	572
Đại tuyết ánh liêm huy huyết án .....	558
Đại xuân thuỷ ấp thiên thu lô .....	488
Đàm tiểu nhǎn trung vò cổ cựu .....	494
Đan quế hương hàm phiêu tú các .....	549
Đan quế hương phiêu kim ốc thuỷ .....	605
Đan tâm chiêu nhật nguyệt .....	565
Đan thanh lạc chỉ hoá xuân sắc .....	534
Đan chỉ bất văn hoa vũ lạc .....	660
Đan giao thần nhập toa .....	468
Đan nguyên nhân giai kiện .....	443
Đan nguyên thế gian nhân ích kiện .....	472
Đào hoa dĩ phát tam thiền lăng .....	488

Đào hoa kết tử tam thiên tuế	493
Đào hoa lưu thuỷ diễu nhiên khứ	566
Đào lý điêu lưỡng sư tòng kim báu phục văn giáo hồi	584
Đào thực Dao Trì tam thiên tuế nguyệt	626
Đào thực tam thiên tôn khai Bắc hải	495
Đào lai tận thị đán quan khách	469
Đáo thủ thả yết túc	474
Đắc cù bất lao song ngoại khách	593
Đắc hảo hữu lai như đổi nguyệt	518
Đắc tương du ung sở hỷ cơ cứu phỉ chấn	689
Đặng cao phú tựu vu quy cù	552
Đầu thất càn khôn đại	544
Để ngạnh bang nhu lực địch thiến cầu hà cu thái	463
Địa cửu thiên trường môn hữu hỷ	512
Địa vò hàn xá xuân thường tại	512
Điểm hảo thiên gia tụng	479
Điểm ngạch tàn mai hương tú các	554
Điện định thiên thu nghiệp	547
Điện nǎo nghiêm quang trắc nhân gian tụu khả tri quân để tế	502
Điệp nhiễu phong vi hồn dục tuy	464
Điệp phấn hương mê bạch	464
Điệp phấn mê hương phiên phiên nhập mộng	465
Điều hướng chỉ đầu thời búi vân	534
Điều minh thiên hô trúc	516
Điều ngữ hoa hương xuân nhất bức thiền nhiên hoạ	642
Điều nhập cát lâm đa phúc thuy	430
Điều niêm hỷ hiệp minh kinh tuyển	693
Định niêm thống nhập hoàng tuyển lộ	650
Định gai lưỡng lưỡng yêu loan vũ	563
Định thước thanh trung trình bách bích	622
Định tiền nguyệt sắc thanh như hứa	511
Định tiền thụy phát hoa thành cầm	517
Đoan nguyệt lưỡng nam hài phượng hưu	629
Độ hoa triều thích phùng hoa chúc	596
Đỗ thư tự sở hảo	538
Độc hạc do kinh thảm dạ tuyết	659
Độc hạc sáu bì song phương quán	648
Độc sử thường hoài kinh thế lược	443
Độc thư chân phúc lạc	536
Độc vận tương tâm, hoa đang ban ban nhàn mân ý	459
Đối kính lược mẩn nghi lè thuẫn	462
Đối vận cầu công tàng quốc tuý	532

Đông hậu khà phong, thực vi tiền bối biểu xuất.....	571
Đông cầu tây tiêu điều đa bổ thiểu.....	450
Đông lệnh như xuân giang sơn thổ tú.....	516
Đông nhật kè song hàn kết bạn.....	561
Đông phong nhập hộ .....	643
Đông tây nam bắc khách.....	474
Đông vò tây hữu thông vò hữu.....	448
Đông chí liệm trưởng tướng đan phượng.....	549
Đông mộc phùng xuân song dẫn phượng.....	563
Đồng quân điệp cáo ai, quân chi thê khứ .....	661
Đồng tâm đồng đức mỹ mãn phu phụ .....	642
Đồng tâm sinh sản hảo.....	634
Đồng tâm tối tương thân ức bách phái .....	628
Đồng khởi tường vân liên bắc đầu.....	506
Đông phòng kính lý khoa song mỹ .....	617
Đức hợp vô cương niên du cửu trại.....	677
Đức phạm khâm khâm duy kỳ Thái sơn thường âm tế.....	583
Đức trọng như sơn cao ngưỡng Thái sơn vĩnh thọ;.....	492
Đường hạ giai nhí hoan hợp cẩn.....	695
Đường bắc huyên hoa vinh cửu trát.....	676
Đường bắc huyên hoa vinh trú cầm.....	633
Đường lệ lể khai thiên tài hảo.....	609
Đường ngưng thuỷ khí vân truy nguyệt.....	513
Đường sán huyên hoa vinh hạc toán.....	682
Đường Sán trường canh Trung thương thọ .....	633
Đường thương huyên hoa vinh trú cầm.....	682
Đường tiền tấu địch nghinh tân khách .....	638
Đường tiền thái kết nghi nam thảo .....	689

## G

Gia chủng cát tường thảo.....	507
Gia cư lục thuỷ thanh sơn bạn.....	512
Gia cư quang thiên hoá nhật hạ.....	511
Gia danh xứng bác sĩ.....	503
Gia học hữu uyên nguyên khán quẽ tử vọng .....	632
Gia hướng trở cách ván thiên lý.....	588
Gia hữu tang thư mặc trang hương viễn.....	521
Gia huy tổng vô y, khanh tòng thủ khử đầm liễu hĩ .....	649
Gia lai tuy vạn quán nhất đán tao tai bần như tẩy.....	497
Gia trung tảo nhuưỡng thiên niên túu.....	614
Gia hạc cửu tiêu hoài tố lý .....	655
Gia thượng thi thư vô hạ nhật .....	517

Giai tiếu đề trung chân diện mục.	440
Giai hạ hoa khai hoa ánh chúc.	597
Giai khan vò nhục khả.	482
Giai ngẫu bách niên hảo hợp	636
Giai nhị giai phu liên giai khí.	695
Giai ngữ hoa tiên tư hiến sách.	692
Giang hà đại địa tồn trung cốt.	577
Giang sơn lụ tú quy tàn vũ.	509
Giáng huyền cao niên khâm kính tiết.	678
Giao dĩ đạo tiếp dĩ lễ tiểu doanh doanh nghinh	503
Giao lưu hội thượng hoa như cầm.	450
Giáo dục thảm án chung thàn cảm đái	631
Giáp tý trùng tân tân giáp tý.	610
Giới lộ hưng ca hình vĩnh cách	647

## H

Hà ài đào thương phù ngọc dịch.	678
Hà tri nhất mộng phi hồ - điệp.	573
Hà tri nhất mộng phi hồ điệp.	653
Hà tu đản lý tâm doanh dưỡng.	497
Hạc giá nan hồi, chung cánh vân sơn già vạn lý.	574
Hạc ngư giao dài thu nguyệt lanh.	656
Hải ngẫu bách niên kỳ quẽ thực.	594
Hải ốc thiền trú, kim đan tiên Nam sơn chí chúc.	684
Hải ốc trú thiêm cổ lai hy giả, kim lai thịnh;	492
Hải ốc trú thiêm huyền thảo tú.	681
Hải ốc trú thiêm xuân bàn bách.	610
Hải thương côn băng tam vạn lý.	488
Hạm đậm chỉ liên hải tú mặc.	602
Hạm ngoại hồng mai cạnh phóng.	636
Hàn măc đồ thư giải thành phong thái.	486
Hán thấp hồng trang hoa đới lộ.	596
Hàn y uất xuất xuân phong noãn.	458
Hanh phùng dương nguyệt thán hồng án.	556
Hảo bả thiêm cung phan quế thủ.	548
Hảo hoa tử thời minh nguyệt thiên cổ.	522
Hảo hợp cù trung liên hảo hữu.	552
Hảo sơn nhập loạ thanh như tẩy.	518
Hì kiến hồng mai phóng.	635
Hiểu nhật đăng vân lài nguyên thập tự tuyển trung thuỷ.	453
Hình đơn ảnh chích kinh tam thế.	658
Hình tiết nan di phương thiết thạch.	658

Hoa biểu hạc qui lưu tố ành;	660
Hoa chúc giao tâm hổ miên chí.	639
Hoa chúc quang liên huyền thọ chúc.	683
Hoa chúc sinh quang thái.	586
Hoa đường hỷ đổi sơn hà tú.	512
Hoa đường kiến tựu lục thân lực.	515
Hoa đường nhập vân giang sơn thiêm nhất cảnh.	535
Hoa đường nhật noǎn triêu minh phượng.	698
Hoa đường sđ vịnh thư lân diện.	697
Hoa đường thái kết quan loan vũ.	624
Hoa đường thủy mạc xuân phong chí.	621
Hoa đường tửu tiến hương lưu cúc.	677
Hoa gian chước tửu yêu minh nguyệt.	530
Hoa giáp phùng xuân tửu ánh thanh khâm xuân cộng túy.	490
Hoa giáp sđ chu mâu như tùng bách.	611
Hoa khai liên ý miêu tân dạng.	697
Hoa khai phú quý nhán khai nhǎn.	507
Hoa kính bất tăng duyên khách tảo.	523
Hoa lạc huyên vi xuân khứ tảo.	644
Hoa minh sinh hỷ khí.	543
Hoa mộc thanh hương đình viện thuý.	528
Hoa nguyệt tân trang nghi học liêu.	596
Hoa phóng hạnh lâm từ khí huyết.	473
Hoa tảo lâu bài song cẩn iều.	563
Hoa tâm khởi mạc vụng.	524
Hoa thiểu hứa tiền quản mạc tích.	431
Hoa triêu nhật noǎn thanh loan vũ.	596
Hoa triêu xuân sắc quang hoa chúc.	597
Hoa tuý ngọc chỉ thiêm xuân sắc.	458
Hoa xuân nhập thất xuân phong ái.	511
Hoá hảo dự thiên gia bất quý thành trung thủ lợi.	455
Hoá hảo môn như thi.	447
Hoá hữu cấp thời nhu hữu lược tự nhiên vô hạn.	453
Hoá vật nhậm khiêu tuyển.	447
Hoá vật tề toàn tuyển khiêu bất yếm.	450
Hoa ấn thi thư ngộ viền chí.	437
Hoa mì chung ái liên hoa phẩm.	587
Hoa mì hảo tá đề cao bút.	553
Hoa my bất thị phong lưu thiển.	562
Hoàn vũ khánh thăng bình tập tứ hải anh hiền đàm tâm trường sở.	499
Hoǎng đǒ đại triển hưng long trạch.	510
Học đáo tri phi hoǎng môn thọ vực.	489

Học ngữ xuân oanh chuyển.	537
Hộ ánh tam tinh tú mạc cẩm bình xuân sắc mǎn.	586
Hồ hải khâm kỳ chán hạo dāng.	589
Hồ huyền cộng khánh trường xuân túu.	680
Hồ kính hồ ái hồ tương học tập.	641
Hồ kính, hồ bang sáng đại nghiệp.	638
Hỗn tể hữu và nhu mâu dịch.	449
Hội khâm chiến mã Nam toàn, diễn cứu lỗ.	664
Hòn đế tự do, bỏ tục xưa.	640
Hồn quy thiên thượng phong vân thảm.	568
Hồng diệp đề thi Iruyển hâu ý.	639
Hồng diệp lưu câu lai hảo cú.	623
Hồng diệp tân sinh xuân trường noǎn.	604
Hồng lâu liên bộ thời văn bộ.	593
Hồng nhạn viễn khứ gai nhân đại địa xuân noǎn.	477
Hồng nhật sái huy lâm cát trạch.	508
Hồng vũ hoa thôn uyên tĩnh ý.	599
Hồng tường Ngân Hán đồ nan việt.	649
Hợp thiên thời tường văn liên hoa đồng.	515
Huân khoá loan vi bì nhập mộng.	686
Huân tâm chỉ giác nùng vu túu.	483
Huân tẩu kiều môn thanh diệp lộc minh khoa bạt tuy.	686
Huân tẩu ưng tri ca phượng khởi.	685
Huân tòng tú mạc ca loan vũ.	687
Húc nhật động thăng làm đai hạ.	512
Huệ châi lan tư qui lăng uyển.	655
Hung trung tồn chước kiến.	485
Hùng phong hách hách thiền thụ tụng.	579
Huyên hoa kỵ vẫn sơn hà ảm.	645
Huyên tạ bắc đường hàn vụ toà.	644
Huyên thảo diệt linh thiêm tú sắc.	616
Huyên thảo hàm phương thiền tuế diêm.	626
Huyên thảo hương diêu xuâri nhật mò.	645
Huyên thảo phu vinh thọ diên bát trát.	617
Huyên thảo thương tư tiên chưởng lô.	682
Huyên thảo trường ngung cần tảo lục.	681
Huyên thảo trường vinh, thập phần tú sắc hoè đường lè.	683
Huyên vinh bắc địa niên hy thiểu.	614
Huyên vinh trú cẩm liên đào bích.	683
Huyên hoàng vị định, như thủ thế tu tài.	672
Huyên tương liễu nhật nguyệt.	485
Hư tâm nguyên cự xung phong lực.	436

Hữu từ khách lộ tam thiên viễn.....	612
Hương khai mai ánh nguyệt.....	542
Hương mộng bất tuỳ xuân da vĩnh.....	475
Hương phân hoa thượng lộ.....	481
Hương tổng xuân phong linh ngã tuý.....	465
Hương dương đinh viên phong quang hào.....	509
Hữu chí phát thành, anh hùng dũng hổ.....	673
Hữu danh điểm điểm hữu danh danh dương tử hải.....	478
Hữu dí sát hữu dí cảm mai hoa hương độ đào hoa noǎn.....	587
Hữu đạo kinh doanh hoà lược ngũ hổ tú hải.....	454
Hữu quan chán tú khí.....	462
Hữu thanh hoạ phổ miêu nhân vật.....	440
Hỷ đãi đồng tây nam bắc khách.....	451
Hỷ hướng viên kiều thư thái bộ.....	684
Hỷ hữu hoà phong trú.....	540
Hỷ ngã từ chương vô tục vận.....	531
Hỷ nghinh cố khách phẩm giai soạn.....	478
Hỷ sự nghiệp hưng long vu dân đặc lợi.....	484
Hỷ tập bát phương hoá.....	445
Hỷ trị tam thu trấn tiểu lịch.....	696

## K

Kê minh cảnh khởi tam thư da.....	553
Kết duyên ngũ bách niên khổng tước bình trung khởi thủ tuyển.....	563
Khách khứ trà cam lưu thiết bản.....	535
Khách lai hoa giục tiểu.....	542
Khán khứ trách nhiệm vong bạch tuyết.....	463
Khắc khắc thôi nhẫn tư cảnh tình.....	484
Khè thanh lai chẩm thường.....	544
Khinh hoàng đậm lục tể sinh sắc.....	460
Khoá hạc cò sơn, tam thập tài mai hoa nhái mộng.....	574
Khoá phượng nguyên vĩ phan tuế khách.....	591
Khoái dỗ da quan tôn tiểu mạnh.....	629
Khổ tâm cầu diệu thuật.....	443
Khốc linh làm dục toái.....	565
Khốc nhĩ làm niên phát bạch.....	649
Khốc thử tiêu kim kim ốc kiến.....	603
Khôi phi hà quản tranh hải phương.....	557
Không lương nguyệt lãnh nhân thiên cổ.....	567
Khởi chỉ dương xuân hàn bạch tuyết.....	441
Khúc lê tam thiên long mạc nhạn.....	618
Khuyến quân cánh tân nhất bối lửu.....	480

Khuynh hồ dãi khách hoa khai hậu.....	518
Khứ niên bệnh nhập hoàng tuyền lộ.....	583
Khuu hác túc yên hà cửu thập niên lai vị đại lão;.....	495
Kiến quân chi khứ bất kiến quân chi hoàn,.....	665
Kiên bút xuân sơn thí.....	586
Kiều biến truy khứ lưu hầu thủ.....	463
Kiều mộc trù thiêm doanh hải ốc.....	680
Kiều thiền hỷ thiền địa nhân cộng hỷ.....	516
Kim châm kham độ thế.....	457
Kim châm phượng vũ.....	458
Kim cốc viên trung la cầm tú.....	437
Kim cúc thụy trình kim ốc nữ.....	551
Kim kê vị xướng thuỷ tiên phí.....	482
Kim kết đồng tâm bách tuế phượng loan lương sải ngẫu.....	587
Kim lương xán xán quang huy nhát.....	507
Kim nhãm cổ phanh niêm lai ngũ vị điêu ký vị.....	479
Kim nhàn năng vị cổ nhân khúc.....	438
Kim nhật chính phùng huyền thảo tho.....	634
Kim nhật linh mai kim phượng hữu.....	556
Kim ốc bình khai hận trung tước.....	690
Kim ốc huy hoàng nhiều ngũ thái.....	631
Kim ốc nhân gian thi liên nhị mỹ.....	604
Kim quế sinh huy lão ịch kiệu.....	612
Kim tiền tài thành đan phượng vũ.....	458
Kim xuyết ly hoa tràm lá sắc.....	550
Kinh doanh hữu thuật bắt tại điểm đường đại dữ tiểu.....	453
Kinh thương tin nghĩa kiên như thiết.....	451
Kinh hiến mãn thương chiêm Bắc đầu;.....	490
Ký hoa thái kết kim môn hiểu.....	685
Ký hoàng sự nghiệp.....	442
Ký liên thi cú truyền kiều ngữ.....	592
Ký ngưỡng ưng trì đăng phượng khởi.....	645
Ký thảm nhị đậu sưu la phú.....	486
Ký thọ cực tình chiêm thượng tho <sup>1</sup> ;.....	490
Ký thọ cực tình chiêm thượng tho;.....	489
Ký thượng giang hồ thư nhất quyển.....	527
Ký tình vân sinh nghiên.....	537
 <b>L</b>	
Lai khan tuyệt diêu hoa.....	536
Lai liệu gia công tuy thời phượng tiên.....	462
Lam điển tăng chủng ngọc.....	635

Lam kiều bộ thương vân trình nguyệt .....	700
Lan thất thư hương thành hảo hữu .....	554
Lãnh lược già hương phong vị .....	500
Lãnh noãn tuỳ nhàn ý .....	456
Lão đương ích tráng hùng tâm vĩ dĩ .....	607
Lão lệ vô đa khốc tri kỷ .....	574
Lạp tận kê song thiêm nhất hữu .....	562
Lăng kính ảnh cõi tai, thảm thính thu phong xuy lạc diệp .....	649
Lăng vân kỳ khí tri tài tử .....	590
Lâm lưỡng mãn mục hoá .....	446
Lâm thâm lý bạc ngôn do tại .....	646
Lễ khiêm nghi mậu vô luận đông nam tây bắc .....	451
Lễ mạo dãi khách .....	505
Lệ ấp ngọc lan ngưng tú các .....	551
Lê hoả kè thanh vũ bất da .....	590
Liên hoa ành nhập thuỷ linh kính .....	600
Liên lý chi đầu đằng phượng vũ .....	690
Liên nhuỵ sinh hương hữu tử tâm trung vò hạn khổ .....	584
Liên trì đặc tung trường sinh diệp .....	681
Liêu ám hoa minh xuân chính bản .....	639
Liêu sắc ánh mi trang kính hiếu .....	599
Liểu liểu song thân vô phục kiến .....	645
Linh hoạt kinh doanh tài nguyên mậu thịnh .....	450
Linh thượng Mai hoa báo hỉ tin .....	633
Loan phản tháp tài vân trung vũ .....	659
Loan phượng hòa minh cầm sắt lạc .....	698
Loan phượng hòa minh xương bách thế .....	620
Long điền chủng ngọc duyên hà thiền .....	648
Lũ kết đồng tâm sơn hải cổ .....	622
Luật chuyển nhất dương linh thương mai hoa thư ngọc bạch .....	560
Lục liễu di âm xuân trưởng noãn .....	598
Lục thủy thanh sơn trưởng tổng nguyệt .....	651
Lục xuất đồ liên song bích hợp .....	558
Lương duyên hỷ ngộ hoà minh nhật .....	560
Lương nguyệt tà thê thanh hoàn thiết khu thành thính bội thảm .....	582
Lương nhật lương thời lương ngẫu .....	636
Lương thao mỹ đức thiêng thu tại .....	568
Lưỡng hưu viễn lai dị thư tân đắc .....	522
Lưu cúc hảo trang kim ốc dạ .....	697
Lưu Linh tá vấn thùy gia hảo .....	480
Lưu thủy hành vân đàm bối diệp .....	659
Lưu thuỷ lịch dương thiên cổ hận .....	573

Lý Bạch hoàn ngôn thử xứ giai,	480
--------------------------------	-----

## M

Mã lè dĩ lu công phu thuần thực.....	471
Mặc bà hàn cung phản quế thủ.....	548
Mặc ngôn thân thị ký.....	474
Mai diên trang đài hoa giải ngũ.....	589
Mai hoa phú tựu vi nguyên xướng.....	554
Mai hương nhập mộng.....	543
Mai thổ ngọc dung hàm hiếu ý.....	576
Mai triều xuân quang lan khiển hạ.....	517
Mai vũ ván chu liên hảo hữu.....	601
Man túng giang bút vi trương bút.....	590
Mân uyển hoà miêu thương hoá vũ.....	547
Mặc lâng nghĩ tòng đào lâng noàn.....	630
Mặc nghiên thanh lộ nguyệt.....	541
Mặc trì yên ái hoa gian lộ.....	533
Mặc tuý hoa hương động.....	524
Mặc túu thiên kiều hồng tác cú.....	593
Mì gian sàng khí vô duyên kiền.....	547
Minh hoa pháo thanh thanh đạo hỷ.....	507
Minh kinh bút tà xuân sơn mỹ.....	692
Minh kinh hỷ thí miêu mi bút.....	692
Minh nguyệt bất trường viễn, quá liễu trung thư chung thị khuyệt.....	572
Minh nguyệt kham trì tăng.....	434
Minh nguyệt làm ca phiến.....	439
Minh nguyệt nhất luân mãn.....	546
Minh nguyệt sơn đầu tư cỏ đạo.....	654
Minh nguyệt thanh phong khai lâng vận.....	519
Môn đinh đà phúc.....	545
Môn đổi hảo sơn duy chủng trúc.....	521
Môn nghinh hiếu nhật tài nguyên quảng.....	447
Môn nghinh xuân hạ thư đồng phúc.....	510
Môn thi bất thuyết ưng thời hoá.....	449
Môn thi tiểu nghinh viễn cản khách.....	449
Mộng bất tỉnh lai, dã hạc không bi hoa biểu nguyệt.....	661
Mộng bút hiền tự thiêm nhất hữu.....	628
Mộng du hồ diệp phi song ảnh.....	645
Mỹ đức kham xưng ngô bài diễn phạm.....	570
Mỹ hoán luân tường khai dịch diệp.....	564
Mỹ hoán mỹ luân hạ lai yến tước.....	631
Mỹ phú văn chương văn chung hà uý.....	457

Mỹ tha thì chí phù hoàng khẩu .....	658
Mỹ túu doanh tôn gia khách tuy .....	514

## N

Nãi vũ nãi văn nãi thọ .....	606
Nam cực huy trầm không thái túc .....	650
Nam cực tang hô huyền cùu nhất; .....	494
Nam hôn nữ giá .....	643
Nam nữ chính hòn nhán thời, khai ngũ luân chi đê nhất .....	587
Nam quốc phú đào yêu doãn hỷ, nghi già nghi thái .....	586
Nam thiêm trang trọng nữ tăng tiếu .....	459
Nam tôn nữ nữ tôn nam nam bang nữ trợ .....	642
Nan đê nan huynhdanh tiêu bích chiếu .....	686
Năng lệnh công hỷ năng linh công nộ .....	440
Năng vu tế xứ cầu tinh xác .....	466
Ngã dĩ công dư tuấn tật khổ .....	444
Nga my hảo thí sinh hoa bút .....	689
Ngải tảo tam niên súc .....	472
Ngâm thành bất giác dã hoa ngữ .....	528
Ngàn chúc quang phù nguyên dạ nguyệt .....	595
Ngân tinh vị xuất tiến đầu túc .....	476
Ngân tràm độ xứ công phu mật .....	459
Ngật thò trà đậm phạt an lộ đương xa vô tai túc phúc; .....	498
Nghĩ huyệt hội đê thổ tiệm phòng vi nghi sấn tảo .....	432
Nghi nam thảo phát liên khoa lục .....	699
Nghi quốc nghi gia tân phụ nữ .....	640
Nghinh lai xuân hạ thu đông khách .....	476
Ngô chẩm thính nhỉ ngâm hảo cú .....	521
Ngô dạ phương lan huy thái mộng .....	551
Ngoà nhạc trưng lai ngàn hữu ảnh .....	433
Ngoà hồ thuỷ phi yêu thanh khách .....	499
Ngọc chất kim trang thừa tướng lược .....	627
Ngọc chủng lam diền hoan giải phương lữ .....	549
Ngọc chủng lan diền hùng nhập mộng .....	553
Ngọc đương ánh thư sắc .....	508
Ngọc lâu thiên bán sinh ca khởi .....	439
Ngọc mai kiều ánh thanh loan vũ .....	558
Ngọc nhàn tảo hướng thư trung đắc .....	591
Ngọc quán thanh trung suy quế khách .....	557
Ngọc thu kỳ hoa hướng lác cầm .....	513
Ngọc tiết ngưng thành đậm bất yếm .....	433
Ngọc vũ tiên thanh sơn tự hoa .....	514

Ngọc vũ trừng thanh huy ngọc kính.	604
Ngô diệc thậm nan tai! Kháng khai tiên dĩ phò mã tử;	661
Ngũ châu tin tức linh thông phong trì điện xiết.	451
Ngũ kinh kiên thông, hưu thử tài nghi hưu thử ngộ:	496
Ngũ phúc chính nghi khai thọ vực;	493
Ngũ thập hoa điện khai Bắc hải.	610
Ngũ vị phanh điều hương vạn lý.	478
Nguyên thổ xuân thảm, tích linh âm đoạn vân thiên lý.	647
Nguyên từ mẫu thiên niên bất lão.	633
Nguyệt ánh châu liêm hàn cẩn hợp.	622
Nguyệt ánh song tiền linh.	543
Nguyệt chiếu bích động song phượng thái.	624
Nguyệt é quế hoa điện thất trật.	614
Nguyệt hạ thái nga lai khóa phượng.	621
Nguyệt làm xuân thụ hồn vô ảnh.	653
Nguyệt mản quế hoa điện thất lý.	612
Nguyệt tắm nhắt liêm hoa ánh sầu.	521
Nguyệt tương thiên thượng vân hà sắc.	460
Nguyệt ứng hoa triều chúc hoa hiến thái.	598
Nguyệt viên hoa hảo.	643
Ngữ tự xuân phong suy noãn tú phượng bát điện.	452
Nhã cầm phi bách tuyết.	537
Nhã ngôn bất tại thi văn ngoại.	534
Nhạc tấu hèm chung hài phượng lữ.	602
Nhạc tấu hoàng chung hài phượng lữ.	599
Nhạc tấu vân ngao ca bách tuế.	627
Nhàn niêm cổ thiếp tâm tri tà.	533
Nhân quan lục lò phân tích thị trường biến hoá.	452
Nhàn sưu diệu cú thư hồng diệp.	536
Nhàn tài tiêu diệp để Đường cú.	529
Nhân trận sương hàn bi chiết dục.	647
Nhàn xứ huề thư hoa hạ độc.	533
Nhâm thí bàng đà chí đại đạo.	435
Nhân cư bách xích tùng la thương.	533
Nhân gian cầm tú nhiều kim ốc.	619
Nhân gian vị loại thanh vân chí.	570
Nhân kỳ vật dược hữu hỷ.	472
Nhân phong xuân nhai húc.	506
Nhân thu đồng hàn phi ngã nguyên.	461
Nhân yếu y trang kinh hồng trang tố lý tiên phong thần dịch dịch.	503
Nhập cổng thư phượng ngôi tinh tri lan giài hán nạp phụ.	689
Nhất cảm linh xuân vinh trú cầm.	680

Nhật chiếu tân cư thiêm cầm tú.....	511
Nhật điểm công tâm bình tự thuỷ .....	450
Nhật định hoa phát lai tri kỷ .....	520
Nhật gia hoan lạc khánh trưởng thọ .....	611
Nhật khúc dương xuân ca tú các .....	619
Nhật lâu phong nguyệt dương cam ấm .....	480
Nhật luân minh nguyệt .....	535
Nhật mòn hỉ khánh tam xuân noãn .....	636
Nhật phiến thái hà nghinh húc nhật .....	509
Nhật sắc hạnh hoa hương thập lý .....	621
Nhật sinh hành hảo sự .....	564
Nhật sinh thụ mỹ đức .....	565
Nhật tháp án hương huân tuý mộng .....	481
Nhật thế tân cần lao động .....	566
Nhật thế tinh thần quy thạch biếu .....	567
Nhật thốn bổ nhát thốn ty vâl tận kỳ dụng .....	458
Nhật triều hỉ kết thiên niên lữ .....	636
Nhật xoang nhiệt huyết cánh phó Đông lưu .....	671
Nhật lê tân cư noãn .....	545
Nhật noãn uyên ương y cầm thuỷ .....	599
Nhật tương tịch hỷ quán nghi trú .....	476
Nhị thập tứ thời bằng ngã báo .....	466
Nhi tinh liền hôn thành đại lễ .....	637
Nhiếp thành song bích ảnh .....	635
Như dụng chi giai đăng minh dā .....	485
Như mai hoa đĩnh tú .....	606
Niên cao hỷ khán hoa thiên thụ .....	607
Niên chu hoa giáp vinh dao đảo .....	633
Niên hưởng cao linh xuân huyền tịnh mậu .....	609
Niên niên nguyệt nguyệt cẩn cẩn kiêm .....	467
Niên niên phòng nguyệt nguyệt .....	497
Niên quá thái tuần xung kiên phụ .....	612
Niên thiếu ức đồng du, .....	668
Ninh dī thiên kim vu bảo hiểm .....	431
Nô đảo sơn hà, tam xích kiềm .....	672
Nô mạ liễu đê giai học vấn .....	439
Nùng đậm tuỳ nhân trước .....	464
Nữ tinh trâm bảo vụ .....	575
Nữ tông mị y thống thâm thích lý .....	657
Nữ tuệ tam tài nguyên thị đối .....	638

O

Oanh ngữ hoà giải xuân phong trưởng hoãn .....	599
Oanh quâ trùng mòn lưu hảo ngữ .....	510
Oanh thiên kim cúc hiếu .....	506

**P**

Phà cựu lục hòn sự giàn biến .....	639
Phác tố đại phương tàn trách đê .....	515
Phách án kinh ki khiên hồn phách .....	441
Phán chiếu phong lưu suy cát sỹ .....	691
Phan nhiệt thái hương xuân mǎn điểm .....	477
Phanh điều thiện thực vật mỹ giá tiêm vị đạo hảo .....	479
Pháp thủ lan đình tồn khí vận .....	530
Phấn trác hồng trang phong cơ sinh sắc .....	465
Phi sáu đoán trường giải hữu đô .....	461
Phi tòng triều mộ quan thời khắc .....	484
Phiến chỉ năng kiến thiên hạ lý .....	526
Phiêu hương suy quế tử hỉ viễn kiều đặc lộ vạn lí cửu tiêu ưng ty đực .....	626
Phổ tể hữu nhân tâm nguyện chư quân bình khang vô trọng .....	478
Phong định đại nhân ta dĩ hĩ .....	582
Phong định trưng nhân ta dĩ hĩ .....	650
Phong nguyệt hữu tình thường tự cựu .....	527
Phong phú văn hoá sinh hoạt .....	437
Phong quá lâm không hoa mǎn địa .....	660
Phong thanh dương liều mộng .....	541
Phong thổ ty luân thành ngũ sắc .....	456
Phong tổng cần hương phiên nghệ uyển .....	629
Phòng trưng nhã tấu đồng tâm khúc .....	518
Phong vân tam xích kiềm .....	540
Phù dung tân điểm lăng hoa chúc .....	597
Phù dung trường lý hương phong độ .....	699
Phu hoạt chí ngưng thuỷ lưu hương nhí .....	465
Phú nghị gia thất xuân phong tảo .....	623
Phù sinh hà túc bì, khà liên quốc nạn gia cứu .....	670
Phúc như đóng hải trường lưu thuỷ .....	606
Phục vụ nhân dân đa cung ứng .....	449
Phục vụ nhân dân nam bắc hoà nhiệm quân khiêu tuyển .....	454
Phùng lấp mai trang xuân độc tảo .....	562
Phùng nhân giải thể diện .....	468
Phùng nhân lâm diệu cú .....	541
Phụng khuyên nhật liền hữu tích phí .....	431
Phương danh thử nhật đăng thiền phủ .....	693
Phượng hoàng minh ihụy thế .....	635

Phượng hướng quảng cung thập tảo thái.....	630
Phượng khúc nghinh phong ngâm liễu lục.....	598
Phượng tượng liên nhất khí vi địa cầu.....	671
Phượng bốc dĩ thù vương phụ nguyên.....	697
Phượng các loan vi tịnh diệu huy đế diệp .....	632
Phượng cầu Hoàng bách niên lạc sự.....	639
Phượng hoàng chi thương hoa như cầm.....	609
Phượng hoàng vu phi diệc lập viên chỉ.....	588

## Q

Quái kiếm nhược vi tình, hoàng cúc hoa khai nhàn khứ hậu .....	654
Quan mai sơ phóng tân trang lè.....	557
Quan mai sơ phóng thanh loan vũ .....	559
Quán nội giải xuân sắc.....	468
Quan thư phú tựu hồi văn cầm.....	589
Quán nội nhân lai tự nam bắc đông tây các .....	498
Quang huy cửu thiên năng đoạt nguyệt.....	436
Quang minh tâm địa hăng tăng thọ.....	607
Quảng thông tài lộ.....	500
Quân khởi kỳ hư sinh tác hi ư thế da .....	666
Quân tử đậm giao thiên tham ngọc bản.....	433
Quân tử nhất sinh tâm khả bạch .....	672
Quân điểu trường ca, ca nhì thuần.....	611
Quế hoa khai thời hương vân thành hải.....	523
Quế hương thanh viên lạc .....	541
Quế nhụy phiêu hương doanh nghệ uyển.....	687
Quế tử đăng long khoa bại tuy.....	687
Quế tử đế danh đăng phượng cát.....	687
Quế tử đế danh tảo lăng bích thủy chấn .....	688
Quế tử thu hương hàn hành điện nhạn .....	550
Quốc tăng tài phú điểm tăng hoá .....	448
Quốc thái dân an Thái Hành xuân tảo tụng trường trị .....	432
Quốc vận hung long, thiên gia vạn hộ lụng an thuận.....	432
Quý khách thường doanh toạ .....	542
Quy luật nan vi, cổ thuỷ năng thiên niên thọ.....	572
Quy tam bách lục tuần vu chưởng ác .....	484
Quỳnh lâu nguyệt giáo nhân như ngọc .....	622
Quỳnh lâu nguyệt hạo nhân như ngọc .....	637
Quỳnh tiêu hưởng tịch tam thiên giới .....	655

## S

San hô song lý cảm khôn đại.....	625
Sạn khúc hữu vân giải hiến thụy .....	476

Sáng nhàn gian đầu đăng sự nghiệp	470
Sảng mục thi thư hoa	539
Sát cặp thu hào như chúc chiếu	502
Sâu hè trúc lâm ban	646
Sinh suy dạ nguyệt vô song vận	697
Sinh tiền trung tiết lỵ tùng lăng sương tuyết	571
Sinh ý hung long thông tứ hải	447
Song khai thiên lý nguyệt	542
Song ngọc sơ hài cầm sắt diệu	699
Song tiền thào sắc xàm ngàm tịch	520
Số can tu trúc tam gian ốc	519
Sơ phục đắc duyên ngàm bạch tuyết	558
Sơ phục hữu kè song, uyển hài phượng ngẫu	559
Sở ngôn giai dược thạch	472
Sơn ai thuỷ khóc bi trường thụy	566
Sơn hoàn thuỷ bão phong quang mỹ	514
Sơn hoàn thuỷ nhiễu	546
Sơn kính trích hoa xuân nhuồng tủn	481
Sơn xuyên giai sắc trùng huyền kinh	527
Suy song quan nhật nguyệt	525
Suy tàn ngọc thụ tam cảnh vũ	652
Suy tiêu đài thương mai cảnh diệu	557
Suy tiêu kham dẫn phượng	585
Sự dữ nhân tiện nhân xưng tiện	448
Sự nghiệp dĩ qui tiên bối lục	566
Sự nghiệp tòng tâm cộng khôi nguyên lão	491
Sướng thông cử đạo	444
Sỹ hành đoan nghi lân nhĩ mục	470

## T

Tá ngã sinh vô bổ ư thời, hải ngoại ký tàn khu	667
Tá ta hứa đại sơn hà, Trung Vương bắt tá	667
Tá hư sự chỉ điểm thực sự	439
Tác phụ tu tri cần kiệm hào	641
Tài cao Anh Vũ phú	634
Tái nguyên nhược hải	504
Tài như hiểu nhật đăng vân khải	447
Tái dạ chúc hoa khai hảo dạ	628
Tam dương nhật chiếu bình an trách	510
Tam kính hàn tùng hàn lộ khấp	568
Tam nguyệt vũ thôi xuân thư lão	653
Tam thiện chu lý tuỳ Nam cực	491

Tam thiên lué nghiệp xuân trường tại.....	611
Tam thốn thiệt đàm cổ luận kim hoạt linh hoạt hiện.....	442
Tam xích cự đài truyền hoãn ý.....	449
Tàng cổ kim học thuật khôi bảo.....	485
Tàng cổ kim học thuật.....	502
Tảo tháp phi yên kinh hoá hạc.....	576
Tảo tri thiên hạ vò song sỹ.....	691
Tạo thiếu niên quốc, tiên tao thiếu niên nhân.....	664
Tâm bất năng vì ch ai, nhất mộng thái thê lương.....	665
Tâm nhân phụ thê tâm lưu huyết.....	580
Tâm khí như tâm bệnh.....	443
Tân hạ lạc thành tăng tú khí.....	508
Tân hồn cúc lửu tam thu yến.....	552
Tân óc tạo tựa thiên ban hỷ.....	509
Tân trang mai điểm ngạch.....	585
Tân viên tản phòng tân khí tượng.....	513
Tân vịnh tuyết phi phùng phục nguyệt.....	559
Tân niên thiện huân thường linh, hà dĩ báo dã.....	571
Tập thiểu thành đa tiết ước vi bản.....	487
Tất hạ danh hòn song tế mỹ.....	688
Tây trì giá dĩ quy vương mẫu.....	576
Tế liêu doanh trung thân thực nữ.....	627
Tế lý ô ty dung quang tầng kỷ hứa.....	471
Tế ngũ nhu ngôn tình uyển tai.....	577
Tế ngũ tiểu nhan dãi khách tiểu nhu trọng lẽ mạo;.....	453
Tế thế phong thành y quốc thủ.....	444
Tế vũ ám tư thư sách thảo.....	534
Thac đức lưu huy hàm ngưỡng Nam sơn chiêm thượng tho;.....	492
Thach bich quài đằng thông triện ý.....	530
Thạch thượng nguyệt quang lưu hóa tích.....	660
Thái bút hỉ để hồng diệp cú.....	619
Thái bút khinh miêu hàn dạ nguyệt.....	592
Thái bút tần thiêm miêu dạ nguyệt.....	588
Thái chúc song huy hoan hợp cẩn.....	622
Thái lễ chúc hoa khai hảo dạ.....	548
Thái nhạc vò vân tư ngọc nhuận.....	582
Thám hoa hạnh tế thời sơ hạ.....	600
Thang phát suy đầu trú cựu mạo.....	470
Thanh ca ngưng bạch tuyết.....	439
Thanh chiên tịch lãnh tư mó phạm.....	651
Thanh đăng dạ vũ tư văn tảo.....	619
Thanh điểu tin lai, Vương Mẫu qui thời hoàn bội lãnh.....	657

Thanh phong sinh chưởng ác.....	434
Thanh tân tuyển vĩnh thi thư khí.....	532
Thanh văn sinh cầm bộ phán bích đăng huy .....	688
Thành bại anh hùng mac luận, thủ cô trung, .....	674
Thành chiêu thiên hạ khách.....	445
Thành khiết thư thích dục tẩy phương tiện thỉnh quân vị vẫn tiền đầu túc.....	499
Thanh ngôn tuyển chí lý.....	524
Thanh sơn lục thuỷ trường lưu sinh tiền hao khí.....	578
Thanh tùng tăng thọ niên niên thọ .....	608
Thành ý cùu hưởng tinh công dự.....	460
Thao hảo mặt kỹ nghệ bất giao tư nhân tiêu .....	505
Thăng biển dữ thiêm trú tể mỹ .....	680
Thâm ân vị báo tam vi tử.....	579
Thâm ân vị báo tam vi tử; .....	661
Thâm minh tà sứ quân thần lê.....	473
Thâm viên lạc đăng hoa, thạch bất điểm, đầu long bất ngữ; .....	660
Thâm viên trấn hy thư vận nhã.....	521
Thân kiên đô duyên san nhục thiếu.....	482
Thân tư phương lan tòng thủ thè.....	576
Thần nóng bàn thảo hương thiên lý.....	496
Thần chung bất vọng tiên nhân chí.....	569
Thất ngoại độc lưu tư huỷ địa.....	522
Thất nhã hà tu đai.....	541
Thầu lục kinh phương nhuận.....	502
Thề lương sanh quán từ vẫn ám.....	583
Thế gian bản pháp trường sinh thuật.....	472
Thế thượng thống vô cứu mẫu được .....	581
Thi đê hồng diệp đồng tâm cú .....	638
Thi lễ đình tiền ca yêu điệu .....	620
Thi lễ đình tiền do cựu huấn .....	589
Thi mộng trả tàn phương thảo dã .....	647
Thi tả mai hoa nguyệt .....	536
Thi thư thiên tài kinh luân sự .....	532
Thi tinh hoạ ý giai lương hữu .....	520
Thi tinh hoạ ý .....	538
Thi vịnh hà châu cưu hì tập .....	641
Thi bà thiêm cung phan quế thủ .....	689
Thiêm ành phù quang hạo nguyệt dao minh hoa chúc .....	587
Thiêm ảnh đồng thiên tiêu .....	436
Thiên bất di nhất lão .....	573
Thiên bất lưu kỳ cựu .....	573
Thiên biến tương mẫn nhất luân nguyệt .....	614

Thiên gia bảo hiểm thiên gia lạc.	429
Thiên hà cấp thủy câu cung phẫn	629
Thiên khoả loài chau hàn đới tuyết.	435
Thiên lý điếu quân duy hữu lê.	570
Thiên lý nhàn duyên ty hè túc.	588
Thiên nhiên dỗ họa.	438
Thiên nhược hữu tình, ưng thọ bách niên vu tuấn kiệt.	572
Thiên phi phương bắc xuân bình noãn	624
Thiên phong minh sàng lại.	441
Thiên quản văn hào tranh sắc thái.	531
Thiên thu vĩ nghiệp thiên thu phúc.	466
Thiên tích glai kỳ ngọc vũ hỷ khan kim tước vũ.	605
Thiên trạch cát tường nhật.	506
Thiên tử trân tòng kiêm hảo đức;	494
Thiền phòng lãnh tĩnh tam canh nguyệt	659
Thiên tâm bất dục thể nhàn lão.	470
Thiết cốt căn cẩn xanh khổ vũ.	436
Thiết kiên đàm đạo nghĩa.	578
Thiết thuế vinh yêu kim khuyết lò.	684
Thiểu giả vong, lão giả tồn số thành nan trắc.	627
Thiểu vi cố hương từ, lão hoàn vi cố hương ông.	673
Thiểu ẩm kỷ bồi cam lộ túu hà sầu hạnh phúc bất tài.	497
Thịnh thế thư phong đà hạo khí.	531
Thịnh đức hợp ứng truyền hâu thế.	570
Thịnh thế danh tài trữ hồ quán.	690
Thịnh thế trường thanh thụ.	605
Thọ chung đức vong tài.	564
Thọ đồng sơn loạn lão.	606
Thọ khánh bát tuần quang cầm thuế.	615
Thọ tè ký di thanh hải ngoại.	495
Thọ thế lương phương khư tá phù chính.	496
Thoái bút như sơn vị túc tích.	525
Thoát trách vô tâm kinh lộ định.	462
Thổ phượng hung tài thành bác nghị.	698
Thống tâm thời sự dị thường.	673
Thống tâm thương vĩnh thê.	565
Thời sự thương tâm phong hào hạc lệ nhân hà xứ.	574
Thời trang cú phổi hà châu cảm.	593
Thời trang nhậm ngã tình tâm chế.	461
Thời trị thái giao hàn hợp cẩn.	595
Thời trị thái giao tường khai qua điết.	595
Thông bát phương tin tức.	445

Thông thương trọng tín nghĩa .....	446
Thu cúc khai tam kính .....	523
Thu dạ vũ tinh huy khúc chính .....	616
Thu quý kim hoa thư xán lạn .....	552
Thu thăm hỷ tác thiêm cung khách .....	549
Thu thảm hỷ vi phan quế khách .....	605
Thu thuỷ cận lưu cầm vận hào .....	592
Thu ảnh hoành song tri nguyệt thương .....	520
Thu thiên niên trù .....	546
Thuận cảnh phòng tai nhu bảo hiểm .....	430
Thuận lý thành chương dài vân quyến vụ giải như ý .....	471
Thục khí hoà phong quang đồng vũ .....	514
Thục nữ thành giai phụ .....	585
Thung dung thi được .....	442
Thư đáo tinh nguyệt phương lồng kiểm .....	526
Thư đối thảo tòng song ngoại lục .....	601
Thư hoa di thả lạc .....	539
Thư hoa ích thọ .....	537
Thư hoa thi ca lụng đại trị .....	437
Thư hợp tây hà phùng thái vận .....	594
Thư lâm mạn bộ .....	538
Thư sơn mitch bảo .....	536
Thư thanh hỉ hữu cầm thanh bạn .....	637
Thư tồn kim thạch khí .....	537
Thước kiều nguyệt giảo nhân như ngọc .....	603
Thước kiều sơ giá song tinh độ .....	603
Thước kiều trực thương long môn khách .....	589
Thước kiều xảo độ song tinh hội .....	604
Thường nga nguyệt lý đáo nhàn gian đan quế h..	550
Thương lương hỷ thước khiếu .....	545
Thuỷ lục kiên trình giải thượng vị .....	500
Thuỷ như bích ngọc sơn như đại .....	480
Thuỷ thạch cùng u thưởng .....	525
Thuỷ diệp yên đăng băng uyển thạch .....	483
Thuỷ sắc hoà vân tung dạ nguyệt .....	652
Thuy ái đường trung lai yến hạ .....	631
Thuy ái giải địa .....	544
Thuy ái hoa đường hàn phượng vũ .....	699
Thuy khải quỳnh hoa phùng thất trật .....	678
Thuy tuyết nghinh xuân cư đại hạ .....	515
Thuyết cổ đầm kim thần tình tất tiểu .....	442
Thuyết xướng đàn lạp độ chu mạt .....	438

Thủ trung thí xảo kỹ .....	468
Thủ trung xảo nghệ phiền vân lăng .....	469
Thủ vu dân dụng vu dân tam hệ vạn dân ưu lạc .....	433
Thủy như bích ngọc sơn như đại .....	515
Thử lão cảnh liêu điêu hạnh hưu cao văn thùy vũ trụ .....	628
Thử nhật cúc hoa châm cẩn tú .....	553
Thử nhật gia quan tôn tiểu mạnh .....	696
Thử nhật hoàng hoa phương thỏ diêm .....	551
Thử nhật huyền đinh đăng thái trật .....	612
Thử nhật lù du tranh xán lạn .....	550
Tích ung truyền yến dục bích diệu khêu .....	688
Tích ung trì hoãn quan long dược .....	694
Tiên dung lam diền hàn chủng ngọc .....	617
Tiên hướng động phòng tài bác nghị .....	592
Tiền thị lao động sở đắc thiết mạc huy hoặc lăng phí .....	467
Tiền thọ ngũ luân hưu nghinh hoa giáp .....	611
Tiền tịch thước kiều chiêm hảo triều .....	604
Tiền trình viễn đại cước căn tu trạm ổn .....	463
Tiền điểm lai nhân mãn ý .....	452
Tiền khứ ô đầu học lử .....	469
Tiền môn đô thị khách .....	474
Tiền chế thiên sát bối .....	460
Tiền lục tài hồng trang lệ sắc .....	461
Tiền phong tài long khích tinh đăng dang tam giang thuỷ .....	459
Tiếp dài hát phuong lữ khách .....	475
Tiêu suy dạ sắc tam canh vận .....	596
Tiêu suy phượng các tam tinh da .....	555
Tiêu tử lương duyên mỹ thi hoa .....	696
Tiểu ngữ thanh thanh cộng khách kiều thiên hỷ .....	535
Tiểu uyển thi phong lung thuỷ mặc .....	534
Tiểu xuân tuyết ánh lan diền bích .....	555
Tín hải vô tư vị kiến thiết .....	487
Tinh binh hương trích hoàng kim lô .....	464
Tinh mỹ tề toàn tiêu xuân hạ thu đông chi hoá .....	455
Tinh thăm phong mộc chung thiên đồng .....	569
Tinh dạ điểu minh bì nguyệt sắc .....	657
Toại thương khách thường mãn .....	479
Toại thương nguyệt minh đối mỹ lưu .....	481
Toàn hiếu đồng giao thương ích hưu .....	584

Tòng tâm dĩ thiêu Ni Sơn mach;	491
Tổ tâm huyền dạ nguyệt.	564
Tổ tần hà thương bàn khê dát tẩu.	679
Tổng tân cựu thư san, mạc vị cổ văn vò, kim văn hữu.	500
Trà diệc tuý nhân hà tất túu.	482
Trạch cư nhàn lý hoà vi quý.	511
Trạch lý nhán vi mỹ.	505
Trang sấn bích mai phùng lạp nguyệt.	561
Trang thái hương các châu cơ xán.	593
Tráng hoài do tại phong vân thương.	569
Tráng tai ngã công, chiến lũy tàn hồn.	666
Trâm cước mạt tinh phùng xảo tố.	460
Tráp niên sử hứa thàn báo quốc,	662
Tri mệnh tri phi thành hoá cảnh;	489
Tri thương lục hà huy thái bút.	600
Triệu lâm tân khí lương.	507
Trinh linh nghĩ ca hoàng phát tung.	656
Trọng liêm bất quyển lưu hương cửu.	531
Trúc ảnh hoành song hoa hương nhập thất.	522
Trúc ảnh nhưng giải thân ảnh tại.	630
Trực đạo chí kim do tại.	565
Trúc lộ tùng phong tiêu diệp vũ.	532
Trúc phong lưu khách ẩm.	516
Trúc thâm lưu khách xứ.	542
Trúc thắt vị năng như Tứ Cống.	584
Trung cốt tuy diệt hào khí tồn thiên thu vạn đại.	579
Trung hiếu hữu chân truyền,	662
Trùng dương cặp trach đê.	508
Trường lưu hồ phạm hình thiên cổ.	655
Trưởng nhân phong dĩ chiêm như lạc.	650
Trưởng triều bộ lý nghi dung cổ;	492
Truyềnihan chân bảo kính.	438
Trữ súc ái quốc, quốc phú dân phù.	487
Trữ súc hữu lợi lợi quốc lợi kỷ lợi xã hội.	467
Trữ súc vi doanh năng tự bảo.	487
Tú các dạ lan hùng nhập mông.	554
Tú các đặng minh uyên ương tịnh lập.	625
Tú các đặng quang huy thái bút.	555
Tú các thiếu dương mai điểm ngạch.	556

Tú các uyên ương sơn hải cõi .....	618
Tú các vân ngưng kim phượng vũ .....	620
Tú lạc sương nhất đường đê danh hợp .....	632
Tú mạc dĩ truyền mai tín bảo .....	555
Tú mạc hương nồng nhàn tự ngọc .....	594
Tú điển tịch tinh hoa gia truyền hậu tiến .....	487
Tú nhã quế hương phiêu nguyệt đính .....	690
Túc thực phong y văn cảnh hảo .....	607
Tuế hàn tam hữu thiêm tàn sắc .....	514
Tuế nguyệt thuỷ hoà phú nghi gia thất .....	595
Tuệ nhân minh phân chân thiện .....	501
Tuệ tự cảnh tân thiên thọ khảo .....	608
Tuế văn hoa dung mai điểm ngạch .....	562
Tùng đào phanh tuyết tĩnh thi mộng .....	483
Tùng phong chử minh .....	538
Tụng chúc há linh xuân tác kỷ .....	489
Tuy vân thành bại do thiên .....	674
Tuy vô lưu, Nguyễn phùng tiên thuật .....	473
Tuỳ lai tuỳ ngát như lưu thủy .....	477
Tuỳ thời nhí động .....	466
Tuy cát khánh ứ đức môn đại đăng .....	693
Tuyễn não châm đầu tiểu thương phẩm bách khiêu bất yếm .....	454
Tuyết án dạ thảm liên hảo hữu .....	594
Tuyết án tam hàn hồng đặc án .....	559
Tuyết ánh kính vi nhân thị ngọc .....	558
Tuyết ánh ngọc nhân lai hảo hữu .....	562
Tuyết ánh thu đài lan diệp mộng .....	618
Tuyết hoa tư nhuận trạch .....	464
Tuyết lè hè châu ngầm tuyết cú .....	594
Tuyết mãn uyên vi lai bác nghị .....	560
Tư mã tam thăng vinh quốc mạnh .....	691
Tư thân lập tận tình vô tận .....	580
Tư huệ thường lưu chúng khẩu thuận .....	568
Tư nan dĩ thệ .....	575
Tư đức câu toàn phùng cửu trật .....	676
Tư bích đăng huy tinh la kỳ bố .....	454
Tư bích tiêu nhiên, bì dạ nguyệt .....	574
Tư đại ban y vinh diệt tho .....	616
Tư đại yến xuân đài tiểu tác dương xuân thiêm kỷ toán; .....	492

Tứ quý hoa trường hào .....	635
Tứ thời giao cảnh .....	544
Tứ tự ký thành thành yến hảo .....	561
Tứ bạch hồng hoàng giao duyệt mục .....	455
Tứ đạo võ thành không độc lẻ; .....	661
Tứ loan đối vũ lăng hoa kính .....	617
Tứ loan tinh tập tam thu quế .....	550
Tứ túc chí y thanh mẩn mẫu .....	656
Tứ vận trường nhật diệm .....	435
Tự cổ anh hùng, thiết thạch can trường nan tàn tà .....	675
Tự cổ võ tiên tri thuỷ năng miễn hoa .....	431
Tự huệ thù ly Đông, hốt thất niên gian .....	669
Tự hỷ hiên song vò lục vận .....	517
Tự liệt tam giao tôn thủ túc .....	696
Tự tháp đế vương mông hậu ái .....	583
Tự tích văn chương khoa vụ ẩn .....	653
Tước binh hỷ trung xuyên dương thủ .....	691
Tương kiến diệc vô sự .....	544
Tương phùng bản bình thuỷ .....	474
Tương thân tương ái thanh xuân vĩnh .....	641
Tương quang làm phúc địa .....	546
Tương quang phù tử các .....	545
Tương vận hoàn nhiều lần môn đê .....	510
Tương vận lung cát địa .....	545
Tương kiến àm dung không hữu lệ .....	568
Tửu nhưỡng đồ tô thương thất trát .....	615
Tựu ngã sinh xuân sắc .....	467

## Ư

Ư hương tập nhân nhân bất do dĩ tiến điểm .....	471
Ư tá sơn điện vận vụ thuẫn .....	483
Ư trai đặc hạ cao nhân tháp .....	477
Ưng cung thiện tảo suy giao sỹ .....	694
Ưng môn đào lý ân sơ ốc .....	695
Ưng kế ngân đằng hàm tú nhị .....	595
Uyên ương đối vũ .....	643
Uyên ương đối vũ thâu hồi nguyệt .....	699
Uyên ương tị đức .....	634
Uyên vi chính ẩm hoàng hoa lửu .....	552

Ức bán tử lich nhật thừa long đồng sàng hữu hạnh.....	583
Ứng hoa triều như lân tác hợp.....	597

## V

Vạn dàn tiên lợi.....	504
Vạn lý cùu tiêu sơ phái nhẫn.....	679
Vạn lý vân thiên tranh ty đực.....	637
Vạn quốc sơn xuyên tàng thái tuyến.....	456
Vạn quyển thi thư như hảo hữu.....	529
Vạn thiên hung đầu tâm hung lý.....	466
Vạn tuyến thiên trâm hoa tác mỳ trung toàn luật.....	459
Vãng lai uyển tự tường vân phúc.....	435
Văn danh viễn bá như trường mộng.....	530
Văn hải phóng chu kiện nhi yêu cảm đính phong thương.....	501
Văn minh kinh thương đan tâm tự hoà tam đồng noǎn.....	453
Văn minh kinh thương sinh ý hảo.....	448
Văn thành tiêu diệp thư do lục.....	529
Văn tư bút thái vân sơn lý.....	528
Văn các giáo giải nhân đăng chúc.....	692
Văn cảm thác xuất nhất luân nguyệt.....	461
Văn cảm thiên tiên chức.....	455
Văn đậm vũ hương thi thế giới.....	529
Văn hà phản ngũ sắc.....	456
Văn hàn kiều thành Ngưu, Nữ đồ.....	637
Văn mẩn lý tựu thông thần tiêu.....	469
Văn mê cổ động hoàn đan thất.....	488
Văn thâm trúc kính tồn do tại.....	567
Văn thê dục thương phan đan quế.....	698
Văn toả Vũ Sơn nhân bất kiến.....	652
Văn nhữ Hán gian, tức kim nô , ô vũ đài.....	664
Văn bút bất linh khan yến vũ.....	533
Văn lưu lương vĩnh tam thiên hiệp.....	619
Vật mỹ giá liêm cổ khách như vân tranh cầu mài.....	454
Vật mỹ xương tiêu lõi.....	446
Vị ái điểu thanh đa chủng thụ.....	516
Vị ái thanh hương lân nhập loa.....	483
Vị liệt ung cung nam bắc thí.....	694
Vị nhân dân phục vụ.....	445
Vị siêu ngọc dịch quỳnh tượng ngoại.....	497

Vị thù tráng chí thân tiên tử.....	578
Vị thuỷ nhất can nhàn thi điểu.....	613
Vị tú phượng cổ khách.....	444
Viên kiều mòn ngoại hồng diệp cù.....	695
Viên trung mai nhuỵ thâu xuân sắc.....	561
Viễn cầu hải nội trân tàng bàn.....	485
Vịnh kết bách niên hải tĩnh hảo.....	698
Vịnh tuyết giải nhân loan chiếm phượng.....	691
Vịnh tuyết liêm tiền tỷ ngọc nhàn.....	559
Vô do kỷ đảo thần nan hựu.....	429
Vô lộ định tiền trùng kiến mẫu.....	580
Vô nhân bất đạo gai khan mỹ.....	478
Vũ khấp hoàng hoa ưng hữu hận.....	575
Vũ kinh thi mộng lai tiêu diệp.....	527
Vũ khôi ngọc thụ chung thiên hận.....	641
Vụ tinh đốn thất thiên quang ám.....	581
Vụ tinh hiến huy tăng thu sắc.....	616
Vụ tinh lây vẫn ăn vô kỷ.....	547
Vụ tú đằng huy bách linh bán đò.....	610
Vụ tú lưu huy quang bích thủy.....	681
Vương mẫu hiên kim thương, khán thử.....	683
Vương phụ di mưa liên quán mạnh.....	696

## X

Xá chương ngọc chất ngàm kiều tuyết.....	590
Xã hội giao lưu bằng tập chế.....	500
Xỉ đức kiêm ưu bát trật thiên trù doanh hải ốc;.....	493
Xích lượng thần văn.....	457
Xích mã tự già lâm đại tiểu thần thiển tụ hợp ý.....	463
Xuân ánh dao dài nhất khúc từ tiêu phi thái phượng.....	601
Xuân ảnh dĩ tùy tàn nguyệt khứ.....	652
Xuân cận nhân hoan hoa phát lão.....	580
Xuân di nhân đế.....	543
Xuân đình thảo sắc hoà yên noãn.....	528
Xuân hạ thu oèng nhất tuế xuyên lưu bất lức.....	477
Xuân lăng sỹ tịch liên kim cáo.....	684
Xuân mẫn cự đài ngũ quang thập sắc.....	452
Xuân phong dương liễu minh kim ốc.....	513
Xuân phong hoá vũ diệm đào lý.....	509

Xuân phong hỷ dẫn cát tường điểu.....	498
Xuân phong ký tiêu sai.....	525
Xuân phong liêu nhứ song phi yến.....	623
Xuân phong lục liêu phi anh vũ.....	623
Xuân phong nhất điểm noân thiên gia.....	504
Xuân phong thập tài giao tình cưu.....	652
Xuân sơn đậm thí lăng vân bút.....	620
Xuân thất khai diên thiên hạc toàn.....	678
Xuân thu phu vinh nhất bách xuân thu ca thượng thọ.....	496
Xuân thu phu vinh ưng quốc điển.....	685
Xuân thu phùng xuân trường bất lão.....	680
Xuân thu tảo điêu bí vị đĩ.....	645
Xuân túu hương phù cẩn túu lục.....	679
Xuân vân nhiều thất cầm thư nhuán.....	529
Xuân vinh hải ốc liên cầm lục.....	679
Xứ xứ thông đồ hà khứ hà tòng cư lưỡng gian phân thanh là chính.....	499
Xưng thương đại khải bàn đáo yến.....	682
Xương kỳ khai cảnh viễn.....	446

## Y

Ỷ khâm bán nhiệm yên hè khí.....	527
Ỷ thiên cự láng dư da, lỗi lỗi nhất sinh tâm, .....	670
Ỷ đức nan vong lưu lè huyết.....	656
Ỷ đức nan vong lưu thống lè, .....	577
Ỷ đức truyền chư hương lý khẩu.....	554
Ỷ phiêu vân vất ngại.....	524
Ỷ lan ngâm dạ nguyệt.....	543
Ỷ môn nhân khứ tam cảnh nguyệt .....	654
Ỷ môn nhân khứ tam cảnh nguyệt .....	579
Ỷ tuỳ nhân chuyển dung tân kiêm mạo mỹ.....	471
Yên chi hương mẫn phù dung trường .....	623
Yên ngoại mộ chung thời quyết điểu .....	475
Yên vũ thè mè, van lý hồng hoa sái huyết lè.....	571
Yến nhĩ tần hồn như huynh như đê.....	563
Yến tiễn phi lai cảm khoa thủ nghệ .....	503
Yêu lai nhật nguyệt huyền long chuẩn.....	502

## TỔNG MỤC LỤC

	Trang.
BỐN ĐÔI CÂU ĐỐI CỦA CÁC THÀNH VIÊN NHÓM BIÈN SOẠN	5
THAY LỜI TỰA	9
PHẦN I: <i>Hoành phi</i>	35
PHẦN II: <i>Câu đối Nôm</i>	59
PHẦN III: <i>Câu đối chữ Hán</i>	111
1. <i>Câu đối Tết</i>	113
2. <i>Phong cảnh</i>	147
3. <i>Học tập; tu dưỡng</i>	239
4. <i>Chúc mừng; thăm viếng</i>	429
TẢN MẠN GIAI THOẠI VỀ CÂU ĐỐI	701
MỘT SỐ THUẬT NGỮ	715
SÁCH DẪN	723
TỔNG MỤC LỤC	802

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN**  
*43 Lò Đức - Hà Nội*

# **3000 CÂU ĐỐI HÁN NÔM**

**TRẦN LÊ SÁNG** (*chủ biên*)

*Chịu trách nhiệm xuất bản*  
**VŨ ANH CHƯƠNG**

*Chịu trách nhiệm xuất bản*  
**PHẠM NGỌC LUẬT**

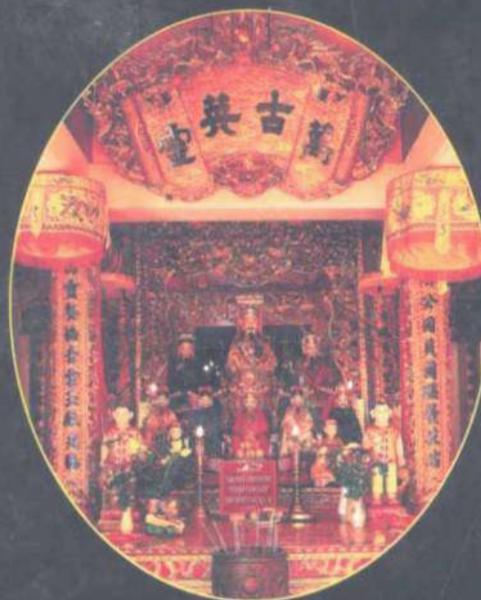
*Biên tập:* **NGUYỄN TẤT HÒA**  
*Sửa bài:* **BIÊN TẬP VÀ TÁC GIÀ**  
*Bìa:* **TRẦN ĐẠI THẮNG**

---

In 800 trang, khuôn khổ 16x24cm. Tại Trường THKT m  
Giấy phép xuất bản số: 105-XB-QLXB/ 41-VHTT  
In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2003.

# 3000

## HOÀNH PHI CÂU ĐỐI HÁN NÔM



3000 hoành phi câu đối Hán Nôm



D T 0 0 6 0

Giá: 110.000đ

PHÁT HÀNH TẠI

NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY  
32 Bà Triệu - Hà Nội ĐT: 9348484 - Fax: 8251374  
466 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội ĐT: 7733041

